CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I

TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN TRONG CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA Ở VIỆT NAM QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ (1862 - 1945)

LƯU TRỮ VN



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm công bố

TS. VŨ THỊ MINH HƯƠNG
Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Chỉ đạo biên soạn

ThS. HÀ VĂN HUỀ
Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

Ban Biên soạn

ĐỖ HOÀNG ANH
HOÀNG THỊ HẰNG
ĐÀO THỊ NGỌC NHÀN

Thẩm định nội dung

TS. ĐÀO THỊ DIỄN
GS.NGND. ĐINH XUÂN LÂM

LƯU TRỮ VN

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862 - 1945). - H. : Nxb. Hà Nội, 2013. - 800tr. : ảnh ; 24cm

ĐTTS ghi: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I

1. Lịch sử 2. Bộ máy nhà nước 3. Chính quyền thuộc địa 4. Việt Nam 5. Tài liệu lưu trữ

959.703 - dc14

HNB0113p-CIP

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I

TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN TRONG CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA Ở VIỆT NAM QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ (1862 - 1945)

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I
Kính Biếu

LƯU TRỮ VN

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2013

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BOC	Bulletin officiel de la Cochinchine	Công báo Nam Kì
BOIF	Bulletin officiel de l'Indochine française	Công báo Đông Dương thuộc Pháp
GGI	Gouvernement général de l'Indochine	Phủ Toàn quyền Đông Dương
JOFI	Journal officiel de la Fédération indochinoise	Công báo Liên bang Đông Dương
JOI	Journal officiel de l'Indochine	Công báo Đông Dương
JOIF	Journal officiel de l'Indochine française	Công báo Đông Dương thuộc Pháp
MPAT	Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin	Tạp chí Người hướng dẫn xứ Trung-Bắc Kì
RST	Fonds de la Résidence supérieure du Tonkin	Phông Phủ Thống sứ Bắc Kì
tr.		Trang

LƯU TRỮ VN

Bản quyền sách thuộc Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

LỜI GIỚI THIỆU

Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước - Trung tâm Lưu trữ quốc gia I vừa hoàn thành biên soạn và xuất bản công trình: ***"Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945)".***

Cần khẳng định ngay đây là một công trình rất có ích và cần thiết cho giới nghiên cứu lịch sử cận - hiện đại Việt Nam. Nội dung sách đã giới thiệu một cách có hệ thống mà cũng đầy đủ nhất từ trước đến nay các tài liệu và tư liệu lưu trữ từ năm 1862 đến năm 1945, nói một cách cụ thể là từ khi thực dân Pháp đã chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kì đến Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, cắm mốc cáo chung cho chế độ thuộc địa của Pháp trên đất nước Việt Nam. Qua nội dung công trình này, người nghiên cứu bộ máy cai trị mà thực dân Pháp áp đặt trên đầu, trên cổ nhân dân ta trên 80 năm dài đã có những tài liệu và tư liệu lưu trữ gốc, đầu tay, có thể tin cậy. Rõ ràng công trình: ***"Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945)"*** là một cuốn sách công cụ được xây dựng công phu, bảo đảm tính khoa học cần có.

Qua công trình này, người nghiên cứu bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam cũng nhận thấy rằng thực dân Pháp đã thành lập rất sớm và tổ chức bộ máy cai trị ngày càng hoàn chỉnh phục vụ kịp thời và đắc lực cho công cuộc chiếm đóng và bóc lột khai thác để sớm biến Việt Nam thành một thuộc địa khai khẩn vào bậc nhất của tư bản Pháp dưới hình thái thực dân nhằm đảm bảo siêu lợi nhuận tối đa cho chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Việc dịch tóm tắt từ tiếng Pháp ra tiếng Việt các văn bản, sắc lệnh, nghị định, quyết định... tuy có khó khăn vì khôi phục đúng ngôn ngữ xưa mà không phải là ngôn ngữ hiện đại, nhưng tập thể biên soạn công trình đã thực hiện một cách thận trọng, cố gắng đến mức tối đa bám sát nội dung cần thể hiện, bảo đảm tính chính xác, tính thời gian, tính khoa học cần có. Ngoài ra, phần tóm tắt nội dung tài liệu và tư liệu lưu trữ bằng tiếng Việt làm cho người sử dụng yên tâm trong nghiên cứu.

Công trình nghiên cứu tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ còn giúp cho chúng ta ngày nay hiểu về cơ cấu tổ chức nhà nước và nguyên tắc vận hành của nó trong tiến trình lịch sử dân tộc, để từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và việc cải cách hành chính hiện nay. Các thành viên Ban biên tập công trình không bình luận lịch sử mà chỉ trình bày thực trạng lịch sử để bạn đọc có tư liệu phong phú để rồi tự mình xét đoán, nhận định, phê phán, chủ động khắc phục những mặt tiêu cực, tự giác phát huy những mặt tích cực, trên cơ sở đó tìm hiểu đúng đắn cơ sở lịch sử xã hội Việt Nam trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị.

Với các ưu điểm về nội dung như vậy, đó là chưa nói còn có phần Phụ lục (gồm từ điển chú giải, sách dẫn, danh sách Toàn quyền Đông Dương, danh sách Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì tạo nên một cấu trúc hoàn chỉnh), tin chắc rằng công trình: ***"Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945)"*** khi tới tay bạn đọc sẽ được nhiệt liệt hoan nghênh.

Hà Nội, tháng 12 năm 2012

GS. ĐINH XUÂN LÂM

Phó Chủ tịch Hội Khoa học - Lịch sử Việt Nam

LƯU TRỮ VN

LỜI NÓI ĐẦU

Để thực hiện chính sách cai trị, ngay sau khi chiếm được bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) năm 1858, thực dân Pháp đã từng bước thiết lập tổ chức bộ máy một số cơ quan tại Nam Kì. Sau đó, khi đã chiếm được toàn bộ Nam Kì năm 1867, thực dân Pháp tấn công ra Bắc Kì (1874) và Trung Kì (1883) đồng thời thiết lập dần tổ chức chính quyền cai trị tại đây. Năm 1887, sự ra đời Liên bang Đông Dương đánh dấu những thay đổi lớn trong việc tổ chức bộ máy chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam và trên toàn cõi Đông Dương. Trong suốt những năm cai trị tại Việt Nam, thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy chính quyền và nhiều lần cải cách tổ chức bộ máy từ trung ương đến địa phương, đồng thời thành lập hệ thống các cơ quan chuyên môn giúp việc cho chính quyền để thực hiện chính sách cai trị và các kế hoạch khai thác thuộc địa.

Trung tâm Lưu trữ quốc gia I hiện đang bảo quản một khối lượng lớn tài liệu và tư liệu thời kì thuộc địa Pháp tại Việt Nam. Các tài liệu này cung cấp thông tin về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy chính quyền thuộc địa từ cấp trung ương đến địa phương. Với mục đích công bố rộng rãi để xã hội biết đến nguồn tài liệu, tư liệu lưu trữ có giá trị nghiên cứu về tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa Pháp tại Việt Nam và tăng cường khả năng khai thác nguồn sử liệu này nhằm phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, nâng cao nhận thức xã hội về tài liệu lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I biên soạn cuốn sách "***Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945)***".

Cuốn sách là tập hợp các văn bản pháp quy được lựa chọn từ khối tài liệu và tư liệu hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I và được biên dịch tóm tắt nội dung bằng tiếng Việt để tạo điều kiện thuận lợi cho người nghiên cứu có thể tiếp cận tài liệu một cách dễ dàng. Tên loại và trích yếu văn bản được biên soạn song ngữ Pháp - Việt. Tài liệu được sắp xếp và hệ thống hoá theo thời gian tạo thuận lợi cho việc theo dõi, tra tìm và nghiên cứu. Tài liệu được tập hợp trong sách được ghi đầy đủ kí hiệu

lưu trữ bao gồm tên phông, khối tài liệu, số hồ sơ, số văn bản, thứ tự trang, tờ (nếu có).

Ví dụ:

Décision du 9 novembre 1864 du Gouverneur de la Cochinchine portant création d'une direction de l'Intérieur en Cochinchine.

Quyết định ngày 9 tháng 11 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì về việc thành lập Nha Nội chính Nam Kì.

(Nguồn: J 4, BOC 1862, tr. 160-162)

Cuốn sách "***Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945)***" được biên soạn từ nguồn tài liệu và tư liệu tiếng Pháp nhằm giới thiệu về tổ chức bộ máy chính quyền cũng như những thay đổi về tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan qua các giai đoạn.

Đối với các cơ quan cấp Đông Dương và cấp kì, các văn bản pháp quy được lựa chọn là các sắc lệnh, nghị định, quyết định về việc thành lập, tổ chức và quy định chức năng nhiệm vụ của cơ quan cũng như chức năng nhiệm vụ của người đứng đầu một số cơ quan lớn trong hệ thống.

Đối với các cơ quan cấp tỉnh, các văn bản pháp quy về việc thành lập tổ chức các tỉnh, thành phố, đạo quan binh và trung tâm hành chính lớn (trong đó có quy định về chức năng nhiệm vụ của Công sứ, Đốc lí và nhân sự của các cơ quan này) được ưu tiên lựa chọn. Bên cạnh các cơ quan hành chính cấp tỉnh, Ban Biên soạn cũng lựa chọn các văn bản về việc thành lập và tổ chức một số sở chuyên môn cấp tỉnh.

Về tổ chức chính quyền cấp xã, một số văn bản về cải lương hương chính ở Nam Kì, Trung Kì và Bắc Kì cũng được đưa vào cuốn sách này. Đây là chính sách được thực dân Pháp thực hiện tại cả 3 kì với mục đích giám sát chặt chẽ chính quyền cấp xã tại Việt Nam thời kì đó.

Phần tóm tắt nội dung văn bản: Nội dung các văn bản được lược dịch và tóm tắt để đưa ra các thông tin đầy đủ nhất về nội dung của tài liệu. Đây là công việc khó và phức tạp, đòi hỏi người biên soạn phải nghiên cứu kĩ tài liệu, đồng thời phải có kiến thức sâu rộng về các lĩnh vực của lịch sử thời kì cận đại. Trong quá trình biên soạn, những từ ngữ về địa danh, chức danh nhân sự được sử dụng theo cách gọi của thời kì đó như: Toàn

quyền Đông Dương (*Gouverneur général de l'Indochine*), Thống đốc Nam Kì (*Gouverneur de la Cochichine*), Thống sứ Bắc Kì (*Résident supérieur du Tonkin*), Khâm sứ Trung Kì (*Résident supérieur de l'Annam*), Tham biện (*Inspecteur des affaires indigènes en Cochinchine*), Chánh chủ trì (*Ordonnateur*)...

Để bổ sung cho phần nội dung chính, chúng tôi biên soạn Phần phụ lục gồm:

+ Từ điển chú giải tên các cơ quan và chức danh nhân sự của các cơ quan này.

+ Danh sách Toàn quyền Đông Dương, Thống sứ Bắc Kì và Thống đốc Nam Kì qua các giai đoạn.

+ Danh mục các văn bản pháp quy được lựa chọn và sắp xếp theo thời gian.

+ Sách dẫn: tra cứu theo tên các cơ quan.

Qua cuốn sách này, Ban Biên soạn mong muốn góp phần cung cấp những sử liệu quan trọng về việc thiết lập bộ máy tổ chức các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam thời kì từ 1862 đến 1945. Ngoài ra, độc giả còn có thể tìm hiểu về phương pháp xây dựng các văn bản pháp quy thời kì này. Nội dung các sắc lệnh, nghị định quy định tổ chức của một cơ quan đề cập rất cụ thể, chi tiết đến các vấn đề như: việc quy định mức lương, phụ cấp, khen thưởng v.v. Do đó, các văn bản pháp luật có thể được áp dụng mà không cần có văn bản hướng dẫn.

Do nguồn tư liệu còn chưa đầy đủ và nội dung tài liệu chủ yếu mang tính hành chính với văn phạm cổ nên trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót, Ban Biên soạn hy vọng nhận được sự đóng góp của bạn đọc.

Qua đây, Ban Biên soạn xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Giáo sư - Nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm và Tiến sĩ Đào Thị Diến - những người đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu để hoàn thiện cuốn sách.

BAN BIÊN SOẠN


LƯU TRỮ VN

TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN TRONG CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA Ở VIỆT NAM (1862 - 1945)

I. Tổ chức chính quyền thuộc địa từ 1862-1886

1. Tổ chức chính quyền ở Nam Kì 1862-1886

Ngày 29 tháng 11 năm 1861, Phó Thuỷ sư - Đô đốc Charner giao quyền lại cho Chuẩn đô đốc Bonnard làm đại diện toàn quyền cho Hoàng đế Pháp và Tổng Tư lệnh chỉ huy tại Nam Kì[1]. Ngày 5 tháng 6 năm 1862 sau khi chiếm được 3 tỉnh Nam Kì, một hiệp ước được kí kết giữa một bên là triều đình nhà Nguyễn và một bên là chính phủ Pháp và Tây Ban Nha. Theo tinh thần hiệp ước, ba tỉnh miền Đông Nam Kì trở thành "xứ thuộc địa" *(colonie)* trực thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa. Đứng đầu "xứ thuộc địa" là viên Đô đốc - Toàn quyền chịu trách nhiệm cả về dân sự và quân sự. Chế độ "võ quan" này kéo dài đến năm 1879 và chuyển sang chế độ "văn quan", đứng đầu xứ thuộc địa là viên Thống đốc[2]. Dưới Thống đốc Nam Kì là 3 chức danh cao cấp: Tổng Biện lí *(Procureur général)* chịu trách nhiệm về mặt pháp chế; Chánh chủ trì *(Ordonnateur)* chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính và Giám đốc Nha Nội chính.

Chức Giám đốc Nha Nội chính được lập năm 1862 và được giao cho Trung tá hải quân Gareau. Nha Nội chính được thành lập theo Quyết định ngày 09 tháng 11 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì gồm Ban Tổng Thư kí, Ban Hành chính và Hoà giải, Ban Canh nông - Thương mại. Dưới quyền Giám đốc Nha Nội chính là các Tham biện (*Inspecteur des affaires indigènes*) chịu trách nhiệm chỉ đạo đội lính cơ trong khu vực quản lí.

Thời kì này, Nam Kì được chia thành bốn khu vực hành chính *(circonscription administrative)* là Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát Xát. Mỗi khu vực hành chính được chia thành các tiểu khu hành chính *(arron-*

---

1. BOC 1861, N°1, tr.2
2. DƯƠNG KINH QUỐC, Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tr. 71-93.

dissement administratif) gồm các tổng. Tiểu khu được đổi gọi là tỉnh năm 1900. Đứng đầu tiểu khu hành chính là viên quan người Pháp ngạch quan cai trị *(administrateur).* Mỗi tiểu khu được chia thành một số đơn vị là Trung tâm hành chính *(centre administratif),* đứng đầu là quan chức người Việt với chức danh là Đốc phủ sứ, Tri phủ hoặc Tri huyện. Đây là đơn vị hành chính ở Nam Kì tương đương cấp phủ, huyện ở Bắc và Trung Kì.

Thành phố Sài Gòn (*thành phố cấp I*) được thành lập theo Sắc lệnh ngày 08 tháng 01 năm 1877. Thành phố Chợ Lớn (*thành phố cấp II*) được thành lập theo Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1879 của Thống đốc Nam Kì. Đứng đầu thành phố là Đốc lí có quyền hạn như quan cai trị chủ tỉnh. Phụ tá cho Đốc lí là Hội đồng thành phố (*Conseil municipal*) có chức năng thảo luận lấy biểu quyết, rồi ra quyết định đối với những vấn đề của thành phố, góp ý về những vấn đề mà cấp trên yêu cầu và đề đạt mọi nguyện vọng liên quan đến lợi ích của thành phố lên cấp trên.

Bên cạnh các cơ quan kể trên, thực dân Pháp còn lập ra các hội đồng phụ tá có quan hệ chặt chẽ với bộ máy cai trị như: Hội đồng tư mật *(Conseil privé)* được thành lập theo Sắc lệnh ngày 21 tháng 8 năm 1869 của Hoàng đế Pháp; Hội đồng thuộc địa Nam Kì *(Conseil colonial de la Cochinchine)* thành lập theo Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1880 của Tổng thống Pháp; Hội đồng tiểu khu *(Conseil d'arrondissement)* thành lập theo Nghị định ngày 15 tháng 5 năm 1882 của Thống đốc Nam Kì, sau là Hội đồng hàng tỉnh *(Conseil provincial).* Mỗi tiểu khu hành chính được chia thành các tổng gồm nhiều xã. Chánh, Phó chánh tổng do các viên thanh tra chỉ định được xếp ngạch nhân viên hành chính. Xã trưởng và phó lí là quan chức cấp xã làm trung gian giữa cấp xã và chính quyền cấp trên.

2. Tổ chức chính quyền ở Trung - Bắc Kì (1867-1886)

Năm 1867, sau khi đánh chiếm được toàn bộ Nam Kì, thực dân Pháp thiết lập hệ thống tổ chức chính quyền cai trị tại Trung Kì và Bắc Kì. Theo Hiệp ước ngày 15 tháng 3 năm 1874, chức Đại biện (*Chargé d'affaire*), phái viên ngoại giao do Chính phủ Pháp đặt ra được xếp bậc ngang với Thượng thư triều đình và được đóng tại Huế (*điều 20*).

Ngày 25 tháng 8 năm 1883, Chính phủ Pháp đặt chức Tổng uỷ viên Cộng hoà Pháp (*Commissaire général de la République Française*) là người đại điện Chính quyền Pháp tại Trung Kì và Bắc Kì đóng tại Bắc Kì.

Sau đó một năm, Chính phủ Pháp đặt ra chức "Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì", người thay mặt Chính phủ Pháp để cai trị và điều khiển nền "bảo hộ" tại Trung - Bắc Kì, thay cho Tổng uỷ viên Cộng hoà Pháp (*điều 5, Hiệp ước năm 1884*). Ngày 27 tháng 1 năm 1886, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh về việc tổ chức chính quyền ở Trung và Bắc Kì. Theo đó, người đứng đầu Chính quyền Bảo hộ là viên Tổng Trú sứ, người đại diện nước Pháp bên cạnh triều đình Huế trực thuộc Bộ Ngoại giao và được bổ nhiệm theo Sắc lệnh của Tổng thống Cộng hoà Pháp. Tổng Trú sứ là người đại diện quyền lực của nước Pháp tại Trung và Bắc Kì đóng tại Huế. Chế độ Tổng Trú sứ tồn tại đến năm 1889[1]. Hai chức vụ Thống sứ Bắc Kì và Khâm sứ Trung Kì dưới quyền Tổng Trú sứ được đặt ra. Thẩm quyền của hai viên chức này do Tổng Trú sứ quy định bằng sắc lệnh được sự phê chuẩn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp.

Đứng đầu các tỉnh là viên Công sứ Pháp. Ở Bắc Kì, chức Công sứ được thiết lập theo Hiệp ước ngày 25 tháng 8 năm 1883. Điều 12, 14, 16 và 18 của Hiệp ước quy định: *Chức Công sứ được lập ở Hà Nội, Hải Phòng, một trong các thành phố biển sẽ thành lập sau đó và ở tỉnh lị của các tỉnh lớn. Ở tỉnh lị của các tỉnh nhỏ có viên chức người Pháp dưới quyền Công sứ của các tỉnh lớn theo hệ thống các đơn vị hành chính của Bắc Kì. Công sứ người Pháp chỉ kiểm soát công việc cai trị của quan lại hàng tỉnh người bản xứ mà không trực tiếp cai trị, khi thấy viên quan người Việt nào có thái độ chống đối thì Công sứ có quyền chuyển viên quan đó đi nơi khác.*

Về mặt tư pháp, Công sứ chịu trách nhiệm xét xử các vụ án dân sự, thương mại và án tiểu hình xảy ra giữa người Âu với người Âu, người Âu với người Việt hoặc người châu Á, hoặc giữa người Việt với người châu Á.

Về mặt tài chính, Công sứ phụ trách và kiểm soát việc thu thuế và sử dụng tiền thu thuế với sự hỗ trợ của Bố chánh người Việt"[2].

Đối với các tỉnh Trung Kì, chức Công sứ được lập theo Quy ước ngày 30 tháng 7 năm 1885. Chức năng của Công sứ các tỉnh Trung Kì chưa

1. DƯƠNG KINH QUỐC, Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tr. 89.

2. Hiệp ước ngày 25 tháng 8 năm 1883 (Traité de Huế du 25 Août 1883).

được quy định cụ thể như đối với Bắc Kì nhưng qua Hiệp ước ngày 25 tháng 8 năm 1883 ta thấy Công sứ Pháp là người nắm giữ các vấn đề về thương chính và công chính còn quan chức hàng tỉnh người Việt vẫn tiếp tục cai trị như trước mà không phải chịu một sự kiểm soát nào của nước Pháp (*điều 6, Hiệp ước năm 1883*)[1].

Bên cạnh đó, ở các tỉnh Bắc và Trung Kì còn tồn tại chính quyền bản xứ cấp tỉnh do người Việt quản lí. Đứng đầu cấp tỉnh là Tổng đốc hoặc Tuần phủ phụ tá cho Tổng đốc và Tuần phủ là Bố chánh và Án sát. Mỗi tỉnh được chia thành các phủ, huyện hoặc châu, đứng đầu là Tri phủ, Tri huyện hoặc Tri châu.

II. Tổ chức bộ máy chính quyền từ sau khi thành lập Liên bang Đông Dương đến 1945

1. Tổ chức bộ máy các cơ quan trung ương

Trong báo cáo của hai Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa cùng Bộ Ngoại giao gửi Tổng thống Cộng hoà Pháp kèm theo bản dự thảo sắc lệnh về việc thành lập Liên bang Đông Dương đã nêu rõ mục đích và sự cần thiết phải thành lập một tổ chức quản lí chung cho cả Đông Dương. Với những lí do đặc biệt thuyết phục như việc thống nhất trong quản lí hành chính và chính trị, chỉ huy các lực lượng lục quân và hải quân, thống nhất trong việc quản lí về thuế, phí bưu điện cũng như trong hệ thống toà án tại Đông Dương. Việc thành lập Liên bang sẽ đem lại những lợi ích đáng kể như: tiết kiệm nhân lực; tăng các nguồn thu nhờ việc mở rộng việc thu thuế trên toàn Đông Dương; giảm chi ngân sách từ chính quốc cho quân đội; tập trung được lực lượng quân đội tinh nhuệ của các xứ thuộc Liên bang để gìn giữ hoà bình, tuyệt đối chống lại những thế lực thù địch; phát triển công, nông nghiệp và thương mại. Kết quả là ngày 17 tháng 10 năm 1887 Tổng thống Cộng hoà Pháp ra Sắc lệnh thành lập Liên bang Đông Dương, đứng đầu là Toàn quyền Đông Dương. Toàn quyền là viên chức cao cấp Pháp được bổ nhiệm bằng sắc lệnh của Tổng thống Pháp, thông qua Hội đồng Bộ trưởng Pháp. Quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương được quy định theo Sắc lệnh ngày 17 tháng 10 năm 1887 và hoàn thiện bổ sung bằng Sắc lệnh ngày 12 tháng 11 năm 1887, ngày 9 tháng 5 năm 1889

1. DƯƠNG KINH QUỐC, Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tr71-93.

và ngày 21 tháng 4 năm 1891. Theo Sắc lệnh năm 1891, Toàn quyền Đông Dương "là người được uỷ nhiệm thi thành quyền lực của nước Cộng hoà Pháp tại Đông Dương".

Các Sắc lệnh của Tổng thống Cộng hoà Pháp ngày 20 tháng 11 năm 1911 thể hiện sự cải tổ lớn trong chính sách tổ chức bộ máy cai trị Đông Dương chuyển từ chính sách "*trung ương tập quyền*" sang chính sách "*trung ương tản quyền*" và "*địa phương hoá phân quyền*". Theo các Sắc lệnh năm 1911, Toàn quyền Đông Dương vẫn là "*người được uỷ nhiệm thi hành quyền lực của nước Cộng hoà Pháp tại Đông Dương*" *(điều 2)*; là "*người nắm quyền chỉ đạo tối cao và quyền kiểm soát tất cả các công sở dân sự ở Đông Dương*" *(điều 3)*; là "*người tổ chức và chịu trách nhiệm về những hoạt động của các công sở dân sự*". Toàn quyền Đông Dương là người trực tiếp chỉ đạo các viên chức đứng đầu cấp kì trong Liên bang Đông Dương.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, để tiến hành một cách có hiệu quả công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai về kinh tế, Chính phủ Pháp đã chú trọng tới việc củng cố bộ máy các cơ quan quản lí thuộc địa trên tất cả các lĩnh vực. Các cơ quan chỉ đạo thuộc địa ở Chính quốc gồm Bộ Thuộc địa, Tổng Đại diện các thuộc địa tại chính quốc, Hội đồng Cấp cao thuộc địa. Bộ Thuộc địa được tổ chức lại theo Sắc lệnh ngày 29 tháng 6 năm 1919. Theo Sắc lệnh này, Bộ Thuộc địa được tổ chức độc lập nên có nhiều quyền hạn hơn trong việc điều hành các công việc của thuộc địa. Bộ Thuộc địa gồm Văn phòng Bộ (Ban Thư kí), Ban Chỉ đạo các vấn đề chính trị, Ban Chỉ đạo các vấn đề kinh tế, Ban Chỉ đạo các vấn đề nhân sự và tài vụ, Ban Chỉ đạo quân sự, Ban Kiểm tra. Mỗi bộ phận phụ trách một lĩnh vực chuyên môn riêng. Tổng Đại diện các thuộc địa tại chính quốc, tiền thân là Cục Thuộc địa, thành lập theo Sắc lệnh ngày 29 tháng 6 năm 1919, là cơ quan trung gian thông tin về kinh tế, sản xuất, thương mại giữa thuộc địa và chính quốc. Hội đồng Cấp cao thuộc địa được thành lập từ năm 1883 và tổ chức lại theo Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920. Hội đồng Tối cao được hình thành từ ba hội đồng thành viên: Hội đồng Cấp cao thuộc địa, Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa.

Những thay đổi trong tổ chức bộ máy điều hành thuộc địa thể hiện ý đồ tăng cường vai trò của chính quốc với thuộc địa, đồng thời mở rộng việc khai thác thuộc địa bằng việc giám sát chặt chẽ các hoạt động của thuộc địa. Những thay đổi trên cũng ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy chính quyền thuộc địa ở Việt Nam cũng như ở Đông Dương nói chung.

Phụ tá cho Toàn quyền Đông Dương có các tổ chức cơ quan cao cấp. Hệ thống các cơ quan này rất đa dạng và được thiết lập theo chủ quan của người cầm quyền và những điều kiện khách quan tại Đông Dương. Nhiệm vụ chính của các tổ chức này là cố vấn cho Toàn quyền Đông Dương trong việc đề xuất đường lối, chính sách, những nghị định cụ thể về mọi lĩnh vực thuộc quyền lực và chức năng của Toàn quyền. Một số tổ chức phụ tá lớn như: Hội đồng Tối cao Đông Dương (1887); Hội đồng Phòng thủ Đông Dương (1902); Uỷ ban tư vấn về mỏ (1913); Hội đồng tư vấn học chính Đông Dương (1917); Ban Chỉ đạo kinh tế (1911)

Bên cạnh tổ chức trên, các sở chuyên môn cũng được thành lập để giúp Toàn quyền Đông Dương thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội như:

- Nha Nông - Lâm và Thương mại Đông Dương;
- Nha Địa lí Đông Dương;
- Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương;
- Nha Tiếp tế và Vận tải biển Đông Dương;
- Nha Tài chính Đông Dương;
- Nha Kiểm tra tài chính Đông Dương;
- Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương;
- Nha Trước bạ, Tài sản và Tem Đông Dương;
- Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương;
- Tổng Thanh tra vệ sinh và Y tế công cộng Đông Dương;
- Ban Chỉ đạo hạm đội Đông Dương;
- Nha Học chính Đông Dương;
- Ngân khố Đông Dương v.v...

2. Tổ chức bộ máy các cơ quan địa phương

Kể từ Sắc lệnh ngày 05 tháng 9 năm 1889 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc bãi bỏ chức Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì, hệ thống chính quyền ở Việt Nam được phân thành 3 kì độc lập: Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì. Đứng đầu hệ thống chính quyền Bắc Kì là Thống sứ Bắc Kì; Trung Kì là Khâm sứ Trung Kì; Nam Kì là Thống đốc Nam Kì.

2.1. Bắc Kì

Thống sứ Bắc Kì là người chịu trách nhiệm đảm bảo thi hành luật và sắc lệnh, Nghị định được ban bố tại Đông Dương, đề xuất biện pháp cai trị và cảnh sát chung trên lãnh địa quản lí, điều hành, quản lí nhân sự trong thẩm quyền... Thống sứ là người chịu trách nhiệm trước Toàn quyền Đông Dương về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục của Bắc Kì. Thống sứ Bắc kì thông qua Công sứ để nắm các hoạt động của cấp tỉnh trở xuống. Phụ tá cho Thống sứ Bắc Kì là các tổ chức như Phủ Thống sứ Bắc Kì, Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì, Hội đồng Hoàn thiện giáo dục Bắc Kì, Các Phòng Thương mại, Phòng Canh nông Bắc Kì, Uỷ ban tư vấn kì hào bản xứ, Hội đồng lợi ích kinh tế và tài chính của người Pháp ở Bắc Kì và các Sở chuyên môn.

Tổ chức bộ máy cai trị cấp tỉnh

Đứng đầu bộ máy cai trị cấp tỉnh ở Bắc Kì là viên Công sứ hoặc Phó Công sứ người Pháp. Đối với tỉnh quan trọng do cả hai viên quan trên cai trị. Các chức danh này được đặt ra theo tinh thần Hiệp ước ngày 25 tháng 8 năm 1883. Từ khi thiết lập chức Thống sứ Bắc Kì, ngày 27 tháng 01 năm 1886, các viên Công sứ đều thuộc quyền lãnh đạo trực tiếp của Thống sứ Bắc Kì. Công sứ là người nắm bắt và báo cáo tình hình của tỉnh về mọi mặt với Thống sứ thông qua hệ thống quan lại người Việt. Ở mỗi tỉnh Bắc Kì có một Toà Công sứ và các tổ chức phụ tá như: Hội đồng hàng tỉnh và một số sở chuyên môn.

Ở Bắc Kì có hai thành phố (*municipalité, thành phố cấp I*) là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng được thành lập theo Sắc lệnh ngày 19 tháng 7 năm 1888 của Tổng thống Cộng hoà Pháp. Đứng đầu Thành phố là viên Đốc lí do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm có quyền hạn tương đương Công sứ chủ tỉnh. Phụ tá cho Đốc lí là Hội đồng thành phố và một số sở chuyên môn. Ngoài ra, một số thị xã được chuyển lên thành Thành phố (*Commune, thành phố cấp III*) như thành phố Hải Dương (12 tháng 12 năm 1923), thành phố Nam Định (17 tháng 10 năm 1921). Đứng đầu thành phố cấp III là viên Công sứ - Đốc lí. Mỗi thành phố cấp II và III có một Uỷ ban thành phố do Công sứ Đốc lí làm Chủ tịch.

* *Tổ chức đạo quan binh ở Bắc Kì:* Đây là hình thức đặc biệt của bộ máy thống trị của thực dân Pháp ở miền Bắc Việt Nam thời kì này. Để thực hiện chính sách vừa bình định vừa chiếm đóng, ngay từ năm 1888, thực dân Pháp chia địa bàn miền Bắc thành 14 quân khu (*Régions mili-*

taires), mỗi quân khu do một viên sĩ quan cao cấp trực tiếp chỉ huy. Mỗi quân khu được chia thành các tiểu quân khu (*Cercles militaires*) gồm các đồn binh (*postes militaires*). Các sĩ quan chỉ huy chỉ có quyền về dân sự nên nảy sinh sự bất đồng trong chỉ đạo giữa chính quyền quân sự và chính quyền dân sự trên cùng địa bàn. Do đó, ngày 06 tháng 8 năm 1891, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định bãi bỏ các quân khu cho thiết lập các đạo quan binh (*Territoires militaires*), đứng đầu là viên Tư lệnh có quyền quân sự và dân sự trên địa bàn quản lí. Về quyền quân sự, Tư lệnh được độc lập chỉ huy và tổ chức mọi cuộc hành quân đánh chiếm trong phạm vi đạo quan binh và chịu sự chỉ đạo tối cao của Tổng Tư lệnh lực lượng quân đội viễn chính Pháp tại Đông Dương. Về quyền dân sự, Tư lệnh chịu sự chỉ đạo tối cao trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương ngang với Thống sứ Bắc Kì. Mỗi đạo quan binh được chia thành các tiểu quân khu, đứng đầu là viên sĩ quan có quyền hành như Công sứ chủ tỉnh dân sự, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tư lệnh đạo quan binh theo Nghị định ngày 24 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương.

Tổ chức cai trị tại các đạo quan binh được cải tổ theo Nghị định ngày 16 tháng 4 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương. Theo đó, đạo quan binh được tổ chức ngang với đơn vị cấp tỉnh, đứng đầu là Tư lệnh có quyền hành chính, tư pháp ngang với Công sứ chủ tỉnh và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thống sứ Bắc Kì. Ngoài ra, Tư lệnh đạo quan binh phải chịu sự chỉ đạo trực tiếp về các hoạt động quân sự của Tổng chỉ huy lực lượng đóng chiếm Bắc Kì. Mỗi đạo quan binh được lập một số đại lí (*Délégation*), không phải là tiểu quân khu như trước. Mỗi đạo quan binh cũng có Hội đồng hàng tỉnh như các tỉnh dân sự. Địa bàn các đạo quan binh cũng có nhiều biến động cùng với những biến động của tình hình chính trị từng thời điểm.

2.2. Trung Kì

Toà Khâm sứ Trung Kì thiết lập theo Sắc lệnh ngày 03 tháng 02 năm 1886 của Tổng thống Cộng hoà Pháp. Đây là cơ quan chỉ đạo và tổng hợp cấp cao về mọi mặt hoạt động của chính quyền địa phương ở Trung Kì. Phụ tá cho Khâm sứ Trung Kì có các tổ chức như: Hội đồng Bảo hộ; Phòng Tư vấn liên hiệp thương mại canh nông Trung Kì thành lập theo Nghị định ngày 04 tháng 5 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương; Hội đồng Hoàn thiện giáo dục bản xứ Trung Kì thành lập theo Nghị định ngày 16 tháng 5 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương (sau đổi thành Hội

đồng Học chính Trung Kì thành lập theo Nghị định ngày 18 tháng 9 năm 1923); Hội đồng lợi ích kinh tế và tài chính của người Pháp ở Trung Kì; Uỷ ban Khai thác thuộc địa Trung Kì.

Tổ chức bộ máy cai trị cấp tỉnh

Theo Quy ước ngày 30 tháng 7 năm 1885, chính quyền thuộc địa đã chính thức đặt chức Công sứ người Pháp tại mỗi tỉnh Trung Kì để nắm bắt các vấn đề về thương chính và công chính trong tỉnh. Đối với tỉnh quan trọng hoặc địa bàn rộng có thêm chức Phó Công sứ và đặt thêm một trung tâm hành chính hoặc Sở Đại lí. Ở mỗi tỉnh có một Toà Công sứ và Hội đồng hàng tỉnh phụ tá cho Công sứ thực hiện chức trách của mình.

Ở Trung Kì có một thành phố cấp II là Thành phố Đà Nẵng, đứng đầu là Đốc lí. Phụ tá cho Đốc lí có Uỷ ban thành phố. Giai đoạn sau, ở Trung Kì có thêm các thành phố cấp III là Thành phố Đà Lạt (năm 1920), Thành phố Vinh (năm 1927), Thành phố Thanh Hoá (năm 1929), Thành phố Huế (năm 1929), Thành phố Quy Nhơn (năm 1930), Thành phố Phan Thiết (năm 1933). Đứng đầu thành phố cấp III là viên Công sứ - Đốc lí. Mỗi thành phố có một uỷ ban thành phố do Công sứ Đốc lí làm Chủ tịch.

2.3. Nam Kì

Giai đoạn này, bộ máy cai trị ở Nam Kì vẫn được tổ chức như trước. Đứng đầu vẫn là Thống đốc Nam Kì. Tuy nhiên, kể từ khi thành lập Liên bang Đông Dương, Thống đốc Nam Kì chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương có quyền hành tương đương với Thống sứ Bắc Kì và Khâm sứ Trung Kì. Bên cạnh Thống đốc Nam Kì có các tổ chức phụ tá chính như: Toà Thống đốc Nam Kì (từ năm 1887, Soái phủ Nam Kì được đổi gọi là Toà Thống đốc Nam Kì); Hội đồng Tư mật thành lập từ năm 1869 vẫn tiếp tục tồn tại và có chức năng tương đương Hội đồng Bảo hộ ở Bắc Kì và Trung Kì; Hội đồng Thuộc địa thành lập ngày 08 tháng 02 năm 1880 tiếp tục tồn tại và có chức năng tương tự Viện Dân biểu ở Bắc Kì và Trung Kì; Phòng Thương mại Nam Kì thành lập ngày 30 tháng 9 năm 1869; Phòng Canh nông Nam Kì thành lập ngày 30 tháng 4 năm 1897; Hội đồng Học chính Nam Kì thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1923; Uỷ ban Khai thác thuộc địa Nam Kì thành lập ngày 28 tháng 12 năm 1937 và nhiều cơ quan khác.

Tổ chức bộ máy cai trị cấp tỉnh

Từ khi thành lập Liên bang Đông Dương và bãi bỏ chức Giám đốc Nha Nội chính, các "Khu vực hành chính" bị xoá bỏ. Từ ngày 01 tháng 01

năm 1900 Nam Kì được chia thành 20 tỉnh và 2 thành phố lớn (Thành phố Sài Gòn - cấp I và Thành phố Chợ Lớn - cấp II). Đứng đầu thành phố cấp I và II là viên Đốc lí và Phó Đốc lí. Đứng đầu tỉnh là viên quan cai trị người Pháp. Mỗi tỉnh có một Sở Tham biện, Hội đồng hàng tỉnh phụ tá cho viên quan cai trị chủ tỉnh.

Khác với Bắc Kì và Trung Kì, ở Nam Kì không tồn tại hệ thống chính quyền cấp tỉnh của người Việt. Do đó, các quan cai trị chủ tỉnh ở Nam Kì quản lí và điều hành trực tiếp công việc với dân bản xứ. Tại một số tỉnh, thực dân Pháp cho thiết lập các trung tâm hành chính hoặc Sở Đại lí.

3. Tổ chức hành chính cấp xã

Thực dân Pháp đã rất ý thức về việc tổ chức bộ máy hành chính cấp xã tại Việt Nam ngay từ những năm đầu hiện diện tại đây. Chính quyền thực dân thực hiện chính sách "*cải lương hương chính*" để can thiệp vào tổ chức quản lí cấp xã tại Nam Kì, Bắc Kì và Trung Kì.

Từ Nghị định đầu tiên ngày 27 tháng 8 năm 1904 đến Nghị định cuối cùng ngày 05 tháng 01 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức chính quyền bản xứ cấp xã, thực dân Pháp đã thể hiện rõ âm mưu có tính chiến lược đó là: công khai đưa giai cấp địa chủ phong kiến được "*tân học hoá*" lên cương vị thống trị độc tôn ở nông thôn để thay thế tầng lớp nho sĩ "*địa chủ hoá*" trước đó. Điều này thể hiện rất rõ trong các điều khoản về tiêu chí lựa chọn vào tổ chức quản lí cấp xã trong các nghị định.

Tổ chức hành chính cấp xã chịu sự giám sát và kiểm soát tối cao của chính quyền cấp tỉnh về nhân sự cũng như mọi hoạt động của xã. Lí trưởng, xã trưởng là người trung gian giữa xã và chính quyền cấp tỉnh. Lí trưởng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu tổ chức quản lí cấp xã. Tổ chức quản lí cấp xã với các tên gọi khác nhau như Hội đồng kì mục, Hội đồng Tộc biểu, Hội đồng Đại Kì mục và các uỷ ban thường trực hợp thành công cụ thống trị cấp cơ sở của chính quyền thuộc địa.

Những thay đổi trong tổ chức bộ máy điều hành thuộc địa thể hiện ý đồ tăng cường vai trò của chính quốc với thuộc địa, đồng thời mở rộng việc khai thác thuộc địa bằng việc giám sát chặt chẽ các hoạt động của thuộc địa. Những thay đổi trên cũng ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy chính quyền thuộc địa ở Việt Nam cũng như ở Đông Dương nói chung.

ĐỖ HOÀNG ANH

NỘI DUNG TÀI LIỆU

1. Disposition du 31 mai 1862 du Contre - Amiral Bonard portant attributions du directeur des Affaires civiles.

Quy định ngày 31 tháng 5 năm 1862 của Chuẩn Đô đốc Bonard quy định về quyền hạn của Giám đốc Nha Nội chính.

(Nguồn: J 4, BOC 1862, tr.160-162)

Theo quy định này, Giám đốc Nha Nội chính chịu trách nhiệm theo dõi việc tổ chức các khối dân cư người Âu tại Sài Gòn, do Tổng Tư lệnh chỉ đạo về mặt quân sự. Ngoài ra, Giám đốc Nha Nội chính còn phụ trách một số việc như sau:

- Thi hành nghị định, quyết định và mệnh lệnh của Tổng Tư lệnh; góp ý và đề xuất các quy định cũng như biện pháp vì lợi ích của dân cư người Âu;

- Quản lí hoạt động của các thương cảng, thường xuyên thông báo cho Tổng Tư lệnh về tình hình tàu thuyền ra vào cảng và lập bảng kê xuất nhập khẩu theo quý;

- Nghiên cứu nguồn tài nguyên khu vực Nam Kì Lục Tỉnh cũng như nhu cầu và thị hiếu của người dân khu vực này phục vụ lợi ích thương mại của chính quốc; lập bảng kê hàng năm về tình hình tiêu thụ và sản phẩm cho từng tỉnh theo chủng loại, chất lượng và số lượng;

- Đảm bảo hoạt động thu, chi ngân sách;

- Giám sát các bệnh viện dân sự và phòng khám chữa bệnh;

- Chỉ đạo Sở Điện báo và quản lí hoạt động về bưu điện, điện báo;

- Duy trì trật tự và quản lí nhân sự làm việc trong các nhà tù;

- Giúp việc cho Giám đốc Nha Nội chính là một cơ quan an ninh đảm bảo duy trì trật tự công cộng và theo dõi những biến động trong dân chúng;

- Giám đốc Nha Nội chính chịu trách nhiệm xử lí các vụ vi phạm và tranh chấp bằng tài phán trong thẩm quyền khi chưa có tổ chức tư pháp hoàn thiện;

- Trình Tổng Tư lệnh kế hoạch tổ chức thành phố phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người Âu và dự thảo luật thương mại cho phép thương nhân có thể tự bảo vệ quyền lợi của mình dưới sự giám sát của chính quyền...

2. Disposition du 31 mai 1862 du Contre-Amiral Bonnard, Commandant en chef concernant le Gouvernement des indigènes par l'autorité française.

Quy định ngày 31 tháng 5 năm 1862 của Chuẩn Đô đốc Bonard, Tổng Tư lệnh về việc chính quyền Pháp tổ chức cai trị người bản xứ.

(Nguồn: J 4, BOC 1862, tr. 162-164)

Theo quy định này, chính quyền Pháp đã sử dụng chính hàng ngũ quan lại người bản xứ để cai trị người bản xứ. Những viên chức này vẫn giữ các chức vụ cũ như quan phủ, quan huyện đồng thời chịu trách nhiệm quản lí tư pháp, quản lí khu vực nằm ngoài đồn binh Pháp và thu thuế dưới sự giám sát của Tư lệnh tỉnh, với sự hỗ trợ của thanh tra công việc nội chính bản xứ (thường gọi là tham biện).

Văn bản này còn quy định, trong báo cáo hàng năm của thanh tra viên gửi Tư lệnh có nhận xét đánh giá về viên chức người bản xứ, đồng thời đề xuất với Tổng Tư lệnh phương pháp tái lập hệ thống tổ chức của người bản xứ một cách hiệu quả và kinh tế.

Dưới quyền của Tư lệnh tỉnh, thanh tra công việc nội chính bản xứ đảm nhiệm các quyền hạn của Quan án trong những vụ kiện mà thẩm phán cấp phủ, huyện xét xử sai; có quyền hạn của một người thu thuế và phụ trách tuyển dụng lính cơ cũng như giám sát Quan bố.

Thanh tra công việc nội chính bản xứ tỉnh Gia Định được trực tiếp liên hệ với Tổng Tư lệnh; giám sát Trường Thông ngôn Pháp và hai trường học Adran và Sainte Enfance tại Sài Gòn.

Một viên thanh tra đặc biệt quản lí khu Chợ Lớn của người Hoa trực

tiếp liên hệ và thường xuyên báo cáo lên Tổng Tư lệnh về những vấn đề mà Tổng Tư lệnh quan tâm.

Dưới quyền của Tổng Tư lệnh, Tổng Thanh tra các công việc của người châu Á sống tại Sài Gòn có nhiệm vụ tìm biện pháp khôi phục chính quyền An - nam, dựa trên nền tảng cũ và từng bước khắc phục sai lầm của chính quyền này...

3. Décision du 16 juin 1862 du Contre-Amiral Bonard portant institution d'un Comité consultatif des Affaires indigènes.

Quyết định ngày 16 tháng 6 năm 1862 của Chuẩn Đô đốc Bonard về việc thành lập Hội đồng Tư vấn các công việc nội chính bản xứ.

(Nguồn: J 4, BOC 1862, tr.175-176)

Theo Quyết định này, Hội đồng Tư vấn các công việc nội chính bản xứ được thành lập tại Sài Gòn. Thành phần của Hội đồng gồm có:

- Tổng Thanh tra các công việc của người châu Á;

- Sĩ quan hậu cần của Tổng Tư lệnh phụ trách công việc nội chính bản xứ tại Bộ Tổng tham mưu;

- Quan bố - Thanh tra công việc nội chính bản xứ của tỉnh Gia Định;

- Thanh tra đặc biệt tại Chợ Lớn của người Hoa;

- Thư kí của Tổng Tham mưu trưởng.

Hội đồng có chức năng thảo luận và quyết định về các vấn đề liên quan đến việc tổ chức, quản lí người An-nam và người châu Á nói chung.

Hội đồng Tư vấn nhóm họp dưới sự chủ trì của Tổng Tư lệnh, Tổng Tham mưu trưởng hoặc Tổng Thanh tra các công việc của người châu Á. Thư kí thông báo thời gian triệu tập và lí do cuộc họp để các thành viên Hội đồng có thể thu thập những thông tin liên quan đến vấn đề sẽ được bàn thảo. Thư kí chịu trách nhiệm ghi chép tóm tắt các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Tư vấn. Tuy nhiên, những quyết định này chỉ có hiệu lực khi có chữ kí của Tổng Tư lệnh.

4. Décision du 12 août 1862 du Commandant en chef réglant l'organisation provisoire de l'administration des Annamites et des Asiatiques dans la province de Gia Dinh.

Quyết định ngày 12 tháng 8 năm 1862 của Tổng Tư lệnh quy định về việc tạm thời tổ chức hành chính của người bản xứ và người châu Á tại tỉnh Gia Định.

(Nguồn: J 4, BOC 1862, tr.210-216)

Tỉnh Gia Định do Tổng Tư lệnh chịu trách nhiệm chỉ huy trực tiếp được chia thành 3 phủ và mỗi phủ chia thành 3 huyện. Các huyện do quan huyện người bản xứ quản lí. Quan huyện chịu sự chỉ đạo của Quan phủ.

Tổ chức cai trị của người bản xứ tại tỉnh Gia Định được quy định như sau:

- Phủ Tân Bình gồm huyện Bình Dương, huyện Tân Lãnh, huyện Phước Lộc.

Quan phủ Tân Bình sống tại Sài Gòn, chịu trách nhiệm chỉ đạo việc quản lí huyện Bình Dương và giám sát việc tổ chức của hai huyện Tân Lãnh và Phước Long.

Quan huyện Tân Lãnh sống tại Chợ Lớn chịu sự giám sát của Thanh tra các công việc người Hoa tại thành phố Chợ Lớn.

Quan huyện Phước Lộc sống tại Cần Giuộc chịu sự giám sát của Tư lệnh tỉnh.

Quan huyện Bình Dương quản lí về chính trị và dân sự dưới sự giám sát của Quan bố.

- Phủ Tây Ninh gồm huyện Tân Ninh, huyện Quang Hoá, huyện Bình Long.

Phủ Tây Ninh do một Tư lệnh sống tại Tây Ninh chỉ đạo về dân sự, chính trị và quân sự và quản lí ba huyện Tân Ninh, Quang Hoá và Bình Long.

Quan huyện của Tân Ninh và Quang Hoá sống tại Tây Ninh, chịu trách nhiệm quản lí hai huyện này.

Quan huyện Bình Long sống tại Hóc Môn.

- Phủ Tân An gồm huyện Cửu An, huyện Tân Thạnh, huyện Tân Hoà.

Quyết định này cũng quy định chi tiết việc quản lí đối với các khu dân cư người châu Á ở tỉnh Gia Định.

5. Arrêté du 13 janvier 1863 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'organisation du Service des Postes dans la Cochinchine française.

Nghị định ngày 13 tháng 01 năm 1863 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức Sở Bưu điện ở Nam Kì thuộc Pháp.

(Nguồn: J 4, BOC 1863, tr.274-276)

Nghị định gồm các điều khoản về việc thành lập Sở Bưu điện ở Sài Gòn và quy định chi tiết về hoạt động cũng như tổ chức bưu điện ở các tỉnh và các cứ điểm.

6. Décision du 12 janvier 1864 du Gouverneur de la Cochinchine fixant la composition provisoire du Conseil consulatif de la Cochinchine.

Quyết định ngày 12 tháng 01 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì quy định tạm thời về thành phần Hội đồng Tư vấn Nam Kì.

(Nguồn: J 8, BOC 1864, tr.16-17)

Theo Quyết định này, thành phần Hội đồng Tư vấn Nam Kì thành lập theo Sắc lệnh năm 1863 bao gồm Tư lệnh, Chánh Sở Hành chính và Giám đốc phụ trách các công việc dân sự.

7. Instructions générales du 29 juin 1864 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'administration et le commandement des populations indigènes.

Chỉ thị ngày 29 tháng 6 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì về việc quản lí và điều hành dân bản xứ.

(Nguồn: J 8, BOC 1864, tr.71-76)

Chỉ thị này gồm các nội dung chính sau:

Tham biện đảm nhiệm chức trách về tư pháp của Quan án ở Sài Gòn, Biên Hoà và Mỹ Tho, quản lí các tiểu quân khu và huyện đồng thời có quyền tư pháp tại địa phận quản lí.

Tham biện chịu trách nhiệm về các công việc liên quan đến thu chi các loại, xem xét và trình sổ Đinh bạ và Điền bạ để kiểm soát việc thu nộp thuế lên Thống đốc Nam Kì.

Hàng tháng, các Tham biện phải gửi báo cáo chi tiết lên Thống đốc Nam Kì gồm các nội dung như: tóm lược thu, chi và các khoản thu còn thiếu; số lượng tù nhân và danh sách thuyên chuyển nhân sự...

8. Décret du 25 juillet 1864 de l'Empereur des Français portant l'organisation de la justice dans les possessions françaises en Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 25 tháng 7 năm 1864 của Hoàng đế Pháp về tổ chức tư pháp tại Nam Kì thuộc Pháp.

(Nguồn: J 8, BOC 1864, tr.100-108)

Sắc lệnh gồm 5 phần, 38 điều quy định với các nội dung chính sau:

Tại Nam Kì có hai hệ thống toà án tồn tại song song là toà án Pháp và toà án bản xứ.

- Toà án Pháp: Chuyên xét xử người Pháp theo luật của nước Pháp do quan toà chuyên nghiệp phụ trách. Các quan toà này đặt dưới quyền quản lí của Tổng Biện lí. Tổng Biện lí do Thống đốc Nam Kì chỉ đạo.

- Toà án bản xứ: Chuyên xét xử người An-nam và người châu Á ở Nam Kì theo thể chế của triều đình, do quan cai trị Chánh Chủ tỉnh phụ trách. Các quan cai trị Chánh Chủ tỉnh do Giám đốc Nha Nội chính chỉ đạo v.v...

9. Décision du 9 novembre 1864 du Gouverneur de la Cochinchine portant création d'une Direction de l'Intérieur en Cochinchine.

Quyết định ngày 09 tháng 11 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì về việc thành lập Nha Nội chính Nam Kì.

(Nguồn: J 8, BOC 1864, tr.142-143)

Quyết định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Nha Nội chính được thành lập tại Nam Kì, có trụ sở tại Sài Gòn, gồm ba ban chính:

- Ban Tổng Thư kí chịu trách nhiệm tập hợp công việc của các phòng ban; phụ trách tôn giáo, giáo dục, mật vụ, cảnh sát; lưu trữ, chuẩn bị nội dung công việc trình lên Hội đồng Tư vấn.

- Ban Hành chính và Hoà giải phụ trách công tác hoà giải, thuế, trước bạ, chuyển nhượng, công sản, tài chính, công chính, giám sát chi tiêu, kế toán, ngân sách, tài khoản, nhân sự của các cơ quan.

- Ban Canh nông - Thương mại và Cảnh sát phụ trách các công việc liên quan đến canh nông, thương mại, kĩ nghệ, toà án bản xứ, hoạt động của dân chúng, hoạt động cứu trợ và cảnh sát.

Giám đốc Nha Nội chính chịu sự chỉ đạo của Thống đốc Nam Kì, có quyền hạn giống như Giám đốc Nha Nội chính tại các thuộc địa như Martinique, Guadeloupe và Réunion. Dưới quyền Giám đốc Nha Nội chính là các viên thanh tra công việc nội chính bản xứ và người Âu, sĩ quan, nhân viên cảnh sát, lính cơ, nhân viên ngành cầu, đường và điện báo. Giám đốc Nha Nội chính chịu trách nhiệm lập ngân sách, phát lệnh chi trả, giám sát chi tiêu của địa phương, giữ gìn an ninh trật tự v.v...

10. Décision du 3 juin 1865 du Gouverneur de la Cochinchine portant division de la province de My Tho en quatre circonscriptions administratives.

Quyết định ngày 03 tháng 6 năm 1865 của Thống đốc Nam Kì về việc chia tỉnh Mỹ Tho thành bốn khu hành chính.

(Nguồn: J 8, BOC 1865, tr.241-242)

Tỉnh Mỹ Tho được chia thành bốn khu hành chính như sau:

- Khu hành chính thứ nhất gồm: Mỹ Tho và huyện Kiến Hưng do Quan án tỉnh quản lí. Với sự hỗ trợ của nhân viên tập sự, viên quan này thường xuyên báo cáo về tình hình chung của tỉnh lên Giám đốc

Nha Nội chính; lập bảng kê thu chi và thanh toán theo chỉ dẫn của các thanh tra viên trong tỉnh. Tổng Hưng Long và các làng thuộc tổng Hưng Nhượng nằm ven sông Vàm Cỏ và Kênh Trạm (Arroyo de la Poste) đến lối vào rạch Bà Lí sáp nhập vào huyện Kiến Hưng và được tập trung vào tiểu khu Tân An.

- Ba khu hành chính còn lại là các huyện Kiến Hoà, Kiến Đăng và Kiến Phong.

Mỗi khu vực sẽ do một tham biện phụ trách. Các tham biện sống tại địa phận quản lí, trực tiếp liên hệ với Giám đốc Nội chính và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tư lệnh tỉnh về an ninh trật tự.

11. Décision du 6 juin 1865 du Gouverneur de la Cochinchine portant organisation municipale de la ville de Cho Lon.

Quyết định ngày 06 tháng 6 năm 1865 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức thành phố Chợ Lớn.

(Nguồn: J 8, BOC 1865, tr.242-244)

Thành phố Chợ Lớn được chia thành 5 đơn vị (gọi là phường hoặc xã). Mỗi đơn vị bầu một hội đồng trong số thân hào người châu Á sống tại địa phương. Hội đồng có nhiệm vụ thực thi quy định về an ninh, đường sá; quản lí sổ thuế và sổ đinh; phản ánh nguyện vọng của người dân lên chính quyền cấp trên thông qua thanh tra quản lí tiểu khu.

Thanh tra sống tại Chợ Lớn chịu trách nhiệm ấn định ranh giới các xã và lập danh sách các chủ sở hữu trong xã; đề nghị Thống đốc bổ nhiệm những người xứng đáng giữ các chức vụ của thành phố.

12. Décision du 16 juin 1865 du Gouverneur de la Cochinchine portant création d'un Comité Agricole et Industriel.

Quyết định ngày 16 tháng 6 năm 1865 của Thống đốc Nam Kì về việc thành lập Ủy ban Canh nông và Kĩ nghệ.

(Nguồn: J 8, BOC 1865, tr.251-252)

Quyết định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Một Uỷ ban Thường trực do Tổng Tham mưu trưởng làm Chủ tịch, chịu trách nhiệm nghiên cứu những vấn đề liên quan đến nông nghiệp và kĩ nghệ tại Nam Kì. Uỷ ban mang tên Uỷ ban Canh nông và Kĩ nghệ Nam Kì được chia làm 2 ban. Một ban phụ trách nông nghiệp và một ban phụ trách kĩ nghệ.

Vào tháng 01 hàng năm, Uỷ ban Canh nông và Kĩ nghệ Nam Kì tiến hành tổ chức triển lãm và mở cuộc thi tuyển chọn các sản phẩm kĩ nghệ, nông nghiệp, gia súc, máy móc, đồ gia dụng, rau quả, sản phẩm chế biến, linh kiện liên quan đến ngành công nghiệp đóng tàu... với nhiều giải thưởng hấp dẫn.

Giải thưởng được trao cho những người trưng bày sản phẩm mà Uỷ ban cho là xứng đáng. Theo yêu cầu của Chủ tịch Uỷ ban, Hội đồng Giám khảo do Giám đốc Nha Nội chính lựa chọn trong số những người có địa vị thân hào và những người dày dạn kinh nghiệm nhất sống tại thuộc địa, không phân biệt quốc tịch. Lễ trao giải được tổ chức trang trọng vào buổi bế mạc triển lãm.

13. Décision du 14 mars 1866 du Gouverneur de la Cochinchine formant les deux arrondissements Binh An et Ngai An en deux circonscriptions administrées par deux inspecteurs différents.

Quyết định ngày 14 tháng 3 năm 1866 của Thống đốc Nam Kì lập hai tiểu khu Bình An và Ngải An thành hai khu do hai tham biện quản lí.

(Nguồn: J 10, BOC 1866, tr.32)

Theo Quyết định này, Tiểu khu Bình An quản lí các tổng Bình Lâm, Bình Tho, Bình Thiên, Bình Điền, Bình Chánh, Quảng Lợi và Cun An; Tiểu khu Ngải An quản lí các tổng An Thổ, An Thuỷ, Chánh Thiên, An Điền và An Bình.

14. Arrêté du 4 avril 1867 du Gouverneur de la Cochinchine portant organisation d'une commission municipale à Saïgon.

Nghị định ngày 04 tháng 4 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức Uỷ ban Thành phố Sài Gòn.

(Nguồn: J 11, BOC 1867, tr.103-111)

Nghị định gồm 6 phần với các nội dung chính sau:

Phần 1 quy định về việc thành lập Uỷ ban và cách thức bổ nhiệm uỷ viên

Ủy ban thành phố được thành lập ở Sài Gòn để quản lí lợi ích của thành phố gồm một uỷ viên thành phố và 12 thành viên khác.

Uỷ viên thành phố được lựa chọn trong số viên chức thuộc quyền chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Nha Nội chính. Các ủy viên hội đồng được lựa chọn trong dân chúng người Âu cũng như người châu Á sống ở Sài Gòn, không phân biệt quốc tịch.

Phần 2 quy định về việc quản lí thành phố gồm các nội dung chính sau:

- Thẩm quyền của uỷ viên thành phố:

Uỷ viên thành phố đảm nhiệm chức vụ của một viên chức hộ tịch tại khu Sài Gòn và các huyện Bình Dương và Bình Long và của một quan chức cảnh sát ở thành phố Sài Gòn.

Uỷ viên thành phố chịu trách nhiệm về các công việc:

+ Cảnh sát thành phố và thực hiện các văn bản của cấp trên có liên quan;

+ Quản lí tài sản của thành phố...;

+ Quản lí thu nhập, giám sát công sở và công tác kế toán công;

+ Dự toán ngân sách và quyết định chi;

+ Điều hành công việc chung;

+ Kí kết các giao kèo, hợp đồng về tài sản và các cuộc đấu thầu công trình xây dựng;

+ Kí các khế ước mua bán, trao đổi ...;

+ Đại diện cho thành phố trước pháp luật;

- Thẩm quyền của Hội đồng Thành phố

Hội đồng Thành phố họp bàn về các vấn đề sau:

+ Cách thức quản lí công sản;

+ Ngân sách thành phố, các khoản thu chi thường xuyên và đột xuất;

+ Biểu thuế và quy định các khoản thu;

+ Mua bán, trao đổi công sản, giao tài sản cho các công sở sử dụng ...;

+ Các điều khoản hợp đồng và hợp đồng trưng thuế...;

+ Dự án xây dựng, sửa chữa lớn, cải tạo, phá huỷ...;

+ Mở đường phố, quảng trường và dự án quy hoạch tuyến đường thành phố;

+ Tiếp nhận trợ giúp cho thành phố và các công sở;

+ Các vụ kiện v.v...

Các nghị quyết của Hội đồng Thành phố được trình lên Giám đốc Nha Nội chính để thông qua.

Hội đồng thường được yêu cầu cho ý kiến về các vấn đề sau:

+ Dự án quy hoạch các tuyến đường lớn trong nội thành;

+ Những thay đổi về địa giới thành phố:

+ Ngân sách, quản lí về tín ngưỡng...;

+ Các vấn đề cần cho ý kiến theo quy định và nghị định của địa phương;

Hội đồng Thành phố bàn thảo về sổ sách kế toán hàng năm; quyết toán do cơ quan cấp trên có thẩm quyền quyết định. Hội đồng Thành phố đề xuất các vấn đề vì lợi ích chung của thành phố.

Phần 3. Thu chi ngân sách thành phố gồm 2 mục:

Mục 1. Quy định về việc chi ngân sách thành phố.

Mục 2. Quy định về việc thu ngân sách thành phố.

Phần 4 gồm 6 điều quy định về vai trò và thẩm quyền của Hội đồng Thành phố trong các vụ kiện cáo, hoà giải của thành phố.

Phần 5 gồm 6 điều quy định về công tác kế toán thành phố

Phần 6 gồm 9 điều quy định về tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thành phố.

15. Décision du 15 juin 1867 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'administration des trois provinces de Vinh Long, Chau Doc et Ha Tien.

Quyết định ngày 15 tháng 6 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì về việc quản lí 3 tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

(Nguồn: J 11, BOC 1867, tr.185-186)

Theo Quyết định này, ba tỉnh được quản lí theo luật pháp và quy định đối với xứ thuộc địa.

Tỉnh Vĩnh Long gồm phủ Định Viễn (huyện Vĩnh Bình và Vĩnh Trị), phủ Hoàng Đạo (huyện Bảo An và Duy Minh) phủ Lạc Hoà (huyện Thuận Ngãi và Trà Vinh).

Tỉnh Châu đốc gồm phủ Thuy Biên (huyện Đông Xuyên, Hà Dương; phủ Tân Thanh (huyện An Xuyên) và phủ Bái Xâu (huyện Vam Ba, Phong Thanh và Phong Phú).

Tỉnh Hà Tiên gồm huyện Kiên Giang và huyện Long Xuyên.

Thanh tra các tỉnh thực hiện chức trách theo quy định tại các Nghị định và Quyết định ngày 12 tháng 9 năm 1863, ngày 29 tháng 6, ngày 07 tháng 9 và ngày 19 tháng 12 năm 1864 và ngày 14 tháng 10 năm 1865.

Thanh tra viên phải tuân thủ các chỉ thị như đối với thanh tra tỉnh Mỹ Tho trong quan hệ với tư lệnh tối cao. Thanh tra có nhiệm vụ báo cáo cấp trên về tất các sự kiện liên quan đến an ninh và thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh...

Thanh tra viên có thể đề nghị tư lệnh tối cao hoặc tư lệnh quân sự về việc hộ tống khi cần thiết, bố trí người hướng dẫn và thông ngôn cho tư lệnh quân sự khi được trưng dụng.

Quyết định này còn quy định chi tiết về nhân sự cho từng huyện của ba tỉnh.

16. Décision du 1er août 1867 du Gouverneur de la Cochinchine supprimant l'Inspection de Ca Mau et créant celle de Hatien.

Quyết định ngày 01 tháng 8 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì

về việc xoá bỏ Sở Tham biện Cà Mau và thành lập Sở Tham biện Hà Tiên.

(Nguồn: J 11, BOC 1867, tr.238)

Theo Quyết định này, Sở Tham biện Cà Mau bị xoá bỏ. Phạm vi quản lí của Sở Tham biện Cà Mau chuyển sang Tham biện Rạch Giá quản lí.

Sở Tham biện được thành lập tại Hà Tiên quản lí phủ An Biên, trừ huyện Kiên Giang.

17. Décision du 4 décembre 1867 du Gouverneur de la Cochinchine concernant les Inspections de Travinh, Sadec et Bentre.

Quyết định ngày 04 tháng 12 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì về các Sở Tham biện Trà Vinh, Sa Đéc và Bến Tre.

(Nguồn: J 11, BOC 1867, tr.308)

Theo Quyết định này, Sở Tham biện số 25, 26 và 27 lần lượt được lập tại Trà Vinh, Sa Đéc và Bến Tre. Việc phân bổ nhân sự và lính cơ cho các Sở Tham biện do Giám đốc Nha Nội chính phụ trách.

18. Arrêté du 22 avril 1868 du Gouverneur p.i de la Cochinchine portant création et composition du Conseil de Santé à Saigon.

Nghị định ngày 22 tháng 4 năm 1868 của quyền Thống đốc Nam Kì về việc thành lập và quy định thành phần Hội đồng Y tế Sài Gòn.

(Nguồn: J 15, BOC 1868, tr.80-81)

Nghị định gồm 4 điều, với các nội dung chính sau:

Hội đồng Y tế được thành lập tại thủ phủ thuộc địa với thành phần gồm có: Chủ tịch là Chánh Sở Y tế; các uỷ viên: bác sĩ hải quân, Trưởng khoa Dược Bệnh viện Quân y, bác sĩ hạng 2 hoặc người phụ tá cho bác sĩ được chỉ định để thay thế, nếu cần, giữ chức thư kí.

Hội đồng bàn bạc và quyết định mọi vấn đề liên quan đến tình hình vệ sinh của các cơ xưởng hải quân tại thủ phủ và những địa điểm

khác tại thuộc địa, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục được cho là cần thiết.

Hội đồng Y tế Sài Gòn chịu trách nhiệm theo dõi tình hình sức khoẻ của sĩ quan, công chức, hạ sĩ quan, cai, lính, sĩ quan hải quân, thuỷ thủ và đội ngũ nhân viên công sở hoặc được trả lương bằng ngân quỹ nhà nước, của địa phương hoặc của các xã v.v... Người phụ trách các bệnh viện thường xuyên được mời tham gia Hội đồng Y tế khi Hội đồng bàn thảo về những vấn đề liên quan đến quản lí y tế.

19. Arrêté du 30 septembre 1868 du Gouverneur p.i de la Cochinchine portant création de la Chambre de Commerce à Saigon.

Nghị định ngày 30 tháng 9 năm 1868 của quyền Thống đốc Nam Kì về việc thành lập Phòng Thương mại Sài Gòn.

(Nguồn: J 15, BOC 1868, tr.189-190)

Nghị định gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Điều 1. Phòng Thương mại được thành lập tại Sài Gòn với phạm vi hoạt động gồm toàn bộ khu vực thuộc địa. Phòng có các quyền hạn chính như sau:

1. Góp ý kiến và cung cấp thông tin về công nghiệp, thương mại cho chính phủ, đặc biệt về:

- Những dự kiến sửa đổi Luật Thương mại;

- Các cơ sở và quy định của Phòng Thương mại;

- Thành lập các toà án thương mại;

- Quy chế của các cơ sở kinh doanh;

- Các chi nhánh ngân hàng địa phương;

- Dự án xây dựng các công trình công cộng có liên quan đến hoạt động thương mại.

2. Quản lí những cơ sở thương mại, kho cứu trợ, nhà kho, thị trường chứng khoán do chính quyền thành lập hoặc có đóng thuế...

3. Giám sát hoạt động thương mại, công nghiệp và phương pháp thúc đẩy phát triển các lĩnh vực này cũng như những vấn đề đặt ra.

Mọi nghị quyết của Phòng Thương mại được thông báo đến Thống

đốc, đặt biệt là những văn bản về quản lí cơ sở kinh doanh. Phòng Thương mại trực tiếp liên hệ với Thống đốc.

Điều 3 đến điều 7 quy định thành phần cũng như việc bầu và bổ nhiệm thành viên của Phòng Thương mại.

Theo đó, Phòng Thương mại gồm: Chủ tịch Phòng Thương mại là Giám đốc Nha Nội chính và 10 thành viên có ít nhất 10 năm lưu trú tại thuộc địa, không phân biệt quốc tịch, tham gia hoạt động kĩ nghệ hoặc thương mại có đóng thuế môn bài.

Trong số 10 thành viên trên, một nửa do Thống đốc bổ nhiệm trực tiếp, một nửa được bầu theo hình thức bỏ phiếu liên danh với đa số thành viên có mặt tại hội nghị (gồm thành viên Toà án Thương mại; thành viên Hội đồng Thành phố; số kì hào bằng số lượng thành viên của cả Toà Thương mại và Hội đồng Thành phố) do uỷ viên thành phố triệu tập và chủ trì.

Tất cả các thành viên Phòng Thương mại được bổ nhiệm hoặc được bầu với nhiệm kì 2 năm. Hàng năm, Phòng Thương mại sẽ bầu ra phó chủ tịch và thư kí. Phòng Thương mại chỉ có thể biểu quyết khi trên một nửa số thành viên có mặt. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, phiếu bầu của Chủ tịch mang tính quyết định. Trường hợp thành viên vắng mặt, Thống đốc hoặc chính Phòng Thương mại sẽ tiến hành bầu cử với đa số thành viên có mặt tại cuộc họp gần nhất tiếp theo. Trong trường hợp này, việc bổ nhiệm thành viên được bầu phải trình lên Thống đốc phê chuẩn.

Phòng Thương mại tự lập ngân sách riêng và phải được Thống đốc thông qua.

20. Décision du 1er novembre 1868 du Directeur de l'Intérieur portant règlement intérieur des bureaux de la Direction de l'Intérieur.

Quyết định ngày 01 tháng 11 năm 1868 của Giám đốc Nha Nội chính về nội quy các phòng ban thuộc Nha Nội chính.

(Nguồn: J 15, BOC 1868, tr.251-253)

Theo quyết định này, đội ngũ nhân viên, quyền hạn và công việc của Nha Nội chính được quy định như sau:

1. Nhân sự và quyền hạn của Nha Nội chính

Phòng 1: Văn phòng

Phụ trách phân phát công điện cho các phòng ban; đăng kí lệnh của Thống đốc và quyết định của Giám đốc Nha Nội chính; hoà giải; nhân sự của các cơ quan; bổ nhiệm, cách chức, thuyên chuyển nhân sự; nghỉ phép; thăng thưởng; tôn giáo; phê chuẩn bản vẽ và dự toán các công trình công cộng; báo chí địa phương và nước ngoài; in ấn, phát hành ấn phẩm; mật vụ, cảnh sát; bảo quản tài liệu lưu trữ; thư viện hành chính; thiết bị văn phòng phẩm và các công việc khác.

Phòng 2: Ban Tài chính - Kế toán

Phụ trách thuế trực thu, gián thu; kiểm tra, kiểm soát sổ thuế và những vấn đề liên quan đến cơ sở đánh thuế và thu thuế; kế toán chung; các khoản thu, chi ngân sách; thanh toán các khoản chi và trả bằng ngân phiếu; tập trung, kiểm tra và công bố tài khoản của cơ quan địa phương; cửa hàng; hàng cung ứng; kế toán vật liệu; đấu thầu những dự án đã được phê duyệt cũng như cung cấp vật liệu cho các công trình công cộng; lĩnh canh sòng bạc, thuốc phiện, ngư nghiệp và tất cả các sản phẩm khác v.v...

Phòng 3: Quản lí chung: Canh nông - Thương mại - Kĩ nghệ

Phụ trách các vấn đề liên quan đến công sản; chuyển nhượng, mua bán, trao đổi công thổ; trước bạ; điện báo; địa chính; canh nông; thương mại; kĩ nghệ; trưng bày; ban canh nông; lâm nghiệp; Phòng Thương mại; chợ; hàng hải; hải đăng; thống kê; hoạt động của dân chúng; trợ cấp xã hội; các hội từ thiện; dưỡng đường; nhà thương điên, nhà trẻ; cứu trợ; hồi hương; toà án bản xứ; lưu đày; nhà tù; hộ tịch; học chính; hầm mỏ và ruộng muối; vệ sinh công cộng và những hoạt động khác vì lợi ích của thành phố.

2. Công việc của các phòng ban

Các phòng ban trong Nha Nội chính đặt dưới sự giám sát của Tổng Thư kí, trong phạm vi quyền hạn do Giám đốc Nha quy định. Tổng Thư kí chịu trách nhiệm giải quyết nhanh chóng công việc và liên tục đồng thời đảm bảo thực thi các quy định.

Hàng ngày, ngay khi nhận thư tín, các trưởng phòng cho đăng kí vào

cuốn sổ đặc biệt chỉ rõ thông tin: ngày đến, nội dung, ngày thi hành quyết định cũng như phân tích sơ lược nội dung công văn và phân chia công việc cho nhân viên theo ngạch bậc và khả năng.

Bản gốc công văn trao đổi chỉ gửi tới các cơ quan sau khi Giám đốc thông qua. Việc trao đổi giấy tờ, hồ sơ với các cơ quan ngoài được thực hiện theo lệnh chuyển, có lưu lại bản sao.

Nhân viên Nha Nội chính không được trực tiếp liên hệ với viên chức các cơ quan khác hoặc với công chúng. Mọi công văn trao đổi chính thức phải được chuyển qua văn phòng giám đốc.

Theo quy trình, vào 3 giờ hàng ngày, các trưởng phòng phải nộp tài liệu cần kí kèm theo hồ sơ liên quan cho Tổng Thư kí. Sau đó, Tổng Thư kí trình Giám đốc Nha Nội chính. Sau khi được thông qua và kí tên, những giấy tờ này được gửi trả lại phòng chức năng để giải quyết và đăng kí ngày gửi đi.

Mỗi phòng sẽ có một nhân viên phụ trách chỉnh lí hồ sơ và chịu trách nhiệm về các hồ sơ đó. Tất cả những giấy tờ, bản chính đề cập tới một sự việc được lập thành hồ sơ. Những giấy tờ này được tập hợp theo ngày tháng và đựng trong tủ hoặc hộp các-tông có dán nhãn và đánh số. Việc nộp hồ sơ vào lưu trữ được thực hiện sau đó, theo thời hạn và cách thức quy định.

21. Décret du 21 août 1869 de Napoléon, Empereur des Français portant création d'un Conseil privé en Cochinchine et fixation de ses attributions.

Sắc lệnh ngày 21 tháng 8 năm 1869 của Hoàng đế Pháp Napoléon về việc thành lập Hội đồng Tư mật tại Nam Kì và quy định quyền hạn của Hội đồng này.

(Nguồn: J 17, BOC 1869, tr.408-410)

Sắc lệnh gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Tư mật do Thống đốc Nam Kì chỉ đạo. Thành phần của Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng là Thống đốc Nam Kì và các thành viên: Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh Pháp đóng tại Nam Kì, Trưởng cơ quan hành chính, Giám đốc Nha Nội chính, Chưởng

lí, hai ủy viên thuộc địa do Thống đốc bổ nhiệm trong số các thân hào ở thuộc địa.

Kiểm soát viên thuộc địa cũng tham dự Hội đồng với quyền đại diện trong các cuộc thảo luận. Thư kí là một sĩ quan cảnh sát do Thống đốc chỉ định. Hai ủy viên dự khuyết do Thống đốc bổ nhiệm sẽ thay thế uỷ viên thực thụ khi cần. Thời gian giữ chức của uỷ viên thuộc địa và ủy viên dự khuyết là 2 năm.

Hội đồng Thương mại đóng vai trò Hội đồng Tài phán, Toà Thượng thẩm và chịu trách nhiệm thực thi các quyền đặc biệt của Thống đốc.

Chánh Sở Hải quân, Cầu đường, Dân sự, Pháo binh, Xây dựng, Y tế, Ngân khố và trưởng các cơ quan tài chính tham gia Hội đồng Tư mật về những vấn đề liên quan đến thẩm quyền. Ngoài ra, Hội đồng có thể lắng nghe, tham vấn ý kiến của công chức, viên chức và những cá nhân khác để có thêm thông tin nếu Thống đốc cho phép.

22. Arrêté du 11 décembre 1871 du Gouverneur de la Cochinchine concernant l'organisation du Comité Agricole et Industriel.

Nghị định ngày 11 tháng 12 năm 1871 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức Uỷ ban Canh nông và Kĩ nghệ.

(Nguồn: J 19, BOC 1871, tr.401-402)

Theo Nghị định, Uỷ ban Canh nông và Kĩ nghệ được thành lập để nghiên cứu và phát triển nông nghiệp và kĩ nghệ ở Nam Kì. Uỷ ban này chịu trách nhiệm chỉ đạo các cuộc trưng bày, dưới sự bảo trợ của Thống đốc. Kinh phí trợ cấp hàng năm cho Uỷ ban là 8000 phơ-răng.

23. Arrêté du 19 janvier 1872 du Gouverneur de la Cochinchine portant séparation du Service du Trésor et celui des Postes.

Nghị định ngày 19 tháng 01 năm 1872 của Thống đốc Nam Kì về việc tách Sở Ngân khố và Sở Bưu điện.

(Nguồn: J 21, BOC 1872, tr.41-42)

Theo Nghị định này, Sở Ngân khố trở thành một sở độc lập và hoạt động theo các điều khoản quy định tại điều 215, 216 của Sắc lệnh ngày 26 tháng 9 năm 1855.

24. Arrêté du 14 mai 1872 du Gouverneur de la Cochichine constituant une délégation municipale à Cholon.

Nghị định ngày 14 tháng 5 năm 1872 của Thống đốc Nam Kì lập một Đại lí Thành phố ở Chợ Lớn.

(Nguồn: J 21, BOC 1872, n° 98, tr.130-133)

Nghị định gồm 3 chương, 16 điều với các nội dung chính sau:

Chương 1. Thành lập cơ quan cấp thành phố ở Chợ Lớn.

Đại lí Thành phố Chợ Lớn được thành lập gồm tham biện khu Chợ Lớn làm Chủ tịch, quan phủ Chợ Lớn và các thành viên người Hoa và bản xứ.

Thể lệ bầu cử, điều kiện đối với cử tri cũng như thời gian giữ chức vụ đối với những đại biểu được bầu được quy định chi tiết tại điều 3 và 4 của Nghị định.

Chương 2. Thẩm quyền hành chính của Đại lí

Đại lí Thành phố lập dự toán chi ngân sách của thành phố Chợ Lớn và gửi lên Giám đốc Nha Nội chính để trình Thống đốc thông qua.

Đại lí Thành phố thảo luận về các vấn đề sau:

- Dự án xây dựng, sửa chữa lớn, phá huỷ các công trình cầu, cống...;

- Việc mở đường phố, quảng trường, dự án quy hoạch các tuyến đường thành phố và các vấn đề liên quan đến đường sá;

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Đại lí cho ý kiến về các dự án quy hoạch tuyến đường lớn trong nội thành và những thay đổi về địa giới.

Đại lí Thành phố đề xuất các vấn đề vì lợi ích chung và trình Giám đốc Nội chính thông qua các nghị quyết.

Tham biện, Chủ tịch Đại lí Thành phố chịu trách nhiệm về:

- Cảnh sát thành phố, quản lí đường sá thành phố và thực hiện các văn bản của cấp trên có liên quan;

- Dự toán ngân sách và quyết định chi;

- Chỉ đạo các công trình của thành phố;

- Kí kết hợp đồng, tổ chức đấu thầu các công trình công theo thể thức quy định;

Các khoản chi của thành phố bao gồm:

- Lương và chi phí cho phòng quản lí đường sá;

- Chi phí chiếu sáng và vệ sinh đường sá;

- Chi phí thuê nhà cho các công sở;

- Chi cho các công trình quy hoạch tuyến phố, sửa sang, nâng nền đường;

- Mua và bảo dưỡng thiết bị chống cháy;

- Các khoản do cấp trên uỷ nhiệm chi;

- Tham biện lập sổ thu chi trình Giám đốc Nha Nội chính để quyết toán và Thống đốc thông qua tại Hội đồng Tư mật v.v...

Chương 3. Thẩm quyền về tư pháp của Đại lí

Chương 3 gồm 4 điều quy định về thẩm quyền xét xử các vụ tranh chấp thương mại trong thành phố Chợ Lớn.

25. Arrêté du 17 septembre 1872 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'organisation municipale de Saigon.

Nghị định ngày 17 tháng 9 năm 1872 của Thống đốc Nam Kì về tổ chức thành phố Sài Gòn.

(Nguồn: J 21, BOC 1872, tr.243-245)

Nghị định gồm 7 điều quy định về việc tổ chức bầu cử Hội đồng Thành phố Sài Gòn.

Điều kiện tham gia bầu cử được quy định như sau:

Cử tri trong danh sách tham gia bầu uỷ viên Hội đồng Thành phố:

- Là người Pháp đủ 20 tuổi sống tại Sài Gòn tối thiểu 6 năm và không thực hiện quân dịch.

- Là người nước ngoài đủ 25 tuổi, sống tại thuộc địa tối thiểu 2 năm trong đó có 1 năm sống tại Sài Gòn, tham gia đóng góp tối thiểu 3000 phơ-răng hàng năm hoặc thuế môn bài hạng 2 trở lên.

- Là người bản xứ đủ 25 tuổi, sống tại thuộc địa tối thiểu 2 năm

trong đó có 1 năm sống tại Sài Gòn, tham gia đóng góp tối thiểu 600 phơ-răng hàng năm hoặc thuế môn bài hạng 4 trở lên

Ngoài ra, những người bản xứ trên 25 tuổi sống tại Sài Gòn từ 6 năm trở lên được thưởng Huân chương Bắc đẩu Bội tinh, Huy chương quân công, Huy chương danh dự do Thống đốc trao tặng hoặc hưởng trợ cấp hưu trí đều có quyền tham gia bầu cử.

Đốc lí và Phó Đốc lí là người Pháp do Thống đốc bổ nhiệm trong số uỷ viên Hội đồng Thành phố.

Uỷ ban Thành phố Sài Gòn thành lập theo Nghị định ngày 27 tháng 7 năm 1867 ngừng hoạt động sau khi Hội đồng Thành phố mới này được thành lập.

26. Arrêté du 19 novembre 1873 du Gouverneur de la Cochinchine portant organisation de la justice indigène en Cochinchine.

Nghị định ngày 19 tháng 11 năm 1873 của Thống đốc Nam Kì quy định tổ chức tư pháp bản xứ ở Nam Kì.

(Nguồn: J 26, BOC 1873, n° 268, tr.415-418)

Nghị định gồm 2 phần, 16 điều với các nội dung chính sau:

Phần 1. Sở Tư pháp bản xứ

Điều 1. Thành lập Sở Tư pháp bản xứ trực thuộc chính quyền trung ương Nam Kì thuộc Pháp do Giám đốc Tư pháp quản lí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giám đốc Tư pháp bản xứ do Thống đốc bổ nhiệm, nhận lệnh trực tiếp từ Thống đốc về các việc liên quan đến hoạt động của Sở và trao đổi báo cáo với Giám đốc Nha Nội chính, Chưởng lí đồng thời trình Thống đốc ra quyết định trực tiếp.

Điều 4. Phó Giám đốc Tư pháp do Thống đốc bổ nhiệm sẽ thay thế Chánh Sở trong trường hợp cần thiết.

Phần 2. Uỷ ban thẩm tra các bản án của toà án bản xứ

Phần 2 gồm 6 điều quy định thành phần và hoạt động của uỷ ban thẩm tra thuộc Sở Tư pháp bản xứ.

27. Décret du 15 mai 1874 du Président de la République française portant organisation de la Trésorerie de Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 15 tháng 5 năm 1874 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về cơ cấu tổ chức của Sở Ngân khố Nam Kì.

(Nguồn: J 973, Courrier de Saigon 1874, n⁰ 14, le 20 juillet 1874)

Sắc lệnh gồm 7 phần, 23 điều với các nội dung chính sau:

Tổ chức nhân sự cũng như quan hệ với các chính quyền thuộc địa của Sở Ngân khố Nam Kì được quy định tương tự như đối với Sở Ngân khố An-giê-ri.

Sở Bưu điện sáp nhập vào Sở Ngân khố. Sở Ngân khố chịu sự điều hành và giám sát của Giám đốc Nha Nội chính, tương tự như đối với các sở địa phương.

Giám đốc Sở Ngân khố đặt dưới quyền của các Bộ trưởng Hải quân và Tài chính. Tại thuộc địa, Thống đốc là người trực tiếp chỉ thị và thông tin với Giám đốc Sở Ngân khố về những vấn đề liên quan đến ngân khố. Theo chức trách Giám đốc Sở Ngân khố Nam Kì điều hành hoạt động của ngân khố Nam Kì và ngân khố các khu hành chính.

Giám đốc Ngân khố Nam Kì do Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm bằng sắc lệnh, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Chủ sự ngân khố các khu hành chính (payeur particulier), phó chủ sự, tham tá ngân khố và các tham tá-trợ tá sẽ do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm.

Các nhân viên địa phương hoặc nhân viên quản trị như thư kí quân sự, thông ngôn, bưu tá, người giữ két... do Thống đốc bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngân khố hoặc do chính Giám đốc Sở Ngân khố bổ nhiệm theo đúng quy định tại thuộc địa.

Các tài liệu mật như đề nghị nâng bậc hay đề nghị tặng thưởng Bắc đẩu Bội tinh do Giám đốc Sở Ngân khố gửi cho Thống đốc, Thống đốc sẽ trực tiếp chuyển các hồ sơ trên tới Bộ trưởng Bộ Tài chính kèm theo ý kiến cá nhân. Những hồ sơ trên được chuyển tới Bộ Hải quân và Thuộc địa.

Tại các nghi lễ chính thức, trên tàu chiến, trong bệnh viện hải quân

hoặc trong những điều kiện khác liên quan đến các cấp chính quyền hải quân hoặc thuộc địa, nhân viên Ngân khố và Bưu điện sẽ được xếp theo thứ hạng như sau:

Giám đốc Ngân khố: Uỷ viên;

Chủ sự Ngân khố các khu hành chính: Phó uỷ viên;

Phó chủ sự: Phó quản lí;

Tham tá Ngân khố: uỷ viên phụ;

Tham tá phụ: Thiếu uý.

Sau 6 năm lưu trú tại thuộc địa, những nhân viên làm việc tốt sẽ được bổ dụng vào một chức danh ở Sở Ngân khố Pháp có mức lương tương đương với mức lương làm việc tại Nam Kì.

Những đề nghị liên quan đến việc bổ dụng chức danh này được tiến hành theo quy định tương tự như với đề nghị nâng bậc. Những nhân viên đủ 6 năm làm việc tại Nam Kì không được đề nghị trở về làm việc trong Sở Ngân khố Pháp và những người bị trả lại Pháp trước khi hết hạn 6 năm làm việc vì lí do như sức khoẻ, kỉ luật... , nếu đồng ý sau khi hết hạn nghỉ phép sẽ được chuyển lại về chức vụ từng giữ trước khi được điều chuyển đến Nam Kì.

Công tác phí của Sở Ngân khố và Bưu điện sẽ do ngân sách địa phương đảm nhiệm, nằm trong phần chi bắt buộc và do hai Bộ liên quan quyết định. Mỗi năm, kinh phí cần thiết cho các chi phí này được lập trong dự toán ngân sách và không được cắt giảm nếu không có sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tất cả các chi phí không được dự trù trong tín dụng đặc biệt trên sẽ được tính vào các kinh phí chung trong ngân sách địa phương. Khoản tiền được ghi trong ngân sách Bộ Hải quân (phần thuộc địa) dành để trả lương và công tác phí của Giám đốc Sở Ngân khố Nam Kì thuộc hạn mức nhà nước trong chi phí của Sở Ngân khố. Hàng năm, khoản tiền trên được chuyển đến ngân sách địa phương.

Nhân viên thuộc các ngạch bậc khác nhau của Sở Ngân khố và Bưu điện hưởng lương tương tự như đối với các nhân viên của Sở Ngân khố châu Phi và bị khấu trừ theo quy định của Đạo luật ngày 09 tháng 6 năm 1853 về trợ cấp dân sự. Ngoài ra, nhân viên Sở Ngân khố và Bưu điện còn được nhận lương thuộc địa và trợ cấp do Bộ

trưởng Bộ Hải quân và Bộ Tài chính quy định. Các trợ cấp sẽ bị khấu trừ 3% và chuyển vào Quỹ Thương binh Hải quân.

Ngoài lương và trợ cấp như quy định nêu trên, Sở Ngân khố còn bố trí:

+ Nơi ăn nghỉ, văn phòng làm việc cho Giám đốc Sở Ngân khố và Chủ sự Ngân khố các khu hành chính;

+ Vật dụng văn phòng;

+ Hệ thống chiếu sáng trụ sở Sở Ngân khố và Bưu điện cùng các văn phòng làm việc ban đêm;

+ Tất cả các ấn phẩm đặc biệt ở Nam Kì.

Tất cả trụ sở làm việc phải đáp ứng yêu cầu về an ninh.

Nhân viên Sở Ngân khố và Bưu điện không hưởng bất cứ miễn trừ hoặc trợ cấp nào theo quy định tại điều 200 và 206 của Sắc lệnh ngày 26 tháng 9 năm 1855, nhưng được nhận thù lao theo quy định của từng bộ phận.

Chế độ tiền tệ vẫn được duy trì. Tiền trinh chỉ được chấp nhận ở các quỹ công trong trường hợp thực sự cần thiết và theo quy định của hai Bộ.

Ngân quỹ dùng cho các khoản chi của Nhà nước cũng như của cơ quan thuộc địa thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hàng tháng, Bộ trưởng nhận báo cáo về tình hình quỹ và đánh giá nhu cầu của ba tháng tiếp theo. Thống đốc sẽ điều chỉnh việc phát hành hối phiếu tuỳ tình hình của quỹ theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngân khố.

Việc chuyên chở tiền phục vụ hoạt động của ngân khố tại thuộc địa sẽ do ngân sách địa phương đảm nhiệm, được tiến hành theo các quy định tương tự như tại Pháp, theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Ngân khố.

Giám đốc Sở Ngân khố trực tiếp chuyển bảng cân đối kế toán hàng tháng và báo cáo quyết toán hàng năm tới Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bộ phận Bưu điện

Giám đốc Sở Ngân khố được trao các chức năng tương tự như Giám đốc Sở Bưu điện Paris. Ở Sài Gòn, các nhân viên thừa hành Giám đốc Sở đảm nhiệm chức năng của người thu thuế chính và tại thuộc địa, chức năng của nhân viên thu thuế phụ trách khu. Đích thân

Giám đốc Sở Ngân khố thực hiện các hoạt động khác như thu thuế ròng đối với các tem bưu điện được những người đứng đầu ngân khố khu cho lưu hành. Giám đốc Sở tập trung hoạt động của nhân viên thu thuế và lập báo cáo quyết toán năm về mọi hoạt động cũng như tất cả các loại tem bưu chính đang lưu hành. Báo cáo quyết toán nêu rõ tình hình lưu kho của các loại tem bưu chính cũng như định giá phần tem lưu kho vào thời điểm quyết toán. Việc chuyển điện tín ở thuộc địa và các chi phí thiết bị phục vụ các trạm sẽ do thuộc địa đảm nhiệm.

Giám đốc Sở Ngân khố và những người đứng đầu ngân khố các khu hành chính nộp tiền bảo lãnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Nhân viên thừa hành cấp dưới hoặc nhân viên thu thuế không phải nộp tiền bảo lãnh. Giám đốc Sở Ngân khố có thể yêu cầu các đối tượng nhân viên trên nộp tiền bảo lãnh nếu được Thống đốc cho phép. Bộ trưởng Bộ Tài chính sẽ quyết định và ấn định số tiền phải nộp.

Những nhân viên được bổ dụng trước khi rời nước Pháp vào các chức danh yêu cầu nộp tiền bảo lãnh phải nộp khoản tiền trên vào ngân khố trước khi nhậm chức. Những người đang ở thuộc địa vào thời điểm nhận được thông báo bổ dụng phải nộp tiền bảo lãnh trong thời hạn 1 năm kể từ ngày nhận được thông báo bổ dụng.

Điều 195 của Sắc lệnh ngày 26 tháng 9 năm 1855 liên quan đến Sở Ngân khố không áp dụng tại Nam Kì; tại thuộc địa, liên quan đến Sở Ngân khố và Bưu điện, Chánh chủ trì thực hiện tất cả các quyền hạn của Tổng Thanh tra tài chính tại Pháp và An-giê-ri. Đích thân Chánh chủ trì hoặc uỷ quyền cho nhân viên dưới quyền tiến hành các cuộc thanh tra toàn diện về tài chính. Các đợt kiểm tra quỹ định kì hàng tháng như quy định tại điều 194 của Sắc lệnh ngày 29 tháng 9 năm 1855 không áp dụng tại Nam Kì, chỉ bắt buộc tiến hành kiểm tra đột xuất hoặc kiểm tra quản lí. Ít nhất mỗi năm một lần, theo lệnh của Chánh chủ trì, tiến hành đột xuất kiểm tra quỹ và sổ sách giấy tờ của Giám đốc Sở Ngân khố cũng như của những người đứng đầu ngân khố khu. Các biên bản trong đó có kết quả kiểm tra sẽ được Thống đốc gửi tới Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Sắc lệnh ngày 15 tháng 4 năm 1873, việc thanh tra lưu động ngân khố Nam Kì sẽ do các thanh tra tài chính, chính quốc đảm

nhiệm. Hồ sơ của các đợt thanh tra lưu động liên quan đến hoạt động của Sở Ngân khố sẽ được tiến hành theo hình thức thanh tra tài chính ở Pháp.

28. Arrêté du 5 janvier 1876 du Gouverneur de la Cochinchine divisant le territoire de la colonie en 4 circonscriptions administratives.

Nghị định ngày 05 tháng 01 năm 1876 của Thống đốc Nam Kì chia địa bàn Nam Kì thành 4 khu hành chính.

(Nguồn: J 29, BOC 1876, tr.4-5)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Địa bàn Nam Kì được chia thành 4 khu hành chính:

1. Khu vực Sài Gòn gồm: Sài Gòn, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hoà và Bà Rịa.

2. Khu vực Mỹ Tho gồm: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công và Chợ Lớn.

3. Khu vực Vĩnh Long gồm: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh và Sa Đéc.

4. Khu vực Bát Xát gồm: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng.

Mỗi khu hành chính sẽ do một viên thanh tra công việc nội chính bản xứ phụ trách. Vào đầu mỗi quý, viên thanh tra này tiến hành tổng thanh tra trên toàn bộ khu vực quản lí. Cuộc tổng thanh tra nhằm mục đích: kiểm soát tình hình chính trị; trấn an tinh thần của người dân; đánh giá các biện pháp hành chính và kiểm tra kết quả thực hiện những biện pháp đã được thông qua; giám sát thái độ của viên chức bản xứ; thanh tra các đội lính cơ; thông báo cơ hội tham gia các công trình thuộc mọi lĩnh vực do quan cai trị đề xuất; báo cáo về việc thi công những công trình đã được cấp phép.

Thanh tra viên chịu trách nhiệm lập báo cáo tình hình chung gửi đến Giám đốc Nha Nội chính và cuối cùng trình Thống đốc Nam Kì.

Ngoài ra, thanh tra các công việc nội chính bản xứ còn thực hiện những nhiệm vụ đột xuất do Thống đốc giao và trực tiếp báo cáo với Thống đốc về việc này.

Những thanh tra viên đi công tác hoặc thực hiện nhiệm vụ tạm thời được miễn cước phí bưu điện và điện báo khi trao đổi với Giám đốc Nha Nội chính và quan cai trị khu vực trong phạm vi quản lí.

29. Décret du 2 juin 1876 du Président de la République française portant réorganisation du Service des Affaires indigènes en Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 02 tháng 6 năm 1876 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Sở Phụ trách các công việc nội chính bản xứ tại Nam Kì.

(Nguồn: J 29, BOC 1876, tr.174-181)

Sắc lệnh gồm 31 điều, với các nội dung chính sau:

Việc thanh tra và quản lí công việc nội chính bản xứ tại Nam Kì được giao cho một đội gồm: 7 thanh tra viên; 20 quan cai trị hạng 1; 22 quan cai trị hạng 2; 22 quan cai trị hạng 3.

Thanh tra viên sống tại Sài Gòn phụ trách thanh tra các cơ quan bản xứ.

Tại mỗi khu hành chính, việc quản lí các cơ quan được giao cho 3 quan cai trị thuộc một trong ba hạng 1, 2, 3.

- Quan cai trị hạng 1 điều hành về mặt chính trị, quản lí chung, giám sát các cơ quan trực thuộc Nha Nội chính, chỉ huy quân đội, tư pháp đối với người bản xứ và người Âu theo quy định tại Sắc lệnh ngày 25 tháng 7 năm 1864 và ngày 07 tháng 3 năm 1868 về tổ chức tư pháp của Nam Kì và chức công chứng viên;

- Quan cai trị hạng 2 phụ trách thu thuế, thanh toán các khoản chi, thanh tra trường học và kho vũ khí;

- Quan cai trị hạng 3 phụ trách lập sổ thuế, trước bạ, địa bạ, bưu điện và điện báo; giúp việc cho quan cai trị hạng 1 liên quan đến những công việc phụ trách.

Quan cai trị hạng 1 có quyền chỉ đạo quan cai trị hạng 2, hạng 3 và được trực tiếp liên hệ với Giám đốc Nha Nội chính. Thanh tra công việc nội chính bản xứ và quan cai trị chịu sự chỉ đạo của Giám đốc

Nha Nội chính. Thanh tra và quan cai trị các công việc bản xứ được bổ nhiệm theo sắc lệnh của người đứng đầu cơ quan hành pháp, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa. Thanh tra viên được lựa chọn trong số quan cai trị hạng 1 có thời gian công tác tại hạng này ít nhất 1 năm. Quan cai trị hạng 3 được tuyển trong số quan cai trị tập sự thông qua thi tuyển. Chương trình thi nâng hạng được quy định cụ thể hàng năm.

Một trường học đặc biệt được lập tại Sài Gòn dành cho các quan cai trị tập sự. Kết thúc khoá học, nếu đậu ở kì thi đặc biệt, học viên có thể được bổ nhiệm làm quan cai trị hạng 3.

Thanh tra hoặc quan cai trị công tác tại thuộc địa đủ 12 năm được hưởng ưu đãi từ quỹ tương tế.

30. Décret du 23 juillet 1879 du Président de la République française instituant une Inspection des Services administratifs et financiers de la marine et des colonies.

Sắc lệnh ngày 23 tháng 7 năm 1879 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Hải quân và Thuộc địa.

(Nguồn: J 36, BOC 1879, tr.373-377)

Sắc lệnh gồm 4 phần, 19 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Hải quân và Thuộc địa

Ban Thanh tra các cơ quan hành chính của Bộ Hải quân và Ban thanh tra lưu động các cơ quan hành chính và tài chính của Bộ Thuộc địa được gộp thành Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Hải quân và Thuộc địa.

Ban Thanh tra gồm: 4 thanh tra trưởng hạng 1; 4 thanh tra trưởng hạng 2; 21 thanh tra và 24 thanh tra phụ tá.

Phần II. Công việc của Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Hải quân và Thuộc địa

Hoạt động thanh tra lưu động tại thuộc địa được giao cho hai thanh tra trưởng.

Thanh tra trưởng biệt phái đến thuộc địa phụ trách thanh tra tất cả các hoạt động của cơ quan hành chính và tài chính Bộ Thuộc địa.

Bộ trưởng Bộ Hải quân chịu trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phần báo cáo của các thanh tra trưởng liên quan đến hoạt động tài chính của Bộ Thuộc địa.

Điều 10 quy định quyền hạn của thanh tra thường trực thuộc địa:

- Nhân danh Bộ trưởng, thanh tra viên thường trực biệt phái đến thuộc địa phụ trách thanh tra và kiểm soát các cơ quan hành chính và tài chính tại thuộc địa.

- Giám sát hoạt động của các cơ quan hành chính và tài chính; yêu cầu thực thi luật, quyết định, sắc lệnh, quy định và các lệnh của Bộ cũng như nghị định, quyết định của Thống đốc.

- Thanh tra thường trực giám sát: Tất cả các khoản chi bằng tiền mặt, nguyên liệu và lương thực, các khoản thu, chi thuộc ngân sách địa phương; bảo quản hàng hoá và quân nhu tại các cửa hàng quốc doanh, hoặc của thuộc địa; việc sử dụng nguyên liệu và thời gian của công nhân; bệnh viện, nhà tù, trại giam cải tạo, công trường, xưởng và những cơ sở khác của Nhà nước, hoặc của thuộc địa; quản lí quỹ dành cho thương binh, thuỷ thủ và chiến lợi phẩm; các cơ quan, trang trại và quản lí thuế của thuộc địa.

- Kiểm tra quỹ và sổ sách kế toán của ngân khố và hoạt động kế toán của địa phương, xã, dưỡng đường và công sở.

- Tìm hiểu, đảm bảo tính chính xác và hợp thức của các bảng kê, sổ sách.

- Nhà kho, xưởng, văn phòng, phòng Lục sự.

- Những người đứng đầu chính quyền và cơ quan có trách nhiệm giải thích cho thanh tra viên thường trực đồng thời cung cấp thông tin khi được yêu cầu.

- Thanh tra viên thường trực được tham gia các phiên đấu thầu, kí kết hợp đồng theo thoả thuận, hoạt động trả lương cho công nhân, thống kê, xét xử, giáng cấp, mua bán và mọi hoạt động liên quan đến nhà nước hoặc cơ quan địa phương v.v...

- Thanh tra viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng Tư mật nhưng không được phép chỉ đạo, ngăn cản hoặc đình chỉ bất kì hoạt động nào. Thanh tra viên có thể tạm thời khoá sổ kế toán khi thấy có vấn đề bất cập. Trường hợp thanh tra viên nghỉ phép, phó thanh tra được tạm quyền giữ chức.

Phần III. Đội ngũ nhân sự của Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Hải quân và Thuộc địa

Điều 15. Những quy định về điều kiện nâng bậc, tuyển dụng, giải ngũ, lương, trợ cấp v.v... của nhân sự Ban Thanh tra các cơ quan hành chính Bộ Hải quân có thể áp dụng đối với viên chức của Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Hải quân và Thuộc địa.

Tuy nhiên, khi được sử dụng vào Ban Thanh tra lưu động hoặc thường trực Bộ Thuộc địa, lực lượng này được hưởng mức lương đặc biệt cùng với những khoản trợ cấp khác v.v...

31. Arrêté du 18 août 1879 du Gouverneur de la Cochinchine portant réorganisation du Service des Travaux publics en Cochinchine.

Nghị định ngày 18 tháng 8 năm 1879 của Thống đốc Nam Kì quyết định tổ chức lại Sở Công chính Nam Kì.

(Nguồn: J 36, BOC 1879, tr.316-318)

Nghị định gồm 18 điều với các nội dung chính sau:

Sở Công chính Nam Kì phụ trách nghiên cứu và thi công các công trình, gồm: thiết kế, xây dựng nhà cửa, nâng cấp, chiếu sáng, bảo trì hệ thống giao thông đường bộ và đường biển, cung cấp nước sạch cho các trung tâm, vệ sinh, nạo vét sông ngòi, dẫn, tháo nước và tất cả các công trình thuỷ nông. Công trình xây dựng đình, hệ thống đường cấp xã do các làng phụ trách.

Chức Chánh Sở được giao cho kĩ sư trưởng. Dưới quyền Chánh Sở là một kiến trúc sư phụ trách các công trình dân sự và một kĩ sư phụ trách công trình cầu đường. Kiến trúc sư chỉ đạo và kiểm soát việc lập dự án và thi công các công trình dân sự; kiểm soát việc quản lí sổ sách, kế toán liên quan đến các công trình dân sự.

Kĩ sư phụ trách lĩnh vực cầu đường kiểm soát và tiến hành nghiên cứu thực địa; kiểm soát dự án của các đốc công...

Nhân viên công chính được phân chia theo từng đội tại Sài Gòn, Chợ Lớn và 4 khu hành chính lớn.

Đội Sài Gòn gồm 1 đốc công chỉ huy các công trình nhà xưởng trung ương, 1 đốc công phụ trách bảo trì các tuyến đường quốc lộ và bến bãi tại Sài Gòn, 3 đốc công phụ trách công trình dân sự và 4 đốc công phụ trách cầu đường. Kĩ sư phó và kiến trúc sư phó cũng thuộc biên chế của đội Sài Gòn.

Đội Chợ Lớn và các đội thanh tra, mỗi đội sẽ do một đốc công với danh nghĩa là Trưởng Khu công chính phụ trách. Viên đốc công này hoặc là sống cố định tại Chợ Lớn, hoặc tại một trong những thành phố thuộc mỗi ban thanh tra.

Bộ phận trao đổi thư từ, phát lệnh chuyển tiền và kế toán, gồm:

- *1 trưởng ban thư kí và 2 thư kí;*
- *1 kế toán trưởng và 1 nhân viên kế toán phụ;*
- *1 đốc công-kế toán viên và 1 nhân viên kế toán phụ;*
- *1 kế toán và một nhân viên kế toán phụ;*
- *1 đốc công và 1 nhân viên quản lí nhà kho.*

Chức giám sát công chính thực thụ chính thức bị xoá bỏ. Giám sát viên phải thi chuyển ngạch cai thợ, nếu không đạt sẽ bị sa thải.

Hoạt động kế toán của kĩ sư trưởng, kĩ sư, kiến trúc sư phụ trách các công trình dân sự và đốc công được quản lí theo Thông tri ngày 25 tháng 10 năm 1851 của Bộ trưởng Bộ Công chính.

32. Décret du 8 février 1880 du Président de la République française instituant un Conseil colonial en Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1880 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Hội đồng Thuộc địa tại Nam Kì.

(Nguồn: J 37, BOC 1880, tr.228-235)

Sắc lệnh gồm 4 phần, 44 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Thành lập Hội đồng Thuộc địa

- Hội đồng Thuộc địa được thành lập tại Nam Kì, có trụ sở đặt tại Sài Gòn. Thành phần của Hội đồng gồm: 6 uỷ viên là công dân Pháp hoặc được nhập quốc tịch Pháp; 6 uỷ viên người châu Á thuộc quốc tịch Pháp; 2 uỷ viên dân sự Hội đồng Tư mật; 2 uỷ viên đại diện cho Phòng Thương mại. Uỷ viên Hội đồng được bầu với nhiệm kì 4 năm.

Uỷ viên Hội đồng Thuộc địa hưởng trợ cấp đi lại theo quy định tại nghị định của Thống đốc và được đưa ra thông qua trước Hội đồng Tư mật.

Uỷ viên người Pháp được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu trực tiếp và bỏ phiếu kín. Cử tri là công dân Pháp hoặc được nhập quốc tịch Pháp, được hưởng các quyền dân sự và chính trị, không bị cấm theo luật định, sống tại thuộc địa trong thời gian 1 năm tính đến ngày triệu tập cử tri. Những người đủ tư cách là công dân tròn 25 tuổi và có thời gian sống tại thuộc địa ít nhất 2 năm tính đến ngày bầu cử, có tên trong danh sách bầu cử hoặc có tên trong danh sách trước ngày bầu cử.

- Viên chức hoặc nhân viên hưởng lương từ chính quốc hay thuộc địa không được tham gia Hội đồng Thuộc địa. Công dân đang có người được bảo trợ tư pháp không được bầu chọn.

- Các khu vực bầu cử uỷ viên người Pháp và uỷ viên bản xứ cũng như cách thức phân chia số uỷ viên Hội đồng Thuộc địa được bầu giữa các khu vực do Thống đốc quy định và được chuẩn y trước Hội đồng Tư mật. Các cuộc bầu cử diễn ra theo từng khu vực.

Danh sách bầu cử được lập và duyệt theo Luật ngày 15 tháng 3 năm 1849 quy định tạm thời chế độ bầu cử tại Nam Kì.

Khu vực bầu cử được chia thành các ban bầu cử theo nghị định của Thống đốc và được Hội đồng Tư mật chuẩn y.

Thời gian khai mạc, duyệt danh sách cũng như thời gian bế mạc và công bố danh sách bầu cử tại thuộc địa được quy định bằng nghị định của Thống đốc và được chuẩn y trước Hội đồng Tư mật.

Chủ tịch đoàn cử tri có thể do Đốc lí, Phó Đốc lí, uỷ viên Hội đồng Thành phố đảm nhiệm.

Việc kiểm phiếu bầu do phòng bầu cử tại thủ phủ khu vực tiến hành. Chủ tịch đoàn công bố kết quả và gửi biên bản, giấy tờ liên quan đến Giám đốc Nha Nội chính. Ngay sau khi kiểm phiếu, hai thành viên phòng bầu cử sẽ niêm yết biên bản của mỗi ban bầu cử đã được quyết định, kí ban hành và được đưa ra tại thủ phủ của khu vực.

Trong vòng bỏ phiếu đầu tiên, người trúng cử phải đạt đa số tuyệt đối số phiếu phát ra và số phiếu bầu đạt ¼ số cử tri đăng kí. Nếu vòng 1 không có người trúng cử, vòng 2 được thực hiện trên nguyên tắc đa số tương đối, không phụ thuộc vào số cử tri bỏ phiếu. Nếu nhiều ứng cử viên giành được số phiếu bầu bằng nhau, người lớn tuổi nhất sẽ đắc cử. Giám đốc Nha Nội chính giải quyết mọi đơn thư khiếu nại về kết quả bầu cử.

Nếu đơn khiếu nại không được gửi kèm biên bản viện dẫn lí do sẽ được gửi đến Nha Nội chính trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày thống kê phiếu bầu. Đơn khiếu nại cũng đồng thời được thông báo tới các bên có liên quan bằng đường hành chính.

Uỷ viên Hội đồng Thuộc địa đắc cử tại nhiều khu vực bầu cử có quyền lựa chọn khu vực làm Chủ tịch trong thời hạn 3 ngày sau cuộc họp đầu tiên của Hội đồng. Trường hợp uỷ viên không lựa chọn, Hội đồng quyết định bằng hình thức rút thăm. Uỷ viên Hội đồng sẽ bị cách chức nếu không đảm nhiệm được công việc hoặc không tham dự phiên họp thường kì nếu không có lí do chính đáng. Hội đồng sẽ bố trí người thay thế trong trường hợp này.

Phần II. Các phiên họp của Hội đồng Thuộc địa

Chủ tịch Hội đồng Thuộc địa do Thống đốc bổ nhiệm. Hội đồng mỗi năm họp một kì trong vòng 20 ngày theo lệnh triệu tập của Thống đốc. Thời gian do Thống đốc quy định.

Nội dung kì họp do Thống đốc quy định, được Hội đồng Tư mật thông qua. Giám đốc Nha Nội chính tham gia các cuộc thảo luận tại Hội đồng Thuộc địa. Người đứng đầu chính quyền và cơ quan được dự họp khi Hội đồng đề cập tới những nội dung thuộc phạm vi quyền hạn. Các phiên họp của Hội đồng không diễn ra công khai.

Nghị quyết của Hội đồng Thuộc địa chỉ có hiệu lực khi trên một nửa số thành viên tán thành và tập trung đa số tuyệt đối phiếu bầu.

Tiếng Pháp được dùng làm ngôn ngữ chính trong kì họp và có thông ngôn. Biên bản cuộc họp được công bố bằng tiếng Pháp và chữ quốc ngữ.

Các biên bản, nghị quyết của Hội đồng về những nội dung không thuộc thẩm quyền hoặc không có trong các cuộc họp chính thức và không được pháp luật cho phép đều không có giá trị.

Thống đốc phải công khai cuộc họp trái quy định, công bố những biên bản không có hiệu lực và có quyền giải tán hội nghị và chuyển cho Chưởng lí xử lí theo luật định. Thông qua Thống đốc, Hội đồng Thuộc địa có thể gửi tới Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa đơn thư khiếu nại vì lợi ích đặc biệt của thuộc địa. Trong thời gian họp, Hội đồng có thể thu thập những thông tin cần thiết để đưa ra quyết định thuộc thẩm quyền. Mọi nghị quyết, thỉnh nguyện có yếu tố chính trị đều bị cấm.

Phần III. Chức năng, quyền hạn của Hội đồng Thuộc địa

Hội đồng Thuộc địa quyết định những vấn đề:

- Trưng mua, chuyển nhượng, trao đổi động sản và bất động sản của thuộc địa không thuộc sở hữu của công sở;

- Thay đổi mục đích và cách thức sử dụng tài sản tại thuộc địa không sử dụng vào mục đích công;

- Quản lí tài sản tại thuộc địa;

- Các hợp đồng cho thuê tài sản hoặc để lĩnh canh hoặc cho thuê;

- Các cuộc thoả hiệp liên quan đến quyền lợi của thuộc địa;

- Chấp nhận hoặc từ chối quà biếu tặng cho xứ thuộc địa;

- Xếp hạng, quản lí và giáng loại đường sá;

- Bảo hiểm sở hữu động sản và bất động sản của thuộc địa;

Hội đồng cũng biểu quyết về những vấn đề liên quan đến thuế khoá.

Hội đồng Thuộc địa quyết nghị các vấn đề như:

- Huy động công trái và tiền đặt cọc;

- Quy định cơ sở đánh thuế và việc thu thuế trực thu và các loại thuế khác;

- Chi phí mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động tư pháp và tôn giáo; chi phí để thanh toán tiền lương cho nhân sự và mua sắm thiết bị cho Ban thư kí Phủ Thống đốc; giáo dục công; trại cải tạo và nhà tù;

- Trưng mua, chuyển nhượng và trao đổi tài sản tại thuộc địa sử dụng trong công sở.

Các nghị quyết của Hội đồng Thuộc địa về các vấn đề trên được Tổng thống hoặc Thống đốc phê chuẩn theo quy định.

Hội đồng góp ý về các vấn đề liên quan đến:

- Thuế nhập thị và thuế hải quan áp dụng tại thuộc địa;

- Thay đổi địa giới các huyện, tổng, xã và chỉ định các tỉnh lị;

- Những vấn đề liên quan đến lợi ích thuộc địa.

Ngân sách thuộc địa do Hội đồng Thuộc địa thảo luận, sau đó Thống đốc ra quyết định và được đưa ra thông qua trước Hội đồng Tư mật. Ngân sách này bao gồm:

- Khoản thu trừ tiền bán hoặc chuyển nhượng các vật dụng đã được mua bằng tiền ngân khố và khoản tiền khấu trừ lương ghi trong ngân sách nhà nước;

- Các khoản chi trừ tiền chi lương của Thống đốc, Giám đốc Ngân khố và của các cơ quan quân sự.

Dự toán chi ngân sách được chia thành khoản chi bắt buộc và khoản chi không bắt buộc.

Khoản chi bắt buộc bao gồm: các khoản nợ phải trả; chi phí cho đội ngũ nhân sự và mua sắm thiết bị cho công sở; những khoản chi này được quy định theo sắc lệnh của Tổng thống; các loại quỹ dự phòng; việc xây nhà cửa cho Sở Hiến binh; các khoản chi từ việc hình thành quỹ hưu hoặc tương tế cho đội ngũ nhân viên ngoài đội ngũ nhân viên mượn từ các cơ quan của chính quốc; chi phí in ấn nằm trong ngân sách, tài khoản thu, chi của cơ quan địa phương và bảng kê hộ tịch 10 năm; những phần đóng góp của thuộc địa theo quy định tại điều khoản trước; việc hoàn trả kinh phí trích từ quỹ tương tế; mọi khoản chi cho lương, xây dựng nhà cửa trong doanh trại, quần áo, lương thực v.v... cho đội ngũ lính bản xứ An-nam.

Các khoản chi không bắt buộc do Hội đồng Thuộc địa biểu quyết không được thay đổi, điều chỉnh trừ một số trường hợp đặc biệt:

- Trường hợp đã có quy định trong điều khoản trước và ít nhất các khoản chi không bắt buộc không vượt quá nguồn vốn thông thường trong tài khoá, sau khi thanh toán những khoản chi bắt buộc.

- Khi dự toán liên quan đến những khoản chi này được trình lên Bộ trưởng, cần có một cuộc nghiên cứu bổ sung hoặc một cuộc thảo luận mới.

33. Décret du 4 mai 1881 du Président de la République française réorganisant la Direction de l'Intérieur de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 04 tháng 5 năm 1881 về việc tổ chức lại Nha Nội chính Nam Kì.

(Nguồn: J 39, BOC 1881, tr.283-278)

Sắc lệnh gồm 7 phần, 41 điều.

Phần I. Nha Nội chính

Giám đốc Nha Nội chính chịu trách nhiệm quản lí các vấn đề dân sự và bản địa ở Nam Kì.

Nhân sự của cơ quan này chia thành hai hạng viên chức dân sự và nhân viên quân sự, tuỳ theo năng lực làm việc tại các văn phòng của Nha hoặc các cơ quan bên ngoài.

A. Nhân sự Nha Nội chính và các cơ quan trực thuộc gồm:

- Nhân sự người Âu: Giám đốc nha Nội chính, thư kí tổng hợp, các trưởng phòng hạng 1 và 2, các phó trưởng phòng hạng 1 và 2, tham tá chính hạng 1 và 2, tham tá biên tu hạng 1 và 2, kế toán viên hạng 1 và 2, tham tá kế toán hạng 1 và hạng 2, nhân viên kế toán phụ tá, thông ngôn người châu Âu hạng 1 và 2.

- Nhân sự bản địa: thư kí chính người bản địa hạng 1 và 2, thư kí bản địa hạng 1 và 2, phụ tá thư kí bản địa hạng 1 và 2, thư kí tập sự, thông ngôn người Anh, Trung Quốc và Ấn Độ, một phu hạng 1.

B. Cơ quan bên ngoài:

- Nhân sự người châu Âu: Quan cai trị chính, quan cai trị hạng 1, hạng 2, hạng 3, quan cai trị tập sự, tham tá hạng 1 và 2, tham tá chủ sự hạng 1 và 2, tham tá kế toán hạng 1 và 2, trợ lí tham tá kế toán.

- Nhân sự bản địa: Thư kí chính người bản địa hạng 1 và 2, hai thư kí bản địa hạng 1 và 2, phụ tá thư kí bản địa hạng 1 và 2, bưu tá hạng 1, 2 và 3.

Thành phần và quyền hạn của các văn phòng thuộc Nha Nội chính do Toàn quyền quyết định.

Phần II. Chính quyền cấp tỉnh

Tại mỗi tiểu khu, viên quan cai trị thực hiện quyền hành pháp phụ trách các công việc chính trị và hành chính, giám sát công việc dân sự và tài chính; đảm trách công việc của viên chức hộ tịch đối với người châu Âu và công tố viên tại các tiểu khu không có toà án, đại diện cho Sở Hàng hải tại các đồn không có sĩ quan hành chính, kiểm tra giám sát chính quyền làng xã, tuyển dụng.

Nha Nội chính cử một tham tá hỗ trợ với chức danh thư kí tiểu khu và thay thế viên quan cai trị trong trường hợp vắng mặt.

Phần III. Tuyển dụng nhân sự hành chính

Tham tá biên tu hạng 2 phải đáp ứng các điều kiện sau: tốt nghiệp tú tài văn chương hoặc khoa học hoặc có bằng cao đẳng, độ tuổi từ 20-30. Tham tá chủ sự hạng 1 phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điều 6 Sắc lệnh ngày 02 tháng 06 năm 1876, độ tuổi 20-30, đáp ứng yêu cầu của luật tuyển dụng. Tiêu chuẩn của các sĩ quan thuộc các đơn vị Hải quân biệt phái trong các cơ quan hành chính Nam Kì được quy định trong các Sắc lệnh ngày 05 tháng 07 năm 1875 và 02 tháng 10 năm 1878.

Tham tá chính hạng 2 được chọn trong số tham tá biên tu hạng 1 có thâm niên 1 năm và thi đỗ kì sát hạch về năng lực hành chính. Tham tá chính hạng 1 được chọn trong số tham tá chính hạng 2 có thâm niên hai năm hoặc trong số ứng cử viên có bằng tiến sĩ luật. Quan cai trị tập sự được chọn trong số tham tá chính hạng 2 thông thạo tiếng bản xứ có thâm niên 1 năm.

Các phó phòng hạng 2 được chọn trong số tham tá chính hạng 1

hoặc quan cai trị tập sự có hai năm thâm niên theo ngạch bậc. Các phó phòng hạng 1 được chọn trong số các phó phòng hạng 2 có ít nhất hai năm thâm niên theo ngạch bậc.

Trưởng phòng hạng 2 được chọn trong số các phó phòng hạng 1 hoặc các quan cai trị hạng 3 có hai năm thâm niên theo ngạch bậc. Trưởng phòng hạng 1 được chọn trong số trưởng phòng hạng 2 đủ 3 năm làm việc thực tế theo ngạch bậc.

Quan cai trị hạng 3 được chọn trong số quan cai trị tập sự hoặc trong số phó phòng có hai năm làm việc tại thuộc địa, thông thạo tiếng bản xứ. Quan cai trị hạng 2 được chọn trong số quan cai trị hạng 3 có hai năm làm việc thực tế theo ngạch bậc. Quan cai trị hạng 1 được chọn trong số nhân viên hành chính hạng 3 có 3 năm làm việc thực theo ngạch bậc.

Thư kí tổng hợp được chọn hoặc trong số trưởng phòng hạng 1 hoặc quan cai trị hạng 1 có 3 năm làm việc thực tế theo ngạch bậc.

Quan cai trị chính được chọn trong số quan cai trị hạng 1 có 3 năm làm việc thực theo ngạch bậc. Tuỳ điều kiện, thư kí tổng hợp có thể được chọn vào vị trí này và yêu cầu thông thạo tiếng bản xứ.

Giám đốc Nha Nội chính và quan cai trị tiểu khu được cấp nhà ở và đồ đạc.

Chức danh tham tá biên tu do Toàn quyền bổ nhiệm. Tham tá chính, các quan cai trị tập sự và phó phòng do Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa bổ nhiệm.

Phần IV. Kế toán và tham tá kế toán

Ứng cử viên vào chức danh phụ tá tham tá kế toán phải đủ điều kiện sau: tuổi từ 20-30, đáp ứng yêu cầu của luật tuyển dụng và qua kì sát hạch về năng lực kế toán.

Tham tá kế toán hạng 2 được chọn trong số phụ tá tham tá có 1 năm làm việc thực tại vị trí tương đương. Tham tá kế toán hạng 1 được chọn trong số tham tá kế toán hạng 2 có hai năm làm việc thực trong cùng ngạch.

Kế toán hạng 2 được chọn trong số tham tá kế toán hạng 1 có 2 năm làm việc thực trong cùng ngạch và đã qua sát hạch kiểm tra năng

lực kế toán. Kế toán hạng 1 được chọn trong số kế toán hạng 2 có 3 năm làm việc thực trong cùng ngạch.

Trợ tá tham tá kế toán do Giám đốc Nha Nội chính bổ nhiệm. Tham tá kế toán do Toàn quyền bổ nhiệm, kế toán do Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa bổ nhiệm.

Phần V. Thư kí người An-nam

Toàn quyền Đông Dương ra nghị định trước Hội đồng Tư mật quy định về số lượng, lương, việc tuyển dụng đối với nhân sự ngạch thư kí người bản xứ. Thư kí người bản xứ hưởng mức lương dao động từ 600-2.400 phơ-răng và phụ cấp nếu biết tiếng Hoa.

Phần VI. Quy định về việc nghỉ phép và kỉ luật

Viên chức hoặc nhân viên không phải gốc châu Á có 3 năm làm việc liên tục tại thuộc địa chỉ có quyền nghỉ phép 6 tháng hưởng nguyên lương châu Âu. Thời gian đi lại không được tính vào thời gian nghỉ phép. Nghỉ phép kéo dài sẽ bị cắt lương, trừ trường hợp ốm đau có chứng nhận, áp dụng theo các Sắc lệnh ngày 01 tháng 6 năm 1875, 17 tháng 8 năm 1879 và 27 tháng 01 năm 1881.

Trường hợp nghiêm trọng, viên chức hoặc nhân viên có thể bị treo chức và cách chức. Từ cấp tham tá chính và tham tá kế toán, việc kỉ luật treo chức do Toàn quyền, Hội đồng Tư mật quyết định và Bộ trưởng Bộ Hải quân ấn định thời hạn. Đối với các chức danh thấp hơn tham tá chính và tham tá kế toán, hình thức kỉ luật đình chỉ chức vụ do Toàn quyền quyết định. Việc cách chức các quan cai trị phụ trách vấn đề bản xứ và trưởng phòng được tuyên bằng sắc lệnh, đối với các phó phòng, tham tá chính và kế toán do Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa quyết định dựa trên báo cáo của Toàn quyền, Viện Cơ mật và kết quả điều tra. Các nhân viên khác sẽ do Toàn quyền, Hội đồng Tư mật quyết định sau khi điều tra.

34. Décret du 3 février 1882 du Président de la République française portant réorganisation de l'administration centrale du ministère de la Marine et des Colonies.

Sắc lệnh ngày 03 tháng 02 năm 1882 của Tổng thống Cộng hoà

Pháp quy định việc tổ chức lại chính quyền trung ương của Bộ Hải quân và Thuộc địa.

(Nguồn: J 40, BOC, 1882, tr.125-127)

Theo Sắc lệnh, chính quyền trung ương của Bộ Hải quân và Thuộc địa được cơ cấu như sau:

Bộ Tổng Tham mưu gồm:

Phòng thứ 1 phụ trách hoạt động của hạm đội và các chiến dịch quân sự.

Phòng thứ 2 phụ trách thống kê hàng hải và nghiên cứu hải quân nước ngoài.

Phòng thứ 3 phụ trách Bộ Tham mưu hạm đội.

Tổng Tham mưu trưởng chỉ huy sĩ quan cao cấp và các thành viên khác trong Bộ Tham mưu của Bộ, ra lệnh cho Thứ trưởng và thông báo tới các nha, sở mệnh lệnh của Bộ trưởng, tập trung công việc điện tín.

Văn phòng Bộ trưởng gồm:

Phòng 1 phụ trách Nội các và phòng thư kí đặc biệt.

Phòng 2 phụ trách các công việc nội bộ và thư viện.

Phòng 3 phụ trách công tác lưu trữ và công báo.

Chánh Văn phòng ngang bậc giám đốc

Ban Nhân sự gồm:

Phòng 1 phụ trách các đơn vị bảo dưỡng và nhân viên khác.

Phòng 2 phụ trách các đơn vị hải quân.

Phòng 3 phụ trách thuỷ thủ đoàn của hạm đội và Toà án hải quân.

Phòng 4 phụ trách đăng kí hàng hải và kiểm soát giao thông đường thuỷ.

Phòng 5 phụ trách đánh bắt và công hữu đường biển.

Phòng 6 phụ trách lương, kiểm tra và cấp trang phục.

Ban Thiết bị gồm:

Phòng 1 phụ trách đóng tàu.

Phòng 2 phụ trách công trình thuỷ lực và công trình dân sự.

Phòng 3 phụ trách pháo binh.

Phòng 4 phụ trách tiếp tế chung.

Phòng 5 phụ trách quân lương và bệnh viện. Hai bộ phận kĩ thuật: đóng tàu và pháo binh trực thuộc Ban Thiết bị.

***Phòng Thuộc địa** (Phòng đặc biệt dưới quyền Thứ trưởng) gồm:*

Phòng 1 phụ trách công việc chính trị, quản lí chung và lưu trữ thuộc địa. Phòng 2 phụ trách quản lí nội vụ, di dân tự do và theo hình phạt, đồn luỹ.

Phòng 3 phụ trách toà án, học chính, tôn giáo.

Phòng 4 phụ trách lương, nghỉ phép, quân đội bản xứ, Sở Cảnh sát thuộc địa.

Phòng 5 phụ trách tài chính, công chính, tiếp tế, lương thực, bệnh viện và các công trình quân sự.

Phòng Kế toán tổng hợp gồm:

Phòng 1 phụ trách các quỹ và các quyết định.

Phòng 2 phụ trách chi phí ở hải ngoại.

Phòng 3 phụ trách kế toán trung ương về các quỹ.

Phòng 4 phụ trách kế toán vật phẩm. Ngoài ra, cơ quan quản lí trung ương còn bao gồm Sở Thương binh, Sở Kiểm tra trung ương.

35. Décret du 19 octobre 1883 du Président de la République française instituant et réorganisant le Conseil supérieur des colonies.

Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1883 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập và tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 57, BOC 1890, tr.833-834)

Sắc lệnh gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Tối cao thuộc địa được thành lập cạnh Bộ Hải quân và Thuộc địa do Bộ trưởng, hoặc Thứ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa làm Chủ tịch trong trường hợp Bộ trưởng vắng mặt.

Thành viên Hội đồng gồm:

- Thượng nghị sĩ và nghị sĩ các thuộc địa;

- 4 đại diện cho 4 thuộc địa Nouvelle Calédonie, Tahïti, Saint Pierre và Miquelon, Mayotte và Nossi-Bé;

- 10 thành viên do Tổng thống bổ nhiệm bằng sắc lệnh với nhiệm kì 3 năm, theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa;

- Trưởng ban Lập pháp Hội đồng Nhà nước; Trưởng ban Tài chính Hội đồng Nhà nước; Tổng Tham mưu trưởng Bộ Hải quân; Trưởng ban Kế toán Bộ Hải quân; Chủ tịch Uỷ ban Giám sát các ngân hàng thuộc địa; Giám đốc quản lí hệ thống nhà tù thuộc Bộ Nội vụ; Trưởng Ban Ngoại thương thuộc Bộ Thương nghiệp; Chủ tịch các Phòng Thương mại Bordeaux, Havre, Marseille, Nantes và Paris.

Hội đồng còn có hai phó chủ tịch do Tổng thống bổ nhiệm; một thư kí và một phó thư kí do Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa chỉ định.

Hai Phó Giám đốc Sở Thuộc địa thuộc chính quyền trung ương cũng được tham dự các cuộc họp của Hội đồng với quyền tư vấn.

36. Arrêté du 20 mai 1884 du Gouverneur de la Cochinchine française déterminant les attributions du secrétariat général et des bureaux de la Direction de l'Intérieur.

Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1884 của Thống đốc Nam Kì quy định quyền hạn của văn phòng và các phòng ban của Nha Nội chính.

(Nguồn: J 43, BOC, 1884, tr.200-201)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Quyền hạn của văn phòng và các phòng ban của Nha Nội chính được quy định như sau:

***Văn phòng phụ trách**: Tiếp nhận công văn đến, đăng kí và lưu điện tín cấp bộ, tập hợp công việc của các văn phòng khác, công việc mật và chuyên biệt, bổ nhiệm, thuyên chuyển, nghỉ phép, hồi hương, khen thưởng.*

***Phòng 1 phụ trách**: Sổ đăng kí, thanh toán chi trả chi phí nhân sự; bệnh viện và lương thực; lương và phụ cấp; cấp trang phục; lính cơ*

có vũ trang; nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách nhân sự; quản lí quỹ dự phòng của chính quyền trung ương và cơ quan phụ trách công việc bản xứ.

***Phòng 2 phụ trách**: Công trình cầu đường, dân sự, thanh tra; thông qua báo giá; mua bán giao kèo cung cấp vật tư và công trình; kho hàng tiếp tế, giao nhận đồ đạc, thiết bị và vật dụng văn phòng, đường sá, xếp hạng đường công cộng, mốc giới đường bộ và đường thuỷ, nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách về thiết bị và công trình.*

***Phòng 3 phụ trách**: Tổng hợp thống kê, nông - công nghiệp, thương mại và hàng hải, hành chính tổng hợp, tế bần, bệnh viện, học chính và tín ngưỡng, kiểm soát chung, tư pháp, nhà tù và lưu đày, hộ tịch, chính quyền thành phố, thư viện và lưu trữ, dịch thuật, công bố định kì, bản đồ và sơ đồ, in ấn, đo lường, đề nghị nhập quốc tịch...*

***Phòng 4 phụ trách**: Kế toán tổng hợp, nghiên cứu, chuẩn bị và dự toán ngân sách thu, thuế trực thu và thuế gián thu, thu lợi từ lĩnh canh, xem xét, kiểm tra và thu hồi thuế các loại, cơ sở đánh thuế, giảm thuế, thu và hoàn thuế các loại, báo cáo thu và công bố số liệu của cơ quan địa phương, tập trung và thanh toán các khoản chi, mở, chuyển khoản, phục hồi tín dụng, phân phối các quỹ hàng tháng, chế độ tiền tệ, thể chế tín dụng, công việc về ngân khố, quỹ kí trước, tài sản thừa kế vô chủ, chuyển đổi, chứng thực biên lai, nhập cư...*

***Phòng 5 phụ trách**: Quản lí vùng miền, Hội đồng Tiểu khu, biên bản họp, kế toán vùng, kiểm tra giám sát sổ sách, lập ngân sách vùng, hợp đồng cho thuê và giao kèo, kiểm tra các tài khoản đã thanh toán, chuyển tín dụng, đăng kí, cầm cố, đất đai, trợ quản, địa bạ, bưu điện và thư tín, rừng, kho dầu.*

37. Décision du 1er septembre 1884 du Gouverneur de la Cochinchine française réglant à nouveau la répartition des attributions du secrétariat général et des bureaux de la Direction de l'Intérieur.

Quyết định ngày 01 tháng 9 năm 1884 của Thống đốc Nam Kì quy định lại quyền hạn Ban Tổng Thư kí và các phòng khác của Nha Nội chính.

(Nguồn: J 43, BOC 1884, tr.365-366)

Quyết định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Quyền hạn của ban Tổng Thư kí, Phòng 1 và Phòng 2 được quy định như sau:

***Văn phòng phụ trách**: Công văn đến và đi, đăng kí và lưu các bức điện của cấp bộ, tập hợp công việc của các văn phòng khác, công việc mật và chuyên biệt, hồ sơ nhân sự.*

***Phòng 1 phụ trách**: Bổ nhiệm, thuyên chuyển, nghỉ phép, hồi hương, khen thưởng, đăng kí, thanh toán chi trả chi phí nhân sự, bệnh viện và lương thực, lương và phụ cấp, dân vệ, nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách nhân sự, quản lí quỹ dự phòng của chính quyền trung ương và cơ quan phụ trách công việc bản xứ.*

***Phòng 2 phụ trách các công việc**: Công trình cầu đường, dân sự, thanh tra, thông qua điều kiện đấu thầu, giao kèo mua bán, đấu giá cung cấp vật tư và công trình, thanh toán chi phí thiết bị, nhà kho, cung ứng đồ đạc, thiết bị vật dụng văn phòng, vũ khí và trang thiết bị, quân trang cho dân vệ, cấp trang phục và lương thực cho học sinh, nuôi tù nhân, đường sá, xếp hạng đường công cộng, mốc giới đường bộ và đường thuỷ, nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách về thiết bị.*

38. Décret du 11 janvier 1885 du Président de la République française portant réorganization de l'Administration centrale des Colonies du Ministère de la Marine et des Colonies.

Sắc lệnh ngày 11 tháng 01 năm 1885 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định việc tổ chức lại cơ quan hành chính thuộc địa trung ương thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa.

(Nguồn: J 44, BOC, 1885, tr.75-78)

Sắc lệnh gồm 5 phần và 16 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Tổ chức chung

Cơ quan hành chính thuộc địa trung ương thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa gồm hai ban.

Nhân sự và quyền hạn của các ban được quy định như sau:

Ban 1 do trưởng ban chỉ đạo gồm 3 phòng phụ trách các công việc

về chính trị, hành chính tổng hợp, lưu trữ thuộc địa; tư pháp, học chính, tôn giáo...; lương, nghỉ phép, quân đội bản xứ, sở cảnh sát thuộc địa...

Ban 2 do một trưởng ban chỉ đạo gồm 3 phòng phụ trách các công việc về chế độ kinh tế thuộc địa, kế toán thuộc địa...; quản lí nhà tù, di dân tự do và theo hình phạt; tài chính, tiếp tế, các công trình quân sự.

Mỗi phòng có 1 trưởng phòng và 2 phó phòng.

Chế độ đãi ngộ và thứ hạng nhân sự của cơ quan hành chính trung ương được ấn định như sau: Trưởng ban: 11.000-12.000 phơ-răng; trưởng phòng: hạng 1: 10.000 phơ-răng, hạng 2: 9.000 phơ-răng, hạng 3: 8.000 phơ-răng, hạng 4: 7.000 phơ-răng; phó phòng: hạng 1: 6.000 phơ-răng, hạng 2: 5.500 phơ-răng, hạng 3: 5.000 phơ-răng; tham tá chính: hạng 1: 4.500 phơ-răng, hạng 2: 4.000 phơ-răng, hạng 3:3.600 phơ-răng, hạng 4: 3.300 phơ-răng, hạng 5: 3.000 phơ-răng; tham tá: hạng 1: 2.700 phơ-răng, hạng 2: 2.400 phơ-răng, hạng 3: 2.100 phơ-răng, hạng 4: 1.800 phơ-răng.

Việc phân bổ nhân viên cấp cao theo ngạch bậc, tham tá chính và tham tá theo hạng và công việc do Bộ trưởng quy định trong phần nhân sự của cơ quan hành chính trung ương.

Các trưởng ban do Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm.

Phần II. Tuyển dụng và nâng hạng

Nhân sự các cơ quan hành chính trung ương phải qua sát hạch, có thời gian công tác tại thuộc địa và đáp ứng một số tiêu chuẩn khác theo quy định.

Phần III. Kỉ luật

Các biện pháp kỉ luật bao gồm: khiển trách, trừ lương không vượt quá một nửa lương trong hai tháng, giáng cấp, cách chức. Hình thức khiển trách do Bộ trưởng quyết định. Các hình thức khác do Bộ trưởng đưa ra sau khi có quyết định của Hội đồng Điều tra gồm 5 thành viên theo quy định. Nhân viên bị kỉ luật có quyền được bào chữa. Việc cách chức các trưởng ban có thể được tuyên trong sắc lệnh của Tổng thống Cộng hoà Pháp.

Phần IV. Các quy định bổ sung khác

Phần IV gồm 2 điều quy định bổ sung về thuyên chuyển và sử dụng nhân sự.

39. Décret du 27 janvier 1886 du Président de la République française portant organisation du Protectorat de l'Annam et du Tonkin.

Sắc lệnh ngày 27 tháng 01 năm 1886 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định cơ cấu tổ chức của Chính quyền Bảo hộ Trung - Bắc Kì.

(Nguồn: J 47, BOC 1886, tr.191-196)

Sắc lệnh gồm 14 điều với các nội dung chính sau:

Đối với chính quốc, Chính quyền Bảo hộ Trung - Bắc Kì là đơn vị tự trị đặc biệt, có cơ cấu tổ chức, ngân sách và khả năng tài chính riêng. Mọi chi phí của lực lượng Bộ binh và Hải quân, đội tàu, chính quyền dân sự và quân sự tại Trung - Bắc Kì sẽ do ngân sách của Chính quyền Bảo hộ đảm nhận. Viên chức và nhân viên các loại do chính quốc cử tới làm việc trong Chính quyền Bảo hộ sẽ được tính là làm việc biệt phái và hưởng các quyền lợi theo luật định.

Người đứng đầu Chính quyền Bảo hộ là Tổng Trú sứ. Tổng Trú sứ đại diện cho Cộng hoà Pháp bên cạnh triều đình Huế và trực thuộc Bộ Ngoại giao Pháp. Tổng Trú sứ do Tổng thống Cộng hoà bổ nhiệm bằng sắc lệnh, báo cáo tại Hội đồng Bộ trưởng.

Tổng Trú sứ là người thực thi các quyền của Cộng hoà Pháp tại Trung - Bắc Kì. Tổng Trú sứ có các quyền hạn theo công ước và hiệp ước đã kí với triều đình Huế. Tổng Trú sứ chủ trì quan hệ đối ngoại của Trung Kì cũng như các quan hệ giữa các cấp chính quyền bản xứ với các cấp chính quyền Pháp. Để có hiệu lực, các văn bản pháp luật của vua triều đình Huế phải có chữ kí chuẩn y của Tổng Trú sứ và sẽ do Toà án Pháp thi hành.

Tổng Trú sứ ra chỉ thị cho Tư lệnh các lực lượng Bộ binh và Hải quân, đội tàu và các cơ quan thuộc Chính quyền Bảo hộ. Tổng Trú sứ ban hành nghị định tổ chức và quy định quyền hạn của các cơ quan, có sự phê chuẩn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Tổng Trú sứ

bổ nhiệm các chức danh dân sự, ngoại trừ chức danh Khâm sứ, Thống sứ, Công sứ và người đứng đầu các cơ quan chính, các chức danh này do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm. Trường hợp khẩn cấp, Tổng Trú sứ có thể bổ nhiệm hoặc treo chức đối với những người đang giữ các chức vụ trên bằng các quyết định tạm thời được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phê chuẩn.

Tổng Trú sứ có trụ sở chính đặt tại Huế và có thể lưu trú tại các thành phố khác của Trung - Bắc Kì theo yêu cầu của công việc. Phụ tá cho Tổng Trú sứ là Khâm sứ ở Huế và Thống sứ ở Hà Nội. Trường hợp Tổng Trú sứ vắng mặt hoặc không thể đến, thay mặt cho Tổng Trú sứ bên cạnh triều đình Huế là Khâm sứ. Quyền hạn của Khâm sứ và Thống sứ sẽ do Tổng Trú sứ quy định tại các nghị định tiếp theo, được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phê chuẩn.

Hội đồng Chính quyền Bảo hộ được thành lập bên cạnh Tổng Trú sứ, do Tổng Trú sứ làm Chủ tịch. Theo yêu cầu của công việc, Hội đồng có thể đóng trụ sở tại Huế hoặc Hà Nội. Trường hợp Tổng Trú sứ vắng mặt hoặc không thể đến, Hội đồng sẽ do Khâm sứ hoặc Thống sứ chủ trì tuỳ theo địa điểm nhóm họp. Thành phần và quyền hạn của Hội đồng sẽ được quy định bằng sắc lệnh đặc biệt theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và được Tổng Trú sứ chấp thuận.

Tổng Trú sứ là người duy nhất trong Chính quyền Bảo hộ Trung - Bắc Kì có quyền trao đổi thông tin với Chính phủ Cộng hoà Pháp, các bộ khác trong chính phủ thông qua Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Những vấn đề về chính trị, tổ chức và hành chính tổng hợp thuộc quyền hạn của nhiều bộ khác nhau, những vấn đề có thể làm thay đổi dự toán ngân sách chỉ được xử lí thông qua Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Tổng Trú sứ được phép thông tin trực tiếp với Thống sứ Nam Kì và người đại diện của Cộng hoà Pháp tại Bắc Kinh, nhưng không được phép tiến hành bất kì hành động chính trị hay ngoại giao nào, ngoài Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Ngoài quy định tại điều 6, Tư lệnh các lực lượng Bộ binh và Hải quân và đội tàu có thể trao đổi thông tin trực tiếp với các Bộ trưởng Bộ Chiến tranh và Hải quân về những vấn đề kĩ thuật và trong giới hạn được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cho phép, hoặc trường hợp bất

đắc dĩ không thể trao đổi thông qua Tổng Trú sứ. Tổng Trú sứ phải nắm rõ tất cả các trao đổi thông tin trực tiếp trên.

Không chiến dịch quân sự nào được tiến hành nếu không có sự đồng ý của Tổng Trú sứ, trừ trường hợp khẩn cấp cần đẩy lùi một cuộc tấn công. Tổng Trú sứ được trao quyền chỉ huy các chiến dịch quân sự.

Các đạo quan binh có thể do Tổng Trú sứ quyết định, sau khi được chính quyền quân sự đồng ý và tuân theo quân pháp. Chế độ dân sự tại các xứ sẽ tái lập theo quyết định của Tổng Trú sứ. Các quyết định về thành lập hoặc phá bỏ chế độ quân sự phải báo cáo với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Mỗi năm, tại Hội đồng Chính quyền Bảo hộ và sau khi có ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền, Tổng Trú sứ lập ngân sách thu chi của Chính quyền Bảo hộ cho năm tiếp theo. Trong phần chi có thể bổ sung khoản trợ cấp theo yêu cầu của chính quốc để đảm bảo cân đối ngân sách. Dự thảo ngân sách và hồ sơ giải trình được gửi tới Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Ngân sách do Tổng thống Cộng hoà Pháp phê chuẩn bằng sắc lệnh, báo cáo tại Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01.

Sau ngày 31 tháng 3 hàng năm, Tổng Trú sứ quyết toán tài khoá năm kèm theo chứng từ gửi tới Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Báo cáo quyết toán phải được phê chuẩn bằng sắc lệnh và báo cáo tại Hội đồng Bộ trưởng.

Ở một số thời điểm, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cử các đại biện tới Trung Kì và Bắc Kì để nghe báo cáo về tình hình Chính quyền Bảo hộ. Các đại biện có rộng quyền nghiên cứu, theo hướng dẫn nhận được từ Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Tổng Trú sứ phải thông tin trực tiếp với các đại biện. Các đại biện không can dự vào công việc của chính quyền, chỉ tham gia đóng góp đánh giá với Tổng Trú sứ.

40. Arrêté du 12 février 1887 du Résident général de la République française en Annam et au Tonkin réorganisant le Service des Travaux publics en Annam et au Tonkin.

Nghị định ngày 12 tháng 02 năm 1887 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì về việc tổ chức lại Sở Công chính Trung - Bắc Kì.

(Nguồn: J 140, MBAT 1887, tr.124-126)

Nghị định gồm 12 điều với các nội dung chính sau:

Sở Công chính Trung - Bắc Kì gồm hai bộ phận:

- Bộ phận trung ương trực thuộc Tổng Trú sứ, phụ trách các công trình phúc lợi chung, đặc biệt liên quan đến đường sắt, hầm mỏ, chế độ chung về các nguồn nước, cảng và bờ biển.

- Bộ phận phụ trách vùng trực thuộc các Công sứ, phụ trách các công trình lợi ích địa phương, đặc biệt liên quan đến đường sắt, đê điều và các công trình dân sự.

Nhân sự bộ phận trung ương gồm: một kĩ sư trưởng, các kĩ sư phụ tá, các đốc công công trình.

Kĩ sư trưởng nghiên cứu và chuẩn bị sơ đồ cho các công trình phúc lợi trình Tổng Trú sứ phê chuẩn và cho thi công các dự án được duyệt. Kĩ sư trưởng và các kĩ sư phó chỉ đạo nhân viên cấp dưới thi công các công trình được cấp phép. Ngoài ra, các kĩ sư của bộ phận trung ương được giao kiểm tra các dự án trình qua Tổng Trú sứ. Trường hợp cần thiết, Tổng Trú sứ có thể cho phép kĩ sư trưởng trưng tập các nhân viên thuộc bộ phận phụ trách vùng để giám sát các công trình được giao.

Nhân sự bộ phận phụ trách vùng gồm: kiến trúc sư lục lộ; đốc công công trình; giám sát viên công trình. Những nhân viên này do Công sứ và Phó Công sứ quản lí.

Sơ đồ do các kiến trúc sư lục lộ thiết kế được Công sứ hoặc Phó Công sứ trình Tổng Trú sứ phê chuẩn, trừ trường hợp miễn đặc biệt. Nhân viên các loại do Tổng Trú sứ bổ nhiệm và cách chức, trừ kĩ sư trưởng do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm trực tiếp. Việc cách chức các kĩ sư, lục lộ-kiến trúc sư và đốc công công trình được quyết định sau khi có ý kiến của Hội đồng Chính quyền Bảo hộ. Ngoài ra, các đối tượng trên có thể bị Tổng Trú sứ quyết định treo chức không hưởng lương. Thời hạn treo chức không quá 1 tháng.

Việc nâng hạng chỉ được tiến hành có lựa chọn sau ít nhất 1 năm làm việc tại hạng thấp hơn. Sau hai năm làm việc tại một hạng, các nhân viên được nâng lên hạng cao hơn. Đối với những đối tượng bị treo chức, thời hạn tăng gấp đôi.

Để được bổ dụng làm đốc công hạng 3, nhân viên giám sát công trình phải thi đỗ một kì sát hạch kĩ thuật trước một uỷ ban đặc biệt và có ít nhất 1 năm làm việc.

Để được bổ dụng làm kiến trúc sư lục lộ hạng 3, đốc công công trình hạng 1 phải có ít nhất ba năm làm việc ở vị trí đốc công.

Mức lương nhân viên Sở Công chính quy định như sau:

Chức danh	*Lương (phơ-răng)*	*Phụ cấp (phơ-răng)*
Kĩ sư trưởng	*24.000*	*6.000*
Kĩ sư phó	*từ 1200 đến 15.000*	*3.000*
Kiến trúc sư lục lộ hạng 1	*9.000*	*2.000*
Kiến trúc sư lục lộ hạng 2	*8.000*	*2.000*
Kiến trúc sư lục lộ hạng 3	*7.000*	*2.000*
Đốc công hạng 1	*6.000*	*1.000*
Đốc công hạng 2	*5.000*	*1.000*
Đốc công hạng 3	*4.000*	*1.000*
Giám sát viên hạng 1	*3.500*	*500*
Giám sát viên hạng 2	*3.000*	*500*

41. Arrêté du 20 juin 1887 du Résident général de la République française en Annam et au Tonkin réorganisant les Services de la Résidence générale.

Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1887 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì về tổ chức lại các phòng, ban thuộc Toà Tổng Trú sứ.

(Nguồn: J 140, MBAT 1887, tr.211-214)

Theo Nghị định, các đơn vị thuộc Toà Tổng Trú sứ được tổ chức như sau:

Văn phòng Tổng Trú sứ phụ trách:

- Tiếp nhận và phát công văn, lưu điện tín, công việc tối mật và chuyên biệt, nhân sự Toà Tổng Trú sứ, nhân sự bản xứ, bổ dụng, thuyên chuyển, nghỉ phép, hồi hương, trưng dụng các loại, công việc và nhân sự cảnh sát, công việc bản xứ, hình thức khen thưởng.

- Tư pháp, hộ tịch, nhập quốc tịch, chế độ cầm cố, thừa kế vô chủ, đăng kí, chế độ nhà tù, phát vãng, ân xá, các ủy ban tư vấn thành phố, báo chí, công bố, các phiên tòa

- Thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, nhập cư, sở hữu công nghiệp, hàng giả.

- Đồ dùng văn phòng, in ấn.

Phòng Quân sự phụ trách:

- Công văn liên quan đến nhân sự và thiết bị của sư đoàn chiếm đóng cũng như các chiến dịch quân sự, gửi các sự vụ của sư đoàn về Bộ Ngoại giao, hồi hương binh sĩ, cách li kiểm dịch, đề nghị tặng thưởng Nam Long bội tinh.

- Dân vệ, tổ chức, nhân sự, trang phục, vũ khí, doanh trại.

- Công văn liên quan đến nhân sự và thiết bị của sư đoàn hải quân, hoạt động của đội tàu, thuyền của các Tòa Công sứ, chỉ đạo pháo binh hải quân, các hợp đồng thuê tàu chở hàng, vận tải, hoạt động của những người kéo thuyền.

Ban Chỉ đạo kiểm tra tài chính phụ trách: *các công việc về kế toán ngân sách và thuế các loại. Ban Chỉ đạo gồm:*

Phòng 1 phụ trách lệnh chi trả và kế toán:

Lệnh chi trả, chuẩn bị và lập ngân phiếu, bảng kê phát đi, bản sao kê các khoản chi theo từng chương và mục của ngân sách, tổng hợp và phân loại kế toán của các chánh chủ trì thuộc các Bộ Chiến tranh và Hải quân, giám sát nhân sự, các đại lí.

Phòng 2 phụ trách:

- Công chính, công trình dân sự, đường sá, đê điều, hải đăng, công trình thuỷ nông, đường sắt, cảng, phê chuẩn các báo giá, hầm mỏ, nhượng địa, công sản, rừng, bệnh viện, vệ sinh công cộng, chợ, lò mổ, trưng dụng.

- Giáo dục: Thành lập trường học, thiết bị trường học, vật dụng các loại, nhân sự, bổ dụng, thuyên chuyển, cách chức, trường thông ngôn, thư viện, thanh tra giáo dục.

42. Arrêté du 11 septembre 1887 du Résident général de l'Annam et du Tonkin divisant en deux circonscriptions administratives de la province de Hai Duong.

Nghị định ngày 11 tháng 9 năm 1887 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì về việc tách tỉnh Hải Dương thành hai khu hành chính.

(Nguồn: J 140, MPAT 1887, tr.334-335)

Theo Nghị định, khu hành chính thứ nhất do viên Công sứ Hải phòng phụ trách; khu hành chính thứ hai do viên Phó Công sứ Hải Dương phụ trách.

43. Décret du 17 octobre 1887 du Président de la République française relatif à l'organisation de l'Indochine française.

Sắc lệnh ngày 17 tháng 10 năm 1887 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định cách thức tổ chức Đông Dương thuộc Pháp.

(Nguồn: J 989, JOIF 1887, tr.1090-1091)

Sắc lệnh gồm 13 điều với các nội dung chính sau:

Chính quyền trung ương của thuộc địa Nam Kì và các xứ bảo hộ Bắc Kì, Trung Kì và Cao Miên được trao cho viên Toàn quyền Đông Dương.

Các công việc của Đông Dương được phân bổ cho 5 quan chức sau:

- *Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh;*
- *Tư lệnh tối cao lực lượng Hải quân;*
- *Phó Toàn quyền;*
- *Giám đốc Tư pháp;*
- *Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền*

Theo chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền, Giám đốc Ngân khố được giao điều hành hoạt động ngân khố phục vụ các sở Đông Dương.

Giám đốc Ngân khố cũng chịu trách nhiệm về ngân khố Nam Kì và các xứ bảo hộ.

Thống đốc Nam Kì, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì và Khâm sứ Cao Miên đại diện cho chính quyền chính quốc đặt dưới quyền chỉ đạo của Toàn quyền, thực thi các quyền được trao theo Đạo luật ngày 15 tháng 6 năm 1885 về phê chuẩn Hiệp ước Huế và theo Đạo luật ngày 17 tháng 7 năm 1885 phê chuẩn hiệp ước kí với quốc vương Cao Miên. Thừa uỷ quyền Tổng thống Cộng hoà Pháp, Toàn quyền ra quyết định về ân xá.

Thống đốc, Tổng Trú sứ và Khâm sứ nhận chỉ thị từ Toàn quyền và đảm bảo việc thực thi các chỉ thị trên của các viên chức, nhân viên trong cơ quan.

Toàn quyền thông tin trực tiếp với Bộ trưởng Ngoại giao Pháp tại Trung Quốc, các Lãnh sự và Phó Lãnh sự tại Batavia, Hồng Kông, Singapo, Xiêm và Luang - Prabang. Toàn quyền không được tiến hành các hành động chính trị hay ngoại giao khi chưa được Chính phủ nước Cộng hoà Pháp cho phép.

Các cơ quan tài chính tại Đông Dương chịu sự thanh tra của chính quốc; báo cáo của các thanh tra viên đồng thời được chuyển tới Bộ trưởng Bộ Tài chính và Toàn quyền Đông Dương.

Tất cả chi phí phục vụ các đơn vị bộ binh và hải quân của Pháp hoặc bản xứ, chi phí cho đội tàu, công sự, Phủ Toàn quyền, bưu điện và điện tín, thuế gián thu và thuế đoan sẽ do ngân sách Đông Dương đảm nhiệm.

Các khoản thu bao gồm thuế bưu điện và điện tín, thuế ở Nam Kì và các xứ bảo hộ theo quy định tại nghị định của Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, và trợ cấp của chính quốc.

Ngân sách do Toàn quyền chuẩn bị và được Hội đồng Tối cao Đông Dương thảo luận thông qua. Hội đồng Tối cao Đông Dương gồm:

Toàn quyền: Chủ tịch;

Thống đốc Nam Kì;

Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì;

Khâm sứ Cao Miên;

Và 5 quan chức: Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh; Tư lệnh tối cao lực lượng Hải quân; Phó Toàn quyền; Giám đốc Tư pháp; Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền.

Ngân sách được Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn bằng nghị định, theo báo cáo của Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa. Các loại thuế áp dụng tại Nam Kì và các xứ bảo hộ được ghi như các khoản chi bắt buộc trong ngân sách địa phương.

Thuế gián thu và thuế đoan do Nha Thuế quan và Độc quyền thu cho các ngân sách địa phương; với danh nghĩa phí thu thuế phục vụ ngân sách Đông Dương, các loại thuế trên sẽ bị khấu trừ theo tỉ lệ do Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa quy định theo đề nghị của Toàn quyền.

44. Arrêté du 22 janvier 1888 du Gouverneur général de l'Indochine promulguant le décret du 7 décembre 1888 portant la réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine.

Nghị định ngày 22 tháng 01 năm 1888 của Toàn quyền Đông Dương ban hành Sắc lệnh ngày 07 tháng 12 năm 1888 quy định việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, nº 1, tr.68-71)

Sắc lệnh gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Tối cao Đông Dương gồm: Toàn quyền - Chủ tịch, Tổng Tư lệnh quân đội viễn chính Pháp ở Đông Dương, Tổng Tư lệnh sư đoàn Viễn Đông và các lực lượng hải quân đóng ở Đông Dương, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì, Giám đốc phụ trách sở địa phương Nam Kì, Khâm sứ Cao Miên, Chưởng lí - Giám đốc Tư pháp.

Toàn quyền quyết định ngân sách địa phương của Nam Kì sau khi được Hội đồng Thuộc địa thảo luận thông qua.

Hội đồng Tối cao cho ý kiến về:

- *Ngân sách cho Bắc Kì và Trung Kì;*
- *Ngân sách cho Cao Miên;*
- *Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Toàn quyền;*

Ngân sách của Bắc - Trung Kì và Cao Miên sẽ được thông qua bằng sắc lệnh.

Thống sứ Bắc Kì tham dự các cuộc họp của Hội đồng Tối cao Đông Dương, với quyền biểu quyết về ngân sách của Trung Kì và Bắc Kì, các vấn đề khác liên quan đến xứ Bảo hộ. Giám đốc các cơ quan hành chính của Bắc - Trung Kì, Nam Kì và Cao Miên tham gia Hội đồng Tối cao có quyền biểu quyết các vấn đề trong phạm vi quyền hạn.

Viên chức thanh tra Thuộc địa làm việc tại Đông Dương tham dự các phiên họp của Hội đồng Tối cao có quyền phát biểu ý kiến trong các cuộc thảo luận.

Trong trường hợp Tổng Tư lệnh sư đoàn Viễn Đông và các lực lượng hải quân đóng ở Đông Dương vắng mặt hoặc gặp trở ngại, Tư lệnh Sư đoàn Hải quân Nam Kì sẽ thay thế biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Nam Kì và Cao Miên và Tư lệnh Sư đoàn Hải quân Bắc Kì biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Bắc Kì hoặc Trung Kì.

Hội đồng Tối cao Đông Dương nhóm họp ít nhất mỗi năm một lần, theo triệu tập của Toàn quyền hoặc tại Sài Gòn hoặc tại một thành phố khác theo chỉ định của Toàn quyền.

45. Décret du 16 juillet 1888 du Président de la République française réorganisant le Conseil privé de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 16 tháng 7 năm 1888 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tư mật Nam Kì.

(Nguồn: J 51, BOC 1888, tr.459-461)

Sắc lệnh gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Thành phần của Hội đồng Tư mật Nam Kì gồm có:

Toàn quyền Đông Dương, Chủ tịch;

Giám đốc phụ trách sở địa phương, Phó Chủ tịch;

Các ủy viên gồm: Tư lệnh tối cao các lực lượng quân đội đóng tại Nam Kì, Tư lệnh Hải quân, Chưởng lí, Chánh Sở hành chính, hai uỷ viên Hội đồng Tư mật được lựa chọn trong số thân hào và được bổ nhiệm bằng sắc lệnh.

Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Thuộc địa được phép tham gia và nhận xét góp ý trong các cuộc thảo luận của Hội đồng. Hai thành viên dự khuyết được bổ nhiệm bằng sắc lệnh thay thế uỷ viên thực thụ khi cần. Thời gian giữ chức của uỷ viên và uỷ viên dự khuyết được quy định là 4 năm.

Ngoài ra, Hội đồng còn có hai uỷ viên tư pháp phụ tá trong trường hợp Hội đồng cần tìm hiểu những vấn đề liên quan đến việc thực thi quyền hạn đặc biệt của Toàn quyền, hoặc khi áp dụng Sắc lệnh ngày 25 tháng 5 năm 1881 và 05 tháng 10 năm 1882. Hai uỷ viên này được bổ nhiệm vào đầu năm trong thời gian quy định.

Chức năng, nhiệm vụ của Viện Công tố bên cạnh Hội đồng do thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Thuộc địa đảm nhiệm.

Chánh Sở Công chính, Sở Pháo binh, Sở Y tế, Sở Ngân khố và trưởng các cơ quan tài chính được mời tham gia Hội đồng với quyền tư vấn khi đề cập tới những vấn đề liên quan đến thẩm quyền. Ngoài ra, Hội đồng có thể lấy ý kiến của viên chức và những người khác nếu Toàn quyền cho phép.

46. Arrêté du 19 juillet 1888 Gouverneur général de l'Indochine instituant des municipalités de Hanoï et Haiphong.

Nghị định ngày 19 tháng 7 năm 1888 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

(Nguồn: J 142, MPAT 1888, tr.392-401)

Nghị định gồm 4 phần, 54 điều với các nội dung chính sau:

Phần I: Thành phần Hội đồng Thành phố và cách thức bổ dụng thành viên Hội đồng

Hội đồng được thành lập tại thành phố Hà Nội gồm Đốc lí và 16 uỷ viên và tại thành phố Hải Phòng gồm Đốc lí và 14 uỷ viên.

Uỷ viên hội đồng được lựa chọn trong số những người Pháp và người bản xứ từ 25 tuổi trở lên có đủ quyền dân sự, chính trị và cư trú tại địa phương tối thiểu 6 tháng. Số uỷ viên người bản xứ quy định là 4 người đối với Hà Nội và 2 người đối với Hải Phòng.

Các đối tượng không được làm uỷ viên Hội đồng Thành phố gồm: công chức; nhân viên do thành phố trả lương; binh lính; nhà thầu các công trình của thành phố.

Quan chức đứng đầu chính quyền bản xứ địa phương và Hội trưởng Hội người Hoa có thể được mời dự Hội đồng Thành phố.

Các uỷ viên hội đồng do Tổng Trú sứ bổ dụng. Tối thiểu 4 người trong số đó được chọn từ Phòng Thương mại. Thời hạn tại nhiệm được quy định là 3 năm.

Hai Phó Đốc lí do Tổng Trú sứ bổ dụng theo đề nghị của Hội đồng Thành phố. Phó Đốc lí và uỷ viên hội đồng làm việc không lương. Đốc lí hưởng phụ cấp đại diện và phụ cấp rủi ro. Mức phụ cấp do Tổng Trú sứ quy định và khấu trừ vào ngân sách thành phố.

Phần II

Chương I - Thẩm quyền của Đốc lí

Đốc lí đảm nhiệm chức vụ quan chức dân sự và tư pháp trong địa phận thành phố. Đốc lí chịu trách nhiệm các công việc sau:

- Cảnh sát thành phố, thực hiện các văn bản của cấp trên có liên quan; quản lí đường bộ thành phố;

- Quản lí và giữ gìn tài sản của thành phố;

- Quản lí thu nhập, giám sát các đơn vị và công tác kế toán thành phố;

- Chuẩn bị ngân sách và thực hiện chi ngân sách;

- Điều hành các công trình công cộng;

- Thông qua điều kiện đấu thầu, kí kết giao kèo về tài sản và đấu thầu về các công trình công theo luật định; việc đấu thầu chỉ có giá trị khi được Tổng Trú sứ phê chuẩn;

- Chấp thuận các giao kèo mua bán, trao đổi, cho, hiến tặng, trưng dụng và trình cấp trên các văn bản này;

- Đại diện thành phố trước Toà án.

Đốc lí đề xuất các vị trí công việc không được quy định bởi các nghị định và quy chế của địa phương. Trong trường hợp cần thiết, các Phó Đốc lí hoặc một uỷ viên Hội đồng Thành phố cao tuổi nhất sẽ thay thế Đốc lí.

Chương II - Quyền hạn của Hội đồng Thành phố

Hội đồng Thành phố thảo luận các vấn đề sau:

- Công trái thành phố;

- Cách thức quản lí công sản;

- Ngân sách thành phố và tất cả các khoản thu chi thường xuyên và không thường xuyên nói chung;

- Việc trưng mua, chuyển nhượng, trao đổi công sản, chuyển sở hữu cho các công sở và tất cả những vấn đề liên quan đến bảo quản tài sản;

- Các điều khoản hợp đồng và tài sản cho trưng thuế hoặc cho thuê hoặc thuê của thành phố;

- Các dự án xây dựng, sửa chữa lớn, bảo trì, phá huỷ và đấu thầu các công trình;

- Mở đường phố, quảng trường, dự án lập sơ đồ tuyến phố trong thành phố;

- Tiếp nhận đồ biếu, tặng cho thành phố và các công sở;

- Các quyền tư pháp và công việc được yêu cầu thảo luận từ cấp địa phương;

Nghị quyết của Hội đồng Thành phố được trình Tổng Trú sứ thông qua. Hội đồng Thành phố được yêu cầu cho ý kiến về: các dự án vạch các tuyến đường lớn trong nội thành; thay đổi địa giới thành phố; các vấn đề khác theo yêu cầu.

Hội đồng Thành phố thảo luận về quyết toán hàng năm và đệ trình thỉnh nguyện vì lợi ích công. Trong các phiên thảo luận về quyết toán, Hội đồng Thành phố bỏ phiếu bầu ra chủ toạ phiên họp. Đốc lí có thể tham dự nhưng không tham gia biểu quyết. Nghị quyết được trình trực tiếp lên Tổng Trú sứ.

Phần III. Thu, chi ngân sách thành phố

Phần III gồm 8 điều quy định về việc thu, chi quản lí và sử dụng ngân sách cũng như thuế khoá.

Phần IV gồm 7 điều quy định về quyền tư pháp và hoà giải của Hội đồng Thành phố.

Phần V gồm 6 điều quy định về công tác kế toán của thành phố.

Phần VI gồm 10 điều quy định về các hội nghị của Hội đồng Thành phố.

Hội đồng Thành phố họp 4 lần mỗi năm vào đầu các tháng 2, 5, 8, 11. Mỗi kì họp kéo dài 10 ngày. Tổng Trú sứ có thể triệu tập bất thường hoặc cho phép triệu tập theo đề nghị của Đốc lí vì lợi ích của thành phố.

Trong các phiên họp thường kì, Hội đồng Thành phố giải quyết các vấn đề trong thẩm quyền. Tại các phiên họp bất thường, Hội đồng chỉ giải quyết những công việc đặc biệt cần triệu tập. Các phiên họp Hội đồng Thành phố không diễn ra công khai.

Đốc lí làm Chủ tịch Hội đồng. Nhiệm vụ thư kí do một thành viên được đa số uỷ viên bỏ phiếu vào đầu mỗi phiên họp đảm nhiệm. Hội đồng Thành phố chỉ tổ chức thảo luận khi có đa số uỷ viên tham dự. Hội đồng không được ra nghị quyết về các vấn đề không thuộc thẩm quyền và ngoài cuộc họp chính thức.

Các nghị quyết của Hội đồng được đăng kí theo trật tự thời gian trong sổ có đánh số và có kí tắt của Tổng Trú sứ. Các nghị quyết được tất cả các thành viên có mặt kí và ghi chú.

47. Décret du 8 septembre 1888 du Président de la République Française portant organisation de la justice du Tonkin.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 9 năm 1888 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức tư pháp ở Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 1, tr.62-64)

Sắc lệnh gồm 3 phần, 18 điều với các nội dung chính sau:

Phần I: Thẩm quyền

Toà án Sơ thẩm Hà Nội, Toà án Sơ thẩm Hải Phòng và Toà Đại hình Hà Nội được thành lập tại Bắc Kì.

Phạm vi xét xử của Toà Đại hình bao gồm toàn bộ địa phận Bắc Kì. Phạm vi xét xử của các toà án khác sẽ được quy định tạm thời bằng nghị định của Toàn quyền Đông Dương, theo đề nghị của Tổng Trú

sứ Trung - Bắc Kì và Chưởng lí bên cạnh Toà Thượng thẩm Sài Gòn.

Các Toà Sơ thẩm ở Hà Nội và Hải Phòng thụ lí các vụ án dân sự, thương mại, tiểu hình hoặc vi cảnh, trừ những vụ án liên quan đến người bản xứ hoặc người châu Á thuộc danh mục liệt kê trong nghị định của người đứng đầu cơ quan hành pháp Cộng hoà Pháp kí ngày 23 tháng 8 năm 1871.

Các Toà án Sở thẩm xét xử sơ chung thẩm các vụ kiện cá nhân và động sản, có giá trị lên đến 1.500 phơ-răng và các vụ kiện bất động sản có lợi tức lên đến 100 phơ-răng, quy định tại điều 8 của Sắc lệnh ngày 15 tháng 11 năm 1887 và tất cả các vụ vi phạm.

Về thương mại, việc xét xử án thương mại thuộc thẩm quyền của các toà án thương mại ở chính quốc. Thẩm phán - Chánh án ở Bắc Kì thực hiện quyền giám hộ như thẩm phán hoà giải theo luật pháp nước Pháp.

Toà Thượng thẩm Sài Gòn xử lí các đơn kháng án sơ thẩm.

Phần II: Thành phần các toà án và Toà Đại hình

Các Toà án Sơ thẩm ở Hà Nội và Hải Phòng gồm 1 chánh án, 1 chánh án dự khuyết, 1 biện lí, 1 lục sự và 1 thư kí lục sự.

Toà Đại hình gồm: Cố vấn Toà Thượng thẩm Sài Gòn làm chánh án; 2 quan toà lựa chọn trong số chánh án hoặc chánh án dự khuyết làm việc tại các toà án Bắc Kì; 2 hội thẩm; 1 lục sự hoặc 1 thư kí lục sự làm việc ở một trong số các toà án ở Bắc Kì.

Chưởng lí có thể đề nghị Toàn quyền bổ nhiệm các viên chức đang làm việc ở Bắc Kì và có bằng cử nhân luật làm chánh án tại Toà Đại hình.

Danh sách hội thẩm gồm 20 công dân Pháp có quyền dân sự và chính trị. Danh sách này do Toàn quyền lập hàng năm theo kiến nghị của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì và Chưởng lí Toà Thượng thẩm Sài Gòn.

Chức vụ Công tố bên cạnh Toà Đại hình Hà Nội do Chưởng lí hoặc một trong số các tham lí, biện lí Toà án Hà Nội đảm nhiệm.

Phần III: Về trình tự tố tụng và pháp chế

Trình tự tố tụng của các Toà Sơ thẩm và Toà Đại hình ở Bắc Kì được thi hành theo Luật dân sự và hình sự có hiệu lực tại Nam Kì.

Các toà tiểu hình và đại hình có quyền trực tiếp yêu cầu ra hầu toà theo yêu cầu của các bên theo luật định hoặc theo yêu cầu của công tố viên dựa trên kết quả điều tra và thẩm cứu.

Trình tự tố tụng của toà án hình sự diễn ra 4 tháng/lần không kể các phiên bất thường, trong trường hợp cần thiết, được Toàn quyền Đông Dương cho phép theo đề nghị của Chưởng lí.

48. Décret du 7 décembre 1888 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 07 tháng 12 năm 1888 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.

(Nguồn: J 991, JOIF 1889, tr.89-90)

Sắc lệnh gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Tối cao Đông Dương gồm có: Chủ tịch Hội đồng là Toàn quyền Đông Dương và các thành viên: Tổng Tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, Tổng Tư lệnh sư đoàn Viễn Đông và lực lượng hải quân ở Đông Dương, Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì, Giám đốc Sở địa phương Nam Kì, Khâm sứ Cao Miên, Chưởng lí - Giám đốc Tư pháp Đông Dương.

Toàn quyền có quyền quyết định ngân sách địa phương Nam Kì và được chuẩn y trước Hội đồng Tối cao Đông Dương, sau khi đã bàn thảo tại Hội đồng Thuộc địa. Hội đồng Tối cao góp ý cho dự thảo ngân sách Trung Kì và Bắc Kì; ngân sách Cao Miên; và tất cả những vấn đề do Toàn quyền đề nghị xem xét. Ngân sách Trung Kì và Bắc Kì được thông qua bằng sắc lệnh của Tổng thống Cộng hoà Pháp.

Thống sứ Bắc Kì dự họp tại Hội đồng Tối cao Đông Dương với quyền biểu quyết về ngân sách Trung Kì và Bắc Kì hoặc về các vấn đề liên quan đến Chính quyền Bảo hộ. Chánh Sở Hành chính tại Trung Kì, Bắc Kì, Nam Kì và Cao Miên cũng dự họp tại Hội đồng Tối cao với quyền biểu quyết về các công việc thuộc phạm vi quyền hạn.

Thanh tra thuộc địa làm việc tại Đông Dương có quyền dự họp tại Hội đồng Tối cao và phát biểu ý kiến tại các cuộc thảo luận.

Trường hợp Tổng Tư lệnh sư đoàn Viễn Đông và lực lượng hải quân ở Đông Dương vắng mặt, các Tư lệnh lực lượng hải quân khu vực Nam Kì và Bắc Kì sẽ thực hiện quyền biểu quyết về những vấn đề liên quan đến Nam Kì, Cao Miên, Bắc Kì và Trung Kì.

Hội đồng Tối cao Đông Dương họp mỗi năm một kì hoặc tại Sài Gòn, hoặc trong một thành phố theo triệu tập của Toàn quyền.

49. Arrêté du 10 janvier 1889 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression de la Direction générale des Postes et Télégraphes de l'Indochine.

Nghị định ngày 10 tháng 01 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc xoá bỏ Tổng Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương.

(Nguồn: J 991, JOIF 1889, tr.58-59)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Tổng Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương chính thức bị xoá bỏ.

Nha Bưu điện và Điện báo chịu sự chỉ đạo của Tổng Trú sứ Trung Kì - Bắc Kì liên quan đến các công việc tại khu vực Trung Kì - Bắc Kì, và chịu sự chỉ đạo của giám đốc phụ trách sở địa phương Nam Kì liên quan đến các công việc tại Nam Kì và Cao Miên.

50. Arrêté du 11 janvier 1889 duGouverneur général de l'Indochine organisant les bureaux de la Résidence générale de l'Annam et du Tonkin.

Nghị định ngày 11 tháng 01 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức các phòng thuộc Phủ Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, tr.50-52)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Phủ Tổng Trú sứ bao gồm 1 văn phòng và 3 phòng: phòng quân sự; 1 phòng chính trị và hành chính; 1 phòng kế toán.

Một bộ phận của phòng quân sự tách ra và sáp nhập vào Phủ Thống sứ.

Quyền hạn của văn phòng và các phòng như sau:

***Văn phòng:** Đăng kí, xử lí công văn đi, đến; phân công công việc, tập hợp công việc của các phòng, công việc mật và chuyên biệt; nhân sự người Âu và người bản xứ ở các sở; bổ nhiệm; thuyên chuyển; nghỉ phép; hồi hương, khen thưởng danh dự; đăng kí danh bạ và mật vụ; cảnh sát chung; thanh toán và trả bằng ngân phiếu cho chi phí nhân sự; lương và phụ cấp; các phái bộ; phí đi đường và lưu trú của nhân sự bản xứ; bệnh viện và kho lương; Toà Trú sứ ở Huế.*

***Phòng Quân sự:** Thư tín liên quan đến nhân sự và trang thiết bị của sư đoàn chiếm đóng cũng như các chiến dịch quân sự; giải quyết công việc do sư đoàn chuyển về; binh sĩ hồi hương; cách li kiểm dịch; đề nghị tặng thưởng Long Bội tinh; dân vệ; quân phản nghịch; quân nổi loạn.*

Thư tín liên quan đến nhân sự và trang thiết bị của phân hạm đội; hoạt động của các hạm đội; tàu của các toà công sứ; chỉ đạo pháo binh hải quân - tiếp tế; vận tải; dịch vụ kéo thuyền.

***Phòng Kế toán:** Công tác kế toán công chính; phê chuẩn báo giá; điều kiện đầu thấu và cung cấp vật tư; thanh toán chi phí cho trang thiết bị; phí vận tải; thức ăn cho tù nhân - thiết bị và văn phòng phẩm; quản lí bệnh viện bản xứ ở Huế; xác nhận ngân phiếu về quỹ trung ương.*

Công tác kế toán tổng hợp; chuẩn bị và lập dự thảo ngân sách; tập trung các tài liệu liên quan; phân bổ kinh phí; kiểm tra và giám sát sổ thuế điền thổ tại các khu nhượng địa Pháp ở An-nam; giảm thuế; công tác kế toán quỹ tạm ứng; công tác kế toán các dinh chưởng ấn; chế độ tiền tệ.

Phòng Chính trị và Hành chính:

Công tác quản lí hành chính và chính trị chung; quan hệ với chính quyền An-nam; quan hệ với các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo; tập hợp báo cáo của các toà công sứ, toà hoà giải hành chính.

Thuế gián thu; thuế quan; bưu điện và điện tín; dịch vụ phu trạm; độc quyền và trưng thuế; lập và kiểm tra các sổ thuế; mỏ; các mỏ và rừng; công chính; đường sá; thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định về các loại thuế bản xứ, theo điều 11 của Hiệp ước ngày 06 tháng 6 năm 1888.

Thống kê; mỹ thuật; phái bộ; thương mại; nông nghiệp; công nghiệp; thẩm cứu tín dụng; báo chí; học chính; đề nghị nhập quốc tịch; nhượng đất...

51. Arrêté du 10 février 1889du Gouverneur général de l'Indochine établissant les pouvoirs et attributions du Résident général en Annam et au Tonkin et ceux du Résident supérieur au Tonkin.

Nghị định ngày 10 tháng 02 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định thẩm quyền của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì và của Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 2, tr.163-173)

Nghị định gồm 2 phần, 10 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Thẩm quyền của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì

Tổng Trú sứ là người đại diện Chính quyền Bảo hộ Pháp tại Trung và Bắc Kì chịu sự chỉ đạo của Toàn quyền Đông Dương. Tổng Trú sứ quản lí nhân sự bản xứ và người Âu ở Trung Kì và Bắc Kì, điều hành nhân sự ở Bắc Kì thông qua Thống sứ Bắc Kì.

Tổng Trú sứ được uỷ nhiệm thực hiện các quyền hạn sau:

1. Về nhân sự

- Trung Kì và Bắc Kì

Tổng Trú sứ có quyền bổ nhiệm nhân sự người Âu ở mức lương không quá 4000 phơ-răng; bổ nhiệm, nâng bậc và quyết định thay đổi về trang phục cũng như trang thiết bị cho nhân sự người Âu thuộc đội dân vệ bản xứ; thuyên chuyển Phó Công sứ và Chưởng ấn dưới quyền; giám sát các thành viên thuộc cơ quan tư pháp; kỉ luật và cách chức đối với nhân viên và công chức thuộc quyền bổ nhiệm; cho nghỉ phép và hồi hương theo quy định.

- Riêng ở Trung Kì

Tổng Trú sứ được quyền thuyên chuyển nhân sự người Âu trừ Công sứ, Phó Công sứ và Chưởng ấn; bổ nhiệm, thuyên chuyển, kỉ luật và cách chức nhân sự người bản xứ; xử lí tất cả các vấn đề về dân vệ.

2. Về tài chính

Tổng Trú sứ chuẩn bị dự thảo ngân sách, tập hợp tài liệu liên quan và trình bày dự thảo trước Hội đồng Tối cao; cho phép điều chỉnh mức kinh phí được duyệt và phê duyệt các khoản chi cho chính quyền bản xứ; thanh toán các khoản chi cho các sở dân sự ở Trung Kì; quyết định biểu thuế; tập hợp các đề nghị cấp kinh phí của Thống sứ, Cảnh sát trưởng, Chánh Sở Hành chính và trình Toàn quyền thông qua; phán quyết về thuế gián thu trong các cuộc thoả hiệp giữa chính quyền và người vi phạm nếu giá trị thấp hơn 1.000 đồng; kí kết các giao kèo cung ứng và công chính tại Trung Kì; nghiệm thu các giao kèo có giá trị không quá 20.000 phơ-răng và thông qua các tập điều kiện đấu thầu giá trị trên 10.000 phơ-răng do Thống sứ và Chánh Sở Hành chính kí kết; thông qua các tập điều kiện đấu thầu công khai; cho phép nhượng đất không quá 100ha ở Trung Kì và Bắc Kì; thực hiện các thẩm quyền về mỏ quy định tại Sắc lệnh ngày 16 tháng 10 năm 1888...

3. Về hành chính

Tổng Trú sứ chịu trách nhiệm điều hành và giám sát chính quyền bản xứ theo lệnh của Toàn quyền; phê chuẩn các bản án tử hình ở Bắc Kì của các toà án bản xứ; cho phép khai quật và di dời hài cốt người Âu về Pháp; đề xuất việc xếp hạng đường sá và xem xét các dự án xây mới; thông qua các giấy tờ về hộ tịch làm tại Trung Kì; đề xuất sửa đổi về tổ chức và quyền hạn của các Hội đồng Thành phố, các uỷ ban tương đương cũng như các Phòng Thương mại; cấp phép mở trường trung học và cơ sở đào tạo tương tự cũng như đóng cửa các trường học khi cần thiết...

4. Vấn đề bản xứ

Tổng Trú sứ có quyền phê chuẩn hoặc phản đối việc bổ nhiệm nhân sự của Bắc Kì tối đa tới cấp huyện; thông qua các phán quyết hành chính đối với người bản xứ.

Tổng Trú sứ còn chịu trách nhiệm đề xuất với Toàn quyền Đông Dương về việc:

- Nhập quốc tịch cho người bản xứ và người nước ngoài;
- Miễn phí bưu điện và điện tín;
- Nâng lương trên 4000 phơ-răng;
- Trợ cấp, tặng thưởng, hưu trí, kỉ luật đối với nhân viên cấp dưới;
- Thuyên chuyển các Công sứ và Phó Công sứ...
- Tổng Trú sứ trình Toàn quyền tất cả các vấn đề về chế độ tiền tệ, thanh toán....

Phần 2. Thẩm quyền của Thống sứ Bắc Kì

Thống sứ Bắc Kì được đặt dưới quyền Tổng Trú sứ, có quyền hạn như viên quan đứng đầu Nam Kì, trừ một số thay đổi trong Nghị định này.

Thống sứ được uỷ nhiệm thực hiện các quyền hạn sau:

1. Về nhân sự

Thống sứ Bắc Kì có quyền quyết định việc thuyên chuyển từ cấp chưởng ấn trở xuống; thuyên chuyển đối với nhân sự người Âu thuộc đội dân vệ và bổ nhiệm, thuyên chuyển đối với nhân sự người bản xứ thuộc đội dân vệ; chịu trách nhiệm giám sát quản lí dân vệ, tình hình an ninh hàng ngày, bổ nhiệm và thuyên chuyển nhân sự bản xứ của Chính quyền Bảo hộ.

2. Về tài chính

Thống sứ Bắc Kì chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản chi của các sở dân sự ở Bắc Kì; nghiên cứu và lập dự toán ngân sách và trình Tổng Trú sứ; kiểm tra giám sát sổ thuế, chế độ thuế bản xứ và giám sát ngân quỹ tỉnh; phán quyết về thuế gián thu trong vụ tranh chấp giữa chính quyền và người vi phạm có giá trị thấp hơn 1000 đồng; thông qua và cho thực hiện các giao kèo cung ứng và xây dựng do các cơ quan thành phố kí kết; kí kết các giao kèo cung ứng và công chính có giá trị không quá 10.000 phơ-răng; nhượng đất không quá 500ha...

3. Về hành chính:

Thống sứ Bắc Kì cho phép khai quật và di dời hài cốt người Âu về Pháp; phê chuẩn sổ hộ tịch; bổ nhiệm, triệu tập Hội đồng Thành

phố, các uỷ ban tương đương, ấn định các kì họp và quyết định về các vấn đề bàn luận.

4. Về chính quyền bản xứ

Thống sứ đề xuất lên Tổng Trú sứ các việc như: ấn định số lượng các đồn, sở, lập các xã và thay đổi các khu hành chính; chịu trách nhiệm về nhân sự bản xứ, tập hợp thông tin về phản loạn...

5. Về quân sự

Thống sứ đề xuất các biện pháp trấn áp lực lượng phản nghịch với sự hỗ trợ của chính quyền quân sự.

6. Về giải quyết tranh chấp

Thống sứ đại diện cho Chính quyền Bảo hộ Trung Kì và Bắc Kì trước toà và có quyền xử lí các vụ kiện có giá trị dưới 1000 đồng.

Hàng quý, Thống sứ Bắc Kì phải gửi báo cáo về tình hình chính trị lên Tổng Trú sứ; đề xuất lên Tổng Trú sứ các vấn đề như thuyên chuyển các Công sứ, Phó Công sứ, Chưởng ấn; nâng bậc cho nhân sự người Âu; lập hay xoá bỏ các bến bãi đường sông.

Thống sứ Bắc Kì trình Toàn quyền Đông Dương các công văn liên quan đến các công việc ở Bắc Kì gửi Bộ Hải quân và Thuộc địa trừ các công việc phải trình Tổng Trú sứ theo quy định.

52. Arrêté du 16 février 1889 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant les attributions des Chambres de Commerce de Hanoï et de Haiphong.

Nghị định ngày 16 tháng 02 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của các Phòng Thương mại Hà Nội và Hải Phòng.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 2, tr.209-213)

Nghị định gồm 3 phần, 28 điều với các nội dung chính sau:

Chương I. Chức năng, quyền hạn

Phòng Thương mại Hà Nội và Hải Phòng được thành lập theo Nghị định ngày 28 tháng 11 năm 1884 và ngày 03 tháng 6 năm 1886, có các chức năng và quyền hạn chính sau:

- Là cơ quan chính thức về thương mại, trình lên cơ quan quản lí hành chính các biện pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển thịnh vượng cho ngành công nghiệp và thương mại, các cải cách luật pháp thương mại, thuế quan, xây dựng các công trình cảng, giao thông đường sông, cung cấp cho chính quyền các thông báo, thiết lập các thể chế tài chính, toà án thương mại, các dự án, quy định của địa phương về thương mại và công nghiệp...

- Được uỷ nhiệm về thương mại trong quản lí lợi tức tập thể, quản lí các thể chế được thiết lập phục vụ thương mại và công bố các tập san, hướng dẫn liên quan đến nội - ngoại thương...

Nghị quyết của các Phòng Thương mại được thông báo đến các Công sứ - Đốc lí. Công sứ - Đốc lí có trách nhiệm trình lên Phủ Thống sứ Bắc Kì.

Các phòng Thương mại sẽ tự lập dự toán ngân sách và chỉ được thực hiện sau khi Thống sứ phê chuẩn. Trong trường hợp ngân sách không đủ, kinh phí có thể được trích từ ngân sách của Chính quyền Bảo hộ trong giới hạn cho phép.

Chương II. Tổ chức của Phòng Thương mại

Mỗi Phòng Thương mại có 12 thành viên trong đó có 1 người bản xứ và 1 người Hoa được bầu theo quy định. Các phòng bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thư kí. Công sứ - Đốc lí là chủ tịch danh dự, tham dự tất cả các cuộc họp với vai trò chủ toạ chủ trì cuộc họp.

Nhiệm kì của uỷ viên Phòng Thương mại là 3 năm.

Cử tri gồm: Thương gia châu Âu đủ 21 tuổi, đóng thuế môn bài cho bản thân hoặc cho công ti mà họ đại diện; người châu Á tuổi từ 25, đóng thuế môn bài hạng 4 hoặc cao hơn và chỉ có quyền bầu hai thành viên châu Á quy định tại điều 4.

Những người không có tên trong danh sách cử tri gồm: các cá nhân bị mất quyền dân sự và chính trị; những người bị tước quyền bỏ phiếu và bầu cử theo phán quyết hình sự; những người phạm tội bị tống giam; người bị kết án vì tội trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng lòng tin; công chứng viên, lục sự, công chức bị cách chức theo phán quyết hay quyết định xét xử; những người bị kết tội du đãng hoặc ăn xin;

quân nhân bị xử phạt lao động công ích; những đối tượng bị cấm; những người bị vỡ nợ.

Những người đủ tư cách được bầu là thương gia người Pháp có tên trong danh sách cử tri và thương gia châu Á đóng thuế môn bài ở hai hạng đầu.

Những người đắc cử uỷ viên Phòng Thương mại là những người giành được hơn nửa số phiếu bầu của cử tri và hơn ¼ số cử tri niêm yết.

Chủ tịch, phó chủ tịch và thư kí được bầu theo đa số phiếu của uỷ viên có mặt trong phiên họp đầu tiên dưới sự chủ toạ của Công sứ - Đốc lí và được chọn trong số uỷ viên mang quốc tịch Pháp.

Danh sách bầu cử do một uỷ ban lập ra vào ngày 01 tháng 12 hàng năm. Uỷ ban này bao gồm Đốc lí hoặc 1 Phó Đốc lí, đại diện Phòng Thương mại và 1 uỷ viên Hội đồng Thành phố. Danh sách được niêm yết trong 15 ngày ở Toà Đốc lí, nơi tiếp nhận khiếu nại. Các khiếu nại sẽ được Uỷ ban trên xem xét và ra thông báo trong ba ngày gửi tới các bên liên quan.

Hai cử tri trẻ nhất và hai cử tri cao tuổi nhất tham dự lễ khai mạc bầu cử, phải biết đọc và biết viết để hoàn thành nhiệm vụ của người trợ lí.

Trong suốt buổi bầu cử, bản sao danh sách cử tri có xác nhận của Công sứ - Đốc lí được đặt trên bàn gần buồng bỏ phiếu. Những người không có tên trong danh sách cử tri hoặc không xuất trình thẻ cử tri không được phép bỏ phiếu.

Cử tri không được mang vũ khí vào phòng bỏ phiếu. Cử tri chuẩn bị sẵn lá phiếu: lá phiếu phải là giấy trắng và không có bất kì dấu hiệu gì bên ngoài. Cử tri đưa lại cho Chủ tịch lá phiếu đã được gấp kín và được bỏ ngay vào thùng phiếu được khoá kĩ. Mỗi cử tri đã đi bầu được đánh dấu trên danh sách, bên cạnh tên cử tri là chữ kí xác nhận của một thành viên trong ban bầu cử.

Cuộc bỏ phiếu diễn ra vào chủ nhật trong điều kiện cho phép, mở cửa từ 4 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Chủ tịch thông báo đóng cửa sau khi không còn cử tri đến bỏ phiếu.

Sau khi kiểm phiếu, Chủ tịch công bố kết quả bỏ phiếu, biên bản bầu cử do thư kí lập, có chữ kí của các thành viên ban bầu cử. Bản sao kết quả được trình lên Thống sứ. Nếu cần tiến hành bỏ phiếu vòng tiếp theo, hội đồng bầu cử sẽ được triệu tập vào ngày chủ nhật tiếp theo đó. Nếu nhiều ứng cử viên có cùng số phiếu bầu, người nhiều tuổi hơn sẽ trúng cử.

Mọi cử tri có quyền tố cáo gian lận bầu cử, các khiếu nại bầu cử sẽ được lập thành biên bản. Đốc lí sẽ đệ trình lên Thống sứ - người có quyền đưa ra quyết định cuối cùng. Trong trường hợp huỷ toàn bộ hay một phần kết quả bầu cử, hội nghị bầu cử sẽ được triệu tập trong thời hạn gần nhất.

53. Arrêté du 20 février 1889 du Gouverneur général de l'Indochine portant l'organisation du Service de Santé en Annam et au Tonkin.

Nghị định ngày 20 tháng 02 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức của Sở Y tế ở Trung - Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 2, tr.224-232)

Nghị định gồm 6 phần, 56 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Vai trò của Chánh Sở

Bác sĩ trưởng lực lượng hải quân được bổ nhiệm giữ chức Chánh Sở Y tế Trung - Bắc Kì, làm việc tại Hà Nội, chịu sự quản lí, chỉ đạo của Toàn quyền Đông Dương.

Tổng Tư lệnh có quyền yêu cầu Chánh Sở về việc trưng tập cần thiết phục vụ quân đội. Trường hợp khẩn cấp, nếu không có bác sĩ quân y, Tư lệnh các lữ đoàn có quyền huy động nhân sự của sở đóng trên khu vực đồn trú, với điều kiện không cản trở hoạt động y tế của bệnh viện, báo cáo trực tiếp cho Chánh Sở về bác sĩ được trưng dụng. Tại các khu vực, vùng không có liên lạc điện tín với chỉ huy cấp trên và trong tình huống nghiêm trọng, việc trưng dụng có thể được cấp chỉ huy địa phương thực hiện trong điều kiện tương tự.

Chánh Sở thực thi nhiệm vụ trong các vấn đề về vệ sinh và kĩ thuật tại các cơ sở bệnh viện ở thuộc địa, các đơn vị quân đội. Mọi liên

lạc giữa Chánh Sở với các bác sĩ trưởng, phụ trách công tác y tế quân đội đều thông qua cấp chỉ huy.

Chánh Sở Chỉ đạo các công việc y tế và tham gia thảo luận tại các Hội đồng Thuộc địa về vấn đề liên quan đến các đơn vị quân đội cũng như về y tế và vệ sinh công cộng. Chánh Sở thông tin trực tiếp với Toàn quyền về mọi chi tiết liên quan đến công việc, với Hội đồng Y tế tối cao về các vấn đề kĩ thuật.

Chánh Sở thừa lệnh Toàn quyền thực hiện mọi nhiệm vụ liên quan đến y tế, vệ sinh ở thuộc địa và của các đơn vị quân đội theo yêu cầu của Tổng Tư lệnh.

Chánh Sở quản lí và phân bổ nhân sự theo chỉ thị của Toàn quyền. Chánh Sở lập báo cáo đặc biệt, đơn đề nghị nâng bậc, khen thưởng, tặng thưởng Huân chương Bắc Đẩu Bội tinh cho các nhân viên y dược công tác tại bệnh viện, đồng thời lập báo cáo thống kê y tế về các đơn vị, các sở của Chính quyền Bảo hộ trình lên Toàn quyền. Tổng Tư lệnh thông báo cho Chánh sở danh sách binh sĩ tử vong bên ngoài các cơ sở y tế. Chánh Sở nhận được báo cáo 10 ngày một lần được quy định trong đoạn 2 và 3 điều 41 của Quy định ngày 28 tháng 12 năm 1883 về công tác quân y.

Trường hợp vắng mặt hay trở ngại tạm thời, Chánh Sở uỷ quyền cho bác sĩ chính của bệnh viện Hà Nội thực hiện chức trách của mình. Nếu Chánh sở vắng mặt ở thuộc địa, một bác sĩ có cấp bậc và thâm niên cao nhất sẽ thay thế thực hiện nhiệm vụ.

Phần II. Hội đồng Y tế

Hội đồng Y tế được thành lập ở Hà Nội gồm 3 thành viên: Chánh Sở - Chủ tịch; bác sĩ có cấp bậc cao nhất, nếu cùng cấp bậc, lựa chọn người có thâm niên nhất trong số các bác sĩ làm việc tại cơ sở y tế; dược sĩ trưởng.

Hội đồng Y tế xác nhận tình trạng sức khoẻ của những người tới khám theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Được sự cho phép của Toàn quyền, Hội đồng thảo luận về mọi vấn đề liên quan đến vệ sinh của các cơ sở y tế ở thuộc địa cũng như vệ sinh của các đơn vị quân đội, biện pháp áp dụng trong trường hợp có dịch bệnh, đề xuất các biện pháp cần thiết.

Trong những trường hợp có yêu cầu của Toàn quyền, Hội đồng có thể thực hiện chức năng của Hội đồng Tối cao về vệ sinh và dịch tễ công cộng của thuộc địa.

Hội đồng được tham vấn: về các dự án xây dựng bệnh viện và các cơ sở y tế khác, doanh trại và nhà tù, cách thức tổ chức bệnh viện, cấp cứu, bệnh xá cũng như về trang thiết bị, các thay đổi nhân sự y tế, về các biện pháp y tế đặc biệt khi có bệnh dịch hay chiến sự.

Phần III. Hồi hương

Một Uỷ ban Y tế hay còn gọi "Uỷ ban Hồi hương" được thành lập tại Hà Nội và các cảng tàu, gồm ít nhất ba bác sĩ, do bác sĩ trưởng của bệnh viện địa phương làm Chủ tịch. Tại Hà Nội, Uỷ ban bao gồm các thành viên Hội đồng Y tế, trong đó bác sĩ hạng 1 nhiều thâm niên nhất làm Phó Chủ tịch, sĩ quan quân cảnh là thư kí.

Bác sĩ của đơn vị cung cấp các thông tin y tế cần thiết của những người hồi hương. Trong trường hợp không có bác sĩ của đơn vị, nhiệm vụ trên được giao cho bác sĩ khác của quân đội và báo cáo với chỉ huy.

Chứng nhận hồi hương có chữ kí của đầy đủ thành viên Uỷ ban, theo thể thức quy định tại Thông tri cấp bộ ngày 22 tháng 4 năm 1875. Chứng nhận chỉ cấp cho người có yêu cầu xin hưởng chế độ nghỉ dưỡng bệnh. Người có giấy chứng nhận hồi hương hợp lệ được cấp vé tàu.

Chánh Sở triệu tập Uỷ ban Hồi hương khi cần thiết, ấn định ngày, giờ họp và báo cho chỉ huy và các đơn vị liên quan ngày giờ diễn ra cuộc họp.

Phần IV. Chức danh sĩ quan quân cảnh

Chức danh sĩ quan quân cảnh tại Bệnh viện Hà Nội do một bác sĩ hải quân hạng 2 đảm trách. Thời gian làm việc của chức sĩ quan quân cảnh là 6 tháng, trong thời gian làm việc bác sĩ không tham gia các công việc khác.

Sĩ quan đảm nhiệm chức sĩ quan quân cảnh theo đúng quy định có thể tái nhiệm. Bác sĩ đã từng từ chối làm sĩ quan quân cảnh sẽ mất mọi quyền giữ chức vụ này trong thời gian quân dịch tại thuộc địa.

Sĩ quan quân cảnh ăn nghỉ trong khu bệnh viện hoặc khu vực phụ cận; trông coi trang thiết bị, thư viện y khoa, kho dụng cụ phẫu thuật và được trả phụ cấp 600 phơ-răng/năm.

Phần V. Công tác kế toán kho dược Hà Nội

Công tác kế toán đối với các loại thuốc độc và thuốc trong kho dược của Bệnh viện Hà Nội thực hiện theo quy định của Bộ Hải quân, do một dược sĩ hay bác sĩ cấp 2 được Toàn quyền chỉ định, theo đề nghị của Chánh Sở Y tế đảm nhiệm.

Viên chức y tế tham gia công việc đặc biệt này phải có trình độ nghiệp vụ kế toán kho dược và hưởng phụ cấp chức vụ: 600 phơ-răng và phí văn phòng: 400 phơ-răng.

Phần VI. Phân bổ nhân sự y tế

A. Quân y

Nhân viên y tế thuộc quân đội khác với nhân viên y tế làm việc tại các bệnh viện. Bác sĩ quân y chỉ nhận lệnh trực tiếp từ cấp chỉ huy đơn vị, phục vụ các đơn vị đồn trú, bệnh xá trung đoàn, cấp cứu lưu động và thay thế bác sĩ bị khuyết trong khu vực phụ trách, hành quân cùng các đơn vị thuộc địa. Trường hợp không có bác sĩ quân y, việc khám chữa bệnh tại chỗ sẽ do bác sĩ bệnh viện đảm nhiệm. Khi cần lập các trạm cấp cứu, số lượng bác sĩ quân y không đủ, các bác sĩ bệnh viện được huy động theo lệnh của Tổng Tư lệnh hoặc cấp chỉ huy quân sự theo quy định.

B. Bệnh viện

Bác sĩ tại các bệnh viện đảm nhiệm công tác y tế tại các trung tâm y tế, trạm y tế của thuộc địa, chăm sóc quân nhân và dân thường của Chính quyền Bảo hộ. Các trung tâm: Hà Nội, Quảng Yên, Thị Cầu, Hải Phòng, Nam Định, Sơn Tây, Việt Trì, Phủ Lạng Thương, Hải Dương, Ninh Bình của Bắc Kì, Thuận An và Đà Nẵng của Trung Kì. Các trạm y tế: Lạng Sơn, Thanh Hoá, Tuyên Quang, Hoàng Hoá, Thái Nguyên, Vinh, Móng Cái, Lào Cai, Cao Bằng, Yên Bái, Chiêm Hoá, Vĩnh Tuy, Sơn La, Lai Châu, Chợ Cả, Thất Khê, Lam, Bảo Lạc ở Bắc Kì, Quảng Bình và Quy Nhơn ở Trung Kì.

Chánh Sở chỉ định nhân sự làm việc tại các trạm dựa theo thứ hạng

trong danh sách của Hội đồng Y tế. Thời gian công tác quy định là 1 năm.

Bác sĩ cùng cấp có thể luân chuyển cho nhau nếu có sự đồng ý của Chánh Sở và tuân thủ các quy định quân dịch. Mọi luân chuyển nhân sự được thông báo tới cấp chỉ huy.

54. Décret du 5 mars 1889 du Président de la République française portant organisation des Conseils d'arrondissement en Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1889 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức các Hội đồng Tiểu khu tại Nam Kì.

(Nguồn: J 991, JOIF 1889, tr.427-428)

Sắc lệnh gồm 5 phần, 37 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Quy định chung

Thành lập tại mỗi tiểu khu ở Nam Kì một Hội đồng Tiểu khu. Quan cai trị tiểu khu là người đại diện cho cơ quan hành pháp, chịu trách nhiệm thẩm cứu những vấn đề liên quan đến tiểu khu cũng như thi hành các quyết định của Hội đồng.

Phần II. Thành phần Hội đồng Tiểu khu

Uỷ viên Hội đồng Tiểu khu gồm các đại biểu kì hào ở cấp tổng. Tại những tiểu khu có từ 5 đến 10 tổng, những tổng đông dân nhất được bầu 2 uỷ viên Hội đồng với điều kiện số lượng uỷ viên Hội đồng không dưới 10 người.

Những tiểu khu có dưới 5 tổng, những tổng đông dân nhất được phép bầu 3 ủy viên.

Cuộc bầu cử diễn ra tại tổng lị của tổng do các kì hào đương chức tiến hành theo danh sách do quan cai trị lập.

Những người đủ tư cách để được bầu là người bản xứ có tên tại tổng, không chấp hành bất kì hình phạt đại hình hoặc tiểu hình nào. Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thuộc địa hoặc tiểu khu không được bầu làm uỷ viên Hội đồng. Một người không được đồng thời là uỷ viên của nhiều Hội đồng Tiểu khu.

Thời hạn tổ chức bầu cử là 20 ngày kể từ ngày triệu tập cử tri. Thời gian được quy định từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều cùng ngày. Phòng bầu cử do Chánh tổng hoặc Phó Chánh tổng chủ trì với sự trợ giúp của 4 kì hào. Việc kiểm phiếu và công bố kết quả được thực hiện ngay sau khi kết thúc ngày bỏ phiếu vòng 1. Nếu cần, việc tổ chức bỏ phiếu vòng 2 được thực hiện 8 ngày sau bầu cử vòng 1.

Mọi đơn thư khiếu nại liên quan đến cuộc bầu cử phải được gửi tới thủ phủ của tiểu khu trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động bầu cử. Hội đồng Tư mật sẽ thụ lí việc này.

Ủy viên Hội đồng Tiểu khu được bổ nhiệm với nhiệm kì 4 năm, ½ số uỷ viên được bầu lại 2 năm 1 lần. Trường hợp uỷ viên hội đồng bị khuyết do từ trần, từ chức hoặc vì lí do nào đó, trong thời hạn 3 tháng, cử tri sẽ được tập trung lại.

Quan cai trị tiểu khu là uỷ viên của Hội đồng Tiểu khu, đồng thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng.

Phần III. Các khoá họp của Hội đồng

Mỗi năm, Hội đồng Tiểu khu có hai khoá họp thường kì vào tháng 02 và tháng 8 trong vòng 8 ngày mỗi khoá.

Tại khoá họp vào tháng 8, Hội đồng Tiểu khu biểu quyết ngân sách cơ bản cho tài khoá tiếp theo, các công trình được thi công trong tài khoá, đồng thời chuẩn bị dự thảo, dự toán cho các công trình đó và đề xuất nguyện vọng liên quan đến tiểu khu.

Trong khoá họp vào tháng 2, các hội đồng cấp khu được mời đến để xem xét báo cáo của chánh chủ trì trong tài khoá trước và biểu quyết ngân sách của tài khoá trong năm.

Hội đồng còn có các khoá họp bất thường do Toàn quyền Đông Dương triệu tập, được thông qua trước Hội đồng Tư mật.

Các khoá họp không công khai.

Hội đồng Tiểu khu không tiến hành thảo luận nếu trên một nửa uỷ viên vắng mặt.

Biên bản cuộc họp được lập bằng chữ quốc ngữ và tiếng Pháp tính từ thời điểm cuộc họp bắt đầu có chữ kí của chủ toạ và thư kí có ghi

rõ các báo cáo, tên uỷ viên tham gia thảo luận, đồng thời phân tích các ý kiến.

Phần IV. Quyền hạn của Hội đồng Tiểu khu

Các vấn đề liên quan đến tiểu khu đưa ra biểu quyết tại Hội đồng Tiểu khu chỉ được thực hiện sau khi được Hội đồng thông qua. Mọi quyết nghị của Hội đồng đều được trình lên Toàn quyền và chuẩn y trước Hội đồng Tư mật.

Hội đồng góp ý kiến về việc xếp hạng hệ thống đường sá thuộc địa; đề xuất thay đổi địa giới các khu vực tại địa phương từ cấp xã trở lên; phân loại các làng theo thuế ruộng và những vấn đề liên quan đến cơ sở đánh thuế. Hội đồng thảo luận và quyết nghị mọi vấn đề về kinh tế và quản lí chung nhưng tuyệt đối không bàn về chính trị.

Những người đứng đầu chính quyền nhà nước trong Hội đồng có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến Tiểu khu khi được yêu cầu.

Quan cai trị trình bày báo cáo về những vấn đề được trình lên Hội đồng tại đầu mỗi phiên họp. Báo cáo được viết bằng tiếng Pháp và chữ quốc ngữ.

Phần V. Ngân sách và tài khoản của tiểu khu

Quan cai trị tiểu khu lập dự toán ngân sách tiểu khu, đưa ra Hội đồng Tiểu khu thông qua và Toàn quyền Đông Dương quyết định cuối cùng trước Hội đồng Tư mật.

Các khoản thu thuộc ngân sách bao gồm:

- Khoản thu theo tỉ lệ phần trăm bổ sung do Toàn quyền ấn định hàng năm và được thông qua trước Hội đồng Tư mật;

- Khoản thu từ tiền chuộc lao dịch;

- Khoản thu từ sở hữu ruộng đất của tiểu khu;

- Khoản thu từ thuế cầu đường trên những tuyến đường do tiểu khu quản lí và từ những nguồn thuế khác được nhượng lại cho tiểu khu bằng nghị định;

- Từ khoản trợ cấp cho tiểu khu trích từ quỹ chung của thuộc địa;

- Tổng số tiền trợ cấp của các làng dành cho lính gác trạm bị xoá bỏ;

- Phần đóng góp của thuộc địa đối với dịch vụ bưu điện và học chính;

- Phần đóng góp của các xã và những nguồn vốn khác cho hệ thống đường hàng xã và đường sắt phục vụ lợi ích của địa phương;

- Tiền lãi từ các khoản cho vay;

- Đồ biếu tặng;

- Thu nhập từ tài sản chuyển nhượng;

- Các nguồn thu phụ khác.

Những khoản chi ngân sách gồm có:

- Công trình xây dựng và bảo trì hệ thống kênh mương nhỏ và đường hàng xã. Thanh toán tiền lương cho nhân viên tham gia các công trình này.

- Xây dựng và bảo trì trường học cấp tổng. Cung ứng đồ dùng học sinh. Thanh toán tiền lương cho giáo viên.

- Dịch vụ đưa thư tại nhà và ngược lại. Trạm tiếp nhận và phân phát thư từ tại thủ phủ của tiểu khu. Trả lương cho lính chạy giấy phục vụ Chánh tổng;

- Trả lương nhân viên thủ quỹ, kế toán của tiểu khu;

- Bảo trì tài sản và nhà cửa của tiểu khu hoặc của địa phương;

- Các khoản chi đặc biệt vì lợi ích công cộng tại tiểu khu.

Nếu kinh phí dự toán không đủ chi các khoản chi bắt buộc, Toàn quyền sẽ cấp thêm khoản kinh phí đó với sự nhất trí của Hội đồng Tư mật.

Thủ quỹ - kế toán viên chịu trách nhiệm thu tiền và thanh toán các khoản chi theo quy định của tài chính công. Sổ sách và bảng kê nguồn thu do quan cai trị lập và Toàn quyền thông qua, sau đó được giao lại cho nhân viên kế toán.

Hàng năm, báo cáo quyết toán của tiểu khu liên quan đến các khoản thu, chi được trình lên Hội đồng Tiểu khu vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Việc quyết toán thực hiện theo quyết định của Toàn quyền, được thông qua trước Hội đồng Tư mật.

55. Arrêté du 13 avril 1889 Gouverneur général de l'Indochine réglant les attributions du secrétariat général et des bureaux de la Direction du Service local.

Nghị định ngày 13 tháng 4 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Ban Tổng Thư kí và các phòng ban của Sở địa phương.

(Nguồn: J 991, JOIF 1889, tr.438-439)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Chức năng, quyền hạn của Ban Tổng Thư kí và các phòng ban của Sở địa phương được quy định như sau:

Ban Tổng Thư kí

Đăng kí, bảo quản công văn giấy tờ; tập trung công việc của các phòng ban; phụ trách công tác mật vụ; quản lí hồ sơ nhân sự.

Phòng 1

Phụ trách việc bổ nhiệm; thuyên chuyển; nghỉ phép; hồi hương; thăng thưởng; thanh toán và chi trả cho nhân viên; bệnh viện và lương thực; lương và phụ cấp; dân vệ; nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách nhân sự.

Phòng 2

Phụ trách công trình cầu đường, công trình dân sự và thanh tra, phê duyệt dự toán; hợp đồng, thầu khoán; thanh lí, thanh toán các khoản mua sắm thiết bị; nhà kho; cung cấp vật dụng; trang thiết bị, vũ khí; đường sá; quần áo cho lực lượng dân vệ; quần áo, lương thực thực phẩm cho học sinh, tù nhân; xếp hạng hệ thống đường công cộng, vạch sơ đồ mặt bằng tuyến phố, san đường; nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách mua sắm thiết bị; xem xét và kiểm tra sổ thuế; lập ngân sách cho khu vực; hợp đồng, giao kèo; xem xét báo cáo; chuyển khoản; các cơ quan dân sự thuộc ngân sách nhà nước.

Phòng 3

Phụ trách thống kê chung; canh nông; kĩ nghệ; thương mại và hàng hải; quản lí chung; trợ cấp xã hội, hội từ thiện, bệnh viện; học chính, tôn giáo; tư pháp; hộ tịch; quản lí thành phố; lưu trữ, thư viện; ấn

phẩm định kì; sơ đồ, bản vẽ; xưởng in; đơn xin nhập quốc tịch; quản lí cấp khu vực; các Hội đồng Tiểu khu; biên bản các cuộc họp v.v...

Phòng 4

Phụ trách công tác kế toán; nghiên cứu, chuẩn bị và lập các khoản thu; thuế trực thu và thuế gián thu; cơ sở đánh thuế, giảm thuế; báo cáo về các khoản thu và công bố báo cáo quyết toán của cơ quan địa phương; tập trung và phát lệnh chi tiêu; chế độ tiền tệ, lập quỹ tín dụng; cấp vốn hàng tháng; hoạt động của Sở Ngân khố và quỹ tạm ứng; nhập cư; trước bạ và cầm cố; công sản; trợ quản; địa chính; bưu điện và điện báo; kho dầu.

56. Décret du 17 juin 1889 du Président de la République française réorganisant la justice en Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 17 tháng 6 năm 1889 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định cải tổ tổ chức tư pháp tại Nam Kì.

(Nguồn: J 992, JOIF 1889, tr.778-784)

Sắc lệnh gồm 8 phần, 146 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Quy định sơ bộ

Các cơ quan xét xử tại Nam Kì thuộc Pháp gồm Toà án Hoà giải, Toà Sơ thẩm và Thương mại, Toà Thượng thẩm Đông Dương và các toà Đại hình. Phiên toà xét xử các vụ án dân sự và hình sự diễn ra công khai, trừ khi việc công khai gây nguy hại đến trật tự trị an và phong tục tập quán. Trong mọi trường hợp, các bản án hoặc quyết định đều mang tính công khai và nêu rõ lí do, nếu không, bị xem như không có giá trị.

Phần II. Toà Hoà giải

Phạm vi xét xử của Toà Hoà giải Sài Gòn bao gồm: thành phố Sài Gòn, các tiểu khu Chợ Lớn, Gia Định và Bà Rịa. Thành phần Toà Hoà giải Sài Gòn gồm: 1 thẩm phán hoà giải, 1 lục sự và 1 tham tá, nếu cần. Toà Hoà giải hoạt động theo các quy định tương tự như Toà án Hoà giải ở Pháp.

Phần III. Các toà Sơ thẩm và Thương mại

Chương I. Thành phần và trụ sở của những toà án này

Phạm vi xét xử của Toà Sơ thẩm Sài Gòn gồm: thành phố Sài Gòn, các tiểu khu Chợ Lớn, Gia Định và Bà Rịa. Tại những tiểu khu khác ở Nam Kì, mỗi tiểu khu được bố trí một Toà Sơ thẩm.

Những Toà Sơ thẩm nằm trong khu vực Nam Kì được chia làm 3 hạng:

- 2 Toà Sơ thẩm hạng 1: Mỹ Tho và Vĩnh Long;

- 4 Toà Sơ thẩm hạng 2: Bến Tre, Biên Hoà, Sa Đéc và Châu Đốc;

- 8 Toà Sơ thẩm hạng 3: Cần Thơ, Trà Vinh, Long Xuyên, Tân An, Gò Công, Sóc Trăng, Tây Ninh và Bạc Liêu.

Thành phần của Toà Sơ thẩm Sài Gòn bao gồm: 1 thẩm phán - chánh án; 1 thẩm phán; 8 thẩm phán dự khuyết; 1 biện lí; 1 tham lí; 1 lục sự; 1 hay nhiều tham tá. Thẩm phán dự khuyết được chỉ định thay thế quan toà trong trường hợp vắng mặt.

Các toà Sơ thẩm nằm trong khu vực Nam Kì gồm: 1 thẩm phán; 1 biện lí; 1 lục sự và 1 tham tá nếu cần. Viên lục sự giữ chức công chứng viên kiêm uỷ viên đấu giá.

Những thông ngôn biệt phái đến các toà án được Toàn quyền phân bổ bằng nghị định, theo đề nghị của Chưởng lí - Giám đốc Tư pháp Đông Dương và tuỳ theo nhu cầu công việc.

Chức năng công tố do biện lí và tham lí đảm nhiệm trước Toà án Sài Gòn và do các biện lí đảm nhiệm trước các toà án khu vực Nam Kì. Quan cai trị Côn Đảo đảm nhiệm chức vụ thẩm phán và thư kí và viên chức Viện Công tố tại hòn đảo này.

Chương II. Thẩm quyền các toà Sơ thẩm

Các vụ vi phạm, tranh chấp dân sự và thương mại giữa người bản xứ với người châu Á được xét xử theo luật pháp An-nam. Các vụ vi phạm, tranh chấp dân sự và thương mại giữa người Âu với người Âu, hoặc giữa người Âu với người châu Á, hoặc người nhập tịch Âu, Á xét xử theo luật của nước Pháp.

Về mặt dân sự, các toà sơ thẩm có thẩm quyền xét xử sơ thẩm và chung thẩm những vụ kiện liên quan đến cá nhân và động sản có trị giá gốc lên đến 1500 phơ-răng và những vụ kiện liên quan đến bất

động sản trị giá 100 phơ-răng lợi tức được xác định theo lời khai của các bên, hoặc trong trường hợp có bất đồng, vụ kiện được xác định theo đánh giá của Chánh tổng tại những nơi xảy ra tranh chấp.

Về thương mại, thẩm quyền của các toà án này được quy định tại phần II, quyển IV bộ Luật Thương mại.

Về tiểu hình, những toà án án này có thẩm quyền xét xử mọi loại tội phạm.

Thẩm phán các toà án trong phạm vi khu vực Nam Kì đảm nhiệm chức năng và thực hiện quyền giám hộ như thẩm phán hoà giải theo luật của nước Pháp.

Phần IV.

Chương I. Toà Thượng thẩm

Toà Thượng thẩm Đông Dương có trụ sở tại Sài Gòn gồm: 1 chánh án, 1 phó chánh án, 7 cố vấn, 1 lục sự và một số tham tá lục sự.

Chức năng của Viện Công tố thuộc Toà Thượng thẩm Đông Dương do Chưởng lí đảm nhiệm, với sự hỗ trợ của 1 luật sư trưởng và 2 tham lí.

Về dân sự và thương mại, Toà Thượng thẩm có thẩm quyền thụ lí:

- Đơn kháng cáo đối với những bản án sơ thẩm của Toà Sơ thẩm và Thương mại Nam Kì.

- Đơn kháng cáo đối với những bản án sơ thẩm của các cơ quan xét xử của Pháp tại khu vực Viễn Đông, hoặc tại những nước đặt dưới chế độ bảo hộ của Pháp, hoặc các Toà Lãnh sự Pháp.

Về tiểu hình, Toà Thượng thẩm có thẩm quyền thụ lí đơn kháng cáo đối với bản án của các Toà Tiểu hình Nam Kì và các cơ quan xét xử của Pháp tại những xứ bảo hộ của Pháp ở Đông Dương.

Theo Luật ngày 28 tháng 4 năm 1869, Toà Thượng thẩm có thẩm quyền thụ lí:

- Đơn kháng án đối với các bản án dân sự, thương mại và tiểu hình của các Toà án Thương mại Pháp đặt tại Trung Hoa, Vương quốc Xiêm và Nhật Bản.

- Các vụ trọng tội do những người thuộc quốc tịch Pháp gây ra tại khu vực đã nêu.

Các bản án chung thẩm liên quan đến người bản xứ do các Toà Vi cảnh, Toà Sơ thẩm xét xử có thể được kháng án lên Toà Thượng thẩm.

Cuộc họp Đại Hội đồng của Toà Thượng thẩm gồm toàn bộ thành viên của Toà. Toà chỉ ra quyết định khi có ít nhất 5 thẩm phán tham gia. Các quyết định được đưa ra với đa số phiếu tán thành.

Cuộc họp Đại Hội đồng của Toà Thượng thẩm không mang tính không khai và chỉ diễn ra theo lệnh triệu tập của Chánh án với sự nhất trí của Giám đốc Tư pháp, hoặc theo yêu cầu của Chưởng lí, hoặc theo lệnh của Toàn quyền. Viên lục sự Toà Thượng thẩm được tham dự mọi phiên họp và giữ chức thư kí.

Chương II. Các toà Đại hình

Những vụ trọng án xảy ra tại thuộc địa Nam Kì Pháp được đưa ra xét xử trước Toà Đại hình Sài Gòn, Mỹ Tho và Vĩnh Long. Những vụ trọng án do người Pháp hoặc những người Âu khác trên đất Cao Miên hoặc người châu Á quốc tịch Pháp gây ra đối với người Pháp, hoặc người Âu, hoặc người châu Á được đưa ra xét xử tại Toà Đại hình Sài Gòn.

Phạm vi quyền hạn xét xử của Toà Đại hình Sài Gòn bao gồm các tiểu khu: Chợ Lớn, Gia Định, Tây Ninh, Biên Hoà, Bà Rịa và Côn Đảo.

Phạm vi quyền hạn xét xử Toà Đại hình Mỹ Tho gồm tiểu khu: Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre và Trà Vinh.

Phạm vi quyền hạn xét xử của Toà Đại hình Vĩnh Long gồm tiểu khu Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng và Bạc Liêu.

Ngoài lục sự hoặc tham tá, Toà Đại hình Sài Gòn còn có các thành viên sau:

- 3 cố vấn tại toà trong đó, 1 người giữ chức chánh án. Tuy nhiên, tùy theo yêu cầu công việc, Toàn quyền được chỉ định 1 lục sự sơ thẩm thay cho 1 trong 2 uỷ viên hội thẩm theo đề nghị của Chưởng lí.

- 2 hội thẩm được chỉ định bằng hình thức rút thăm dựa trên

danh sách 20 kì hào Pháp sống tại tiểu khu Sài Gòn, Chợ Lớn và Gia Định, khi xét xử các bị cáo người Âu.

Khi xét xử các bị cáo người bản xứ hoặc châu Á, hội thẩm viên phải là người bản xứ.

Danh sách hội thẩm người Âu do một uỷ ban gồm Giám đốc phụ trách Sở Địa phương hoặc Phó Toàn quyền, Chánh án, Chánh Toà Sơ thẩm, 1 thành viên Hội đồng Thuộc địa và 1 thành viên Hội đồng Thành phố được lập vào 2 tuần cuối cùng của tháng 12 hàng năm.

Thành phần của Toà Đại hình bao gồm:

- 1 cố vấn tại Toà Thượng thẩm giữ chức chánh án;

- 1 thẩm phán xét xử của Toà Đại hình;

- 1 thẩm phán do Chưởng lí chỉ định trong số thẩm phán hoặc thẩm phán dự khuyết;

- 2 hội thẩm được lựa chọn bằng hình thức rút thăm trên danh sách 20 kì hào bản xứ được lập theo quy định tại điều 32 và 36 của Nghị định.

- Lục sự xét xử của Toà Đại hình.

Chức năng của Viện Công tố bên cạnh các Toà Đại hình do Chưởng lí hoặc một trong các tham lí đảm nhiệm tại Sài Gòn hoặc Chưởng lí, một trong các tham lí, hoặc biện lí xét xử của Toà Đại hình đảm nhiệm tại khu vực Nam Kì.

Nghị định của Toàn quyền ấn định thời gian diễn ra khoá họp hàng quý, sau khi có ý kiến của Hội đồng Tư mật và theo đề nghị của Chưởng lí. Toàn quyền bổ nhiệm cố vấn chánh án và các quan toà hội thẩm của Toà Đại hình theo đề nghị của Chưởng lí.

Phần V. Thủ tục tố tụng

Chương I. Thủ tục tố tụng dân sự

Mọi vụ kiện đều được miễn thủ tục hoà giải trước khi xét xử. Ngược lại tất cả các vụ kiện ở Pháp đều phải tuân thủ thủ tục này, thẩm phán mời các bên ra trước toà theo cáo thị và không mất phí. Đối với các vụ kiện liên quan đến người Âu, thủ tục tố tụng dân sự và thương mại được thực hiện như ở Pháp. Thời hạn chống án quy định

đối với án dân sự và thương mại là 2 tháng, tính từ ngày tống đạt xét xử được gửi tới người, hoặc địa chỉ thực tế, hoặc địa điểm bầu cử. Trong một số trường hợp, thời hạn này có thể thay đổi theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương.

Các bên muốn tự bào chữa và không cần đến đội ngũ luật sư bào chữa phải trình phòng lục sự toàn bộ giấy tờ cần thiết phục vụ thẩm cứu các vụ kiện dân sự, thương mại và thi hành các bản án, quyết định trong thời hạn quy định.

Chương II. Thủ tục thẩm cứu hình sự

Toà án trực tiếp thụ lí các vụ án tiểu hình hoặc vi cảnh.

Điều 52 đến điều 98 quy định chi tiết về thủ tục tố tụng hình sự tại các Toà Đại hình.

Đối với các vụ trọng án, ngay khi cuộc điều tra kết thúc, biện lí chuyển tài liệu cần thiết tới thẩm phán xét xử. Thẩm phán tiến hành thẩm cứu vụ án theo thể thức và quy định của Luật Thẩm cứu hình sự.

Khi thủ tục tố tụng hoàn tất, thẩm phán ra lệnh chuyển các tài liệu liên quan đến Chưởng lí. Sau khi xem xét tài liệu, nếu nhận thấy cần đưa bị cáo ra trước Toà Đại hình, Chưởng lí lập bản cáo trạng được tống đạt tới bị cáo cùng với phán quyết của thẩm phán. Mọi tài liệu liên quan có thể được chuyển tới bị cáo khi bị cáo yêu cầu.

Nếu nhận thấy vụ việc không cấu thành tội ác, Chưởng lí ra quyết định miễn truy tố trước Toà Tiểu hình. Nếu xét thấy vụ việc không cấu thành tội ác hoặc tội phạm theo luật định, Chưởng lí đưa ra phán quyết nêu rõ lí do đề nghị trả tự do cho bị can. Đối với trường hợp này, trong bản tường trình tại phiên toà có kèm theo bản sao phán quyết trả tự do cho bị can, Chưởng lí phải giải trình với Bộ trưởng về vấn đề này. Nếu xét thấy cần thiết, Chưởng lí có thể thuyết minh thêm.

Trong trường hợp truy tố trước Toà Đại hình, mọi tài liệu liên quan được trình lên phòng lục sự của toà này ít nhất 5 ngày trước phiên xét xử. Các bằng chứng cũng được gửi tới phòng lục sự, trước phiên xét xử.

Ngay sau khi nộp tài liệu lên phòng lục sự và giải bị cáo tới phòng tạm giam, chánh án Toà Đại hình hoặc thẩm phán được chỉ định hỏi cung bị cáo. Khi bị thẩm vấn, bị cáo có quyền lựa chọn một cố vấn để giúp bị cáo bào chữa, nếu không, thẩm phán sẽ chỉ định cố vấn giúp bị cáo.

Trước buổi khai mạc phiên toà, chánh án hoặc thẩm phán được uỷ nhiệm tiến thành rút thăm lựa chọn hội thẩm. Ngày rút thăm chọn hội thẩm được quy định theo quyết định của chánh án Toà Đại hình, căn cứ yêu cầu của Chưởng lí hoặc tham lí. Việc rút thăm diễn ra tại văn phòng hội đồng trước sự chứng kiến của Viện Công tố, lục sự, bị cáo và cố vấn cho bị cáo. Thẩm phán phụ trách rút thăm và bỏ phiếu vào thùng phiếu, sau khi đọc tên của 20 kì hào ghi trên phiếu.

Ngay khi công việc trên kết thúc, chánh án hoặc thẩm phán được uỷ nhiệm lần lượt lấy phiếu ra khỏi hòm và đọc tên người ghi trong phiếu.

Trong trường hợp bị kết án phạm tội nghiêm trọng đối với các cá nhân, trình tự cáo tị (từ cũ, nay được thay bằng cụm từ "đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng") được quy định bằng hình thức rút thăm.

Danh sách hội thẩm chính thức được thiết lập khi thẩm phán phụ trách rút thăm đạt được số hội thẩm cần thiết cho việc tổ chức phiên toà, mà không có cáo tị hoặc khi các cáo tị đã hết hạn.

Như vậy, có hai hội thẩm viên được chỉ định làm thành viên Toà Đại hình để xét xử các vụ kiện đăng kí theo số thứ tự phải xử tại phiên toà.

Hai hội thẩm phụ cũng được lựa chọn theo hình thức rút thăm để thay thế hội thẩm thực thụ, nếu cần.

Chưởng lí giữ chức sĩ quan cảnh sát tư pháp;

Chánh án giữ chức thẩm phán điều tra.

Tài liệu thẩm cứu được chuyển tới Chưởng lí để quyết định việc kết án.

Trong trường hợp nêu tại điều trên, Chưởng lí, bên dân sự hoặc bị cáo có thể lập tức yêu cầu và toà án có thể hoãn thi hành bản án vào phiên toà tiếp theo.

Nếu bị cáo, nhân chứng hoặc một trong số nhân chứng không nói cùng một ngôn ngữ, hoặc nếu bị cáo bị câm, điếc và không biết viết, chánh án phải tuân thủ các quy định tại điều 332 và 333 của Luật Thẩm cứu hình sự.

Chánh án là người quyết định bị cáo đầu tiên đưa ra xét xử hoặc bắt đầu là bị cáo chính nếu vụ án chỉ có một người. Sau đó, mỗi bị cáo sẽ được xét xử riêng.

Sau lời khai của nhân chứng và các bên, bên dân sự hoặc cố vấn cho bên dân sự và Chưởng lí sẽ thống nhất và đưa ra các biện pháp hỗ trợ việc kết án...

Phần VI. Viện Công tố

Viện Công tố được xem như cơ quan đại diện thực hiện quyền công tố trên toàn cõi Đông Dương. Trong phạm vi thẩm quyền, Chưởng lí giám sát việc thực thi các đạo luật, quyết định, sắc lệnh và các quy định đồng thời có quyền yêu cầu xuất trình những giấy tờ cần thiết và thi hành các bản án, quyết định theo quy định về trật tự công cộng.

Tương tự, Giám đốc Tư pháp Đông Dương, Chưởng lí giám sát việc duy trì kỉ luật, trật tự tại các toà án Đông Dương và có quyền áp dụng hình thức cảnh cáo đối với toàn bộ nhân viên tư pháp và trong trường hợp cần thiết, có thể chống lại quyết định của Toàn quyền đối với những văn bản trái luật; giám sát toàn bộ lực lượng sĩ quan cảnh sát và viên chức tư pháp.

Trong những vụ kiện liên quan đến chính phủ, Chưởng lí buộc phải tiến hành những hoạt động cần thiết để đưa ra toà theo yêu cầu của Toàn quyền; xem xét đơn thư khiếu nại có thể là của can phạm và báo cáo lên Toàn quyền; thanh tra các hành vi tư pháp và sổ sách của phòng lục sự, sổ hộ tịch và sổ sách của trợ quản liên quan đến di sản vô chủ; tập hợp bản sao sổ sách và tài liệu lưu giữ tại các kho lưu trữ thuộc địa để gửi lên Thứ trưởng Bộ Thuộc địa.

Theo lệnh của Toàn quyền, Chưởng lí chuẩn bị và trình Hội đồng Tư mật:

- Dự thảo sắc lệnh, nghị định, quy định và thông tư về lĩnh vực tư pháp;

- Các báo cáo liên quan đến: đơn xin ân xá; biện pháp áp dụng đối với viên chức biệt phái ngành tư pháp; bất đồng giữa các thành viên toà án về chức vụ, cấp bậc và đặc quyền; những vụ việc khác liên quan đến công việc của Chưởng lí.

Chưởng lí có những quyền hạn sau đây:

- Giám sát và quản lí địa điểm xét xử;

- Giám sát chức trợ quản đối với những tài sản vô chủ được quy định bằng các quyết định và sắc lệnh;

- Kiểm duyệt các văn bản pháp lí được phép in ấn;

- Chuẩn bị ngân sách các khoản chi liên quan đến lĩnh vực tư pháp;

- Kiểm tra và chuẩn y những văn bản cần thiết cho quá trình bào chữa và thanh toán án phí của các đơn vị có liên quan;

- Tiếp kí nghị định, quy định và quyết định của Toàn quyền cũng như những văn bản khác của chính quyền địa phương về quản lí tư pháp.

- Giải quyết và tiếp kí khoản tiền dự trù, thù lao do Toàn quyền cấp cho các thành viên ngạch tư pháp cũng như thù lao của công chứng viên, người được uỷ nhiệm và những uỷ viên tư pháp khác;

- Bổ nhiệm nhân viên biệt phái tại các toà án hưởng lương và phụ cấp không vượt quá 1.800 phơ-răng mỗi năm;

- Cách chức những nhân viên này sau khi có lệnh của Toàn quyền;

- Đăng kí các công việc được giao và những văn bản mà Chưởng lí gửi đi và tiếp kí.

Chưởng lí là người duy nhất được trao đổi với Toàn quyền về những nội dung thuộc thẩm quyền và tiếp nhận rồi chuyển mệnh lệnh của Toàn quyền đến những người liên quan đến công việc do Chưởng lí chỉ đạo.

Phần VII. Các thành viên tư pháp

Chương I. Thành phần đội ngũ nhân viên tư pháp tại Nam Kì

Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm các quan toà và lục sự Toà Thượng thẩm và các toà án khác. Lục sự Toà Hoà giải Sài Gòn do

Thứ trưởng Bộ Thuộc địa bổ nhiệm. Nhân viên lục sự do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Chưởng lí.

Tuỳ theo yêu cầu công việc, giám sự hành chính có thể được đề cử cùng lúc với thẩm phán dự khuyết, hoặc nếu không có thẩm phán dự khuyết, giám sự hành chính có thể tạm quyền được bổ sung vào những vị trí trống tại Toà Hoà giải Sài Gòn, hoặc Toà án Sài Gòn, hoặc tại các toà án trong khu vực Nam Kì.

Chương II. Quy định về tuổi tác và năng lực

Độ tuổi cần thiết đối với các chức vụ trong đoàn thẩm phán được quy định như sau: 22 tuổi đối với thẩm phán dự khuyết và phó biện lí; 25 tuổi đối với biện lí, tham lí và lục sự các Toà Sơ thẩm và Toà Hoà giải Sài Gòn; 27 tuổi đối với thẩm phán sơ thẩm, cố vấn và lục sự Toà Thượng thẩm; 30 tuổi đối với Chưởng lí và chánh án.

Thành viên đoàn thẩm phán phải là cử nhân luật hoặc có thời gian hành nghề luật sư 2 năm từ khi tuyên thệ tại Toà Thượng thẩm hoặc được biệt phái ít nhất 1 năm tại Sở Biện lí Nam Kì. Các quan cai trị có bằng cử nhân luật thuộc đội ngũ nhân viên tư pháp Nam Kì được miễn thực tập.

Lục sự toà Thượng thẩm và các Toà Sơ thẩm chỉ được lựa chọn trong số cử nhân luật hoặc trong số những người từng giữ các chức vụ như: người được uỷ nhiệm, người bào chữa, hoặc nhân viên lục sự trong thời gian ít nhất 4 năm.

Cha mẹ và những người thân, kể cả chú bác, cháu chắt không thể cùng là thành viên Toà Thượng thẩm hoặc trong cùng một toà án với tư cách cố vấn, thẩm phán, phó thẩm phán hoặc thẩm phán dự khuyết, hoặc viên chức Viện Công tố hay lục sự.

Trước khi nhậm chức, thành viên Toà Thượng thẩm và các toà án làm lễ tuyên thệ trước Toà Thượng thẩm, hoặc trước các toà án do Toà Thượng thẩm chỉ định, hoặc bằng văn bản theo quy định tại các Sắc lệnh ngày 11 tháng 12 năm 1885 và 19 tháng 4 năm 1889.

Chương III. Nơi ở và thời gian nghỉ phép

Chương III gồm hai điều 127 và 128 quy định chi tiết về việc nghỉ phép của thành viên Toà Thượng thẩm và các toà án khác cũng như lục sự và nhân viên lục sự.

Chương IV. Hình thức kỉ luật

Chương IV quy định các hình thức kỉ luật đối với nhân viên ngành toà án.

57. Arrêté du 4 juillet 1889 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant la composition et les attributions du Conseil du Protectorat du Tonkin.

Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định thành phần và quyền hạn của Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 7, tr.210-211)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì bên cạnh Thống sứ Bắc Kì gồm: Thống sứ làm Chủ tịch và các thành viên gồm: Đại tá, Tổng Tư lệnh Pháo binh; Tổng Tham mưu trưởng; Tư lệnh Hải quân; Uỷ viên hàng hải; Chánh Sở Y tế; Công sứ hạng 1 do Toàn quyền chỉ định; Chánh Sở Công chính. Hai uỷ viên người Pháp lựa chọn trong số thương gia hoặc thân hào của Chính quyền Bảo hộ.

Nhiệm kì đối với uỷ viên và uỷ viên dự khuyết của Hội đồng Bảo hộ là 3 năm. Hết nhiệm kì, uỷ viên có thể được bổ nhiệm lại.

58. Arrêté du 6 juillet 1889 du Gouverneur général de l'Indochine instituant dans les villes de Hanoï et de Haiphong, un bureau de l'Enregistrement des Domaines et des Hypothèques.

Nghị định ngày 06 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Phòng Đăng kí tài sản và Cầm cố ở Hà Nội và Hải Phòng.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 7, tr.215-217)

Nghị định gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Phòng Đăng kí tài sản và Cầm cố được thành lập tại Hà Nội và Hải Phòng, với phạm vi hoạt động trong khu vực nhượng địa Pháp, trừ một số ngoại lệ. Các Phòng Đăng kí tài sản và Cầm cố tiếp dân tất

cả các ngày trong tuần, trừ chủ nhật và các ngày lễ, từ 7h đến 10h sáng và từ 2h đến 5h chiều.

Nhân sự các phòng đăng kí gồm ba giám thu. Các giám thu được tuyển dụng từ chính quốc, bổ nhiệm chính thức theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương và chịu sự quản lí của Thống sứ Bắc Kì, phụ trách mọi khoản thu, thu thuế, đăng kí tài sản, tiền phạt và án phí do các toà án Pháp tuyên và chi phí pháp lí liên quan.

Báo cáo quyết toán hàng năm do Thống sứ giám sát và được Toàn quyền quyết toán tài chính. Toàn quyền quyết định các mặt hàng cần thu hồi khi kết thúc kiểm tra thương nghiệp.

Nhân viên giám thu nộp 2.000 phơ-răng tiền kí quỹ tại ngân khố và 2.500 phơ-răng để đảm bảo một phần ba cho những sai sót nếu mắc phải trong quá trình thực hiện các thủ tục cầm cố.

Lương cố định của nhân viên giám thu phòng đăng kí tài sản được quy định như sau:

	Lương châu Âu (phơ-răng)	***Lương thuộc địa (phơ-răng)***	***Lương châu Âu (phơ-răng)***	***Lương thuộc địa (phơ-răng)***
			Sau 2 năm	
Hạng 1	*7.000*	*11.000*	*8.000*	*11.500*
Hạng 2	*5.000*	*10.000*	*6.000*	*10.500*
Hạng 3	*3.800*	*9.000*	*4.400*	*9.500*
Hạng 4	*2.800*	*8.000*	*3.300*	*8.500*
Hạng 5	*2.000*	*7.000*	*2.400*	*7.500*
Hạng 6	*1.600*	*6.000*	*1.800*	*6.500*

Ngoài lương cố định, nhân viên giám thu kiêm quản lí còn được hưởng tiền phần trăm, tiền thưởng cũng như phụ cấp nhà ở. Động sản của hai văn phòng do Chính quyền Bảo hộ cung cấp.

Mức phí được quy định như sau:

- Đăng kí và xác nhận văn tự trong sổ đăng kí gửi theo Luật ngày 05 tháng 01 năm 1875: 1 phơ-răng/bản.

- Đăng kí quyền cầm cố hay đặc quyền, không kể số chủ nợ, nếu thủ tục cần thiết cùng bảng kê: 5 phơ-răng/bản.

- Đăng kí do nhân viên bảo quản làm thành bản sao sở hữu theo đúng thủ tục: 5 phơ-răng/bản.

- Tờ khai thay đổi nơi cư trú, chứng thư thay thế hoặc có kì hạn, hoặc cả ba trên cùng một văn bản: 2 phơ-răng/tờ.

- Yêu cầu xoá bỏ đăng kí: 3 phơ-răng/lần.

- Trích lục đăng kí, hay chứng nhận không tồn tại: 3 phơ-răng/bản.

- Bản sao giấy thuyên chuyển do nhân viên giám thu ghi lại, 30 dòng mỗi trang và 18 âm tiết mỗi dòng: 3 phơ-răng/bản.

- Giấy chứng nhận không sao chép: 2 phơ-răng/bản.

- Bản sao đối chiếu với các giấy đăng kí đã nộp theo sổ ghi của nhân viên thu, 25 dòng mỗi trang và 18 âm tiết mỗi dòng: 3 phơ-răng/bản.

- Bản sao biên lai: 0,50 phơ-răng/bản.

- Bản chép lại biên bản tịch biên bất động sản và trích lục biên bản tống đạt của người bị tịch biên theo sổ ghi của nhân viên thu, có 30 dòng mỗi trang và 18 âm tiết mỗi dòng: 3 phơ-răng/bản.

- Giấy bảo quản từ chối chép lại các tịch biên trước: 2 phơ-răng/bản.

- Trích lục đăng kí hoặc chứng nhận không tồn tại (điều 692 Luật Tố tụng dân sự): 3 phơ-răng/bản.

- Ghi chú: 1. Hai ghi chú quy định trong điều 691 và 692 Luật Tố tụng dân sự: 2 phơ-răng. 2. Đánh giá đấu giá: 2 phơ-răng. 3. Đánh giá chuyển đổi tịch biên: 2 phơ-răng/bản.

- Xoá bỏ tịch biên bất động sản: 2 phơ-răng/bản.

- Đăng kí theo trật tự đăng kí và ghi chú bên lề bản chép lại giấy thay đổi đánh giá liên quan đến việc huỷ giấy chép lại có mức thu duy nhất: 2 phơ-răng/bản.

59. Arrêté du 6 juillet 1889 du Gouverneur Général de l'Indochine fixant les atttibutions des bureaux de la Résidence supérieure au Tonkin.

Nghị định ngày 06 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định thẩm quyền các phòng, ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 7, tr.226-228)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban thuộc Phủ Thống sứ Bắc Kì được quy định như sau:

Văn phòng Thống sứ:

Bộ phận thứ nhất phụ trách: đăng kí và xử lí công văn đến; chuyển công văn tới Bộ, Toàn quyền và các Thống sứ, tập hợp công việc của các văn phòng; trình kí Thống sứ Bắc Kì; hồ sơ nhân sự, nâng bậc, kỉ luật khen thưởng nhân sự; các phiên toà; cảnh sát trưởng; công việc chính trị và tối mật; phái bộ; mật mã; in ấn, tiểu sử, thư viện và lưu trữ; công báo và tập san chính thức.

Bộ phận thứ 2 phụ trách: quan hệ với chính quyền quân sự; giải quyết các công việc do sư đoàn chuyển tới; quan hệ với sư đoàn hải quân; phiến loạn; hoạt động của đội tàu nhỏ, tiếp tế cho các tàu của Phủ Thống sứ; lính thủ bộ: nhân sự, quân trang, quân dụng...

Bộ phận thứ 3 phụ trách: công việc bản xứ; dịch thuật; bổ nhiệm, thuyên chuyển, thăng chức, điều tra và đánh giá viên chức người bản xứ; xét xử án bản xứ; toà án hỗn hợp, phê chuẩn các phán quyết.

***Phòng 1** phụ trách: kiểm tra nhân sự, bổ nhiệm, thuyên chuyển; thanh toán, chi trả các chi phí nhân sự; lương và phụ cấp; trưng dụng đường cầu và phương tiện giao thông; hồi hương; nghỉ phép; phương tiện giao thông và tàu chở hàng; nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách nhân sự; chi phí giao tế và lương bổng cho các quan lại; bệnh viện và lương thực; chuẩn y các ngân phiếu nhập quỹ trung ương và biên lai của ngân khố.*

***Phòng 2** phụ trách: kế toán tổng hợp; nghiên cứu và chuẩn bị ngân sách thu; tập trung tài liệu về ngân sách và dự thảo ngân sách; phân bổ kinh phí; tập trung các khoản thu dân sự; giám sát kiểm tra sổ*

thuế, cơ sở đánh thuế, thu hồi thuế, giảm thuế; tập trung và chi trả các chi phí dân sự; chế độ tiền tệ, kế toán của dinh chưởng ấn, thuế An-nam, quỹ các tỉnh, kế toán thành phố; kế toán công chính, thông qua báo giá, giao kèo mua bán, bỏ thầu cung ứng, thanh lí, chi trả các chi phí thiết bị; thuế gián thu, độc quyền và trưng thuế, chuẩn bị các tập điều kiện đấu thầu.

***Phòng 3** phụ trách: thống kê tổng hợp; nông, công, thương nghiệp; hàng hải; hành chính, các trại tế bần, bệnh viện, công sở và tôn giáo; vệ sinh dịch tễ, giám sát y tế; chính quyền thành phố, tư pháp, nhà tù, giao thông và nuôi dưỡng tù nhân; đề nghị nhập quốc tịch, thừa kế vô chủ, hộ tịch, giấy phép mang vũ khí; học bổng; các hãng vận tải đường biển, đường sông, đường bộ; tàu của Phủ Thống sứ Bắc Kì và các Toà Công sứ; rừng, bản đồ, sơ đồ; nhượng đất, tài sản, địa bạ, trưng mua, tạm giữ; đơn vị đo lường; thư từ điện báo, xe điện, công chính (phê chuẩn bản vẽ và dự toán); đường sá, mốc chỉ giới, đo thuỷ chuẩn; thuế quan, quy định và bảng giá biểu thuế; trưng thuế thuốc phiện...*

60. Arrêté du 6 juillet 1889 du Gouverneur Général de l'Indochine organisant le Service des Travaux publics en An-nam et au Tonkin.

Nghị định ngày 06 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Sở Công chính Trung - Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 7, tr.228-231)

Nghị định gồm 22 điều với các nội dung chính sau:

Sở Công chính Trung - Bắc Kì đứng đầu là một Kĩ sư - Giám đốc Sở. Giám đốc Sở chịu sự chỉ đạo của Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì.

Nhân sự của Sở Công chính Trung Bắc Kì bao gồm: Một kĩ sư làm Giám đốc Sở, các kĩ sư, kĩ sư phó, đốc công chính, đốc công, tham tá người Âu, tham tá người bản xứ, giám sát viên người châu Âu và bản xứ.

Kĩ sư - Giám đốc Sở do Bộ trưởng Bộ Thuộc địa bổ nhiệm. Các kĩ sư, kĩ sư phó và lái xe do Toàn quyền bổ nhiệm. Tham tá và giám sát viên do Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì bổ nhiệm.

Người được bổ nhiệm làm việc tại Sở Công chính phải đáp ứng ba điều kiện: 1. Là kĩ sư cầu đường hoặc thuộc cơ quan quốc gia về mỏ. 2. Có bằng kĩ sư do Trường Kĩ sư Bá nghệ trung ương hoặc Trường Cầu đường cấp. 3. Thi đỗ kiểm tra sát hạch tại Hà Nội. Các kĩ sư phó, đốc công có ít nhất 5 năm làm việc tại Trung Kì và Bắc Kì mới được dự thi các kì sát hạch này.

Đốc công hoặc tham tá phải qua sát hạch đặc biệt mới đươc bổ nhiệm. Những người đủ một năm ngạch bậc mới được phép tham dự sát hạch đốc công. Đốc công và tham tá ngạch công chức chính quốc được nhận vào vị trí tương đương trong ngạch công chức của Chính quyền Bảo hộ không qua sát hạch.

Việc cách chức nhân viên Sở Công chính do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định. Đối với các nhân viên người Âu, việc cách chức chỉ được tiến hành sau khi có thông báo của Hội đồng Điều tra gồm 1 nhân viên ngạch cấp cao, 1 nhân viên cùng ngạch và 1 nhân viên cùng ngạch của Toà Công sứ. Các hình thức kỉ luật gồm: đình chỉ công việc, thời hạn không quá 3 tháng; khiển trách và cảnh cáo do Thống sứ hoặc Khâm sứ quyết định đối với nhân viên ngạch đốc công hạng 1 và hạng thấp hơn, đối với các nhân viên khác do Toàn quyền quyết định.

Các quy định về nghỉ phép của nhân sự Sở Công chính được thực hiện như đối với các sở khác trong Chính quyền Bảo hộ.

Sở Công chính sẽ phân cấp thành cấp trung ương và cấp tỉnh.

Cơ quan cấp tỉnh gồm một nhân viên do cấp trung ương cử xuống tạm thời do Công sứ hoặc Phó Công sứ trực tiếp quản lí và chịu chỉ đạo về mặt kĩ thuật của Kĩ sư - Giám đốc Sở. Các Công sứ, Phó Công sứ và Giám đốc Sở trực tiếp đánh giá về nhân sự. Việc đề nghị nâng bậc, khen thưởng thực hiện theo chỉ đạo Giám đốc Sở. Việc thuyên chuyển do Thống sứ quyết định, sau khi có ý kiến của Kĩ sư - Giám đốc Sở hoặc của Công sứ hoặc Phó Công sứ.

Cơ quan cấp trung ương có thẩm quyền nghiên cứu các công trình liên quan đến đường sắt, hệ thống sông ngòi, hệ thống đê sông Hồng và sông Cầu, giao thông đường thuỷ nội địa, cầu cảng, hải đăng và cọc tiêu, trục đường chính trong thành phố Hà Nội, Hải Phòng và

Đà Nẵng, dự án và công trình dân sự có mức đầu tư ước tính không quá 10.000 phơ-răng.

Nhân viên cấp sở phụ trách công việc bảo dưỡng. Sơ đồ và báo giá của các công trình xây mới, có mức đầu tư ước tính vượt quá 1.900 phơ-răng do kĩ sư trưởng giám sát hoặc kiểm tra.

Các nghiên cứu và công trình có thể giao cho cấp trung ương khi Thống sứ nhận thấy cần thiết xét về tầm quan trọng hay khó khăn đặc biệt khi thi công.

Kĩ sư - Giám đốc Sở có quyền phân công nhân viên cấp tỉnh tham gia thực hiện nghiên cứu và công trình thuộc thẩm quyền cấp trung ương.

Các dự án công trình xây mới liên quan đến cầu cảng và công trình xây mới các tuyến đường lớn ở thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng thuộc quyền quản lí của Công sứ và Hội đồng Thành phố.

Tất cả nhân viên làm việc ở cơ quan cấp trung ương tại nhiệm sở ở Hà Nội, có thể được phái xuống tỉnh để chuẩn bị và thực hiện dự án hoặc thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp trung ương hoặc thuộc diện quy định được thanh toán lộ phí cũng như phụ cấp lưu trú.

Nhân viên Sở Công chính có thể được biệt phái tại các cơ quan trong Hội đồng Thành phố của các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng.

61. Arrêté du 7 juillet 1889 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions des Résidents supérieurs en An-nam et au Tonkin.

Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 7, tr.238-247)

Nghị định gồm 4 phần, 14 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Quyền hạn của Khâm sứ Trung Kì

Theo điều 4 Sắc lệnh ngày 17 tháng 10 năm 1887, thừa ủy quyền và dưới quyền của Toàn quyền, Khâm sứ Trung Kì là người đại diện Chính phủ Cộng hoà Pháp thực thi các quyền hạn tại Trung Kì.

Phần II. Quyền hạn của Thống sứ Bắc Kì.

Thống sứ Bắc Kì thực hiện quyền hạn của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì, tại các tỉnh từ Ninh Bình trở ra Bắc, cụ thể như sau:

- Thống sứ chịu trách nhiệm quản lí hành chính bản xứ ở các cấp theo quy định chung của Toàn quyền.

- Giám sát và phê chuẩn những văn bản pháp quy về nhân sự chính quyền bản xứ do Kinh lược Bắc Kì quản lí. Các văn bản liên quan đến nhân sự hàng Tổng đốc hoặc cấp cao hơn do Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn.

- Quản lí hồ sơ nhân sự của chính quyền bản xứ. Quản lí hành chính tổng hợp, phê chuẩn các giấy tờ chứng thư chính thức cũng như chỉ thị của Kinh lược gửi quan lại cấp tỉnh.

- Phê chuẩn các quyết định thành lập, thay đổi đơn vị hành chính, các bản án của toà án hỗn hợp liên quan đến quân nổi dậy hoặc quân phiến loạn. Tập trung thông tin tình báo liên quan đến cướp bóc, xử phạt các làng xã.

- Sử dụng biện pháp trấn áp các hoạt động nổi dậy, giám sát việc thu thuế cũng như hoạt động của các quỹ bản xứ của các tỉnh, quyết định giảm thuế không quá 10.000 đồng mỗi tỉnh.

Thống sứ thừa uỷ quyền của Toàn quyền thực thi quyền hạn sau:

- Phê chuẩn tập điều kiện đấu thầu, biên bản đấu giá các công trình, quân dụng có giá trị không vượt quá 100.000 phơ-răng. Quyền hạn này chỉ được thực hiện đối với các công trình trong chương trình được Toàn quyền phê duyệt và Thống sứ đề nghị tái thực hiện.

- Tập trung và trình các đề nghị của uỷ viên lên Toàn quyền, người đứng đầu cơ quan hành chính về phân phối hàng tháng cũng như thu hồi tín dụng ghi trong chương XIV (quân sự và quân đội) và chương XV (hàng hải) trong ngân sách của Chính quyền Bảo hộ.

- Thừa uỷ quyền và thừa lệnh Toàn quyền phê duyệt các biên bản thất thoát quân sự, cho phép bán đồ và vật dụng không còn sử dụng.

- Cấp chứng nhận nghỉ dưỡng bệnh cho sĩ quan thuộc các lực lượng ở mọi cấp bậc. Cấp các giấy tờ cần thiết cho các sĩ quan nghỉ phép hồi hương.

Ngoài ra, Thống sứ còn có các quyền sau: Chủ tịch Hội đồng Bảo hộ, giám sát các thành viên Sở Tư pháp, giám sát giáo dục, cấp phép mở trường hoặc yêu cầu đóng cửa trường ở mọi cấp học, giám sát các cửa hàng lớn, kho cảng, quan hệ với các hãng vận tải biển, đề nghị Toàn quyền cho thành lập hoặc xoá bỏ các trạm trung chuyển vận tải đường sông tuỳ điều kiện ngân sách.

Phần III. Quyền hạn chung của Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì

Khâm sứ và Thống sứ điều hành mọi công việc dân sự và đề nghị ban hành các nghị định về các công việc này. Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì có quyền hạn như sau:

- Về nhân sự:

Bổ nhiệm nhân sự người Âu vào các vị trí có mức lương không quá 4.000 phơ-răng theo quy định; cách chức, sa thải, đề nghị nâng bậc với các nhân viên có lương trên 4.000 phơ-răng, đưa ra các hình thức kỉ luật đối với nhân viên có mức lương bằng hoặc dưới 7.000 phơ-răng và đề nghị Toàn quyền khiển trách các nhân viên hưởng lương trên 7.000 phơ-răng; bổ nhiệm nhân sự người Âu trong lực lượng lính khố xanh trừ các thanh tra do Toàn quyền bổ nhiệm. Lập bảng nâng bậc, giám sát dân vệ, quân luật và quản lí hành chính các đơn vị, tiếp tế quân dụng, hoạt động của các đoàn hộ tống: quân số, phân bổ và các trạm. Thuyên chuyển nhân sự các Phủ Thống sứ và Khâm sứ, trừ các đơn vị thuộc quản lí của các tỉnh và Toàn quyền quyết định. Quyết định thuyên chuyển trong các sở, trừ các nhân viên có lương từ 4.000 phơ-răng trở xuống, trừ Sở Công chính được quy định bởi nghị định đặc biệt. Phê chuẩn nghỉ phép, hồi hương theo quy định, cấp các giấy xuất trình cần thiết, tiếp nhận các uỷ quyền, giải quyết tranh chấp giữa các viên chức Chính quyền Bảo hộ, đề nghị khen thưởng, kỉ luật, hưu trí, lương hưu trình Toàn quyền. Giúp giám đốc các sở trong nhận xét, đánh giá các viên chức, nhân viên.

- Về tài chính:

+ Chuẩn bị ngân sách, tập trung hồ sơ trình Hội đồng Tối cao;

+ Đệ trình Toàn quyền nghị định phân bổ kinh phí hàng tháng cho các cơ quan dân sự, vấn đề về tín dụng, các khoản chi phát sinh

ngoài ngân sách; chi trả chi phí của các cơ quan dân sự, phân bổ kinh phí ngân sách năm cho các cơ quan dân sự;

+ Thông qua các giao kèo về cung ứng và các công trình xây mới ở Trung - Bắc Kì, có hiệu lực trừ các trường hợp sau: các giao kèo cung ứng có thời hạn trên 1 năm hoặc giá trị trên 100.000 phơ-răng, các công trình có ước tính vượt quá định mức hoặc không có trong chương trình được Toàn quyền phê chuẩn (giao kèo này phải được Toàn quyền phê chuẩn);

+ Thông qua tập điều kiện đấu thầu, biên bản đấu thầu, trình Toàn quyền các báo cáo và đề nghị liên quan đến chế độ tiền tệ, giám sát kế toán Hội đồng Thành phố, ngân khố, thuế quan, bưu điện và điện tín và các quỹ tạm ứng;

+ Phụ trách vấn đề cung ứng thiết bị, giám sát thuế gián thu, độc quyền, trang trại; giám sát thu hồi các khoản thu có trong ngân sách, trình Toàn quyền các biện pháp thu hoặc lập các khoản thu mới; quy định về độc quyền và thuế gián thu...;

+ Thừa uỷ quyền và thừa lệnh Toàn quyền phê chuẩn các biên bản thất thoát hoặc loại thải đồ không còn sử dụng, cho phép bán đồ cung ứng và các vật dụng không còn sử dụng;

+ Giám sát bệnh viện và kho lương theo uỷ quyền thường trực của Toàn quyền.

- Về an ninh chung, hành chính hoặc y tế:

+ Chịu trách nhiệm về an ninh chung;

+ Thực thi các sắc lệnh trục xuất và giam giữ người châu Á nếu xét thấy nguy hiểm cho an ninh và trật tự trị an, trình Toàn quyền các sắc lệnh trục xuất người châu Âu nếu thấy cần thiết;

+ Đề nghị Toàn quyền thực hiện các biện pháp cấm lưu hành các tờ báo hoặc ấn phẩm có nội dung nguy hại đối với an ninh, trấn áp lạm dụng báo chí, ra lệnh cấm và bóc dỡ áp phích, tranh vẽ có nội dung nguy hiểm;

+ Giám sát nhà tù, cho phép sử dụng tù nhân làm tại các công trường và nhà xưởng theo quy định của luật pháp và của Toàn quyền;

+ Cho phép thành lập, bãi bỏ, giải tán các hội;

+ Trình Toàn quyền thay đổi các nghị định, quy định liên quan đến sự lưu trú của người châu Á; cấp giấy thông hành, giấy phép lên tàu và lưu trú;

+ Kiểm soát và quy định về sông ngòi, hoạt động đánh bắt;

+ Quy định về cơ sở nhà xưởng nguy hiểm, độc hại cũng như việc bốc dỡ và nhập kho các chất gây nổ;

+ Ban hành các nghị định chung hoặc đặc biệt về khu nhà ở độc hại;

+ Các quy định áp dụng cho thành phố hoặc nhà dân để đảm bảo vệ sinh công cộng, ban hành quy định về thời gian, địa điểm xây dựng các trại phong, trại cách li...;

+ Cho phép khai quật, di dời về Pháp hài cốt của người Âu, cấp giấy phép hành nghề tại Trung - Bắc Kì cho các bác sĩ quân y và dược sĩ không phục vụ quân dịch đã hoàn tất các thủ tục.

- Về hành chính:

+ Bổ nhiệm uỷ viên các Hội đồng Thành phố hoặc uỷ ban thay thế, triệu tập đại hội, ấn định thời gian kì họp, mục tiêu thảo luận, giám hộ hành chính và thực hiện các quyền hạn theo quy định tại Nghị định ngày 19 tháng 7 năm 1888;

+ Phụ trách các Phòng Thương mại, đề nghị Toàn quyền thay đổi tổ chức, quyền hạn của các Hội đồng Thành phố hoặc uỷ ban thay thế, Phòng Thương mại cũng như đình chỉ hoạt động hoặc giải tán các cơ quan này;

+ Giám sát đăng kí hộ tịch, nhận thực chữ kí của viên chức, xem xét và trình lên Toàn quyền các đề nghị nhập quốc tịch của người nước ngoài và người bản xứ, các hiến tặng tài sản có giá trị trên 3.000 phơ-răng; trình Toàn quyền phê chuẩn các giấy tờ pháp hoá (ngoại lệ cũng như tạm thời);

+ Cấp giấy phép đi biển;

+ Đề nghị thành lập các công ti vô danh, thực thi quyền hạn về hầm mỏ, nhượng đất trong giới hạn diện tích 500 hécta; theo dõi thực thi các điều kiện và phí tổn của những người được nhượng đất; giải quyết bảng giá vận chuyển bằng sà lan, thuyền tại các cảng và vũng của Chính quyền Bảo hộ;

+ Trình Toàn quyền miễn trừ phí bưu điện và điện tín, thành lập hoặc bãi bỏ các phòng thuế quan, bưu điện và điện tín. Ban hành nghị định công bố liên quan đến các công trình thành phố hoặc công cộng trong giới hạn chương trình trong năm được Toàn quyền phê chuẩn, xếp hạng hoặc giáng hạng các quốc lộ, thẩm tra các dự án công trình xây mới;

+ Ban bố có phê chuẩn của Toàn quyền các giấy chuyển nhượng bất động sản của Chính quyền Bảo hộ, mua hoặc trao đổi bất động sản có giá trị trên 50.000 phơ-răng;

+ Thống kê dân số, nông nghiệp hàng năm, bản kê xuất nhập khẩu trình lên Toàn quyền.

- Về quân sự:

+ Trao đổi với Tổng Tư lệnh về các vấn đề quân sự ở Trung - Bắc Kì;

+ Đề xuất với Toàn quyền Đông Dương những biện pháp trấn áp với sự hỗ trợ của chính quyền quân sự.

- Về các tranh chấp:

+ Đại diện cho Chính quyền Bảo hộ tại Trung - Bắc Kì trước toà nếu được sự đồng ý của Toàn quyền khi tranh chấp có giá trị trên 10.000 đồng;

+ Bảo lưu trong khi chờ giấy phép...

Phần IV. Quan hệ giữa Khâm sứ và Thống sứ với Toàn quyền.

Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì trình Toàn quyền mọi vấn đề đặc biệt không quy định trong nghị định này. Hàng quý, Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì trình lên Toàn quyền báo cáo về tình hình chính trị, tài chính, thương mại, nông-công nghiệp của địa bàn quản lí.

Khâm sứ và Thống sứ trao đổi thư từ về các vấn đề chung trong công việc, bàn bạc về việc thuyên chuyển nhân sự giữa Trung - Bắc Kì, trình Toàn quyền đề nghị thuyên chuyển đối với các nhân viên hưởng lương bằng hoặc hơn 10.000 phơ-răng và Toàn quyền chỉ can thiệp khi có bất đồng.

Thống sứ Bắc Kì, nếu xét thấy cần thiết có thể đề nghị Khâm sứ Trung Kì giúp đỡ về các thủ tục tại triều đình Huế và Viện Cơ mật

cũng như các đề nghị được chuyển đến liên quan đến chính quyền ở Bắc Kì, trừ những vấn đề trình trực tiếp Toàn quyền Đông Dương.

62. Décret du 26 août 1889 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil supérieur de l'Indochine et du Conseil privé de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 26 tháng 8 năm 1889 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thay đổi thành phần Hội đồng Tối cao Đông Dương và Hội đồng Tư mật Nam Kì.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 10, tr.491-492)

Theo Sắc lệnh:

- Thành phần Hội đồng Tối cao Đông Dương được được quy định lại bao gồm: Toàn quyền Đông Dương làm chủ tịch và các thành viên: Tổng Tư lệnh quân đội tại Đông Dương; Tổng Tư lệnh sư đoàn Viễn Đông và hải quân đóng tại Đông Dương; Thống đốc Nam Kì; Thống sứ Bắc Kì; Khâm sứ Trung Kì; Khâm sứ Cao Miên; Chưởng lí - Giám đốc Tư pháp Đông Dương; Chánh Văn phòng Toàn quyền Đông Dương làm thư kí có quyền biểu quyết; các Chánh Sở Hành chính.

- Thành phần Hội đồng Tư mật được quy định lại bao gồm: Thống đốc Nam Kì làm Chủ tịch và các thành viên: Tư lệnh quân đội Nam Kì; Tư lệnh hải quân; Chưởng lí; Tổng Thư kí Nam Kì; Chánh Sở Hành chính; 2 uỷ viên lựa chọn trong số các kì hào sống tại Nam Kì.

63. Arrêté du 8 décembre 1889 du Gouverneur général de l'Indochine replaçant le territoire de la province de Cao Bang sous le régime normal.

Nghị định ngày 08 tháng 12 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc chuyển tỉnh Cao Bằng về chế độ dân sự.

(Nguồn: J 55, BOIF 1889, n° 12, tr.758)

Nghị định gồm 3 điều, theo đó, tỉnh Cao Bằng được đặt trở lại chế

độ dân sự. Viên Công sứ dân sự thay Phó Công sứ quân sự điều hành tỉnh này. Viên Phó Công sứ quân sự phải bàn giao tài liệu lưu trữ của Toà Công sứ, két của quan chưởng ấn, văn phòng, nhà ở... cho Công sứ mới

64. Décret du 20 mai 1890 du Président de la République française réorganisant le Conseil supérieur des colonies.

Sắc lệnh ngày 20 tháng 5 năm 1890 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 57, BOIF 1890, tr.836-838)

Sắc lệnh gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Tối cao thuộc địa thành lập theo Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1883 được tổ chức lại như sau:

Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa. Các thành viên gồm:

- Thượng nghị sĩ và nghị sĩ các thuộc địa:

- 9 đại diện của 9 nước thuộc địa và bảo hộ: Saint-Pierre và Miquelon, Nam Rivière và các nước phụ thuộc, Gabon và Congo Pháp, Diégo-Suarez và các nước phụ thuộc, Mayotte và các nước phụ thuộc, Cao Miên, Trung Kì và Bắc Kì, Tân Thế giới, các cơ sở thuộc Pháp tại Châu Đại Dương.

- Một số đại biểu được chỉ định theo chức vụ và lựa chọn trong số trưởng ban trong Hội đồng Nhà nước, uỷ viên Hội đồng Nhà nước; Giám đốc các cơ quan trung ương; Giám đốc, trưởng các cơ quan và thành viên thường trực các bộ;

- Các thành viên được lựa chọn trong số thành viên Nghị viện, viên chức hoặc cựu viên chức thuộc địa và xứ bảo hộ, những người sống tại các thuộc địa hải ngoại.

- Đại diện của Phòng Thương mại Paris, Lyon, Marseille, Bordeaux, Rouen, Le Havre và Nantes;

- Chủ tịch hoặc người đại diện cho Hiệp hội Thương mại Paris, Hội Nghiên cứu thuộc địa và Hàng hải và Công ti Khai thác thuộc địa.

Những thành viên được chỉ định theo chức vụ bao gồm

- Trưởng ban lập pháp Hội đồng Nhà nước;

- Trưởng ban phụ trách các vấn đề tại thuộc địa - Hội đồng Nhà nước;

- Uỷ viên Hội đồng Nhà nước do Hội đồng chỉ định;

- Giám đốc Nha Thuế quan;

- Giám đốc phụ trách nguồn vốn - Bộ Tài chính;

- Tham mưu trưởng Bộ Hải quân;

- Giám đốc Nha Thương mại, Kĩ nghệ và Thuộc địa;

- Giám đốc quản lí hệ thống nhà tù - Bộ Nội vụ;

- Phó Giám đốc phụ trách các xứ bảo hộ - Bộ Ngoại giao;

- Giám đốc phụ trách các vấn đề dân sự và con dấu - Bộ Tư pháp;

- Giám đốc Sở Canh nông - Bộ Canh nông;

- Thành viên Hội đồng Mỏ trung ương do Bộ trưởng Bộ Công chính chỉ định;

- Thành viên Uỷ ban Khảo sát khoa học do Bộ trưởng Bộ Học chính chỉ định;

- Chủ tịch Uỷ ban Công chính thuộc địa;

- Chủ tịch Uỷ ban Giám sát các ngân hàng thuộc địa;

- 2 trưởng đơn vị thuộc chính quyền trung ương Bộ Thuộc địa;

- Trưởng cơ quan Thanh tra trung ương Bộ Thuộc địa.

Hội đồng có 4 ban tương ứng với 4 nhóm thuộc địa:

Nhóm 1: Antilles và Réunion, Saint-Pierre, Miquelon và Guyane;

Nhóm 2: Sénégal, Soudan Pháp, Nam Rivières, Gabon và Congo Pháp, Obock;

Nhóm 3: Đông Dương (Nam Kì, Cao Miên, Trung Kì và Bắc Kì);

Nhóm 4: Ấn Độ thuộc Pháp, Mayotte, Diégo-Suarez và các nước phụ thuộc, Tân Thế Giới, các cơ sở thuộc Pháp tại Châu Đại Dương.

Thành phần mỗi ban gồm:

- Thượng nghị sĩ, đại biểu và đại diện các thuộc địa tại mỗi nhóm tương ứng với mỗi ban;

- Các thành viên được bổ nhiệm bằng nghị định của Bộ trưởng như đã nêu tại khoản 4, điều 2 và điều 4.

Những thành viên khác của Hội đồng Tối cao cũng được mời tham gia các ban khi cần.

Hội đồng Tối cao có chức năng góp ý kiến cho các dự án luật, văn bản quản lí hoặc sắc lệnh gửi trả lại để Hội đồng xem xét cũng như những vấn đề trình lên Hội đồng.

Hội đồng còn có một uỷ ban đặc biệt gồm thành viên của nhiều ban, phụ trách những vấn đề phức tạp của hai hoặc nhiều nhóm thuộc địa.

Thứ trưởng có quyền chỉ định một hay nhiều viên chức Bộ Thuộc địa bảo vệ các dự án trước Hội đồng hoặc các ban.

Ngoài ra, Hội đồng còn có 2 phó chủ tịch được chỉ định thay thế chủ tịch khi vắng mặt. Phó chủ tịch và các trưởng ban được bổ nhiệm bằng sắc lệnh.

Trưởng ban Hành chính trung ương giữ chức thư kí. Giúp việc cho thư kí còn có thư kí các ban với tư cách phó thư kí. Thư kí các ban do Thứ trưởng chỉ định trong số viên chức chính quyền trung ương.

65. Décret du 21 avril 1891 du Président de la République française fixant les attributions du Gouverneur général de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 21 tháng 4 năm 1891 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định chức năng, quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 63, BOIF 1891, tr.432-435)

Sắc lệnh gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Toàn quyền Đông Dương là người được uỷ nhiệm thi hành các quyền lực của nước Cộng hoà Pháp tại Đông Dương. Toàn quyền là người duy nhất có quyền trao đổi với Chính phủ Pháp; liên hệ với các Bộ thông qua Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và với các Bộ trưởng tại Pháp, các Tổng Lãnh sự, Lãnh sự, Phó Lãnh sự Pháp tại khu vực Viễn Đông. Toàn quyền không được tiến hành bất kì cuộc đàm phán ngoại giao nào khi chưa được phép của Chính phủ.

Toàn quyền Đông Dương có quyền tổ chức và quy định chức năng, quyền hạn cho các công sở tại Đông Dương; bổ nhiệm mọi chức vụ dân sự, trừ những chức vụ sau: Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì, Khâm sứ Trung Kì, Chánh Sở Kiểm soát, Công sứ và Phó Công sứ, quan cai trị chính và quan cai trị, thẩm phán và người đứng đầu các cơ quan chính. Trong trường hợp khẩn cấp, Toàn quyền có quyền treo chức và báo cáo lên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa về việc này.

Toàn quyền có thể uỷ quyền bổ nhiệm cho Thống đốc Nam Kì, Khâm sứ Trung Kì, Cao Miên và Thống sứ Bắc Kì và uỷ quyền cho các quan chức này điều hành và quy định thẩm quyền các công sở.

Toàn quyền trực tiếp chỉ đạo Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì, Khâm sứ Trung Kì, Tư lệnh tối cao lực lượng quân đội, Tư lệnh Hải quân và Chánh Sở Hành chính. Toàn quyền trao một phần hoặc toàn bộ quyền hạn cho Thống đốc Nam Kì và các Khâm sứ, Thống sứ.

Toàn quyền quản lí toàn bộ lực lượng lục quân và hải quân. Các hoạt động quân sự chỉ được tiến hành khi được Toàn quyền cho phép, trừ trường hợp khẩn cấp đó là chống lại sự xâm lược. Toàn quyền không được trực tiếp chỉ huy quân đội. Việc này thuộc quyền hạn của chính quyền quân sự. Toàn quyền Đông Dương chịu trách nhiệm tổ chức và quy định hoạt động của lực lượng quân đội được sử dụng để giữ gìn an ninh và bảo vệ người dân trên toàn cõi Đông Dương.

Toàn quyền cũng quy định ranh giới một số đạo quan binh. Chính quyền quân sự sẽ thực thi các quyền hạn của Thống sứ. Những đạo quan binh này sẽ trở lại chế độ dân sự theo quyết định của Toàn quyền.

Đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp và đặc biệt của Toàn quyền là Chánh Sở Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát các cơ quan tài chính, kể cả công việc của người phụ trách ngân khố; kiểm tra và giám sát công tác kế toán do các cơ quan quản lí. Chánh Sở Kiểm soát cũng được Toàn quyền giao nhiệm vụ tiến hành kiểm tra tất cả các cơ quan tài chính của Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì và Cao Miên.

Hàng năm, Toàn quyền lập ngân sách của Nam Kì và 2 xứ bảo hộ theo pháp luật. Sau khi chính phủ phê duyệt, Toàn quyền cho tiến hành mọi biện pháp cần thiết để thực hiện ngân sách. Dự án các

công trình, hợp đồng, những cuộc chuyển nhượng vượt quá khả năng của các xứ bảo hộ đều được trình lên Chính phủ phê duyệt.

66. Arrêté du 6 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine constituant à l'état de territoires militaires la région montagneuse qui entoure le Delta du Tonkin.

Nghị định ngày 06 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập các đạo quan binh ở khu vực thượng du châu thổ Bắc Kì.

(Nguồn: J 63, BOIF 1891, tr.669)

Theo Nghị định, mỗi đạo quan binh do một sĩ quan đứng đầu làm Tư lệnh, do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm và có quyền về quân sự và dân sự. Tư lệnh chịu sự chỉ đạo tối cao của Toàn quyền Đông Dương về quyền dân sự và chịu sự chỉ huy của Tổng Tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp tại Đông Dương về quyền quân sự.

67. Arrêté du 20 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine constituant les territoires militaires et portant délimitation de chacun d'eux.

Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương lập các đạo quan binh và xác định ranh giới của từng đạo quan binh.

(Nguồn: J 63, BOIF 1891, tr.713-714)

Theo Nghị định, tại Bắc Kì có 4 đạo Quan binh:

Đạo Quan binh 1 Phả Lại, Đạo Quan binh 2 Lạng Sơn, Đạo Quan binh 3 Yên Bái, Đạo Quan binh 4 Sơn La. Nghị định này quy đinh chi tiết ranh giới của từng đạo quan binh.

68. Arrêté du 20 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine divisant le 2[e] territoire militaire en trois cercles.

Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương chia Đạo Quan binh 2 thành 3 tiểu quân khu.

(Nguồn: J 63, BOIF 1891, tr.717)

Theo Nghị định, ba tiểu quân khu gồm:

- Tiểu quân khu Lạng Sơn gồm toàn bộ tỉnh Lạng Sơn, châu Bạch Thông (tách từ tỉnh Thái Nguyên).

- Tiểu quân khu Cao Bằng gồm toàn bộ tỉnh Cao Bằng, huyện Cảm Hoá (tách từ tỉnh Thái Nguyên).

- Tiểu quân khu Hà Giang gồm phủ Tương Yên huyện Vĩnh Tuy (tách từ tỉnh Tuyên Quang).

69. Arrêté du 24 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine divisant le 1er territoire militaire en trois cercles.

Nghị định ngày 24 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương chia Đạo Quan binh 1 thành 3 tiểu quân khu.

(Nguồn: J 63, BOIF 1891, tr.724)

Theo Nghị định ba tiểu quân khu gồm:

- Tiểu quân khu Móng Cái: gồm toàn bộ tỉnh Hải Ninh.

- Tiểu quân khu Phả Lại: gồm huyện Hoành Bồ, huyện Đông Triều, huyện Lục Ngạn và huyện Yên Thế.

- Tiểu quân khu Thái Nguyên: gồm phủ Phú Bình và phủ Tòng Hoá.

70. Arrêté du 9 septembre 1891 du Gouverneur général de l'Indochine divisant le 3è territoire militaire en trois cercles.

Nghị định ngày 09 tháng 9 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương chia Đạo Quan binh 3 thành 3 tiểu quân khu.

(Nguồn: J 63, BOIF 1891, tr.784-785)

Theo Nghị định, Đạo Quan binh 3 chia làm 3 tiểu quân khu:

- Tiểu quân khu Lào Cai gồm toàn bộ tỉnh Lào Cai trừ châu Lục An.

- Tiểu quân khu Yên Bái gồm châu Lục An, huyện Hạ Hoà (Sơn Tây), các huyện Cẩm Khê, Yên Lập, Trấn Yên (tỉnh Hưng Hoá) và huyện Vĩnh Tuy (tỉnh Tuyên Quang).

- Tiểu quân khu Tuyên Quang gồm phủ Yên Bình trừ huyện Vĩnh Tuy và phủ Đoan Hùng (tỉnh Tuyên Quang).

71. Arrêté du 31 décembre 1891 du Gouverneur général de l'Indochine relatif à l'organisation des communes de Hanoï et de Haiphong.

Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến tổ chức các thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

(Nguồn: J 63, JOIF 1891, tr.1036-1058)

Nghị định gồm 98 điều với các nội dung chính sau:

Ranh giới thành phố Hà Nội được xác định theo Nghị định ngày 15 tháng 11 năm 1889.

Thành phố Hải Phòng gồm địa phận được giới hạn theo Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1889.

Đình chùa và tài sản thuộc thành phố Hà Nội và Hải Phòng vẫn thuộc sở hữu nhà nước.

Bộ máy quản lí thành phố (corps municipal) Hà Nội và Hải Phòng gồm 1 Hội đồng Thành phố, 1 Đốc lí và 2 Phó Đốc lí.

Điều 3 đến điều 7 quy định về việc bầu và bổ dụng uỷ viên Hội đồng Thành phố.

Quy định về bầu cử, cử tri, tư cách bầu cử:

Điều 8. Uỷ viên Hội đồng Thành phố người Pháp được bầu theo hình thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp. Cử tri là những người Pháp hoặc có quốc tịch Pháp, từ 21 tuổi trở lên có đủ quyền theo luật định.

Danh sách cử tri người Pháp gồm:

1. Mọi cử tri có chỗ ở hoặc sống trong thành phố ít nhất từ 6 tháng.

2. Những người có tên trong sổ thuế đất hoặc thuế môn bài, nếu không cư trú tại thành phố có thể đề nghị thực hiện quyền bầu và có thể đề nghị ghi tên các thành viên trong gia đình theo quy định.

3. Những người được quy định nơi cư trú tại thành phố là các mục sư được chính quyền công nhận hoặc công chức.

Điều 9 đến điều 30 quy định chi tiết về điều kiện, cách thức bầu uỷ viên Hội đồng Thành phố.

Điều 31. Hội đồng Thành phố có thể ngừng hoạt động hoặc giải thể theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương. Trường hợp Hội đồng Thành phố bị giải thể, Hội đồng mới được bầu lại trong thời hạn 6 tháng. Trong thời gian đó, Toàn quyền chỉ định tạm thời một Ban đảm nhiệm các chức trách của Hội đồng.

Hoạt động của các Hội đồng Thành phố.

Điều 33. Hội đồng Thành phố họp phiên thường kì 4 lần một năm vào tháng 2, 5, 8, và 11 trong vòng 10 ngày, riêng kì họp tháng 11 họp diễn ra 20 ngày. Các phiên họp có thể kéo dài nếu được phép của Thống sứ. Trong các phiên họp thường kì, Hội đồng giải quyết các vấn đề trong thẩm quyền.

Điều 34. Thống sứ triệu tập họp bất thường hoặc cho phép Đốc lí triệu tập họp bất thường vì lợi ích của thành phố.

Đốc lí triệu tập họp bất thường khi đa số thành viên hội đồng yêu cầu. Vấn đề sẽ bàn luận phải được đưa ra trước. Trong vòng 24 giờ, Đốc lí phải xin phép Thống sứ để triệu tập họp.

Điều 35. Việc triệu tập họp của Đốc lí được ghi rõ trong nghị quyết và yết thị ở cổng Toà Đốc lí và gửi đến nhà các uỷ viên tối thiểu tròn 3 ngày trước khi diễn ra cuộc họp. Trường hợp triệu tập họp khẩn cấp do Thống sứ quyết định.

Điều 36. Thứ tự các uỷ viên trong bảng danh sách được quy định như sau:

1. Theo thâm niên bổ dụng lâu năm;
2. Theo tỉ lệ phiếu bầu cao;
3. Theo tuổi cao.

Điều 37 đến điều 44 quy định về các phiên họp của Hội đồng Thành phố:

Hội đồng Thành phố chỉ tiến hành thảo luận khi có đa số uỷ viên tham dự. Nếu sau 2 lần triệu tập họp liên tiếp, cách nhau tối thiểu 3 ngày, nghị quyết tại buổi họp triệu tập lần thứ 3 có giá trị không tính đến số lượng ủy viên có mặt. Trường hợp khẩn cấp, khoảng cách giữa các lần triệu tập liền nhau do Thống sứ quy định.

Các nghị quyết được thông qua với đa số tuyệt đối phiếu bầu. Trường

hợp ngang phiếu, trừ trường hợp bỏ phiếu kín, lá phiếu của Công sứ - Đốc lí mang tính quyết định. Việc bỏ phiếu diễn ra công khai theo yêu cầu của ¼ số thành viên có mặt. Trường hợp này, tên của người bỏ phiếu được ghi trong biên bản. Bỏ phiếu kín được tiến hành khi 1/3 thành viên yêu cầu hoặc khi tiến hành bổ dụng hoặc tiến cử. Nếu sau 2 lần bỏ phiếu kín vẫn không có ứng cử viên nào đạt đa số tuyệt đối phiếu bầu thì tiến hành bỏ phiếu kín lần thứ 3 theo hình thức đa số tương đối và ưu tiên người cao tuổi.

Đốc lí làm Chủ tịch Hội đồng Thành phố. Phó Đốc lí thay thế khi Đốc lí vắng mặt. Tại các phiên thảo luận về quyết toán, Hội đồng bầu chủ tịch, trong trường hợp này, Đốc lí không giữ chức vụ chủ tịch. Đốc lí vẫn có thể tham gia thảo luận nhưng phải rút lui khi bỏ phiếu. Chủ tịch trình trực tiếp nghị quyết lên Thống sứ.

Đầu mỗi kì họp, Hội đồng bỏ phiếu bầu thư kí trong số các uỷ viên. Thư kí của Đốc lí được dự họp nếu được phép của Hội đồng và không được tham gia thảo luận. Các phiên họp Hội đồng không được công khai. Các nghị quyết được viết bằng tiếng Pháp và đăng kí theo thời gian trong sổ có đánh số và có kí tắt của Thống sứ. Nghị quyết được các thành viên dự họp kí hoặc ghi chú. Bản sao Nghị quyết được trình Thống sứ trong vòng 8 ngày. Bản dịch biên bản các buổi thảo luận sang chữ Hán được đăng kí trong một cuốn sổ đặc biệt. Người dân hay người đóng thuế của thành phố có quyền yêu cầu sử dụng tại chỗ và yêu cầu bản sao nghị quyết của thành phố. Bản trích lục được yết thị trong 8 ngày tại cổng Toà Đốc lí.

Thành viên Hội đồng vắng mặt 3 lần liên tiếp không có lí do chính đáng bị cách chức trừ trường hợp có sự xem xét của Toàn quyền sau 10 ngày thông báo. Trường hợp uỷ viên rời Bắc Kì có thông báo với Hội đồng được cho là ngoại lệ. Các uỷ viên vắng mặt ở Bắc Kì hơn 9 tháng bị tuyên bố cách chức.

Điều 43. Các nghị quyết sau đây bị vô hiệu hoá:

- Nghị quyết Hội đồng về vấn đề ngoài thẩm quyền của Hội đồng hoặc ngoài cuộc họp chính thức;

- Nghị quyết vi phạm luật, sắc lệnh, nghị định đang có hiệu lực ở Đông Dương hoặc các quy chế quản lí công.

Các nghị quyết sẽ bị huỷ nếu có liên quan đến thành viên Hội đồng với tư cách cá nhân hoặc đại diện. Việc huỷ hoặc vô hiệu hoá các nghị quyết của Hội đồng được quy định chi tiết trong Nghị định này.

Điều 47. Hội đồng Thành phố giải quyết các công việc của thành phố thông qua nghị quyết. Hội đồng cho ý kiến theo yêu cầu của pháp luật hoặc chính quyền cấp trên. Hội đồng trình các thỉnh nguyện về vấn đề công ích địa phương. Hàng năm, Hội đồng cử ra một ban phụ trách cho ý kiến về sổ thuế đất và thuế môn bài do giám sát viên thuế trực thu lập.

Điều 48. Quy định về các việc sau đây chỉ được thi hành sau khi Thống sứ phê chuẩn:

- Các điều khoản hợp đồng có thời hạn trên 5 năm;

- Chuyển nhượng và trao đổi công sản;

- Trưng mua bất động sản, xây dựng mới, tái thiết lại toàn bộ hoặc từng phần. Những dự án, đồ án và dự toán các công trình sửa chữa lớn và bảo dưỡng với tổng mức kinh phí trong tài khoá trên 2000 đồng;

- Các vụ hoà giải điều đình;

- Chuyển đổi quyền sở hữu công sản đã giao cho một công sở;

- Xếp hạng, giáng hạng, nắn chỉnh, kéo dài, mở rộng, xoá bỏ, đặt tên các phố, quảng trường; lập và xoá bỏ các đường đi dạo, công viên, khu hội chợ, trường bắn, trường đua; lập sơ đồ tuyến phố, san đường thành phố và điều chỉnh các sơ đồ tuyến phố đã thông qua.

- Tiếp nhận đồ biếu tặng;

- Ngân sách thành phố;

- Kinh phí bổ sung;

- Lập, xoá bỏ hoặc thay đổi hội chợ và chợ;

- Lập các vị trí công việc trả lương thời vụ.

Các nghị quyết không cần trình Thống sứ thông qua chỉ được thi hành một tháng sau khi gửi lên Toà Thống sứ.

Điều 49 đến 52 quy định trách nhiệm của Hội đồng Thành phố trong việc góp ý và thảo luận về các vấn đề của thành phố.

Từ điều 52 đến 70 quy định về trách nhiệm của Đốc lí và Phó Đốc lí đối với các công việc của thành phố.

Các điều khoản khác của Nghị định quy định chi tiết về việc quản lí thành phố, ngân sách thành phố và công tác kế toán.

72. Décret du 8 février 1892 du Président de la République française réorganisation le Service de la Trésorerie du Protectorat de l'Annam et du Tonkin.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1892 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức lại hoạt động của Sở Ngân khố của Chính quyền Bảo hộ Trung Kì và Bắc Kì.

(Nguồn: J 1008, JOIF 1892, tr.282)

Sắc lệnh gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 1892, Sở Ngân khố Bắc Kì sẽ do Giám đốc Sở Ngân khố điều hành, chịu sự quản lí của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Giám đốc Sở Ngân khố được Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm bằng sắc lệnh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Tiền kí quỹ của viên chức này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định bằng nghị định.

Giám đốc Sở Ngân khố tiến hành các hoạt động liên quan đến tài chính của chính quốc, thực thi các điều khoản liên quan đến tiền bạc theo quy định của Sắc lệnh ngày 26 tháng 6 năm 1878. Giám đốc Sở Ngân khố phụ trách các kho quỹ, quản lí thu chi ngân sách Chính quyền Bảo hộ Trung Kì và Bắc Kì, tập trung mọi hoạt động kế toán địa phương là nguồn thu của ngân sách trên. Giám đốc Sở Ngân khố Bắc Kì thuộc quyền xét xử của Toà Kiểm toán (Thẩm kế viện) đối với các hoạt động liên quan đến chính quốc.

Các khoản thu và chi ngân sách của Chính quyền Bảo hộ Trung Kì và Bắc Kì được ghi trong sổ sách của Giám đốc Sở Ngân khố trong một tài khoản vãng lai luôn có số dư tài khoản. Việc thực hiện công việc riêng của Chính quyền Bảo hộ, phân loại thu và chi được báo cáo trong báo cáo quyết toán.

Hoạt động ngân khố Bắc Kì do nhân viên thuộc mọi bậc, hạng của Ngân khố An-giê-ri và Đông Dương theo các quy định tại các Sắc lệnh ngày 15 tháng 5 năm 1874 và 15 tháng 3 năm 1889 hoặc các nhân viên được đào tạo ngay tại địa phương, tuyển chọn theo quy định tại điều 4 của Sắc lệnh ngày 15 tháng 5 năm 1874 đảm trách. Số lượng nhân viên chính quốc cũng như lương và trợ cấp các loại của những đối tượng này do Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa phối hợp quy định. Tạm thời, nhân viên thuộc các cơ quan khác nhau của chính quốc được biệt phái tới làm việc trong Sở Ngân khố của Chính quyền Bảo hộ được giữ nguyên chức vụ. Mọi chi phí hoạt động của Sở Ngân khố (nhân sự, chuyển quỹ, phí thương lượng và đổi tiền...) sẽ do ngân sách của Chính quyền Bảo hộ chi trả.

73. Arrêté du 1er avril 1892 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions des Résidents supérieurs en Annam et au Tonkin.

Nghị định ngày 01 tháng 4 năm 1892 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 1008, JOIF 1892, tr. 139-141)

Nghị định gồm 4 phần, 73 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Quyền hạn của Khâm sứ Trung Kì

Theo điều 4 Sắc lệnh ngày 17 tháng 10 năm 1887, thừa ủy quyền và dưới quyền của Toàn quyền, Khâm sứ Trung Kì là người đại diện Chính phủ Cộng hoà Pháp thực hiện các quyền hạn tại Trung Kì.

Phần II. Quyền hạn của Thống sứ Bắc Kì

Thống sứ Bắc Kì điều hành, giám sát chính quyền bản xứ theo quy định tại điều 7 Hiệp ước ngày 06 tháng 6 năm 1884. Thống sứ phê chuẩn các văn bản chính thức liên quan đến nhân sự chính quyền bản xứ, do Kinh lược quản lí. Thống sứ phải trình lên Toàn quyền về những vấn đề sau:

- Bổ nhiệm vào các chức danh Tổng đốc hay Chánh Chủ tỉnh;

- Bổ nhiệm, cách chức, giáng chức hoặc treo chức các quan hàm tứ phẩm trở lên.

Nhân danh Toàn quyền, Thống sứ chuẩn y bản án của các toà án hỗn hợp liên quan đến quân nổi loạn và cướp phá, phê chuẩn và ra quyết định về tiền phạt và hình phạt khác đối với các làng, trường hợp giải tán một làng sẽ do chính quyền bản xứ đề nghị. Thống sứ thực thi quyền giám sát cao đối với các thành viên Sở Tư pháp.

Thống sứ cho phép các khoản chi của chính quyền bản xứ, thông qua các sổ thuế, giám sát thu thuế, quyết định các trường hợp giảm thuế bản xứ theo khu vực không liên quan đến toàn vùng. Tiền giảm thuế không quá 5.000 đồng/tỉnh. Thống sứ được giao giám sát tổng kho và kho cảng Hải Phòng.

Thống sứ giám sát Sở Học chính, cấp giấy phép mở trường học các loại và ra lệnh đóng cửa các trường vì lợi ích về tinh thần hay trật tự công cộng.

Phần III. Quyền hạn chung của Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì

1. Nhân sự

Khâm sứ và Thống sứ có các quyền hạn sau:

- Điều hành ở cấp cao tất cả các cơ quan dân sự trực thuộc và đề nghị Toàn quyền ban hành nghị định liên quan đến cơ quan này.

- Quyết định các hình thức kỉ luật là treo chức 15 ngày đối với nhân viên hưởng lương ở mức 6.000 phơ-răng trở xuống của các cơ quan trên và đề nghị Toàn quyền quyết định hình thức kỉ luật đối với nhân viên hưởng lương từ 6.000 phơ-răng trở lên, mọi trường hợp phải báo cáo với Toàn quyền.

- Đề nghị nâng bậc của nhân sự người Âu trong các cơ quan dân sự và quyết định thuyên chuyển, trừ thuyên chuyển Công sứ và Phó Công sứ do Toàn quyền quyết định, thuyên chuyển nhân viên hưởng lương dưới 4.000 phơ-răng sẽ do trưởng các đơn vị quản lí trực tiếp quyết định.

- Đề nghị khen thưởng cũng như hưu trí, các trường hợp hưởng nửa lương và trợ cấp lên Toàn quyền.

- Trình Toàn quyền Đông Dương đánh giá, nhận xét hạnh kiểm và năng lực của nhân viên dưới quyền do người đứng đầu các cơ quan, chính quyền trình lên.

- Bổ nhiệm và cách chức nhân sự bản xứ của Chính quyền Bảo hộ theo uỷ quyền, trừ nhân sự Phủ Toàn quyền. Người đứng đầu các cơ quan dân sự đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp và chỉ thông tin với Khâm sứ và Thống sứ.

2. Tài chính

Khâm sứ và Thống sứ có các quyền hạn như sau:

- Trình Toàn quyền nghị định phân bổ kinh phí hàng tháng cho các cơ quan dân sự Trung Kì và Bắc Kì, tiến hành phân bổ kinh phí cho các cơ quan thuộc thẩm quyền.

- Trình quyết toán của Trung Kì và Bắc Kì.

- Trình Toàn quyền phê chuẩn các khoản chi cung ứng và công trình có dự toán được ghi trong hoặc ngoài ngân sách. Khâm sứ và Thống sứ được phép quyết định các khoản chi cung ứng và công trình trong giới hạn 1.500 phơ-răng thuộc các dự toán ngân sách.

- Thông qua và cho phép thực hiện các giao kèo cung ứng và công trình thi công ở Trung Kì và Bắc Kì trừ một số trường hợp đặc biệt.

- Phê chuẩn các sổ thuế được lập liên quan đến đấu thầu cung ứng và công trình cũng như biên bản của các buổi đấu thầu này.

- Tập trung thông tin và gửi tới Toàn quyền đề nghị xử lí liên quan đến chế độ tiền tệ cũng như giám sát công tác kế toán thành phố, kế toán ngân khố, thuế quan, bưu điện và điện tín, kế toán các quỹ kí trước.

- Chịu trách nhiệm về cung ứng thiết bị, giám sát công việc về thuế gián thu, độc quyền và trưng thuế.

- Giám sát các khoản thu có trong ngân sách, đề nghị với Toàn quyền biện pháp truy thu hoặc lập các khoản thu mới.

- Phê chuẩn các biên bản thất thoát, loại thải của các cơ quan dân sự và cho phép thanh lí hàng cung ứng và vật dụng của các cơ quan dân sự không còn giá trị sử dụng.

- Thừa ủy quyền thường trực Toàn quyền, Khâm sứ và Thống sứ được giao giám sát bệnh viện và kho lương thực.

3. Kiểm soát hành chính tổng hợp hoặc y tế

Khâm sứ và Thống sứ có các quyền hạn sau:

- Kiểm soát chung về hành chính và y tế.

- Trục xuất và giam giữ các người châu Á bị coi là phần tử nguy hiểm đối với an ninh và trật tự công cộng; trục xuất những người Âu nếu cần thiết.

- Ra lệnh cấm treo biển, tranh ảnh bị coi là nguy hại đối với an ninh công cộng và có thể ra lệnh tháo bỏ nếu cần thiết.

- Giám sát nhà tù; nếu xét thấy cần thiết có thể cho phép sử dụng những người bị kết án lao động ở các công trường, nhà xưởng và ban hành quy định điều kiện sử dụng loại lao động này theo luật định và hướng dẫn của Toàn quyền.

- Lập, bãi bỏ, giải tán các tiểu quân khu.

- Cấp giấy xuất cảnh, giấy phép lên tàu và lưu trú theo quy định.

- Quy định và kiểm soát sông ngòi; quy định về hoạt động đánh bắt và định rõ phạm vi được đánh bắt.

- Quy định điều kiện xây dựng nhà xưởng có tính chất nguy hiểm, không vệ sinh và những biện pháp áp đặt đối với các thành phố hoặc cá nhân vì lợi ích vệ sinh công cộng.

- Ban hành các nghị định chung hoặc đặc biệt liên quan đến các khu nhà ở không hợp vệ sinh, khu nhà dùng để bốc dỡ tàu thuyền và nhà kho chứa chất nổ; cho phép hoặc ra lệnh cấm tàu biển cập cảng, cho phép lập hoặc dỡ bỏ các khu cách li kiểm dịch, ấn định thời gian cách li; quy định rõ địa điểm lập các trại hủi cũng như các khu cách li khác...

- Cấp giấy phép hành nghề ở Trung Kì và Bắc Kì cho các viên chức y tế, dược sĩ không thuộc diện biệt phái, đã hoàn tất thủ tục theo quy định.

4. Các công việc hành chính thuần túy

Khâm sứ và Thống sứ có quyền hạn:

- Đảm bảo thi hành các quyết định liên quan đến các Phòng Thương mại, đặc biệt là Nghị định ngày 16 tháng 02 năm 1889.

- Sửa đổi quy định về cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Hội đồng Thành phố hoặc Ủy ban Thành phố cũng như các Phòng Thương mại.

- Quyết định tạm dừng hoạt động của các hội đồng hoặc Ủy ban Thành phố, các Phòng Thương mại, giải tán các cơ quan trên nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích duy trì trật tự và an ninh công cộng.

- Giám sát việc bảo quản sổ đăng kí hộ tịch và khoá sổ đăng kí hộ tịch vào cuối năm; hợp pháp hoá chữ kí của viên chức.

- Hướng dẫn và trình Toàn quyền các đề nghị nhập quốc tịch của người nước ngoài và người bản xứ.

- Đề nghị Toàn quyền quyết định về việc nhận một số loại tài sản hiến tặng và di tặng cho Chính quyền Bảo hộ...

- Phê chuẩn các văn tự pháp hoá ngoại lệ hoặc tạm thời để cấp giấy đi biển trong giới hạn và theo thể thức quy định.

- Trình Toàn quyền các đề nghị nhượng đất nông nghiệp hoặc hầm mỏ và cho tiến hành thủ tục ban đầu theo quy định.

- Theo dõi việc tuân thủ những quy định và thực hiện trách nhiệm quy định đối với những người được nhượng đất hoặc mỏ, trường hợp không thực hiện, đề nghị Toàn quyền truất quyền của người được nhượng đất hoặc mỏ.

- Quyết định thành lập và bãi bỏ các phòng thuế quan, bưu điện và điện tín.

- Ban hành các nghị định nêu rõ công ích liên quan đến các công trình của thành phố, công trình công cộng cũng như các công trình trong giới hạn chương trình đã được Toàn quyền phê chuẩn cho năm hiện tại.

- Quyết định xếp hạng và giáng hạng các tuyến đường lớn và thẩm cứu công trình xây mới liên quan với các tuyến đường trên.

- Phê chuẩn các văn tự chuyển nhượng, mua bán, trao đổi bất động sản của Chính quyền Bảo hộ.

- Lập thống kê dân số, thống kê nông nghiệp và bảng kê xuất nhập khẩu hàng năm trình Toàn quyền.

- Liên hệ với các hãng vận tải đường sông và đường biển; đề nghị với Toàn quyền thành lập hoặc bãi bỏ các trạm trung chuyển của các hãng vận tải đường sông.

5. Tài phán

Được sự cho phép của Toàn quyền, Khâm sứ và Thống sứ đại diện cho Chính quyền Bảo hộ Trung Kì và Bắc Kì trước các toà án khi tranh chấp có giá trị trên 10.000 đồng. Khâm sứ và Thống sứ cho tiến hành các trưng mua cần thiết phục vụ thi công các công trình công cộng.

Phần IV. Quan hệ giữa Khâm sứ, Thống sứ và Toàn quyền

Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì trình Toàn quyền xem xét các vấn đề đặc biệt không quy định trong nghị định này.

Ba tháng một lần, Khâm sứ và Thống sứ báo cáo lên Toàn quyền về tình hình chính trị, tài chính, thương mại, nông nghiệp và công nghiệp của Trung Kì và Bắc Kì. Khâm sứ và Thống sứ trao đổi thông tin về nhu cầu công việc chung, phối hợp trong thuyên chuyển nhân sự giữa hai xứ. Khâm sứ và Thống sứ đồng đề nghị lên Toàn quyền quyết định liên quan đến nhân sự người Âu.

74. Arrêté n° 778 du 10 octobre 1892 du Gouverneur général de l'Indochine sur la constitution de la province de Thai Nguyen.

Nghị định số 778 ngày 10 tháng 10 năm 1892 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập tỉnh Thái Nguyên.

(Nguồn: RST - 30960, tờ số 1)

Theo Nghị định này, tỉnh Thái Nguyên được chuyển thành tỉnh dân sự.

75. Arrêté du 12 avril 1893 du Gouverneur général de l'Indochine supprimant les fonctions de chef de cabinet du Lieutenant - Gouverneur de la Cochinchine et créant un bureau qui prend le titre bureau du Gouvernement de la Cochinchine.

Nghị định ngày 12 tháng 4 năm 1893 của Toàn quyền Đông

Dương xoá bỏ chức Chánh Văn phòng Thống đốc Nam Kì và thành lập một phòng mang tên Văn phòng Chính phủ Nam Kì.

(Nguồn: J 1010, JOIF 1893, tr.551)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Chức vụ Chánh Văn phòng Thống đốc Nam Kì được xoá bỏ.

Một Văn phòng với tên gọi "Văn phòng Chính phủ Nam Kì" được thành lập bên cạnh Thống đốc Nam Kì. Nhân sự Văn phòng này gồm 1 chánh văn phòng, 1 phó chánh văn phòng, một số tham tá, biên tu, tham tá kế toán, một số thư kí người bản xứ và thông ngôn.

76. Arrêté du 15 septembre 1893 du Gouverneur général de l'Indochine portant la division du cabinet du Gouverneur général en 2 sections.

Nghị định ngày 15 tháng 9 năm 1893 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách Văn phòng Toàn quyền thành 2 bộ phận.

(Nguồn: J 1010, JOIF 1893, tr.1086-1087)

Theo Nghị định, bộ phận thứ nhất phụ trách các công việc dân sự, hành chính và trước bạ; bộ phận thứ hai phụ trách về quân sự.

77. Décret du 13 janvier 1894 du Président de la République française portant institution de la Cour d'appel à Hanoï.

Sắc lệnh ngày 13 tháng 01 năm 1894 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Toà Thượng thẩm tại Hà Nội.

(Nguồn: J 1014, JOIF 1894, tr.172-173)

Sắc lệnh gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Toà Thượng thẩm Hà Nội được thành lập với thẩm quyền xét xử tại các xứ bảo hộ Trung Kì và Bắc Kì. Toà Thượng thẩm Hà Nội gồm 1 chánh án, 2 cố vấn, 1 cố vấn cán sự, 1 viên lục sự và 1 thư kí toà.

Chức năng Viện Công tố bên cạnh Toà Thượng thẩm do Chưởng lí đảm nhiệm.

Các quan toà của Toà Thượng thẩm do Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng phụ trách thuộc địa, Chưởng ấn và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

78. Arrêté du 6 février 1894 du Gouverneur général de l'Indochine créant le cercle de Cai Kinh et nommant M. le chef de bataillon Tournier, au commandement dudit cercle.

Nghị định ngày 06 tháng 02 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Tiểu quân khu Cai Kinh và bổ nhiệm Tiểu đoàn trưởng Tournier giữ chức chỉ huy.

(Nguồn: J 1016, JOIF 1894, tr.70)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Tiểu quân khu Cai Kinh được thành lập tại dãy núi Cai Kinh, đứng đầu là 1 sĩ quan cấp tá trực tiếp chỉ huy và đặt dưới sự chỉ đạo của Tư lệnh Đạo Quan binh 2. Phụ tá cho sĩ quan chỉ huy Tiểu quân khu là một Hội đồng kì mục.

Tiểu quân khu Cai Kinh gồm 13 tổng của người Thổ, trong đó 5 tổng tách từ tỉnh Thái Nguyên.

Hàng năm, Tư lệnh Tiểu quân khu Cai Kinh hưởng trợ cấp chức vụ trị giá 1.500 phơ-răng, cộng với 800 phơ-răng phụ cấp quân dịch theo quy định tại Nghị định ngày 15 tháng 9 năm 1893.

Ông Tournier, Tiểu đoàn trưởng Trung đoàn 9 Thủy quân lục chiến được bổ nhiệm giữ chức Tư lệnh Tiểu quân khu Cai Kinh.

79. Arrêté du 10 février 1894 du Gouverneur général de l'Indochine créant une Chambre d'Agriculture au Tonkin.

Nghị định ngày 10 tháng 02 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Phòng Canh nông Bắc Kì.

(Nguồn: J 1014, JOIF 1894, tr.73-74)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Phòng Canh nông Bắc Kì được thành lập có trụ sở tại Hà Nội, gồm 6 thành viên người Pháp và 1 thành viên người bản xứ.

Điều 3, 4, 5 quy định về việc bầu chủ tịch, phó chủ tịch và thư kí của Phòng Canh nông. Các điều 6, 7 quy định cách thức hoạt động và quản lí Phòng Canh nông Bắc Kì.

80. Arrêté du 20 septembre 1894 du Gouverneur général de l'Indochine transférant à Mon Cay le siège du commandement du 1er Territoire militaire.

Nghị định ngày 20 tháng 9 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương quyết định chuyển trụ sở Ban chỉ huy Đạo Quan binh 1 về Móng Cái.

(Nguồn: J 1016, JOIF 1894, tr.4060)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung chính như sau:

Trụ sở Ban chỉ huy Đạo Quan binh 1 được chuyển về Móng Cái. Tư lệnh Ber tạm thời giữ chức Chỉ huy tiểu quân khu Sept Pagodes (Phả Lại) và hưởng phụ cấp có liên quan.

81. Arrêté du 28 novembre 1894 du Gouverneur général de l'Indochine promulguant le décret du 21 septembre 1894 instituant un Conseil du Protectorat de l'Annam et du Tonkin près du Gouverneur général de l'Indochine.

Nghị định ngày 28 tháng 11 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương ban bố Sắc lệnh ngày 21 tháng 9 năm 1894 về việc thành lập Hội đồng Bảo hộ Trung - Bắc Kì phụ tá cho Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1014, JOIF 1894, tr.486-487)

Sắc lệnh gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Bảo hộ Trung - Bắc Kì phụ tá cho Toàn quyền Đông Dương được thành lập do Toàn quyền làm Chủ tịch gồm các thành viên: Tổng Tư lệnh quân đội Đông Dương, Thống sứ Bắc Kì, Tư lệnh Hải quân, Chánh Sở Hành chính, Giám đốc Nha Kiểm tra tài chính, Giám đốc Tư pháp và các thành viên khác.

Tổng Thanh tra thuộc địa có quyền tham dự các buổi họp của Hội

đồng. Giám đốc các sở khác có thể được mời dự để tham vấn về những vấn đề thuộc thẩm quyền.

Toàn quyền hoặc Thống sứ đại diện Toàn quyền triệu tập họp Hội đồng. Hội đồng Bảo hộ họp cho ý kiến về các vấn đề:

- Ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cho các đơn vị quân sự và hải quân của Chính quyền Bảo hộ;

- Cách thức và quy định về thuế và biểu thuế...;

- Việc nhượng đất cho tập thể và cá nhân...;

- Các dự án, bản vẽ và dự toán kinh phí của các công trình thực hiện bằng tiền của Chính quyền Bảo hộ;

- Các thay đổi về chế độ thuế quan ở Trung và Bắc Kì;

- Các biện pháp tài chính và việc quản lí chung.

Hội đồng Bảo hộ nhóm họp do Thống sứ Bắc Kì chủ toạ để xem xét các vụ tranh chấp hành chính. Các nghị quyết của Hội đồng được trình lên Bộ trưởng Thuộc địa ngay trong tháng diễn ra cuộc họp.

82. Décret du 9 janvier 1895 du Président de la République française sur l'organisation de la Garde indigène de l'Annam et du Tonkin.

Sắc lệnh ngày 09 tháng 01 năm 1895 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về cơ cấu tổ chức của lực lượng lính khố xanh Trung Kì và Bắc Kì.

(Nguồn: J 1020, JOIF 1895, tr.142)

Sắc lệnh gồm 12 điều với các nội dung chính sau:

Lính khố xanh Trung Kì và Bắc Kì là lực lượng kiểm soát an ninh đặt dưới quyền của Thống sứ và Khâm sứ. Nhân sự người Âu trong lực lượng lính khố xanh Trung Kì và Bắc Kì gồm:

Giám binh hạng 1 (Thanh tra hạng 1);

Giám binh hạng 2;

Giám binh hạng 3;

Chánh cai đội hạng 1 (lính gác chính);

Chánh cai đội hạng 2;

Chánh cai đội hạng 3;

Chánh cai đội được tuyển dụng theo quy định sau:

- Trong số hạ sĩ quan đang tại ngũ, phục vụ Chính quyền Bảo hộ, được tuyển dụng theo quy định trong Sắc lệnh ngày 29 tháng 4 năm 1890.

- Trong số hạ sĩ quan thuộc lực lượng quân dự bị hoặc đã giải ngũ. Một nửa trong số các chức danh chánh cai đội hạng 3 dành cho các hạ sĩ quan đăng kí lại, được sắp xếp để xin vào một chức danh dân sự.

Các hạ sĩ quan đang tại ngũ, thuộc lực lượng quân dự bị hay đã giải ngũ hoặc được sắp xếp vào một chức danh dân sự chỉ bắt đầu từ ngạch chánh cai đội hạng 3 trong lực lượng lính khố xanh. Toàn quyền bổ nhiệm tất cả các chức danh trong lực lượng lính khố xanh.

Giám binh được chọn trong số chánh cai đội hạng 1 có ít nhất 2 năm làm việc. Các cựu sĩ quan bộ binh và hải quân có thể được tuyển dụng vào lính khố xanh và được bổ nhiệm ở chức danh giám binh hạng 3.

Các hình thức kỉ luật áp dụng với nhân sự người Âu thuộc lực lượng lính khố xanh được quy định như sau: khiển trách, treo chức, giáng hạng hoặc cách chức do Toàn quyền quyết định. Hình thức treo chức kèm theo cắt giảm 1/2 lương không kéo dài quá 2 tháng.

Giáng chức, giáng hạng hoặc cách chức chỉ được quyết định sau khi có kết luận của Ủy ban Điều tra, đối tượng có liên quan nếu yêu cầu có thể giải trình trước Hội đồng. Toàn quyền ban hành nghị định nêu rõ lí do và xác nhận kết luận của Uỷ ban Điều tra. Nghị định cách chức chỉ có hiệu lực sau khi có phê chuẩn của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

Các Sắc lệnh ngày 12 tháng 12 năm 1889 và 28 tháng 01 năm 1890 quy định trợ cấp đi đường và lưu trú, lương và phụ cấp lương cũng được áp dụng đối với nhân sự người Âu thuộc lượng lực lính khố xanh.

83. Arrêté du 23 avril 1895 du Gouverneur général de l'Indochine promulguant le décret du 25 février 1895, supprimant la Résidence supérieure du Tonkin et créant le Secrétariat général.

Nghị định ngày 23 tháng 4 năm 1895 của Toàn quyền Đông Dương ban bố Sắc lệnh ngày 25 tháng 02 năm 1895 quyết định bãi bỏ Toà Thống sứ Bắc Kì và thành lập Phủ Phó Toàn quyền.

(Nguồn: J 1020, JOIF 1895, tr.193-194)

Sắc lệnh gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Phó Toàn quyền chịu sự chỉ đạo của Toàn quyền Đông Dương, giúp Toàn quyền giải quyết công việc của Phủ Toàn quyền. Viên chức này tạm thời thay mặt Toàn quyền trong thời gian Toàn quyền vắng mặt ở Đông Dương. Phó Toàn quyền đảm nhiệm các chức năng được giao cho Thống sứ Bắc Kì. Chức danh Thống sứ bị bãi bỏ. Khi không tạm thay thế Toàn quyền, Phó Toàn quyền xếp sau Tổng Tư lệnh quân đội Đông Dương tại các Hội đồng.

Lương và các phụ cấp của Phó Toàn quyền quy định như sau:

Lương châu Âu: 20.000 phơ-răng

Lương thuộc địa: 40.000 phơ-răng

Phụ cấp đại diện: 10.000 phơ-răng

Phụ cấp đối với cơ quan đứng đầu: 12.000 phơ-răng

Trong thời gian tạm quyền thay Toàn quyền, ngoài lương thuộc địa, Phó Toàn quyền còn hưởng ¾ phí đại diện mà Toàn quyền được hưởng, 1/4 còn lại dành trả cho Toàn quyền. Phó Toàn quyền được hưởng chế độ hưu trí như Tổng ủy viên hải quân.

84. Arrêté du 11 octobre 1895 du Gouverneur général de l'Indochine réorganisation le Service des Travaux Publics de l'Annam et du Tonkin.

Nghị định ngày 11 tháng 10 năm 1895 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại Sở Công chính Trung Kì và Bắc Kì.

(Nguồn: J 1020, JOIF 1895, tr.618-624)

Nghị định gồm 15 phần và 56 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Quyền hạn và nhân sự

Sở Công chính Trung và Bắc Kì có quyền hạn sau:

- Nghiên cứu và xây dựng các công trình phục vụ lợi ích chung, các tuyến đường lớn, đường sá, đường sắt, đê, kênh rạch, sông, hải đăng và cọc tiêu, cảng và kè, tưới tiêu...; khai thác đường sắt do Chính quyền Bảo hộ tiến hành; kiểm tra và giám sát hầm mỏ; các dự án và công trình xây dựng dân dụng.

- Cho ý kiến và được tham vấn về mọi dự án công chính hàng tỉnh, kể cả đối với các dự án lấy kinh phí từ các quỹ của ngân sách tỉnh nếu tổng giá trị công trình thi công vượt quá 2.000 phơ-răng.

- Quản lí, giám sát các công trình do Hội đồng Thành phố thi công với kinh phí trích từ quỹ trợ cấp của Chính quyền Bảo hộ.

Nhân sự người Âu của Sở gồm: Giám đốc Sở là một kĩ sư; kĩ sư trưởng, kĩ sư phó, đốc công, kiểm soát viên hầm mỏ, tham tá, giám sát viên; thanh tra khai thác, trưởng ga, trưởng trạm, trưởng kho, trưởng tàu, thợ cơ khí và bưu tá; thủy thủ và lính gác hải đăng và cọc tiêu; 1 kĩ sư trưởng các bộ phận, thanh tra, tham tá và giám sát viên. Ngoài ra, còn có nhân sự bản xứ: thông ngôn, thợ vẽ, người sao văn bản, công nhân sửa đường, gác cổng...

Phần II. Kĩ sư - Giám đốc Sở Công chính

Kĩ sư - Giám đốc Sở trực chịu sự chỉ đạo của các Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì, được giao quản lí nhân sự, công việc của Sở Công chính.

Về kế toán, Giám đốc Sở không phải là phó chánh chủ trì, không được ủy nhiệm, chỉ có quyền ghi nhận các khoản chi và kiểm tra các thanh toán.

Giám đốc Sở được bổ nhiệm bằng Sắc lệnh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và trình Toàn quyền. Giám đốc Sở được bổ nhiệm theo các điều kiện sau:

1. Là kĩ sư trưởng hoặc kĩ sư hạng 1 ngành cầu đường hoặc mỏ;

2. Có bằng kĩ sư do Trường Quốc gia Cầu đường hoặc Đại học Mỏ Paris hoặc Trường Tổng hợp Paris (Trường Kĩ sư bá nghệ -

Ecole des Arts et Manufactures) cấp, có ít nhất 10 năm làm việc tại một bộ phận Công chính hoặc một hãng xe lửa của Pháp;

3. Là kĩ sư trưởng bộ phận ở Trung Kì và Bắc Kì, có ít nhất 5 năm làm việc.

Phần III. Kĩ sư trưởng bộ phận

Giúp việc cho Kĩ sư - Giám đốc Sở Công chính là một hoặc nhiều kĩ sư trưởng bộ phận, được phân bổ theo xứ thuộc địa hoặc theo công việc, được giao nghiên cứu và xây dựng công trình cầu đường, hầm mỏ do Sở Công chính điều hành.

Các kĩ sư trưởng bộ phận có vai trò và quyền hạn như kĩ sư cầu đường, hầm mỏ như ở Pháp. Về phương diện kế toán, kĩ sư trưởng bộ phận chỉ có quyền kiểm tra các khoản chi, chuyển lên Giám đốc Sở những giấy tờ cần thiết phục vụ kiểm tra việc thanh toán các khoản chi trên.

Kĩ sư trưởng bộ phận do Toàn quyền bổ nhiệm, theo đề nghị của Giám đốc Sở. Nơi ở và công việc được giao sẽ do Toàn quyền quy định bằng nghị định. Kĩ sư trưởng bộ phận phải đáp ứng một trong ba điều kiện sau:

- Là kĩ sư cầu đường hoặc kĩ sư hầm mỏ;

- Có bằng kĩ sư do Trường Quốc gia Cầu đường hoặc Đại học Mỏ Paris hoặc Trường Tổng hợp Paris cấp, có ít nhất 5 năm làm việc ở Sở Công chính hoặc một hãng xe lửa của Pháp;

- Thi đỗ kì sát hạch ở Hà Nội. Các kĩ sư phó hoặc đốc công làm việc dưới 5 năm ở Trung Kì và Bắc Kì không được phép tham gia kì sát hạch này.

Các kĩ sư trưởng bộ phận được phân thành ba hạng với mức lương quy định như sau:

		Lương châu Âu *(phơ-răng)*	***Lương thuộc địa*** *(phơ-răng)*	***Phụ cấp*** *(phơ-răng)*
Kĩ sư trưởng bộ phận	*Hạng 1*	*11.000*	*22.000*	*8.000*
	Hạng 2	*9.000*	*18.000*	*7.000*
	Hạng 3	*7.500*	*15.000*	*5.000*

Các kĩ sư cầu đường và hầm mỏ biệt phái làm việc ở thuộc địa thuộc sự quản lí của Toàn quyền, được bổ nhiệm theo hạng ở chính quốc, được nâng ngạch bậc theo thời gian và thủ tục như ngạch công chức chính quốc. Các chức danh khác bắt đầu ở hạng 3 và chỉ được đề nghị nâng bậc sau 5 năm làm việc tại mỗi hạng.

Phần IV. Kiến trúc sư, trưởng bộ phận xây dựng dân dụng

Kiến trúc sư, trưởng bộ phận xây dựng dân dụng phụ trách các công trình xây dựng dân dụng theo chỉ đạo của Kĩ sư - Giám đốc Sở Công chính. Kiến trúc sư - Trưởng bộ phận xây dựng dân dụng chịu trách nhiệm lập dự án, điều hành thi công các công trình và xem xét giấy tờ cần thiết chuyển tới Giám đốc Sở để xác nhận thanh toán. Liên quan đến xây dựng dân dụng, kiến trúc sư có vai trò và quyền hạn giống như kĩ sư trưởng phòng trong các nghiên cứu và công trình cầu đường, hầm mỏ.

Kiến trúc sư do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Công chính. Lương và mức phụ cấp làm việc được quy định như sau:

		Lương châu Âu *(phơ-răng)*	***Lương thuộc địa*** *(phơ-răng)*	***Phụ cấp*** *(phơ-răng)*
Kiến trúc sư - Trưởng bộ phận	*Hạng 1*	*7.500*	*15.000*	*3000*
	Hạng 2	*6.000*	*12.000*	*3.000*
	Hạng 3	*5.000*	*10.000*	*3.000*

Kiến trúc sư trưởng bộ phận được bổ nhiệm bắt đầu từ hạng 3 và phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Là kiến trúc sư, có bằng của Trường Mỹ thuật Paris và từng làm việc ở vị trí kiến trúc sư ít nhất 5 năm trong một công sở;

- Là thanh tra chính về xây dựng dân dụng ở Trung Kì và Bắc Kì ít nhất trong 5 năm.

Phần V. Phó kĩ sư, đốc công và kiểm soát viên hầm mỏ

Các kĩ sư phó, đốc công và kiểm soát viên hầm mỏ có chức năng và quyền hạn của đốc công cầu đường và kiểm soát viên hầm mỏ ở Pháp, được giao điều hành, giám sát các nghiên cứu và công trình do Sở Công chính quản lí hoặc giám sát các công trình cấp tỉnh.

Đối với các công trình do Sở Công chính quản lí, đốc công và kiểm soát viên chịu sự chỉ đạo của Giám đốc Sở và kĩ sư trưởng bộ phận trực thuộc. Đối với những công trình lớn, một hay nhiều đốc công có thể thuộc quyền quản lí trực tiếp của một kĩ sư phó và do kĩ sư trưởng bộ phận quản lí trực tiếp.

Đối với trình cấp tỉnh, các kĩ sư phó, đốc công và kiểm soát viên hầm mỏ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở, kĩ sư trưởng bộ phận trong các nghiên cứu và công trình cầu đường, hầm mỏ; dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các kiến trúc sư trưởng bộ phận trong các nghiên cứu và công trình xây dựng dân dụng đang thi công tại tỉnh lưu trú. Các kĩ sư phó, đốc công và kiểm soát viên cũng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Công sứ hoặc Phó Công sứ trong những dự án và công trình công ích của tỉnh.

Kĩ sư phó, đốc công và kiểm soát viên hầm mỏ do Toàn quyền bổ nhiệm. Giám đốc Sở quy định về nơi lưu trú và công việc đối với những người không tham gia các công trình cấp tỉnh. Nơi ở của những người được giao phụ trách công trình cấp tỉnh sẽ do Khâm sứ Trung Kì hoặc Thống sứ Bắc Kì quy định bằng nghị định, theo đề nghị của Giám đốc Sở, sau khi có kết luận của Công sứ hoặc Phó Công sứ của tỉnh lưu trú.

Đốc công hoặc kiểm soát viên hầm mỏ phải đáp ứng một trong ba điều kiện sau:

- Là đốc công cầu đường hoặc kiểm soát viên hầm mỏ.

- Là cựu sinh viên các trường Bách khoa, Trường Quốc gia Cầu đường hoặc Trường Mỏ Paris hoặc Trường Mỏ Saint- Etienne, Trường Tổng hợp Paris hoặc một trường kĩ thuật và dạy nghề và thi đỗ các kì sát hạch tốt nghiệp.

- Thi đỗ các kì sát hạch ở Hà Nội quy định tại Nghị định ngày 07 tháng 9 năm 1880 về điều kiện gia nhập hội đốc công cầu đường ở Pháp và trước 1 tiểu ban gồm Giám đốc Sở Công chính, 1 kĩ sư trưởng bộ phận và 1 kĩ sư phó.

Nếu xét thấy cần thiết, Toàn quyền sẽ triệu tập và cho hoạt động tiểu ban trên. Ứng cử viên được nhận vào làm sau kì sát hạch trên có quyền vào làm ở các vị trí đốc công đang khuyết.

Đốc công cầu đường và kiểm soát viên hầm mỏ biệt phái tới làm việc ở thuộc địa và chịu sự quản lí của Toàn quyền Đông Dương được bổ nhiệm theo ngạch và hạng mà họ đang hưởng tại Pháp. Các đốc công và kiểm soát viên này có thể được cất nhắc lên các ngạch và hạng cao hơn so với ngạch công chức chính quốc. Ngạch, hạng và lương của các kĩ sư phó, đốc công và kiểm soát viên hầm mỏ được quy định như sau:

Ngạch và hạng		***Lương châu Âu*** *(phơ-răng)*	***Lương thuộc địa*** *(phơ-răng)*
Phó kĩ sư công chính	*Hạng 1*	*7.000*	*14.000*
	Hạng 2	*6.500*	*13.000*
	Hạng 3	*6.000*	*12.000*
Đốc công chính và kiểm soát viên chính hầm mỏ	*Hạng 1*	*5.500*	*11.000*
	Hạng 2	*5.000*	*10.000*
Đốc công và kiểm soát viên hầm mỏ	*Hạng 1*	*4.000*	*8.000*
	Hạng 2	*3.500*	*7.000*
	Hạng 3	*3.000*	*6.000*
	Hạng 4	*2.500*	*5.000*

Thời gian làm việc tối thiểu tại mỗi ngạch và hạng để được đề nghị nâng bậc quy định như sau:

Đốc công hạng 4 và hạng 3: 18 tháng; hạng 2: 2 năm.
Đốc công hạng 1, đốc công chính hạng 2: 30 tháng.
Đốc công chính hạng 1 và kĩ sư phó hạng 2 và hạng 3: 3 năm.

Phần VI. Thanh tra xây dựng dân dụng

Dưới sự chỉ đạo của kiến trúc sư trưởng bộ phận, các thanh tra dân sự giữ vai trò và đảm nhiệm chức trách của kĩ sư phó và đốc công phụ tá cho kĩ sư trưởng bộ phận.

Thanh tra nếu được bổ nhiệm phải đáp ứng một trong ba điều kiện sau:

+ Là kiến trúc sư và tốt nghiệp trường mỹ thuật;

+ Từng làm việc ở vị trí nhân viên đo kiểm ít nhất trong ba năm tại một công sở;

+ Thi đỗ các kì thi sát hạch ở Hà Nội do Bộ trưởng Bộ Công chính quy định trong Nghị định ngày 07 tháng 9 năm 1880 về điều kiện gia nhập hội đoàn đốc công cầu đường ở Pháp và trước một tiểu ban gồm Giám đốc Sở Công chính, kiến trúc sư trưởng bộ phận và một thanh tra chính... Tuy nhiên, việc sát hạch các thanh tra cũng có một số thay đổi. Nếu xét thấy cần thiết, Toàn quyền triệu tập và cho phép sát hạch. Ứng cử viên được công nhận sau kì sát hạch trên có quyền vào làm việc ở các vị trí khác đang khuyết ngoài vị trí thanh tra, trong thời gian chờ việc có thể được bổ dụng vào vị trí tham tá.

Các thanh tra được phân bổ theo hạng và ngạch, lương được quy định như sau:

Ngạch và hạng		***Lương châu Âu*** *(phơ-răng)*	***Lương thuộc địa*** *(phơ-răng)*
Thanh tra chính	*Hạng 1*	*5.000*	*10.000*
	Hạng 2	*4.500*	*9.000*
Thanh tra	*Hạng 1*	*3.500*	*7.000*
	Hạng 2	*3.000*	*6.000*
	Hạng 3	*2.500*	*5.000*

Các thanh tra bắt đầu từ hạng 3 của ngạch. Thời gian làm việc tối thiểu tại mỗi ngạch, hạng để được đề nghị nâng bậc quy định là 18 tháng đối với thanh tra hạng 3; 3 năm đối với thanh tra hạng 2: 2 năm đối với các hạng và ngạch khác

Phần VII. Tham tá Công chính

Tham tá tại các văn phòng kĩ sư hoặc trợ lí kĩ sư phó, đốc công và thanh tra được giao nghiên cứu và giám sát công trình, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của cấp quản lí. Các tham tá có thể được bổ dụng làm trợ tá kĩ sư phó hay đốc công hoặc biệt phái trực tiếp làm việc tại các cơ quan cấp tỉnh.

Tham tá do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở. Giám đốc Sở Công chính quy định nơi lưu trú và giao việc cho tham tá. Đối với tham tá biệt phái tới làm việc ở các cơ quan cấp tỉnh, nơi ở của họ chỉ được quyết định sau khi có kết luận Công sứ hoặc Phó Công sứ của tỉnh được cử tới làm việc và theo nghị định của Khâm

sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì. Tham tá được bổ nhiệm phải được công nhận có khả năng hoàn thành công việc, sau kì sát hạch về kĩ năng sau: chữ viết; quy tắc tiếng Pháp; số học sơ cấp; trình bày hệ mét, trọng lượng và đo lường, khái niệm hình học liên quan đến đo góc, diện tích và hình khối; các yếu tố hình hoạ đường nét.

Kì sát hạch diễn ra trước tiểu ban gồm 1 kĩ sư trưởng bộ phận hoặc kiến trúc sư trưởng bộ phận và 2 kĩ sư phó hoặc đốc công chính. Nếu xét thấy cần thiết, Toàn quyền triệu tập họp uỷ ban. Tham tá cầu đường và hầm mỏ biệt phái thuộc ngạch công chức chính quốc, ứng cử viên có bằng cử nhân khoa học hoặc giảng dạy đặc biệt, ứng cử viên được công nhận ngạch đốc công hoặc thanh tra và những người đủ điều kiện để được nhận vào một chức danh thuộc ngạch này được miễn thi kì sát hạch trên.

Tham tá cầu đường và hầm mỏ ngạch công chức chính quốc được biệt phái tới làm việc ở thuộc địa và đặt dưới quyền của Chính quyền Bảo hộ được miễn mọi kì sát hạch và được bổ nhiệm vào ngạch và hạng đang hưởng ở chính quốc. Ngay khi chuyển sang thuộc quyền của Toàn quyền Đông Dương, các tham tá này cũng có thể được cất nhắc vào ngạch hoặc hạng cao hơn nếu có thời gian làm việc đáp ứng yêu cầu ở chính quốc theo quy định.

Tham tá ngạch công chức chính quốc, không thuộc ngạch cầu đường và hầm mỏ, bắt đầu từ ngạch và chức danh tham tá tập sự trong thời gian 6 tháng. Tham tá được phân bổ theo hạng và ngạch, lương như sau:

Ngạch và hạng		***Lương châu Âu*** *(phơ-răng)*	***Lương thuộc địa*** *(phơ-răng)*
Tham tá chính	*Hạng 1*	*3.500*	*7.000*
	Hạng 2	*3.000*	*6.000*
Tham tá	*Hạng 1*	*2.500*	*5.000*
	Hạng 2	*2.250*	*4.500*
	Hạng 3	*2.000*	*4.000*
	Tập sự	*1.750*	*3.500*

Thời gian làm việc tối thiểu tại mỗi ngạch và hạng để được nâng bậc như sau: 18 tháng đối với tham tá hạng 3 và hạng 2; 2 năm đối với tham tá hạng 1; 3 năm đối với tham tá chính hạng 2.

Phần VIII. Giám sát viên công chính

Theo chỉ đạo của các kĩ sư phó, đốc công thanh tra và tham tá, giám sát viên công chính được giao theo dõi chất lượng thi công các công trình cũng như thực hiện nghiêm túc các điều kiện đấu thầu. Nơi lưu trú và công việc được giao do Giám đốc Sở Công chính quyết định tùy nhu cầu công việc.

Các giám sát viên do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Công chính với điều kiện đã từng làm công nhân công chính hoặc chứng minh được năng lực điều hành, tiến độ công trình và công trường hoặc công việc từng làm.

Các giám sát viên công chính bắt đầu từ ngạch giám sát viên tập sự trong thời gian 6 tháng và được phân bổ theo hạng, ngạch và lương như sau:

Ngạch và hạng		***Lương châu Âu*** *(phơ-răng)*	***Lương thuộc địa*** *(phơ-răng)*
Giám sát viên chính	*Hạng 1*	*3.000*	*6.000*
	Hạng 2	*2.500*	*5.000*
Tham tá	*Hạng 1*	*2.250*	*4.500*
	Hạng 2	*2.000*	*4.000*
	Hạng 3	*1.750*	*3.500*
	Tập sự	*Lương công nhật là 3 đồng*	

Thời gian làm việc cần thiết tại mỗi ngạch và hạng để được đề nghị nâng bậc như sau: 18 tháng đối với tham tá hạng 3 và 2; 2 năm đối với hạng 1; 3 năm đối với giám sát viên chính hạng 2.

Công chính có thể được Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì cho phép tuyển thêm giám sát viên thời vụ đối với một số công trình nhất định. Các giám sát viên này được trả thù lao 3 đồng/ngày trích từ kinh phí cấp cho công trình, có thể bị Giám đốc Sở sa thải bất kì lúc nào và thôi việc ngay sau khi công trình được giao hoàn thành. Điều kiện tuyển dụng giống như điều kiện tuyển dụng giám sát viên chính thức.

Phần IX. Nhân sự đặc biệt của bộ phận khai thác đường sắt

Nhân sự đặc biệt của bộ phận khai thác đường sắt chịu sự chỉ đạo

trực tiếp của kĩ sư trưởng bộ phận gồm thanh tra khai thác, trưởng ga và trưởng trạm, trưởng tàu, trưởng nhà kho, thợ cơ khí và bưu tá.

Thanh tra khai thác đường sắt phụ trách nhân sự của các nhà ga và tàu. Thanh tra có quyền hạn trong tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của tàu khách, tàu vận chuyển hàng hoá, hoạt động thương mại và phân bổ thiết bị di động.

Trưởng ga phụ trách mọi công việc liên quan đến hoạt động của nhà ga hoặc trạm. Trưởng tàu được giao kiểm soát và theo dõi các đoàn tàu. Trưởng kho điều hành và giám sát công việc của các thợ cơ khí và lái tàu cũng như công việc tại các nhà xưởng, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, toa xe.

Để được bổ nhiệm, thợ cơ khí phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong vận hành máy móc tại một hãng hỏa xa của Pháp hoặc một xí nghiệp công nghiệp tư nhân, có các chứng nhận loại tốt. Trưởng trạm, trưởng tàu hoặc bưu tá được chọn trong số ứng cử viên được đánh giá đủ năng lực đảm nhiệm vị trí sẽ được bổ dụng.

Nhân sự đặc biệt của bộ phận khai thác đường sắt được tuyển dụng ở chức danh tập sự và hưởng lương hạng thấp nhất. Sau 6 tháng tập sự, theo đề nghị của Kĩ sư - Giám đốc Sở, nhân sự đặc biệt này sẽ được bổ dụng vào hạng thấp nhất hoặc bị sa thải. Nhân sự đặc biệt của bộ phận khai thác đường sắt được phân bổ theo hạng, ngạch và lương như sau:

Ngạch	*Hạng*	*Lương châu Âu (phơ-răng)*	*Lương thuộc địa (phơ-răng)*
Thanh tra khai thác	*1*	*5.000*	*10.000*
	2	*4.500*	*9.000*
	3	*4.000*	*8.000*
Trưởng ga	*1*	*3.500*	*7.000*
	2	*3.000*	*6.000*
	3	*2.500*	*5.000*
	4	*2.250*	*4.500*
Trưởng trạm, trưởng tàu và bưu tá	*1*	*2.250*	*4.500*
	2	*2.000*	*4.000*
	3	*1.750*	*3.500*
Trưởng kho	*1*	*3.500*	*7.000*
	2	*3.000*	*6.000*
	3	*2.500*	*5.000*
Thợ nguội	*1*	*3.500*	*7.000*
	2	*3.000*	*6.000*
	3	*2.500*	*5.000*
	4	*2.000*	*4.000*

Thời gian làm việc tối thiểu cần thiết tại mỗi ngạch, hạng để được đề nghị nâng bậc như sau: 2 năm đối với thanh tra khai thác, trưởng ga, trưởng kho và thợ cơ khí; 18 tháng đối với trưởng trạm, trưởng tàu và bưu tá.

Phần X. Nhân sự đặc biệt của bộ phận hải đăng và cọc tiêu

Nhân sự đặc biệt ở bộ phận hải đăng và cọc tiêu gồm: nhân sự phụ trách cọc tiêu: các hoa tiêu trưởng, hoa tiêu và hoa tiêu tập sự; nhân sự phụ trách đèn pha: trưởng gác hải đăng và gác hải đăng.

Theo chỉ đạo của quản đốc phụ trách hoa tiêu, hoa tiêu trưởng phụ trách lắp đặt và giám sát cọc tiêu. Giúp việc cho hoa tiêu trưởng là hoa tiêu và hoa tiêu tập sự. Tại mỗi hải đăng, trưởng gác hải đăng và gác hải đăng phụ trách hệ thống chiếu sáng và đèn báo.

Nhân sự của bộ phận này do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở. Nhân viên được tuyển dụng phải biết đọc biết viết, biết sử dụng điện tín và nắm được các khái niệm cơ bản về số học. Nhân sự bộ phận này được phân bổ theo ngạch, hạng và lương như sau:

Ngạch và hạng		***Lương châu Âu*** *(phơ-răng)*	***Lương thuộc địa*** *(phơ-răng)*
Trưởng hoa tiêu	*Hạng duy nhất*	*2.750*	*10.000*
Hoa tiêu	*Hạng 1*	*2.500*	*5.000*
	Hạng 2	*2.250*	*4.500*
	Hạng 3	*2.000*	*4.000*
Hoa tiêu tập sự	*Hạng 1*	*1.750*	*3.500*
	Hạng 2	*1.500*	*3.000*
Trưởng gác hải đăng	*Hạng duy nhất*	*2.000*	*4.000*
Gác hải đăng	*Hạng 1*	*1.500*	*3.000*
	Hạng 2	*1.350*	*2.700*
	Hạng 3	*1.200*	*2.400*

Trưởng hoa tiêu được chọn trong số hoa tiêu có ít nhất 3 năm làm việc. Hoa tiêu được chọn trong số học sinh hoa tiêu có ít nhất 2 năm làm việc.

Trưởng gác hải đăng được chọn trong số gác hải đăng có ít nhất 3 năm làm việc.

Thời gian làm việc tối thiểu cần thiết cho mỗi hạng ngạch để được đề nghị nâng bậc là 2 năm.

Phần XI. Nhân viên Công chính biệt phái hoặc nghỉ phép

Các nhân viên Công chính có thể được biệt phái tạm thời đến làm việc tại các Hội đồng Thành phố và theo đề nghị của Công sứ - Đốc lí. Lương làm việc và nghỉ phép cũng như chi phí hồi hương và trở lại Trung Kì và Bắc Kì sẽ do Hội đồng Thành phố chi trả. Đối tượng nhân viên này làm việc theo chỉ đạo trực tiếp của Công sứ- Đốc lí, người đưa ra đánh giá và đề nghị nâng bậc đối với nhân viên biệt phái. Những đề nghị nâng bậc của Công sứ - Đốc lí chỉ được đưa ra sau khi Giám đốc Sở thông qua. Giám đốc Sở hoặc kĩ sư trưởng bộ phận ít nhất mỗi năm một lần phải kiểm tra về mặt kĩ thuật các công trình do các nhân viên trên thi công và lập báo cáo bao gồm cả công tác kế toán các công trình.

Nhân viên biệt phái chỉ được đề nghị nâng bậc với thời gian làm việc tối thiểu gấp đôi so với thời gian quy định đối với nhân viên cùng ngạch, hạng làm việc tại Sở Công chính. Nhân viên biệt phái tiếp tục đóng tiền khấu trừ lương như nhân viên của Chính quyền Bảo hộ vào ngân khố.

Được Toàn quyền cho phép và theo đề nghị của Giám đốc Sở, nhân viên Sở Công chính có thể nghỉ phép 1 năm không hưởng lương tới làm việc cho một công ti công nghiệp tư nhân ở Trung Kì và Bắc Kì, với điều kiện các nhân viên này không phải là nhà thầu của Sở Công chính hay nhà cung cấp của bất kì hãng nào thuộc Sở Công chính. Trong thời gian nghỉ phép, các nhân viên này tiếp tục đóng tiền vào quỹ hưu trí. Thời gian nghỉ phép không được kéo dài và nhân viên nào không trở lại tiếp tục công việc trước đó trong thời hạn 1 năm sẽ bị coi là từ chức.

Phần XII. Điều kiện chung để được vào làm tại Sở Công chính và các điều kiện nâng bậc

Điều kiện chung để được tuyển dụng làm việc tại Sở Công chính: quốc tịch Pháp (hoặc đã nhập quốc tịch Pháp), có đầy đủ các quyền

dân sự và chính trị, đối với nhân viên ngạch công chức địa phương không quá 35 tuổi.

Các đề nghị nâng bậc và khen thưởng do Giám đốc Sở tiến hành, theo kết luận của Công sứ hoặc Phó Công sứ đối với nhân viên được giao phụ trách các công trình cấp tỉnh và theo kết luận của Công sứ - Đốc lí đối với nhân viên biệt phái tới các Hội đồng Thành phố. Toàn quyền quyết định về các đề nghị trên.

Phần XIII. Trợ cấp - Đi lại - Nghỉ phép - Hưu trí

Nhân viên Sở Công chính được hưởng chế độ lộ phí, trợ cấp lưu trú, đi lại và du lịch ở nước ngoài như quy định tại bảng xếp hạng đính kèm Sắc lệnh ngày 12 tháng 12 năm 1889 và sửa đổi bằng Sắc lệnh ngày 15 tháng 3 năm 1894.

Đối với những đối tượng không được quy định trong các Sắc lệnh trên và đặc biệt đối với thanh tra chính bộ phận xây dựng dân dụng, tham tá chính, giám sát viên chính và đối với nhân sự bộ phận khai thác đường sắt theo phê chuẩn của Sở sẽ được sắp xếp theo cách sau:

Hạng 2: Thanh tra khai thác, thanh tra chính bộ phận xây dựng dân dụng;

Hạng 3: Tham tá chính, giám sát viên chính, trưởng ga, trưởng kho, thợ cơ khí, thợ nguội;

Hạng 4: Trưởng trạm, trưởng tàu.

Nhân viên Sở Công chính đang hưởng công tác phí hoặc trợ cấp đi đường sẽ không được hưởng bất kì trợ cấp đi lại, lộ phí hoặc lưu trú nào ở thuộc địa nhưng có quyền được hoàn trả chi phí đi lại thực tế. Giám đốc Sở, kĩ sư và kiến trúc sư trưởng đơn vị chỉ có quyền hưởng công tác phí quy định. Ngoài ra, theo đề nghị của Giám đốc Sở, công tác phí hoặc trợ cấp đi đường của một số nhân viên Sở Công chính thuộc thẩm quyền quyết định của Toàn quyền, đặc biệt là các nhân viên được giao điều hành và giám sát công trình. Công tác phí hoặc trợ cấp đi đường sẽ được cấp từng năm và được quy định tại một nghị định khác. Các phí hoặc trợ cấp trên sẽ được gia hạn trong năm tiếp theo bằng nghị định đặc biệt. Viên chức Sở Công chính được nghỉ theo quy định như đối với viên chức của các sở khác thuộc Chính quyền Bảo hộ. Viên chức của chính quốc làm việc tại Sở Công

chính được coi như đang làm việc biệt phái và tiếp tục nộp tiền trợ cấp dân sự vào ngân khố theo quy định.

Phần XIV. Các hình thức kỉ luật

Các hình thức kỉ luật gồm: khiển trách và cảnh cáo; treo chức với thời hạn không quá 3 tháng; giáng hạng và loại; cách chức đối với nhân viên thuộc địa và chuyển sang cho Bộ trưởng xử lí đối với nhân viên ngạch công chức chính quốc.

Các hình thức kỉ luật do Giám đốc Sở đề nghị đối với tất cả các nhân viên; do Công sứ và Phó Công sứ đối với các nhân viên phụ trách các công trình cấp tỉnh và do các Công sứ - Đốc lí đề nghị đối với nhân viên biệt phái làm việc tại các Hội đồng Thành phố. Đối với nhân viên biệt phái, các đề nghị kỉ luật phải trình Giám đốc Sở thông qua. Toàn quyền quyết định hình thức kỉ luật.

Hình thức cách chức hoặc chuyển sang cho Bộ trưởng Bộ Công chính xử lí chỉ được quyết định sau khi có kết luận của hội đồng điều tra với thành phần gồm: một nhân viên ngạch cao hơn, một nhân viên cùng ngạch và một nhân viên cùng ngạch thuộc nhân sự các Toà Công sứ, Khâm sứ. Kết luận của Hội đồng được trình Giám đốc Sở. Giám đốc Sở, sau khi xem xét sẽ đưa ra các đề nghị thích hợp.

85. Décret du 14 mars 1896 du Président de la République française portant création d'une Direction du Contrôle financier en Indochine.

Sắc lệnh ngày 14 tháng 3 năm 1896 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Nha Kiểm tra tài chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1023, JOIF 1896, tr.255)

Sắc lệnh gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Nha Kiểm tra tài chính được thành lập tại Phủ Toàn quyền Đông Dương dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền. Giám đốc Nha được bổ nhiệm bằng sắc lệnh theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát hoạt động tài chính gồm cả hoạt động của các giám đốc ngân khố và theo dõi công tác kế toán chi theo dự toán và công tác kế toán của các chánh chủ trì.

Giám đốc là người xem xét các dự thảo nghị định hoặc quyết định liên quan đến thu chi tài chính ở Đông Dương trước khi trình Toàn quyền Đông Dương kí duyệt.

86. Décret du 15 septembre 1896 du Président de la République française sur l'organisation de la Justice française au Tonkin.

Sắc lệnh ngày 15 tháng 9 năm 1896 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức Toà án Pháp tại Bắc Kì.

(Nguồn: J 1025, JOIF 1896, tr.920-922)

Nghị định gồm 34 điều với các nội dung chính sau:

Tại Bắc Kì có 1 Toà án Thượng thẩm ở Hà Nội, 2 Toà án Sơ thẩm ở Hà Nội và Hải Phòng, các toà án cấp tỉnh và 2 Toà Đại hình ở Hà Nội và Hải Phòng.

Toà Thượng thẩm ở Hà Nội có 1 chánh án, 3 cố vấn, 1 chưởng lí, 1 tham lí và 2 tuỳ viên công tố.

Mỗi Toà Sơ thẩm có 1 chánh án, 1 phó thẩm phán, 1 thẩm phán dự khuyết, 1 biện lí.

Phạm vi xét xử của Toà Sơ thẩm và Toà Đại hình ở Hà Nội gồm các tỉnh: Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Hoá, Chợ Bờ, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hưng Yên, Phủ Lý, Đạo Quan binh 3 và 4.

Phạm vi xét xử của Toà Sơ thẩm và Toà Đại hình ở Hải Phòng gồm các tỉnh: Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Yên, hai Đạo Quan binh 1 và 2.

Các toà án Hà Nội và Hải Phòng có thẩm quyền xét xử tất cả các vụ án dân sự và thương mại tại các khu nhượng địa Pháp.

Đối với các tỉnh (trừ Hà Nội và Hải Phòng), Công sứ hoặc Phó Công sứ có thẩm quyền xét xử các vụ án cá nhân, về bất động sản và thương mại có giá trị lên đến 150 phơ-răng.

87. Arrêté du 30 avril 1897 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Tonkin une Direction de l'Agriculture.

Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một Sở Canh nông tại Bắc Kì.

(Nguồn: J 1029, JOIF 1897, tr.398)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Sở Canh nông Bắc Kì được thành lập với mục đích nghiên cứu các biện pháp phát triển nông nghiệp xứ Bảo hộ; đưa các giống cây trồng mới vào canh tác và nghiên cứu để cải tiến quy trình nông nghiệp đang áp dụng tại Bắc Kì. Sở phải lập thống kê về nông nghiệp ở Bắc Kì. Giám đốc Sở báo cáo hoạt động lên Phó Toàn quyền và Thống sứ Bắc Kì.

88. Arrêté du 4 mai 1897 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une Chambre consultative mixte de Commerce et d'Agriculture en Annam.

Nghị định ngày 04 tháng 5 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông ở Trung Kì.

(Nguồn: J 1029, JOIF 1897, tr.399)

Nghị định gồm 9 điều quy định, một Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông được thành lập tại khu vực Trung Kì với 6 ủy viên người Pháp và 1 ủy viên người bản xứ. Việc bầu cử uỷ viên được tổ chức tại Đà Nẵng. Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông góp ý về tất cả các vấn đề vì lợi ích thương mại và trình Khâm sứ Trung Kì các thỉnh nguyện thuộc thẩm quyền.

89. Arrêté du 29 mai 1897 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant les circonscriptions dont se compose le 2[e] territoire militaire et créant un nouveau cercle de Bao Lac.

Nghị định ngày 29 tháng 5 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương xác định các khu vực hợp thành Đạo Quan binh 2 và lập Tiểu quân khu mới Bảo Lạc.

(Nguồn: J 1029, JOIF 1897, tr.462)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Từ ngày 01 tháng 6 năm 1897, Đạo Quan binh 2 gồm:

- Tiểu quân khu Bắc Cạn;

- Tiểu quân khu Cao Bằng, trừ phủ Thượng Yên;

- Tiểu quân khu Bảo Lạc mới gồm phủ Thượng Yên: tổng Đông Quang; tổng Nam Quang; tổng Yên Phú; tổng Yên Minh.

Đạo lị Đạo Quan binh 2 vẫn đặt tại Cao Bằng.

Nhân sự của Tiểu quân khu Bảo Lạc gồm có:

- Tiểu đoàn trưởng - Chỉ huy trưởng;
- Sĩ quan thông tin giữ chức Chưởng ấn;
- 2 trung sĩ - thư kí.

Nhân sự của Tiểu quân khu Bảo Lạc hưởng trợ cấp như sau:

- Chỉ huy tiểu quân khu: 2000 phơ-răng/năm;
- Sĩ quan thông tin: 750 phơ-răng/năm;
- 2 trung sĩ - thư kí: 547 phơ-răng 5/năm.

90. Décret du 8 juin 1897 du Président de la République française portant suppression du Secrétariat général du Gouvernement général de l'Indochine et rétablissement de l'emploi du Résident supérieur au Tonkin.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 6 năm 1897 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc xoá bỏ chức Phó Toàn quyền Đông Dương và lập lại chức vụ Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 1029, JOIF 1897, tr.663)

Theo Sắc lệnh này, chức Phó Toàn quyền Đông Dương lập theo Sắc lệnh 25 tháng 02 năm 1895 được xoá bỏ và chức Thống sứ Bắc Kì được tái lập. Quyền hạn của Thống sứ Bắc Kì được quy định tại điều 4 Sắc lệnh ngày 09 tháng 5 năm 1889.

91. Décret du 3 juillet 1897 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 03 tháng 7 năm 1897 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.

(Nguồn: J 1029, JOIF 1897, tr.691-692)

Sắc lệnh gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Tối cao Đông Dương gồm Toàn quyền Đông Dương làm chủ tịch và các thành viên: Tổng Tư lệnh quân đội, Chuẩn Đô đốc, Tổng Tư lệnh Sư đoàn hải quân Viễn Đông, Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì, Khâm sứ Trung Kì, Khâm sứ Cao Miên, đại diện Chính quyền Lào, Giám đốc Nha Kiểm tra tài chính Đông Dương, Chưởng lí, Chủ tịch Hội đồng Thuộc địa Nam Kì, Chủ tịch các Phòng Thương mại Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng, Chủ tịch các Phòng Canh nông Nam Kì và Bắc Kì, chủ tịch các Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì và Cao Miên. Chánh Văn phòng Toàn quyền giữ chức vụ thư kí Hội đồng và có quyền biểu quyết.

Hội đồng Tối cao cho ý kiến về tất cả các vấn đề như khai thác thuộc địa, tài chính, thuế quan, công chính, quản lí hành chính liên quan đến Đông Dương và trình Toàn quyền Đông Dương thông qua.

92. Décret du 6 octobre 1897 du Président de la République française portant organisation du Service des Douanes et Régies de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 06 tháng 10 năm 1897 của Tổng thống Cộng hoà Pháp tổ chức Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1029, JOIF 1897, tr.868-870)

Sắc lệnh gồm 4 phần, 31 điều:

Phần I.

Cơ cấu tổ chức của Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương

Nha Thuế quan và Độc quyền ở Nam Kì và các xứ Bảo hộ Bắc Kì, Trung Kì, Cao Miên chịu sự chỉ đạo của Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương thuộc Pháp. Giám đốc Nha được bổ nhiệm bằng một sắc lệnh theo sự tiến cử của Toàn quyền Đông Dương.

Nhân viên người Âu ngạch thường trú của Nha do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo quy định tại Sắc lệnh ngày 21 tháng 4 năm

1891. Nhân sự người Âu được chia thành 2 nhánh hoạt động: công tác thường trú và công tác lưu động.

Phần II gồm 13 điều, quy định việc tuyển dụng nhân viên người Âu.

Phần III gồm 5 điều quy định về các hình thức kỉ luật đối với viên chức của Nha Thuế quan và Độc quyền.

93. Arrêté du 15 décembre 1897 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Directeur des Douanes et Régies de l'Indochine.

Nghị định ngày 15 tháng 12 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương quy định thẩm quyền của Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1029, JOIF 1897, tr. 975-976)

Nghị định gồm 15 điều với các nội dung chính sau:

Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền chỉ đạo và giám sát mọi hoạt động liên quan đến công tác thuế quan và độc quyền tại các xứ ở Đông Dương. Ngoài ra, Giám đốc Nha có quyền thực hiện các chức trách sau:

- Phân bổ nhân sự cho các văn phòng và các trạm được thành lập theo quyết định của Toàn quyền Đông Dương; phân công công việc và đề nghị nâng bậc, khen thưởng cho nhân viên cũng như ra một số quyết định khác về nhân sự.

- Huỷ và sửa đổi những văn bản trái luật, sắc lệnh và quy định của cấp dưới, trừ những biên bản vi phạm quy định thuế quan và thuế gián thu; tiếp nhận và trình Toàn quyền Đông Dương tất cả các thông tin để phát triển thương mại của Đông Dương.

- Trao đổi trực tiếp với cơ quan thương mại, cơ quan hành chính và xem xét các vấn đề về biểu thuế để trình Toàn quyền Đông Dương.

- Lập và trình Toàn quyền Đông Dương dự toán ngân sách của Sở; gửi bảng kê chi tiết các khoản thu và báo cáo quyết toán chi hàng năm.

Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương gồm 4 Ban Thanh tra

thuế quan ở Nam Kì, Bắc Kì, Trung Kì và Cao Miên. Đứng đầu mỗi đơn vị là một thanh tra do Toàn quyền Đông Dương chỉ định. Người đứng đầu Ban Thanh tra thuế Nam Kì và Bắc Kì có chức danh là phó giám đốc (sous directeur). Các phó giám đốc liên hệ trực tiếp với Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.

Mỗi ban thanh tra được chia thành các tiểu ban do một viên thanh tra hoặc kiểm soát viên chính phụ trách.

Nhân viên thu thuế chính ở Sài Gòn và Hải Phòng tập trung các hoạt động tài chính ở Nam Kì và Bắc Kì. Nhân viên thu thuế phụ ở Đà Nẵng và Phnômpênh tập trung các hoạt động tài chính ở Trung Kì và Cao Miên.

Nhân viên coi kho quản lí các xưởng thuốc phiện ở Sài Gòn, Hải Phòng và kiêm kế toán vật phẩm.

94. Arrêté du 31 janvier 1898 du Gouverneur général de l'Indochine portant séparation de la province et de la ville de Haiphong.

Nghị định ngày 31 tháng 01 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách riêng tỉnh Hải Phòng và thành phố Hải Phòng.

(Nguồn: J 1034, JOIF 1898, tr.130)

Nghị định gồm 3 điều, theo đó, từ ngày 01 tháng 02 năm 1898, tỉnh Hải Phòng và thành phố Hải Phòng được tách thành 2 đơn vị độc lập. Thành phố Hải Phòng nằm trong địa phận khu nhượng địa Pháp theo Dụ ngày 03 tháng 10 năm 1888. Tỉnh Hải Phòng gồm toàn bộ phần còn lại. Tỉnh lị tỉnh Hải Phòng là Phủ Liễn.

95. Arrêté du 4 mars 1898 du Gouverneur général de l'Indochine instituant au Gouvernement général une Direction de l'Agriculture et du Commerce.

Nghị định ngày 04 tháng 3 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tại Phủ Toàn quyền Đông Dương Nha Canh nông và Thương mại.

(Nguồn: J 1034, JOIF 1898, tr.262)

Theo Nghị định, Giám đốc Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương chịu trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề về nông nghiệp, thương mại và khai thác thuộc địa. Giám đốc đảm nhiệm việc phát triển khai thác thuộc địa, đưa các cây trồng mới, cải tiến và mở rộng các cây trồng đã có.

Giám đốc tập hợp tài liệu và thông tin liên quan đến nông nghiệp, thương mại và lập báo cáo thống kê về tình hình kinh tế Đông Dương.

96. Arrêté du 31 mars 1898 du Gouverneur général de l'Indochine instituant dans chaque province du Tonkin une commission consultative de notables indigènes.

Nghị định ngày 31 tháng 3 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tại mỗi tỉnh Bắc Kì một Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ.

(Nguồn: J 1034, JOIF 1898, tr.318)

Nghị định gồm 7 điều với nội dung chính như sau:

Số lượng kì hào do Công sứ tỉnh lựa chọn làm thành viên Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ được quy định như sau: huyện có 7 tổng trở xuống chọn 1 kì hào; huyện có trên 7 tổng chọn 2 kì hào.

Uỷ ban Tư vấn kì hào cho ý kiến về việc chuẩn bị ngân sách tỉnh, đề xuất việc thi công các công trình công cộng và những vấn đề khác liên quan đến tỉnh.

97. Arrêté du 10 mai 1898 du Gouverneur général de l'Indochine portant création une Direction de l'Agriculture en Annam.

Nghị định ngày 10 tháng 5 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Sở Canh nông Trung Kì.

(Nguồn: J 1034, JOIF 1898, tr. 417-418)

Nghị định gồm 5 điều với nội dung chính: Sở Canh nông Trung Kì có nhiệm vụ nghiên cứu các biện pháp phát triển xứ Bảo hộ, đưa các loại cây trồng mới vào nghiên cứu, hoàn thiện các quy trình trồng trọt đang thực hiện. Sở Canh nông lập báo cáo thống kê và tập hợp thông tin liên quan đến nông nghiệp ở Trung Kì.

98. Décret du 8 août 1898 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 8 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.

(Nguồn: J 1034, JOIF 1898, tr.726)

Sắc lệnh gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Điều 1 của Sắc lệnh ngày 03 tháng 7 năm 1897 được sửa đổi như sau:

Thành phần Hội đồng Tối cao Đông Dương gồm Toàn quyền Đông Dương làm chủ tịch và các thành viên: Tổng Tư lệnh quân đội; Tổng Tư lệnh sư đoàn hải quân Viễn Đông, Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì, Khâm sứ Trung Kì, Khâm sứ Cao Miên, đại diện chính quyền Lào, Giám đốc Nha Kiểm tra Tài chính, Giám đốc Tư pháp Đông Dương; Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương; Giám đốc Nha Thương mại và Kĩ nghệ Đông Dương; Chủ tịch Hội đồng Thuộc địa Nam Kì; Chủ tịch Phòng Thương mại Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng; Chủ tịch Phòng Canh nông Nam Kì và Bắc Kì; Chủ tịch Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì và Cao Miên, 2 kì hào bản xứ, Chánh Văn phòng Toàn quyền Đông Dương làm thư kí có quyền biểu quyết.

Ban Thường trực Hội đồng Tối cao được thành lập do Toàn quyền Đông Dương làm chủ tịch. Thành phần và nhiệm vụ của Ban Thường trực Hội đồng Tối cao được quy định tại điều 3 và 4 của Sắc lệnh.

99. Décret du 8 août 1898 du Président de la République française portant organisation du service de la Justice en Indochine.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 8 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp tổ chức cơ quan tư pháp ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1034, JOIF 1898, tr.747)

Sắc lệnh gồm 12 điều với nội dung chính như sau:

Toà Thượng thẩm ở Hà Nội thành lập theo Sắc lệnh ngày 13 tháng 01 năm 1894 bị xoá bỏ.

Toà Thượng thẩm có thẩm quyền xét xử trên toàn lãnh thổ thuộc địa

và các xứ Bảo hộ ở Đông Dương thuộc Pháp được thành lập gồm 3 phòng: phòng 1 và 2 có trụ sở Sài Gòn, phòng 3 có trụ sở ở Hà Nội.

100. Décret du 8 août 1898 du Président de la République française réorganisant le Conseil du Protectorat du Tonkin.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 8 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì.

(Nguồn: J 1034, JOIF 1898, tr.746)

Sắc lệnh gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Bảo hộ được thành lập để giúp việc cho Thống sứ Bắc Kì. Thành phần của Hội đồng Bảo hộ gồm Thống sứ làm Chủ tịch và các thành viên: tướng hoặc Tư lệnh tối cao quân đội đồn trú ở Bắc Kì; Tư lệnh Hải quân; Chánh Sở hành chính; Giám đốc Tư pháp; đại diện Nha Kiểm tra Tài chính; đại biểu Phòng Thương mại Hà Nội, Phòng Thương mại Hải Phòng và Phòng Canh nông Bắc Kì; 2 kì hào bản xứ; Chánh Văn phòng Thống sứ Bắc Kì làm thư kí.

Tổng Thanh tra thuộc địa đang làm nhiệm vụ có quyền tham dự các phiên họp của Hội đồng Bảo hộ hoặc cử đại diện tham dự.

Trưởng các đơn vị khác có thể được mời tham vấn về các công việc liên quan đến thẩm quyền.

Hội đồng Bảo hộ họp tại Hà Nội theo triệu tập của Thống sứ Bắc Kì.

Hội đồng thảo luận về dự thảo ngân sách Bắc Kì và cho ý kiến về:

- Lập và điều chỉnh các loại thuế, sửa đổi các loại thuế cũ liên quan đến ngân sách;

- Nhượng quyền về độc quyền, công chính, trợ cấp cho cá nhân và công ti cũng như nhượng đất công;

- Dự án về công chính thi công theo ngân sách xứ Bảo hộ.

101. Décret du 30 décembre 1898 du Président de la République française portant organisation du Service des Douanes et Régies de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1036, JOIF 1899, tr.137-139)

Sắc lệnh gồm 4 phần, 34 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Tổ chức Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương

Nha Thuế quan và Độc quyền Nam Kì và các xứ Bảo hộ (Bắc Kì, Trung Kì và Cao Miên) chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.

Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương do Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm bằng Sắc lệnh theo giới thiệu của Toàn quyền Đông Dương. Nhân viên người Âu ngạch công chức thường xuyên của Nha do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm.

Hạng, ngạch và mức lương nhân viên của Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương được phân bổ như sau:

Hạng và ngạch		Lương (phơ-răng)		Phụ cấp
		Châu Âu	Thuộc địa	
Giám đốc		15.000	30.000	5.000
Ngạch công chức chính				
Công tác thường trú	Thanh tra hạng 1	8.000	16.000	2.000
	Thanh tra hạng 2	7.500	15.000	1.200
	Thanh tra hạng 3	6.500	13.000	1.200
	Thanh tra hạng 4	6.000	12.000	1.200
	Nhân viên thu thuế chính	5.500	11.000	1.200
	Kiểm soát viên chính hạng 1	5.500	11.000	1.200
	Kiểm soát viên chính hạng 2	5.000	10.000	1.200
	Thủ kho chính khu chế biến thuốc phiện	4.500	9.000	1.000 - 1.500
	Nhân viên thu thuế phụ	4.500	9.000	1.000
	Kiểm soát viên hạng 1	4.500	9.000	
	Kiểm soát viên hạng 2	4.000	8.000	
	Kiểm soát viên hạng 3	3.500	7.000	
	Tham tá chính hạng 1	4.000	8.000	
	Tham tá chính hạng 2	3.500	7.000	
	Kiểm soát viên tập sự	3.000	6.000	
	Tham tá hạng 1	3.000	6.000	
	Tham tá hạng 2	2.500	5.000	
	Tham tá hạng 3	2.000	4.000	
	Tham tá hạng 4	1.750	3.500	

Hạng và ngạch		Lương (phơ-răng)		Phụ cấp
		Châu Âu	Thuộc địa	
Công tác lưu động	Đội trưởng	3.000	6.000	
	Đội	2.500	5.000	
	Cai	2.250	4.500	
	Nhân viên thừa hành hạng 1	2.000	4.000	
	Nhân viên thừa hành hạng 2	1.800	3.600	
	Nhân viên thừa hành hạng 3	1.650	3.300	
Ngạch công chức phụ				
Công tác thường trú	Tham tá phụ hạng 1	1.500	3.000	
	Tham tá phụ hạng 2	1.200	2.400	
Công tác lưu động	Nhân viên thừa hành phụ hạng 1	1.500	3.000	
	Nhân viên thừa hành phụ hạng 2	1.200	2.400	
	Giám sát viên	1.200	2.400	

Phần II quy định về việc tuyển dụng nhân viên người Âu

Nhân viên được phân bổ theo ngạch công chức chính và ngạch công chức phụ.

Khung công chức thường trực gồm nhân viên biệt phái từ các cơ quan thuế quan và thuế gián thu của chính quốc và nhân viên được tuyển dụng tại Đông Dương công tác thường trú hoặc lưu động.

Ngạch công chức phụ gồm các nhân viên phụ địa phương được tuyển dụng tại chỗ.

Ngoài ra còn có một số chức danh làm việc thời vụ do Giám đốc tuyển dụng.

Nhân viên thuộc ngạch công chức phụ được tuyển dụng trong số:

+ Nhân viên thời vụ có năng lực;

+ Cựu binh đã có tối thiểu 3 năm phục vụ tại Pháp và thuộc địa. Các cựu binh bậc hạ sĩ quan lục quân hoặc hải quân hoặc tương

đương có thể được bổ dụng vào chức danh tham tá hạng 1 hoặc nhân viên thừa hành phụ.

Nhân viên thuộc ngạch công chức chính được tuyển trong số:

+ Cựu binh bậc hạ sĩ quan có tối thiểu 5 năm quân dịch đáp ứng điều kiện quy định trong Sắc lệnh ngày 28 tháng 01 năm 1892 liên quan đến việc bố trí việc làm cho cựu binh lính;

+ Ứng cử viên có bằng đại học;

+ Các nhân viên thuộc ngạch công phụ được đề nghị nâng bậc.

Điều kiện tuyển dụng đối với từng chức danh được quy định chi tiết trong các điều khoản của phần II của Nghị định này.

Phần III quy định về hình thức kỉ luật đối với nhân viên Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.

Các hình thức kỉ luật gồm có: khiển trách, khiển trách ghi vào hồ sơ, treo chức, giáng cấp, cách chức.

102. Décret du 20 janvier 1899 du Président de la République française portant création d'une Direction des Affaires civiles au Gouvernement général de l'Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1899 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thành lập Ban Chỉ đạo công việc dân sự tại Phủ Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1036, JOIF 1899, tr.257-258)

Theo Sắc lệnh này, một Ban Chỉ đạo các công viêc dân sự được thành lập tại Phủ Toàn quyền Đông Dương, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương. Giám đốc Ban chỉ đạo là thành viên của Hội đồng Tối cao Đông Dương.

103. Arrêté du 13 février 1899 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions des Services généraux et des Services locaux.

Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của các sở trung ương và sở địa phương.

(Nguồn: J 1036, JOIF 1899, tr.192-193)

Nghị định gồm 3 phần, 15 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Các quy định chung

Các sở, ngành trung ương của Phủ Toàn quyền Đông Dương thuộc quyền quản lí trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương gồm các cơ quan sau:

- *Văn phòng Toàn quyền Đông Dương;*
- *Ban Chỉ đạo quân sự;*
- *Ban Chỉ đạo hàng hải;*
- *Ban Chỉ đạo tư pháp;*
- *Ban Chỉ đạo dân sự;*
- *Nha Kiểm tra tài chính;*
- *Nha Canh nông và Thương mại;*
- *Nha Công chính;*
- *Nha Thuế quan và Độc quyền;*
- *Nha Bưu điện.*

Các sở địa phương của Đông Dương trực thuộc Thống đốc Nam Kì ở Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì ở Bắc Kì, Khâm sứ Trung Kì ở Trung Kì, Khâm sứ Lào ở Lào và Khâm sứ Cao Miên ở Cao Miên.

Các sở địa phương gồm:

- *Cơ quan quản lí hành chính tổng hợp;*
- *Các sở phụ trách thu thuế trực thu;*
- *Sở Ngân khố;*
- *Sở Canh nông địa phương;*
- *Sở Học chính;*
- *Cơ quan tư pháp bản xứ;*
- *Sở Cảnh sát;*
- *Sở Y tế;*
- *Sở phụ trách nhà tù;*
- *Sở Địa chính và các sở khác dùng ngân sách địa phương.*

Phần II *gồm 6 điều quy định thẩm quyền của các Thống đốc, Thống sứ và Khâm sứ các kì.*

Phần III *gồm 7 điều quy định hoạt động của các sở ngành trung ương.*

Các Giám đốc sở ngành trung ương trực thuộc Toàn quyền Đông Dương và thực thi quyền hạn quy định tại các sắc lệnh và nghị định về tổ chức và hoạt động của sở. Các Giám đốc trao đổi với nhau và trao đổi với Thống đốc, Thống sứ và Khâm sứ các kì để giải quyết các vấn đề liên quan.

Điều 11, 12, 13 quy định quyền hạn và nhiệm vụ của các Chánh Sở trong công việc như thu thuế, báo cáo thu chi ngân sách...

104. Arrêté du 1er mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant création en Cochinchine une Direction de l'Agriculture.

Nghị định ngày 01 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương về thành lập Sở Canh nông Nam Kì.

(Nguồn: J 1036, JOIF 1899, tr.282-283)

Nghị định gồm 6 điều với nội dung chính như sau:

Sở Canh nông Nam Kì có nhiệm vụ nghiên cứu các biện pháp phát triển xứ Bảo hộ, đưa các loại cây trồng mới vào Nam Kì và nghiên cứu hoàn thiện quy trình trồng trọt đang áp dụng ở Nam Kì. Sở Canh nông lập báo cáo thống kê và tập hợp thông tin liên quan đến nông nghiệp Nam Kì.

105. Arrêté du 1er mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation et attributions de la Direction de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine.

Nghị định ngày 01 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức và quyền hạn của Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương.

(Nguồn: J 1037, JOIF 1899, tr.187)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương gồm 3 phòng: phòng 1 phụ trách nông nghiệp, phòng 2 phụ trách thương mại và phòng 3 phụ trách thống kê. Nhiệm vụ và quyền hạn của từng phòng được quy định chi tiết trong Điều 1 của Nghị định.

Nha Địa chất Đông Dương thuộc sự quản lí và chỉ đạo của Giám đốc Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương.

106. Arrêté du 2 mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation et attributions du cabinet du Gouverneur général de l'Indochine.

Nghị định ngày 02 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1037, JOIF 1899, tr.193-194)

Nghị định gồm 5 điều với nội dung chính sau:

Văn phòng Toàn quyền Đông Dương gồm 4 phòng: Phòng Chính trị, Phòng Quân sự, Phòng Hành chính, Phòng Nhân sự và Phòng Thư kí. Chức năng nhiệm vụ của từng phòng được quy định chi tiết trong Điều 1 của Nghị định.

107. Arrêté du 10 mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Directeur des Affaires civiles de l'Indochine.

Nghị định ngày 10 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc dân sự Đông Dương.

(Nguồn: J 1036, JOIF 1899, tr.338)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc dân sự Đông Dương chịu trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề về quản lí Hành chính tổng hợp thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương.

Các cơ quan dùng ngân sách chung Đông Dương trực thuộc Ban Chỉ đạo các công việc dân sự về mặt hành chính. Các công việc về trước bạ, tài sản và tem thuộc quyền quản lí của Giám đốc Ban.

Thừa lệnh Toàn quyền Đông Dương, Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc dân sự Đông Dương chịu trách nhiệm ra các quyết định chi ngân sách chung Đông Dương.

Ban chỉ đạo các công việc dân sự gồm: Văn phòng; phòng 1 phụ trách các công việc về hành chính và phòng 2 phụ trách công tác kế toán.

108. Décret du 25 mars 1899 du Président de la République française portant création à Tourane d'une justice de paix à compétence étendue.

Sắc lệnh ngày 25 tháng 3 năm 1899 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Toà Hoà giải rộng quyền ở Đà Nẵng.

(Nguồn: J 1036, JOIF 1899, tr.332)

Sắc lệnh gồm 9 điều với nội dung chính sau:

Toà Hoà giải rộng Đà Nẵng có thẩm quyền xét xử các vụ án xảy ra trong phạm vi thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

Các điều khoản trong Sắc lệnh ngày 15 tháng 9 năm 1896 liên quan đến Toà Sơ thẩm tại Bắc Kì được áp dụng đối với Toà án Đà Nẵng với nội dung không trái với Sắc lệnh này.

109. Décret du 1er juillet 1899 du Président de la République française instituant un Service de Trésorerie en Annam.

Sắc lệnh ngày 01 tháng 7 năm 1899 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thành lập Sở Ngân khố Trung Kì.

(Nguồn: J 1037, JOIF 1899, tr.502)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau: Sở Ngân khố Trung Kì được thành lập độc lập với Sở Ngân khố Bắc Kì, đứng đầu là Giám đốc Sở chịu trách nhiệm thu ngân sách, chỉ đạo các hoạt động ngân khố theo các quy định đối với Giám đốc Sở Ngân khố địa phương.

110. Arrêté du 5 juillet 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant création du Service Géographique de l'Indochine.

Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Địa lí Đông Dương.

(Nguồn: J 1037, JOIF 1899, tr.478-479)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Nha Địa lí Đông Dương được thành lập trực thuộc Bộ Tham mưu dưới quyền chỉ đạo của Tổng Tư lệnh. Nha Địa lí Đông Dương chịu trách nhiệm về:

- Công tác thiên văn và đạc đồ phục vụ lập bản đồ;

- Lập bản đồ chính thức;

- Sửa chữa các bản đồ tạm;

- Nghiên cứu về đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ lớn liên quan đến các công sở của Đông Dương;

- Biên soạn, xuất bản bản đồ và các công việc của Sở.

Nha Địa lí Đông Dương gồm 3 bộ phận: bộ phận phụ trách về thiên văn và trắc địa; bộ phận phụ trách đo vẽ địa hình và bộ phận phụ trách bản đồ. Nha còn có các xưởng sao chụp trực thuộc bộ phận bản đồ.

111. Arrêté du 13 septembre 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant création un emploi de Chef du Service de l'Enregistrement, des Hypothèques, des Domaines et du Timbre de l'Indochine.

Nghị định ngày 13 tháng 9 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương lập chức Giám đốc Nha Trước bạ, Cầm cố, Tài sản và Tem Đông Dương.

(Nguồn: J 1037, JOIF 1899, tr.667)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Chức Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Thuế trực thu Nam Kì bị xoá bỏ.

Chức Giám đốc Nha Trước bạ, Cầm cố, Tài sản và Tem Đông Dương được lập tại Ban Chỉ đạo các công việc dân sự. Giám đốc Nha chịu trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề liên quan đến trước bạ, tài sản và tem; đảm bảo thực hiện các quy định liên quan đến lĩnh vực quản lí; giám sát việc thu thuế.

Giám đốc thực hiện việc kiểm tra các phòng trước bạ và tài sản trên toàn Đông Dương về việc bảo quản tài sản cầm cố và kho tem.

112. Arrêté du 29 décembre 1899 du Gouverneur général de l'Indochine créant la province de Vinh Yen.

Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tỉnh Vĩnh Yên.

(Nguồn: J 1041, JOIF 1900, tr.28)

Theo Nghị định, tỉnh Vĩnh Yên được thành lập gồm các huyện Bạch Hạc, Yên Lạc, Yên Lãng, Lập Thạch, Tam Dương và Bình Xuyên.

Thống sứ Bắc Kì ra Nghị định quy định về tổ chức chính quyền Pháp và bản xứ cho tỉnh Vĩnh Yên mới thành lập đồng thời ấn định quân số của lực lượng cảnh sát giao cho Công sứ Vĩnh Yên.

113. Arrêté du 24 février 1900 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture du Tonkin.

Nghị định ngày 24 tháng 02 năm 1900 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Phòng Canh nông Bắc Kì.

(Nguồn: J 1041, JOIF 1900, tr.218-219)

Nghị định gồm 4 phần, 29 điều với các nội dung chính sau:

***Phần I** quy định thành phần Phòng Canh nông Bắc Kì. Theo đó, Phòng Canh nông gồm 10 thành viên người Pháp, 2 thành viên bản xứ.*

***Phần II** quy định chi tiết về việc bầu cử Phòng Canh nông Bắc Kì.*

***Phần III** quy định hoạt động của Phòng Canh nông.*

***Phần IV** gồm một số điều quy định tạm thời liên quan đến Phòng Canh nông Bắc Kì.*

114. Arrêté du 8 juin 1900 du Gouverneur général de l'Indochine portant création un Service forestier dépendant du Gouvernement général et rattaché à la Direction de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine.

Nghị định ngày 08 tháng 6 năm 1900 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một Ban Lâm nghiệp thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương và sáp nhập vào Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương.

(Nguồn: J 1041, JOIF 1900, tr.584-585)

Nghị định gồm 19 điều với các nội dung chính sau:

Đứng đầu Ban Lâm nghiệp Đông Dương là một Thanh tra - Trưởng ban. Phó thanh tra làm trưởng các khu ở các kì.

Viên chức của Ban Lâm nghiệp bao gồm: thanh tra, phó thanh tra, lính gác các hạng, Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương.

Thanh tra Lâm nghiệp được lựa chọn trong số các thanh tra, phó thanh tra của Nha Lâm nghiệp chính quốc và trong số các phó thanh tra - Trưởng các khu lâm nghiệp các địa phương.

Phó thanh tra - Trưởng khu được lựa chọn trong số các phó thanh tra ở chính quốc và trong số các lính kiểm lâm chính.

Các chức danh khác cũng được quy định chi tiết trong Nghị định này.

Ngoài ra, một Hội đồng Quản trị Nha Lâm nghiệp Đông Dương cũng được thành lập do Thanh tra làm Chủ tịch, một phó thanh tra và 1 lính kiểm lâm chính làm uỷ viên.

115. Arrêté du 16 juin 1900 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Conseil du Protectorat près du Résident supérieur en Annam.

Nghị định ngày 16 tháng 6 năm 1900 thành lập Hội đồng Bảo hộ bên cạnh Khâm sứ Trung Kì.

(Nguồn: J 1041, JOIF 1900, tr.618)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Bảo hộ Trung Kì do Khâm sứ Trung Kì làm Chủ tịch và các ủy viên gồm Giám đốc Sở Công chính Trung Kì, Tư lệnh tối cao quân đội ở Huế, Thanh tra Nha Thuế quan, đại diện Giám đốc Nha Kiểm tra tài chính Đông Dương ở Trung Kì, đại điện Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì, hai thành viên Viện Cơ mật, Chánh Văn phòng Khâm sứ làm thư kí. Hội đồng có chức năng chính là góp ý về việc:

- Lập và điều chỉnh các loại thuế;

- Nhượng quyền về độc quyền, công chính, trợ cấp cho cá nhân và công ti cũng như nhượng đất công;

- Dự án về công chính thi công theo ngân sách xứ Bảo hộ.

116. Arrêté du 26 septembre 1900 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Tonkin un Service spécial de géomètres rattaché, sous le titre "section du cadastre", à la direction local de l'Agriculture.

Nghị định ngày 26 tháng 9 năm 1900 của Toàn quyền Đông Dương lập Phòng Địa chính sáp nhập vào Sở Canh nông địa phương.

(Nguồn: J 1041, JOIF 1900, tr.961-962)

Nghị định gồm 7 điều với nội dung chính sau:

Phòng Địa chính có nhiệm vụ lập bản đồ địa chính, xác định mốc giới theo yêu cầu của chính quyền hoặc cá nhân khi có tranh chấp.

117. Décret du 7 février 1901 du Président de la République française portant organisation de la Direction de l'Agriculture, des Forêts et du Commerce instituée au Gouvernement général de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 07 tháng 02 năm 1901 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức Nha Nông, Lâm và Thương mại thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1043, JOIF 1901, tr.478)

Sắc lệnh gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Theo Sắc lệnh, Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương chịu trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề về nông nghiệp, lâm nghiệp, thương mại và đồn điền, tập trung vào các việc:

- Phát triển khai khẩn, đưa các loại cây trồng mới vào Đông Dương, cải tạo và mở rộng các giống cây trồng cũ, quy hoạch và bảo tồn rừng.

- Phối hợp thực hiện các thí nghiệm và thử nghiệm tại Đông Dương và tập hợp kết quả lại.

- Tập hợp tài liệu, thông tin, biểu mẫu liên quan đến nông nghiệp và thương mại đồng thời lập báo cáo thống kê về tình hình kinh tế Đông Dương.

Giám đốc Nha được bổ nhiệm bằng sắc lệnh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

118. Décret du 7 février 1901 du Président de la République française portant organisation en Indochine d'un Service Forestier dépendant de la Direction de l'Agriculture, des Forêts et du Commerce de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 07 tháng 02 năm 1901 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức Sở Lâm nghiệp trực thuộc Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương.

(Nguồn: J 1043, JOIF 1901, tr.489-491)

Sắc lệnh gồm 19 điều với nội dung chính sau:

Ban Lâm nghiệp được thành lập trực thuộc Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương do một thanh tra chỉ đạo, dưới quyền của Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương. Đứng đầu các khu lâm nghiệp là các phó thanh tra.

Viên chức Ban Lâm nghiệp do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương.

Thanh tra - Trưởng ban Lâm nghiệp được lựa chọn trong số các thanh tra, phó thanh tra Lâm nghiệp chính quốc và trong số các phó thanh tra - trưởng khu lâm nghiệp địa phương.

Phó thanh tra - Trưởng khu được lựa chọn trong số các phó thanh tra ở chính quốc và trong số lính kiểm lâm chính làm uỷ viên.

Các chức danh khác cũng được quy định chi tiết trong Nghị định này.

Ngoài ra, một Hội đồng Quản trị Ban Lâm nghiệp cũng được thành lập do Thanh tra - Trưởng ban làm chủ tịch, một phó thanh tra và một lính kiểm lâm chính.

Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức, hoạt động của Ban Lâm nghiệp và xác định ranh giới các khu cũng như phân bổ nhân sự.

119. Arrêté du 20 août 1901 du Gouverneur général de l'Indochine créant un centre administratif à Lac Quan, province de Nam Dinh.

Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Lạc Quần, tỉnh Nam Định.

(Nguồn: J 1043, JOIF 1901, tr.922)

Theo Nghị định, một trung tâm hành chính được thành lập tại Lạc Quần, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Một viên chức được chỉ định làm đại lí tạm thời ở Quất Lâm.

120. Arrêté n° 30 du 6 octobre 1901 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province de Phu Lo.

Nghị định số 30 ngày 06 tháng 10 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập tỉnh Phù Lỗ.

(Nguồn: RST - 83162, tờ số 2)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

- Thành lập tỉnh Phù Lỗ có tỉnh lị tại làng Phù Lỗ.

- Tỉnh Phù Lỗ gồm phủ Đa Phúc, huyện Kim Anh, huyện Yên Lãng và một phần huyện Đông Khê.

Tỉnh quản lí người Pháp và người bản xứ trong phạm vi kinh phí đăng kí trong ngân sách địa phương theo quyết định của Thống sứ Bắc Kì. Thống sứ cũng là người ấn định thành phần và quân số của lực lượng cảnh sát phục vụ Công sứ Phù Lỗ.

121. Arrêté du 13 novembre 1901 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation d'un Service Vétérinaire et des Epizooties en Indochine.

Nghị định ngày 13 tháng 11 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức Nha Thú y và Dịch động vật ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1043, JOIF 1901, tr.1222-1223)

Nghị định gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Thành lập tại mỗi xứ thuộc Đông Dương một Sở Thú y và Dịch động vật dưới quyền quản lí của Thống đốc, Thống sứ, Khâm sứ hoặc Tư lệnh Đạo Quan binh và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn của một bác sĩ thú y - thanh tra công tác dịch động vật và các sở thú thuộc Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương.

Bác sĩ thú y - thanh tra về dịch động vật chịu trách nhiệm giám sát tình trạng sức khoẻ của đàn gia súc, áp dụng các biện pháp phòng chống bệnh dịch và nghiên cứu phương pháp nhằm bảo tồn và cải thiện giống vật nuôi.

Trong trường hợp một hay nhiều ổ dịch xuất hiện tại Đông Dương, Giám đốc Nha có thể tăng cường nhân lực từ địa phương cũng như từ xứ khác.

Đội ngũ viên chức của Nha bao gồm: bác sĩ thú y dân sự chính ngạch, bác sĩ thú y dân sự tập sự, bác sĩ thú y quân sự ngoại ngạch, và thú y sĩ - nhân viên tiêm chủng người bản xứ,

Bác sĩ thú y dân sự được tuyển dụng phải tốt nghiệp Trường Thú y quốc gia của Pháp. Viên chức dân sự do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm.

Bác sĩ thú y quân sự phục vụ tại Đông Dương có thể được cử hỗ trợ Nha Thú y và Dịch động vật.

122. Arrêté du 14 novembre 1901 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service des Postes et des Télégraphes de l'Indochine.

Nghị định ngày 14 tháng 11 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương.

(Nguồn: J 1043, JOIF 1901, tr.1226-1227)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 1901, công tác bưu điện và điện báo ở Nam Kì, Bắc Kì, Trung Kì, Lào và Cao Miên do Tổng Giám đốc Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương chỉ đạo.

Tổng Giám đốc Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương chỉ đạo và giám sát các hoạt động liên quan đến công tác này trên toàn Đông Dương.

Việc quản lí công tác bưu điện và điện báo ở Đông Dương được chia thành 5 khu vực: Nam Kì, Bắc Kì, Trung Kì, Lào và Cao Miên. Đứng đầu mỗi khu vực là một Trưởng khu do Toàn quyền Đông Dương chỉ định theo đề xuất của Tổng Giám đốc. Mỗi Trưởng khu có một nhân viên phụ tá là kế toán - chủ sự bưu điện.

123. Arrêté du 14 novembre 1901 du Gouverneur général de l'Indochine réglementant l'organisation, les attributions et le fonctionnement des Chambres de Commerce de l'Indochine.

Nghị định ngày 14 tháng 11 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức, quyền hạn và hoạt động của các Phòng Thương mại ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1043, JOIF 1901, tr.1238-1242)

Nghị định gồm 3 phần, 48 điều:

Phần I. Quy định chung liên quan đến các Phòng Thương mại Đông Dương

Phòng Thương mại Đông Dương là cơ quan hoạt động về thương mại và kĩ nghệ trong từng khu vực. Phòng Thương mại được thành lập theo nghị đinh của Toàn quyền.

Phòng Thương mại có quyền hạn:

- Góp ý và cung cấp cho Toàn quyền Đông Dương các thông tin về thương mại và công nghiệp cũng như những thay đổi về luật thương mại, quy định của Phòng Thương mại, lập các toà án thương mại và ngân hàng...

- Nhận xét về tình hình thương mại, công nghiệp và các biện pháp phát triển ngành này.

- Đảm bảo thực hiện công việc quản lí các sở liên quan.

***Phần II** gồm 16 điều quy định hoạt động của các Phòng Thương mại.*

Số lượng thành viên người Pháp và người bản xứ hay châu Á của các Phòng Thương mại được quy định trong nghị định thành lập. Số thành viên ít nhất là 10 người và nhiều nhất là 20 người.

Phòng Thương mại bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư kí, thủ quỹ trong số các thành viên.

***Phần III** gồm 23 điều, quy định về việc thành lập các Phòng Thương mại trong đó quy định chi tiết về việc bầu cử thành viên Phòng Thương mại.*

124. Arrêté du 28 février 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation des Services locaux d'agriculture de l'Indochine.

Nghị định ngày 28 tháng 02 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức các sở canh nông cấp kì ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1044, JOIF 1902, tr.254-256)

Nghị định gồm 24 điều với các nội dung chính sau:

Các Sở Canh nông cấp kì thuộc quyền quản lí hành chính của người đứng đầu các kì và chịu sự chỉ đạo của Giám đốc Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương về mặt kĩ thuật như cải tạo và mở rộng trồng trọt, đưa các loại cây trồng mới vào canh tác, phát triển nông nghiệp...

Nhân sự người Âu do Toàn quyền Đông Dương quy định gồm các chức danh: Giám đốc canh nông hạng 1, 2; thanh tra canh nông, phó thanh tra, nhân viên canh tác chính, nhân viên canh tác hạng 1, 2, 3, nhân viên canh tác phụ; giám đốc phòng thí nghiệm, kĩ sư hoá học, nhân viên chuẩn bị hoá chất; thợ làm vườn, thợ làm vườn phụ.

Việc tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức được quy định chi tiết trong các điều từ 9 đến 16.

125. Arrêté du 25 avril 1902 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant la composition du Conseil supérieur d'Hygiène et de Salubrité du Tonkin.

Nghị định ngày 25 tháng 4 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương thay đổi trong thành phần Hội đồng Cấp cao Vệ sinh dịch tễ Bắc Kì.

(Nguồn: J 1044, JOIF 1902, tr.385)

Theo Nghị định, Hội đồng do Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc dân sự làm Chủ tịch và Thống sứ Bắc Kì là Phó Chủ tịch.

126. Arrêté du 1er juin 1902 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Comité d'Hygiène en Cochinchine, au Tonkin, en Annam et au Cambodge.

Nghị định ngày 01 tháng 6 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Vệ sinh ở Nam Kì, Bắc Kì, Trung Kì và Cao Miên.

(Nguồn: J 1044, JOIF 1902, tr.482-483)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Theo Sắc lệnh ngày 31 tháng 3 năm 1897, Uỷ ban Vệ sinh được thành lập tại Nam Kì, Bắc Kì, Trung Kì và Cao Miên. Uỷ ban chịu trách nhiệm về vệ sinh công cộng, vệ sinh của các khu dân cư, cơ quan, vệ sinh chung, phòng dịch. Hội đồng có thể tham vấn người đứng đầu chính quyền địa phương về các vấn đề: vệ sinh các địa phương và khu dân cư, biện pháp phòng chống dịch bệnh, truyền nhiễm, dịch động vật, bệnh vật nuôi, tuyên truyền tiêm chủng, tổ chức và phân phối cứu trợ y tế cho bệnh nhân nghèo, dịch tễ trường học, bệnh viện, doanh trại, nhà tù..., chất lượng thực phẩm, đồ uống và dược phẩm lưu thông trên thị trường...

Uỷ ban Vệ sinh thu thập các tài liệu liên quan tới tỉ lệ tử vong và nguyên nhân, đo vẽ địa hình và thống kê toàn quốc những vấn đề liên quan đến vệ sinh công cộng. Những tài liệu trên được trình lên người đứng đầu chính quyền địa phương. Uỷ ban vệ sinh cùng với

người đứng đầu cơ quan hành chính địa phương giám sát hoạt động của Ban Vệ sinh tại các thành phố.

Thành phần của Uỷ ban Vệ sinh như sau:

- Ở Nam Kì: Chủ tịch là Giám đốc Sở Y tế và các thành viên: Sĩ quan cấp cao quân đội thuộc địa, quan cai trị dân sự, viên chức Nha Thuế quan và Độc quyền, Giám đốc Viện Pasteur, đại diện Phòng Thương mại Sài Gòn, Phòng Canh nông, bác sĩ địa phương, bác sĩ thú y thuộc lực lượng Pháo binh, bác sĩ và dược sĩ dân sự hoặc quân sự.

- Ở Bắc Kì: Chủ tịch là Giám đốc Sở Y tế và các thành viên: Sĩ quan cấp cao quân đội thuộc địa, quan cai trị dân sự, viên chức Nha Thuế quan và Độc quyền, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y khoa, Trưởng phòng Xét nghiệm Vi trùng học, đại diện Phòng Thương mại Hà Nội, Hải Phòng, đại diện Phòng Canh Nông, bác sĩ ngoại trú ở Hà Nội, bác sĩ, dược sĩ và bác sĩ thú y dân sự hoặc quân sự.

- Trung Kì: Chủ tịch là viên chức Sở Y tế và các thành viên: Sĩ quan quân đội thuộc địa, quan cai trị dân sự, viên chức Nha Thuế quan và Độc quyền, đại diện Phòng Thương mại - Canh nông, bác sĩ tiêm chủng, dược sĩ và bác sĩ thú y dân sự hoặc quân sự.

- Ở Cao Miên: Chủ tịch: Bác sĩ trưởng bệnh viện, các thành viên: sĩ quan quân đội thuộc địa, quan cai trị dân sự, viên chức Nha Thuế quan và Độc quyền, đại diện Phòng Thương mại - Canh Nông, bác sĩ tiêm chủng, dược sĩ và bác sĩ thú y dân sự hoặc quân sự.

Người đứng đầu chính quyền địa phương có thể cho thành lập Uỷ ban Vệ sinh ở các thành phố hoặc trung tâm quan trọng của thuộc địa, theo đề nghị của cấp chính quyền thành phố liên quan. Điều 134 của Sắc lệnh 31 tháng 3 năm 1897 quy định, Uỷ ban Vệ sinh có quyền giải quyết các vấn đề vệ sinh dịch tễ trong khu hành chính thuộc quyền quản lí, không liên quan đến kiểm soát hàng hải. Thành phần của Uỷ ban Vệ sinh như sau: Chủ tịch là Đốc lí hoặc viên chức phụ trách hành chính đô thị, các thành viên: Chỉ huy quân đội hoặc sĩ quan được chỉ định, đại diện Hội đồng Thành phố hoặc Uỷ ban Thành phố, bác sĩ thành phố, hai bác sĩ và một dược sĩ dân sự hoặc quân sự, người đứng đầu cơ quan phụ trách đường sá thành phố.

Các ban, Uỷ ban Vệ sinh họp ít nhất ba tháng một lần theo triệu tập của chính quyền.

127. Arrêté du 16 septembre 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant fondation en Indochine d'un Observatoir central magnétique et météorologique.

Nghị định ngày 16 tháng 9 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Đài Khí tượng từ tính trung ương ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1045, JOIF 1902, tr.879)

Nghị định gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Đài Khí tượng từ tính trung ương được thành lập ở Đông Dương, do Toàn quyền Đông Dương trực tiếp chỉ đạo và chịu sự quản lí về hành chính của Ban Phụ trách các công việc dân sự.

Đài Khí tượng từ tính trung ương thành lập nhằm phục vụ các công trình khoa học liên quan đến hiện tượng khí quyển, từ tính trái đất, địa chấn... Đài tập trung, nghiên cứu tài liệu do các trạm thuộc mạng lưới khí tượng Đông Dương cung cấp hàng ngày và thông tin do các đài quan sát nước ngoài thu thập xác định vùng áp thấp khí quyển, các cơn bão để cảnh báo tới các nhà hàng hải v.v...

Nhân sự người châu Âu của Đài Khí tượng từ tính trung ương gồm: 1 giám đốc do Toàn quyền bổ nhiệm, các nhân viên khí tượng hạng 1, 2 và 3, phụ tá nhân viên khí tượng hạng 1, 2 và 3, một chủ sự kế toán biệt phái từ các sở dân sự.

Trợ tá nhân viên khí tượng được tuyển dụng:

- Từ chính quốc trong số các thanh niên làm việc tại các đài khí tượng của Nhà nước.

- Ở thuộc địa, trong số trung uý, thiếu uý hải quân, thiếu uý, trung uý quân đội tốt nghiệp các trường đặc biệt, tuổi không quá 30.

- Trong số nhân viên hành chính thuộc địa có bằng tú tài khoa học, tuổi không quá 25. Những nhân viên này do lãnh đạo cơ quan giới thiệu và chỉ được nhận vào ngạch công chức sau 3 năm làm việc tại Đài Khí tượng trung ương, qua kì sát hạch đặc biệt về thực hành và lí thuyết.

Nhân viên khí tượng hạng 3 được chọn:

- Trong số trợ tá nhân viên khí tượng hạng 1 có 5 năm làm việc tại Đài Khí tượng trung ương và đỗ kì sát hạch kĩ thuật đặc biệt.

- Trong số trợ tá nhân viên khí tượng của các đài khí tượng chính quốc, có bằng cử nhân khoa học vật lí hoặc toán học.

Các hình thức kỉ luật đối với nhân viên Đài Khí tượng trung ương như sau: khiển trách ghi vào hồ sơ, treo chức, cắt lương trong thời gian tối đa 6 tháng, giáng cấp, cách chức. Hình thức khiển trách ghi vào hồ sơ và treo chức do Toàn quyền quyết định theo đề nghị của Giám đốc Đài Khí tượng trung ương. Hình thức treo chức, cắt lương được tuyên dựa trên kết luận của Hội đồng Điều tra.

Lương và thứ hạng nhân viên của trạm được quy định theo bảng đính kèm Nghị định này. Chế độ hưu trí của nhân viên của Đài tuân theo quy định trong Sắc lệnh 05 tháng 5 năm 1898 về việc thành lập quỹ hưu trí địa phương ở Đông Dương. Việc nâng bậc chỉ được tiến hành sau ít nhất hai năm làm việc ở hạng thấp hơn.

Viên chức Nha Canh Nông và Thương mại có thể được bổ nhiệm làm nhân viên khí tượng hạng 3 và trợ tá nhân viên khí tượng làm việc tại trạm khí tượng nếu đủ năng lực.

128. Arrêté du 7 novembre 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation et fixant les attributions du cabinet du Gouverneur général de l'Indochine.

Nghị định ngày 07 tháng 11 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1044, JOIF 1902, tr.1079)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Phủ Toàn quyền được quy định như sau:

- Văn phòng phụ trách: Công văn đến và đi, nhận và gửi điện tín mã hoá, ngân phiếu do giám đốc các sở trình lên Toàn quyền xét duyệt, công việc chuyên biệt, khen thưởng, thông tin với báo chí...

- Phòng Chính trị phụ trách: Nghiên cứu và áp dụng các hiệp

ước, công ước quốc tế liên quan đến Đông Dương, thực thi công ước về việc kéo dài tuyến đường sắt Đông Dương ra lãnh thổ nước ngoài, bưu điện, trường học và bệnh viện ở nước ngoài do Đông Dương bảo trợ, quan hệ với nước ngoài về biên giới, nhập cư của người châu Á ở Đông Dương, phân tích báo chí nước ngoài và dịch thuật, phái bộ ở nước ngoài.

- Phòng Quân sự phụ trách: Ngân phiếu do Tư lệnh tối cao các đơn vị quân đội Đông Dương trình Toàn quyền, ngân phiếu các công việc xử lí cùng với Đô đốc Tư lệnh quân đội Viễn Đông hoặc do các Tư lệnh Hải quân tại Đông Dương trình lên Toàn quyền, ngân phiếu các công việc hành chính do giám đốc các cơ quan hành chính quân sự trình Toàn quyền, y tế thuộc địa, tình báo quân đội và hải quân nước ngoài, phái bộ quân sự, tài liệu bản đồ.

- Phòng Thư kí phụ trách: Đề nghị tổ chức các cuộc họp, đề nghị cứu trợ, lễ tân, phân tích báo chí Pháp và nước ngoài, sắp xếp nhật báo và ấn phẩm định kì.

- Phòng Lưu trữ: Tập hợp tài liệu lưu trữ của Văn phòng Phủ Toàn quyền và Hội đồng Tối cao.

Văn phòng Phủ Toàn quyền chịu sự chỉ đạo của Chánh Văn phòng. Chánh Văn phòng là thư kí Hội đồng Tối cao Đông Dương và Uỷ ban Thường trực.

Nhân sự Văn phòng gồm viên chức thuộc các cơ quan hành chính tổng hợp hoặc địa phương Đông Dương hoặc viên chức biệt phái từ các cơ quan hành chính chính quốc hoặc người nước ngoài làm việc trong các cơ quan hành chính ở thuộc địa. Khi được biệt phái tới Văn phòng Phủ Toàn quyền, viên chức các cơ quan Đông Dương vẫn thuộc quân số của cơ quan chủ quản và hưởng lương theo đúng ngạch bậc. Nếu ở ngoài ngạch công chức, các viên chức trên sẽ hưởng lương chiết khấu trên ngân sách chung Đông Dương chi cho Văn phòng và giữ nguyên quyền lợi về nâng bậc. Người nước ngoài làm việc trong cơ quan hành chính trực thuộc Văn phòng có thể trở thành nhân sự trong các cơ quan của Đông Dương theo các quy định về tuyển dụng nhân sự.

129. Arrêté du 7 novembre 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Secrétariat général de l'Indochine.

Nghị định ngày 07 tháng 11 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức của Văn phòng Phó Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1045, JOIF 1902, tr.1080)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Phó Toàn quyền Đông Dương được quy định như sau:

- Ban Tài chính: Phụ trách ngân sách chung Đông Dương, các thừa uỷ quyền và đề nghị mở tín dụng, phân bổ các quỹ hàng tháng, quỹ tạm ứng, kế toán và tập trung ngân sách lãnh địa Quảng Châu Loan, đệ trình tài khoản của các đạo quan binh, các khoản vay.

- Ban Hành chính: Hành chính tổng hợp, công việc bản xứ, tôn giáo, kiểm soát chung, nhân sự (lương, thưởng, lương hưu...), vận tải, lính khố xanh, cơ quan khoa học, Nha Trước bạ, Tài Sản và Tem, các tranh chấp.

- Ban Thư kí: Đăng kí công điện và chuyển đến các cơ quan, giám sát nhân sự, ban bố và công bố đạo luật, sắc lệnh và nghị định, công báo, tập san và niên giám.

130. Arrêté du 1er mars 1903 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant la localité de Dien Bien Phu (province de Van Bu-Tonkin) en centre administratif.

Nghị định ngày 01 tháng 3 năm 1903 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng Phủ Điện Biên (tỉnh Vạn Bú - Bắc Kì) thành trung tâm hành chính.

(Nguồn: J 1046, JOIF 1903, tr.306)

Theo Nghị định, Phủ Điện Biên (tỉnh Vạn Bú) được nâng cấp thành trung tâm hành chính. Trưởng trung tâm hành chính Phủ Điện Biên hưởng 2.500 phơ-răng tiền trợ cấp mỗi năm.

131. Arrêté du 20 janvier 1904 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une Direction générale de la Santé au Gouvernement général de l'Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo y tế thuộc Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.120)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Ban Chỉ đạo y tế được thành lập tại Phủ Toàn quyền Đông Dương phụ trách:

- Các cơ quan an toàn vệ sinh bên trong và bên ngoài biên giới đường biển, đất liền; cơ quan dịch tễ; cơ quan vệ sinh và vệ sinh công cộng;

- Bộ phận y tế phục vụ đội ngũ nhân viên các cơ quan dân sự tại nhà và có thể phục vụ các bệnh nhân khác;

- Chỉ đạo và kiểm soát về mặt khoa học đối với các phòng thí nghiệm nghiên cứu vi khuẩn và hoá học;

- Thanh tra các trường y bản xứ;

- Kiểm soát bệnh viện, nhà thương điên, phòng chữa bệnh, trại phong và các cơ sở y tế khác với đội ngũ bác sĩ trực thuộc chính quyền dân sự.

Ban Chỉ đạo y tế do Giám đốc Nha Y tế Đông Dương điều hành dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền.

Giám đốc Nha Y tế tiếp nhận chỉ thị của Bộ Thuộc địa từ Toàn quyền liên quan đến hoạt động và công việc của các đơn vị được liệt kê tại điều 1; soạn thảo công văn trao đổi và hướng dẫn có liên quan; soạn thảo các nghị định và quy định sau đó trình Toàn quyền thông qua; nghiên cứu và xử lí mọi vấn đề liên quan đến các đơn vị đã nêu; tập trung thông tin về tình hình vệ sinh và y tế công cộng; lập dự toán chi để đăng kí vào ngân sách chung Đông Dương cho các cơ sở y tế thuộc quyền quản lí của Giám đốc cũng như làm đơn xin cung cấp dụng cụ, trang thiết bị y tế v.v...

Giúp việc cho Giám đốc là giám đốc các cơ quan y tế địa phương đặt dưới quyền chỉ đạo của Thống đốc, Khâm sứ và Thống sứ các kì.

Giám đốc các cơ quan y tế thực hiện chức trách theo hướng dẫn về mặt kĩ thuật của Giám đốc Nha Y tế; cung cấp mọi diễn biến, tình hình và báo cáo khi Giám đốc yêu cầu.

Giám đốc Nha Y tế được tham vấn về những vấn đề như: dự toán ngân sách được đăng kí vào ngân sách cấp kì, cấp tỉnh; hoạt động của các cơ sở y tế; đơn xin trang bị dụng cụ, máy móc và nhân sự của giám đốc các cơ quan y tế địa phương; thi công các công trình và thực thi các quyết định nhằm đảm bảo vệ sinh công cộng.

132. Arrêté du 3 février 1904 du Gouverneur général de l'Indochine rattachant le Service Géologique de l'Indochine à l'administration des Travaux publics.

Nghị định ngày 03 tháng 02 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Nha Địa chất Đông Dương vào cơ quan công chính.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.198)

Theo Nghị định, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1904 Nha Địa chính Đông Dương được sáp nhập vào Nha Công chính và chịu sự chỉ đạo của Giám đốc Nha Công chính.

133. Arrêté du 11 février 1904 du Gouverneur général relatif au fonctionnement du service de Santé de l'Indochine.

Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến hoạt động của cơ quan y tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.217-220)

Nghị định gồm 20 điều với các nội dung chính sau:

Theo Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1903 của Tổng thống Cộng hoà Pháp, cơ quan y tế quân đội thuộc địa gồm:

- Nha Y tế Đông Dương, có trụ sở tại Hà Nội, thuộc quyền quản lí của Tư lệnh tối cao quân đội thuộc địa trong các công việc quân

sự chuyên biệt và thuộc chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền liên quan đến quyền hạn khác;

- Hai Sở Y tế địa phương phụ trách Trung - Bắc Kì và Nam Kì.

Đứng đầu Nha Y tế Đông Dương là bác sĩ - thanh tra với chức danh Giám đốc Nha Y tế Đông Dương, đảm nhiệm chức vụ thanh tra thường trực tại thuộc địa. Đứng đầu Sở địa phương là các bác sĩ chính hạng 1 với chức danh Phó Giám đốc Nha Y tế Đông Dương phụ trách Trung - Bắc Kì và Nam Kì. Trong giới hạn thẩm quyền, các Phó Giám đốc đảm nhiệm các chức năng được quy định tại Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1903 đối với các Giám đốc Sở Y tế của một xứ thuộc địa.

Nha Y tế Đông Dương và các Sở Y tế Trung - Bắc Kì và Sở Y tế Nam Kì có:

A) Một ban trung tâm - đặt tại trụ sở của Sở;

B) Các bệnh viện và các đơn vị phụ trợ; các cơ sở vệ sinh y tế có tầm quan trọng thấp hơn thuộc quân sự hoặc dân sự (tuỳ từng trường hợp).

Ban trung tâm

Ban có nhiệm vụ tập trung mọi thông tin cần thiết cho Giám đốc Nha Y tế Đông Dương và giám đốc các Sở Y tế địa phương để thực hiện công việc đối với các đơn vị và cơ sở, báo cáo tình hình, cung cấp cho chính quyền trung ương và giám sát quản lí hàng cung ứng.

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương có quyền điều hành tối cao đối với các cơ sở y tế và các bộ phận. Giám đốc trình Toàn quyền và Tư lệnh tối cao quân đội thuộc địa các đề xuất cần thiết đối với hoạt động của Nha. Giám đốc chịu sự chỉ đạo của Toàn quyền trong việc quản lí các bộ phận và cơ sở hạng 2 và hạng 3 quy định tại điều 1, Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1903 và chịu sự chỉ đạo của Tư lệnh tối cao khi liên quan đến các đơn vị và cơ sở quân sự.

Giám đốc lập thống kê y tế của các binh đoàn, các cơ quan quân sự gửi lên Bộ Chiến tranh và Thuộc địa thông qua Tư lệnh tối cao; lập các bảng kê chi tiết, tổng hợp tình hình và báo cáo do sĩ quan cấp dưới gửi lên. Thông qua Toàn quyền, Giám đốc gửi tới Bộ Chiến tranh và Thuộc địa báo cáo tổng hợp hàng tháng và báo cáo thường

niên theo quy định tại Thông tư Bộ ngày 10 tháng 3 năm 1897 (phụ đính). Bảo sao tài liệu trên được gửi tới Tư lệnh tối cao, nếu cần kèm theo đánh giá của Giám đốc Nha Y tế.

Giám đốc Nha báo cáo Bộ trưởng Bộ Chiến tranh và Thuộc địa theo các quy định, thông qua Tư lệnh tối cao về hoạt động và nhân sự quân sự, thông qua Toàn quyền về các vấn đề liên quan đến hoạt động của các cơ sở y tế dân sự.

Liên quan đến quân y, Giám đốc Nha Y tế Đông Dương thông tin trực tiếp với các tướng Tư lệnh tối cao và người phụ trách các Sở Y tế địa phương; người phụ trách các Sở Y tế địa phương thông tin trực tiếp với tướng tư lệnh các lữ đoàn, tư lệnh đạo quan binh, giám đốc các sở ngành trung ương.

Liên quan đến hoạt động của các cơ sở y tếdân sự, Giám đốc Nha Y tế Đông Dương thông tin trực tiếp với Toàn quyền, Thống đốc, Thống sứ, Khâm sứ và Giám đốc các sở ngành trung ương; người phụ trách các Sở Y tế địa phương thông tin trực tiếp với Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì và Khâm sứ Trung Kì, giám đốc các sở địa phương, bác sĩ trưởng khoa bệnh viện, bác sĩ trung đoàn thông qua các binh đoàn trưởng. Binh đoàn trưởng cung cấp trực tiếp thông tin chuyên môn theo yêu cầu của Giám đốc Sở Y tế địa phương.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ, của Toàn quyền và của Tư lệnh tối cao, Giám đốc Nha Y tế Đông Dương ban hành hướng dẫn cần thiết để công việc được tiến hành thuận lợi. Công văn hướng dẫn được gửi tới Giám đốc Sở Y tế Nam Kì thông qua tướng Tư lệnh binh đoàn số 3, trừ các quy định thuần túy về kĩ thuật, giấy tờ, báo cáo, tài liệu định kì. Công văn được gửi trực tiếp đến Giám đốc Sở Y tế Trung - Bắc Kì.

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương chuẩn bị dự thảo ngân sách, đề nghị phân bổ kinh phí giữa các chi khu và các cơ quan khác nhau lên Toàn quyền thông qua Tư lệnh tối cao.

Giám đốc quản lí hoạt động chung của Nha Y tế Đông Dương (phân bổ kinh phí giữa các Sở Y tế địa phương, các cơ quan, giám sát việc sử dụng kinh phí). Người phụ trách các sở y tế địa phương quản lí trong giới hạn kinh phí được cấp và thực thi các chỉ đạo của Giám

đốc Nha Y tế Đông Dương; kiểm tra, quyết định và chuyển lên Giám đốc Nha Y tế Đông Dương các quyết toán do các sĩ quan quản lí gửi tới, sau khi đã được bác sĩ trưởng hoặc dược sĩ trưởng xác nhận; người phụ trách các sở y tế địa phương kiểm tra và chuyển các quyết toán bằng tiền; các quyết toán này được Giám đốc Nha Y tế Đông Dương chuyển tới Sở Cảnh sát.

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương đề nghị về nhân sự và thiết bị đối với từng phân khu.

Người phụ trách các Sở Y tế địa phương trình chỉ huy các đơn vị phê chuẩn đề nghị chỉ định sĩ quan quân y thuộc các đơn vị quân đội thuộc địa, sĩ quan hành chính của Sở Y tế và nhân sự y tá thuộc thẩm quyền. Những đề nghị này được trình Giám đốc Nha Y tế Đông Dương thông qua. Thừa ủy quyền của Giám đốc Nha Y tế Đông Dương, Giám đốc Sở Y tế Nam Kì có thể chuyển đề nghị về nhân sự trực tiếp lên tướng Tư lệnh sư đoàn Nam Kì.

Các thuyên chuyển nhân sự trong và giữa các sở y tế hạng 1 và hạng 2 quy định tại điều 1 của Sắc lệnh này tại thuộc địa được trình lên theo cùng thể thức. Nhân sự ngoài các ngạch công chức do Toàn quyền quyết định bổ dụng và thuyên chuyển theo đề nghị của Nha Y tế Đông Dương và ý kiến chấp thuận của Tướng Tư lệnh tối cao.

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương có quyền quyết định kỉ luật đối với toàn nhân viên của Nha. Giám đốc tiếp nhận các báo cáo khoa học, các công trình khác nhau do các sĩ quan quân y, viên chức quản lí y tế đề nghị công bố. Giám đốc chuyển các báo cáo trên kèm theo ý kiến cá nhân tới giám đốc tập san Vệ sinh và Y khoa thuộc địa *hoặc tới Bộ Chiến tranh thông qua Toàn quyền theo nguyện vọng của tác giả. Việc công bố các công trình liên quan đến các đánh giá thu thập tại thuộc địa phải trình Bộ trưởng Bộ Thuộc địa phê chuẩn.*

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương được tham vấn trong công việc chọn đặt vị trí và loại hình các doanh trại thường trực cần xây dựng. Các đánh giá của Giám đốc phải kèm theo biên bản trình lên Bộ hoặc Toàn quyền. Giám đốc trình Tư lệnh tối cao và Toàn quyền xem xét những đề xuất xây dựng, cải tạo hay sửa chữa lớn, sử dụng hoặc không sử dụng cần phải tiến hành tại các công trình của bệnh viện

và trung đoàn. Giám đốc cũng được tham vấn về tín dụng phân bổ theo nhu cầu hàng năm cho các cơ quan.

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương và các giám đốc sở y tế địa phương được giao giải quyết các trưng dụng do cơ quan hành chính và tư pháp gửi tới. Giám đốc Nha Y tế Đông Dương và các giám đốc Sở y tế địa phương có thể được triệu tập tham gia Hội đồng Chính phủ (Hội đồng Tối cao, Hội đồng Tư mật, Hội đồng Chính quyền Bảo hộ, Hội đồng Hành chính...) khi giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của các sở này.

Các cơ sở vệ sinh y tế

Thừa ủy quyền Giám đốc Nha Y tế Đông Dương, các Phó Giám đốc điều hành công việc được giao tại các đơn vị quân đội, cơ sở vệ sinh y tế, sư đoàn và bệnh viện theo quy định dưới đây. Tại các đơn vị quân đội và cơ sở vệ sinh y tế, Phó Giám đốc đánh giá nhận xét nhân sự về mặt kĩ thuật và chuyên môn. Phó Giám đốc tiếp nhận các thông tin liên quan đến tình hình vệ sinh y tế từ các bác sĩ trưởng bộ phận. Phó Giám đốc kiểm tra vệ sinh dịch tễ, thiết bị và hàng cung ứng của các cơ sở vệ sinh y tế tại các doanh trại; đánh giá trình độ kiến thức của các y tá sư đoàn và nhân viên khiêng cáng. Đối với tất cả hoạt động trên, Phó Giám đốc nhận chỉ thị từ Tư lệnh tối cao quân đội thuộc địa thông qua tướng Tư lệnh sư đoàn Nam Kì hoặc Giám đốc Nha Y tế Đông Dương tùy từng trường hợp; trưởng đơn vị hoặc trưởng các biệt đội sẽ được báo trước về các đợt kiểm tra của Phó Giám đốc theo trật tự cấp bậc.

Phó Giám đốc tiếp nhận các yêu cầu thiết bị và thuốc men do các bác sĩ trưởng bộ phận lập và có thể thay đổi nếu xét thấy cần thiết, Phó Giám đốc là người quyết định cuối cùng và ra lệnh bổ sung. Phó Giám đốc tiếp nhận, tập trung, sửa đổi và gửi các đề nghị thiết bị phục vụ y tế các sư đoàn lên Giám đốc Nha Y tế Đông Dương. Đối với Nam Kì, các đề nghị như trên được chuyển tới thông qua tướng Tư lệnh sư đoàn Nam Kì.

Phó Giám đốc giám sát hoạt động chăm sóc bệnh nhân; có thể trực tiếp đưa ra các lời khuyên cho các bác sĩ điều trị nếu xét thấy cần thiết.

Phó Giám đốc bao quát hoạt động của bệnh viện, điều hành, chỉ đạo và kiểm soát bệnh viện, sơ tán, xây dựng nguồn cung ứng và bảo quản. Phó Giám đốc đánh giá nhân sự của các bệnh viện, đề bạt theo đề nghị của cấp phụ trách cũng như bổ nhiệm, khen thưởng Bắc đẩu Bội tinh, chuyển toàn bộ các hồ sơ trên lên chính quyền cấp trên theo quy định.

Các kho cung ứng

Các kho cung ứng tại Hà Nội và Sài Gòn gồm:

1. Một kho cung ứng dược phẩm trung ương;

2. Một kho thiết bị trung ương.

Các kho được đặt dưới quyền của Giám đốc Nha Y tế Đông Dương, Phó Giám đốc Nam Kì phụ trách điều hành và giám sát các kho ở Sài Gòn. Các cơ sở này có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu y tế của các đơn vị quân đội đồn trú nội địa và đang tham gia chiến dịch, của các cơ quan thuộc địa và có thể là của các cơ quan địa phương và thành phố, ngoại trừ hoạt động cứu tế bản xứ và các công trình đồn trạm hoặc đi biển tại thuộc địa.

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương chịu trách nhiệm trực tiếp trước Toàn quyền về xây dựng, bảo quản và đổi hàng cung ứng cần thiết cho các đơn vị khác.

Công việc quản lí kho dược phẩm trung ương và các cơ quan phụ trợ ở Hà Nội cũng như ở Sài Gòn được giao cho dược sĩ có ngạch bậc cao nhất có mặt tại thuộc địa hoặc cho một dược sĩ cấp dưới với sự giám sát và thuộc quyền của dược sĩ có ngạch bậc cao nhất. Dược sĩ trưởng kho kiêm trưởng phòng thí nghiệm dược phẩm và hoá chất đặt tại thủ phủ, tiến hành hoặc cho tiến hành phân tích và chuẩn bị phục vụ hoạt động của bệnh viện cũng như theo yêu cầu từ các đơn vị khác chuyển tới thông qua Giám đốc Nha Y tế Đông Dương.

Quản lí kho thiết bị và các cơ quan phụ trợ ở Hà Nội cũng như ở Sài Gòn được giao cho nhân viên kế toán có ngạch bậc cao nhất hoặc cho nhân viên kế toán dưới quyền với sự giám sát của kế toán chính.

Sĩ quan hoặc nhân viên quản lí kho hàng cung ứng là trưởng kho chịu sự quản lí của Giám đốc Nha Y tế Đông Dương, tùy trường hợp đặt dưới quyền của dược sĩ trưởng hoặc kế toán chính.

Trưởng kho chịu trách nhiệm về dược phẩm và chất liệu được giao có biên lai. Trưởng kho đảm trách thực thi mệnh lệnh và gửi thiết bị, duy trì trật tự, kiểm soát và kỉ luật của cơ quan, là trung gian thứ bậc giữa nhân sự và Giám đốc Nha, phân bổ công việc cho nhân sự.

Dưới quyền của Giám đốc Nha Y tế Đông Dương, dược sĩ trưởng, nhân viên kế toán chính theo chức trách chịu trách nhiệm về hoạt động cung ứng. Dược sĩ trưởng, nhân viên kế toán chính lập đề nghị cung ứng và tái cung ứng để trình Giám đốc thông qua.

Việc tiếp nhận hàng gửi từ chính quốc và tiếp nhận giao hàng thực hiện theo giao kèo được tiến hành tại chỗ trước sự làm chứng của người quản lí và nhà cung cấp, nếu cần thiết là của một tiểu ban theo triệu tập của Giám đốc, với thành phần như sau: 1/ Bác sĩ trưởng bệnh viện cấp trung ương hoặc đại diện làm Chủ tịch; 2/ Các thành viên: một dược sĩ hoặc bác sĩ cấp dưới; một sĩ quan kế toán, nếu thiếu thay bằng một nhân viên kế toán hoặc một tham tá Sở Cảnh sát đang làm việc tại các bệnh viện.

Giám đốc Nha Y tế Đông Dương là người quyết định nhận hàng. Hàng giao cho các bệnh viện do Giám đốc quyết định. Việc nhượng hàng cho các cơ quan địa phương, Hội đồng Thành phố, cá nhân ở Bắc Kì phải trình Toàn quyền phê chuẩn, ở Nam Kì trình Thống đốc phê chuẩn.

Thiết bị huy động

Thiết bị huy động của Nha Y tế được quản lí theo quy định về kế toán như sau:

1. Tại các đơn vị quân đội do Hội đồng Quản trị các đơn vị quản lí;

2. Tại các bệnh viện thuộc địa cũng như các cơ quan phụ trợ sẽ do nhân viên kế toán của bệnh viện quản lí.

Theo chỉ đạo của tướng Tư lệnh tối cao, thiết bị huy động được xây dựng và sắp xếp thành kho đặc biệt. Thiết bị huy động được các bác sĩ tham mưu kiểm tra định kì ít nhất 3 tháng/lần tại các đơn vị viễn chinh trước sự làm chứng của đại diện Hội đồng Quản trị; tại các bệnh viện và cơ quan phụ trợ do bác sĩ trưởng kiểm tra có sự tham gia của dược sĩ và kế toán quản lí.

134. Arrêté du 10 mai 1904 du Gouverneur général de l'Indochine créant une administration provinciale indigène dans la province de Bac Kan.

Nghị định ngày 10 tháng 5 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập chính quyền bản xứ cấp tỉnh tại tỉnh Bắc Cạn.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.595)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung chính sau:

Chính quyền bản xứ cấp tỉnh được thành lập tại tỉnh Bắc Cạn với nhân sự bao gồm: 1 quản đạo và đội ngũ nhân viên văn phòng với thành phần do Thống sứ Bắc Kì quy định.

135. Décret du 20 mai 1904 du Président de la République française modifiant l'organisation du Conseil supérieur des colonies.

Sắc lệnh ngày 20 tháng 5 năm 1904 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi cơ cấu tổ chức Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.805-806)

Sắc lệnh gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Nhiệm kì của đại biểu Hội đồng Tối cao thuộc địa được quy định là 4 năm tính từ ngày Uỷ ban bầu cử công bố kết quả bỏ phiếu tại thủ phủ của thuộc địa.

Người trúng cử hưởng trợ cấp từ thuộc địa kể từ ngày công bố kết quả. Tuy nhiên, nếu kết quả bầu cử bị hủy, người trúng cử thôi hưởng trợ cấp nhưng không phải hoàn trả khoản tiền trợ cấp đã nhận.

Kể từ ngày diễn ra hoạt động bầu cử, trong thời hạn tối đa 3 tháng, Thống đốc sẽ công bố kết quả bỏ phiếu và được thông qua trước Hội đồng Tư mật. Sau đó, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa là người thông báo đến từng đại biểu.

Mọi đơn thư kiếu nại về bầu cử đều được trình lên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa trong vòng 1 tháng.

136. Décret du 14 juillet 1904 du Président de la République française portant la réorganisation du Service de la Trésorerie en Indochine.

Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1904 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.1070-1074)

Sắc lệnh có 6 phần gồm 30 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Nha Ngân khố Đông Dương

Thành phần của Nha Ngân khố Đông Dương gồm có: Giám đốc Ngân khố Đông Dương tại Hà Nội, 4 Giám đốc Ngân khố tại Nam Kì, Cao Miên, Trung Kì và Lào, một số nhân viên phát tiền, tham tá chính và tham tá ngân khố.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc Ngân khố tại Nam Kì trực tiếp thực hiện hoặc tập trung công việc của các cơ quan tài chính của chính quốc và được giao phụ trách quỹ Tiền gửi và Kí gửi và quỹ của Hội Thương binh Hải quân.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương thực hiện hoặc tập trung công việc của các cơ quan tài chính liên quan đến ngân sách chung Đông Dương và ngân sách địa phương Bắc Kì.

Giám đốc Ngân khố Cao Miên cũng tiến hành các công việc như trên giúp cho Giám đốc Ngân khố Nam Kì.

Giám đốc Ngân khố địa phương trực tiếp thực hiện hoặc tập trung công việc của các cơ quan cấp kì tại Nam Kì, Cao Miên, Trung Kì và Lào.

Nhân viên thừa hành quản lí ngân khố theo cụm hay còn gọi là cụm trưởng triển khai công việc của các cơ quan tài chính trong phạm vi thuộc địa hoặc xứ bảo hộ, dưới sự quản lí của Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc Ngân khố địa phương.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương, Giám đốc Ngân khố địa phương, các cụm trưởng buộc phải nộp tiền bảo lãnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mọi chi phí của Nha Ngân khố (chi tiêu cho nhân sự, mua sắm thiết

bị, phí thương lượng và đổi tiền v.v...) sẽ do ngân sách thuộc địa chi trả. Toàn quyền Đông Dương phân bổ kinh phí giữa ngân sách chung Đông Dương và ngân sách của mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương.

Phần II. Tổ chức nhân sự

Dưới quyền của Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc Ngân khố các kì, đội ngũ nhân viên làm việc tại các ngân khố hoặc các cụm được phân thứ hạng như sau:

Nhân viên phát tiền hạng 1, 2, 3, 4;

Tham tá ngân khố chính hạng 1, 2;

Tham tá ngân khố hạng 1, 2, 3, 4;

Số lượng và việc phân bổ nhân viên Nha Ngân khố Đông Dương theo thứ hạng được quy định bằng nghị định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa theo đề nghị của Toàn quyền.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương do Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm bằng sắc lệnh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sau khi được Bộ trưởng Bộ Thuộc địa chấp thuận.

Giám đốc Ngân khố các kì và nhân viên phát tiền được bổ nhiệm bằng nghị định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Những nhân viên khác do Toàn quyền bổ nhiệm bằng nghị định theo đề nghị của Giám đốc Ngân khố Đông Dương.

Toàn quyền là người bổ dụng nhân viên vào các vị trí khác nhau theo đề nghị của Giám đốc Ngân khố Đông Dương, sau khi có ý kiến của Giám đốc Ngân khố các kì có liên quan.

Nhân viên không được uỷ thác hoặc không chính ngạch có thể vào làm tại Nha Ngân khố tuỳ theo nhu cầu công việc, hưởng lương theo nghị định của Toàn quyền và không phải chịu khoản tiền khấu trừ vào lương, cũng không được hưởng lương hưu.

Phần III. Tuyển dụng và nâng bậc cho nhân viên

Những ứng cử viên vào chức tham tá ngân khố hạng 4 phải có trình độ tiếng Pháp, độ tuổi ít nhất 22 và cao nhất là 30, đáp ứng yêu cầu của Luật Tuyển quân. Những ứng cử viên thoả mãn điều kiện trên, từng làm nhân viên thu thuế trực thu hoặc người được uỷ quyền của

một Sở Ngân khố hoặc Sở Thu thuế đặc biệt tại Pháp hoặc thuộc địa trong thời gian ít nhất là 2 năm, hoặc người có bằng tú tài, hoặc bằng cao đẳng tiểu học có thể được bổ nhiệm trực tiếp vào chức tham tá ngân khố hạng 3.

Việc nâng bậc trong đội ngũ nhân viên Nha Ngân khố Đông Dương diễn ra dưới hình thức lựa chọn. Việc bổ nhiệm vào một chức vụ nào đó diễn ra vào hạng cuối cùng của chức vụ đó.

Bộ trưởng Bộ Tài chính được phép nâng bậc cho đội ngũ nhân viên phát tiền sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Toàn quyền trực tiếp nâng bậc cho đội ngũ tham tá chính và tham tá theo đề nghị của Giám đốc Ngân khố Đông Dương sau khi có ý kiến của Giám đốc Ngân khố các kì có liên quan.

Vào tháng 12 hàng năm, theo đề nghị của viên chức ngân khố các kì, Giám đốc Ngân khố lập danh sách những nhân viên xứng đáng để đề nghị nâng bậc vào năm sau theo thứ hạng và công trạng. Danh sách này được gửi đến Toàn quyền. Danh sách nâng bậc cho nhân viên phát tiền và tham tá được chuyển đến Bộ trưởng Bộ Tài chính kèm theo ý kiến của Toàn quyền và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

Phần IV. Biện pháp kỉ luật

Các biện pháp kỉ luật bao gồm:

- Khiển trách và ghi vào hồ sơ;

- Giữ lại mức lương châu Âu nhưng không vượt quá một nửa lương, không quá 2 tháng;

- Giáng cấp;

- Tạm nghỉ việc không lương;

- Cách chức.

Đối với đội ngũ tham tá chính và tham tá, ba hình phạt đầu tiên sẽ do Toàn quyền công bố theo đề nghị của Giám đốc Ngân khố Đông Dương và sau khi có ý kiến của Giám đốc ngân khố các kì có liên quan. Hai hình phạt còn lại cũng được áp dụng trong điều kiện tương tự sau khi có ý kiến của một uỷ ban gồm 3 thành viên do Toàn quyền chỉ định. Đối với những nhân viên khác, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định án phạt sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Thuộc

địa. Hình thức kỉ luật nghỉ việc hoặc cách chức đối với Chánh Sở Ngân khố và viên chức ngân khố các kì được quy định tại điều 9 Sắc lệnh này. Trường hợp khẩn cấp hoặc trong khi chờ đợi quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, nhân viên có thể tạm thời bị treo chức theo nghị định của Toàn quyền, căn cứ đề nghị của Chánh Sở Ngân khố hoặc sau khi có ý kiến của viên chức ngân khố các kì, nếu có.

Phần V. Các quy định đặc biệt

Việc luân chuyển nhân viên Nha Ngân khố Đông Dương với nhân viên Nha Tài chính trung ương hoặc chính quyền thuộc địa, nhân viên kế toán trực tiếp làm việc tại chính quốc hay thuộc địa và nhân viên Sở Ngân khố Algérie chỉ thực hiện khi có sự đồng ý của các cấp chính quyền chịu trách nhiệm bổ nhiệm vào các vị trí tương đương, hoặc theo cùng thể thức giống như quy trình bổ nhiệm.

Nhân viên Nha Ngân khố Đông Dương hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Sắc lệnh ngày 05 tháng 5 năm 1898 về việc thành lập quỹ hưu trí địa phương. Tuy nhiên, những nhân viên cao cấp được bổ nhiệm theo điều 15 của Sắc lệnh này phải tuân thủ các quy định của Luật ngày 09 tháng 6 năm 1853.

137. Arrêté du 20 juillet 1904 du Gouverneur général de l'Indochine fixant la composition des 1er, 2è et 3è territoires militaires.

Nghị định ngày 20 tháng 7 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương quy định thành phần của các Đạo Quan binh 1, 2 và 3.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.909)

Theo Nghị định này, từ ngày 01 tháng 10 năm 1904, Đạo Quan binh 1, 2 và 3 được tổ chức như sau:

Đạo Quan binh 1 gồm: các tiểu quân khu Móng Cái và Lạng Sơn.

Đạo Quan binh 2: Tiểu quân khu Thất Khê và Cao Bằng.

Đạo Quan binh 3: Tiểu quân khu Bảo Lạc và Hà Giang.

138. Arrêté du 23 août 1904 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant la composition de la Chambre consultative mixte Commerciale et d'Agriculture de l'Annam.

Nghị định ngày 23 tháng 8 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi thành phần Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr. 1074-1075)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì gồm 10 thành viên thực thụ là người Pháp, 1 thành viên người bản xứ, 1 thành viên người Hoa và 3 thành viên người Pháp đại diện cho 3 khu (khu 1 gồm các tỉnh Thanh Hoá, Vinh, Hà Tĩnh; khu 2 gồm các tỉnh Bình Định, Phú Yên; khu 3 gồm các tỉnh Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết).

Thành viên thực thụ người Pháp có quyền biểu quyết. Thành viên bản xứ và người Hoa có quyền phát biểu ý kiến tại các phiên họp. Thành viên đại diện được bổ dụng trong thời gian 4 năm và được thay đổi 2 năm một lần.

Cử tri của các khu là các thương nhân, nhà công nghiệp, nông nghiệp có đăng kí tên trong danh sách bầu thành viên thực thụ được lập tại địa phương.

Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu thành viên đại diện diễn ra tại Đà Nẵng theo các điều khoản quy định đối với bầu thành viên thực thụ tại Nghị định ngày 03 tháng 8 năm 1897. Cử tri tham gia bầu thành viên đại diện cũng tham gia bầu thành viên thực thụ.

Danh sách cử tri được lập hàng năm vào tháng 8 theo quy định tại Nghị định ngày 04 tháng 5 năm 1897.

139. Arrêté du 27 août 1904 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation du Conseil des notables en Cochinchine.

Nghị định ngày 27 tháng 8 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Hội đồng Kì mục Nam Kì.

(Nguồn: J 1049, JOIF 1904, tr.1059-1061)

Nghị định gồm 5 phần, 30 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Thành phần Hội đồng Kì mục - Thứ bậc - Cách thức tuyển chọn và nâng bậc - Khen thưởng

Làng bản xứ, đơn vị hành chính nền tảng của chính quyền bản xứ Nam Kì đặt dưới sự quản lí của Hội đồng Kì mục. Mỗi hội đồng phải gồm ít nhất các thành viên được liệt kê theo thứ bậc như:

Chủ tịch: Hương cả

Phó Chủ tịch: Hương chủ

Các thành viên: Hương sự, Hương trưởng, Hương chánh, Hương giáo, Hương quản, Thủ bộ, Hương thân, Xã trưởng, Hương hào.

Xét đến tầm quan trọng của quyền hạn, tiếp theo các thành viên trên là Chánh lục bộ, cũng sẽ được xếp vào hàng các đại kì mục nhưng không có ghế trong Hội đồng Kì mục.

Các kì mục khác (đại kì mục và tiểu kì mục), vẫn được giữ danh hiệu, thứ hạng, đặc quyền và phải tuân thủ các quy định bắt buộc theo lệ làng; số lượng và quyền hạn thay đổi tuỳ theo nhu cầu của từng làng và vai trò quan trọng.

Danh sách đầy đủ về kì mục của mỗi xã sẽ được lưu và bổ sung thường xuyên tại đình và các văn phòng của Chánh Chủ tỉnh. Các kì mục được tuyển chọn trong số các chủ đất của xã hoặc những người khá giả.

Hương hào phải hoàn thành công việc của một tiểu hào và tuổi từ 24 tuổi trở lên.

Thời gian tại chức tối đa trong mỗi ngạch bậc ấn định là 2 năm và người được cho thực thụ được quyền giữ ngạch bậc vô thời hạn.

Thống đốc sẽ ban thông tri quy định điều kiện tư cách đối với các kì mục để được khen thưởng cho những đóng góp với làng xã.

Phần II. Chức năng và trách nhiệm của các kì mục

Các đại kì mục có quyền hạn quy định như sau:

- Hương cả giữ chức chủ tịch Hội đồng Kì mục;

- Hương chủ thay Hương cả làm chủ tịch Hội đồng Kì mục trong trường hợp Hương cả vắng mặt.

- Hương cả, Hương chủ, Hương sư và Hương trưởng có quyền chỉ đạo đối với các kì mục khác, giám sát công việc của những kì hào này theo lệ làng; Hương cả, Hương chủ, Hương sư và Hương

trưởng quản lí tài sản của xã, lập ngân sách xã, giám sát chi tiêu và là những thủ quỹ của xã.

- Hương chánh cố vấn cho Trưởng thôn, Xã trưởng, Hương thân hoặc Hương hào và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các quan lại trên. Hương chánh được giao giải quyết dàn xếp các tranh chấp nhỏ giữa những người dân trong làng.

- Hương giáo được giao giáo dục và hướng dẫn các kì mục trẻ đồng thời giáo dục họ về các nghĩa vụ đối với làng xã.

- Hương quản là người đứng đầu lực lượng cảnh sát hành chính và tư pháp của làng, là trợ tá chính của Biện lí và theo chức danh đó, Hương quản có nhiệm vụ truy tìm tội phạm và kẻ phạm tội. Hương quản theo dõi các tuyến đường bộ và đường sông, đường sắt, cầu, đường dây điện tín. Giúp việc cho Hương quản là Hương thân, Xã trưởng, Hương hào. Hương quản chỉ huy Hương tuần, Cai tuần, Cai thị, Cai thôn, Trùm và Trương, những người có quyền hạn của nhân viên cảnh sát.

- Thủ bộ được giao giữ, bảo quản sổ thuế, Địa bộ và văn khố của làng xã; phụ trách sổ thu và chi; quản lí động sản và vật dụng của làng xã.

- Hương thân là người đứng đầu ba kì mục chấp hành;

- Xã trưởng hoặc Thôn trưởng là trung gian giữa chính quyền và làng xã. Xã trưởng hoặc Trưởng thôn giữ triện của làng xã cũng như các hướng dẫn của chính quyền và đặc biệt được giao trông coi thu thuế và chuyển các loại thuế thu được về phòng thu thuế.

- Hương hào là người đứng đầu lực lượng cảnh sát làng xã, được giao thực hiện các quy định về đường sá. Hương hào đảm nhiệm chức năng của mõ toà, chuyển các trát gọi và thông báo của cơ quan tư pháp

- Hương thân, Xã trưởng hoặc Trưởng thôn và Hương hào là ba kì mục chấp hành, đảm bảo trật tự, an ninh và vệ sinh công cộng. Ba kì mục chấp hành chịu trách nhiệm về quan hệ với chính quyền cấp trên, thu thuế, truy bắt các đối tượng xấu, thực thi các luật, quy định và phán quyết, quyết định của chính quyền cấp trên và Hội đồng Kì mục, lập sổ thuế và văn bản theo yêu cầu của chính quyền cấp trên, chứng nhận chứng thư và giám sát rừng. Ba kì mục này là trợ tá của

Hương quản trong kiểm soát hành chính và tư pháp, thực hiện các phát mãi theo lệnh của cơ quan tư pháp, xác thực giấy tờ của các Phó xã, Phó lí, Lí trưởng, Biên lai, Cai thôn, Trùm, Trương với sự hợp tác của ba kì mục: Hương thân, Xã trưởng và Hương hào. Nếu Hương thân và Hương hào bận có thể thay thế bằng kì mục khác trong Hội đồng Kì mục nhưng Xã trưởng, người giữ triện của làng luôn phải có mặt.

- Chánh lục bộ là người duy nhất được giao trông giữ sổ đăng kí hộ tịch của làng xã, nếu cần có thể có sự giúp đỡ của Phó lục bộ.

Phần III. Quyền kỉ luật của Hội đồng Kì mục và của các thành viên - Treo chức và cách thức các kì mục

Các kì mục đương nhiệm có quyền giam giữ người tại đình trong thời gian cần thiết phục vụ điều tra không chính thức và sơ bộ, cho tới khi hồ sơ và người bị buộc tội được gửi tới Toà án. Trong mọi trường hợp, thời gian giam giữ người bị buộc tội tại đình làng là ngắn nhất có thể.

Các kì mục có thể tạm giam ở đình làng những người dân từ chối không tuân thủ các quy định của lệ làng cũng như của chính quyền, nhằm đảm bảo kiểm soát các hoạt động khác của làng. Thời gian tạm giam không quá 3 ngày, người bị tạm giam có thể được tại ngoại nếu trả tiền tương đương một ngày đi làm xâu và tiền được sung vào quỹ của làng.

Các kì mục có thể phạt giam tại đình những người say xỉn, gây rối trật tự trong làng, nhưng không được quá 24 giờ.

Những kì mục không hoàn thành nghĩa vụ được giao theo phong tục và lệ làng cũng như những quy định bắt buộc đối với các đại kì mục có thể bị Hội đồng Kì mục phạt một khoản tiền từ 0,15 đến 3 đồng bạc, sung vào quỹ của làng. Trường hợp lơ là công việc, Hội đồng Kì mục có thể đề nghị Chánh Chủ tỉnh treo chức hoặc cách. Kì mục bị cách chức hoặc có thể bị kết án tù không được tham gia Hội đồng Kì mục và bị thay thế và tạm thời bị treo chức theo phán quyết của Sở Tư pháp (Sửa đổi bằng Nghị định ngày 21 tháng 11 năm 1919).

Phần IV. Nghĩa vụ của Hội đồng Kì mục đối với tài sản hàng xã - Thủ tục tố tụng cho phép các làng kiện ra toà

Tài sản các loại thuộc quyền sở hữu của làng, đặc biệt là "công điền" nói riêng, tài sản "công thổ" và những tài sản trước đây được đăng kí dưới tên gọi "bổn thôn điền" và "bổn thôn thổ" có thể được Hội đồng Kì mục phát canh trong thời gian 3, 6 hoặc 9 năm. Các khế ước cho thuê được lập theo quy định tại điều khoản trên chỉ có hiệu lực đối với các bên sau khi được Chánh Chủ tỉnh chuẩn y. Các khế ước có thời hạn 3 năm sẽ phải trình Thống đốc cho phép trước tiên tại Viện Cơ mật. (Sửa đổi bằng Nghị định ngày 31 tháng 10 năm 1916).

Phần V. Đi lại và trợ cấp - Quy định chung

Trợ cấp đi đường được khấu trừ vào ngân sách của cấp chính quyền triệu tập kì mục và chỉ được thanh toán khi trình giấy triệu tập. Chi phí đi lại cần thiết phục vụ trưng thu thuế và các hoạt động khác của làng xã, chi phí dẫn giải những người phạm tội hoặc mắc tội trên địa phận của làng đến toà thuộc các khoản chi bắt buộc của ngân sách hàng xã.

140. Arrêté du 29 décembre 1904 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une sous-commission du Conseil de défense de l'Indochine.

Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một tiểu ban của Hội đồng Phòng thủ Đông Dương.

(Nguồn: J 1051, JOIF 1905, tr.41)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Một tiểu ban của Hội đồng Phòng thủ Đông Dương được thành lập tại Sài Gòn hoạt động như Uỷ ban Hỗn hợp của Sở Công chính, chịu trách nhiệm nghiên cứu cách thức phòng thủ, dự án nắn kênh Tàu Hủ (nay là rạch Bến Nghé) ở Sài Gòn.

Thành viên của tiểu ban gồm Chủ tịch là Thống đốc Nam Kì và các thành viên: Tổng Tư lệnh lữ đoàn yểm trợ Sài Gòn, Vũng Tàu, đại tá Tư lệnh pháo binh, đại tá Hải quân, kĩ sư trưởng Sở Công chính Nam Kì, kĩ sư phụ trách nghiên cứu, Đốc lí. Tiểu ban lập báo cáo chuyển

cho Tổng Tư lệnh quân đội Đông Dương, sau đó trình lên Hội đồng Phòng thủ Đông Dương.

141. Arrêté n° 411 du 10 février 1905 du Gouverneur général de l'Indochine créant le centre administratif de Gialam, province de Bacninh.

Nghị định số 411 ngày 10 tháng 02 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

(Nguồn: RST - 5472, tờ số 6)

142. Arrêté du 25 mars 1905 du Gouverneur général de l'Indochine réorganisant la Direction de l'Agriculture, des Forêts et du Commerce de l'Indochine.

Nghị định ngày 25 tháng 3 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương.

(Nguồn: J 1051, JOIF 1905, tr.435-439)

Nghị định gồm 5 phần, 49 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Cơ cấu tổ chức Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương

Ngoài Ban Lâm nghiệp hoạt động theo Sắc lệnh ngày 07 tháng 01 năm 1901 và Ban Thú y hoạt động theo Sắc lệnh ngày 13 tháng 11 năm 1901, Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương bao gồm: Ban Hành chính, Ban Nông nghiệp và các Phòng Thí nghiệm và Ban Công nghiệp - Thương mại.

Quyền hạn của các bộ phận được quy định như sau:

- Ban Hành chính phụ trách: Hành chính tổng hợp, ngân sách, kế toán, nhân sự, quan hệ với các bộ phận kĩ thuật và khoa học, đồn điền, thống kê, Tập san kinh tế Đông Dương, Bảo tàng Thương mại, Nông - Công nghiệp toàn Đông Dương, triển lãm.

- Ban Nông nghiệp và các Phòng Thí nghiệm phụ trách: Giám sát công việc của các sở Nông nghiệp địa phương, chỉ đạo các điểm

trồng trọt thử nghiệm và ruộng thí nghiệm, thanh tra nông nghiệp, khen thưởng và khuyến nông, giảng dạy nông nghiệp, các phòng Thí nghiệm phân tích nông nghiệp, thông tin liên lạc với các phòng canh nông và các tổ chức nông nghiệp địa phương.

- Ban Công nghiệp - Thương mại phụ trách: Thương mại địa phương toàn Đông Dương, thị trường tiêu thụ thương mại của Pháp ở Viễn Đông. Khai thác công nghiệp toàn Đông Dương, khen thưởng và khuyến khích hàng hải thương mại, các tuyến hàng hải, chế độ tiền tệ, bằng sáng chế và nhãn hàng sản xuất, hợp pháp hoá thương mại và công nghiệp, quy chế lao động công nghiệp, Phòng Thương mại, nhân viên thương mại ở Viễn Đông và Lào.

Trong mỗi ban có thể thành lập một hoặc nhiều phòng khác nhau, công việc được phân công theo quyết định của Giám đốc Nha dựa trên đề nghị của lãnh đạo cơ quan đó.

Phần II. Nhân sự người Âu của Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương.

Nhân sự người Âu của Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương (ngoài Ban Lâm nghiệp và Ban Thú y), ngoài Giám đốc, Phó Giám đốc và Trưởng ban còn có một ngạch công chức thường trú và một ngạch công chức lưu động.

Chương I. Quy định chung về nhân sự đối với ngạch công chức cố định và ngạch công chức lưu động.

Các đối tượng sau không được tuyển dụng làm công chức ở Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương:

- Không phải là người Pháp.

- Không đáp ứng quy định của luật về tuyển quân.

- Tuổi trên 30 (hoặc đã hoàn thành một nửa thời gian quân dịch cho phép hưởng lương hưu từ quỹ địa phương khi 55 tuổi).

Theo yêu cầu, ứng cử viên phải trình các loại giấy tờ sau: giấy khai sinh, trích lục lí lịch tư pháp, chứng nhận hạnh kiểm tốt do chính quyền nơi cư trú cấp, chứng nhận tuân thủ luật tuyển quân, chứng nhận sức khoẻ có thể đảm nhiệm một công việc ở Đông Dương, văn bằng, chứng chỉ hoặc bản kê công việc từng đảm nhiệm nếu có.

Theo đề nghị của Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương, Toàn quyền bổ nhiệm nhân sự người Âu ở tất cả vị trí, hạng, ngạch bậc.

Thời gian làm việc tối thiểu để đề nghị nâng bậc đối với công chức người châu Âu là 18 tháng với những người hưởng lương thuộc địa dưới 5.000 phơ-răng và 2 năm đối với các đối tượng khác.

Chuyên gia - công nghệ học có thể được bổ nhiệm tạm thời hoặc chính thức, tuyển chọn trong số những người đủ năng lực trong một số chuyên ngành hoặc có bằng cao đẳng nông nghiệp, thuộc địa, thương mại, công nghiệp. Đối tượng này hưởng lương thuộc địa khoảng 5.000 đến 8.000 phơ-răng, theo bảng xếp lương hạng 2 hoặc hạng 3 trong bảng phụ đính của Sắc lệnh ngày 06 tháng 7 năm 1904 và thuộc ngạch công chức đặc biệt.

Các hình thức kỉ luật áp dụng đối với nhân sự người Âu trong Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương như sau: khiển trách, cảnh cáo ghi vào hồ sơ, treo chức đồng thời cắt lương, giáng cấp, cách chức. Hình thức khiển trách, cảnh cáo ghi vào hồ sơ, treo chức đồng thời cắt lương không quá 1 tháng sẽ do người đứng đầu chính quyền địa phương hoặc Giám đốc Nha quyết định. Hình thức giáng cấp, cách chức do Toàn quyền, Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại tuyên sau khi có kết luận của Hội đồng Điều tra.

Giám Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương kí uỷ thác hồ sơ nhân sự, lưu bản sao đánh giá nhân sự và ghi chép lưu ý nhân sự quan trọng. Giám đốc lập đề nghị nâng bậc, lương hưu hay thanh toán tài khoản hỗ trợ liên quan đến nhân sự người Âu.

Chương II. Công chức thường trú

Công chức thường trú làm việc ở Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương gồm các công viên chức, nhân viên được quy định như sau:

- Trưởng phòng hạng 1 hưởng: 7.500 phơ-răng lương châu Âu, 15.000 phơ-răng lương thuộc địa, hạng 2: 6.000 phơ-răng và 12.000 phơ-răng.

- Phó phòng hạng 1: 5.000 phơ-răng lương châu Âu, 10.000 phơ-răng lương thuộc địa, hạng 2: 4.000 phơ-răng và 8.000 phơ-răng.

- Tham tá chính hoặc chủ sự chính: hạng 1: 3.500 phơ-răng lương châu Âu, 7.000 phơ-răng lương thuộc địa; hạng 2: 3.000 phơ-răng và 6.000 phơ-răng.

- Tham tá chính hoặc chủ sự chính tập sự: 2.500 phơ-răng lương châu Âu và 5.000 phơ-răng lương thuộc địa.

- Tham tá hoặc chủ sự: hạng 1: 2.500 phơ-răng lương châu Âu, 5.000 phơ-răng lương thuộc địa, hạng 2: 2.250 phơ-răng và 4.500 phơ-răng, hạng 3: 2.000 phơ-răng và 4.000 phơ-răng.

Lương được quy định ở trên gồm cả phụ cấp chức vụ, trừ trường hợp các trưởng phòng được cử thay thế các trưởng đơn vị và viên chức dân sự biệt phái làm việc tại các văn phòng của Nha theo quy định.

Chức danh tham tá hoặc chủ sự hạng 3 dành cho sinh viên các Trường Nông nghiệp quốc gia thuộc địa và các Trường Cao đẳng Thương mại, Trường Kĩ nghệ quốc gia, Trường Thuộc địa (phân ngành thương mại), kiểm toán viên tốt nghiệp các trường thuộc địa và chuyên nghiệp. Chức danh này cũng có thể dành cho các ứng cử viên có bằng tú tài sống tại thuộc địa, đủ năng lực kĩ thuật qua sát hạch theo quy định.

Cựu sinh viên tốt nghiệp Viện Nông học quốc gia, trường Cao đẳng thương mại, Trường Khoa học Đạo đức và Chính trị (phân ngành kinh tế) hoặc Trường Kĩ nghệ và cử nhân khoa học có thể được nhận vào chức danh tham tá hoặc chủ sự chính tập sự, dự tuyển cùng với các tham tá và chủ sự hạng 1 vào chức danh tham tá chính hoặc chủ sự chính hạng 2.

Phó phòng chỉ được chọn trong số tham tá chính hoặc chủ sự chính hạng 1. Trưởng phòng được chọn trong số các phó phòng hạng 1.

Trường hợp đặc biệt, viên chức ngạch quan cai trị hoặc tham tá dân sự Đông Dương có thể được biệt phái tới các văn phòng của Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương, vẫn giữ nguyên lương ngạch bậc cũng như quyền lợi nâng bậc như nhân sự dân sự. Những nhân viên này nếu được bổ nhiệm làm trưởng hoặc phó phòng được hưởng thêm phụ cấp chức vụ theo quy định của Toàn quyền.

Chương III. Công chức lưu động

Công chức lưu động thuộc các sở trực thuộc Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương gồm: Nhân sự canh nông được cử làm việc

ở Nha và các cơ quan canh nông địa phương, nhân viên thương mại và các nhân viên khác làm ở bộ phận bảo quản của Bảo tàng Nông - Công - Thương nghiệp.

1. Nhân sự nông nghiệp

Công chức nông nghiệp lưu động gồm: thanh tra hạng 1, 2, 3; phó thanh tra hạng 1 và 2; phó thanh tra tập sự, nhân viên canh tác chính, trưởng bộ phận canh tác, nhân viên canh tác hạng 1, 2, 3; thợ làm vườn chính, thợ làm vườn, thợ làm vườn phụ; Trưởng phòng Thí nghiệm phân tích, kĩ sư hoá học - Trưởng Phòng Thí nghiệm, kĩ sư hoá học chính, kĩ sư hoá học, nhân viên điều chế hoá chất.

Thợ làm vườn phụ được tuyển trong số cựu học sinh trường dạy nghề làm vườn hoặc trong số ứng cử viên cư ngụ tại thuộc địa, đáp ứng yêu cầu sát hạch đặc biệt với những điều kiện quy định sau đây.

Thợ làm vườn được tuyển dụng hoặc trong số thợ làm vườn phụ hoặc trong số học sinh tốt nghiệp trường dạy nghề làm vườn có hai năm thực hành làm vườn ở thuộc địa. Thợ làm vườn chính được tuyển dụng hoặc trong số thợ làm vườn hoặc trong số học sinh đã tốt nghiệp Trường Làm vườn quốc gia, tập sự 1 năm tại Vườn Thuộc địa hoặc làm việc tại bộ phận canh tác của Bảo tàng Lịch sử tự nhiên.

Nhân viên canh tác hạng 3 được tuyển dụng trong số học sinh có chứng chỉ của các trang trại - trường học hoặc trường nông nghiệp chính quốc hoặc thuộc địa được Nhà nước công nhận hoặc trong số người làm ruộng chuyên nghiệp cư ngụ tại thuộc địa, qua sát hạch theo quy định.

Chức danh nhân viên canh tác hạng 2 dành cho nhân viên canh tác hạng 3 hoặc học sinh được cấp bằng của cơ sở giảng dạy nông nghiệp chính thống, tương đương về trình độ học vấn với các trường thực hành nông nghiệp, có 2 năm tập sự tại một đồn điền hoặc một cơ quan thực hành nông nghiệp thuộc địa.

Chức danh nhân viên canh tác hạng 1 dành cho các nhân viên canh tác hạng 2 và thợ làm vườn hoặc học sinh đã tốt nghiệp các trường nông nghiệp quốc gia hoặc các trường cao đẳng nông nghiệp.

Chức danh trưởng bộ phận canh tác dành cho nhân viên canh tác hạng 1 hoặc ứng cử viên được cấp bằng quy định trong điều 24, có

5 năm làm việc nông nghiệp không gián đoạn trong số cựu nhân viên canh tác chuyên nghiệp từng lãnh đạo khu khai thác nông nghiệp trong hơn 5 năm liên tục.

Chức danh nhân viên canh tác chính chỉ dành cho trưởng bộ phận canh tác.

Học sinh tốt nghiệp trường cao đẳng nông nghiệp có thể được bổ nhiệm làm phó thanh tra tập sự.

Phó thanh tra được chọn trong số phó thanh tra tập sự và nhân viên canh tác chính. Chức danh này có thể dành cho các học sinh tốt nghiệp Viện Nông học quốc gia.

Thanh tra được chọn trong số phó thanh tra hạng 1 và ngoại lệ trong số ứng cử viên đủ phẩm chất và danh hiệu khoa học hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp liên quan đến chức vụ sẽ đảm trách.

Nhân viên điều chế hoá chất được tuyển dụng trong số học sinh đã tốt nghiệp Trường Vật lí và Hoá học Paris, Trường Hoá học công nghiệp có chứng chỉ năng lực hoặc trong số học sinh có các công trình thành công tại các phòng xét nghiệm hoá học của các trường tại Pháp.

Chức danh Kĩ sư hoá học dành riêng cho nhân viên điều chế hoá chất và học sinh đã tốt nghiệp Viện Nông học quốc gia hoặc Trường Kĩ sư Bá nghệ Paris.

Chức danh Kĩ sư hoá học chính dành riêng cho Kĩ sư hoá học hoặc học sinh đã tốt nghiệp Viện Nông học quốc gia, Trường Kĩ sư Bá nghệ Paris, Trường Vật lí và Hoá học Paris hoặc những người có bằng cử nhân khoa học nếu đã tập sự ít nhất 5 năm trong một phòng xét nghiệm hoá học.

Kĩ sư hoá học, giám đốc phòng Thí nghiệm được chọn trong số viên chức có ngạch bậc thấp hơn hoặc trong học sinh đã tốt nghiệp Viện Nông học quốc gia hoặc là cử nhân khoa học, có ít nhất 5 năm thực hành tại một trạm nông học hoặc phòng xét nghiệm hoá học ứng dụng.

Nhân sự ngạch lưu động thuộc Ban Nông nghiệp và các Phòng Thí nghiệm được phân bổ giữa Nha Nông, Lâm và Thương mại và các

nước khác ở Đông Dương, theo quy định ngân sách chung Đông Dương và ngân sách địa phương. Nhân sự này thuộc quyền của Thống đốc và Thống sứ, Khâm sứ theo nghị định của Toàn quyền dựa trên đề nghị phối hợp giữa Giám đốc Nha và người đứng đầu chính quyền địa phương.

Tại mỗi xứ, thanh tra hoặc phó thanh tra đảm nhiệm chức trách người đứng đầu cơ quan nông nghiệp địa phương, gửi nhận xét cá nhân về nhân sự dưới quyền lên Thống đốc, Thống sứ hoặc Khâm sứ, những người có trách nhiệm bổ sung nhận xét trước khi trình lên Toàn quyền.

2. Nhân sự thương mại

Nhân viên thương mại và các nhân viên khác, làm việc tại bộ phận bảo quản của Bảo tàng Nông - Công - Thương nghiệp Hà Nội quy định như sau: nhân viên thương mại hạng 1, 2, 3, 4 và 5, nhân viên bảo quản bảo tàng, nhân viên bảo quản phụ hạng 1 và 2, trợ tá hạng 1 và 2. Nếu được triệu hồi làm việc ngoài lãnh thổ Đông Dương thuộc Pháp, những viên chức trên có thể được nhận trợ cấp cố định đặc biệt do Toàn quyền quy định tuỳ theo địa bàn.

Nhân sự thương mại được tuyển dụng trong số những người đủ năng lực và kiến thức nghề nghiệp chuyên ngành vào ngạch công chức với ngạch bậc tương đương với khả năng và công việc trước đó. Thạo tiếng Anh, Mã Lai hoặc Trung Hoa là điều kiện bắt buộc đối với nhân viên thương mại.

Toàn quyền có thể phân công nhân viên thương mại làm việc tạm thời hoặc thường trú bên cạnh các Lãnh sự Pháp ở Viễn Đông. Lương và phụ cấp được tính vào khoản kinh phí thuộc ngân sách chung Đông Dương quy định ở chương: "Các Toà sứ và các cơ quan của Pháp ở Viễn Đông".

Phần III. Nhân sự bản xứ

Nhân sự bản xứ làm việc tại các văn phòng tuân thủ Sắc lệnh ngày 20 tháng 05 năm 1900 quy định về nhân sự bản xứ Phủ Toàn quyền, Ban Phụ trách các công việc dân sự, Nha Kiểm tra Tài chính và Nha Nông, Lâm và Thương mại.

Lương hàng năm của nhân sự nông nghiệp thuộc Nha Nông, Lâm và Thương mại và nhân sự nông nghiệp địa phương được quy định như

sau: Nhân viên chính hạng 1: 600 đồng, hạng 2: 480 đồng. Nhân viên hạng 1: 360 đồng, hạng 2: 288 đồng. Nhân viên phụ hạng 1: 216 đồng, hạng 2: 180 đồng, hạng 3: 144 đồng.

Các ứng cử viên đỗ kì sát hạch theo chương trình do Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại quy định có thể được bổ dụng làm trợ lí nhân viên hạng 3. Trường hợp đặc biệt, ứng cử viên có kiến thức thực hành cũng như lí thuyết có thể được nhận vào ngạch bậc theo khả năng.

Phần IV. Cơ quan nông nghiệp địa phương

Các cơ quan nông nghiệp địa phương thuộc quyền quản lí trực tiếp của Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại về những vấn đề sau: Xây dựng và vận hành các ruộng thử nghiệm, trạm thử nghiệm, vườn bách thảo, chỉ đạo và vận hành các phòng xét nghiệm, tiền thưởng và khuyến khích nông nghiệp, các biện pháp liên quan đến phát triển canh tác, tổ chức các trường nông nghiệp. Các cơ quan nông nghiệp địa phương thuộc quản lí của Thống đốc, Thống sứ hoặc Khâm sứ về những vấn đề sau: quan hệ với các cơ quan hành chính địa phương, quan hệ với các phòng canh nông hoặc các phòng hỗn hợp, liên quan đến đồn điền nông nghiệp, chế độ đồn điền, hợp tác nông nghiệp, điều tra và khảo sát nông nghiệp...

Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại được tham vấn về dự toán chi ngân sách địa phương phục vụ hoạt động của các cơ quan dưới quyền quản lí.

Lãnh đạo các cơ quan nông nghiệp địa phương trình báo cáo công việc hàng quý cũng như báo cáo sáu tháng về kết quả thu được từ vườn thử nghiệm, các cánh đồng thử nghiệm lên lãnh đạo cơ quan hành chính địa phương và Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại. Giám đốc các phòng thí nghiệm cũng trình bão cáo sáu tháng về tiến độ cũng như kết quả công việc của phòng lên Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại.

143. Arrêté du 15 avril 1905 du Gouverneur général de l'Indochine organisant le personnel indigène du Service Forestier de l'Indochine.

Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1905 của Toàn quyền Đông

Dương quy định cách thức tổ chức nhân sự bản xứ của Ban Lâm nghiệp Đông Dương.

(Nguồn: J 1051, JOIF 1905, tr.522)

Nghị định gồm 16 điều với các nội dung chính sau:

Nhân sự bản xứ của Ban Lâm nghiệp gồm 1 ngạch công chức duy nhất đảm nhiệm vị trí khác nhau làm việc tại các văn phòng hoặc bộ phận kiểm lâm.

Ngạch bậc, hạng và xử lí, xếp hạng liên quan đến lộ phí, phí lưu trú và đi biển của nhân sự bản xứ trong Ban Lâm nghiệp được quy định theo nghị định này. Nhân sự bản xứ hiện có trong ngạch, hạng được quy định mỗi năm thông qua ngân sách.

Nhân sự được tuyển dụng trong số cựu lính khố đỏ hoặc lính cơ về hưu, tuổi dưới 45, trong số những người chưa về hưu tuổi từ 30 hoặc đáp ứng đủ các điều kiện cần thiết để hưởng lương hưu hoặc thâm niên làm việc đến 55 tuổi, ngoài các loại ứng cử viên trên, trong số ứng cử viên tuổi từ 18 hoặc trên 25 thích hợp với công việc hoạt động và có khả năng làm việc.

Cựu quân nhân và lính khố xanh có thể được bổ nhiệm trực tiếp làm giám sát viên hạng 1. Ứng cử viên cho vị trí thư kí cũng có thể được bổ nhiệm tương tự. Cựu quân nhân và lính khố xanh khi làm việc tại Ban Lâm nghiệp hưởng lương hưu cộng trợ cấp quân nhân.

Nhân viên bản xứ của Ban Lâm nghiệp phải cam kết làm việc hai năm. Cam kết này được kí trước sự chứng kiến của một kiểm lâm người Âu được Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại phê chuẩn, nộp cùng thẻ căn cước, giấy chứng hạnh kiểm và các chứng chỉ khác nếu có.

Mỗi năm, nhân viên bản xứ của Ban Lâm nghiệp có thể đề nghị xin nghỉ 10 ngày hưởng lương. Thời gian nghỉ phép này có thể kéo dài từ 20 ngày đến 30 ngày nếu người viết giấy đề nghị chưa nghỉ phép trong năm hoặc hai năm trước đó.

Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại cho phép vắng mặt với thời gian trên 30 ngày hoặc nghỉ phép theo đề nghị của Ban Lâm nghiệp. Có hai loại giấy phép: 1. Nghỉ phép vì lí do sức khoẻ, thời gian tối đa là 6 tháng, hưởng ½ lương trong 3 tháng đầu và nếu là

bệnh nghề nghiệp, hưởng nguyên lương trong 3 tháng đầu và ½ lương trong ba tháng còn lại. 2. Nghỉ phép vì lí do cá nhân với thời gian tối đa là 3 tháng, hưởng 1/2 lương trong tháng đầu tiên.

Quần áo đồng phục cấp cho nhân viên thuộc bộ phận lưu động do chính quyền địa phương đảm trách theo yêu cầu của Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại và quyết định đặc biệt của Toàn quyền.

Các hình thức kỉ luật đối với nhân sự bản xứ của Ban Lâm nghiệp được quy định như sau: khiển trách ghi vào hồ sơ, treo chức giữ lương trong thời gian không quá 1 tháng, giáng cấp, cách chức. Hình thức khiển trách ghi vào hồ sơ do người đứng đầu các khu vực quyết định, treo chức do Trưởng ban Lâm nghiệp quyết định và giáng cấp, cách chức do Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại quyết định.

Nhân viên đương chức hưởng lương không tương đương với hạng mới sẽ giữ mức lương mới đến khi đủ điều kiện cần thiết để được thăng bổ vào chức vụ cao hơn.

144. Arrêté du 17 octobre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine prononçant la dissolution du Conseil municipal de Hanoï, instituant la Commission municipale à Hanoï.

Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương tuyên bố giải tán Hội đồng Thành phố Hà Nội, thành lập Uỷ ban Thành phố ở Hà Nội.

(Nguồn: J 1052, JOIF 1905, tr.1378)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Thành phố Hà Nội bị giải tán. Một Uỷ ban Thành phố gồm 9 thành viên do Đốc lí làm Chủ tịch sẽ đảm trách công việc trước đó của Hội đồng Thành phố.

145. Arrêté du 9 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine determinant les attributions de la circonscription de l'exploitation des chemins de fer.

Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Khu Khai thác Đường sắt.

(Nguồn: J 1052, JOIF 1905, tr.1512)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Khu Khai thác Đường sắt gồm các bộ phận sau: Bộ phận Trung tâm, Vận chuyển và Vận hành, Thiết bị và Đầu máy, Đường sắt và Nhà xưởng.

Bộ phận Trung tâm điều phối hoạt động của các bộ phận khai thác khác nhau, gồm văn phòng trưởng bộ phận, cung ứng chung, quỹ tổng và kế toán chung.

Bộ phận Vận chuyển và Vận hành gồm văn phòng trưởng bộ phận, phòng nghiên cứu thương mại và thống kê và được phân thành hai chi nhánh riêng biệt: Vận hành và Vận chuyển. Chi nhánh Vận hành có thẩm quyền trong các công việc liên quan đến tàu, nhà ga, bảo dưỡng đồng hồ, điện tín và điện thoại, giám sát và bảo dưỡng các thiết bị đặc biệt liên quan đến giao thông đi lại và an toàn của các đoàn tàu. Chi nhánh Vận chuyển phụ trách chung về thương mại, mọi vấn đề liên quan trực tiếp đến chuyên chở hành khách, hàng hoá hoặc quan hệ công chúng.

Bộ phận Thiết bị và Đầu máy gồm văn phòng trưởng bộ phận, phòng nghiên cứu và kiểm tra tiếp nhận thiết bị, được phân thành hai chi nhánh riêng biệt: Đầu máy và Thiết bị. Chi nhánh Đầu máy có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến lái tàu, bảo dưỡng máy móc đang vận hành, kho bãi và xưởng nhỏ. Chi nhánh Thiết bị đảm bảo công việc tra dầu mỡ, kiểm tra thiết bị lưu động đang vận hành, bảo dưỡng nhỏ, giám sát và bảo dưỡng thiết bị tiếp liệu của các nhà ga, hoạt động lắp đặt cơ khí và điện trên toàn mạng lưới, xưởng sửa chữa thiết bị lưu động và xưởng sửa chữa lớn.

Bộ phận Đường sắt và Nhà xưởng gồm văn phòng trưởng bộ phận, phòng nghiên cứu và được phân thành hai chi nhánh riêng biệt: Chi nhánh Bảo dưỡng đường sắt, nhà xưởng và Chi nhánh Hoàn thiện và Công trình xây mới. Chi nhánh Bảo dưỡng đường sắt, nhà xưởng có quyền hạn trong giám sát đường sắt và nhà xưởng, rải đá, làm mới, giám sát và bảo dưỡng các công trình nghệ thuật và thiết bị cố định. Chi nhánh Hoàn thiện và Công trình xây mới đảm bảo thực hiện các công trình hoàn thiện và các công trình bổ sung, các xưởng chính và

phụ, đặt các tuyến đường, rải đá balat các tuyến đường mới theo quy định của Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1905.

Các tuyến phía Nam và Nam Trung Kì không thuộc mạng lưới các tuyến phía Bắc nay lập thành đơn vị khai thác dưới quyền của một trưởng đơn vị khai thác. Trưởng đơn vị khai thác đại diện cho người đứng đầu các bộ phận Trung tâm, Vận chuyển và Vận hành, Thiết bị và Đầu máy, Đường sắt và Nhà xưởng điều hành công việc và quản lí nhân sự. Trưởng đơn vị khai thác thuộc quản lí trực tiếp của kĩ sư trưởng Khu Khai thác.

146. Arrêté du 21 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les divisions administratives du 2è territoire militaire.

Nghị định ngày 21 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi việc phân chia các đơn vị hành chính của Đạo Quan binh 2.

(Nguồn: J 1052, JOIF 1905, tr.1637)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Các khu hành chính gồm tiểu quân khu Cao Bằng và tiểu quân khu Thất Khê (Đạo Quan binh 2) bị bãi bỏ từ ngày 01 tháng 01 năm 1906.

Kể từ ngày này, các châu Tràng Định, Bình Giá và Bắc Sơn, thuộc tiểu quân khu Thất Khê sẽ sáp nhập vào tỉnh Lạng Sơn. Các châu Thạch An, Phúc Hoa thuộc tiểu quân khu Thất Khê và các châu Hạ Lang, Thượng Lang, Quảng Uyên, Thanh Lâm, Nguyên Bình, Hà Quảng thuộc tiểu quân khu Cao Bằng đặt dưới quyền quản lí trực tiếp của sĩ quan cao cấp Tư lệnh Đạo Quan binh 2.

Nhân sự dưới quyền của sĩ quan cao cấp được giao quản lí đạo quan binh gồm các thành phần được quy định tại điều 8 Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1905 trên gồm 1 tiểu đoàn phó, 1 đại uý, các thư kí - số lượng thay đổi tuỳ thuộc ngân sách.

147. Arrêté du 21 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les divisions administratives des 2è, 3è et 4è territoires militaires.

Nghị định này 21 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương điều chỉnh các đơn vị hành chính các Đạo Quan binh 2, 3 và 4.

(Nguồn: J 1052, JOIF 1905, tr.1637-1638)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1906, các Đạo Quan binh 2, 3 và 4 đặt dưới quyền của Thống sứ và thuộc chỉ đạo của Thống sứ về tổ chức tài chính quy định tại Nghị định số 1821 ngày 20 tháng 6 năm 1905.

Tạm thời, nếu các lực lượng quân đội chính quy phụ trách kiểm soát biên giới được huy động chi viện trực tiếp giữ gìn an ninh nội địa, Tư lệnh các đạo quan binh chịu sự chỉ đạo của Tư lệnh tối cao về các công việc đặc biệt. Báo cáo về kiểm soát biên giới và an ninh nội địa được chuyển cho Tư lệnh tối cao và Thống sứ và trình lên Toàn quyền, theo quy định tại điều 13 và 14 của Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1905.

148. Arrêté du 28 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les divisions administratives des 2è, 3è et 4è territoires militaries.

Nghị định ngày 28 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương quy định phân chia hành chính của các Đạo Quan binh 2, 3 và 4.

(Nguồn: J 1052, JOIF 1905, tr.1611)

Nghị định gồm 3 điều, với các nội dung chính:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1906, các trung tâm hành chính được thành lập trong các Đạo Quan binh 2, 3 và 4 như sau:

- Đạo Quan binh 2 gồm trung tâm Đông Khê (châu Thạch Lâm và Phúc Hoa), trung tâm Quảng Uyên (châu Quảng Uyên, Hạ Lang và Thượng Lang), trung tâm Sóc Giang (châu Hà Quảng), trung tâm Nguyên Bình (châu Nguyên Bình).

- Đạo Quan binh 3 gồm trung tâm Đồng Văn, trung tâm Quản Bạ, trung tâm Hoàng Su Phì, trung tâm Bắc Quang.

- Đạo Quan binh 4 gồm trung tâm Bắc Hà, trung tâm Cốc Lếu, trung tâm Phong Thổ

Đại diện Tư lệnh các đạo quan binh phụ trách các trung tâm hành chính hưởng trợ cấp năm là 240 đồng, trích từ ngân sách tỉnh của mỗi đạo quan binh.

149. Décret du 3 février 1906 du Président de la République française modifiant le décret du 19 octobre 1883 instituant un Conseil supérieur des Colonies.

Sắc lệnh ngày ngày 03 tháng 02 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1883 về việc thành lập Hội đồng Tối cao Thuộc địa.

(Nguồn: J 1055, JOIF 1906, tr.426)

Sắc lệnh gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Đoạn 2 của điều 4 trong Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1883 về việc thành lập Hội đồng Tối cao Thuộc địa sửa đổi như sau: "Các đại diện phải là công dân Pháp, tuổi từ 25, có đầy đủ quyền dân sự và chính trị. Công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc ngân sách địa phương của các thuộc địa không đủ tư cách để được bầu trong vòng 6 tháng kể từ khi thôi việc do từ chức, cách chức hoặc bất kì lí do khác".

150. Arrêté du 8 mars 1906 du Gouverneur général de l'Indochine portant création du Service du Cadastre au Tonkin.

Nghị định ngày 08 tháng 3 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Địa chính Bắc Kì.

(Nguồn: J 1055, JOIF 1906, tr.455)

Nghị định gồm 15 điều với nội dung chính sau:

Sở Địa chính Bắc Kì trở thành sở độc lập dưới quyền quản lí của Thống sứ Bắc Kì và đứng đầu là một Chánh Sở. Nghị định quy định chi tiết về nhân sự của Sở.

151. Arrêté du 6 août 1906 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'organisation intérieure et les attributions du Cabinet du Gouvernement général et du Secrétariat général de l'Indochine.

Nghị định ngày 06 tháng 8 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi tổ chức nội bộ và quyền hạn của Văn phòng Toàn quyền và Phó Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1055, JOIF 1906, tr.1206)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Từ ngày 01 tháng 9 năm 1906, quyền hạn của Bộ phận 2 thuộc Văn phòng Phó Toàn quyền chuyển giao cho Văn phòng Toàn quyền.

Bãi bỏ Văn phòng Phó Toàn quyền, thay thế bằng Ban Tổng Thư kí có quyền hạn như Bộ phận 1 của Văn phòng.

Trưởng bộ phận hành chính Phủ Phó Toàn quyền trở thành trợ lí Phó Toàn quyền Đông Dương. Trường hợp Phó Toàn quyền vắng mặt hoặc không thể đến, trợ lí Phó Toàn quyền chịu trách nhiệm giải quyết các công việc hiện thời và khẩn cấp của Phủ Phó Toàn quyền.

152. Arrêté du 3 septembre 1906 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 7 de l'arrêté du 27 avril 1904 portant organisation du personnel de l'Instruction publique du Tonkin.

Nghị định ngày 03 tháng 9 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 7 của Nghị định ngày 27 tháng 4 năm 1904 liên quan đến tổ chức nhân sự của Sở Học chính Bắc Kì.

(Nguồn: J 1055, JOIF 1906, tr.1291)

Nghị định gồm 2 điều với nội dung chính sau:

Điều 7 của Nghị định ngày 27 tháng 4 năm 1904 về tổ chức nhân sự của Sở Học chính Bắc Kì sửa đổi như sau: "Giáo viên và giáo viên tiểu học tập sự chỉ có quyền nâng bậc ít nhất sau 1 năm làm việc. Giáo viên và giáo viên tiểu học thực thụ chỉ được cất nhắc lên hạng cao hơn sau hai năm làm việc trong bậc, trong đó có ít nhất 1 năm lưu trú thực sự tại thuộc địa".

153. Décret du 19 octobre 1906 du Président de la République française réorganisant le Comité consultatif de l'Instruction publique des colonies.

Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức lại Uỷ ban Tư vấn Học chính thuộc địa.

(Nguồn: J 1055, JOIF 1906, tr.1839-1840)

Sắc lệnh gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Thành phần của Uỷ ban Tư vấn Học chính thuộc địa thuộc Bộ Thuộc địa được thành lập theo Sắc lệnh ngày 18 tháng 01 năm 1895 quy định như sau:

- Chủ tịch: Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

- Phó Chủ tịch: Tổng Thanh tra Học chính.

Các uỷ viên: Tổng Thanh tra Học chính, Tổng Thanh tra Giáo dục kĩ thuật, Tổng Thư kí Bộ Thuộc địa, Giám đốc phụ trách công việc châu Phi và Giám đốc phụ trách công việc châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương của Bộ Thuộc địa, Tổng Thanh tra - Trưởng bộ phận giám sát Bộ Thuộc địa, 2 Trưởng phòng thuộc Nha Học chính (một Trưởng phòng phụ trách giáo dục tiểu học, 2 phụ trách giáo dục trung học hoặc đại diện), 1 giáo viên bậc giáo dục cao đẳng, 1 giáo viên bậc giáo dục trung học, 1 thanh tra tiểu học hoặc hiệu trưởng trường sư phạm hoặc trường cao đẳng tiểu học chính quốc, một thanh tra hoặc giáo viên giảng dạy kĩ thuật, một giáo viên trường tư về khoa học chính trị, năm nhà công nghiệp, thương gia hoặc chủ hãng có công ti hoặc lợi ích ở thuộc địa.

- Thư kí (có quyền tham vấn): Trưởng ban Thư kí của Uỷ ban.

- Phó thư kí: Viên chức của Bộ Thuộc địa, Phó Trưởng Ban thư kí.

Uỷ ban có quyền triệu tập những người được coi là cần thiết tới các phiên họp để tham khảo ý kiến.

Uỷ ban chịu trách nhiệm kiểm tra mọi vấn đề liên quan đến tổ chức hành chính của cơ quan giáo dục thuộc địa, tổ chức sư phạm (phương pháp, chương trình, sách giáo khoa), tuyển dụng nhân sự, thành lập và giám sát các trường sư phạm thuộc địa, xếp hạng và

nâng bậc nhân sự ngạch viên chức chính quốc biệt phái tới thuộc địa, nắm rõ báo cáo hàng năm về tình hình giảng dạy tại thuộc địa.

Thành viên của Uỷ ban không tham gia vì đặc thù chức vụ sẽ được bổ nhiệm theo nghị định của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Uỷ ban nhóm họp ba tháng một lần hoặc thường xuyên theo triệu tập của Chủ tịch. Phụ tá cho uỷ ban là ban thư kí thường trực, đảm nhiệm về quan hệ với các cơ quan của chính quyền trung ương.

Thành phần nhân sự của Ban Thư kí Uỷ ban cũng như quyền hạn hành chính và cách thức làm việc của cơ quan này sẽ do Bộ trưởng Bộ Thuộc địa quy định bằng Nghị định.

154. Arrêté du 30 octobre 1906 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service de l'Enseignement en Annam.

Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức của Sở Học chính Trung Kì.

(Nguồn: J 1055, JOIF 1906, tr.1634-1635)

Nghị định gồm 3 phần, 25 điều với các nội dung chính sau:

Hệ giáo dục Pháp tại Trung Kì được áp dụng:

- Tại các trường dành cho nam sinh và các trường hỗn hợp - nơi có số nam sinh cao hơn số nữ sinh, thầy dạy người Pháp nhiều hơn thầy dạy người bản xứ. Thầy dạy người Pháp có chức danh giáo viên, thầy dạy người bản xứ có chức danh giáo viên tiểu học.

- Tại các trường dạy nữ sinh và trong các trường hỗn hợp nơi có số nữ sinh cao hơn hoặc bằng số nam sinh, có giáo viên tiểu học người Pháp.

Phần I. Nhân sự người Pháp

Thứ bậc và lương của viên chức người Pháp trong Sở Học chính Trung Kì quy định như sau:

Giáo viên:

- Giám đốc Sở: Lương châu Âu: 16.000-12.000 phơ-răng, lương thuộc địa: 8.000-6.000 phơ-răng.

- Giáo viên chính ngoại hạng: lương châu Âu: 11.000 phơ-răng và lương thuộc địa: 5.500 phơ-răng, giáo viên hạng 1: 10.000 phơ-răng và 5.000 phơ-răng, giáo viên hạng 2: 9.000 phơ-răng và 4.500 phơ-răng.

- Giáo viên hạng 1: lương châu Âu: 8.000 phơ-răng và lương thuộc địa: 4.000 phơ-răng, hạng 2: 7.000 phơ-răng và 3.500 phơ-răng, hạng 3: 6.000 phơ-răng và 3.000 phơ-răng, hạng 4: 5.000 phơ-răng và 2.500 phơ-răng, tập sự: 4.000 phơ-răng và 2.000 phơ-răng.

- Giáo viên tiểu học: hạng 1: lương châu Âu: 6.000 phơ-răng và lương thuộc địa: 3.000 phơ-răng, hạng 2: 5.500 phơ-răng và 2.750 phơ-răng, hạng 3: 5.000 phơ-răng và 2.500 phơ-răng, hạng 4: 4.500 phơ-răng và 2.250 phơ-răng, hạng 5: 4.000 phơ-răng và 2.000 phơ-răng, tập sự: 3.000 phơ-răng và 1.500 phơ-răng.

Ứng cử viên vào chức danh giáo viên tập sự hoặc giáo viên phải đủ năng lực tiếng Pháp, đáp ứng điều kiện tuyển quân hoặc có giấy miễn quân dịch hợp pháp, có giấy chứng nhận hạnh kiểm tốt, giấy khám sức khoẻ chứng nhận năng lực thể chất đáp ứng điều kiện lưu trú tại Đông Dương, tuổi từ 23 đến 30. Các ứng cử viên đủ điều kiện có thể được bổ nhiệm làm giáo viên tập sự nếu có bằng tú tài, bằng cao đẳng tiểu học sơ cấp hoặc bằng giảng dạy tiểu học kèm theo chứng chỉ năng lực sư phạm. Nếu có bằng văn chương hoặc khoa học, có thể được bổ nhiệm trực tiếp làm giáo viên hạng 3.

Ứng cử viên vào chức danh giáo viên tập sự phải đủ trình độ tiếng Pháp,có giấy chứng nhận hạnh kiểm tốt, có giấy khám sức khoẻ chứng nhận năng lực thể chất đáp ứng điều kiện lưu trú tại Đông Dương và đủ 20 tuổi hoặc trên 40 tuổi. Các ứng cử viên đáp ứng đủ các điều kiện trên có thể được bổ nhiệm làm giáo viên tiểu học tập sự nếu có bằng cao đẳng giảng dạy tiểu học hoặc có chứng chỉ sơ cấp kèm theo chứng chỉ năng lực sư phạm.

Giáo viên và giáo viên tiểu học đáp ứng các điều kiện quy định trong Nghị định ngày 30 tháng 12 năm 1903, sửa đổi bằng Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1905 được chu cấp nhà ở hoặc nhận trợ cấp tượng trưng.

Giáo viên hoặc giáo viên tiểu học tập sự chỉ có quyền được nâng bậc ít nhất sau 1 năm làm việc, chỉ được thăng lên hạng cao hơn sau 2 năm làm việc tại hạng, trong đó có 1 năm làm việc thực tại thuộc địa.

Giáo viên phải đủ năng lực tiếng bản xứ khi chuyển từ hạng 4 lên hạng 3.

Về vấn đề đi lại bằng đường biển, giáo viên và giáo viên tiểu học hưởng trợ cấp đi đường và lưu trú theo quy định của Sắc lệnh ngày 03 tháng 7 năm 1897 sửa đổi bằng Sắc lệnh ngày 06 tháng 7 năm 1904, về điều trị ở bệnh viện, theo quy định của Sắc lệnh ngày 09 tháng 10 năm 1897 và Sắc lệnh liên bộ ngày 10 tháng 3 năm 1897.

Các hình thức kỉ luật áp dụng đối với viên chức người Pháp như sau: Cảnh cáo hoặc khiển trách, khiển trách và ghi vào hồ sơ, treo chức, giáng cấp, cách chức. Ba hình thức kỉ luật đầu tiên sẽ do Khâm sứ quyết định, hình thức giáng cấp, cách chức do Toàn quyền quyết định sau khi có kết luận của Hội đồng Điều tra. Thành phần Hội đồng Điều tra như sau: Chủ tịch: quan cai trị dân sự, các uỷ viên: Chánh văn phòng Phủ Khâm sứ, một viên chức có ngạch bậc cao hơn hoặc bằng với viên chức đang bị điều tra.

Giáo viên hoặc giáo viên tiểu học tập sự có thể bị sa thải nếu không đủ năng lực chuyên môn và được bồi thường theo quy định trong điều 13, phần III của Sắc lệnh ngày 23 tháng 12 năm 1897.

Phần II: Nhân sự bản xứ

Giáo viên người bản xứ ngành giáo dục Pháp - Việt được tuyển dụng phải đủ 21 tuổi, có chứng chỉ học bổ sung Pháp-Việt, có giấy chứng nhận hạnh kiểm tốt, bằng cấp chuyên môn tương đương được cấp ở Bắc Kì và Nam Kì. Đối với giáo viên dạy chữ Hán giảng dạy trong các trường Pháp-Việt, chứng chỉ học bổ sung Pháp-Việt có thể thay bằng một trong số các học vị sau: Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân hoặc Tú tài.

Lương của giáo viên bản xứ được quy định như sau:

- Giáo viên tiểu học chính hạng 1: 840 đồng, hạng 2: 780 đồng.

- Giáo viên tiểu học thực thụ hạng 1: 720 đồng, hạng 2: 660 đồng, hạng 3: 600 đồng, hạng 4: 550 đồng, hạng 5: 500 đồng, hạng 6: 450 đồng.

- Trợ lí giáo viên tiểu học hạng 1: 400 đồng, hạng 2: 350 đồng, hạng 3: 300 đồng, hạng 4: 240 đồng.

Giáo viên tiểu học có bằng sơ cấp hoặc cao đẳng của Pháp hưởng lương theo quy định như sau:

- Giáo viên tiểu học chính hạng 1: 1.400 đồng, hạng 2: 1.300 đồng.

- Giáo viên tiểu học thực thụ hạng 1: 1.200 đồng, hạng 2: 1.100 đồng, hạng 3: 1.000 đồng, hạng 4: 900 đồng, hạng 5: 800 đồng, hạng 6: 720 đồng.

Thời gian làm việc tối thiểu trong mỗi hạng của ngạch công chức bản xứ để được nâng bậc là 1 năm làm việc thực đối với trợ lí giáo viên tiểu học, 2 năm làm việc thực đối với giáo viên tiểu học thực thụ, 3 năm làm việc thực đối với giáo viên tiểu học chính.

Việc bổ nhiệm và nâng bậc của giáo viên tiểu học bản xứ do Khâm sứ Trung Kì quyết định.

Các hình thức kỉ luật quy định trong điều 10 của nghị định này cũng được áp dụng đối với giáo viên tiểu học bản xứ và do Khâm sứ Trung Kì quyết định. Hình thức cách chức được quyết định sau khi có kết luận của Uỷ ban Điều tra do Khâm sứ chỉ định. Thành phần Uỷ ban Điều tra gồm: Chủ tịch: 1 quan cai trị dân sự và các uỷ viên: 1 thành viên người Pháp và 1 giáo viên tiểu học bản xứ có ngạch bậc cao hơn hoặc bằng với ngạch bậc của người bị điều tra.

Chế độ nghỉ phép hành chính, nghỉ phép không lương và nghỉ phép do ốm đau cũng được áp dụng đối với giáo viên tiểu học, theo các điều kiện như đối với thư kí - thông ngôn và thư lại thuộc ngạch công chức dân sự Trung Kì.

Lương hưu của giáo viên tiểu học tuân theo quy định của Nghị định ngày 15 tháng 09 năm 1898 về lương hưu của quân nhân và nhân viên dân sự bản xứ Đông Dương.

Phần III. Quy định chung

Giáo viên và giáo viên tiểu học thuộc nhân sự người Âu làm việc tại Trung Kì sẽ được xếp vào các khung mức lương mới được hưởng theo học vị. Nếu lương cũ không tương đương với các mức lương mới quy định tại điều 2, giáo viên và giáo viên tiểu học thuộc nhân sự người

Âu sẽ được bổ nhiệm vào hạng thấp hơn và tạm thời được hưởng lương hiện thời cho đến khi được nâng bậc theo quy định.

Giáo viên thuộc ngạch công chức Bắc Kì biệt phái đến Trung Kì được xếp vào ngạch công chức mới trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ban hành nghị định này.

Một Uỷ ban do Khâm sứ chỉ định chịu trách nhiệm tuyển dụng vào biên chế các giáo viên tiểu học bản xứ hiện đang làm việc tại tỉnh dựa trên thâm niên và các đánh giá trước đó.

155. Décret ministériel du 11 novembre 1906 modifiant le décret du 14 juillet 1904 relatif à la réorganisation du Service de la Trésorerie en Indochine.

Sắc lệnh liên bộ Tài chính và Thuộc địa ngày 11 tháng 11 năm 1906 sửa đổi bổ sung Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1904 về tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương.

(Nguồn: J 1054, JOIF 1906, tr.206)

Sắc lệnh gồm 2 điều:

Điều 1. Sửa đổi điều 21 trong Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1904 về tuyển dụng "Nhân viên phát tiền, tham tá chính và tham tá" của Nha Ngân khố.

Điều 2. Điều 22 trong Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1904 được bổ sung như sau: "Tuỳ viên của Bộ Tài chính được nhận vào Nha Ngân khố Đông Dương sẽ được bổ nhiệm vào chức danh tương đương với bậc lương được hưởng tại thời điểm ban hành Sắc lệnh này".

156. Décret du 14 novembre 1906 du Président de la République française instituant une Direction générale de l'Instruction publique en Indochine.

Sắc lệnh ngày 14 tháng 11 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định thành lập Tổng Nha Học chính Đông Dương

(Nguồn: J 1055, JOIF 1906, tr.207)

Sắc lệnh gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan Học chính ở Đông Dương gồm Tổng Nha Học chính Đông Dương và các Sở Học chính địa phương.

Giám đốc Nha Học chính được chọn trong số viên chức thuộc Bộ Học chính có ít nhất là bằng cử nhân được bổ nhiệm bằng sắc lệnh theo đề nghị của Toàn quyền.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tổng Nha Học chính được quy định trong nghị định của Toàn quyền. Các Chánh Sở Học chính địa phương đặt dưới quyền giám sát của Giám đốc về mọi vấn đề liên quan đến kĩ thuật hay chuyên môn và thuộc quyền của Thống đốc Nam Kì, Thống sứ hoặc Khâm sứ về hành chính và ngân sách.

Mức lương của Giám đốc Tổng Nha được quy định như sau: Lương châu Âu: 10.000 phơ-răng, phụ cấp thuộc địa: 10.000 phơ-răng. Ngoài ra, Giám đốc còn hưởng công tác phí và phí đi đường hàng năm do Toàn quyền quy định. Lương và phụ cấp cho nhân sự khấu vào ngân sách chung Đông Dương.

157. Décret du 8 décembre 1906 du Président de la République française créant une Direction général de l'Indochine des Finances et de Comptabilité.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 12 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thành lập Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.142)

Sắc lệnh gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương được thành lập theo đề nghị trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương.

Giám đốc Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương chịu trách nhiệm chuẩn bị, thực hiện ngân sách chung Đông Dương và ngân sách vay do Nha ra lệnh chi trả. Giám đốc có thể uỷ quyền về kinh phí cho Thống đốc Nam Kì, các Thống sứ, Khâm sứ và Giám đốc các Sở của Đông Dương. Giám đốc cũng có quyền hạn đặc biệt của Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản và Tem Đông Dương, tập trung những thông tin

liên quan đến quản lí ngân sách các địa phương, tỉnh và thành phố.

Giám đốc Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương được tham gia Hội đồng Tối cao Đông Dương.

Lương của Giám đốc Nha Tài chính và Kế toán quy định như sau: Lương châu Âu: 15.000 phơ-răng, lương thuộc địa: 30.000 phơ-răng, công tác phí: 10.000 phơ-răng, áp dụng tương tự với phí đi đường, lưu trú và nhập viện, dành cho Giám đốc các Nha tại Đông Dương (hạng 1A).

158. Arrêté n° 3511 du 10 décembre 1906 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province de Haininh.

Nghị định số 3511 ngày 10 tháng 12 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập tỉnh Hải Ninh.

(Nguồn: RST - 5453, tờ số 1)

Nghị định gồm 4 điều, theo đó, tỉnh Hải Ninh được thành lập có tỉnh lị tại Móng Cái gồm các châu Móng Cái, Hà Vi và Tiên Yên.

159. Arrêté du 9 janvier 1907 du Gouverneur général de l'Indochine créant, à titre d'essai, en Cochinchine, deux régions d'inspections des Services civils.

Nghị định ngày 09 tháng 01 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập thử nghiệm 2 khu vực thanh tra các cơ quan dân sự tại Nam Kì.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.80)

Nghị định gồm 7 điều với một số nội dung chính sau:

Quyết định thành lập thử nghiệm 2 khu vực thanh tra các cơ quan dân sự tại Nam Kì;

Khu vực thanh tra thứ nhất gồm các tỉnh: Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hoà, Bà Rịa, Tây Ninh;

Khu vực thanh tra thứ hai gồm: tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc.

Hoạt động thanh tra tại hai khu vực trên do thanh tra viên hoặc quan cai trị ngạch dân sự hạng 1 đảm nhiệm. Hàng năm, thanh tra viên hoặc quan cai trị hạng 1 hưởng trợ cấp cố định trị giá 2.400 đồng bạc công tác phí và lộ phí trong phạm vi khu vực quản lí và được hỗ trợ về phương tiện đi lại.

Giúp việc các Chánh Chủ tỉnh là Phó Chủ tỉnh, người được uỷ quyền thường trực để giải quyết công việc và kí chứng từ kế toán. Phó Chủ tỉnh hưởng 600 đồng bạc/năm tiền công tác phí từ ngân sách tỉnh.

160. Arrêté du 24 janvier 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Finances et de Comptabilité de l'Indochine .

Nghị định ngày 24 tháng 01 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr. 143-144)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau: Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương chia thành hai bộ phận: Bộ phận 1: phụ trách các vấn đề ngân sách chung Đông Dương và ngân sách vay. Bộ phận 2: phụ trách tập trung ngân sách các địa phương, tỉnh và thành phố.

161. Arrêté du 8 février 1907 du Gouverneur général de l'Indochine créant une troisième région d'inspection des Services civils en Cochinchine.

Nghị định ngày 08 tháng 02 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập khu vực thanh tra các cơ quan dân sự thứ 3 tại Nam Kì.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.239)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung sau:

Khu vực thanh tra các cơ quan dân sự thứ 3 được thành lập tại Nam Kì theo quy định tại Nghị định ngày 09 tháng 01 năm 1907. Trụ sở khu vực thanh tra thứ 1 được chuyển từ Thủ Dầu Một về Gia Định.

162. Arrêté du 12 février 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service des Travaux publics en Indochine.

Nghị định ngày 12 tháng 02 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức cơ quan Công chính ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.245)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan Công chính ở Đông Dương được tổ chức thành các khu công chính theo các kì và các khu đặc biệt phụ trách các công việc về hầm mỏ, đường biển và đường sắt.

Các khu đặc biệt gồm:

1. Khu Hầm mỏ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các công việc về hầm mỏ, công trường đá, nguồn nước khoáng, máy hơi nước và lập bản đồ địa chất ở Đông Dương.

2. Khu phụ trách đường biển Bắc Kì chịu trách nhiệm nghiên cứu và thi công các công trình liên quan đến giao thông đường biển, công tác hải đăng ở biển Đông.

3. Khu Đường sắt phía Bắc

4. Khu Đường sắt Trung Trung Kì

5. Khu Đường sắt Phan Rang

6. Khu Đường sắt phía Nam

7. Khu phụ trách kiểm tra việc xây dựng tuyến đường Lào Cai - Vân Nam.

163. Arrêté du 14 mars 1907 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 31 décembre 1899 organique des municipalités de Hanoï et de Haiphong.

Nghị định ngày 14 tháng 3 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1899 về tổ chức các Hội đồng Thành phố của Hà Nội và Hải Phòng.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.355)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Điều 2 của Nghị định 31 tháng 12 năm 1907 sửa đổi như sau:

"Bộ máy quản lí thành phố (corps municipal) Hà Nội và Hải Phòng gồm Hội đồng Thành phố, Đốc lí và 2 Phó Đốc lí".

"Hội đồng Thành phố gồm:

Đối với Hà Nội: 12 thành viên người Pháp hoặc những người đã nhập quốc tịch Pháp, được bổ nhiệm theo hình thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp và 4 thành viên người An-nam do cử tri người bản xứ bầu.

Đối với Hải Phòng: 10 thành viên người Pháp hoặc những người đã nhập quốc tịch Pháp, được bổ nhiệm theo hình thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp, 2 thành viên người An-nam do các cử tri người bản xứ bầu và 2 thành viên người Hoa hoặc người châu Á do cử tri người Hoa hoặc người châu Á bầu".

"Chức năng của Đốc lí sẽ do một quan cai trị hạng 1 thuộc ngạch dân sự Đông Dương hoặc quan cai trị hạng 2 đảm trách. Đốc lí do Toàn quyền bổ nhiệm cho nhiệm kì 3 năm, theo giới thiệu của Thống sứ. Quan cai trị hạng 1 hoàn thành chức vụ Đốc lí sẽ được thăng bậc lên Thanh tra dân sự trong thời gian 3 năm nhiệm kì và giữ chức cho đến khi mãn nhiệm".

"Giúp việc cho Đốc lí là 2 Phó Đốc lí. Các Phó Đốc lí sẽ do Thống sứ bổ nhiệm, theo giới thiệu của Hội đồng Thành phố và được chọn trong số uỷ viên người Pháp".

164. Arrêté du 25 avril 1907 du Gouverneur général de l'Indochine rapportant l'arrêté du 4 juillet 1905, portant création de la province moĩ de Plei-kou-Derr (Annam).

Nghị định ngày 25 tháng 4 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương bãi bỏ Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1905 về việc thành lập tỉnh Plâycu Đe (Trung Kì).

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.654)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung chính như:

Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1905 về việc thành lập tỉnh Plâycu Đe bị hủy bỏ. Tỉnh Plâycu Đe tạm thời được sáp nhập vào tỉnh Quy Nhơn.

165. Arrêté du 1er mai 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une commission consultative de notables indigènes.

Nghị định ngày 01 tháng 5 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.777)

Nghị định gồm 13 điều với các nội dung chính sau:

Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ được thành lập tại mỗi tỉnh của Bắc Kì dựa trên cơ cấu thành viên như sau: 1 kì hào tại huyện có 7 tổng hoặc ít hơn, 2 kì hào đối với các huyện có trên 7 tổng.

Thành viên các Uỷ ban này được bổ nhiệm thông qua bầu cử nhiệm kì 3 năm. Đoàn cử tri bao gồm các Chánh tổng, phó Chánh tổng, tiên chỉ, thứ chỉ, Lí trưởng tại chức cùng các cựu chánh, phó Chánh tổng thực thụ. Các thành viên mãn nhiệm có thể được bầu lại.

Mọi khiếu nại bầu cử đầu tiên sẽ do các Công sứ - Chánh Chủ tỉnh xem xét với sự tham dự của quan lại địa phương và cuối cùng là Thống sứ cùng với hai quan lại cấp cao do chính Thống sứ chỉ định.

Các Uỷ ban tư vấn sẽ được triệu tập cho ý kiến để chuẩn bị ngân sách tỉnh và có thể đưa ra đề nghị về điều hành công việc liên quan đến lợi ích chính trị, được tham vấn về các vấn đề khác nhau của tỉnh. Phiên họp của các Uỷ ban diễn ra theo triệu tập của các Công sứ, một năm hai lần hoặc ít hơn vào tháng 3 và tháng 10. Thời gian của phiên họp không quá 8 ngày. Công sứ có thể triệu họp Uỷ ban sau khi có sự cho phép của Thống sứ, nếu xét thấy cần thiết.

Các Uỷ ban liên tỉnh ra đời thông qua cuộc họp của uỷ ban tư vấn của hai hoặc nhiều tỉnh có thể nhóm họp theo triệu tập của Thống sứ để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lợi ích chung. Các Uỷ ban này sẽ do một thanh tra dân sự hoặc một quan cai trị hạng 1 do Thống sứ chỉ định làm Chủ tịch.

Công sứ cùng với một số quan lại cấp tỉnh mở phiên họp trình bày trước các thành viên của Uỷ ban về các vấn đề đã được trình và rời khỏi phiên họp để các thành viên thảo luận. Các tranh luận sẽ do một thành viên của Uỷ ban bầu làm chủ tịch và bầu lại mỗi năm một

lần và có thể tái đắc cử. Những người không phận sự không được phép vào phòng thảo luận. Kết thúc phiên họp, Chủ tịch trình lên Công sứ biên bản cuộc họp, trong đó ghi rõ các thảo luận cũng như giải pháp được thông qua. Công sứ gửi biên bản các cuộc họp trên lên Thống sứ trong thời hạn 15 ngày kể từ khi kết thúc phiên họp.

Thành viên các Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ có chức danh Hội viên và được Công sứ - Chánh Chủ tỉnh cấp chứng nhận đã đắc cử vào Uỷ ban.

166. Arrêté n° 1357bis du 4 mai 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant institution au Tonkin d'une Chambre consultative indigène.

Nghị định số 1357bis ngày 04 tháng 5 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Phòng Tư vấn bản xứ tại Bắc Kì.

(Nguồn: RST - 55449-01, tờ số 1-5)

Nghị định gồm 3 phần, 13 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Thành lập một Phòng Tư vấn bản xứ

Phòng Tư vấn bản xứ được thành lập tại Bắc Kì với nhiệm vụ góp ý về các loại thuế, các công việc hành chính, kinh tế liên quan đến người bản xứ tại Bắc Kì, đặc biệt liên quan đến các loại thuế bản xứ. Thành viên Phòng Tư vấn được bầu với nhiệm kì 3 năm.

Phòng Tư vấn được chia thành 3 bộ phận: Bộ phận 1: phụ trách những người đóng thuế là người An-nam không liên quan đến sổ thuế môn bài bản xứ. Bộ phận 2: phụ trách những người đóng thuế môn bài là người An-nam ngoài hai thành phố Hải Phòng và Hà Nội. Bộ phận 3: quản lí những người đóng thuế bản xứ không phải là người An-nam.

Phần II. Quy định về bầu cử - Cử tri - Tư cách được bầu

Hai bộ phận 1 và 2 của Phòng Tư vấn được bầu qua hình thức bỏ phiếu kín.

Đối với bộ phận 1: cử tri gồm:

- Những người An-nam giữ chức vụ dân cử như Chánh tổng, Phó Chánh tổng, tiên chỉ, thứ chỉ, Lí trưởng và hai người khác không phải là kì hào được mỗi làng chỉ định.

- Những người An-nam nghỉ hưu hoặc nghỉ phép vô thời hạn cũng như là những người mang phẩm hàm quan lại dân sự hay quân sự, người bản xứ được tặng thưởng "Sắc tứ Minh Long", "Long Bội tinh", huân chương hoàng gia Cao Miên, huân chương Danh dự Bội tinh hay Kim khánh. Các nho sĩ An-nam, khoa bảng của các kì thi Đình, khoá sinh cũng như người An-nam có bằng hoặc chứng chỉ của hệ thống giáo dục Pháp hoặc Pháp - Việt.

Thành viên của bộ phận 1 được bầu dựa trên số lượng người đóng thuế, nội tịch hoặc ngoại tịch. Thống sứ quy định bằng nghị định tại mỗi tỉnh hoặc xứ, mỗi khu vực bầu cử tại các tỉnh hoặc xứ có 35 nghìn người đóng thuế nội tịch hoặc ngoại tịch. Mỗi khu vực bầu cử có một đại diện trong Phòng Tư vấn.

Đối với bộ phận 2: là những người An-nam đóng thuế môn bài ở 6 hạng đầu.

Thành viên của bộ phận 2 được bầu theo vùng, xứ, một đại diện cho mỗi vùng, xứ có 100 hoặc dưới 100 người đóng thuế môn bài các hạng và hai đại diện cho các vùng, xứ có từ trên 100 người đóng thuế môn bài.

Thành viên của bộ phận 3 do Toàn quyền bổ nhiệm, lựa chọn những người có tên trong danh sách giới thiệu do Thống sứ đệ trình, dựa trên đề nghị của chủ xứ hoặc Chánh Chủ tỉnh.

Những người là thành viên Phòng Tư vấn không được tham gia bầu cử. Cử tri đủ điều kiện sẽ được niêm yết tên trong danh sách cử tri để bầu ra hai bộ phận 1 và 2. Những người không đủ tư cách để được bầu là những người bản xứ dưới 30 tuổi, quân nhân và lính khố xanh, các viên chức của chính phủ Bảo hộ hoặc chính quyền bản xứ trừ những người đang nghỉ phép vô thời hạn. Trường hợp một trong số đối tượng trên trúng cử, chỉ được trở lại làm việc sau khi mãn nhiệm.

Mọi khiếu nại liên quan đến việc bầu các thành viên của bộ phận 1 và 2 sẽ được Công sứ và quan lại hàng tỉnh xem xét đầu tiên về mặt hành chính. Nếu ngang bằng số phiếu, quyền quyết định thuộc về

Công sứ. Mọi kháng quyết định được tiến hành trong thời hạn 1 tháng kể từ có thông báo của các bên và được chuyển đến một Uỷ ban Hành chính gồm Thống sứ hoặc đại diện, hai quan lại có phẩm hàm cao do Toàn quyền chỉ định. Kết quả bầu cử cuối cùng do Toàn quyền phê chuẩn.

Việc bầu thành viên của Uỷ ban diễn ra ba năm một lần, thời gian cố định quy định trong nghị định của Thống sứ Bắc Kì. Các uỷ viên làm việc không được hưởng lương nhưng được hưởng chế độ miễn phí tiền vé giao thông và các trợ cấp đi đường, lưu trú theo quy định trong Nghị định ngày 22 tháng 02 năm 1902 đối với viên chức hạng 1B.

Phần III. Hoạt động của Phòng Tư vấn

Các bộ phận của Phòng Tư vấn bản xứ nhóm họp tại Hà Nội từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 10 hàng năm, theo triệu tập của Thống sứ Bắc Kì. Ngoài cuộc họp thường niên, Thống sứ có thể triệu tập Phòng Tư vấn nếu cần thiết sau khi được Toàn quyền cho phép. Các bộ phận thảo luận tự do về các vấn đề liên quan đến các hạng đóng thuế môn bài thuộc quyền quản lí. Các bộ phận sẽ bầu ra Ban Chỉ đạo gồm một Chủ tịch và bốn thành viên. Mỗi bộ phận có thể chia thành nhiều nhóm do một thành viên của Ban Chỉ đạo làm chủ toạ, nhằm tạo điều kiện cho việc nghiên cứu và kết luận về các vấn đề nêu ra. Các bộ phận họp hội nghị toàn thể theo quyết định của Thống sứ để thảo luận những vấn đề chung và do Thống sứ làm Chủ tịch. Việc bỏ phiếu tại hội nghị toàn thể thực hiện theo thể thức bỏ phiếu kín. Các vấn đề mà chính quyền đưa ra cho các bộ phận của Phòng Tư vấn được trình bày thành văn bản, các thông tri viết bằng tiếng Pháp, chữ quốc ngữ và chữ Hán. Những thông tri này phải được Toàn quyền phê chuẩn và chuyển tới các thành viên trước khi diễn ra phiên họp. Viên chức đại diện cho Toàn quyền tuân thủ quy định của mỗi bộ phận, giải thích theo yêu cầu và rời cuộc họp trước khi diễn ra thảo luận. Những người không phận sự không được phép vào phòng thảo luận, trừ thành viên của Phòng Tư vấn hoặc những người theo quy định của nghị định này và Toàn quyền hoặc đại diện của Toàn quyền.

Khoảng thời gian từ ngày Phòng Tư vấn được triệu tập đến ngày diễn ra phiên họp, các cử tri nhóm họp tại các khu vực bầu cử dưới sự chủ toạ của đại diện khu vực để tham vấn về các vấn đề mà chính

quyền nêu ra cho Phòng Tư vấn tại điều 10. Những người đứng đầu xứ, tỉnh hoặc đại diện tham dự các cuộc họp này với thời gian diễn ra do Thống sứ quyết định.

Thống sứ sẽ ban hành các nghị định về quy định chi tiết không nêu trong nghị định này, đặc biệt liên quan đến công việc hoàn tất và duyệt lại danh sách cử tri, hình thức và thời hạn triệu tập cử tri, cách thức bỏ phiếu, quá trình thành lập khu vực bỏ phiếu và địa điểm diễn ra cuộc họp của Phòng Tư vấn.

167. Arrêté du 12 juin 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Cheo Reo, province de Phu Yen.

Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập trung tâm hành chính tại Cheo Reo, tỉnh Phú Yên.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.953)

Nghị định gồm 4 điều với một số nội dung sau:

Trung tâm hành chính Cheo Reo được thành lập tại tỉnh Phú Yên.

Trưởng trung tâm hành chính Cheo Reo đặt dưới quyền quản lí của Công sứ Pháp tại Sông Cầu.

168. Arrêté du 12 juin 1907 du Gouverneur général de l'Indochine créant un centre administratif à Kon - tuom, province de Qui Nhon (Annam).

Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập trung tâm hành chính tại Kon Tum, tỉnh Qui Nhơn (Trung Kì).

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.953-954)

Nghị định gồm 4 điều với một số nội dung sau:

Một trung tâm hành chính được thành lập tại Kon Tum, tỉnh Qui Nhơn.

Trưởng trung tâm hành chính Kon Tum đặt dưới quyền quản lí của Công sứ Pháp tại Qui Nhơn.

169. Arrêté du 12 juillet 1907 du Gouverneur général de l'Indochine transformant le 4è territoire en province civile de Laokay.

Nghị định ngày 12 tháng 7 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định chuyển Đạo Quan binh 4 thành tỉnh dân sự Lào Cai.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.1053)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung chính sau:

Từ ngày 01 tháng 8 năm 1907, Đạo Quan binh 4 sẽ chuyển thành tỉnh dân sự Lào Cai. Việc kiểm soát công việc của tỉnh sẽ do Công sứ - Chánh Chủ tỉnh Lào Cai đảm trách, dưới quyền của Thống sứ Bắc Kì. Công sứ cũng đảm trách chức năng cảnh sát biên giới theo quy định của Nghị định ngày 16 tháng 5 năm 1906, liên quan đến tỉnh Lạng Sơn.

170. Arrêté du 10 octobre 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant création, à titre d'essai, en Cochinchine, de deux régions d'inspection des services civils.

Nghị định ngày 10 tháng 10 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập thử nghiệm 2 khu vực thanh tra các cơ quan dân sự tại Nam Kì.

(Nguồn: J 1056, JOIF 1907, tr.1581-1582)

Nghị định gồm 12 điều với một số nội dung chính sau:

Quyết định thành lập thử nghiệm 2 khu vực thanh tra các cơ quan dân sự tại Nam Kì.

Khu vực thanh tra thứ nhất gồm các tỉnh: Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định và Chợ Lớn, trong đó Gia Định là trung tâm thanh tra.

Khu vực thanh tra thứ hai gồm: tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu và Sóc Trăng, trong đó Cần Thơ là trung tâm thanh tra.

Hoạt động thanh tra tại hai khu vực trên do thanh tra viên các cơ quan dân sự hoặc quan cai trị hạng 1 đảm nhiệm.

Thanh tra viên hoặc quan cai trị hạng 1 giữ chức Chánh Chủ tỉnh tại nơi cư trú.

Thanh tra viên kiểm soát tất cả các cơ quan trực thuộc chính quyền cấp kì và cấp tỉnh trong khu vực quản lí.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, thanh tra viên có quyền triệu tập người đại diện của các cơ quan trung ương khi cần tìm hiểu thông tin.

Hàng năm, thanh tra khu vực hưởng trợ cấp cố định trị giá 2.400 đồng công tác phí và lộ phí trong phạm vi khu vực quản lí và được hỗ trợ về phương tiện đi lại.

Thanh tra giúp việc cho Phó Toàn quyền hoặc quan cai trị hạng 1 phụ trách thanh tra những tỉnh không thuộc địa phận các khu vực thanh tra kể trên, được hưởng phụ cấp theo quy định tại điều 6 của Nghị định này, phụ cấp nhà ở trị giá 1000 đồng bạc và những ưu đãi khác dành cho Chánh Chủ tỉnh theo Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1905.

Giúp việc cho Chánh Chủ tỉnh là 1 Phó Chủ tỉnh được uỷ quyền kí xác nhận đối với công việc thường ngày của tỉnh. Phó Chủ tỉnh hưởng 600 đồng bạc/năm tiền công tác phí từ ngân sách tỉnh.

171. Arrêté du 16 avril 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation administrative des 2è et 3è territoires militaires.

Nghị định ngày 16 tháng 4 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại hành chính các Đạo Quan binh 2 và 3.

(Nguồn: J 1058, JOIF 1908, tr.762)

Nghị định gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Các Đạo Quan binh 2 và 3 đặt dưới quyền Tư lệnh cấp cao của Thống sứ Bắc Kì sẽ do một sĩ quan cao cấp quản lí với chức danh Tư lệnh Đạo Quan binh. Tư lệnh Đạo Quan binh đảm nhiệm chức năng hành chính dành cho Công sứ theo quy định. Tư lệnh Đạo Quan binh giám sát và kiểm tra hoạt động của chính quyền bản xứ theo quy định đối với Công sứ. Tư lệnh Đạo Quan binh gửi các đề nghị nhân sự lên Thống sứ.

Tổ chức của các tiểu quân khu và khu bị bãi bỏ. Tư lệnh Đạo Quan binh điều hành trực tiếp toàn địa bàn thuộc quyền quản lí. Tư lệnh Đạo Quan binh có thể bố trí các đại lí với số lượng thay đổi theo nhu cầu.

Sĩ quan Tư lệnh có quyền hạn như Công sứ - Chánh Chủ tỉnh trên toàn bộ địa bàn cai trị. Trường hợp vắng mặt hoặc không thể đến, chức năng tư pháp của sĩ quan Tư lệnh sẽ do một đại uý cấp phó đảm trách.

Nhân sự quân sự của chính quyền đạo quan binh gồm: sĩ quan cao cấp (Tư lệnh Đạo Quan binh), đại uý (phó tư lệnh Đạo Quan binh), 1 trung uý (chưởng ấn), 2 hạ sĩ quan và 2 cai hoặc lính (thư kí). Nhân sự quân sự sẽ do Tướng Tư lệnh cấp cao bổ nhiệm, tuy nhiên mọi bổ nhiệm các Tư lệnh Đạo Quan binh đều phải được Thống sứ Bắc Kì chấp thuận.

Sĩ quan hạ cấp không thuộc ngạch công chức, hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách địa phương. Binh lính của các đơn vị cũng ở ngoài ngạch công chức, hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách địa phương. Nhân sự sĩ quan hưởng phụ cấp công việc từ ngân sách địa phương hoặc tỉnh được quy định trong nghị định của Toàn quyền theo đề nghị của Thống sứ và kết luận của Trung tướng Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh tại thuộc địa.

172. Arrêté du 2 juin 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Circonscription territoriale du Tonkin.

Nghị định ngày 02 tháng 6 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Khu Công chính Bắc Kì.

(Nguồn: J 1058, JOIF 1908, tr.1194-1195)

Nghị định gồm 2 điều, theo đó, Khu Công chính Bắc Kì được tổ chức thành các tiểu khu sau:

- Khu Xây dựng dân dụng: gồm bộ phận phụ trách xây dựng dân dụng ở Thành phố Hà Nội và bộ phận phụ trách lập dự án xây dựng dân dụng của Thành phố Hải Phòng và các tỉnh trừ các công việc về đường biển.

- Khu Thượng Châu thổ.

- Khu Hạ Châu thổ.

- Khu Thượng BắcKì.

- Khu Kiểm soát việc khai thác đường sắt và tàu điện.

173. Décret du 11 juillet 1908 du Président de la République française portant réorganisation des municipalités de Saigon, Hanoï et Haiphong.

Sắc lệnh ngày 11 tháng 7 năm 1908 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức lại Hội đồng Thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.

(Nguồn: J 1058, JOIF 1908, tr.1265-1270)

Sắc lệnh gồm 4 phần, 119 điều với các nội dung chính sau:

Bộ máy quản lí của các thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng gồm Hội đồng Thành phố, Đốc lí và 2 Phó Đốc lí.

Phần I. Hội đồng Thành phố

Chương I. Thành lập Hội đồng Thành phố

Hội đồng Thành phố gồm 12 uỷ viên người Pháp hoặc mang quốc tịch Pháp và 4 uỷ viên bản xứ. Tại mỗi thành phố, uỷ viên Hội đồng Thành phố người Pháp được bầu theo hình thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp, tại hội nghị toàn thể cử tri Pháp hoặc có quốc tịch Pháp có tên trong danh sách cử tri. Cử tri là những người Pháp hoặc có quốc tịch Pháp, từ 21 tuổi trở lên và có đủ quyền theo quy định luật pháp. Danh sách cử tri Pháp gồm:

- Mọi cử tri có chỗ ở thực tế hoặc sống trong thành phố ít nhất 6 tháng.

- Những người có tên trong sổ thuế trực thu, nếu không cư trú tại thành phố có thể kê khai đăng kí quyền bầu cử bằng đề nghị ghi tên trong danh sách cử tri và có thể đề nghị ghi tên các thành viên trong gia đình theo quy định tại điều này.

- Quy định về nơi cư trú tại thành phố của cử tri được áp dụng đối với các viên chức nhà nước. Những công dân không đủ điều kiện

về tuổi và nơi cư trú như quy định ở trên nhưng nếu đủ điều kiện trước khi danh sách cử tri hoàn tất vẫn được niêm yết tên trong danh sách này. Vắng mặt ở xã do quân dịch không ảnh hưởng đến quy định trên về niêm yết tên cử tri.

Danh sách cử tri Pháp được lập, xem xét và công bố theo các quy định tại phần II và IV trong Sắc lệnh tổ chức ngày 02 tháng 02 năm 1852, phần I của Sắc lệnh quy định ngày 02 tháng 02 năm 1852, được bổ sung bằng điều 3 của sắc lệnh này kèm theo các sửa đổi sau: Thời gian bắt đầu lập và duyệt danh sách cử tri, thời gian kết thúc và công bố danh sách do Toàn quyền quy định bằng nghị định, dựa trên kết luận của người đứng đầu các chính quyền địa phương. Danh sách do một Uỷ ban gồm một Đốc lí, đại diện của người đứng đầu chính quyền địa phương và đại diện của Hội đồng Thành phố lập nên. Mọi khiếu nại do uỷ ban trên cùng hai phó đại diện của Hội đồng Thành phố xem xét giải quyết. Nghị định của người đứng đầu chính quyền địa phương, Hội đồng Tư mật hoặc Chính phủ Bảo hộ quy định về danh sách cử tri Pháp, cách thức lập và duyệt, thời gian bắt đầu lập, duyệt, hoàn tất và công bố danh sách cử tri bản xứ cũng như trình tự khiếu nại nếu có.

Mọi kháng nghị quyết định của Uỷ ban sẽ được chuyển đến Toà Hoà giải, nếu thiếu thẩm phán hoà giải, sẽ chuyển đến Toà xét xử Sơ thẩm. Toà Hoà giải hoặc Toà xét xử Sơ thẩm là cấp ra quyết định cuối cùng..

Uỷ viên Hội đồng Thành phố được bầu theo hình thức đại diện tỉ lệ trên toàn thành phố và theo hạng cử tri. Người đứng đầu chính quyền địa phương có thể ban hành nghị định đặc biệt trước 8 ngày diễn ra bầu cử, chia thành phố thành nhiều phòng bỏ phiếu khác nhau để cùng bầu ra các uỷ viên. Mỗi cử tri được phát thẻ cử tri, ghi rõ địa điểm bỏ phiếu.

Các đoàn cử tri có thể được người đứng đầu chính quyền địa phương triệu tập bằng nghị định. Nghị định triệu tập công bố ít nhất trước 15 ngày diễn ra bầu cử. Việc bỏ phiếu diễn ra trong 1 ngày vào chủ nhật hoặc ngày lễ.

Chủ tịch các phòng bầu cử do Đốc lí, Phó Đốc lí, uỷ viên Hội đồng Thành phố theo thứ tự quy định, trường hợp vắng mặt, sẽ do cử tri

được Đốc lí chỉ định đảm nhiệm. Chủ tịch giám sát hội nghị toàn thể chỉ giải quyết các vấn đề khác ngoài bầu cử thuộc quyền hạn. Mọi tranh luận, thảo luận đều bị cấm.

Hai cử tri cao niên nhất và hai cử tri trẻ tuổi nhất biết đọc, biết viết có mặt tại lễ khai mạc phòng bầu cử đảm nhiệm chức năng trợ lí. Thư kí do chủ tịch và các trợ tá chỉ định, chỉ có quyền tư vấn trong các thảo luận của phòng bầu cử. Ít nhất ba thành viên của phòng phải có mặt trong suốt buổi bầu cử.

Các khiếu nại và quyết định được ghi trong biên bản, kèm theo các giấy tờ và phiếu bầu, có chữ kí tắt của ban lãnh đạo bầu cử. Trong suốt thời gian diễn ra bầu cử, bản sao danh sách cử tri có xác nhận của Đốc lí, ghi rõ họ tên, nơi cư trú, trình độ của cử tri được đặt trên bàn, gần buồng bỏ phiếu. Những người không có tên trong danh sách cử tri không được quyền bỏ phiếu. Chấp nhận cho bỏ phiếu đối với những người không có tên trong danh sách cử tri nhưng có quyết định cho ghi danh của thẩm phán Toà Hoà giải hoặc quyết định huỷ bỏ phán quyết về gạch tên khỏi danh sách của Toà phá án.

Cử tri mang vũ khí không được phép vào phòng bỏ phiếu. Cử tri mang theo phiếu bầu đã chuẩn bị sẵn bên ngoài phòng bỏ phiếu. Phiếu bầu phải là giấy trắng, không có bất kì dấu hiệu nào bên ngoài. Cử tri chuyển phiếu bầu đã được gấp kín cho Chủ tịch. Chủ tịch bỏ vào thùng phiếu, được niêm phong bằng hai ổ khoá, một chìa khoá do Chủ tịch giữ, chìa khoá còn lại do trợ lí cao niên nhất cất giữ. Việc bỏ phiếu của mỗi cử tri được xác nhận đánh dấu trên danh sách, có chữ kí hoặc chữ kí tắt với chữ cái đầu của một trong số thành viên phòng bầu cử ở ngoài lề bên cạnh tên cử tri.

Chủ tịch phải xác nhận thời gian khai mạc bầu cử. Bỏ phiếu chỉ kết thúc ít nhất sau 6 giờ kể từ khi bắt đầu. Chủ tịch xác nhận thời gian kết thúc bỏ phiếu và không nhận thêm bất kì phiếu bầu kể từ sau tuyên bố bế mạc bầu cử.

Thủ tục kiểm phiếu sau khi bế mạc bầu cử được tiến hành như sau: Mở hòm phiếu và kiểm tra số phiếu bầu, nếu số phiếu được kiểm chênh lệch với số cử tri đã bỏ phiếu thì cần lập biên bản. Phòng bầu cử chỉ định những người tham gia kiểm phiếu trong số cử tri đi bầu. Chủ tịch và các thành viên phòng bầu cử giám sát công việc kiểm

phiếu và có thể tham gia nếu có ít hơn 300 cử tri đã bỏ phiếu. Phiếu bầu hợp lệ là các phiếu ghi nhiều hoặc ít hơn số tên các uỷ viên cần bầu. Những tên ứng cử viên ghi ở phần vượt quá số lượng quy định không được tính. Phiếu bầu của cử tri bản xứ và người Hoa phải ghi bằng chữ quốc ngữ hoặc chữ Hán. Các phiếu trắng hoặc không đọc được không được tính vào kết quả kiểm phiếu nhưng được đính kèm biên bản. Sau kiểm phiếu, Chủ tịch tuyên bố kết quả bầu cử. Biên bản bầu cử do thư kí lập và kí kèm theo chữ kí của thành viên khác của phòng bầu cử. Bản sao biên bản cũng phải có chữ kí của thư kí và các thành viên phòng bầu cử gửi tới người đứng đầu chính quyền địa phương. Trích lục kết quả sẽ được Đốc lí cho niêm yết. Các phiếu bầu không cần đính kèm với biên bản sẽ được tiêu huỷ trước sự chứng kiến của các cử tri.

Một người chỉ được làm uỷ viên của một Hội đồng Thành phố. Mọi uỷ viên Hội đồng Thành phố, vì lí do bất kì sau khi được bổ nhiệm bị xếp vào diện bị loại hoặc không thể kiêm nhiệm sẽ bị người đứng đầu chính quyền địa phương coi là từ chức, trừ khi có khiếu nại.

Cử tri và những người đủ tư cách để được bầu có quyền tố cáo gian lận trong bầu cử thành phố. Các khiếu nại phải được ghi lại trong biên bản, hoặc nộp lên ban thư kí của Toà Đốc lí hoặc Phủ Thống đốc Nam Kì, Phủ Thống sứ Bắc Kì và sẽ không có giá trị trong thời gian 5 ngày sau bầu cử. Khiếu nại sẽ được chuyển lên người đứng đầu chính quyền địa phương và Hội đồng Tài phán hành chính.

Hội đồng Tài phán hành chính ra quyết định, trừ trường hợp kháng nghị tới Hội đồng Nhà nước. Quyết định được đưa ra trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày các giấy tờ được chuyển đến và người đứng đầu chính quyền địa phương thông báo quyết định trong thời hạn 8 ngày kể từ ngày được kí. Trường hợp gia hạn, thời hạn tăng lên 2 tháng. Nếu có quyết định yêu cầu bằng chứng, Hội đồng Tài phán hành chính phải ra quyết định cuối cùng trong vòng 1 tháng kể từ ngày có quyết định yêu cầu cung cấp bằng chứng. Các thời hạn quy định trên được tính kể từ ngày ra phán quyết về vấn đề phải giải quyết trước Toà theo quy định tại điều 30. Nếu Hội đồng không ra quyết định trong thời hạn quy định ở trên, khiếu nại bị bác bỏ. Hội đồng Tài phán hành chính không còn trách nhiệm và người đứng đầu chính quyền địa phương thông báo tới bên liên quan để có thể chuyển

kháng nghị lên Hội đồng Nhà nước. Người kháng án phải đệ đơn lên Ban Thư kí của Phủ Thống đốc Nam Kì hoặc Phủ Thống sứ Bắc Kì trong vòng 5 ngày.

Trường hợp khiếu nại liên quan đến giải quyết một vấn đề cấp nhà nước trước Toà, Hội đồng Tài phán hành chính có thể chuyển các bên liên quan tới Toà án có thẩm quyền và các bên phải nhanh chóng cung cấp luận cứ, lí lẽ trong thời hạn 15 ngày, Hội đồng Tài phán hành chính sẽ ra quyết định trong tháng sau khi thời hạn 15 ngày kết thúc.

Việc kháng nghị lên Hội đồng Nhà nước phản đối quyết định của Hội đồng Tài phán hành chính do người đứng đầu chính quyền địa phương hoặc do các bên liên quan tiến hành. Để không bị vô hiệu hoá, các kháng nghị phải nộp lên ban thư kí Phủ Thống đốc Nam Kì hoặc Phủ Thống sứ Bắc Kì trong thời hạn 1 tháng và tới Thống đốc hoặc Thống sứ kể từ khi có quyết định và tới các bên kể từ khi có thông báo. Người đứng đầu chính quyền địa phương thông báo kháng án tới các bên liên quan bằng đường hành chính cùng thời hạn 15 ngày để nộp bào chữa lên Ban Thư kí Phủ Thống đốc hoặc Phủ Thống sứ. Khi hết hạn, người đứng đầu chính quyền hành chính địa phương chuyển toàn bộ hồ sơ lên Bộ Thuộc địa. Bộ có trách nhiệm chuyển lên Hội đồng Nhà nước toàn bộ hồ sơ kháng án, bào chữa, nếu có thể cả biên bản bầu cử, danh sách cử tri có xác nhận, bản sao nghị định bị kháng nghị và tất cả các giấy tờ mà nghị định đề cập đến, kèm theo kết luận nêu lí do. Thời hạn cử luật sư và thông báo đến Bộ Thuộc địa là 3 tháng. Kháng nghị được cho là khẩn cấp sẽ không mất lệ phí, miễn dán tem và không cần luật sư bào chữa.

Uỷ viên Hội đồng Thành phố đã đắc cử và quyết định cho tại nhiệm đến khi có quyết định cuối cùng về kháng nghị bầu cử. Trường hợp bầu cử được quyết định hủy một phần hoặc toàn bộ kết quả, hội nghị toàn thể cử tri sẽ được tiến hành trong thời hạn không quá 2 tháng.

Uỷ viên Hội đồng Thành phố được bổ nhiệm với nhiệm kì 4 năm và có thể bầu lại hoàn toàn vào chủ nhật đầu tiên của tháng 5 nếu cần. Tuỳ từng trường hợp, việc bầu bổ sung uỷ viên có thể được tiến hành.

Hội đồng Thành phố có thể bị đình chỉ hoạt động hoặc giải tán theo nghị định của Toàn quyền, công bố trên Công báo thuộc địa. Trường

hợp khẩn cấp, Hội đồng Thành phố có thể tạm thời bị đình chỉ hoạt động bằng nghị định do người đứng đầu chính quyền địa phương ban hành và thông báo tới Toàn quyền. Trường hợp hội đồng bị giải tán hoặc hơn nửa uỷ viên từ chức hoặc không thể thành lập hội đồng, một uỷ ban đặc biệt do Toàn quyền bổ nhiệm bằng nghị định sẽ đảm nhiệm chức năng của Hội đồng. Số lượng thành viên uỷ ban không thấp hơn ½ số uỷ viên Hội đồng Thành phố theo quy định. Trong thời hạn 1 năm kể từ ngày giải tán hoặc từ chức, sẽ tiến hành bầu Hội đồng Thành phố mới và Hội đồng mới được bầu sẽ tiếp quản các quyền hạn từ uỷ ban đặc biệt.

Chương II. Hoạt động của các Hội đồng Thành phố

Các Hội đồng Thành phố nhóm họp thường kì 4 lần/năm vào tháng 01, 4, 7 và 10 trong 15 ngày, riêng tháng 10 sẽ kéo dài 30 ngày để bỏ phiếu thông qua ngân sách, theo triệu tập của Đốc lí. Kì họp có thể kéo dài nếu có sự cho phép của người đứng đầu chính quyền địa phương.

Trong mỗi phiên họp, Hội đồng Thành phố có thể thành lập các uỷ ban phụ trách xem xét những vấn đề mà người đứng đầu chính quyền địa phương đưa ra hội đồng hoặc theo sáng kiến của các thành viên. Các uỷ ban được Đốc lí triệu tập và giữ chức Chủ tịch trong 8 ngày sau khi được thành lập hoặc trong thời gian ngắn hơn theo yêu cầu của đại đa số uỷ viên. Trong phiên họp đầu tiên, các uỷ ban sẽ chỉ định Phó Chủ tịch, người có quyền triệu tập các uỷ ban và giữ chức chủ tịch nếu Đốc lí vắng mặt hoặc không thể đến và một báo cáo viên. Các uỷ ban có thể họp trong khoảng thời gian giữa các kì họp của Hội đồng.

Người đứng đầu chính quyền địa phương triệu tập bất thường Hội đồng Thành phố hoặc cho phép Hội đồng nhóm họp theo yêu cầu của Đốc lí nếu cần thiết vì lợi ích của thành phố. Đốc lí nhóm họp phiên bất thường Hội đồng Thành phố nếu đa số thành viên đương nhiệm yêu cầu. Mục đích cuộc họp được đưa ra trước đó và Đốc lí đề nghị người đứng đầu chính quyền địa phương cho phép trong vòng 24 giờ. Đối với tất cả các phiên họp bất thường, giấy triệu tập phải ghi rõ các mục đích đặc biệt. Hội đồng họp phiên toàn thể và chỉ giải quyết những vấn đề trên.

Uỷ viên Hội đồng Thành phố được phân bậc trong bảng, sắp xếp theo thứ tự uỷ viên Pháp và uỷ viên bản xứ. Ở mỗi hạng uỷ viên, thứ tự được xác lập theo ngày bổ nhiệm lâu nhất, giữa các uỷ viên được bầu trong cùng một ngày sẽ dựa trên số phiếu bầu và nếu ngang bằng số phiếu sẽ ưu tiên tính tuổi. Bản sao của bảng xếp hạng được nộp lên các phòng của Toà Đốc lí, Ban Thư kí Phủ Thống đốc Nam Kì và Phủ Thống sứ Bắc Kì.

Hội đồng Thành phố chỉ thảo luận khi đa số thành viên tại nhiệm có mặt trong phiên họp. Sau hai lần triệu tập liên tiếp, cách nhau ít nhất 3 ngày, Hội đồng Thành phố vẫn họp dù không đủ thành viên, nghị quyết đưa ra sau lần triệu tập thứ 3 vẫn có giá trị.

Các nghị quyết được bỏ phiếu thông qua theo đa số tuyệt đối. Trường hợp bất đồng ý kiến, trừ trường hợp bỏ phiếu kín, Chủ tịch sẽ là người ra quyết định cuối cùng. Việc bỏ phiếu diễn ra công khai theo đề nghị của 1/4 thành viên có mặt; số người bỏ phiếu cũng như tên người được bỏ phiếu bầu ghi trong biên bản. Bỏ phiếu kín diễn ra khi 1/3 thành viên có mặt kiến nghị, hoặc khi đó bỏ phiếu bổ nhiệm hay giới thiệu. Trường hợp giới thiệu, sau hai vòng bỏ phiếu kín, nếu không ứng cử viên nào nhận được đa số phiếu tuyệt đối, sẽ tiến hành vòng bỏ phiếu lần 3 theo hình thức đa số tương đối; nếu ngang số phiếu ủng hộ, người nhiều tuổi nhất sẽ trúng cử.

Tại phiên khai mạc và trong suốt kì họp, Hội đồng Thành phố bổ nhiệm bằng bỏ phiếu kín 1 thành viên làm thư kí. Thư kí Toà Đốc lí có thể đảm nhiệm chức danh này, tham dự các phiên họp với sự cho phép của Hội đồng nhưng không tham gia thảo luận. Các phiên họp của Hội đồng Thành phố diễn ra công khai. Đốc lí kiểm soát hội nghị toàn thể, có quyền trục xuất hoặc bắt giữ mọi cá nhân có hành vi gây rối.

Trong vòng 8 ngày, trích lục báo cáo của kì họp được niêm yết tại Toà Đốc lí. Các nghị quyết được ghi lại theo ngày tháng trong sổ và có chữ kí của người đứng đầu chính quyền địa phương hoặc đại diện. Nghị quyết phải đủ chữ kí của tất cả thành viên có mặt trong buổi họp hoặc nói rõ lí do thiếu chữ kí.

Người dân và những người đóng thuế có quyền đề nghị được thông tin, được cung cấp bản sao đầy đủ hoặc từng phần các biên bản của

Hội đồng Thành phố, ngân sách, quyết toán, nghị định của thành phố và có thể thông báo rộng rãi.

Nếu không có lí do chính đáng được Hội đồng chấp nhận, những thành viên vắng mặt trong 3 lần triệu tập liên tiếp có thể bị người đứng đầu chính quyền địa phương xem là từ chức, nếu không có kháng nghị lên Hội đồng Tài phán hành chính trong vòng 10 ngày kể từ khi có thông báo. Quy định này không áp dụng đối với các Uỷ viên Hội đồng Thành phố đã thông báo với hội đồng về việc vắng mặt ở Nam Kì hoặc Bắc Kì. Vắng mặt hơn 9 tháng ở Nam Kì hoặc Bắc Kì, uỷ viên sẽ bị coi là từ chức theo quy định.

Chương III. Quyền hạn của Hội đồng Thành phố

Hội đồng Thành phố giải quyết các vấn đề của thành phố thông qua thảo luận. Hội đồng ra nghị quyết phù hợp với luật định hoặc theo yêu cầu của chính quyền cấp trên. Hội đồng cũng đưa ra các thỉnh nguyện về mọi vấn đề liên quan đến lợi ích của thành phố, hàng năm bổ nhiệm một uỷ ban kết luận về sổ thuế đất và thuế môn bài do kiểm soát viên thuế trực thu lập.

Bản sao của mọi nghị quyết được Đốc lí gửi tới người đứng đầu chính quyền địa phương trong vòng 8 ngày, người đứng đầu chính quyền địa phương chứng nhận đã nhận được trong sổ đăng kí và gửi lại biên lai.

Các nghị quyết của Hội đồng về một vấn đề không thuộc quyền hạn hoặc đưa ra bên lề cuộc họp hợp pháp và các nghị quyết vi phạm luật pháp, sắc lệnh hoặc nghị định có hiệu lực tại Đông Dương không có giá trị.

Các nghị quyết bị hủy sẽ do người đứng đầu chính quyền địa phương tuyên bố tại Hội đồng Tài phán hành chính. Việc huỷ bỏ có thể được người đứng đầu chính quyền địa phương tiến hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày biên bản nghị định được nộp lên Phủ Thống đốc Nam Kì hoặc Phủ Thống sứ Bắc Kì. Mọi cá nhân có liên quan hoặc những người đóng thuế có thể đề nghị huỷ nghị quyết và đề nghị này phải được nộp có biên nhận tại trụ sở chính quyền địa phương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được niêm yết tại Toà Đốc lí. Người đứng đầu chính quyền địa phương sẽ ra quyết định trong thời

hạn 1 tháng. Quá thời hạn 15 ngày, nếu không có bất kì đề nghị huỷ nghị quyết, người đứng đầu chính quyền địa phương có thể tuyên bố không phản đối nghị quyết.

Hội đồng Thành phố và các bên liên quan ngoài hội đồng có thể khiếu nại phản đối quyết định của người đứng đầu chính quyền thành phố lên Hội đồng Nhà nước. Khiếu nại được đem ra xét xử theo hình thức kháng nghị vì lạm quyền.

Những nghị quyết liên quan đến các vấn đề sau chỉ có hiệu lực sau khi đã được người đứng đầu chính quyền địa phương phê chuẩn:

- Điều khoản của các hợp đồng cho thuê có thời gian trên 5 năm;

- Chuyển nhượng và trao đổi công sản;

- Mua bất động sản, xây mới, xây lại hoàn toàn hay một phần không theo chi phí; các dự án, kế hoạch và báo giá sửa chữa và bảo dưỡng lớn khi tổng chi phí cộng với các chi phí cùng loại khi thi công vượt giá trị 5.000 đồng;

- Các tranh chấp;

- Việc thay đổi mục đích sử dụng của một tài sản của thành phố giao cho một cơ quan của thành phố hay công sở;

- Xếp hạng, giáng loại, uốn nắn hoặc kéo dài các tuyến đường, mở rộng, bãi bỏ, đặt tên các con phố, quảng trường, thành lập và bãi bỏ các khu dạo chơi, công viên hoặc vườn hoa, khu hội chợ, trường bắn hoặc trường đua, lập sơ đồ địa giới của các tuyến đường trong thành phố, thay đổi trong sơ đồ địa giới đã được thông qua;

- Nhận tài sản hiến tặng cho thành phố theo quy định;

- Ngân sách thành phố;

- Kinh phí bổ sung;

- Thành lập, bãi bỏ hoặc thay đổi các hội chợ hoặc chợ;

- Tạo thêm việc làm có hưởng lương, kể cả công việc thời vụ.

Các nghị quyết về thành lập, bãi bỏ hoặc sửa đổi thuế, lĩnh canh, độc quyền, tô thuế, lập các thuế đặc biệt hoặc quyết định các khoản vay và cho vay hoặc liên quan đến đặt tên phố, quảng trường chỉ có hiệu lực sau khi được Toàn quyền phê chuẩn không kể đến các quy định dành cho hội đồng địa phương có hiệu lực và các quy định tại điều 78 Luật Tài chính ngày 13 tháng 4 năm 1898.

Hội đồng Thành phố được triệu tập để quyết nghị về các vấn đề sau:

- Dự án mốc giới các tuyến đường lớn nội đô.

- Thành lập các cơ sở tế bần.

- Nhận tài sản hiến tặng dành cho các cơ sở tế bần, giấy phép cho vay, mua, trao đổi, nhượng, kiện cáo hoặc thoả hiệp của các cơ sở tế bần, ngân sách và quyết toán của các cơ sở trên khi nhận cứu trợ từ quỹ ngân sách thành phố.

- Cách thức tính thuế, giá và các quy định về thu thuế nhập thị đường biển.

- Mọi vấn đề liên quan mà Hội đồng Thành phố được triệu tập để cho ý kiến theo luật định và khi được cơ quan hành chính cấp trên tham vấn.

Hội đồng Thành phố không được phép công bố các tuyên bố, thỉnh nguyện hoặc đưa ra các thỉnh nguyện mang tính chính trị hay liên quan đến chính quyền cấp trên. Các văn bản và nghị quyết vi phạm điều khoản này sẽ bị coi là không có hiệu lực. Hội đồng Thành phố có thể bị đình chỉ hoặc giải tán.

Phần II. Đốc lí và các Phó Đốc lí

Đốc lí và các Phó Đốc lí ở Sài Gòn, các Phó Đốc lí ở Hà Nội và Hải Phòng được bầu trong số thành viên Hội đồng. Tại Hà Nội và Hải Phòng, chức năng của Đốc lí do một thanh tra hoặc quan cai trị dân sự Đông Dương đảm trách. Thanh tra hoặc quan cai trị được bổ nhiệm với nhiệm kì 3 năm theo đề nghị của Thống sứ Bắc Kì.

Ở Sài Gòn, Hội đồng Thành phố bầu Đốc lí và các Phó Đốc lí, tại Hà Nội và Hải Phòng, các Phó Đốc lí được bầu trong số thành viên Hội đồng theo hình thức bỏ phiếu kín với đa số tuyệt đối. Nếu sau hai vòng bỏ phiếu, không ứng cử viên nào nhận được đa số tuyệt đối, sẽ tiến hành bỏ phiếu vòng 3 với đa số tương đối. Trường hợp ngang số phiếu ủng hộ, người nhiều tuổi hơn sẽ trúng cử.

Việc bổ dụng được thông báo trực tiếp tới người đứng đầu chính quyền địa phương và được công bố rộng rãi trong 24 giờ kể từ thời gian có kết luận bầu cử chính thức, được niêm yết trước cổng Toà Đốc lí.

Đốc lí chỉ chịu sự phân công của chính quyền, trường hợp vắng mặt hoặc không thể đến cũng có thể uỷ quyền có giám sát và giao trách nhiệm cho một hoặc nhiều Phó Đốc lí, thành viên Hội đồng Thành phố các chức năng liên quan đến sĩ quan hộ tịch, phân công kí xác nhận, chứng thực và giám sát cảnh sát.

Trường hợp Đốc lí từ chối ban hành văn bản theo luật định, người đứng đầu chính quyền địa phương thông qua một đại lí đặc biệt tiến hành các hình thức kỉ luật Đốc lí.

Đốc lí bổ nhiệm mọi chức danh cấp xã không được quy định quyền bổ nhiệm đặc biệt tại các đạo luật, sắc lệnh hoặc nghị định của Toàn quyền. Đốc lí có quyền treo chức và cách chức đối với các chức danh này. Đốc lí cũng có thể cho tuyên thệ hoặc uỷ thác cho các nhân viên thuộc quyền bổ nhiệm với điều kiện phải được người đứng đầu chính quyền địa phương chấp thuận.

Dưới sự kiểm soát của Hội đồng Thành phố và giám sát của chính quyền cấp trên, Đốc lí được giao:

- Giữ gìn và quản lí tài sản của thành phố, cho tiến hành các hoạt động bảo tồn thuộc thẩm quyền;

- Quản lí các nguồn thu, giám sát các cơ quan của thành phố và kế toán thành phố;

- Chuẩn bị và đề nghị ngân sách, quyết định các khoản chi;

- Chỉ đạo công việc thành phố;

- Bổ sung các biện pháp liên quan đến đường sá của thành phố;

- Kí kết giao kèo, thông qua hợp đồng cho thuê tài sản và đấu thầu các công trình thành phố theo luật định;

- Thông qua văn tự mua bán, trao đổi, chia, nhận tài sản hiến tặng, mua, giao dịch...;

- Thực thi các nghị quyết của Hội đồng Thành phố.

Dưới sự giám sát của chính quyền cấp trên, Đốc lí phụ trách kiểm soát thành phố và thực thi các văn tự có liên quan do chính quyền cấp trên đưa ra.

Với sự cho phép của chính quyền cấp trên, Đốc lí được giao: công bố và thực thi luật định, tiến hành các biện pháp an ninh chung, có chức năng đặc biệt theo quy định của luật pháp.

Người đứng đầu chính quyền địa phương bổ nhiệm khẩn cấp vào chức danh Đốc lí khi Đốc lí đương nhiệm qua đời, được chôn cất và mai táng hợp lẽ không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng.

Đốc lí ban hành nghị định để: ra chỉ thị thực hiện các biện pháp mang tính địa phương về những vấn đề được luật pháp giao quyền và cho phép theo dõi; công bố luật và quy định về kiểm soát và kêu gọi công dân tuân thủ.

Các nghị định do Đốc lí ban hành được gửi trực tiếp lên người đứng đầu chính quyền địa phương. Người đứng đầu chính quyền địa phương có thể huỷ bỏ hoặc hoãn thi hành các nghị định trên. Các nghị định về quy định dài hạn chỉ có hiệu lực 1 tháng sau khi bản sao được gửi lên người đứng đầu chính quyền địa phương. Trường hợp khẩn cấp, người đứng đầu chính quyền địa phương có thể cho phép thực thi ngay lập tức.

Các nghị định của Đốc lí chỉ mang tính bắt buộc sau khi đã thông báo đến các bên liên quan, thông qua bố cáo và niêm yết, viết bằng tiếng Pháp, chữ Hán hoặc chữ quốc ngữ. Bố cáo có giá trị khi được Đốc lí xác nhận. Các nghị định, văn tự công bố và thông báo được ghi theo thứ tự ngày tháng trong sổ đăng kí của Toà Đốc lí.

Việc kiểm soát thành phố nhằm đảm bảo trật tự, an ninh và vệ sinh công cộng bao gồm:

- Các vấn đề liên quan đến an ninh, đi lại trong các tuyến phố, bến cảng, quảng trường và đường sá, dọn sạch, chiếu sáng, thu gom rác thải, phá huỷ hoặc sửa chữa các công trình có nguy cơ sụp đổ, cấm đặt để đồ trên cửa sổ và các phần khác của công trình có thể gây hại do rơi xuống hoặc không vứt các đồ vật gây tổn thương người đi đường hoặc gây mùi khó chịu.

- Trấn áp các hành động ảnh hưởng đến an ninh trật tự như ẩu đả, cãi lộn kéo theo tụ tập và khích động trên phố, gây náo loạn nơi công cộng, tụ tập, gây ồn hay tụ tập ban đêm làm xáo trộn sự nghỉ ngơi của người dân và các hành vi khác tổn hại đến an ninh.

- Duy trì trật tự tại nơi tập trung đông người như hội chợ, chợ, cuộc biểu diễn, nơi vui chơi, quán cà phê, nhà thờ và các nơi công cộng khác.

- Di dời hài cốt, mai táng, chôn cất, duy trì trật tự trong các nghĩa trang, không cho phép dựng các dấu hiệu khác biệt hoặc ghi chú đặc biệt vì lí do tôn giáo, tín ngưỡng hoặc hoàn cảnh qua đời.

- Kiểm tra tính chính xác trong cân đong đo đếm của các quầy bán lẻ lương thực và vệ sinh dịch tễ của thực phẩm bày bán.

- Ngăn ngừa tai nạn, thảm hoạ như: hoả hoạn, lũ lụt, bệnh dịch truyền nhiễm, dịch động vật kết hợp với các biện pháp phòng ngừa thích hợp, phân phát đồ cứu trợ cần thiết và nếu có thể kêu gọi sự can thiệp của chính quyền cấp trên.

- Tiến hành các biện pháp tạm thời đối với bệnh nhân tâm thần mà tình trạng sức khoẻ có thể gây hại tới luân thường đạo đức, ảnh hưởng đến sự an toàn của người dân hoặc tài sản.

- Ngăn ngừa hoặc giải quyết các vụ việc đáng tiếc có thể xảy ra do thú dữ sổng chuồng.

Đốc lí chỉ kiểm soát việc đi lại tại các tuyến đường thuộc địa và đường giao thông trong các khu dân cư thuộc phạm vi quản lí. Đốc lí có thể cho phép dừng đỗ tạm thời trên đường công cộng, bờ sông, bến cảng, kè sông hoặc các nơi công cộng khác nếu đã đóng thuế theo bảng giá biểu thuế suất quy định. Việc quy định giới hạn đường, cấp giấy phép xây dựng hoặc các giấy phép đường sá do cơ quan có thẩm quyền cấp, sau khi Đốc lí đưa ra kết luận đối với trường hợp nằm ngoài quy định.

Phần III. Quản trị thành phố

Chương I. Tài sản và công trình

Tài sản của các thành phố không dùng cho lợi ích chung có thể được bán. Hình thức bán do Toàn quyền quyết định.

Mọi công trình xây mới hoặc cải tạo chỉ được thực hiện theo bản vẽ và báo giá được Hội đồng Thành phố phê chuẩn, trừ ngoại lệ được quy định tại các đạo luật đặc biệt. Ngoài ra, bản vẽ và báo giá còn phải được người đứng đầu chính quyền địa phương phê chuẩn. Người đứng đầu chính quyền địa phương cũng phê chuẩn các bỏ thầu công trình, giao kèo có giá trị hơn 1.000 đồng. Việc nhượng độc quyền những công trình lớn của thành phố phải được Toàn quyền phê chuẩn.

Chương III. Ngân sách chung Đông Dương

Ngân sách của thành phố được chia thành ngân sách thường xuyên và ngân sách không thường xuyên.

Ngân sách thường xuyên bao gồm:

- Các nguồn thu từ mọi tài sản mà người dân không hưởng bằng hiện vật.

- Khoản thu phần trăm thường xuyên hoặc đặc biệt được Hội đồng Thành phố thông qua trong giới hạn tối đa theo quy định năm tài khoá của Toàn quyền, Hội đồng Tối cao Đông Dương hay Uỷ ban Thường trực.

- Phần đóng góp vào ngân sách thành phố chủ yếu dựa vào thuế trực thu trên địa phận thành phố.

- Các khoản thu đò phà trong ranh giới thành phố phục vụ các tuyến đường trong đó phần bảo dưỡng thuộc trách nhiệm của các Hội đồng Thành phố.

- Các khoản thu từ bán chỗ trong các hội chợ, chợ, lò mổ theo biểu bảng thuế suất.

- Khoản thu từ cấp giấy phép cho các phương tiện đỗ và mua chỗ trước trên đường công, trên sông, cảng, kè sông và các nơi công cộng khác.

- Tiền thu từ lộ phí, phí cân, đong đo đếm, thuế cầu đường và các loại thuế hợp pháp khác.

- Phí nhượng đất trong các nghĩa trang công cộng và các khoản thu khác.

- Khoản thu từ nhượng nước, hút bùn, dọn rác đường công và các nhượng quyền khác được các cơ quan của thành phố cho phép.

- Khoản thu từ gửi văn bản hành chính và hộ tịch.

- Phần trăm từ thu phạt theo phán quyết của toà kiểm soát tiểu hình và kiểm soát đơn thuần.

- Các khoản thu từ thuế theo quy định.

Các khoản thu của ngân sách không thường xuyên bao gồm:

- Thuế đặc biệt được phép.

- Phí thu từ tài sản chuyển nhượng.

- Tài sản hiến tặng và di tặng.

- Các khoản thu từ cho vay và các khoản thu đột xuất.

- Trợ cấp cho thành phố trích từ các quỹ ngân sách địa phương...

Các khoản chi bắt buộc của thành phố gồm:

- Lương và phí đại diện của thanh tra hoặc Đốc lí, chi phí bảo dưỡng Toà Đốc lí.

- Chi phí văn phòng và in ấn phục vụ công việc của thành phố, đặt mua tập san Luật.

- Chi phí cho hội nghị toàn thể về bầu cử.

- Phí đăng kí hộ tịch.

- Lương và tiền chiết khấu của nhân viên thu thuế thành phố và phí thu thuế.

- Lương và chi phí khác cho nhân sự kiểm soát thành phố.

- Sửa chữa lớn và bảo dưỡng công trình công cộng.

- Làm hàng rào và bảo dưỡng nghĩa trang thành phố.

- Chi phí xây dựng, bảo quản và giữ gìn thường xuyên sơ đồ địa giới và đo thuỷ chuẩn.

- Lương của thư kí và nhân viên Toà Đốc lí, nhân viên lục lộ và đường sá.

- Chi phí phát sinh...

174. Arrêté du 31 juillet 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la municipalité de Tourane.

Nghị định ngày 31 tháng 7 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại thành phố Đà Nẵng.

(Nguồn: J 1058, JOIF 1908, tr.1343)

Nghị định gồm 24 điều với các nội dung chính sau:

Bộ máy quản lí thành phố Đà Nẵng thuộc nhượng địa Pháp gồm Công sứ - Đốc lí làm Chủ tịch Uỷ ban và một Uỷ ban Thành phố.

Công sứ - Đốc lí do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề xuất của Khâm sứ Trung Kì.

Công sứ - Đốc lí chịu trách nhiệm:

- Quản lí khu nhượng địa ở Đà Nẵng;

- Giữ gìn và quản lí tài sản của thành phố, tiến hành công việc gìn giữ theo thẩm quyền;

- Đại diện cho thành phố tại Toà, với tư cách nguyên đơn hoặc bị đơn.

- Quản lí các khoản thu và giám sát các cơ quan của thành phố và kế toán thành phố, chuẩn bị và đề nghị ngân sách, ra lệnh chi trả các khoản chi, chỉ đạo công việc thành phố và bổ sung các biện pháp liên quan đến đường sá thành phố.

- Kí kết giao kèo, thông qua các hợp đồng thuê tài sản và bỏ thầu các công trình của thành phố theo đúng luật định, thông qua văn tự mua bán, trao đổi, chấp nhận tài sản hiến tặng và di tặng theo quy định.

Dưới sự kiểm soát của chính quyền cấp trên, Công sứ - Đốc lí được giao kiểm soát thành phố, thực thi các văn bản có liên quan do cấp trên ban hành, công bố và thực thi luật và các quy định, tiến hành các biện pháp an ninh chung và đảm nhiệm các chức trách đặc biệt mà luật pháp và quy định giao cho.

Ủy ban thành phố

Uỷ ban Thành phố gồm: 5 thương gia người Pháp do Khâm sứ Trung Kì chỉ định và được chọn trong số kì mục địa phương, không phải là viên chức và nhân viên của chính phủ Bảo hộ hay các sở; 2 kì mục bản xứ biết tiếng Pháp do Hội đồng các làng trong địa phận nhượng địa bổ nhiệm và được chọn ngoài số viên chức hay nhân viên bản xứ. Việc chỉ định 2 thành viên này phải được Khâm sứ Trung Kì chuẩn y bằng nghị định.

Việc bầu mới thành viên Uỷ ban tiến hành 3 năm/lần vào tháng 12. Thành viên Uỷ ban Thành phố làm việc không hưởng lương.

Uỷ ban Thành phố chỉ ra quyết định khi ít nhất nửa số thành viên có mặt trong phiên họp; khi sau hai lần triệu tập liên tiếp ít nhất cách

nhau 3 ngày và phải được công nhận, Uỷ ban Thành phố nhóm họp khi đủ số thành viên cần thiết, quyết định đưa ra sau triệu tập lần 3 có giá trị không phụ thuộc vào số thành viên có mặt. Trường hợp khẩn cấp, Khâm sứ rút ngắn có thể thời hạn giữa các lần triệu tập liên tiếp.

Mọi thành viên Uỷ ban vắng mặt trong 3 lần triệu tập liên tiếp không có lí do chính đáng có thể bị Công sứ tuyên là từ chức, trừ trường hợp thành viên uỷ ban rời Đà Nẵng có thông báo với Chủ tịch. Tuy nhiên, mọi thành viên Uỷ ban vắng mặt ở Đà Nẵng hơn 1 năm sau thời hạn trên sẽ bị coi là từ chức. Tuyên bố từ chức cũng như chấp nhận từ chức sẽ được Khâm sứ Trung Kì nêu trong nghị định.

Nếu do từ chức, từ trần hoặc bất kì lí do nào khác, số thành viên Uỷ ban giảm hơn một nửa, Khâm sứ bổ nhiệm thành viên mới với nhiệm kì kết thúc cùng với nhiệm kì của uỷ ban cho đến thời điểm bầu mới toàn bộ uỷ ban.

Uỷ ban Thành phố ra nghị quyết về các vấn đề sau: cách thức quản lí tài sản thành phố; ngân sách thành phố và các chi thu thường xuyên cũng như không thường xuyên; biểu bảng thuế suất và quy định về thuế, về tài nguyên cũng như các khoản thu của thành phố nói riêng; mua bất động sản, chuyển nhượng hoặc trao đổi tài sản thuộc tài sản của thành phố theo các quy định tại các Nghị định ngày 21 tháng 5, 01 tháng 10 năm 1889, 04 tháng 08 năm 1890, 30 tháng 4 năm 1892 và 26 tháng 01 năm 1901 liên quan đến bảo quản và cải tạo; quy định về thuê tài sản theo hợp đồng do thành phố cho lĩnh canh hoặc cho thuê, cũng như các hợp đồng cho thuê tài sản; các dự án xây dựng, sửa chữa lớn, bảo dưỡng, phá huỷ và các công trình cần xây dựng của thành phố; mở đường, công viên và các dự án lập mốc địa giới các tuyến đường nội thành; chấp nhận tài sản hiến tặng và di tặng cho thành phố và các cơ quan thuộc thành phố; sự vụ pháp lí, giao dịch và các vấn đề theo yêu cầu ra nghị quyết của địa phương.

Uỷ ban được triệu tập cho ý kiến về các vấn đề sau: dự án về cắm mốc địa giới các tuyến đường lớn của nội đô; thay đổi trong xác định địa phận thành phố; các vấn đề kiểm soát thành phố, về các vấn đề mà Uỷ ban được triệu tập để cho kết luận theo luật định. Uỷ ban có

thể đưa ra thỉnh nguyện về mọi vấn đề liên quan đến lợi ích của thành phố.

Các nghị quyết và kết luận của Uỷ ban Thành phố được đăng kí trong sổ đăng kí đặc biệt và phải trình Khâm sứ Trung Kì trước khi được thực thi.

Uỷ ban Thành phố tiến hành phiên họp thường kì 4 lần/năm, theo triệu tập của Chủ tịch vào tháng 2, 5, 8, 11 sau khi được Khâm sứ phê chuẩn chương trình nghị sự. Uỷ ban có thể được triệu tập bất thường với sự cho phép của Khâm sứ để bàn về các vấn đề cụ thể. Các vấn đề ngoài chương trình nghị sự không được đưa ra thảo luận.

Uỷ ban Thành phố có thể bị giải tán theo nghị định của Toàn quyền công bố trên Công báo. Trường hợp giải tán, sẽ tiến hành bổ nhiệm uỷ ban mới trong thời hạn 1 tháng.

175. Arrêté du 2 octobre 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la commission consultative indigène au Tonkin.

Nghị định ngày 02 tháng 10 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức lại Uỷ ban Tư vấn bản xứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 1058, JOIF 1908, tr.1702-1703)

Nghị định gồm 12 điều với các nội dung chính sau:

Uỷ ban Tư vấn bản xứ Bắc Kì được thành lập theo các Nghị định ngày 03 tháng 4 năm 1886 và 04 tháng 5 năm 1907 nay tổ chức lại như sau:

Một nửa thành viên kì mục bản xứ sẽ do các Chánh tổng, Phó Chánh tổng bầu ra theo tỉ lệ ba huyện bầu một đại diện. Nếu trong một tỉnh còn dư hai khu vực bầu cử, hai khu vực bầu cử này sẽ bầu một đại diện, nếu còn dư một khu vực, sẽ sáp nhập khu vực này vào một trong số các nhóm gồm ba huyện đã thành lập. Một phần tư số uỷ viên còn lại là người bản xứ đóng thuế môn bài, do các thương nhân đóng thuế môn bài ở mọi hạng bầu, theo tỉ lệ số người đóng thuế môn bài cư trú tại mỗi tỉnh. Tỉnh có số cử tri đóng thuế môn bài quá ít có thể hợp với tỉnh bên cạnh thành một khu vực bầu cử. Một phần

tư uỷ viên còn lại là các tri phủ, tri huyện và tri châu do Toàn quyền chỉ định.

Nhiệm kì của uỷ viên là một năm và có thể gia hạn. Uỷ viên phải từ 30 tuổi trở lên. Các uỷ viên làm việc không lương nhưng hưởng quyền được chuyên chở miễn phí cùng trợ cấp đi đường, lưu trú theo Nghị định ngày 22 tháng 02 năm 1902 đối với viên chức hạng 1B.

Những đối tượng không đủ tư cách để được tham gia bầu cử gồm: người bản xứ đã qua một nhiệm kì dân cử; người không xuất thân từ Bắc Kì hoặc không có nơi cư trú cố định; người bản xứ không thuộc tỉnh được giới thiệu trừ trường hợp có tên trong sổ thuế thân và thuế đất; quân nhân và lính khố xanh ở mọi cấp bậc.

Những đối tượng không được tham gia Uỷ ban tư vấn gồm: cựu viên chức của chính quyền bản xứ hoặc cựu nhân viên bản xứ của Chính quyền Bảo hộ bị cách chức hoặc sa thải theo các hình thức kỉ luật khác nhau; nhân viên xã và tổng bị cách chức, những cá nhân bị toà án Pháp hoặc bản xứ kết án.

Các phiên họp bầu kì mục và những người đóng thuế môn bài diễn ra dưới sự chủ toạ của các Chánh Chủ tỉnh. Tại mỗi tỉnh, mọi khiếu nại bầu cử ban đầu do Chánh Chủ tỉnh cùng với quan lại cấp tỉnh xem xét về mặt hành chính. Nếu có bất đồng ý kiến, Chánh Chủ tỉnh là người có quyền quyết định cuối cùng. Các kháng nghị được đưa ra trong thời hạn một tháng kể từ thời gian thông báo tới các bên và được chuyển đến một Uỷ ban Hành chính gồm Thống sứ hoặc đại diện của Thống sứ và hai quan lại có phẩm hàm cao do Toàn quyền chỉ định. Kết quả bầu cử cuối cùng phải được Toàn quyền phê chuẩn.

Uỷ ban Tư vấn bản xứ nhóm họp tại Hà Nội theo triệu tập của Thống sứ, sau khi được Toàn quyền phê chuẩn nếu cần thiết. Hội nghị toàn thể sẽ do thành viên cao tuổi nhất làm chủ tịch có chức năng thành lập ban lãnh đạo theo hình thức bỏ phiếu kín.

Những vấn đề do Chính quyền Bảo hộ chuyển tới Uỷ ban Tư vấn được trình bày trong các thông tri viết bằng tiếng Pháp, chữ quốc ngữ và chữ Hán. Các thông tri phải trình Toàn quyền phê chuẩn và chuyển cho các uỷ viên ít nhất 1 tháng trước khi diễn ra phiên họp.

Một viên chức do Toàn quyền chỉ định tham dự tất cả các phiên họp

của Uỷ ban, tuân thủ quy định do Thống sứ đề ra đối với viên chức được giao nhiệm vụ cung cấp giải thích cần thiết theo yêu cầu của Uỷ ban. Những người không phận sự không được vào phòng thảo luận, trừ thành viên Uỷ ban theo quy định, Toàn quyền hoặc đại diện Toàn quyền.

Hội nghị cấp cao gồm quan lại cấp tỉnh (tổng đốc, quan án, tuần phủ...) có thể được Toàn quyền triệu tập bàn về các vấn đề do Hội đồng Tư vấn giao cho nghiên cứu.

176. Arrêté du 5 octobre 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction général des Finances et de la Comptabilité et suppression de l'emploi du chef du Service de l'Enregistrement de l'Indochine.

Nghị định ngày 05 tháng 10 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương, bãi bỏ chức danh Giám đốc Nha Trước bạ Đông Dương.

(Nguồn: J 1058, JOIF 1908, tr.2005-2006)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1909, thành phần các phòng ban của Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương được quy định như sau:

*- **Phòng 1** gồm 2 bộ phận:*

+ Bộ phận 1 phụ trách về thư kí, mở, đăng kí và phân bổ công văn đến, tập trung công việc của các phòng, trình công văn lên Giám đốc, đăng kí công văn đi, công việc chuyên biệt; quản lí số liệu, hồ sơ nhân sự của Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương; lưu trữ.

+ Bộ phận 2 phụ trách về thanh toán các khoản chi thuộc ngân sách chung Đông Dương; theo dõi sổ sách chi tiêu, giao kèo, hợp đồng cho thuê, ngân khố; lập quyết toán, quản lí chi tiêu trong ngân sách chung Đông Dương, lương hưu.

*- **Phòng 2** phụ trách về thanh toán các khoản chi thuộc ngân sách chung Đông Dương do Nha quản lí trực tiếp, phân bổ và điều tiết tài chính chuyển từ chính quốc, học bổng, cứu trợ, cứu tế, trợ*

cấp, quỹ dự trữ của ngân sách chung Đông Dương, lương và phương tiện của viên chức.

*- **Phòng 3** phụ trách về các khoản thu của ngân sách chung Đông Dương, điều tiết chi phí, tập trung công việc của các chánh chủ trì trong ngân sách địa phương, vùng và tỉnh; trả lương và cấp giấy đi đường cho viên chức thuộc quỹ của ngân sách địa phương, khoản vay 200 triệu, giám sát khoản vay của Vân Nam, quỹ dự phòng của các ngân sách địa phương, giám sát ngân sách các thành phố.*

*- **Phòng 4** phụ trách về thẩm cứu các công việc liên quan đến Trước bạ, Tài sản và Tem, kiểm soát các phòng Trước bạ và Tài sản, kiểm tra công tác bảo quản cầm cố và các kho tem, đánh giá và thuyên chuyển nhân sự đặc biệt của bộ phận Trước bạ.*

Chức danh hưởng trợ cấp chức vụ quy định trong Nghị định ngày 11 tháng 7 năm 1906 của Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương được quy định như sau: Phòng 1: 1 trưởng phòng và 1 phó phòng, Phòng 2: 1 trưởng phòng và 1 phó phòng, Phòng 3: 1 trưởng phòng, 1 phó phòng, Phòng 4: 1 trưởng phòng - phó thanh tra Trước bạ, 1 chủ sự - đại lí, 1 phó phòng. Các trưởng phòng do Toàn quyền bổ nhiệm, theo đề nghị của Giám đốc Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương.

177. Arrêté du 26 octobre 1908 du Gouverneur général de l'Indochine fixant organisation et attributions du cabinet du Gouverneur général de l'Indochine.

Nghị định ngày 26 tháng 10 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1058, JOIF 1908, tr.1781-1782)

Nghị định gồm 5 điều quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Toàn quyền được như sau:

Ban Chỉ đạo văn phòng và công việc bản xứ: tiếp nhận và mở công văn đến, tiếp nhận và gửi điện tín mã hoá, công việc tối mật, công việc đặc biệt, đề nghị cứu trợ, hành chính và chính trị bản xứ, giám sát chung, khen thưởng, huân chương danh dự, huân chương Danh

dự Bội tinh, quan hệ với giới báo chí, đặt mua báo và các ấn phẩm định kì.

Bộ phận hành chính: *phụ trách công việc về Hành chính tổng hợp, kiểm tra công việc của các chính quyền địa phương, báo cáo hàng tháng về tình hình Đông Dương, các cơ quan khoa học, tài phán, chuẩn bị và chỉ đạo các cấp xét xử liên quan đến Toàn quyền Đông Dương, Uỷ ban Tư vấn tài phán, hộ tịch, quốc tịch và nhập quốc tịch, tài sản và di sản, ban hành các đạo luật, sắc lệnh và nghị định, các vấn đề liên quan đến Trước bạ và Tài sản, tiếp nhận thường trực các văn bản liên quan đến tổ chức và quy định của Đông Dương, Hội đồng Tối cao, nhân sự, các vấn đề nguyên tắc liên quan đến tổ chức và lương của nhân sự thuộc các cơ quan khác nhau: nghỉ phép, đi lại, lương hưu..., kiểm tra hồ sơ của các Hội đồng Điều tra, nhân sự ngạch dân sự (bổ nhiệm, thuyên chuyển, nâng bậc, hồ sơ và sổ ghi chép), nhân sự của lực lượng lính khố xanh.*

Phòng chính trị: *nghiên cứu và áp dụng các hiệp ước và công ước quốc tế về Đông Dương (kiểm soát biên giới), thực thi các công ước về kéo dài đường sắt Đông Dương trên lãnh thổ nước ngoài; bưu điện; trường học và bệnh viện ở nước ngoài thuộc sở hữu hoặc được Đông Dương trợ cấp; quan hệ với các bộ trưởng và Lãnh sự Pháp ở Viễn Đông, quan hệ với chính quyền nước ngoài về biên giới, di dân người châu Á ở Đông Dương; phân tích và dịch thuật báo chí nước ngoài, các phái bộ ở nước ngoài, phận tích báo chí Pháp và thuộc địa, sắp xếp nhật báo và ấn phẩm định kì.*

Phòng quân sự: *phụ trách các công việc về quân sự, công việc xử lí với Đô đốc - Tổng Tư lệnh lực lượng Hải quân Pháp ở Viễn Đông và Giám đốc Y tế; tình báo quân sự và hải quân nước ngoài, quân pháp; đăng kiểm hàng hải; trại ngựa giống, đua ngựa; việc đi biển của viên chức và sĩ quan về Pháp; công việc nội vụ; đề nghị mở phiên toà; lễ tân...*

Phòng lưu trữ: *phụ trách công văn đi và đến, phân bổ công việc tới các bộ phận khác nhau, cấp bản sao các nghị định và thông tri của Toàn quyền, tập trung tài liệu lưu trữ của Phủ Toàn quyền và các công bố chính thức, tập trung các đề nghị đặt mua tác phẩm, ấn phẩm định kì (Công báo, Tập san chính thức), chuẩn bị danh bạ.*

178. Arrêté du 23 janvier 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service d'inspection au Tonkin.

Nghị định ngày 23 tháng 01 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Sở Thanh tra Bắc Kì.

(Nguồn: J 1060, JOIF 1909, tr.123)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Nghị định ngày 09 tháng 4 năm 1907 về việc thành lập thử nghiệm 4 khu vực thanh tra các cơ quan dân sự tại Bắc Kì bị huỷ bỏ.

Hai thanh tra viên ngạch dân sự hoặc quan cai trị hạng 1 được bố trí bên cạnh Thống sứ Bắc Kì tại Hà Nội, chịu trách nhiệm thanh tra các tỉnh và phái đoàn đặc biệt. Thanh tra viên kiểm soát toàn bộ các cơ quan trực thuộc chính quyền địa phương và chính quyền tỉnh tại địa phương mà họ được phái đến công tác.

Thanh tra viên cũng được phép triệu tập đại diện của các cơ quan trung ương để được cung cấp các thông tin cần thiết trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Hàng năm, thanh tra viên hưởng trợ cấp cố định trị giá 2.400 đồng bạc thay cho công tác phí và phí đi lại. Ngoài ra, họ còn được hỗ trợ về phương tiện đi lại. Chi phí phụ cấp cho thanh tra và phí đi lại của những viên chức này do ngân sách tỉnh chi trả theo quy định của Thống sứ.

179. Arrêté du 23 janvier 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Muong Khuong, province de Laokay.

Nghị định ngày 23 tháng 01 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

(Nguồn: J 1060, JOIF 1909, tr.138)

180. Arrêté du 25 janvier 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service et du personnel de la circonscription des Mines.

Nghị định ngày 25 tháng 01 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại hoạt động và nhân sự Khu Mỏ.

(Nguồn: J 1060, JOIF 1909, tr.138-140)

Nghị định gồm 16 điều với các nội dung chính sau:

Khu Mỏ (thuộc Sở Công chính) gồm 3 phòng:

- Phòng Hầm mỏ chịu trách nhiệm kiểm soát và giám sát mỏ quặng, mỏ đá, nguồn nước khoáng và các loại máy hơi nước, ngoài những máy móc được bố trí trên tàu.

- Phòng Địa chất lập bản đồ địa dư Đông Dương.

- Phòng Hoá chất phân tích và thử nghiệm vôi, xi măng và toàn bộ nguyên liệu dùng để xây dựng các công trình công cộng, nước uống, quặng, đá và những sản phẩm công nghiệp khác.

Điều 2. Nhân viên Phòng Hầm mỏ thuộc đội ngũ kĩ sư công chính, kiểm soát viên mỏ, nhân viên và giám sát viên công chính được thành lập và quy định theo Sắc lệnh ngày 18 tháng 01 năm 1905.

Chánh Sở Công chính được phép chỉ định một số viên chức, công chức của Sở Công chính thay thế công chức, viên chức của Khu Mỏ để đảm nhiệm một số công việc như: cắm mốc các khu nhượng mỏ hoặc kiểm soát và giám sát mỏ đá, hoặc kiểm soát máy hơi nước tại một vùng nào đó, sau khi có ý kiến của Kĩ sư trưởng Mỏ.

Đội ngũ nhân viên thuộc các cơ quan đặc biệt này được chia làm 2 loại:

Nhân viên không chính ngạch;

Nhân viên thường trực.

Trong trường hợp cần thiết, đội ngũ sĩ quan, hạ sĩ quan ngoại hạng do Toàn quyền sử dụng hoặc viên chức biệt phái đến từ lực lượng quân đội thuộc địa được bổ sung vào Ban Địa chất; tham tá, giám sát công chính, nhân viên tạm thời, nhân viên công nhật và nhân viên bản xứ được tuyển dụng bổ sung vào Ban Hoá chất.

Nhân viên không chính ngạch gồm:

- Nhân viên các Bộ Công chính và Bộ Học chính tại chính quốc hoặc đội ngũ ngân viên Sở Công chính tại các thuộc địa do Toàn quyền sử dụng;

- Nhân viên được tuyển dụng trực tiếp.

Đối với các nhà địa chất học, uỷ ban đặc biệt quan tâm đến:

- Công trình nghiên cứu và trình độ hiểu biết của ứng cử viên;

- Công trình khoa học;

- Sự cộng tác của ứng cử viên với một cơ quan địa chất chính thức tại Pháp, Algérie hoặc tại thuộc địa;

- Bằng cấp và học hàm.

Nhà địa chất học phải:

- Có bằng cử nhân ngành khoa học địa chất hoặc đủ hiểu biết về lĩnh vực này;

- Tham gia nghiên cứu thực hành thực địa hoặc trong phòng thí nghiệm về địa chất học trong thời gian ít nhất 2 năm.

Nhà địa chất học chính phải có bằng tiến sĩ khoa học ngành địa chất, hoặc nếu có công trình nào được cho là tương đương với một luận án tiến sĩ khoa học ngành địa chất.

Tương tự, đối với các kĩ sư hoá học, một uỷ ban đặc biệt cũng phải xem xét các mặt như: công trình nghiên cứu, trình độ hiểu biết, công trình khoa học của ứng cử viên, và tuân theo những quy định dưới đây:

Kĩ sư hoá học phải đáp ứng một trong những điều kiện sau:

- Là cựu học sinh đã tốt nghiệp một trong các viện hoá học được sáp nhập vào các khoa khoa học hoặc Trường Vật lí và Hoá công nghiệp Paris, hoặc bất kì một trường hoá công nghiệp nào;

- Có đủ 2 năm làm việc tại phòng phân tích công nghiệp, ngoài ra phải có một trong các bằng: cử nhân khoa học chuyên ngành hoá học, bằng tốt ngiệp trường Mỏ Paris hoặc Saint Etienne v.v...

Kĩ sư hoá học chính phải đáp ứng các điều kiện đối với kĩ sư hoá học và có bằng tiến sĩ khoa học chuyên ngành hoá học, hoặc có công trình nào được Uỷ ban xem là tương đương với một luận án tiến sĩ khoa học ngành hoá học.

Việc phân loại nhân viên diễn ra theo các quy định đặc biệt tại điều 19, Sắc lệnh ngày 18 tháng 01 năm 1905.

Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng trực tiếp hoặc trong số nhân viên của chính quốc và đội ngũ cán bộ Sở Công chính tại các thuộc địa đều phải tuân thủ các quy định trong Sắc lệnh ngày 18 tháng 01 năm 1905 v.v...

Nhân viên hợp đồng, nhà địa chất học và kĩ sư hoá học Sở Mỏ được phân bổ theo ngạch bậc, thứ hạng.

181. Décret du 18 mars 1909 du Président de la République française portant suppression de la Direction de l'Agriculture et du Commerce au Gouvernement général de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 18 tháng 3 năm 1909 của Tổng thống Cộng hoà Pháp xoá bỏ Nha Canh nông và Thương mại thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1061, JOIF 1909, tr.1578)

Sắc lệnh gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Nha Canh nông và Thương mại thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương chính thức bị xoá bỏ.

Ban Lâm nghiệp đặt dưới quyền chỉ đạo của Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại theo Sắc lệnh ngày 07 tháng 02 năm 1901, trở thành một Nha độc lập do Giám đốc điều hành dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền.

Các Sở Canh nông địa phương và đội ngũ nhân viên được đặt dưới sự điều hành trực tiếp của Thống đốc, Thống sứ và Khâm sứ.

Những nghị định do Toàn quyền ban hành theo đề nghị của Thống đốc và các Thống sứ, Khâm sứ quy định việc tổ chức, quân số và mức lương của đội ngũ nhân viên tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương chỉ có hiệu lực sau khi được Bộ trưởng Bộ Thuộc địa thông qua.

Thanh tra - Cố vấn các sở canh nông và thương mại được bố trí phụ tá Toàn quyền Đông Dương, thực hiện quyền kiểm soát tối cao về mặt kĩ thuật và nghề nghiệp đối với các sở này. Viên chức này có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thương mại và sự phát triển công cuộc khai thác thuộc địa.

Thanh tra - Cố vấn do Toàn quyền bổ nhiệm bằng nghị định, được mời tham gia Hội đồng Tối cao Đông Dương và Uỷ ban Thường trực Hội đồng này với tư cách tư vấn khi đề cập tới những vấn đề thuộc chuyên môn phụ trách.

Mức lương của Thanh tra - Cố vấn này được quy định như sau:

Lương châu Âu: 9.000 phơ-răng

Lương thuộc địa: 18.000 phơ-răng.

Liên quan đến phí đi lại, phí lưu trú và viện phí, viên chức này được xếp hạng B1.

Nếu không thuộc ngạch công chức của chính quốc, viên chức này được đặt dưới chế độ quy định trong Sắc lệnh ngày 05 tháng 5 năm 1898 về việc thành lập quỹ hưu trí địa phương tại Đông Dương đã được sửa đổi bổ sung theo Sắc lệnh ngày 06 tháng 12 năm 1905.

Ngay khi ban hành Sắc lệnh này tại Đông Dương, Giám đốc Nha Nông, Lâm và Thương mại sẽ nắm giữ các quyền hạn của Thanh tra - Cố vấn, tiếp tục được hưởng lương bổng và xếp hạng theo quy định trong những văn bản trước đó cho đến khi nghỉ việc.

182. Décret du 18 mars 1909 du Président de la République française portant suppression de la Direction générale de l'Instruction publique en Indochine.

Sắc lệnh ngày 18 tháng 3 năm 1909 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc xoá bỏ Tổng Nha Học chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1061, JOIF 1909, tr.1578-1579)

Sắc lệnh gồm 10 điều, trong đó có:

Tổng Nha Học chính Đông Dương chính thức bị xoá bỏ.

Thanh tra - Cố vấn Giáo dục thực hiện quyền kiểm soát tối cao về mặt kĩ thuật và nghiệp vụ đối với các Sở Học chính tại Đông Dương, được bố trí bên cạnh Toàn quyền. Viên chức này có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề liên quan đến giáo dục và sự phát triển nền giáo dục.

Thanh tra Cố vấn Giáo dục được bổ nhiệm bằng nghị định của Toàn quyền.

Giám đốc Sở và đội ngũ nhân viên Sở Học chính các kì được đặt dưới sự điều hành trực tiếp của Thống đốc, Thống sứ và Khâm sứ. Nhân viên được trả thù lao bằng nguồn ngân sách cấp kì trong Liên bang Đông Dương.

Những nghị định do Toàn quyền ban hành theo đề nghị của Thống đốc và các Thống sứ, Khâm sứ quy định việc tổ chức, số lượng và mức lương của đội ngũ nhân viên tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương chỉ có hiệu lực sau khi được Bộ trưởng thông qua.

Sau khi có ý kiến của các Giám đốc Sở Học chính các kì, Thống đốc, Thống sứ và Khâm sứ trình Toàn quyền bản dự thảo chương trình giảng dạy cũng như các đề xuất liên quan đến cải cách hoặc hoàn thiện nền giáo dục; thành lập và tổ chức một số trung tâm giáo dục mới.

Thanh tra - Cố vấn Giáo dục được mời tham gia Hội đồng Tối cao Đông Dương và Uỷ ban Thường trực Hội đồng này với tư cách tư vấn khi đề cập tới những vấn đề liên quan đến thẩm quyền.

Mức lương của viên Thanh tra - Cố vấn này được quy định như sau:

Lương châu Âu: 9.000 phơ-răng

Lương thuộc địa: 18.000 phơ-răng.

Liên quan đến phí đi lại, phí lưu trú và viện phí, viên chức này được xếp hạng B1.

Nếu không thuộc ngạch công chức của chính quốc, viên chức này được đặt dưới chế độ quy định trong Sắc lệnh ngày 05 tháng 5 năm 1898 về việc thành lập quỹ hưu trí địa phương tại Đông Dương được sửa đổi bổ sung theo Sắc lệnh ngày 06 tháng 12 năm 1905.

Ngay khi Sắc lệnh này có hiệu lực tại Đông Dương, Giám đốc Nha Học chính Đông Dương sẽ được giao các quyền hạn của Thanh tra - Cố vấn Giáo dục, tiếp tục được hưởng các khoản lương bổng và xếp hạng theo quy định tại những văn bản trước đó cho đến khi nghỉ việc.

183. Arrêté n° 1532 du 28 juin 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province de Laichau.

Nghị định số 1532 ngày 28 tháng 6 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập tỉnh Lai Châu.

(Nguồn: RST - 83222-01, tờ số 5)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Khu hành chính mới mang tên tỉnh Lai Châu được thành lập tại Bắc Kì trong đó, tỉnh lị được đặt tại Lai Châu.

Chính quyền Pháp và chính quyền bản xứ được thành lập theo quyết định của Thống sứ Bắc Kì trong giới hạn kinh phí được đăng kí vào ngân sách địa phương.

184. Arrêté du 5 août 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du personnel et règlementant le fonctionnement des Services agricoles et commerciaux locaux de l'Indochine.

Nghị định ngày 05 tháng 8 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại nhân sự và quy định hoạt động của các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1061, JOIF 1909, tr.1579-1582)

Nghị định gồm 6 phần, 43 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Tổ chức các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì

Các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì chịu sự quản lí của Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì, Khâm sứ Trung Kì và Khâm sứ Cao Miên. Vấn đề nhân sự người Âu của các sở này được quy định trong Nghị định này. Nhân sự người bản xứ của sở được điều chỉnh theo các Nghị định đặc biệt khác.

Các đơn vị như vườn bách thảo, trạm thử nghiệm, trạm thí nghiệm, nông trại, trại tằm tập hợp thành một sở do Chánh Sở chỉ đạo dưới quyền quản lí của người đứng đầu địa phương.

Các phòng thí nghiệm và phân tích hoá học nông - công nghiệp, các cơ sở đào tạo kĩ thuật, các cơ sở chăn nuôi, các phòng kinh tế địa

phương, các bảo tàng... hợp thành một sở do Giám đốc Sở chỉ đạo dưới quyền quản lí của người đứng đầu địa phương.

Phần II. Quy định chung đối với nhân sự người Âu của các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì

Viên chức và nhân viên của các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì do Toàn quyền Đông Dương quyết định bổ nhiệm và nâng bậc theo quy định tại điều 2 Sắc lệnh ngày 21 tháng 4 năm 1891.

Phần III. Quy định về tuyển dụng nhân sự

Viên chức các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Là người Pháp hoặc nhập quốc tịch Pháp;

- Tuổi từ 21 đến 30 hoặc đã làm việc tại Pháp hoặc thuộc địa để có thể được hưởng chế độ trợ cấp hưu trí ở tuổi 55;

- Đáp ứng yêu cầu của Luật về tuyển quân;

- Có đủ sức khoẻ để làm việc tại Đông Dương;

- Có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Các chức danh của nhân viên các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì gồm có:

- Thanh tra hạng 1, 2, 3;

- Phó thanh tra hạng 1. 2;

- Nhân viên chính ngoại hạng cấp 1, 2;

- Nhân viên hạng 1, 2, 3;

- Nhân viên chính;

- Nhân viên hạng 1, 2, 3;

- Trưởng phòng thí nghiệm hạng 1, 2, 3;

- Kĩ sư hoá học chính hạng 1, 2, 3;

- Kĩ sư hoá học hạng 1, 2.

Phần IV, V và VI quy định việc nâng bậc và kỉ luật viên chức.

Hàng năm, một ban xếp loại viên chức lập danh sách đề nghị nâng bậc trình Toàn quyền Đông Dương quyết định.

Các hình thức kỉ luật viên chức bao gồm: khiển trách, khiển trách

ghi vào hồ sơ, kỉ luật ghi vào hồ sơ có thể không cho nâng bậc, giáng cấp và cách chức. Người đứng đầu các kì quyết định các hình thức kỉ luật đối với viên chức của các sở này.

185. Décret du 9 décembre 1909 du Président de la République française supprimant la Direction générale des Travaux publics de l'Indochine instituée par le décret du 18 janvier 1905.

Sắc lệnh ngày 09 tháng 12 năm 1909 của Tổng thống Cộng hoà Pháp bãi bỏ Tổng Nha Công chính Đông Dương được thành lập theo Sắc lệnh ngày 18 tháng 01 năm 1905.

(Nguồn: J 1063, JOIF 1910, tr.242-243)

Sắc lệnh gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Tổng Nha Công chính Đông Dương được thành lập theo Sắc lệnh ngày 18 tháng 01 năm 1905 bị xoá bỏ theo các điều kiện dưới đây:

Trong thời hạn không quá 6 tháng, kể từ ngày ban hành Sắc lệnh này tại thuộc địa, Toàn quyền sẽ quy định cơ cấu tổ chức mới của cơ quan Công chính. Những nghị định được thực hiện tạm thời này phải được Bộ trưởng Bộ Thuộc địa phê chuẩn trước khi được triển khai chính thức.

Cho đến khi tổ chức mới này được áp dụng theo quy định tại điều 2, kĩ sư - thanh tra công chính tạm thời được uỷ nhiệm mọi chức năng, quyền hạn của Giám đốc. Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, viên kĩ sư - thanh tra này được hưởng những đặc quyền dành cho Giám đốc.

186. Arrêté du 17 février 1910 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant un Service de la Sûreté générale et des renseignements au cabinet du Gouverneur général.

Nghị định ngày 17 tháng 02 năm 1910 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một cơ quan Mật thám và An ninh tại Văn phòng Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1063, JOIF 1910, tr.395)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan Mật thám và An ninh được thành lập tại Văn phòng Phủ Toàn quyền. Uỷ viên cảnh sát đặc biệt thuộc quyền quản lí của Toàn quyền đảm nhiệm chức Giám đốc Cơ quan Tình báo và An ninh trung ương, chịu trách nhiệm thu thập thông tin liên quan đến tình hình an ninh chính trị.

Giám đốc cơ quan Mật thám và An ninh được trực tiếp liên hệ với Uỷ viên cảnh sát trung ương tại các nước trong liên bang và uỷ viên cảnh sát khu vực biên giới. Những uỷ viên này chịu trách nhiệm cung cấp cho Giám đốc mọi thông tin liên quan đến các cơ quan giám sát và cảnh sát khi có yêu cầu.

Giám đốc cơ quan Mật thám và An ninh có thể thay mặt Toàn quyền truyền đạt mệnh lệnh hoặc chỉ thị đến Cảnh sát trưởng tại các địa phương hoặc Uỷ viên cảnh sát khu vực biên giới thông qua Thống đốc, Khâm sứ hoặc Thống sứ.

187. Arrêté du 19 mars 1910 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Luc An Châu, province Yên Bay (Tonkin).

Nghị định ngày 19 tháng 3 năm 1910 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Lục An Châu, tỉnh Yên Bái (Bắc Kì).

(Nguồn: J 1063, JOIF 1910, tr.577)

188. Décret du 2 avril 1910 du Président de la République française portant modification à la composition du Conseil colonial de la Cochinchine

Sắc lệnh ngày 02 tháng 4 năm 1910 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần của Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.

(Nguồn: J 1063, JOIF 1910, tr.1107)

Sắc lệnh gồm 3 điều với nội dung chính sau:

Điều 1 của Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1880 được sửa đổi như sau:

"Thành lập tại Nam Kì một Hội đồng Thuộc địa có trụ sở tại Sài Gòn. Thành phần Hội đồng bao gồm: 6 thành viên người Pháp và nhập quốc tịch Pháp, 6 thành viên người châu Á hoặc quốc tịch Pháp, 2 thành viên không phải là công chức của Hội đồng Tư mật. 2 thành viên người Pháp, đại diện của Phòng Thương mại Sài Gòn, 2 thành viên người Pháp, đại diện của Phòng Canh nông Nam Kì.

Thành viên có thể được bổ nhiệm theo nhiệm kì 2 hoặc 4 năm"....

189. Arrêté du 19 avril 1910 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création un nouveau châu dans la province de Son La (Tonkin).

Nghị định ngày 19 tháng 4 năm 1910 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một châu mới tại tỉnh Sơn La (Bắc Kì).

(Nguồn: J 1063, JOIF 1910, tr.838)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Một châu mới được thành lập tại tỉnh Sơn La, huyện lị được đặt tại Mường Kim. Khu hành chính mới này mang tên Châu Thân, gồm:

- Các tổng Làng Nam (Mường Khoa), Than Uyên (Mường Than), Lương Thiện (Mường Cang), Thanh Quì (Mường Kim) và Thân Thuộc (Mường Chom Chảng) thuộc Đạo Quan binh 4 cũ.

- Tổng Ngọc Triến (Mường Triến) được tách ra từ đạo Lai khi hình thành tỉnh Lai Châu mới.

- Tổng Hiếu Trai (Mường Trai) tách từ châu Sơn La.

190. Arrêté du 24 juin 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service de l'inspection de l'Agriculture au Tonkin.

Nghị định ngày 24 tháng 6 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức hoạt động của Ban Thanh tra Canh nông Bắc Kì.

(Nguồn: J 1065, JOIF 1910, tr.2237-2238)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Để phục vụ hoạt động thanh tra canh nông, Bắc Kì được chia làm 4 khu vực:

Khu vực 1: Các tỉnh Thái Bình, Kiến An, Quảng Yên, Hải Ninh, Hải Dương, Bắc Giang;

Khu vực 2: Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hà Nam, Hà Đông, Sơn Tây;

Khu vực 3: Bắc Ninh, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Yên Thế;

Khu vực 4: Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu.

Đứng đầu mỗi khu vực là thanh tra hoặc phó thanh tra các Sở Canh nông và Thương mại địa phương. Trường hợp thanh tra hoặc phó thanh tra vắng mặt trong thời gian dài và không có sẵn một thanh tra hoặc phó thanh tra thay thế, một nhân viên chính được chỉ định thay thế khi công việc yêu cầu, hoặc viên chức này cùng một lúc có thể đảm nhiệm nhiều khu vực.

Người phụ trách khu vực hoặc người thay thế có thể cùng lúc phụ trách một hoặc nhiều cơ quan hoặc cơ sở khác nhau trực thuộc Ban chỉ đạo các Sở Canh nông và Thương mại địa phương được hưởng khoản trợ cấp trị giá 500 đồng bạc Đông Dương, không kể trợ cấp đi lại và lưu trú.

Thanh tra hoặc phó thanh tra Canh nông phụ trách khu vực phải nắm rõ tình hình nông nghiệp và sự phát triển của cây trồng tại khu vực đó; thường xuyên kiểm tra những khu vườn thực nghiệm của tỉnh, trạm thử nghiệm, khu trưng bày sản phẩm v.v...; liên hệ chặt chẽ với những người được nhượng đất hoặc nông dân.

Thanh tra hoặc phó thanh tra phải báo cáo lên Chánh Chủ tỉnh về tình hình công việc và gửi bản sao báo cáo đến Công sứ có liên quan sau mỗi chuyến công cán.

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhân viên phụ trách thanh tra Canh nông còn có thể được Trưởng ban Canh nông Bắc Kì giao

nhiệm vụ điều tra và thanh tra về kĩ thuật, sau khi được Thống sứ thông qua.

191. Arrêté du 13 juillet 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant création des centres administratifs de An Châu (province de Quang Yên) et de Chiêm Hoa (province de Tuyên Quang).

Nghị định ngày 13 tháng 7 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập các trung tâm hành chính An Châu (tỉnh Quảng Yên) và Chiêm Hoá (tỉnh Tuyên Quang).

(Nguồn: J 1065, JOIF 1910, tr.2480)

192. Décret du 27 août 1910 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil du Protectorat du Tonkin (promulgué le 24 octobre 1910).

Sắc lệnh ngày 27 tháng 8 năm 1910 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì (Sắc lệnh được ban bố ngày 24 tháng 10 năm 1910).

(Nguồn: J 1065, JOIF 1910, tr.3057-3058)

Điều 2 của Sắc lệnh ngày 08 tháng 8 năm 1898 được sửa đổi như sau:

"Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì gồm:

Thống sứ Bắc Kì - Chủ tịch;

Tướng lĩnh hoặc Tư lệnh tối cao quân đội viễn chinh Pháp tại Bắc Kì;

Đại diện cho Giám đốc Tư pháp Đông Dương;

Kĩ sư Công chính Bắc Kì;

Đại diện Nha Kiểm tra Tài chính;

Đại diện Phòng Thương mại Hà Nội;

Đại diện Phòng Thương mại Hải Phòng;

Đại điện Phòng Canh nông Bắc Kì;

Hai kì hào bản xứ;

Chánh Văn phòng Phủ Thống sứ làm thư kí.

Hàng năm, Phòng Thương mại và Canh nông chỉ định đại diện và uỷ viên dự khuyết thay thế uỷ viên thực thụ tham gia Hội đồng Bảo hộ.

Kì hào bản xứ do Thống sứ đề cử và do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm hàng năm. Toàn quyền cũng là người chỉ định hai kì hào bản xứ dự khuyết.

Nhiệm kì của uỷ viên thực thụ hoặc dự khuyết của các Phòng Thương mại và Canh nông, cũng như nhiệm kì của kì hào bản xứ là uỷ viên thực thụ hoặc dự khuyết có thể được gia hạn vĩnh viễn".

193. Décret du 8 septembre 1910 du Président de la République française portant modification de la composition du Conseil privé de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 9 năm 1910 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần Hội đồng Tư mật Nam Kì.

(Nguồn: J 1065, JOIF 1910, tr.3118)

Theo Sắc lệnh, điều 1 của Sắc lệnh ngày 16 tháng 7 năm 1888 được sửa đổi như sau:

"Thành phần của Hội đồng Tư mật Nam Kì gồm có:

Thống đốc Nam Kì;

Tư lệnh các lực lượng quân đội viễn chinh Pháp đóng chiếm tại Nam Kì;

Tư lệnh Hải quân;

Chưởng lí - Giám đốc Tư pháp;

Chánh Sở Công chính Nam Kì;

Hai uỷ viên Hội đồng Tư mật được lựa chọn trong số thân hào sống tại thuộc địa và được bổ nhiệm bằng sắc lệnh.

Bốn uỷ viên dự khuyết cũng được bổ nhiệm bằng sắc lệnh thay thế uỷ viên thực thụ khi cần.

Hai uỷ viên bản xứ được lựa chọn trong số thân hào sống tại thuộc địa và được bổ nhiệm bằng sắc lệnh.

Hai uỷ viên dự khuyết người bản xứ cũng được bổ nhiệm bằng sắc lệnh, thay thế uỷ viên thực thụ khi cần.

194. Arrêté du 8 novembre 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du centre administratif de Phuong Do, province de Thai Nguyen.

Nghị định ngày 08 tháng 11 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ trung tâm hành chính Phương Độ, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguồn: J 1065, JOIF 1910, tr.3249)

195. Arrêté du 23 décembre 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant supression des délégations de Soc Giang et de Dong Khe dans le 2è territoire militaire.

Nghị định ngày 23 tháng 12 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ đại lí Sóc Giàng và Đông Khê tại Đạo Quan binh 2.

(Nguồn: J 1065, JOIF 1910, tr.3647)

196. Arrêté du 24 décembre 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du 1er bureau de la Résidence supérieure du Tonkin.

Nghị định ngày 24 tháng 12 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ phòng 1 Phủ Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 1065, JOIF 1910, tr.3664)

Theo Nghị định này, phòng 1 của Phủ Thống sứ Bắc Kì bị xoá bỏ. Phủ Thống sứ Bắc Kì còn lại Văn phòng và 3 phòng ban do Thống sứ Bắc Kì quy định về tổ chức và chức năng nhiệm vụ bằng Nghị định.

197. Arrêté n° 2057 du 27 décembre 1910 du Résident supérieur du Tonkin fixant l'organisation et les attributions du Cabinet et des bureaux de la Résidence supérieure du Tonkin.

Nghị định số 2057 ngày 27 tháng 12 năm 1910 của Thống sứ Bắc

Kì quy định tổ chức và quyền hạn của Văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: RST - 71088, tờ số 1-4)

Nghị định gồm 2 điều quy định về tổ chức và quyền hạn của Văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì. Theo đó, Phủ Thống sứ Bắc Kì có một văn phòng và 3 phòng như sau:

Văn phòng gồm 4 bộ phận:

- Bộ phận 1 phụ trách về văn thư, phân bổ công việc, trình kí, cấp bản sao các nghị định, quan hệ với báo chí, lưu trữ, thư viện...

- Bộ phận 2 phụ trách về an ninh, mật thám, chính trị. kiểm duyệt ấn phẩm tiếng nước ngoài, nâng bậc, khen thưởng, kỉ luật....

- Bộ phận 3 phụ trách về nhân sự gồm các công việc như bổ nhiệm, thuyên chuyển, hồi hương, lập hồ sơ hưu trí, trợ cấp, tuyển dụng ...

- Bộ phận 4 phụ trách về lính khố xanh.

***Phòng 1:** gồm hai bộ phận phụ trách công việc hành chính trung ương và khai thác thuộc địa.*

***Phòng 2**: gồm hai bộ phận phụ trách công việc hành chính cấp tỉnh và công việc bản xứ.*

***Phòng 3**: gồm hai bộ phận phụ trách công việc về tài chính, kế toán tổng hợp và ngân sách.*

198. Décret du 20 octobre 1911 du Président de la République française portant fixation des pouvoirs du Gouverneur général de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1069, JOIF 1911, tr.2486-2487)

Sắc lệnh gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Toàn quyền Đông Dương là người được uỷ nhiệm thi hành các quyền lực của nước Cộng hoà Pháp tại Đông Dương. Toàn quyền là người duy nhất được quyền trao đổi với Chính phủ trừ trường hợp đặc biệt

được quy định trong Sắc lệnh ngày 22 tháng 3 năm 1907; được liên hệ với các Bộ thông qua Bộ trưởng Bộ Thuộc địa; trực tiếp liên hệ với các đại sứ, Bộ trưởng tại Pháp, các Tổng Lãnh sự, Lãnh sự và Phó Lãnh sự Pháp tại khu vực Viễn Đông. Tuy nhiên, Toàn quyền không được tự ý thương lượng ngoại giao khi không được sự chuẩn y của chính phủ.

Toàn quyền giữ quyền chỉ đạo tối cao và kiểm soát các cơ quan dân sự tại Đông Dương; tổ chức và chịu trách nhiệm về hoạt động của các cơ quan đó; phân bổ đội ngũ nhân viên giữa các nước trong Liên bang Đông Dương, trừ đội ngũ nhân viên thuộc tổ chức quan toà; bổ nhiệm mọi chức vụ dân sự trừ những chức vụ thuộc quyền bổ nhiệm của chính quốc theo pháp luật. Đối với những trường hợp này, việc bổ nhiệm được thực hiện theo đề xuất của Toàn quyền. Cách thức bổ nhiệm Giám đốc Kiểm soát tài chính và Giám đốc Tài chính và Kế toán Nha Ngân khố phải tuân thủ những quy định đặc biệt.

Trong trường hợp khẩn cấp, những viên chức được chính quốc bổ nhiệm vẫn có thể bị treo chức theo quyết định của Toàn quyền và việc treo chức phải được thông báo tới Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Quy định này không áp dụng đối với Kiểm soát viên tài chính.

Toàn quyền tổ chức và bổ nhiệm đội ngũ nhân viên địa phương và bản xứ. Việc tổ chức đội ngũ nhân viên của chính quốc hoặc thuộc địa giúp việc cho Toàn quyền Đông Dương do chính quyền tại chính quốc quy định.

Toàn quyền có thể uỷ nhiệm toàn bộ hoặc một phần quyền hạn cho Thống đốc, Thống sứ Bắc Kì, các Khâm sứ Trung Kì, Cao Miên, Lào và Tổng trấn Quảng Châu Loan.

Toàn quyền chịu trách nhiệm về an ninh nội bộ và quốc phòng toàn Đông Dương. Để làm được điều này, Toàn quyền có quyền quản lí toàn bộ lực lượng lục quân và hải quân theo quy định tại Sắc lệnh ngày 09 tháng 11 năm 1901 về mối quan hệ giữa Toàn quyền và Tư lệnh Tối cao quân đội thuộc địa, và Sắc lệnh ngày 03 tháng 11 năm 1905 về quyền hạn của Tư lệnh Hải quân tại thuộc địa.

Toàn quyền không trực tiếp chỉ huy lực lượng quân đội mà việc này thuộc về chính quyền quân sự. Không một hoạt động quân sự nào

được tiến hành nếu không được Toàn quyền cho phép, trừ trường hợp khẩn cấp cần đẩy lùi một cuộc tấn công.

Các đạo quan binh có thể được thành lập, tổ chức hoặc xoá bỏ theo quyết định của Toàn quyền và được đưa ra thông qua trước Hội đồng Chính phủ.

Giúp việc cho Toàn quyền Đông Dương là Phó Toàn quyền được bổ nhiệm bằng Sắc lệnh, theo đề xuất của Toàn quyền. Toàn quyền có thể ủy thác toàn bộ hoặc một phần quyền hạn cho Phó Toàn quyền. Ngoài ra, giúp việc cho Toàn quyền có Hội đồng Chính phủ. Thành phần và quyền hạn của Hội đồng được quy định trong một sắc lệnh đặc biệt.

Trừ khi có sự chỉ định đặc biệt bằng một sắc lệnh được đưa ra theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Phó Toàn quyền mới được tạm thời thay thế Toàn quyền trong trường hợp Toàn quyền vắng mặt.

199. Décret du 20 octobre 1911 du Président de la République française portant fixation de la composition et des attributions du Conseil de Gouvernement de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định thành phần và quyền hạn của Hội đồng Chính phủ Đông Dương.

(Nguồn: J 1069, JOIF 1911, tr.2487-2488)

Sắc lệnh gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Chính phủ với thành phần như sau:

Chủ tịch Hội đồng là Toàn quyền Đông Dương.

Các uỷ viên: Tư lệnh Tối cao quân đội Đông Dương; Phó Toàn quyền; Thống đốc Nam Kì; Thống sứ Bắc Kì; Khâm sứ Trung Kì; Khâm sứ Cao Miên; Khâm sứ Lào; nghị sĩ Nam Kì; Chưởng lí - Giám đốc Tư pháp; Giám đốc Nha Tài chính; Tổng Thanh tra công chính; Tổng Thanh tra các cơ quan y tế; Giám đốc Thương chính và Độc quyền; Giám đốc Ngân khố Đông Dương; Tư lệnh Hải quân Đông Dương; Chủ tịch Hội đồng Thuộc địa Nam Kì; các đại biểu

của Trung Kì, Bắc Kì và Cao Miên; Chủ tịch Phòng Thương mại Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng; Chủ tịch Phòng Canh nông Nam Kì và Bắc Kì; Chủ tịch các Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì và Cao Miên; 5 kì hào bản xứ; Chánh Văn phòng Toàn quyền - thư kí với quyền biểu quyết; các thành viên bản xứ do Toàn quyền chỉ định theo đề nghị của Thống đốc Nam Kì và Thống sứ, Khâm sứ.

Trường hợp Toàn quyền vắng mặt hoặc vì lí do nào đó không tham gia được, Phó Toàn quyền sẽ chủ trì Hội đồng.

Tổng Thanh tra thuộc địa và Giám đốc Kiểm tra tài chính có quyền tham dự các cuộc họp. Tổng Thanh tra được cử một trong số thanh tra viên tháp tùng làm người đại diện. Trưởng các cơ quan dân sự và quân sự cũng được mời tham gia Hội đồng và có quyền biểu quyết đối với những vấn đề liên quan đến thẩm quyền của họ.

Trong trường hợp vắng mặt hoặc không tham gia được, các uỷ viên thực thụ của Hội đồng được thay bằng viên chức, sĩ quan hoặc uỷ viên các hội đồng theo quy định.

Mỗi năm, Hội đồng họp ít nhất một lần theo lệnh triệu tập của Toàn quyền. Toàn quyền cũng là người ấn định địa điểm diễn ra cuộc họp.

Toàn quyền Đông Dương quyết định ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương hoặc xứ Bảo hộ và ngân sách bổ sung cũng như các báo cáo quyết toán và được đưa ra thông qua trước Hội đồng; ấn định các khoản thuế và trợ cấp liên quan đến các xứ trong liên bang; phê chuẩn cách thức, quy định về thu thuế và định suất thuế cho ngân sách chung Đông Dương, địa phương và ngân sách bổ sung trên toàn cõi Đông Dương.

Hội đồng cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến xứ Đông Dương và trình lên Toàn quyền xem xét. Toàn quyền bắt buộc phải được tham vấn về các khoản vay.

Một Uỷ ban Thường trực Hội đồng được thành lập nhằm góp ý kiến cho những vấn đề có thể trình lên Hội đồng xem xét. Ý kiến của Uỷ ban Thường trực có thể thay cho ý kiến của Hội đồng, trừ trường hợp liên quan đến việc lập ngân sách chung Đông Dương, địa phương,

ngân sách bổ sung và các khoản vay. Uỷ ban Thường trực Hội đồng do Toàn quyền triệu tập và chủ trì.

200. Décret 20 octobre 1911 du Président de la République française portant fixation des pouvoirs du Gouverneur de la Cochinchine et des Résidents supérieurs.

Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định quyền hạn của Thống đốc Nam Kì và các Thống sứ, Khâm sứ.

(Nguồn: J 1069, JOIF 1911, tr.2488-2489)

Sắc lệnh gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Các xứ thuộc Đông Dương đều có quyền cai trị độc lập về mặt hành chính với các điều kiện quy định sau:

Dưới sự chỉ đạo tối cao của Toàn quyền, mỗi xứ sẽ do một người đứng đầu quản lí, cụ thể đó là Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì, các Khâm sứ Trung Kì, Cao Miên, Lào và Tổng trấn Quảng Châu Loan. Những quan cai trị này chịu sự quản lí trực tiếp của Toàn quyền.

Thống đốc Nam Kì, Thống sứ Bắc Kì, các Khâm sứ Trung Kì, Cao Miên, Lào và Tổng trấn Quảng Châu Loan có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- Là những người duy nhất được trực tiếp liên hệ với Toàn quyền,

- Đảm bảo thi hành các đạo luật và sắc lệnh do chính quyền chính quốc ban bố tại Đông Dương cũng như các nghị định của Toàn quyền.

- Đề xuất những biện pháp cai trị và cảnh sát chung trên toàn bộ lãnh địa thuộc quyền quản lí, nhưng phải báo cáo lên Toàn quyền Đông Dương.

- Sử dụng và phân bổ nhân sự tại địa bàn quản lí tuỳ theo yêu cầu công việc, trừ khi có quy định khác.

- Giám sát, giữ gìn an ninh trật tự chung và có quyền trưng tập quân đội khi cần thiết; báo cáo Toàn quyền những biến cố có thể gây rối loạn trật tự trị an và đề nghị biện pháp khắc phục.

Được sự uỷ quyền của Toàn quyền, các Thống sứ Bắc Kì, Khâm sứ Trung Kì, Cao Miên và Lào thực thi những quyền hạn dành riêng cho người đại diện nước Cộng hoà Pháp bên cạnh Vua và chính quyền bản xứ theo các hiệp ước và công ước. Hội đồng Tư mật và Hội đồng Bảo hộ là những cơ quan phụ tá cho các viên chức này.

Thành phần của 2 Hội đồng này gồm:

Thống đốc hoặc Thống sứ, Chủ tịch;

Giám đốc phụ trách chung các Văn phòng Phủ Thống đốc hoặc Toà Thống sứ;

Tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp đóng chiếm tại thuộc địa hoặc xứ Bảo hộ và nếu khuyết, một tướng lĩnh hoặc sĩ quan cấp tá, hoặc một viên chức quân sự cùng hạng do Tổng Tư lệnh tối cao quân đội chỉ định;

Biện lí tại thủ phủ xứ thuộc địa hoặc xứ bảo hộ;

Chánh Sở Công chính;

2 thành viên được lựa chọn trong số kì hào người Pháp, được hưởng các quyền dân sự và chính trị do Toàn quyền chỉ định với nhiệm kì 2 năm, theo đề nghị của Thống đốc, Thống sứ hoặc Khâm sứ;

2 quan chức hoặc kì hào bản xứ mang quốc tịch Pháp hoặc được Pháp bảo hộ được chỉ định trong cùng điều kiện như trên;

Chánh Văn phòng Phủ Thống đốc hoặc Toà Thống sứ làm Thư kí lưu trữ viên.

Tổng Thanh tra thuộc địa và Giám đốc Nha Kiểm tra Tài chính được quyền tham gia các cuộc họp của Hội đồng Tư mật hoặc Hội đồng Bảo hộ.

Thống đốc, Thống sứ hoặc Khâm sứ có thể mời trưởng các cơ quan dân sự và quân sự tham gia Hội đồng có quyền biểu quyết về những vấn đề liên quan đến thẩm quyền.

Ngoài ra, 2 Hội đồng có thể lắng nghe, tham vấn ý kiến của viên chức, sĩ quan và những người khác có trình độ hiểu biết đặc biệt.

Trường hợp vắng mặt hoặc không tham gia được, thành viên thực thụ của Hội đồng Tư mật hoặc Hội đồng Bảo hộ được thay bằng viên chức, sĩ quan hoặc kì hào theo quy định.

Hội đồng Tư mật hoặc Hội đồng Bảo hộ được tập trung theo lệnh triệu tập của Thống đốc, Thống sứ hoặc Khâm sứ. Các Hội đồng này được tham vấn về những vấn đề như: lập dự toán ngân sách và tài khoản, chính sách thuế khoá, quy định khu hành chính, chuyển nhượng công sản tư dụng hoặc công sản công dụng tạm thời hoặc vĩnh viễn, kí kết hợp đồng, đấu thầu các công trình xây dựng và cung cấp trị giá trên 1500 phơ-răng, trưng mua vì lợi ích công cộng và trưng mua nhà cửa.

Ngoài ra, Hội đồng Tư mật hoặc Hội đồng Bảo hộ cũng được mời đóng góp ý kiến cho những vấn đề liên quan đến thuộc địa hoặc xứ Bảo hộ. Đây cũng là những vấn đề được trình lên Thống đốc, Thống sứ và Khâm sứ xem xét giải quyết.

201. Arrêté du 21 décembre 1911 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions du Cabinet du Gouverneur général.

Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1911 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Toàn quyền.

(Nguồn: J 1069, JOIF 1911, tr.2710)

Theo Nghị định, Văn phòng Toàn quyền Đông Dương bao gồm Văn phòng, phòng Quân sự với nhiệm vụ như sau:

Văn phòng chịu trách nhiệm về công tác văn thư; lưu trữ; công báo; khen thưởng; quan hệ với báo chí; công tác khánh tiết...

Phòng Quân sự phụ trách: trình Toàn quyền Đông Dương các công việc về quân sự; giải quyết các công việc với Tổng Tư lệnh tối cao quân đội Đông Dương, Tư lệnh Hải quân, Tư lệnh Sư đoàn Hải quân Viễn Đông, nhân viên Cục Quân nhu quân đội thuộc địa và Tổng Giám đốc phụ trách Quân y; công tác nhân sự; các thông tin về quân đội và hải quân nước ngoài; toà án quân sự; tài liệu bản đồ; giám sát các trại ngựa và các cuộc đua ngựa...

202. Arrêté du 21 décembre 1911 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions des Services du Gouvernement général.

Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1911 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức và quyền hạn của các phòng, cơ quan thuộc Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1069, JOIF 1911, tr.2710-2711)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Việc tổ chức và quyền hạn của các phòng, cơ quan thuộc Phủ Toàn quyền được quy định như sau:

Ban Nhân sự

Tổ chức nhân sự người Âu và bản xứ của Phủ Toàn quyền và các cơ quan địa phương; giải quyết đơn xin việc, bổ nhiệm, thuyên chuyển, nâng bậc, nghỉ phép; quản lí danh bạ, sổ sách, bản ghi chép mật của viên chức, nhân viên được bổ nhiệm bằng nghị định của Toàn quyền hoặc bằng sắc lệnh; áp dụng các hình thức kỉ luật; chỉ đạo các hội đồng thẩm tra; chuẩn bị hồ sơ về hưu hoặc thanh lí tài khoản hỗ trợ; kiểm soát đội ngũ cựu chiến binh được xếp sang ngạch dân sự; cấp chứng chỉ chữ quốc ngữ.

Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và bản xứ:

A. Bộ phận chỉ đạo các công việc chính trị

Phụ trách mối quan hệ giữa Đông Dương với các nước lân cận; công văn trao đổi về chính trị và ngoại giao; vấn đề nhập cư và di cư; triển khai hoạt động nhằm mở rộng ảnh hưởng của Pháp tại khu vực Viễn Đông; khảo sát tại các nước làng giềng; hoạt động báo chí của người Hoa và nước ngoài.

B. Bộ phận chỉ đạo các công việc bản xứ

Duy trì mối liên hệ với người bản xứ; nghiên cứu những vấn đề liên quan đến chính quyền bản xứ; tổ chức các tỉnh thành; phụ trách vấn đề thuế má, đội ngũ quan lại và viên chức bản xứ, các toà án bản xứ, chế độ hành chính cho người bản xứ, luật pháp bản xứ, giáo dục bản xứ, hộ tịch và nhập quốc tịch cho người bản xứ; tập trung các báo cáo định kì liên quan đến tình hình chính trị, hành chính, tư pháp các tỉnh; hội đồng tư vấn và các hội của người bản xứ; những vấn đề tôn giáo và nghi lễ; thông tin về chính trị, an ninh; các ấn phẩm, báo chí và tạp chí của người bản xứ v.v...

Ban Quản lí hành chính và hoà giải tranh chấp

Ban Quản lí hành chính và hoà giải tranh chấp phụ trách Hội đồng Chính phủ, Uỷ ban Thường trực, Hội đồng Thuộc địa Nam Kì, Hội đồng Tư mật, Hội đồng Bảo hộ, Hội đồng Hoà giải tranh chấp, Uỷ ban tư vấn hoà giải, các Hội đồng và Uỷ ban Thành phố; thiết lập một số trung tâm đô thị; hoạt động bầu cử và những vấn đề liên quan đến bầu cử; ban hành đạo luật và sắc lệnh; hộ tịch và nhập quốc tịch cho người Âu; các hiệp hội, nghiệp đoàn; các cơ sở nguy hiểm, không lành mạnh; vận chuyển hài cốt; quản lí đồ hiến tặng; bằng sáng chế, thương hiệu; các cơ sở khoa học, bảo tàng, công trình lịch sử; cấp học bổng tại Pháp hoặc Đông Dương; lập báo cáo hàng năm về Đông Dương v.v...

Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế

Ban 1: Phụ trách canh nông, thương mại và kĩ nghệ; các Phòng Thương mại và canh nông; ngân hàng và cơ quan tín dụng, quỹ tiết kiệm, hiệu cầm đồ, nhà kho; chế độ tiền tệ; chế độ lao động, nhân công; hội tương tế, tín dụng nông nghiệp; thương mại hàng hải, đăng kiểm hàng hải; cảng và vũng tàu, hoa tiêu; triển lãm và thi tuyển v.v...

Ban 2: Phụ trách lâm nghiệp Đông Dương; tổ chức các khu bảo tồn, quy hoạch, kinh doanh gỗ v.v...

***Ban Thanh tra - Hội đồng giáo dục:** phụ trách những vấn đề liên quan đến giáo dục công.*

203. Arrêté du 31 décembre 1911 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service des Travaux publics en Indochine.

Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1911 của Toàn quyền Đông Dương quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Công chính ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1069, JOIF 1911, tr.2757)

Nghị định gồm 13 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan Công chính ở Đông Dương được quy định thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, xây dựng, sửa chữa, cải tạo đường bộ, đường sắt thuộc địa, đường hàng tỉnh;

- Xây dựng dân dụng;

- Công tác đê điều phục vụ tưới tiêu và cải tạo đất;

- Công tác sông ngòi, dòng chảy và cảng sông;

- Công tác đê, kè, đập, cống...;

- Công tác cảng biển, vũng, vịnh (trừ cảng quân sự);

- Kiểm tra, nghiên cứu và khai thác các tuyến đường sắt và tàu điện không nhượng;

- Kiểm tra, giám sát các hầm mỏ, mỏ đá, nguồn nước khoáng và máy hơi nước;

- Lập bản đồ địa chất;

- Nghiên cứu và thi công các công trình chiếu sáng, cấp nước và vệ sinh đô thị do Toàn quyền Đông Dương giao;

- Thanh toán các khoản chi về nhân sự, thiết bị và các công trình kể trên.

Chức Tổng Thanh tra Công chính phụ tá Toàn quyền Đông Dương trong việc cung cấp thông tin về tất cả các công việc công chính. Các ngạch nhân sự của Nha Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương do Toàn quyền Đông Dương quy định.

Các khu công chính thực hiện các nhiệm vụ như một sở. Các khu công chính được tổ chức theo các kì chịu sự quản lí trực tiếp của người đứng đầu chính quyền cấp kì. Khu công chính được chia thành các tiểu khu. Mỗi tiểu khu gồm một số chi khu. Các khu công chính phụ trách các công việc về công chính theo địa bàn. Các công việc về bờ biển chỉ được giao cho Khu Công chính Bắc Kì và Nam Kì.

204. Arrêté du 26 janvier 1912 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Finances.

Nghị định ngày 26 tháng 01 năm 1912 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Nha Tài chính.

(Nguồn: J 1071, JOIF 1912, tr.258-259)

Nghị định gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Được sự uỷ nhiệm thường trực và dưới sự quản lí của Toàn quyền, Giám đốc Nha Tài chính chịu trách nhiệm chuẩn bị và thực thi ngân sách chung Đông Dương, ngân sách bổ sung của ngành đường sắt v.v... và là Chánh chủ trì duy nhất phụ trách kinh phí thuộc các nguồn ngân sách này.

Giám đốc có nhiệm vụ giám sát và thường xuyên kiểm soát hoạt động đầu tư, thanh toán các khoản chi có thể khấu trừ vào ngân sách chung Đông Dương và ngân sách bổ sung.

Các dự thảo nghị định hoặc quyết định về tổ chức hoạt động hoặc nhân sự, thăng thưởng hay bổ nhiệm cán bộ đều được trình lên Giám đốc thông qua trước.

Giám đốc tập hợp thông tin liên quan đến hoạt động kiểm soát ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền; giám sát các cơ quan tài chính của thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.

Nha Trước bạ, Tài sản và Tem cũng được đặt dưới sự quản lí và điều hành của Giám đốc Nha Tài chính.

Giúp việc cho Giám đốc Nha Tài chính là Phó Giám đốc. Giám đốc có thể giao một phần quyền hạn cho Phó Giám đốc, nhất là việc thanh toán các khoản chi bằng ngân phiếu. Phó Giám đốc được tạm quyền thay thế Giám đốc trong trường hợp vắng mặt. Phó Giám đốc Nha Tài chính chuyên phụ trách công tác kế toán và đảm bảo thực hiện những chi tiết của công việc này.

Nha Tài chính gồm một văn phòng và 4 phòng với chức năng và quyền hạn như sau:

***Văn phòng:** phụ trách công tác công văn, giấy tờ.*

Phòng 1: Ngân sách chung Đông Dương

Ban 1: Chuẩn bị ngân sách chung Đông Dương; thực hiện lệnh chi trả; kiểm tra các khoản chi trích từ ngân sách chung Đông Dương không thuộc quyền quản lí trực tiếp của Nha Tài chính; kiểm soát các khoản chi từ ngân sách chung Đông Dương; tập điều kiện đấu

thầu; hợp đồng; khoản thu thuộc ngân sách chung Đông Dương; lập báo cáo quyết toán; quỹ dự phòng ngân sách chung Đông Dương.

Ban 2: Thanh toán các khoản chi trích từ ngân sách chung Đông Dương do Nha Tài chính trực tiếp quản lí; tiền lương và phụ cấp; trợ cấp đi đường và lưu trú; phương tiện vận chuyển; cứu hộ; học bổng và trợ cấp cho học sinh; quỹ hưu trí; tài khoản hỗ trợ và tương tế; tiền trợ cấp cho quân nhân bản xứ; chi phí cho các cơ sở của Pháp tại khu vực Viễn Đông; các chuyến khảo sát; quyên góp tiền; lệnh của Thẩm kế viện; quỹ chi tiêu vặt.

Phòng 2: Các ngân sách bổ sung của ngân sách chung Đông Dương

Phòng 2 chuẩn bị ngân sách bổ sung của ngành đường sắt và ngân sách bổ sung của quỹ cho vay; thanh toán hoặc kiểm tra việc thanh toán và thực hiện lệnh chi trả các khoản chi thuộc những loại ngân sách trên; tập điều kiện đấu thầu; hợp đồng; chế độ tiền tệ; quan hệ với Ngân hàng Đông Dương; hoạt động của Nha Ngân khố; và các công việc khác.

Nói chung, đối với ngân sách bổ sung, phòng 2 có chung các chức năng, quyền hạn giống như phòng 1 liên quan đến ngân sách chung Đông Dương.

Phòng 3: Kiểm soát ngân sách địa phương (cấp kì), ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố.

Phòng 3 chịu trách nhiệm kiểm soát việc chuẩn bị và thực thi các loại ngân sách địa phương, tỉnh và thành phố; kiểm tra báo cáo quyết toán hành chính; tình hình thu, chi của ngân sách địa phương; quỹ dự phòng thuộc ngân sách địa phương; ngân sách các Phòng Thương mại; các khoản thu, chi và nghiên cứu những vấn đề liên quan đến những loại ngân sách ngoài ngân sách bổ sung và ngân sách chung Đông Dương; lương và phí đi lại của viên chức được trích từ ngân quỹ của các cơ quan địa phương không đóng tại Hà Nội.

Phòng 4: Phụ trách Trước bạ, Tài sản và Tem

Phòng 4 chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra các phòng ban thuộc Nha Đăng kí Trước bạ, Tài sản và Cầm cố; hướng dẫn các công việc liên quan đến việc đăng kí, tem, cầm cố, thừa kế tài sản của viên

chức; chế độ công sản; thiết bị, in ấn; công tác kế toán; kho tem; thuyên chuyển đội ngũ nhân viên Trước bạ.

Các cơ quan thuộc Nha Tài chính đặt tại Nam Kì do một công chức ngạch quan cai trị được uỷ quyền thực thi một số quyền hạn như đối với các cơ quan trực thuộc Nha tại Hà Nội. Viên quan cai trị này chịu trách nhiệm bàn giao công việc và thông báo việc bổ dụng nhân sự tại các cơ quan trung ương và địa phương.

Phó Giám đốc Nha Tài chính do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Nha Tài chính.

Đội ngũ nhân sự Nha Tài chính do Giám đốc Nha phân bổ cho các phòng ban, tuỳ theo nhu cầu công việc.

Thứ hạng và số lượng chức danh áp dụng theo Nghị định ngày 11 tháng 7 năm 1906 được quy định như sau:

1 Phó Giám đốc Nha Tài chính, 1 thư kí riêng;

Phòng 1: 1 trưởng phòng; 2 phó phòng, trưởng ban;

Phòng 2: 1 trưởng phòng; 1 phó phòng;

Phòng 3: 1 trưởng phòng; 1 phó phòng;

Phòng 4: 1 trưởng hoặc phó phòng;

Đại lí Sài Gòn: 1 quan cai trị làm 1 phó phòng.

205. Arrêté du 18 mai 1912 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Yen Minh dans le 3e Territoire militaire.

Nghị định ngày 18 tháng 5 năm 1912 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Yên Minh, Đạo Quan binh 3.

(Nguồn: J 1071, JOIF 1912, tr.1027)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung sau:

Một trung tâm hành chính được thành lập tại Yên Minh, thuộc Đạo Quan binh 3. Viên đại lí tại trung tâm hành chính này thuộc quyền của Tổng Tư lệnh trung tâm hành chính Bảo Lạc.

206. Arrêté du 14 novembre 1912 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant la province de Hai Ninh en 1er Territoire militaire.

Nghị định ngày 14 tháng 11 năm 1912 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng cấp tỉnh Hải Ninh thành Đạo Quan binh 1.

(Nguồn: J 1073, JOIF 1912, tr.2385-2386)

Nghị định gồm 10 điều, trong đó có:

Tỉnh Hải Ninh được chuyển sang chế độ quân sự thành Đạo Quan binh 1. Giống như Đạo Quan binh 2 và 3, Đạo Quan binh 1 do một sĩ quan cấp tá mang chức danh Tư lệnh Đạo Quan binh điều hành, dưới sự quản lí của Thống sứ Bắc Kì.

Tư lệnh Đạo Quan binh thực hiện các chức trách như Công sứ - Chánh Chủ tỉnh theo luật định. Tư lệnh chịu trách nhiệm giám sát và kiểm soát các cơ quan thuộc chính quyền bản xứ như Công sứ - Chánh Chủ tỉnh, đồng thời trình Thống sứ mọi đề xuất về nhân sự.

Đội ngũ quân nhân được bổ dụng vào Ban Chỉ huy Đạo Quan binh gồm:

1 sĩ quan cấp tá, Tư lệnh Đạo Quan binh;

1 Phó Tư lệnh Đạo Quan binh;

1 Trung uý - Chưởng ấn;

2 hạ sĩ quan và 2 hạ sĩ hoặc lính, thư kí.

Tư lệnh Đạo Quan binh do Tổng Tư lệnh tối cao chỉ định.

Sĩ quan cấp uý và quân nhân không thuộc ngạch công chức và hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách địa phương.

Đội ngũ sĩ quan hưởng phụ cấp chức vụ theo nghị định của Toàn quyền căn cứ đề nghị của Thống sứ và sau khi được Tư lệnh tối cao lực lượng bộ binh viễn chinh Pháp chấp thuận.

207. Arrêté nº 227 du 31 janvier 1913 du Résident supérieur du Tonkin fixant l'organisation et les attributions du Cabinet et des bureaux de la Résidence supérieure du Tonkin.

Nghị định số 227 ngày 31 tháng 01 năm 1913 của Thống sứ Bắc Kì quy định về việc tổ chức và quyền hạn của văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: RST - 73915, tờ số 1-4)

Nghị định gồm 3 điều quy định về tổ chức và quyền hạn của văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì. Theo đó, Phủ Thống sứ Bắc Kì có một văn phòng và 4 phòng như sau:

Văn phòng gồm 4 bộ phận:

- Bộ phận 1 phụ trách văn thư, phân bổ công việc, trình kí, cấp bản sao các nghị định, quan hệ với báo chí, lưu trữ, thư viện...

- Bộ phận 2 phụ trách về an ninh, mật thám, chính trị, kiểm duyệt ấn phẩm tiếng nước ngoài, nâng bậc, khen thưởng, kỉ luật...

- Bộ phận 3 phụ trách về nhân sự gồm các công việc như bổ nhiệm, thuyên chuyển, hồi hương, lập hồ sơ hưu trí, trợ cấp, tuyển dụng...

- Bộ phận 4 phụ trách các công việc về lính khố xanh.

***Phòng 1:** Phụ trách công việc hành chính trung ương và khai thác thuộc địa*

***Phòng 2**: Phụ trách công việc hành chính cấp tỉnh và công việc bản xứ.*

***Phòng 3**: Phụ trách công việc về tài chính và kế toán tổng hợp.*

***Phòng 4**: Phụ trách công việc về ngân sách.*

208. Arrêté du 9 février 1913 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant respectivement les provinces de Go Cong, Sa Dec et Ha Tien sous l'autorité administrative des Chefs des provinces de My Tho, Vinh Long et Chau Doc.

Nghị định ngày 09 tháng 02 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định đặt các tỉnh Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên dưới quyền của Chủ tỉnh Mỹ Tho, Vĩnh Long và Châu Đốc.

(Nguồn: J 1076, JOIF 1913, tr.315-316)

Nghị định gồm 4 điều với một số nội dung sau:

Từ ngày 01 tháng 3 năm 1913, 3 tỉnh Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên lần lượt được đặt dưới quyền của các Chánh Chủ tỉnh Mỹ Tho, Vĩnh Long và Châu Đốc.

Tại tỉnh lị của mỗi tỉnh Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên, mỗi Chánh Chủ tỉnh có người đại diện là quan cai trị hạng 3 hoặc hạng 4.

Hoạt động ngân sách cũng như hoạt động của Hội đồng các tỉnh Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên vẫn không thay đổi.

Chánh Chủ tỉnh giữ chức Chủ tịch Hội đồng hàng tỉnh. Trong trường hợp đặc biệt, Toàn quyền cũng có thể chỉ định người thay thế theo ủy quyền của Chánh Chủ tỉnh.

209. Arrêté du 9 février 1913 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant la province de Phu Yen sous l'autorité administrative du Résident de Binh Dinh, supprimant la province de Phan Rang et rétablissant l'ancienne circonscription moï de Plei-kou-derr en province autonome sous le nom de province moï de Kontum.

Nghị định ngày 09 tháng 02 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định đặt tỉnh Phú Yên dưới quyền cai trị của Công sứ Bình Định, xoá bỏ tỉnh Phan Rang và tái lập khu vực Plâycu Đe cũ thành tỉnh tự trị mang tên tỉnh Kon Tum.

(Nguồn: J 1076, JOIF 1913, tr.316)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

- Từ ngày 01 tháng 3 năm 1913, tỉnh Phú Yên đặt dưới quyền của Công sứ tỉnh Bình Định. Tại tỉnh lị của tỉnh Phú Yên, người được chỉ định làm đại diện cho Công sứ là một quan cai trị hạng 3 hoặc 4. Việc cai trị và hoạt động tư pháp bản xứ vẫn được giữ nguyên.

- Tỉnh Phan Rang bị xoá bỏ. Phần phía Nam của tỉnh, đoạn từ ranh giới hình thành bởi dòng chảy chung giữa vịnh Cam Ranh và vịnh Ninh Chữ được sáp nhập vào tỉnh Bình Thuận. Cũng từ ranh giới này, phần phía Bắc sáp nhập vào tỉnh Khánh Hoà. Trung tâm hành chính tỉnh Bình Thuận đặt tại Phan Rang.

- Khu vực Plâycu Đe cũ được tái lập thành tỉnh tự trị mang tên tỉnh Kon Tum. Địa bàn tỉnh Kon Tum bao gồm các trung tâm hành chính Cheo Reo, Kon Tum và Đắc Lắc.

- Tỉnh Đắc Lắc được lập thành trung tâm hành chính, trong đó trụ sở đặt tại Ban Mê Thuột. Trung tâm hành chính Kon Tum bị xoá bỏ.

210. Arrêté du 25 février 1913 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Chambre consultative mixte de Commercre et d'Agriculture de l'Annam.

Nghị định ngày 25 tháng 02 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Trung Kì.

(Nguồn: J 1076, JOIF 1913, tr.334-336)

Nghị định 35 điều với các nội dung chính sau:

Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Trung Kì là cơ quan bên cạnh Chính quyền Bảo hộ được giao phụ trách các vấn đề về lợi ích thương mại, công nghiệp và nông nghiệp trong toàn bộ xứ Trung Kì, trừ các tỉnh Thanh Hoá, Vinh và Hà Tĩnh. Trụ sở của Phòng Tư vấn đặt tại Đà Nẵng.

Phòng Tư vấn hỗn hợp gồm 8 thành viên người Pháp và 2 thành viên bản xứ. Các thành viên Phòng Tư vấn hỗn hợp được bầu theo nhiệm kì 4 năm, theo thể thức bỏ phiếu đại diện tỉ lệ với đa số tương đối phiếu bầu. Nếu hai hay nhiều thành viên ngang bằng về số phiếu ủng hộ tranh cử vị trí bổ sung trong số 8 thành viên như quy định tại điều 3, ứng cử viên cao tuổi nhất sẽ trúng cử. Hai năm một lần sẽ tiến hành bầu bổ sung một nửa số thành viên của Phòng vào tháng 12. Khâm sứ sẽ ban hành nghị định ấn định thời gian bầu cử. Thời gian nhiệm kì của những người mới trúng cử được tính từ ngày 01 tháng 01 ngay sau khi diễn ra bầu cử. Các thành viên mãn nhiệm có thể được bầu lại.

Tất cả những người Pháp tuổi từ 21, có đầy đủ các quyền dân sự và hành chính, sống tại Trung Kì ít nhất 1 năm trước khi diễn ra bầu cử, là ông chủ, nhân viên, chủ sở hữu hay chủ trang trại trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại hay nông nghiệp đủ tư cách là cử tri và có thể được bầu làm thành viên Phòng Tư vấn.

Một tiểu ban do Khâm sứ thành lập gồm: Đốc lí thành phố Đà Nẵng làm chủ tịch, 1 thẩm phán hoặc thành viên thuộc các toà của Toà Khâm sứ do Chưởng lí chỉ định, 4 thành viên chưa mãn nhiệm của Phòng Tư vấn và một hoặc nhiều cử tri không tham gia ứng cử do Khâm sứ chỉ định lập danh sách cử tri. Tiểu ban thông qua danh sách cử tri và cho công bố trên Công báo Đông Dương. *Trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày cho công bố, các cá nhân có thể gửi đơn ghi rõ lí do đề nghị được bổ sung tên hoặc gạch tên khỏi danh sách cử tri tới chủ tịch tiểu ban.*

Tiểu ban xem xét các khiếu nại bầu cử trước ngày 31 tháng 10. Các quyết định của tiểu ban sẽ do chủ tịch thông báo tới các bên liên quan. Danh sách cử tri được chủ tịch tiểu ban hoàn tất và kiểm tra, được công bố trên Công báo Đông Dương *và gửi lên Toà Đốc lí Đà Nẵng.*

Bầu cử diễn ra trong phòng họp của Toà Đốc lí Đà Nẵng, bỏ phiếu qua thư tín bắt đầu vào lúc 7h sáng và kết thúc vào lúc 8h30, bỏ phiếu trực tiếp bắt đầu lúc 8h30 sáng và kết thúc vào lúc 11h sáng cùng ngày.

Mọi phiếu bầu không tuân theo quy định trên sẽ bị hủy bỏ. Phiếu bầu sẽ do bưu điện được ủy nhiệm chuyển đi và đến Đà Nẵng chậm nhất là một ngày trước khi diễn ra bầu cử. Những phiếu bầu chuyển đến sau ngày diễn ra bầu cử sẽ không được tính đến. Chiếu bầu sẽ do nhân viên nhận thư bưu điện bảo quản và trao lại cho Chủ tịch tiểu ban vào lúc 7h sáng của ngày bầu cử. Sau khi nhận các phong bì đựng phiếu bầu từ nhân viên nhận thư bưu điện, tiểu ban sẽ tiến hành gỡ bỏ dấu niêm phong của phong bì bên ngoài. Các phong bì đựng phiếu bầu sẽ được bỏ vào thùng phiếu để được mở khi kiểm phiếu. Cử tri thuộc diện bỏ phiếu qua thư tín sẽ không được tham gia bỏ phiếu trực tiếp. Sau khi kết thúc bỏ phiếu trực tiếp, tiểu ban bầu cử tiến hành kiểm phiếu.

Tiểu ban bầu cử ghi nhận kết quả bầu cử bằng một biên bản và biên bản này được gửi đến Khâm sứ.

Trong thời hạn 15 ngày, sau khi có kết luận của tiểu ban bầu cử, Khâm sứ có thể công bố kết quả bầu cử.

Cử tri có thể đề nghị hủy bầu cử theo quy định. Đơn khiếu nại gửi tới Khâm sứ trong thời hạn 8 ngày kể từ ngày diễn ra bầu cử. Sau thời hạn này, Khâm sứ ban hành nghị định phê chuẩn công nhận kết quả bầu cử.

Trường hợp hủy bỏ hoàn toàn hoặc một phần cuộc bầu cử, các cử tri sẽ được triệu tập ngay trong tháng sau khi có tuyên bố hủy bỏ để tiến hành lần bầu cử mới.

Thành viên của Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Trung Kì vắng mặt tại 5 phiên họp liên tiếp không có lí do được Phòng chấp nhận sẽ bị coi là từ chức. Việc tước quyền dân sự và chính trị đồng nghĩa với việc bị truất quyền là thành viên Phòng Tư vấn.

Khâm sứ ban hành nghị định quyết định tiến hành bầu bổ sung thành viên bị khuyết trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày công bố vị trí bị khuyết.

Các thành viên bản xứ của Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Trung Kì sẽ do Khâm sứ bổ nhiệm. Nhiệm kì của các thành viên này là 4 năm. Các thành viên bản xứ của Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Trung Kì có quyền tham dự thảo luận với quyền tham vấn.

Phòng Tư vấn hỗn hợp có thể được Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch triệu tập nếu xét thấy cần thiết. Phòng Tư vấn cũng có thể được Khâm sứ triệu tập nhóm họp. Phòng Tư vấn nhóm họp ít nhất 12 lần mỗi năm, ba lần trong số đó bắt buộc phải diễn ra ở Quy Nhơn, hoặc Nha Trang, hoặc Bang-Hoi [chưa xác minh], *hoặc Phan Rang, hoặc Phan Thiết. Trong phiên họp đầu tiên của mỗi năm, Phòng Tư vấn hỗn hợp ấn định địa điểm và thời gian họp theo quy định diễn ra ở ngoài thành phố Đà Nẵng.*

Các nghị quyết của Phòng Tư vấn hỗn hợp chỉ có hiệu lực khi 4 trong số thành viên người Pháp có mặt tại phiên họp. Trường hợp có bất đồng, nếu Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch là người ra quyết định cuối cùng.

211. Arrêté du 7 mars 1913 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant respectivement les provinces de Ha Nam et de Phuc Yen

sous l'autorité administrative des Résidents des provinces de Nam Dinh et de Vinh Yen.

Nghị định ngày 07 tháng 3 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định đặt các tỉnh Hà Nam và Phúc Yên dưới quyền của Công sứ tỉnh Nam Định và Vĩnh Yên.

(Nguồn: J 1076, JOIF 1913, tr.397)

Nghị định gồm 4 điều với một số nội dung sau:

Các tỉnh Hà Nam và Phúc Yên được đặt dưới quyền của các Công sứ Pháp. Tại tỉnh lị của mỗi tỉnh Hà Nam và Phúc Yên, mỗi Công sứ có người đại diện là quan cai trị ngạch dân sự.

Việc cai trị và hoạt động tư pháp bản xứ tại hai tỉnh nêu trên vẫn được giữ nguyên.

Công sứ giữ chức Chủ tịch Hội đồng hàng tỉnh. Trong trường hợp đặc biệt, Thống sứ Bắc Kì cũng có thể chỉ định người được Công sứ ủy quyền.

212. Arrêté du 19 mars 1913 du Gouverneur général de l'Indochine réorganisation les Conseils provinciaux de notables indigènes et la Chambre consultative indigène au Tonkin.

Nghị định ngày 19 tháng 3 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại các Hội đồng Kì mục bản xứ hàng tỉnh và Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì.

(Nguồn: J 1076, JOIF 1913, tr.658 - 659)

Nghị định gồm 2 phần, 40 điều.

Đại diện bản xứ ở Bắc Kì là: Các Hội đồng Kì mục bản xứ hàng tỉnh và Phòng Tư vấn bản xứ.

Phần I. Hội đồng hàng tỉnh

Hội đồng Kì mục bản xứ hàng tỉnh được thành lập tại mỗi tỉnh hoặc mỗi đạo quan binh ở Bắc Kì.

Tại các tỉnh có người châu Á gốc bản xứ sinh sống, các hội viên được bổ nhiệm qua bầu cử theo tỉ lệ 1 hội viên cho một phủ hoặc huyện

gồm 7 tổng hoặc ít hơn 7 tổng; 2 hội viên cho mỗi phủ hoặc huyện gồm 7 tổng trở lên.

Các hội viên Hội đồng hàng tỉnh do đoàn cử tri gồm: các chánh tổng và phó tổng, tiên chỉ và thứ chỉ, lí trưởng, các cựu chánh, Phó tổng thực thụ bầu ra. Nhiệm kì của các hội viên hàng tỉnh là 3 năm và có thể được gia hạn.

Những đối tượng đang thụ án do các toà án của Pháp hoặc các toà án bản xứ kết án không được ghi vào danh sách cử tri.

Những người bản xứ tuổi dưới 30, các viên chức đang làm việc hưởng lương từ các quỹ của ngân sách chung Đông Dương hoặc ngân sách địa phương, các cựu viên chức bị cách chức, các cá nhân bị các toà án Pháp hoặc toà án bản xứ kết án không được bầu làm hội viên Hội đồng. Các hội viên hàng tỉnh chỉ được chọn trong số người bản xứ cư ngụ tại tỉnh hoặc trong số những người có đóng thuế ruộng đất. Mỗi người chỉ được làm hội viên của một Hội đồng hàng tỉnh.

Tại các tỉnh hoặc các đạo quan binh có người châu Á không phải là người bản xứ, thành viên các Hội đồng hàng tỉnh có thể do Thống sứ chỉ định, theo đề nghị của Công sứ hoặc Tư lệnh Đạo Quan binh, với tỉ lệ một hội viên đại diện cho một phủ, huyện hoặc châu.

Hội đồng hàng tỉnh được tham vấn:

- Về các đề xuất của các Công sứ hoặc Tư lệnh Đạo Quan binh gửi lên Thống sứ, liên quan đến phần III và IV trong ngân sách địa phương (các khoản chi cho lợi ích kinh tế và xã hội);

- Về các đề nghị thay đổi liên quan đến địa phận của các khu: phủ, huyện, châu, tổng, xã;

- Về các công trình bảo dưỡng và xây dựng đường sá, đê điều, kênh rạch.

Các hội viên được chính quyền tham vấn về những vấn đề liên quan đến tỉnh hoặc đạo quan binh.

Hội đồng có thể đưa ra thỉnh nguyện về các vấn đề kinh tế hoặc Hành chính tổng hợp. Các Hội đồng Kì mục hàng tỉnh do các Công sứ hoặc Tư lệnh làm Chủ tịch.

Các Hội đồng Kì mục hàng tỉnh nhóm họp phiên thường kì vào đầu

tháng 5 hàng năm, theo triệu tập của Chánh Chủ tỉnh hoặc Sĩ quan Tư lệnh Đạo Quan binh. Nếu được Thống sứ cho phép, Hội đồng có thể tiến hành các phiên họp bất thường. Thời gian các kì họp của Hội đồng Kì mục hàng tỉnh không quá 8 ngày.

Kết thúc mỗi phiên họp, Hội đồng lập biên bản về các nghị quyết, trong đó một bản sao sẽ được gửi tới Thống sứ trong thời hạn tối đa là 15 ngày sau khi kết thúc kì họp.

Các Hội đồng Kì mục hàng tỉnh có thể bị Thống sứ giải tán bằng nghị định theo đề nghị của Chánh Chủ tỉnh hay sĩ quan Tư lệnh Đạo Quan binh, sau đó báo cáo trực tiếp các lí do giải tán lên Toàn quyền.

Các hội đồng liên tỉnh thành lập từ cuộc họp hội đồng các tỉnh có thể được nhóm họp theo triệu tập của Thống sứ, do một quan cai trị hạng 1 làm chủ toạ và có sự tham dự của các Chánh Chủ tỉnh liên quan để nghiên cứu các vấn đề thuộc lợi ích chung.

Phần II. Phòng Tư vấn

Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì được thành lập có trách nhiệm đưa ra kết luận về các vấn đề chung liên quan đến dân cư bản xứ.

Phòng Tư vấn gồm:

- Đại diện dân cư được bầu theo tỉ lệ một đại diện cho 20.000 người đóng thuế.

- Những người đóng thuế môn bài bản xứ lựa chọn theo tỉ lệ: 1 đại diện cho từ 200-500 người đóng thuế môn bài; 2 đại diện cho 501-2.000 người đóng thuế môn bài; 3 đại diện cho 2.001 người đóng thuế môn bài trở lên. Các tỉnh không đủ 200 người đóng thuế môn bài có thể nhập với tỉnh bên cạnh để lập thành khu vực bầu cử duy nhất. Các viên chức và kì mục vùng trung và thượng du do Thống sứ Bắc Kì bổ nhiệm theo đề nghị của các Chánh Chủ tỉnh liên quan, với tỉ lệ quy định trong nghị định tiếp sau của Thống sứ.

- Các viên chức và kì mục vùng Trung và Thượng du do Thống sứ Bắc Kì bổ nhiệm theo đề nghị của các Chánh Chủ tỉnh liên quan, với tỉ lệ quy định trong nghị định tiếp sau của Thống sứ.

Nhiệm kì của Phòng Tư vấn là 3 năm và có thể được gia hạn. Các trường hợp không đủ tư cách để được bầu gồm: người bản xứ tuổi

dưới 30, sĩ quan và lính khố xanh, các viên chức của Chính quyền Bảo hộ, của các cơ quan thuộc Phủ Toàn quyền và các viên chức của chính quyền bản xứ. Việc bầu các kì mục và những người đóng thuế môn bài diễn ra dưới sự chủ trì của các Chánh Chủ tỉnh hoặc người đại diện.

Mọi kháng nghị về bầu cử tại mỗi tỉnh thuộc thẩm quyền xem xét về mặt hành chính của quan cai trị với sự tham dự của quan lại cấp tỉnh. Trong trường hợp có bất đồng, Chánh Chủ tỉnh là người có quyền đưa ra quyết định cuối cùng.

Kháng nghị đối với các quyết định có thể được đưa ra trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày thông báo tới các bên và được chuyển đến tiểu ban hành chính với thành phần gồm Thống sứ hoặc đại diện Thống sứ và hai quan lại cấp cao. Kết quả cuối cùng của các cuộc bầu cử phải được Toàn quyền phê chuẩn.

Phòng Tư vấn nhóm họp hàng năm ở Hà Nội vào 15 ngày cuối tháng sáu theo triệu tập của Thống sứ. Kì họp diễn ra 10 ngày và có thể được kéo dài. Trong phiên họp đầu tiên, Phòng Tư vấn tiến hành bầu ban lãnh đạo gồm 7 thành viên, tiếp đó 7 thành viên này sẽ bầu ra Chủ tịch theo hình thức bỏ phiếu kín.

Phòng Tư vấn bắt buộc được tham vấn về ngân sách thu và dự toán chi ghi trong phần III và IV thuộc ngân sách địa phương (các khoản chi phục vụ lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội). Phòng được triệu tập 15 ngày trước lễ khai mạc kì họp để cho ý kiến về các vấn đề mà chính quyền trình lên. Các vấn đề trên được trình bày bằng văn bản, soạn thảo bằng tiếng Pháp, chữ quốc ngữ và chữ Hán.

Các thỉnh nguyện ngoài chương trình nghị sự phải trình Thống sứ thông qua và quyết định đưa vào chương trình. Tất cả các thỉnh nguyện có liên quan đến chính trị bị cấm.

Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì có thể bị Toàn quyền giải tán, theo đề nghị của Thống sứ.

213. Arrêté du 21 avril 1913 du Gouverneur général de l'Indochine portant création des centres administratifs à Na Cham, Dong

Dang et Loc Binh dans la province de Lang Son et à Dinh Lap, Tien Yen et Ha Coi dans le 1er Territoire militaire.

Nghị định ngày 21 tháng 4 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một số trung tâm hành chính tại Na Chàm, Đồng Đăng, Lộc Bình của tỉnh Lạng Sơn và tại Đình Lập, Tiên Yên, Hà Cối thuộc Đạo Quan binh 1.

(Nguồn: J 1076, JOIF 1913, tr.779)

Nghị định gồm 3 điều với một số nội dung chính sau:

Quyết định thành lập một số trung tâm hành chính tại Na Chàm, Đồng Đăng, Lộc Bình của tỉnh Lạng Sơn và tại Đình Lập, Tiên Yên, Hà Cối của Đạo Quan binh 1.

Trưởng các trung tâm hành chính này thuộc quyền của các Công sứ Pháp và Tư lệnh Đạo Quan binh 1 và hưởng trợ cấp chức vụ hàng năm theo quy định tại Nghị định ngày 15 tháng 9 năm 1901.

214. Arrêté du 26 mai 1913 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Comité consultatif des Mines.

Nghị định ngày 26 tháng 5 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một Ủy ban Tư vấn hầm mỏ.

(Nguồn: J 1076, JOIF 1913, tr.932)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Ủy ban Tư vấn hầm mỏ được thành lập để kết luận về các vấn đề liên quan đến quy chế và khai thác hầm mỏ được trình lên. Thành phần của ủy ban gồm:

Chủ tịch: Tổng Thanh tra Công chính;

Các ủy viên:

- Kĩ sư trưởng Khu hầm mỏ;

- Chánh văn phòng Phủ Thống sứ Bắc Kì;

- Trưởng Bộ phận Hành chính và Tài phán Phủ Toàn quyền;

- Trưởng Bộ phận Hành chính và Tài phán Tổng Thanh tra Công chính;

- Luật sư của Phủ Toàn quyền.

Thư kí của ủy ban: Kĩ sư trưởng bộ phận hầm mỏ.

Ủy ban lấy ý kiến của công chức và nhà khai thác hầm mỏ nếu xét thấy cần thiết. Ủy ban sẽ nhóm họp theo triệu tập của chủ tịch.

215. Décret du 28 mai 1913 du Président de la République française portant réorganisation du Service judiciaire de l'Indochine (promulgué le 20 août 1913).

Sắc lệnh ngày 28 tháng 5 năm 1913 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định tổ chức lại cơ quan tư pháp Đông Dương (ban hành ngày 20 tháng 8 năm 1913).

(Nguồn: J 1077, JOIF 1913, tr. 1376-1377)

Sắc lệnh gồm 16 điều với các nội dung chính sau:

Các toà Sơ thẩm Đông Dương được phân bổ như sau:

- Ngoại hạng gồm các toà án Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng;

- Hạng 1 gồm các toà án Phnôm-pênh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Mỹ Tho và Vĩnh Long;

- Hạng 2 gồm các toà án Bến Tre, Long Xuyên, Trà Vinh, Sóc Trăng, Châu Đốc.

Toà Đại hình ở Long Xuyên chuyển về Cần Thơ.

Toà Hoà giải rộng quyền Đà Nẵng bị bãi bỏ. Toà Sơ thẩm ở Đà Nẵng được thành lập với thành phần tương tự như Toà Sơ thẩm Hải Phòng. Thẩm quyền của Toà Sơ thẩm Đà Nẵng được quy định tương tự như với Toà Hoà giải rộng quyền Đà Nẵng.

Toà Hoà giải rộng quyền Vinh được thành lập ở Trung Kì. Thành phần, thẩm quyền và hoạt động của Toà Hoà giải rộng quyền Vinh, tiền lương, trang phục và phụ cấp ngạch bậc của các thẩm phán và lục sự của Toà được quy định theo quy định trong Sắc lệnh ngày 14 tháng 10 năm 1904 về thành lập Toà Hoà giải rộng quyền Nam Định.

Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định quy định quyền hạn của các Toà Sơ thẩm và Toà Hoà giải Đông Dương, theo đề nghị của

Chưởng lí, Giám đốc Tư pháp sau khi có ý kiến của Thống đốc hoặc Thống sứ, Khâm sứ.

Các quan cai trị, các Chánh Chủ tỉnh nơi không có toà án và các viên chức được trao quyền hạn của các đại lí sẽ đảm nhiệm chức năng thực thụ như thẩm phán Toà Hoà giải theo quy định của luật pháp nước Pháp. Các đại lí này xét xử phúc thẩm các lỗi vi cảnh và có thể tiến hành điều tra theo ủy nhiệm của các toà án, Sở Biện lí hoặc các viên bồi thẩm điều tra.

Ở Nam Kì, các đại lí ra phán quyết về các vi phạm đặc biệt theo quy định tại các nghị định của Toàn quyền hướng dẫn thực thi điều 2 của Sắc lệnh ngày 06 tháng 01 năm 1903. Trước khi nhậm chức theo quy định tại điều khoản này, các Chánh Chủ tỉnh và các đại lí phải tuyên thệ tại thuộc địa.

Chánh Toà Sơ thẩm, các phó thẩm phán, thẩm phán Toà Hoà giải rộng quyền, các thẩm phán dự khuyết tại các toà án và một số quan cai trị được trao chức năng của thẩm phán xét xử các lỗi vi cảnh, vi phạm đặc biệt của người bản xứ. Tại Nam Kì, các đại lí có thể tổ chức các phiên toà trên toàn khu. Trường hợp đặc biệt, họ được phép chủ trì phiên toà không cần trợ giúp của đại diện Viện Công tố và lục sự. Trong các trường hợp, những quyết định của họ được ghi vào sổ lưu đặc biệt.

Trang phục của chánh án, biện lí và lục sự trưởng các Toà Sơ thẩm Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng theo quy định trong Sắc lệnh ngày 17 tháng 5 năm 1895 về trang phục cho chánh toà các Toà Sơ thẩm và lục sự Toà án Sài Gòn. Các phó thẩm phán Toà Hà Nội và Toà Hải Phòng có trang phục được quy định như trong Sắc lệnh trên đối với các thẩm phán Toà Sài Gòn.

Trang phục của các quan toà và lục sự của các Toà Sơ thẩm Phnôm-pênh, Đà Nẵng và Cần Thơ được quy định như trang phục của quan toà và lục sự của các toà Mỹ Tho và Vĩnh Long.

216. Décret du 27 juin 1914 du Président de la République française portant réorganisation du Service de l'Assistance médicale en Indochine.

Sắc lệnh ngày 27 tháng 6 năm 1914 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại cơ quan y tế ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1083, JOIF 1915, tr.47-48)

Sắc lệnh gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Các cơ quan y tế của Đông Dương gồm các bệnh viện hoạt động theo Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1903.

Tổ chức nhân sự y tế người bản xứ do Toàn quyền Đông Dương quy định sau khi đã thông qua ý kiến của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

Tổng Thanh tra Y tế thuộc quyền chỉ đạo của Toàn quyền Đông Dương được thành lập, đứng đầu là Tổng Thanh tra Y tế, chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các cơ quan y tế Đông Dương và tham gia nghiên cứu các vấn đề về y tế và sức khoẻ cộng đồng.

Mỗi xứ thuộc Liên bang Đông Dương có một Sở Y tế đứng đầu là viên Chánh Sở do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm, chịu trách nhiệm chỉ đạo và giám sát các cơ quan y tế ở địa phương.

Các dịch vụ y tế bao gồm:

- Dịch vụ y tế miễn phí;

- Dịch vụ của các cơ sở bệnh viện (bệnh viện, phòng chẩn trị, nhà hộ sinh, nhà thương điên, trại phong v.v...);

- Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ cho công chức và gia đình của họ cũng như cho người Âu;

- Dịch vụ an ninh y tế, dịch bệnh, y tế công cộng;

- Dịch vụ y tế cho người Âu nghèo khó hoặc người nghèo miễn phí.

Các điều 6, 7, 8 quy định về hoạt động của các phòng thí nghiệm, cơ sở đào tạo y tế và các trạm y tế lãnh sự.

217. Arrêté 25 juillet 1914 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service du Cadastre et la Topographie de l'Indochine.

Nghị định ngày 25 tháng 7 năm 1914 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương.

(Nguồn: J 1083, JOIF 1915, tr.345-347)

Nghị định gồm 3 phần, 29 điều với các nội dung chính sau:

Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương chịu trách nhiệm thực hiện việc đo vẽ địa hình; lập, bảo quản và thực hiện các bản đồ địa chính. Ngoài ra, Nha có thể nhận thầu các công trình của tư nhân.

Ngạch công chức người Pháp được quy định tại Nghị định này. Ngạch công chức người bản xứ được quy định trong các nghị định khác của Toàn quyền Đông Dương.

Nhân sự người Pháp gồm thẩm tra viên trưởng, thẩm tra viên hạng 1 và 2 và nhân viên đo vẽ địa hình chính hạng 1, 2.

Viên chức của Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm và nâng bậc. Các điều khoản về tuyển dụng, nâng bậc và kỉ luật quy định chi tiết trong phần II của Nghị định.

218. Arrêté du 21 janvier 1915 du Gouverneur général de l'Indochine portant création du 4è Territoire militaire.

Nghị định ngày 21 tháng 01 năm 1915 về việc thành lập Đạo Quan binh 4.

(Nguồn: RST - 83222-01, tờ số 6-7)

219. Arrêté du 12 juin 1915 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation administrative du Territoire militaire de Lai Chau.

Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1915 của Toàn quyền Đông Dương quyết định tổ chức lại Đạo Quan binh Lai Châu.

(Nguồn: J 1083, JOIF 1915, tr.1055 - 1056)

Nghị định gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Nghị định số 174 ngày 21 tháng 01 năm 1915 về việc tổ chức Đạo Quan binh mới được sửa đổi như sau:

Đạo Quan binh Lai Châu vẫn được giữ nguyên về mặt quân sự. Về

chính trị và hành chính, Đạo Quan binh này được chia thành hai khu vực riêng biệt:

Tỉnh Lai Châu do Tư lệnh Đạo Quan binh quản lí, đặt dưới quyền Thống sứ Bắc Kì.

Tỉnh Muong-Huong-Xieng-Huong do một viên sĩ quan chỉ huy điều hành, dưới quyền của Thống sứ Lào.

Tư lệnh Đạo Quan binh uỷ nhiệm cho sĩ quan chỉ huy toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến chính trị và hành chính, với điều kiện phải thường xuyên thông báo tình hình trong khu vực cho Tư lệnh. Viên sĩ quan chỉ huy này chỉ chịu sự chỉ đạo của Tư lệnh Đạo Quan binh về mặt quân sự.

Về tư pháp, hai sĩ quan này được trao các quyền hạn dành cho Công sứ. Trường hợp Tư lệnh Đạo Quan binh vắng mặt hoặc không thể tham gia, Phó tư lệnh được chỉ định thay thế.

Đội ngũ quân nhân được bổ dụng vào Ban chỉ huy Đạo Quan binh gồm:

1 sĩ quan cấp tá, Tư lệnh Đạo Quan binh;

1 phó tư lệnh;

1 sĩ quan chỉ huy tại Muong Huong Xieng Huong;

1 viên chỉ huy phó;

3 hạ sĩ quan và 3 lính hoặc thư kí.

Tư lệnh Đạo Quan binh do Tổng Tư lệnh tối cao chỉ định sau khi được Thống sứ Bắc Kì thông qua.

Sĩ quan cấp uý và quân nhân không thuộc ngạch công chức và hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách địa phương.

220. Arrêté du 6 janvier 1916 du Gouverneur général de l'Indochine créant la province de Langbian.

Nghị định ngày 06 tháng 01 năm 1916 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tỉnh Langbian.

(Nguồn: J 1086, JOIF 1916, tr.47)

221. Décret du 16 mai 1916 du Président de la République française portant organisation du Service des Travaux publics de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 16 tháng 5 năm 1916 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức cơ quan công chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1086, JOIF 1916, tr.826-828)

Sắc lệnh gồm 3 phần, 38 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan công chính Đông Dương phụ trách:

- Nghiên cứu, xây dựng, nâng cấp và duy tu bảo dưỡng các công trình đường sá; công trình dân sự; đê điều và các công trình tưới tiêu; hệ thống sông ngòi, kênh rạch; đê, kè, cảng (trừ cảng quân sự);

- Chiếu sáng và đặt cọc tiêu trên sông và biển, kiểm soát cảng sông và đường biển;

- Nghiên cứu, xây dựng, bảo dưỡng và khai thác các tuyến đường sắt và tàu điện không nhượng;

- Kiểm tra và giám sát các hầm mỏ, công trường đá, mỏ nước khoáng, máy hơi nước... ;

- Lập bản đồ địa lí;

- Nghiên cứu và thi công các công trình chiếu sáng, cấp nước và vệ sinh các thành phố từ ngân sách chung Đông Dương hoặc cấp kì.

Đứng đầu Nha Công chính Đông Dương là một Tổng Thanh tra do Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm bằng Sắc lệnh. Tổng Thanh tra đảm trách việc nghiên cứu tất cả những vấn đề liên quan đến công chính; kiểm soát tất cả các Sở Công chính; thu thập và sử dụng tài liệu thống kê về xây dựng và khai thác kinh tế ở thuộc địa.

Điều 3 đến điều 8 quy định về các khu công chính:

Các khu công chính phụ trách từng nhóm công việc được lập ra theo các nhóm chức năng của Sở Công chính và theo lãnh thổ. Theo đó, các sở công chính gồm:

- Khu Công chính Bắc Kì;

- Khu Công chính Trung Kì;

- Khu Công chính Nam Kì;

- *Khu phụ trách hàng hải;*
- *Khu phụ trách đường sắt;*
- *Khu phụ trách hầm mỏ.*

Khu có thể được chia thành các tiểu khu và phân khu phụ trách các công việc khác nhau trong từng khu.

Các điều khoản còn lại quy định chi tiết về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, hưu trí lương bổng của các ngạch nhân sự.

222. Arrêté du 15 mai 1917 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation en Cochinchine d'un corp de police dénommé Garde civile.

Nghị định ngày 15 tháng 5 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức đội lính Thủ bộ tại Nam Kì.

(Nguồn: J 1088, JOIF 1917, tr.723-726)

Nghị định gồm 5 phần, 39 điều với các nội dung chính sau:

Phần I.

Đội cảnh sát với tên gọi là đội lính Thủ bộ được thành lập tại Nam Kì.

Chi phí cho đội lính Thủ bộ được phân chia theo tỉ lệ như sau: 2/5 chi phí do ngân sách địa phương chi trả; 3/5 do các ngân sách tỉnh và xã chi trả.

Dưới sự quản lí trực tiếp của Chánh Chủ tỉnh, lực lượng lính Thủ bộ chịu trách nhiệm: bảo đảm trật tự an ninh trong khu vực, trấn áp các cuộc nổi dậy, truy nã kẻ gian, áp tải và canh gác tù nhân. Lính Thủ bộ đóng quân tại tỉnh lị của mỗi tỉnh và không can thiệp vào tình hình an ninh tại các làng xã. Việc giữ gìn trật tự an ninh tại các làng xã do chính các thân hào đảm nhiệm.

Phần II. Việc tuyển dụng - Giáo dục

Tại Sài Gòn, một quân khu lính Thủ bộ trung ương được thành lập dưới sự chỉ huy của sĩ quan hiến binh - Tư lệnh phân đội Nam Kì và Cao Miên. Tư lệnh phân đội có thể được thay bằng Tư lệnh tiểu khu Sài Gòn, trực tiếp tham gia tuyển dụng, trang bị quần áo, vũ khí và hướng dẫn về mặt quân sự cho lính Thủ bộ.

Tại các tỉnh, binh sĩ Sở Hiến binh chịu sự quản lí trực tiếp của Chánh Chủ tỉnh, người phụ trách lực lượng lính Thủ bộ tại khu vực.

Việc mộ lính diễn ra tại Sài Gòn. Lực lượng này được ưu tiên lựa chọn trong số cựu binh hoặc lính thuỷ có phẩm chất đạo đức tốt, độ tuổi nhiều nhất là 25, phải biết đọc, biết viết hoặc từng công tác tại những đơn vị đủ cho phép hưởng lương hưu theo quy định tại Nghị định ngày 15 tháng 9 năm 1898.

Chánh Chủ tỉnh cũng được tham gia tuyển lính Thủ bộ theo quy định và theo nhu cầu do Tư lệnh Phân đội trung ương đưa ra.

Ngay sau khi tuyển dụng, lực lượng lính mới được gửi tới Phân đội trung ương để huấn luyện. Kết thúc khoá huấn luyện, lính thủ bộ được đưa về các tỉnh tuỳ theo mức độ cần thiết của công việc và theo yêu cầu của Chánh Chủ tỉnh.

Chương trình huấn luyện áp dụng cho lính thủ bộ Phân đội trung ương cũng như tại các tỉnh được tiến hành theo chương trình mẫu Pháp - Việt do Thống đốc quyết định, theo đề xuất của Tư lệnh phân đội Nam Kì - Cao Miên. Trong các đợt thanh tra, Tư lệnh đại đội - Thanh tra thường trực Sở Hiến binh Đông Dương, Tư lệnh phân đội và các Tư lệnh Tiểu khu Sài Gòn, Cần Thơ phải đảm bảo thực hiện chương trình liên tục.

Về nguyên tắc, 3 tháng một lần, nhân viên các đồn binh biệt phái đến các tỉnh sẽ được luân phiên và triệu hồi về tỉnh lị để huấn luyện quân sự...

Hàng năm, những quân nhân có cấp bậc tại các tỉnh được nhận vào Phân đội trung ương để được bồi dưỡng kiến thức quân sự trong 1 tháng. Về mặt kỉ luật, lực lượng lính Thủ bộ tại các tỉnh lị và đồn binh nội thành phải tuân theo chế độ của Phân đội trung ương.

Phần III. Quy định về thứ bậc - Lương - Nâng bậc - Lương hưu

Nhân sự của đội lính Thủ bộ gồm quản vệ huý, đội, cai, bếp và lính. Thời gian tòng quân là 2 năm với mức lương hàng tháng là 13 đồng bạc đối với lính hạng 2. Kết thúc thời gian này, lính Thủ bộ được tuyển mộ lại với thời gian 2 năm và hưởng khoản tiền trả thêm là 1 đồng bạc/tháng.

Những người đăng lính lại lần 2 với thời gian 3 năm được hưởng trợ cấp hàng tháng là 1,5 đồng bạc. Khoản tiền trả thêm này chỉ được cấp đến ngạch cai hạng 1.

"Lính" có thể được bổ nhiệm lên ngạch bếp sau 2 năm thực hiện nghĩa vụ, ngay khi đăng lính lại trong thời gian 2 năm.

"Lính" và "bếp" có thể được bổ nhiệm lên ngạch cai hạng 2 sau 2 năm liên tiếp thực hiện nghĩa vụ. Quy định này chỉ áp dụng đối với những người biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ để có thể viết hoặc hiểu mệnh lệnh.

"Lính" và "bếp" không được bổ nhiệm làm cai mang lon chữ V ngược sau 5 năm phục vụ cho đến khi có được 3 lon chữ V ngược. Lon chữ V ngược được đặt phía trên cánh tay trái và mang màu xanh.

Chức cai hạng 2 có thể trao cho các cựu binh bản xứ ngạch hạ sĩ hoặc những người thuộc hàng quân nhân, có 2 năm tích cực thực hiện nghĩa vụ, trong đó có 6 tháng ở trong ngạch này và ¼ thời gian làm việc tại những vị trí khuyết. Chức cai hạng 1 được trao cho hạ sĩ hoặc người thuộc hàng quân nhân có 4 năm làm việc tích cực trong đó có 6 tháng ở ngạch này và ¼ thời gian làm việc tại những vị trí khuyết.

Chức đội hạng 2 được trao cho cai hạng 1 có ít nhất 2 năm làm việc tại thứ hạng của họ với tỉ lệ 4/5. Còn 1/5 được trao cho cựu quân nhân và lính thủy bản xứ ngạch trung sĩ hoặc người thuộc hàng quân nhân đã có 6 năm công tác, trong đó có 1 năm làm việc tại hạng.

Chức đội hạng 1 được trao cho đội hạng 2 có ít nhất 2 năm làm việc tại thứ hạng của họ với tỉ lệ 4/5. Còn 1/5 được trao cho các cựu quân nhân và linh thủy bản xứ ngạch thượng sĩ hoặc người thuộc hàng quân nhân có ít nhất 8 năm công tác, trong đó có 1 năm làm việc tại hạng.

Trong ngạch phó quản, quản và quản vệ uý, việc nâng bậc chỉ dành riêng cho nhân viên ở bậc dưới ngay sau đó, có ít nhất 2 năm liên tiếp thực hiện nghĩa vụ tại hạng, trừ chức quản vệ huý, thời gian thực hiện nghĩa vụ là 4 năm.

Theo đề nghị của Chánh Chủ tỉnh, Thống đốc Nam Kì có quyền bổ nhiệm lính hoặc quân nhân có cấp bậc lên bậc cao hơn, sau

khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không cần điều kiện về thời gian.

Quân nhân và thuỷ thủ có cấp bậc được bổ nhiệm vào lực lượng lính Thủ bộ theo chỉ dẫn tại điều 21, cũng phải biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ.

Việc nâng bậc được lựa chọn theo khu vực và do Chánh Chủ tỉnh tiến hành theo đề nghị của hiến binh biệt phái đến chỉ huy lính cơ thuộc lực lượng cảnh sát địa phương tại mỗi tỉnh.

Kể từ chức phó quản hạng 2, việc bổ nhiệm do Thống đốc thực hiện theo đề xuất của Chánh Chủ tỉnh có nêu rõ lí do.

Chức danh dự chỉ được trao cho lính cơ khi ra quân theo quyết định đặc biệt của Thống đốc.

Phần IV. Quân phục và thiết bị

Mũ và áo vét-tông bằng flanen không còn được sử dụng. Các mẫu mũ được quy định gồm một mũ vải màu ka-ki hoặc màu trắng theo trang phục quy định. Chiếc mũ dài, dẹt ở hai bên và phần đuôi có gắn một mũi nhọn bằng kim loại mang dòng chữ G.C.L (Lính Thủ bộ địa phương).

Quân phục có màu ka-ki hoặc màu trắng. Bộ quân phục màu ka-ki dùng để mặc hàng ngày. Quân phục màu trắng dùng trong các buổi lễ thu quân, duyệt binh, đội danh dự. Bộ trang phục ka-ki giống trang phục màu trắng trừ chiếc vét-tông có cổ bẻ xuống. Khi mặc trang phục ka-ki, lính Thủ bộ chỉ quấn xà cạp màu xanh...

Phần V. Hình thức kỉ luật

Các hình thức kỉ luật bao gồm: cấm trại, giữ lương, bỏ tù, giáng cấp, cách chức. Những hình thức kỉ luật này do Chánh Chủ tỉnh và sĩ quan Sở Hiến binh chỉ huy phân đội đề xuất. Hiến binh biệt phái đến chỉ huy lực lượng lính Thủ bộ tại mỗi tỉnh cũng như những người trong phân đội có thể áp dụng hình phạt cấm trại đến 8 ngày. Chánh Chủ tỉnh hoặc Tư lệnh phân đội là người phê chuẩn hình phạt.

Chánh Chủ tỉnh và Tư lệnh phân đội không được áp dụng hình phạt giam giữ quá 30 ngày.

Đối với các chức danh "đội", "phó quản", "quản" và "vệ uý", hình phạt giáng cấp và cách chức do Thống đốc quyết định theo đề nghị của Chánh Chủ tỉnh, hoặc sĩ quan Sở Hiến binh Tư lệnh Phân đội trung ương.

Quân số lính Thủ bộ, việc phân chia lực lượng này giữa các tỉnh cũng như tổ chức công vụ được quy định theo quyết định của Thống đốc Nam Kì.

223. Arrêté du 5 juillet 1917 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Service général du Ravitaillement et des Transports maritimes.

Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Tiếp tế và Vận tải biển.

(Nguồn: J 1091, JOIF 1917, tr.1000)

Nghị định gồm một điều duy nhất quy định:

Trong thời chiến, Nha Tiếp tế và Vận tải biển được thành lập, có nhiệm vụ tập trung và điều hành mọi hoạt động hành chính liên quan đến việc sử dụng các nguồn tài nguyên của thuộc địa, đáp ứng nhu cầu của chính quốc; tập trung và chỉ đạo các biện pháp do chính quyền đề xuất nhằm chi cấp những thứ cần thiết cho thuộc địa.

224. Arrêté du 13 juillet 1917 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant l'organisation du Service de l'Aviation en Indochine.

Nghị định ngày 13 tháng 7 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức Cục Hàng không Đông Dương.

(Nguồn: J 1091, JOIF 1917, tr.1043-1044)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Cục Hàng không được thành lập tại Đông Dương theo Nghị định ngày 13 tháng 7 năm 1917 với các nhiệm vụ:

- Tổ chức sân bay Tông (Sơn Tây);

- Nghiên cứu đường bay;

- Bố trí phi trường;

- Xác định cách thức sử dụng dịch vụ hàng không phục vụ nhu cầu dân sự và quân sự tại thuộc địa.

Cục Hàng không Đông Dương có một phi đội gồm đội ngũ nhân viên quân sự ngoại hạng và nhân viên dân sự. Phi đội này đặt dưới sự chỉ huy và quản lí của một sĩ quan với chức danh chỉ huy phi đội Đông Dương đặt dưới sự chỉ đạo của Toàn quyền.

Lực lượng nhân viên quân sự được phái đến từ Pháp, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trong ngành hàng không được xếp vào loại ngoại hạng do Toàn quyền sử dụng.

Tính từ ngày 01 tháng 7 năm 1917, mọi khoản chi cho đội ngũ nhân viên và mua sắm thiết bị trong ngành hàng không đều do ngân sách chung Đông Dương đảm nhiệm.

Phi đội Đông Dương gồm một đội bay và một đội mặt đất.

Tư lệnh phi đội cũng là người nhận, kiểm tra và chịu trách nhiệm về thiết bị đồng thời đảm bảo việc chuyển các thiết bị này về Trại Tông.

Trại Tông được chính quyền quân sự lựa chọn làm sân bay, được duy trì như một trung tâm dịch vụ thử nghiệm. Khu doanh trại tạm thời gồm: nhà ở cho sĩ quan, quân đội; bếp và phòng ăn; phòng kế toán; các khu nhà xưởng được xây dựng với kết cấu nhẹ theo bản vẽ được Toàn quyền phê chuẩn. Công trình này do đại diện của Sở Công chính tại Sơn Tây chỉ đạo, dưới sự giám sát của nhân viên phi đội Đông Dương.

Hoạt động bên trong của phi đội Đông Dương diễn ra giống như hoạt động của các phi đội tại Pháp khi tham gia chiến dịch. Những chỉ thị đặc biệt được Toàn quyền thông qua sẽ quy định điều kiện nhân viên được vắng mặt vì lí do cá nhân, cách thức thanh toán chi phí cho nhân sự và các loại chi phí khác.

Toàn quyền cũng gửi những chỉ thị này đến người đứng đầu mỗi xứ, Công sứ và các chính quyền dân sự để quy định điều kiện trợ giúp và cứu hộ trong trường hợp phi công cần giúp đỡ.

225. Arrêté du 29 novembre 1917 du Gouverneur général de l'Indochine créant un emploi de "Directeur des Archives et des Bibliothèques au Gouvernement général de l'Indochine.

Nghị định ngày 29 tháng 11 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập chức "Giám đốc Lưu trữ và Thư viện Phủ Toàn quyền Đông Dương".

(Nguồn: J 1091, JOIF 1917, tr.1941-1943)

Nghị định gồm 13 điều với các nội dung chính sau:

Các kho lưu trữ và thư viện công tại Đông Dương đặt dưới sự kiểm soát thường xuyên về mặt kĩ thuật của một lưu trữ viên - Giám đốc Kho Lưu trữ và Thư viện công trung ương Hà Nội. Viên chức này trực thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương và với chức danh "Giám đốc Lưu trữ và Thư viện tại Phủ Toàn quyền Đông Dương".

Kho Lưu trữ trung ương tại Hà Nội lưu trữ các tài liệu của Phủ Toàn quyền và của các cơ quan trực thuộc Phủ Toàn quyền, tài liệu lưu trữ của Phủ Thống sứ Bắc Kì và toàn bộ công văn, giấy tờ đến từ các xứ trong Liên bang.

Việc tổ chức thư viện công trung ương Hà Nội cũng dự thảo và trình lên Tổng Thanh tra Học chính sau đó trình Trưởng ban Chỉ đạo Giáo dục bậc đại học thông qua. Sau khi Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn, văn bản quy định về tổ chức thư viện trung ương mới có hiệu lực thi hành.

Liên quan đến việc kiểm soát các kho lưu trữ và thư viện công tại thuộc địa, Giám đốc Lưu trữ và Thư viện có quyền hạn như sau:

- Tiến hành thanh tra định kì các kho lưu trữ và thư viện công tại địa phương;

- Tổ chức sắp xếp tài liệu lưu trữ và quản lí thư viện công theo kế hoạch và khung phân loại thống nhất;

- Hướng dẫn nhân viên người Âu hoặc người bản xứ làm việc tại các thư viện và lưu trữ nghiệp vụ hoặc phương pháp chỉnh lí tài liệu. Báo cáo cấp có thẩm quyền để tiến hành thưởng, phạt liên quan đến công việc của đội ngũ nhân viên này.

- Chỉ đạo các thư viện công trong việc mua bổ sung những xuất bản phẩm cần thiết.

- Xem xét lại cách thức tổ chức các thư viện công hiện có và xúc tiến mở thư viện mới phục vụ nhu cầu đọc sách tại chỗ hoặc mượn về nhà.

- Chuẩn bị đưa một số thư viện lớn tại Đông Dương vào danh sách những thư viện được xếp hạng.

Kể từ ngày ban hành nghị định này, việc mua thêm các loại sách mới hoặc bất kì ấn phẩm nào cho các thư viện công tại thuộc địa chỉ được thanh toán khi được Giám đốc phê duyệt trên phiếu hoặc đơn đặt hàng nhằm mục đích quản lí thư viện và tiết kiệm ngân quỹ.

Quy định này cũng áp dụng đối với việc đặt mua sách báo, xuất bản phẩm bằng kinh phí trích từ các khoản chi cho việc tu bổ và thành lập thư viện.

Việc tiêu huỷ tài liệu không còn giá trị đối với cơ quan, công sở hoặc đối với lịch sử sẽ do các hội đồng xem xét và quyết định theo quy định tại điều khoản dưới đây.

Ngoài ra, Kho Lưu trữ trung ương Hà Nội còn bảo quản ấn phẩm hành chính, các bộ sưu tập tài liệu chuyên môn tại Đông Dương.

Giám đốc Nha Lưu trữ Phủ Toàn quyền Đông Dương được tuyển chọn trong số ứng cử viên là cựu học sinh Trường Cổ tự, có bằng lưu trữ cổ - tự học và do Toàn quyền bổ nhiệm.

Mức lương khởi điểm của Giám đốc là 10.000 phơ-răng/năm và tối đa có thể lên đến 16.000 phơ-răng bằng 6 lần lên lương, mỗi lần 1000 phơ-răng.

Giúp việc cho Giám đốc Nha Lưu trữ là một lưu trữ thư viện viên. Viên chức này chịu trách nhiệm giám sát thư viện và kho lưu trữ Huế và Sài Gòn và thay thế Giám đốc khi vắng mặt. Viên chức này được tuyển chọn trong số ứng cử viên có bằng lưu trữ - cổ tự học hoặc có bằng cử nhân Văn khoa và được hưởng mức lương 8000 phơ-răng/năm và tối đa có thể lên tới 14000 phơ-răng bằng những đợt tăng lương liên tiếp trong cùng điều kiện được nêu trong điều khoản trước.

Nhân viên bản xứ biệt phái từ các công sở khác tại thuộc địa có thể được Giám đốc - Trưởng Kho Lưu trữ và Thư viện trung ương Hà Nội sử dụng để giải quyết công việc.

Thư kí các toà sứ và công sở chịu trách nhiệm chỉnh lí hồ sơ, có thể tham gia thực tập trong thời gian từ 3 đến 6 tháng tại Kho Lưu trữ trung ương Hà Nội để làm quen với phương pháp phân loại, chỉnh lí tài liệu. Trong quá trình thực tập, những người đạt kết quả xuất sắc sẽ được Giám đốc cấp giấy chứng nhận và được ưu tiên làm việc tại các cơ quan lưu trữ, dưới sự kiểm soát của Giám đốc. Giám đốc Nha Lưu trữ có thể thu hồi giấy chứng nhận hoặc áp dụng biện pháp kỉ luật đối với thư kí Toà Công sứ nếu phát hiện ra sự cẩu thả, chểnh mảng và sai sót về mặt nghiệp vụ.

Ngoài ra, một hội đồng hành chính cấp cao giám sát tài liệu lưu trữ tại Hà Nội và các hội đồng giám sát địa phương được thành lập. Những hội đồng này có nhiệm vụ quy định về tiêu huỷ tài liệu hành chính cũng như góp ý kiến xây dựng hoặc cải tạo các toà nhà làm nhà kho hoặc thư viện; giải quyết những vướng mắc liên quan đến công việc của Giám đốc Nha Lưu trữ.

Hội đồng cấp cao tại Hà Nội đặt dưới sự chủ trì của Tổng Thanh tra Học chính gồm các thành viên:

Hiệu trưởng Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp;

Trưởng ban Hành chính Phủ Toàn quyền;

Giám đốc Lưu trữ - báo cáo viên Hội đồng;

Tham tá dân sự - Thư kí Hội đồng.

Hội đồng họp theo lệnh triệu tập của Chủ tịch. Mọi quyết định của Hội đồng mang tính bắt buộc đối với Giám đốc Lưu trữ, trừ trường hợp có kháng nghị lên Toàn quyền Đông Dương. Toàn quyền có thể xin ý kiến của Hội đồng hoặc phê chuẩn quyết định được đưa ra.

Các Hội đồng địa phương có thành phần như sau:

Giám đốc phụ trách chung các văn phòng địa phương (Phủ Thống đốc, Phủ Thống sứ và Khâm sứ) - Chủ tịch;

Giám đốc Sở Học chính địa phương;

Một quan cai trị được cử làm thư kí (do người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ định) có quyền biểu quyết.

Hội đồng họp ít nhất 3 tháng một lần. Thư viện viên có bằng cấp trong khu vực được tham dự các cuộc họp của Hội đồng địa phương

và có nhiệm vụ cung cấp cho các thành viên thông tin liên quan đến công việc khi được yêu cầu.

226. Arrêté du 1er janvier 1918 du Gouverneur général de l'Indochine portant création auprès du Gouverneur général d'un Service de contrôle général du travail et de la colonisation.

Nghị định ngày 01 tháng 01 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Tổng kiểm soát Lao động và Khai thác thuộc địa bên cạnh Toàn quyền.

(Nguồn: J 1093, JOIF 1918, tr.267)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Tổng kiểm soát Lao động và Khai thác thuộc địa được thành lập bên cạnh Toàn quyền, chịu trách nhiệm nghiên cứu và soạn thảo các quy chế chung liên quan đến chế độ nhân công công nghiệp và nông nghiệp; luật lao động; vốn đầu tư, sử dụng công nhân bản xứ và chế độ nhân công nước ngoài tại thuộc địa; việc định dân và khai khẩn những vùng đất hoang hoá...

Tổng Kiểm soát - Chánh Sở có quyền tiến hành điều tra tại chỗ và yêu cầu thi tuyển nhân viên ở mọi cấp trong chính quyền và được miễn cước phí bưu điện khi liên hệ với Toàn quyền, người đứng đầu chính quyền địa phương, Chánh Chủ tỉnh và những người đại diện.

227. Arrêté du 23 mai 1918 du Gouverneur général de l'Indochine organisant un Serviceradiotélégraphique autonome.

Nghị định ngày 23 tháng 5 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức một Nha Điện báo vô tuyến độc lập.

(Nguồn: J 1093, JOIF 1918, tr.987)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Nha Điện báo vô tuyến tách ra từ Nha Bưu điện và Điện báo, đặt dưới sự chỉ đạo của Giám đốc Điện báo vô tuyến Đông Dương trực thuộc Toàn quyền.

Giúp việc cho Giám đốc Điện báo vô tuyến Đông Dương là một phó giám đốc. Giám đốc tập trung và nghiên cứu những vấn đề liên quan đến điện báo vô tuyến tại Đông Dương, đồng thời đề xuất với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa các biện pháp nhằm đảm bảo hoạt động của Nha.

Giám đốc thực hiện và thanh toán những khoản chi liên quan đến đội ngũ nhân viên cũng như trang thiết bị, trong giới hạn kinh phí cho phép theo thể thức và điều kiện quy định tại Nghị định số 716bis ngày 26 tháng 01 năm 1912. Giám đốc Điện báo vô tuyến Đông Dương được miễn phí bưu điện và điện báo khi liên hệ với chính quyền dân sự và quân sự trong điều kiện quy định tại Nghị định số 716b và 716' ngày 26 tháng 01 năm 1912.

Việc khai thác các trạm điện báo vô tuyến được đưa ra bàn bạc, giải quyết sau khi có sự thoả thuận giữa Giám đốc Nha Bưu điện và Điện báo với Giám đốc Nha Điện báo vô tuyến Đông Dương.

228. Arrêté du 6 septembre 1918 du Gouverneur général de l'Indochine fixant le mode de nomination des chefs et sous-chefs de canton en Cochinchine.

Nghị định ngày 06 tháng 9 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương quy định cách thức bổ dụng các Chánh tổng và Phó tổng ở Nam Kì.

(Nguồn: J 1096, JOIF 1918, tr.1545-1547)

Nghị định gồm 16 điều với các nội dung chính sau:

Các Phó tổng được Thống đốc bổ dụng theo đề nghị của các Chánh Chủ tỉnh.

Phó tổng được chọn trong danh sách ba kì mục do một cuộc hiệp thương bầu cử chỉ định với sự tham gia của:

- Thành viên Hội đồng Kì mục đương nhiệm tại các làng thuộc tổng liên quan;

- Cựu thành viên của những Hội đồng Kì mục;

- Người bản xứ là chủ đất, tiểu thương hoặc hành nghề khác hoặc

làm trong ngành công nghiệp có cơ sở đặt trong tổng, tuổi ít nhất từ 25 và phải chứng minh trước rằng định suất thuế hàng năm đạt mức tối thiểu 100 đồng bạc;

- Người bản xứ được cấp bằng của một trong những trường cao đẳng chính quốc hoặc của Đông Dương, hoặc có bằng tú tài chính quốc hoặc bản xứ hoặc bằng của một trường dạy nghề bậc 2, tuổi ít nhất từ 25, cư ngụ tại tổng từ 1 năm trở lên;

- Người bản xứ không thuộc các diện trên đây, nhưng có đủ điều kiện trong quy định tại điều 5 dưới đây để đảm nhiệm chức Phó tổng.

Mỗi làng lập danh sách cử tri như theo quy định. Danh sách được niêm yết trong 8 ngày tại đình, nơi các đối tượng liên quan có thể được thông báo, và khiếu nại dưới hình thức đơn thỉnh nguyện viết tay nêu rõ lí do, đề nghị được ghi danh hoặc gạch tên khỏi danh sách, nộp cho một trong ba kì mục chấp hành, kì mục chấp hành phải gửi lại biên lai trong đó ghi rõ tên người khiếu nại và ngày tháng nộp đơn thỉnh nguyện.

Hết thời hạn niêm yết, Hội đồng Kì mục thảo luận ra nghị quyết về bổ sung hoặc bỏ bớt cử tri trong danh sách và nộp lại cho Chánh tổng kèm theo những khiếu nại và biên bản các thảo luận ra nghị quyết có liên quan.

Danh sách cử tri của tất cả các làng cũng như hồ sơ khiếu nại đính kèm chuyển cho Chánh tổng kem theo nhận xét cá nhân của Chánh tổng được chuyển tới Chủ tỉnh, người có quyền quyết định cuối cùng đối với các đề nghị gạch tên hoặc ghi danh cử tri để Chủ tỉnh ban hành nghị định về danh sách cử tri thực sự.

Trường hợp vắng khuyết đồng thời cả hai chức danh Chánh tổng và Phó tổng trong cùng một tổng, danh sách do Hội đồng Kì mục lập được gửi trực tiếp lên Chủ tỉnh.

Một danh sách tổng hợp, duy nhất được lập sau đó, đầu tiên ghi tên các kì mục đương nhiệm tại tất cả các làng của tổng liên quan, sau đến các cựu kì mục và cuối cùng là cử tri thuộc các loại khác nhau; danh sách này sẽ được ban hành bằng nghị định và do Chủ tỉnh quyết định.

Mỗi ứng cử viên cho các chức Phó tổng phải trình cho Chủ tỉnh một

bản khai ứng cử viên kèm theo bản trích ngang lí lịch tư pháp, một bản kê chi tiết ngắn gọn tình hình tài sản và các giấy tờ theo điều kiện cần thiết để được bổ dụng làm Phó tổng. Bản khai này phải được Hội đồng Kì mục của làng, nơi ứng cử viên cư ngụ xác thực về tính chính xác.

Những đối tượng sau có thể là ứng cử viên vào chức Phó tổng;

- Các thành viên đương chức hoặc đã nghỉ hưu của Hội đồng Kì mục đóng tại tổng liên quan và đảm nhiệm chức năng đại kì mục trong 6 năm, trong đó có 2 năm làm xã trưởng. Tuy nhiên, đối với các kì mục giữ chức vụ trên trước khi Nghị định ngày 27 tháng 8 năm 1904 có hiệu lực, điều kiện chỉ cần 1 năm làm xã trưởng;

- Các cố vấn hàng tỉnh đã nghỉ hưu hoặc đương chức, bang biện, Phó tổng hay sung biện Phó tổng có hai năm giữ các chức này trong tổng nơi ứng cử và cư ngụ cố định tại tổng;

- Người bản xứ là cựu viên chức của một chính quyền công tại Đông Dương, có ít nhất 12 năm làm việc và cư ngụ cố định trong tổng.

Các ứng cử viên tuổi ít nhất phải từ 35 và chưa từng chịu bất kì án phạt nào tội phạm và hình sự, không bị cách chức (sửa đổi bằng Nghị định ngày 07 tháng 3 năm 1923).

Người có quan hệ họ hàng hoặc thông gia 4 đời với Chánh tổng, Phó tổng, bang biện hoặc sung biện đương nhiệm sẽ bị loại khỏi danh sách ứng cử viên cho chức Chánh tổng hoặc Phó tổng. Chủ tỉnh quyết định loại đối tượng này khỏi danh sách ứng cử viên nêu rõ lí do.

Chủ tỉnh kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong bản khai ứng cử viên, lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 5 và trình lên Thống đốc, kèm theo đánh giá cá nhân nếu có. Thống đốc ban hành nghị định về danh sách cuối cùng về các ứng cử viên được chấp thuận, khi đó không một ứng cử viên bị loại nào được phép khiếu kiện và nghị định ấn định ngày hiệp thương bầu cử, một bản sao kèm theo danh sách được gửi tới Chủ tỉnh.

Danh sách ứng cử viên chính thức cũng như nghị định quy định ngày hiệp thương bầu cử được công bố rộng rãi tới cử tri thông qua niêm

yết tại các phòng, ban của quan cai trị, tại đình mỗi làng trong tổng liên quan.

Việc hiệp thương bầu cử diễn ra tại trụ sở làm việc của Chủ tỉnh. Mỗi cử tri được phát lá phiếu trắng, một tờ giấy và một phong bì giống nhau; mỗi cử tri ghi tên ba ứng cử viên trong danh sách lên lá phiếu. Mọi lá phiếu ghi tên ứng cử viên không có trong danh sách ứng cử viên có thể được bầu bị coi là không hợp lệ.

Ban chỉ đạo hiệp thương bầu cử gồm Chủ tỉnh làm Chủ tịch hoặc đại diện của quan cai trị luôn là một viên chức người Âu, với sự trợ giúp của bốn cử tri thuộc các làng khác nhau, được chọn trong số những người biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ, ít nhất hai người trong đó biết chữ Hán. Nếu không có người biết chữ Hán, phòng bỏ phiếu sẽ đề nghị được trợ giúp bằng một thông ngôn do Chủ tỉnh chỉ định.

Thư kí là cử tri trẻ tuổi nhất biết chữ quốc ngữ.

Ngay khi được thành lập, Ban Bầu cử sẽ tiến hành triệu tập cử tri, theo trật tự danh sách được lập như quy định tại điều 3. Mỗi cử tri đưa lại phiếu bầu đã được gấp lại cho Chủ tịch Ban Bầu cử để đặt vào hòm phiếu. Việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành tức thời và số phiếu ủng hộ mà mỗi ứng cử viên nhận được sẽ được công bố ngay sau đó.

Các hoạt động trên được ghi trong biên bản gửi tới Thống đốc 10 ngày sau khi hiệp thương diễn ra, kèm theo các đề nghị nêu rõ lí do của Chủ tỉnh. Biên bản này cũng phải được kèm theo các khiếu nại có thể có trong buổi hiệp thương, được gửi tới Chủ tỉnh trong thời hạn 5 ngày.

Các ứng cử viên được bầu có sự chuẩn y của Thống đốc được bổ dụng làm Phó tổng hạng 2 phù hợp với quy định tại bảng đính kèm điều khoản 2 của Nghị định ngày 14 tháng 12 năm 1905. Các Phó tổng hạng 2 có thể được bổ dụng làm Phó tổng hạng 1 sau hai năm làm việc.

Về nguyên tắc, khi khuyết chức Chánh tổng, Phó tổng đương nhiệm có thể được chỉ định thay thế. Nếu Phó tổng vắng hoặc nếu không đủ khả năng đảm nhiệm chức Chánh tổng, sẽ tiến hành hiệp thương bầu cử theo các quy định về bổ dụng Phó tổng. Việc không đủ khả

năng giữ chức Chánh tổng của Phó tổng phải được ghi nhận bằng báo cáo đặc biệt của Chủ tỉnh gửi tới Thống đốc quyết định. Phó tổng bị xem là không có năng lực theo các quy định trên sẽ không có tên trong danh sách chính thức về các ứng cử viên tại hiệp thương bầu cử được tiến hành trong khu hành chính để bầu Chánh tổng.

Các chánh tổng, phó tổng của người Mọi (người Thượng) tiếp tục do Thống đốc bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tỉnh, sau khi có hiệp thương giữa những kì mục của các làng trong tổng.

229. Arrêté du 31 décembre 1918 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de l'Institut scientifique de l'Indochine.

Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Viện Khoa học Đông Dương.

(Nguồn: J 1097, JOIF 1919, tr.190-192)

Nghị định gồm 5 phần, 10 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Thành lập Viện Khoa học

Viện Khoa học Đông Dương được thành lập tại Sài Gòn để nghiên cứu, phát triển và sử dụng các sản phẩm từ đất và nước.

Phần II. Quyền hạn của Viện Khoa học

Viện Khoa học Đông Dương có các nhiệm vụ:

- Thống kê các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Đông Dương, chuẩn bị khai thác triệt để nguồn tài nguyên thông qua nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm và thăm dò khoa học;

- Phối hợp với chính quyền địa phương để lập chương trình cho những công trình kĩ thuật do các Sở Nông, Lâm nghiệp địa phương tại thuộc địa thực hiện, kiểm soát việc thực thi các công trình đó và ứng dụng kết quả vào thực tế;

- Cung cấp thông tin về nguồn tài nguyên động, thực vật của mỗi xứ cho chính quyền và cá nhân;

- Tập hợp các bộ sưu tập liên quan đến hệ động, thực vật - nhân tố góp phần hình thành nên Bảo tàng Lịch sử tự nhiên tại Sài Gòn;

- Nắm vững những cải tiến kĩ thuật liên quan đến nông, lâm và

ngư nghiệp ứng dụng tại nước ngoài, đồng thời duy trì mối quan hệ với các cơ quan khoa học tại những nước này và tại chính quốc; Công bố các công trình của Viện hoặc thông qua các ấn phẩm khoa học, hoặc hội thảo, đảm bảo phổ biến những công trình đó bằng một số loại sách phổ biến khoa học nhằm truyền bá kĩ thuật cải tiến hoặc cây trồng mới cần được nhân rộng;

- Tổ chức giảng dạy về lâm nghiệp cho thực tập sinh ngành lâm nghiệp;

- Trực tiếp trao đổi một số loại cây trồng, động vật, bộ sưu tập, ấn phẩm với các cơ quan khoa học của chính quốc và nước ngoài nhằm góp phần làm phong phú các trạm thử nghiệm, bảo tàng và thư viện được sáp nhập vào Viện;

- Phân phát miễn phí hạt giống, cây trồng và cành giâm của một số loài cần phát triển tại Đông Dương.

Phần III. Cơ cấu tổ chức của Viện

Viện Khoa học Đông Dương gồm:

- Trụ sở Ban Giám đốc đặt tại Sài Gòn cùng với các đơn vị giúp việc: Ban Thư kí, Thư viện Khoa học, Bảo tàng Lịch sử tự nhiên và Phòng Thí nghiệm thực hiện các cuộc nghiên cứu đặc biệt (gạo, cao su, bệnh ở cây trồng, hệ lâm nghiệp, ngư nghiệp v.v...);

- Phòng Thí nghiệm và Trạm Thí nghiệm phụ đặt tại các nước trong Liên bang Đông Dương, nghiên cứu những vấn đề liên quan đến nông, lâm và ngư nghiệp;

- Vườn bách thảo và các cơ quan nông nghiệp của Nhà nước;

- Các phái đoàn khảo sát khoa học được tổ chức để thống kê hệ động, thực vật và nguồn tài nguyên sinh học của thuộc địa.

Phần IV. Nhân sự

Viện Khoa học Đông Dương đặt dưới quyền điều hành của Viện trưởng do Toàn quyền bổ nhiệm. Viện trưởng đồng thời là cố vấn kĩ thuật cho những vấn đề khoa học liên quan đến nông, lâm và ngư nghiệp.

Viên chức cấp cao này có chức năng: điều hành và kiểm soát các cơ quan dưới quyền; hoàn toàn chịu trách nhiệm về cơ quan của mình; uỷ nhiệm một phần quyền hạn cho những chuyên gia có năng lực của

Viện tiến hành thanh tra các trạm và phòng thí nghiệm; quản lí toàn bộ đội ngũ nhân viên các cơ quan; đề xuất với Toàn quyền việc bổ nhiệm, thuyên chuyển nhân viên.

Giúp việc cho Viện trưởng là Ban Thư kí gồm cả người Âu và người bản xứ (các cơ quan hành chính, nông nghiệp, lâm nghiệp). Ban Thư kí chịu trách nhiệm về hoạt động của Sở, đặc biệt là về mặt hành chính: tổ chức chung, công văn trao đổi, nhân sự, ngân sách, bảo quản và trùng tu nhà cửa, bảo quản thư viện.

Đội ngũ nhân viên của Viện bao gồm:

- Chuyên gia khảo sát khoa học;

- Viên chức người Âu và bản xứ ngạch công chức địa phương Đông Dương do Viện sử dụng (nông nghiệp, lâm nghiệp);

- Nhân viên hợp đồng người Âu, thư kí, điều chế viên, giám sát viên người bản xứ do Viện trưởng tuyển dụng với sự nhất trí của Toàn quyền;

- Đội ngũ kĩ thuật viên biệt phái làm việc thường xuyên tại Viện.

Phần V. Tổ chức tài chính

Mọi chi phí cho hoạt động của Viện Khoa học thuộc phạm vi ngân sách chung Đông Dương. Ngoài ra, ngân sách này cũng góp phần vào khoản chi của các cơ quan tại địa phương phục vụ công việc hoặc công trình nghiên cứu của Viện.

Khoản thu từ việc bán sản phẩm của các trạm thử nghiệm, vườn và mẫu phân tích do phòng thí nghiệm thực hiện được chuyển vào tài khoản của mỗi ngân sách dùng để chi trả cho hoạt động của những cơ sở này. Viện trưởng có đầy đủ quyền hạn của người đứng đầu các cơ quan trực thuộc Phủ Toàn quyền theo Nghị định ngày 26 tháng 01 năm 1912.

230. Arrêté du 29 janvier 1919 du Gouverneur général de l'Indochine relatif à l'administration de la Flotte indochinoise.

Nghị định ngày 29 tháng 01 năm 1919 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến việc Hội đồng quản trị Hạm đội Đông Dương.

(Nguồn: J 1097, JOIF 1919, tr.320-323)

Nghị định gồm 30 điều với các nội dung chính sau: Hạm đội Đông Dương do một Giám đốc điều hành do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị Hạm đội Đông Dương được thành lập với thành phần như sau: Phó Toàn quyền Đông Dương; Giám đốc Tài chính; Giám đốc Thương chính; Tư lệnh Hải quân; Giám đốc Ngân khố Đông Dương.

Hội đồng họp thường kì vào ngày thứ 4 đầu tiên của mỗi quý và họp bất thường theo lệnh triệu tập của Chủ tịch khi Toàn quyền muốn xin ý kiến Hội đồng về một vấn đề đặc biệt.

Hội đồng có nhiệm vụ: kiểm soát Hạm đội Đông Dương; thường xuyên nắm bắt những hoạt động đã được triển khai; tiến hành kiểm tra khi thấy cần thiết và được tham vấn về các biện pháp quản lí chung đối với Hạm đội.

Chức năng, quyền hạn của Giám đốc Hạm đội Đông Dương được quy định như sau: quản lí toàn bộ nhân viên của Hạm đội; áp dụng mọi biện pháp liên quan đến việc lưu thông và khai thác tàu bè; thực hiện và thanh toán các khoản chi; phát lệnh thanh toán khẩn cấp có hoặc không cần đến giao kèo, hiệp ước; khiếu kiện lên toà án...

Ngoài ra, một nhân viên kế toán đặc biệt được giao phụ trách thu, chi liên quan đến sự hình thành và hoạt động khai thác của Hạm đội. Viên kế toán này do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Hạm đội và sau khi có ý kiến của Giám đốc Nha Tài chính.

Một tài khoản đặc biệt của Hạm đội Đông Dương được mở, bao gồm toàn bộ các khoản thu, chi liên quan đến sự hình thành và hoạt động khai thác của Hạm đội. Những khoản thu, chi liên quan đến hoạt động khai thác tàu thuyền của Đông Dương hoặc do Hạm đội Đông Dương sử dụng và quản lí, được đưa vào phần A của tài khoản này dưới tên "Hoạt động khai thác của Hạm đội".

Những hoạt động liên quan đến các đội tàu nhỏ của các công sở tại Đông Dương khi Hạm đội Đông Dương mượn đội tàu đó cũng nằm trong tài khoản đặc biệt này.

Mọi hoạt động được thực hiện trước khi mở tài khoản đặc biệt được lập theo Nghị định ngày 14 tháng 01 năm 1918 hoặc bằng nguồn kinh phí được mở cho các Lãnh sự Pháp theo quy định.

231. Arrêté du 20 mai 1919 du Gouverneur général de l'Indochine instituant près du Gouverneur général de l'Indochine une Inspection générale permanente des Services Vétérinaire, Zootechnique et des Epizooties de l'Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1919 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Tổng Thanh tra thường trực các Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật ở Đông Dương bên cạnh Toàn quyền.

(Nguồn: J 1097, JOIF 1919, tr.1067)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Ban Tổng Thanh tra thường trực các Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật ở Đông Dương được thành lập cạnh Toàn quyền, chịu sự kiểm soát của Toàn quyền Đông Dương.

Về nguyên tắc, chức Tổng Thanh tra do một bác sĩ thú y ngạch quân sự ngoại hạng hàm sĩ quan cấp tá đảm nhiệm. Chức vụ này cũng có thể trao cho một bác sĩ thú y - thanh tra Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật.

Viên Tổng Thanh tra thường trực chịu trách nhiệm: giám sát tình hình chung của các Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương; giúp Toàn quyền nghiên cứu và triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn vệ sinh gia súc và phương tiện bảo tồn, cải thiện nòi giống gia súc; kiểm soát toàn bộ đội ngũ nhân viên của các Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật v.v...

Tổng Thanh tra là thành viên Hội đồng khen thưởng, được trực tiếp liên hệ với Toàn quyền và trao đổi với người đứng đầu chính quyền địa phương thông qua Toàn quyền trong quá trình thanh tra. Tổng Thanh tra cũng là thành viên Hội đồng hoàn thiện chăn nuôi Đông Dương và được miễn cước phí bưu điện và điện báo khi liên hệ với

Toàn quyền, người đứng đầu chính quyền các kì, trưởng các cơ quan thuộc Phủ Toàn quyền, các Chủ tỉnh và Tư lệnh Đạo Quan binh. Với hàm sĩ quan cấp tá, Tổng Thanh tra thường trực tiếp tục hưởng lương ngạch quân sự và các khoản trợ cấp khác.

Thanh tra thường trực sống tại Hà Nội hưởng trợ cấp khoán hàng năm là 360 đồng bạc để thuê, lắp đặt hệ thống lò sưởi hoặc thông gió và chiếu sáng văn phòng, nếu văn phòng này được bố trí tại tư dinh. Khoản trợ cấp khoán trị giá 180 đồng bạc mỗi năm được dùng cho chi phí văn phòng.

Mọi khoản chi cho lương, phụ cấp lương và trợ cấp của Ban Tổng Thanh tra Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật được khấu vào khoản XIII ngân sách chung Đông Dương.

232. Décret du 29 juin 1919 du Président de la République française réorganisant l'Administration centrale du ministère des Colonies.

Sắc lệnh ngày 29 tháng 6 năm 1919 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại cơ quan trung ương Bộ Thuộc địa.

(Nguồn: J 1099, JOIF 1919, tr.1878)

Sắc lệnh gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan trung ương của Bộ Thuộc địa hoạt động độc lập với Văn phòng Bộ trưởng, gồm 6 Ban Chỉ đạo, 4 phòng và 6 Ban Tổng Thanh tra:

- Ban Chỉ đạo Đông Dương và Madagascar;

- Ban Chỉ đạo Tây phi xích đạo và bờ biển Somali;

- Ban Chỉ đạo chính phủ tự trị (Guadeloupe, Martinique, Guyane, Saint Pierre và Miquelon, Réunion, Ấn Độ, Tân Thế Giới, các cơ sở thuộc Pháp tại Châu Đại Dương);

- Ban Chỉ đạo nhân sự;

- Ban Chỉ đạo kiểm soát;

- Ban Chỉ đạo các cơ quan quân sự;

- Phòng Thư kí;

- Phòng Kế toán;

- Sở Giám sát hệ thống nhà tù;

- Phòng phụ trách các ngân hàng thuộc địa và thuế quan;

- Tổng Thanh tra các cơ quan kinh tế;

- Tổng Thanh tra Công chính thuộc địa;

- Tổng Thanh tra cơ quan Thương mại hàng hải và Vận tải đường biển tại thuộc địa;

- Tổng Thanh tra Y tế thuộc địa;

- Tổng Thanh tra Tư pháp thuộc địa;

- Tổng Thanh tra Học chính thuộc địa.

Cơ quan hành chính thuộc địa thành lập theo Sắc lệnh ngày 20 tháng 5 năm 1911 bị xoá bỏ với tư cách là cơ quan tổ chức chính quyền trung ương Bộ Thuộc địa. Cơ quan này được sáp nhập vào Tổng cục Thuộc địa trong điều kiện quy định tại Sắc lệnh ngày 29 tháng 6 năm 1919.

Các nghị định của Bộ trưởng sẽ quy định việc phân bổ Trưởng ban, Phó trưởng ban, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, biên tu, người sao văn bản và nhân viên phụ, cũng như quyền hạn của Ban Chỉ đạo, Ban Tổng Thanh tra và cơ cấu tổ chức bên trong các phòng, ban đó.

233. Décret du 31 octobre 1919 du Président de la République française portant réorganisation de la Gendarmerie de l'Indochine (promulgué le 4 février 1920).

Sắc lệnh ngày 31 tháng 10 năm 1919 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Đội Hiến binh Đông Dương (ban hành ngày 04 tháng 02 năm 1920).

(Nguồn: J 1101, JOIF 1920, tr.264)

Sắc lệnh gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Đội Hiến binh Đông Dương được tổ chức thành 2 phân đội, với thành phần như sau:

Phân đội Trung Kì - Bắc Kì

Lực lượng sĩ quan gồm: *1 đại uý Tư lệnh phân đội tại Hà Nội; 1 trung uý hoặc thiếu uý Tư lệnh tiểu khu tại Hà Nội; 1 trung uý hoặc thiếu uý Tư lệnh tiểu khu tại Hải Phòng.*

Quân đội

Lữ đoàn trưởng ngoại hạng hoặc hạng 1:	*1*
Đội trưởng đội kế toán:	*1*
Lữ đoàn trưởng hạng 2:	*4*
Lữ đoàn trưởng hạng 3 (trong đó có 1/10 đơn vị sử dụng ngựa):	*8*
Lữ đoàn trưởng hạng hạng 4 (trong đó có 1/10 đơn vị sử dụng ngựa):	*18*
Hiến binh (trong đó có 1/10 đơn vị sử dụng ngựa):	*111*
Tổng số	*140*

Phân đội Nam Kì - Cao Miên

Lực lượng sĩ quan

Đại uý Tư lệnh phân đội tại Sài Gòn:	*1*
Trung uý hoặc thiếu uý Tư lệnh tiểu khu tại Sài Gòn:	*1*
Trung uý hoặc thiếu uý Tư lệnh tiểu khu tại Cần Thơ:	*1*
Trung uý hoặc thiếu uý Tư lệnh tiểu khu tại Phnôm-pênh:	*1*
Tổng số	*4*

Quân đội

Lữ đoàn trưởng ngoại hạng hoặc hạng 1:	*2*
Đội trưởng đội kế toán:	*2*
Lữ đoàn trưởng hạng 2:	*2*
Lữ đoàn trưởng hạng 3 (trong đó 5% đơn vị sử dụng ngựa):	*10*
Lữ đoàn trưởng hạng 4 (trong đó 5% đơn vị sử dụng ngựa):	*18*
Hiến binh: (trong đó 5% đơn vị sử dụng ngựa):	*126*
Tổng số	*160*

Đồn hiến binh Thượng Lào, Vân Nam và Quảng Châu Loan được sáp nhập vào phân đội Trung - Bắc Kì. Đồn hiến binh Hạ Lào, Nam - Trung Kì sáp nhập vào phân đội Nam Kì - Cao Miên.

Một đại đội trưởng ngoại hạng chuyên thanh tra các phân đội của Sở Hiến binh và có thể thanh tra cả đội lính khố xanh.

234. Décret du 2 mai 1920 du Président de la République française portant création d'un poste de directeur de la Direction de l'Instruction publique en Indochine.

Sắc lệnh ngày 02 tháng 5 năm 1920 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc lập chức vụ Giám đốc Nha Học chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1103, JOIF 1920, tr.1395-1396)

Sắc lệnh gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Nha Học chính Đông Dương chịu sự quản lí của Giám đốc, dưới quyền của Toàn quyền Đông Dương. Giám đốc Học chính Đông Dương có quyền hạn như sau:

- Chỉ đạo và giám sát việc quản lí các trường công bậc đại học, trung học và kĩ thuật tại các nước trong Liên bang Đông Dương;

- Kiểm soát các trường trung học tư thục theo luật định;

- Kiểm soát về mặt kĩ thuật và hướng nghiệp đối với các trường tiểu học và dạy nghề công tại các xứ thuộc Liên bang Đông Dương, cũng như các trường của Pháp tại khu vực Viễn Đông được duy trì và nhận trợ cấp từ ngân sách thuộc địa;

- Đề xuất các biện pháp nhằm phát triển giáo dục tại Đông Dương.

Tổng Thanh tra Học chính đặt dưới quyền chỉ đạo của Giám đốc Nha Học chính. Giám đốc Nha có thể trao cho Tổng Thanh tra một số quyền hạn được cho là cần thiết.

Ngoài ra, Giám đốc Nha Học chính Đông Dương còn được giao một số nhiệm vụ: đề xuất lên Toàn quyền những ứng cử viên tham gia giảng dạy bậc đại học và trung học cũng như ứng cử viên người Pháp dạy tiểu học; được tham vấn về việc bổ nhiệm hiệu trưởng các trường tiểu học. Những viên chức này trực thuộc Giám đốc Nha Học chính về mặt kĩ thuật và nghề nghiệp; trình danh sách viên chức của cả ba bậc được nâng ngạch cũng như báo cáo quyết toán và ngân sách các trường đại học và tiểu học; đề nghị thăng thưởng cho giáo

viên các trường công lập hoặc tư thục; bổ nhiệm các hội đồng thi ngoài những hội đồng do người đứng đầu chính quyền địa phương tại mỗi nước trong Liên bang bổ nhiệm; nghiên cứu mọi vấn đề liên quan đến giáo dục công và phát triển tri thức của người dân; trình Toàn quyền dự thảo quy chế làm việc của đội ngũ giáo viên, chương trình xây dựng và thành lập trường liên quan đến ngân sách chung Đông Dương; góp ý kiến cho dự thảo ngân sách dành cho giáo dục tiểu học tại mỗi nước trong Liên bang Đông Dương; gửi đến Bộ trưởng Bộ Thuộc địa báo cáo hàng năm về hoạt động của Nha Học chính Đông Dương thông qua Toàn quyền.

Giám đốc Nha Học chính được bố trí cạnh người đứng đầu chính quyền địa phương và trưởng các cơ quan trực thuộc Toàn quyền để nghiên cứu những vấn đề liên quan đến giáo dục công. Giám đốc có quyền dự họp tại Hội đồng Chính phủ.

Giám đốc Nha Học chính Đông Dương do Toàn quyền bổ nhiệm bằng Nghị định nếu có bằng tiến sĩ cấp nhà nước và đủ 6 năm công tác trong ngành học chính.

235. Arrêté du 1er aoft 1920 du Ministre des Colonies déterminant les attributions des Directions, Services et Inspections générales du ministère des Colonies.

Nghị định ngày 01 tháng 8 năm 1920 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa quy định quyền hạn của các đơn vị thuộc Bộ Thuộc địa.

(Nguồn: J 1103, JOIF 1920, tr.1940-1941)

Nghị định gồm 1 điều duy nhất quy định quyền hạn và việc phân chia các sở, cơ quan và Ban Thanh tra Bộ Thuộc địa.

I . Văn phòng Bộ trưởng

Văn phòng Bộ trưởng bao gồm:

- Văn phòng và Ban Thư kí riêng của Bộ trưởng;

- Ban Chỉ đạo Văn phòng Bộ trưởng gồm 2 bộ phận:

Bộ phận 1: Phụ trách đăng kí chung, thăng thưởng và số liệu;

Bộ phận 2: Phụ trách tài liệu lưu trữ thuộc địa, thư viện, thị thực,

kho chứa tài liệu công của các thuộc địa, công báo, tập san, niên giám của Bộ, ấn phẩm chính thức, Sở Địa dư.

- Văn phòng Thanh tra Hội đồng Học chính.

II. Ban Chỉ đạo các vấn đề chính trị

Phòng 1: Thiết lập công sản thuộc địa của nước Pháp, pháp luật và án lệ về chính trị, xã hội và hành chính.

Phòng 2: Các công việc về chính trị, quản lí các thuộc địa tại Phi châu lục địa và Madagascar.

Phòng 3: Phụ trách các công việc chung, quản lí Đông Dương và những thuộc địa có chính phủ tự trị.

Phòng 4: Phụ trách về tư pháp và quản lí nhà tù.

III. Ban Chỉ đạo kinh tế

Phòng 1: Phụ trách thương nghiệp, kĩ nghệ, nhân công, quỹ tín dụng thuộc địa, xuất khẩu và quan hệ với các cơ quan kinh tế.

Phòng 2: Luật kinh tế, chế độ thuế quan.

Phòng 3: Phụ trách canh nông, lâm nghiệp và chăn nuôi

Phòng 4: Phụ trách công cụ kinh tế, phương tiện vận chuyển, dây cáp và điện báo vô tuyến.

***IV. Ban Chỉ đạo các cơ quan quân sự** gồm 1 văn phòng và các phòng với chức năng như sau:*

Văn phòng: Phụ trách việc nâng bậc cho đội ngũ binh lính và tài liệu lưu trữ.

Phòng 1: Phòng kĩ thuật

Bộ phận 1: Tổ chức quân sự tại thuộc địa

Bộ phận 2: Sở Pháo binh

Phòng 2: Phòng hành chính

Bộ phận 1: Ngân sách và kế toán

Bộ phận 2: Thiết bị

Bộ phận 3: Đội ngũ quân y - bệnh viện

Bộ phận 4: Những vấn đề phát sinh do chiến tranh và hậu quả chiến tranh.

V. Sở Kiểm soát

Bộ phận 1: Kiểm soát chính quyền trung ương và các đơn vị trực thuộc.

Bộ phận 2: Kiểm soát hoạt động đối ngoại và tài liệu lưu trữ

Bộ phận 3: Chỉ đạo và quản lí đội ngũ thanh tra thuộc địa

Bộ phận 4: Quyết toán những khoản chi đã thực hiện trích từ quỹ tín dụng ngân sách thuộc địa.

VI. Ban Điều hành nhân sự và kế toán

Nhân sự

Phòng 1: Phụ trách việc áp dụng quy chế chung đối với toàn bộ đội ngũ dân sự trực thuộc Bộ Thuộc địa, trợ cấp, hưu trí.

Phòng 2: Quản lí nhân sự thuộc chính quyền trung ương và nhân viên thuộc địa.

Phòng 3: Quản lí nhân viên biệt phái thuộc các cơ quan tại chính quốc.

Kế toán

Phòng 1: Phụ trách ngân sách và các công việc.

Phòng 2: Quản lí lệnh chi trả và sổ sách giấy tờ.

Phòng 3: Kế toán vật liệu.

Phòng 4: Phụ trách công tác đối nội, thiết bị, hợp đồng:

Phòng 5: Kế toán viên của Bộ.

VII. Ban Tổng Thanh tra Công chính

Ban 1: Nghiên cứu và lập chương trình công chính, kiểm soát việc thi công các công trình.

Ban 2: Phụ trách ngành đường sắt và những công trình được Nhà nước trợ cấp hoặc bảo đảm.

Ban 3: Phụ trách nhân sự và hướng dẫn làm hồ sơ ứng tuyển cho nhân viên kĩ thuật Sở Công chính.

VIII. Ban Tổng Thanh tra Y tế

Chỉ có một ban duy nhất phụ trách quản lí về mặt kĩ thuật, an toàn sức khoẻ và vệ sinh công cộng tại thuộc địa, khám bệnh cho viên chức thuộc địa.

IX. Cơ quan Thương mại Hàng hải

Có một ban duy nhất phụ trách các phương tiện vận chuyển bằng đường biển tại thuộc địa và liên thuộc địa; thông thương đường sông và đường biển; thành lập các hạm đội; đóng tàu tại thuộc địa và những vấn đề liên quan đến hoạt động thông thương trên biển.

236. Arrêté du 16 septembre 1920 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions de la Direction de l'Instruction publique en Indochine.

Nghị định ngày 16 tháng 9 năm 1920 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức và nhiệm vụ của Nha Học chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1103, JOIF 1920, tr.1745)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Nha Học chính Đông Dương gồm Ban Thư kí và 2 phòng với các nhiệm vụ như sau:

***Ban thư kí phụ trách:** kiểm báo; phân chia công việc cho các phòng ban; tập trung công việc để trình Giám đốc Nha kí; đăng kí công văn đi, đến; mật vụ; số liệu; thăng thưởng; nâng ngạch.*

Phòng 1 gồm:

Ban 1: nghiên cứu mọi vấn đề về kĩ thuật và hành chính liên quan đến giáo dục công tại Đông Dương; phụ trách đội ngũ giáo viên người Âu và người bản xứ hệ trung học, tiểu học, bổ túc (bổ nhiệm, thuyên chuyển, nghỉ phép...); tập trung tài liệu liên quan đến giáo dục công (báo cáo, thống kê, sách giáo khoa); chương trình giảng dạy, thi cử.

Ban 2: đăng kí, quản lí hồ sơ nhân sự của người Âu, người bản xứ và của học sinh bậc cao đẳng; thống kê các văn bản pháp quy liên quan đến giáo dục công và quản lí chung; phụ trách các ấn phẩm định kì và tài liệu lưu trữ.

Phòng 2

Có một ban duy nhất là Ban Quản trị và Kế toán chịu trách nhiệm quản lí các trường đại học và trường trực thuộc Nha Học chính;

thanh toán các khoản chi; phụ trách hợp đồng, giao kèo; trao đổi với các nhà cung ứng; tiền lương và sổ lương; cấp giấy đi đường, giấy thông hành; thiết bị, thống kê thiết bị và thư viện.

Thứ hạng và số lượng chức danh viên chức của Nha Học chính Đông Dương hưởng trợ cấp bằng hiện vật và tiền theo quy định tại Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1916.

237. Décret du 28 septembre 1920 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies.

Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 1104, JOIF 1920, tr.2270-2274)

Sắc lệnh gồm 2 phần, 40 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Hội đồng Tối cao thuộc địa

Hội đồng Tối cao thuộc địa được thành lập bên cạnh và dưới sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa với nhiệm vụ góp ý kiến cho các vấn đề và dự thảo liên quan đến công sản thuộc địa của Pháp do Bộ trưởng trình lên.

Hội đồng Tối cao thuộc địa gồm 3 hội đồng tư vấn:

1. *Hội đồng Cấp cao thuộc địa;*
2. *Hội đồng Kinh tế thuộc địa;*
3. *Hội đồng Pháp chế thuộc địa.*

Hội đồng Cấp cao thuộc địa được mời tham gia Hội đồng Tối cao thuộc địa để góp ý kiến cho những vấn đề về quản lí chung, tổ chức chính trị và quân sự, quy chế đối với người bản xứ và sự phát triển của toàn bộ các xứ thuộc địa và xứ bảo hộ. Hội đồng Cấp cao thuộc địa bao gồm các cựu Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và cựu Toàn quyền, đại diện cho Bộ Ngoại giao, Bộ Chiến tranh và Hải quân. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Cấp cao thuộc địa.

Hội đồng Kinh tế thuộc địa được mời tham gia Hội đồng Tối cao thuộc địa để góp ý kiến cho những vấn đề và dự án liên quan đến

hoạt động khai khẩn thuộc địa và các xứ Bảo hộ, cũng như mở rộng hoạt động thương mại, kĩ nghệ và nông nghiệp của Pháp tại các thuộc địa.

Thành phần Hội đồng Kinh tế thuộc địa gồm:

- Nghị sĩ và đại biểu các thuộc địa;

- Đại biểu của các thuộc địa được bầu vào Hội đồng Tối cao;

- Một số thành viên được chỉ định do có kinh nghiệm đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kĩ nghệ, thương nghiệp, nông nghiệp, hàng hải vì lợi ích riêng của chính quốc và thuộc địa;

- Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thuộc địa và giám đốc một số cơ quan kinh tế thuộc các chính quyền thuộc địa;

- Đại diện của các Bộ Thương nghiệp, Tài chính, Canh nông, Thương mại hàng hải, Công chính, Lao động và Học chính do Bộ trưởng chỉ định.

Hội đồng Kinh tế thuộc địa được chia làm 7 ban: Ban Thực phẩm; Ban Chất béo; Ban Dệt; Ban phụ trách các Sản phẩm mỏ và khoáng sản cháy; Ban phụ trách Lâm sản và Thực vật; Ban Vận tải đường biển; Ban Du lịch và Tuyên truyền thuộc địa.

Hội đồng Pháp chế thuộc địa được tham vấn về những vấn đề liên quan đến cải cách chế độ hành chính, tài chính và lập pháp của các nước thuộc địa và xứ bảo hộ. Thành viên Hội đồng Pháp chế thuộc địa được lựa chọn trong số nhân vật quan trọng của chính quốc và thuộc địa có kinh nghiệm và hiểu biết về lĩnh vực tư pháp, hành chính.

Các Bộ trưởng Tư pháp và Tài chính, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chánh án thứ nhất Toà Kiểm toán, mỗi thành viên được chỉ định một quan viên hành chính hoặc một viên chức tham gia các công việc của Hội đồng Pháp chế thuộc địa.

Nghị sĩ và đại biểu các thuộc địa cũng như đại biểu được bầu vào Hội đồng Tối cao thuộc địa được triệu tập họp Hội đồng Pháp chế thuộc địa để xem xét những vấn đề liên quan đến thuộc địa.

Giám đốc, Tổng Thanh tra và người đứng đầu cơ quan thuộc chính quyền trung ương được mời tham gia các cuộc thảo luận về những vấn đề thuộc thẩm quyền, theo lệnh triệu tập đặc biệt.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa có thể chỉ định một hay nhiều viên chức trình bày dự án trước các hội nghị để xem xét giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa bổ nhiệm chủ tịch, phó chủ tịch, các trưởng, phó ban của Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa bằng nghị định.

Hội đồng Cấp cao thuộc địa nhóm họp khi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa cần tham vấn ý kiến. Tuy nhiên, Hội đồng Cấp cao thuộc địa bắt buộc phải được triệu tập 2 năm một lần.

Các ban của Hội đồng Kinh tế thuộc địa có thể họp vào bất kì thời điểm nào trong năm. Tuy nhiên, Bộ trưởng buộc phải triệu tập các ban này trong khoá họp thường kì vào ngày 15 tháng 5 hàng năm.

Hội đồng Pháp chế thuộc địa họp ít nhất 3 tháng một lần.

Hàng năm, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa trình Nghị viện bản báo cáo tổng hợp về công việc của Hội đồng Tối cao.

Nội dung các cuộc thảo luận của Hội đồng Cấp cao thuộc địa, Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa được ghi vào biên bản mỗi cuộc họp được Chủ tịch và Thư kí kí xác nhận. Bộ trưởng chỉ định thư kí của Hội đồng Tối cao và của các ban.

Phần II. Đại biểu Hội đồng Tối cao thuộc địa

Mỗi nước thuộc địa hoặc xứ bảo hộ thống kê dưới đây được cử một đại diện vào Hội đồng Tối cao thuộc địa: Guinée thuộc Pháp, Côte d'Ivoire, Dahomey, Thượng Sénégal-Niger và Thượng Volta, Châu phi xích đạo thuộc Pháp, Madagascar (khu vực phía Đông), Madagascar (khu vực phía Tây), Comores, Tân Calédonie, Châu Đại Dương; Saint Pierre và Miquelon; Cao Miên; Trung Kì; Bắc Kì. Các đại biểu được bầu với nhiệm kì 4 năm.

Nhiệm kì này bắt đầu từ ngày Uỷ ban thống kê phiếu bầu công bố kết quả bỏ phiếu tại thủ phủ của thuộc địa hoặc xứ bảo hộ. Ứng cử viên trúng cử hưởng trợ cấp từ chính thuộc địa hoặc xứ bảo hộ nơi làm đại diện. Tuy nhiên, việc huỷ bỏ kết quả bầu cử về sau sẽ chấm dứt quyền lợi này nhưng không phải hoàn trả khoản tiền trợ cấp đã nhận.

Cử tri tham gia bầu đại biểu Hội đồng Tối cao thuộc địa là công dân Pháp có độ tuổi từ 21, có đầy đủ các quyền dân sự và chính trị, sống tại thuộc địa ít nhất 6 tháng. Những người đủ tư cách để được bầu là công dân Pháp có độ tuổi từ 25 trở lên và có đầy đủ quyền dân sự và chính trị 15 ngày trước ngày diễn ra cuộc bỏ phiếu, ứng cử viên phải gửi tới người đứng đầu thuộc địa đơn xin ứng cử nếu đáp ứng được các điều kiện quy định trong Sắc lệnh này để cử tri lựa chọn.

Những người không đắc cử vòng 1 là những người không tập hợp được:

1- Đa số tuyệt đối số phiếu phát ra;

2- Số phiếu bầu bằng 1/4 số cử tri đăng kí.

Trường hợp ứng cử viên không thoả mãn điều kiện trên, bỏ phiếu vòng 2 được thực hiện theo quy định. Tại vòng 2, bầu cử diễn ra theo đa số phiếu tương đối, không phụ thuộc vào số cử tri bỏ phiếu. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, người cao niên nhất sẽ đắc cử.

Mỗi xã hoặc khu vực hành chính của thuộc địa hoặc xứ bảo hộ có một danh sách bầu cử riêng và hàng năm được duyệt lại theo quy định sau:

Từ ngày 01 đến 20 tháng 01 hàng năm, tại Toà Đốc lí hoặc thủ phủ của khu hành chính, Đốc lí hoặc trưởng khu, viên chức cấp phó hoặc người được quyền phải thêm vào danh sách:

1- Tất cả những công dân Pháp cư trú hoặc sống tại thuộc địa ít nhất 6 tháng;

2- Những người có tên trong sổ thuế môn bài hoặc sổ thuế điền thổ vào thời điểm xét lại danh sách.

Khi duyệt danh sách, những công dân không thoả mãn điều kiện về tuổi tác cũng như nơi cư trú theo quy định nêu trên, nhưng đáp ứng được điều kiện này trước ngày 01 tháng 4 vẫn được đăng kí.

Tại Toà Đốc lí hoặc thủ phủ của khu hành chính, Đốc lí hoặc viên chức nêu trên có trách nhiệm loại khỏi danh sách:

1- Những người đã chết;

2- Những người bị tước quyền theo luật định;

3- Những người đăng kí bầu cử sai quy định.

Những đối tượng không có tên trong danh sách bầu cử gồm:

1- Người đứng trong lực lượng lục quân, hải quân tại ngũ tại thuộc địa;

2- Cá nhân không đủ quyền theo quy định tại điều 15 của Sắc lệnh tổ chức ngày 02 tháng 02 năm 1852 và Luật ngày 30 tháng 11 năm 1875, 24 tháng 01 năm 1889 và 10 tháng 5 năm 1898.

Vào ngày 25 tháng 1, bảng bổ sung hoặc rút bớt cử tri phải được gửi tới văn phòng Toà Đốc lí hoặc khu vực. Danh sách này được thông báo đến những người đệ đơn để tham vấn ý kiến cho đến ngày 10 tháng 2.

Tại Toà Đốc lí hoặc thủ phủ của khu hành chính, mọi công dân không có tên trong danh sách bầu cử có thể khiếu nại tại Toà Đốc lí hoặc khu vực cho đến ngày 10 tháng 02. Cũng tính đến ngày này, cử tri có tên trong danh sách bầu cử được phép yêu cầu gạch tên cá nhân bị bỏ sót ra khỏi danh sách. Tại Toà Đốc lí và mỗi văn phòng của thủ phủ khu hành chính, sẽ có một cuốn sổ đăng kí đơn thư khiếu nại theo thứ tự ngày tháng. Đốc lí hoặc trưởng khu hành chính phải đưa ra biên lai xác nhận đối với mỗi đơn khiếu nại.

Đơn thư khiếu nại do Đốc lí hoặc viên chức lập bảng bổ sung và rút bớt cử tri xử lí. Việc thông báo quyết định được thực hiện trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn thư khiếu nại, và trước ngày 15 ngày 02 tới các bên liên quan để có thể tiến hành kháng án trong vòng 5 ngày từ khi có thông báo.

Tại những địa phương có toà án hoặc thẩm phán hoà giải, đơn kháng cáo được trình lên thẩm phán, người ra phán quyết cuối cùng trong thời hạn 3 ngày mà không mất phí và không theo trình tự tố tụng, chỉ thông báo bằng báo thị đến những cá nhân có liên quan trước 3 ngày.

Tại những địa phương khác, đơn kháng cáo được trình lên Đốc lí hoặc trưởng khu vực, người đưa ra quyết định cuối cùng.

Kết quả bỏ phiếu được công bố ngay khi hoàn tất việc kiểm phiếu. Những phiếu bầu không hợp lệ sẽ được tiêu huỷ trước sự chứng kiến của cử tri. Toàn quyền, Thống đốc hoặc Thống sứ sẽ công bố kết quả

bỏ phiếu và được thông qua trước Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ, Hội đồng Tư mật hoặc Hội đồng Bảo hộ, tuỳ từng trường hợp, trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày diễn ra bầu cử.

238. Arrêté du 31 octobre 1920 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune de Da Lat la circonscription autonome du plateau de Lang-bian.

Nghị định ngày 31 tháng 10 năm 1920 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng cấp khu vực tự trị Lang-bian (cao nguyên Lâm Viên) lên thành Thành phố Đà Lạt.

(Nguồn: J 1104, JOIF 1920, tr.2026-2028)

Nghị định gồm 22 điều với các nội dung chính sau:

Khu vực tự trị Lang-bian thành lập theo Nghị định ngày 31 tháng 10 năm 1920 của Toàn quyền Đông Dương chuẩn y Đạo dụ ngày 11 tháng 10 năm 1920 của vua An-nam được nâng cấp thành Thành phố Đà Lạt.

Đứng đầu thành phố là Trưởng Nha phụ trách các dịch vụ tại khu nghỉ mát Lang-bian và Du lịch Nam Trung Kì kiêm Đốc lí.

Thành phố Đà Lạt được chia thành 2 khu vực nội và ngoại thành.

Đốc lí Đà Lạt trực tiếp quản lí, phân bổ nhân sự người Âu và người bản xứ trong khối các cơ quan trung ương và địa phương, tuỳ theo nhu cầu công việc tại thành phố.

Đốc lí trình Toàn quyền đề xuất sửa đổi ranh giới liên quan đến hai khu vực trên cũng như cơ cấu tổ chức thành phố, sau khi được Khâm sứ Trung Kì chấp thuận.

Những khoản thu trong ngân sách thường xuyên gồm:

- Lợi tức từ tài sản;

- Khoản thu từ thuế thân;

- Khoản thu từ phần trăm thuế điền thổ, thuế thân, thuế môn bài;

- Khoản thu từ phí lưu thông xe cộ;

- Khoản thu từ việc bán chỗ trong các hội chợ, chợ, lò mổ theo biểu bảng thuế suất.

- Khoản thu từ việc gửi văn bản hành chính;

- Phần trăm từ tiền phạt theo phán quyết của toà tiểu hình và toà vi cảnh;

- Khoản thu từ các cuộc chuyển nhượng của nông trại Đăng Kia;

- Khoản thu từ lâm nghiệp;

- Khoản thu từ các cuộc chuyển nhượng hợp pháp, lĩnh canh và tô thuế;

- Khoản thu từ các loại thuế được phép thu theo quy định.

Những khoản thu trong ngân sách bất thường gồm:

- Thuế bất thường được phép thu;

- Phí thu từ tài sản chuyển nhượng;

- Tài sản hiến tặng và di tặng;

- Bồi hoàn vốn có thể đòi và chuộc tô tức;

- Khoản thu từ các nguồn thu phụ khác;

- Trợ cấp cho thành phố trích từ ngân sách địa phương hoặc ngân sách chung Đông Dương. Nói chung, đó là khoản thu đến từ các thuộc địa, tỉnh thành và cá nhân, trừ những khoản chi cho thành phố hoặc do thành phố chi trả.

Những khoản chi bắt buộc của thành phố gồm có:

- Lương và phí giao tế của Đốc lí;

- Lương, phí giao tế và phụ cấp của nhân viên dưới quyền của Đốc lí và viên chức thành phố;

- Phí văn phòng và in ấn phục vụ công việc của thành phố, phí đặt mua các ấn phẩm...;

- Phí in ấn và đóng dấu sổ đăng kí hộ tịch, phí thống kê;

- Phụ cấp cho nhân viên thu thuế thành phố, phí thu thuế, chi phí cho hoạt động của bộ phận thu thuế trực thu tại thành phố Đà Lạt;

- Đại tu và bảo dưỡng công trình công cộng;

- Làm hàng rào và bảo trì nghĩa trang thành phố;

- Chi phí xây dựng, bảo quản và giữ gìn thường xuyên sơ đồ mặt bằng tuyến và đo thuỷ chuẩn;

- Thanh toán các khoản nợ có thể đòi được;

- Chi phí cho giáo dục công;

- Chi phí cho hoạt động của các công sở trong thành phố và khu vực ngoại thành;

- Bảo trì đường sá, cầu cống trừ các tuyến đường thuộc địa;

- Chi phí cho hoạt động cứu trợ, vệ sinh công cộng v.v...

Mọi chi phí khác ngoài chi phí trên đều không mang tính bắt buộc.

Ngân sách bổ sung hình thành từ phần dư của tài khoá năm trước bao gồm:

- Tiền dư từ tài khoá trước;

- Thặng dư từ các khoản thu liên quan đến dự toán ngân sách của tài khoá đã kết thúc;

- Nguồn thu từ tài khoá đóng.

Đốc lí là người duy nhất phát lệnh thanh toán các khoản chi trong ngân sách thành phố. Nếu Đốc lí từ chối kí lệnh chi trả một khoản chi được phép và phải thanh toán, Khâm sứ sẽ quyết định bằng nghị định thay cho ngân phiếu.

Các khoản thu, chi của thành phố do một kế toán viên của thành phố chịu trách nhiệm. Kế toán viên theo dõi các khoản thu chuyển về cho thành phố và khoản tiền phải trả cũng như thanh toán những chi phí do Đốc lí phát lệnh cho đến khi kinh phí chính thức được cấp. Tất cả sổ thuế, phân bổ và trợ cấp địa phương phải nộp về cho kế toán.

Điều 17, 18, 19 và 20 quy định về hoạt động kế toán cũng như công việc của kế toán viên.

Những quy định nêu trong Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912 về chế độ tài chính của các thuộc địa có thể áp dụng tại thành phố Đà Lạt.

239. Arrêté du 20 novembre 1920 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 16 septembre 1920 fixant les attributions de la Direction de l'Instruction publique en Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 11 năm 1920 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 16 tháng 9 năm 1920 quy định quyền hạn của Nha Học chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1104, JOIF 1920, tr.2200-2201)

Theo Nghị định này, điều 2 của Nghị định ngày 16 tháng 9 năm 1920 được sửa đổi như sau:

"Các chức danh được hưởng trợ cấp bằng tiền hoặc hiện vật theo các Nghị định ngày 13 tháng 9 năm 1920 gồm: 1 Trưởng phòng Thư kí và Văn phòng, 1 Trưởng phòng 1, 2 trưởng bộ phận phòng 1 và 1 Trưởng phòng 2".

240. Arrêté du 25 mai 1921 du Gouverneur général de l'Indochine supprimant le Service général du Ravitaillement et Transports maritimes.

Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương bãi bỏ Nha Tiếp tế và Vận tải biển.

(Nguồn: J 1105, JOIF 1921, tr.995)

Theo Nghị định, Nha Tiếp tế và Vận tải biển bị xoá bỏ. Bộ phận Vận tải biển được sáp nhập vào Hạm đội Đông Dương.

241. Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les règles communes applicables aux fonctionnaires des Services locaux de l'Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương về các quy định chung áp dụng đối với viên chức các Sở địa phương của Đông Dương.

(Nguồn: J 1106, JOIF 1921, tr. 1203-1206)

Nghị định gồm 5 chương, 42 điều với các nội dung chính sau:

Chương I. Các quy định chung

Chính quyền Pháp tại Đông Dương gồm các cơ quan được thành lập và tổ chức theo các sắc lệnh của Tổng thống Cộng hoà Pháp hoặc theo

các nghị định của Toàn quyền. Nhân sự người Pháp làm việc trong các sở gồm có viên chức thuộc địa và viên chức thuộc các sở địa phương.

Viên chức các sở địa phương Đông Dương là những người làm việc thường xuyên tại các công sở do Toàn quyền quyết định thành lập.

Viên chức các sở địa phương được phân chia theo các giới chức như sau:

- *Nông nghiệp;*
- *Lưu trữ và Thư viện;*
- *Y tế;*
- *Địa chính;*
- *Kĩ sư hoá học;*
- *Thương nghiệp;*
- *Tham tá - lục sự*
- *Kiểm tra tài chính;*
- *Thuế quan và Độc quyền;*
- *Trước bạ, Tài sản và Tem*
- *Lâm nghiệp;*
- *Lính khố xanh;*
- *Di trú;*
- *Học chính;*
- *Thông ngôn Sở Tư pháp;*
- *Hàng hải: Hạm đội và Đăng kiểm hàng hải;*
- *Hầm mỏ - Địa chất;*
- *Đài thiên văn;*
- *Cảnh sát đô thị;*
- *Cảnh sát An ninh - Căn cước;*
- *Bưu điện và Điện tín;*
- *Điện báo vô tuyến;*
- *Thư kí của Viện Công tố;*
- *Các nhà tù;*
- *Công chính: cầu đường, xây dựng dân sự; hàng hải; đường sắt;*
- *Bác sĩ thú y.*

Viên chức biệt phái ngạch chính quốc, thuộc địa và sĩ quan ngoại ngạch công chức có thể được trưng dụng trong trường hợp cần thiết. Lương và hạng ngạch của các viên chức này do các sở địa phương quy định.

Nhân viên chính quốc biệt phái được xếp hạng chính thức vào khung công chức địa phương nếu đáp ứng những quy định cần thiết để hưởng lương hưu theo thâm niên.

Hạng, ngạch, lương, trợ cấp đi đường và lưu trú, du lịch ở nước ngoài, điều trị trong các bệnh viện của viên chức người Pháp được quy định tại các nghị định đặc biệt.

Khung viên chức cũng như việc phân bổ về các xứ, các sở trong Liên bang sẽ do Toàn quyền quy định bằng nghị định.

Toàn quyền quyết định việc bổ dụng và nâng bậc đối với tất cả viên chức của các sở địa phương.

Lương hưu của viên chức các sở địa phương Đông Dương được quy định tại Sắc lệnh ngày 5 tháng 5 năm 1898 về thành lập Quỹ hưu trí địa phương ở Đông Dương, sửa đổi bằng các Sắc lệnh ngày 6 tháng 12 năm 1905, 24 tháng 8 năm 1908, 19 tháng 6 năm 1913, trừ điều khoản tại Sắc lệnh ngày 7 tháng 2 năm 1917 quy định chế độ hưu trí đối với các nhân viên cảnh sát thành phố của Đông Dương. Điều khoản này không áp dụng đối với các viên chức làm việc áp dụng theo chế độ hưu trí chính quốc.

Trường hợp một chức danh bị xoá bỏ, việc sa thải nhân viên được thực hiện bắt đầu từ những nhân viên có thâm niên cao nhất đủ điều kiện hưởng lương hưu, tiếp đến là nhân viên có thời gian làm việc ít nhất. Nếu có nguyện vọng và đáp ứng yêu cầu công việc, những nhân viên này có thể được bố trí vào công việc khác có mức lương tương đương hoặc tạm thời được xếp vào diện tạm nghỉ việc không hưởng lương theo quy định và được bổ dụng khi có vị trí trống. Trong trường hợp này, nhân viên bị sa thải có thể được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định về lương.

Toàn quyền quyết định việc phong các chức danh dự trong từng ngạch bậc cho những viên chức Đông Dương đã nghỉ hưu, từ chức hoặc bị sa thải vì lí do sức khoẻ. Tên của các viên chức danh dự được ghi trong niên giám.

Chương II. Tuyển dụng

Viên chức các sở địa phương phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Là người Pháp, từ 20 tuổi trở lên;

- Đáp ứng các quy định của Luật Tuyển quân đối với nhân sự nam giới;

- Nếu trên 30 tuổi, có thâm niên làm việc ở chính quốc hoặc thuộc địa đủ điều kiện hưởng lương theo thâm niên từ Quỹ hưu trí địa phương khi 55 tuổi;

- Có lối sống lành mạnh và lí lịch tư pháp trong sạch;

- Đủ năng lực thể chất đáp ứng công việc được bổ dụng;

- Thi đỗ kì thi tuyển, kì sát hạch hoặc có văn bằng theo quy định đặc biệt của từng khung công chức.

Việc chuyển đổi giữa khung công chức chính quốc và thuộc địa có thể được thực hiện theo các quy định đặc biệt. Để được chuyển đổi vào khung giới chức địa phương Đông Dương, các viên chức chính quốc và thuộc địa phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đủ điều kiện hưởng lương hưu theo thâm niên từ Quỹ hưu trí địa phương khi 55 tuổi;

- Đủ sức khỏe theo yêu cầu của vị trí công việc của từng sở;

- Mức lương chênh lệnh không vượt quá 2.000 phơ-răng.

Các kì thi tuyển và sát hạch viên chức vào các giới chức diễn ra cùng ngày tại các trung tâm của thuộc địa cũng như ở chính quốc.

Chương III. Tập sự

Viên chức phải tập sự và thi đỗ kì sát hạch thực tập theo quy định đặc biệt của sở trước khi trở thành viên chức chính thức.

Ngoài một số quy định cụ thể cho từng sở, ứng cử viên từng là viên chức của một sở ở thuộc địa, đã qua tập sự tại sở này được tham dự kì sát hạch không qua thời gian tập sự. Thời gian làm việc thực tế theo hợp đồng trước khi được tuyển dụng vào khung công chức có thể được tính để trừ vào thời gian tập sự theo quy định.

Các ứng cử viên trúng tuyển được bổ dụng ở ngạch nhân viên tập sự. Lương của nhân viên tập sự không vượt quá phần khấu trừ dành cho lương hưu. Sau khi được nhận vào làm việc chính thức, viên chức

phải nộp khoản tiền tương đương với khoản khấu trừ dành cho lương hưu trong thời gian tập sự.

Các ứng cử viên có văn bằng cao hơn so với yêu cầu của vị trí tuyển dụng có thể được miễn tập sự và bổ dụng vào một vị trí khác với vị trí công việc ban đầu theo quy định đặc biệt của từng sở.

Thời gian tập sự kéo dài từ 1- 2 năm. Việc bổ dụng chính thức nhân viên tập sự chỉ được quyết định theo đề nghị của giám đốc các sở hữu quan. Nhân viên tập sự có thể bị sa thải trong thời gian tập sự. Ba tháng trước khi kết thúc năm tập sự thứ 2, nhân viên tập sự có thể được bổ dụng chính thức hoặc bị sa thải. Thời gian tập sự của viên chức ngành giáo dục đệ nhất cấp có thể kéo dài 3 năm. Nhân viên tập sự chưa kết thúc nghĩa vụ quân dịch theo Luật Quân sự chỉ được bổ dụng chính thức sau 1 năm giải ngũ.

Trong hai năm đầu, những viên chức mới được bổ dụng như quy định tại điều 18 nếu không đủ năng lực làm việc có thể bị sa thải. Nhân viên tập sự và viên chức bị sa thải có quyền hưởng trợ cấp sa thải theo các quy định về lương và phụ cấp.

Chương IV. Nâng bậc

Viên chức chỉ được nâng ngạch bậc theo thâm niên, theo kết quả kì thi tuyển, có tên trong danh sách nâng bậc hoặc theo quyết định đặc biệt nêu rõ lí do của Toàn quyền công bố trên Công báo thuộc địa. Viên chức được thăng bổ lên hạng cao hơn cùng ngạch hoặc lên hạng thấp nhất của ngạch cao hơn.

Thời gian làm việc tối thiểu trong một hạng để được nâng bậc là 2 năm, trong đó có 1 năm làm việc thực tế ở thuộc địa hoặc ở Viễn Đông, trừ các trường hợp đặc biệt.

Thời gian làm việc thực tế ở những vị trí công việc độc hại, nguy hiểm theo quy định tại nghị định của Toàn quyền được tính thêm một nửa khi xét nâng bậc. Thời gian này được cộng thêm vào thời gian làm việc thực tế của viên chức và quyết định đến thứ hạng trong danh sách thâm niên.

Việc nâng bậc, hạng của viên chức các sở địa phương được tiến hành theo đề nghị của cấp phụ trách trực tiếp, theo thâm niên hoặc theo

kết quả của kì thi tuyển. Toàn quyền ban hành nghị định quyết định việc nâng bậc.

Để được nâng bậc, hạng, ngoài các quy định của từng sở, viên chức các sở địa phương phải có tên trong danh sách nâng bậc do một ủy ban lập vào cuối mỗi năm. Thành phần của uỷ ban được quy định như sau:

- Toàn quyền hoặc người được uỷ quyền;

- Giám đốc sở có liên quan hoặc người được uỷ quyền đối với các Sở trung ương (Services généraux); một quan cai trị đối với các sở trực thuộc các chính quyền các kì;

- Đại diện viên chức ở ngạch, hạng cao nhất có liên quan.

Toàn quyền hoặc Phó Toàn quyền giữ chức chủ tịch uỷ ban. Trường hợp vắng mặt, Toàn quyền chỉ định người thay thế.

Danh sách nâng bậc chỉ có giá trị đối với năm được lập. Các ứng cử viên được ghi danh trong danh sách theo thứ tự ưu tiên...

Uỷ ban xếp hạng nâng bậc có thể nhóm họp trong năm theo quyết định của Toàn quyền để lập bảng nâng bậc bổ sung.

Theo các nghị định về tổ chức, việc nâng bậc chỉ được quyết định dựa trên kết quả kì thi, viên chức thi đỗ kì thi tuyển không có tên trong bảng nâng bậc được thăng bổ theo thứ tự kết quả thi đỗ.

Để được nhận dự kì sát hạch chuyên môn hoặc các kì thi tuyển, ứng cử viên phải được sự cho phép của Toàn quyền.

Việc nâng bậc theo đề nghị của cấp quản lí trực tiếp đối với những viên chức không có tên trong bảng nâng bậc làm việc tại các sở có ít nhất 10 đơn vị (unités) phải được Toàn quyền cho phép, theo đề nghị của Giám đốc Sở.

Chương V. Hình thức kỉ luật

Các viên chức phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Trường hợp mắc sai phạm, viên chức phải chịu các hình thức kỉ luật sau:

- Khiển trách ghi vào hồ sơ nhân sự;

- Kỉ luật thuyên chuyển;

- Hoãn nâng bậc có thời hạn hoặc bị gạch tên khỏi bảng nâng bậc;

- Giáng xuống 1 hoặc 2 hạng hoặc giáng ngạch;

- Cách chức.

Hai hình thức kỉ luật đầu tiên do giám đốc sở có thẩm quyền hoặc Toàn quyền quyết định. Hình thức hoãn nâng bậc có thời hạn, gạch tên khỏi bảng nâng bậc, giáng hạng, bậc, cách chức do Toàn quyền quyết định, theo báo cáo của giám đốc sở liên quan và đề nghị của hội đồng kỉ luật với thành phần gồm 3 viên chức. Chủ tịch hội đồng kỉ luật do Toàn quyền chỉ định. Viên chức đảm nhiệm việc viết báo cáo sẽ do giám đốc sở liên quan hoặc người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ định. Viên chức đại diện cho người bị kỉ luật phải có hạng ngạch, bằng cấp hoặc thâm niên cao hơn người bị kỉ luật. Toàn quyền ban hành nghị định bổ nhiệm các thành viên hội đồng kỉ luật.

Chính quyền không được đề nghị tăng mức kỉ luật do hội đồng kỉ luật đưa ra.

Viên chức liên đới với người bị kỉ luật không được phép tham gia hội đồng kỉ luật.

Toàn quyền ban hành chỉ thị hướng dẫn việc xử lí kỉ luật tại các hội đồng kỉ luật. Hồ sơ kỉ luật phải được thông báo và giải trình với viên chức có liên quan theo quy định tại điều 65 của Đạo luật 22 tháng 4 năm 1905 trước khi hội đồng kỉ luật họp. Trường hợp không tổ chức được hội đồng kỉ luật theo dự kiến, Toàn quyền sẽ quyết định thành viên hội đồng.

Bộ trưởng Thuộc địa ấn định địa điểm cuộc họp của hội đồng kỉ luật cũng như thành phần hội đồng trong trường hợp việc xét kỉ luật không diễn ra tại Đông Dương,

Viên chức bị giáng chức được xếp vào hạng mới kể từ ngày có quyết định kỉ luật và xét nâng bậc sau khi đáp ứng những yêu cầu nâng bậc của hạng mới, thời gian làm việc ở hạng cũ trước đó không được tính xét nâng bậc.

Trường hợp nghiêm trọng, khẩn cấp và vì lợi ích công việc, Toàn quyền, giám đốc sở hoặc nhân viên điều hành giám sát được uỷ quyền có thể quyết định treo chức đối với viên chức cho đến khi có quyết định của hội đồng kỉ luật và được hưởng nguyên lương. Hội đồng kỉ luật tiến hành họp chậm nhất trong thời hạn 1 tháng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc viên chức liên đới đến một vụ thẩm tra tư pháp.

242. Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des Services agricoles en Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các Sở Nông nghiệp ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1106, JOIF 1921, tr. 1207-1208)

Nghị định gồm 4 chương, 15 điều với các nội dung chính sau:

Nhân sự người Âu của các Sở Nông nghiệp ở Đông Dương gồm Chánh thanh tra, thanh tra, phó thanh tra và nhân viên chính.

Đứng đầu Sở Nông nghiệp các xứ là một thanh tra - Chánh Sở chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thanh tra về nông nghiệp và nuôi tằm;

- Quản lí các trạm thực nghiệm, vườn thí nghiệm, vườn ươm, ruộng thí nghiệm...;

- Quản lí các trại tằm mẫu và xưởng sản xuất kén tằm, xưởng dệt lụa;

- Quản lí các trường thực hành nông nghiệp và trường giảng dạy về nông nghiệp;

- Tổ chức các hội khuyến nông, cung cấp thông tin nông nghiệp;

- Thực hiện các công trình nghiên cứu và các nhiệm vụ về kĩ thuật.

Nhân sự người Pháp của các sở nông nghiệp được quy định như sau:

Ngạch	*Lương (phơ-răng)*	*Số lượng*
Chánh Thanh tra hạng 1	*18.000*	*2*
Chánh Thanh tra hạng 2	*17.000*	*2*
Thanh tra hạng 1	*15.000*	*2*
Thanh tra hạng 2	*14.000*	*12*
Thanh tra hạng 3	*13.000*	*12*

Ngạch	*Lương (phơ-răng)*	*Số lượng*
Thanh tra hạng 4	*12.000*	*12*
Phó thanh tra hạng 1	*10.000*	*18*
Phó thanh tra hạng 2	*9.000*	*18*
Phó thanh tra hạng 3	*8.000*	*18*
Phó thanh tra tập sự	*7.000*	*18*
Nhân viên chính	*7.000*	*6*
Nhân viên tập sự	*6.000*	*6*

Điều 5 đến điều 8 quy định về việc tuyển dụng và thăng bổ đối với công chức từng hạng ngạch của các sở nông nghiệp địa phương.

Nhân viên chính và nhân viên thuộc ngạch nhân viên canh tác cũ được xếp vào ngạch nhân sự đặc biệt. Ngạch nhân sự này sẽ dần bị xoá bỏ.

243. Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des Services des Archives et Bibliothèques de l' Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các cơ quan lưu trữ và thư viện ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1106, JOIF 1921, tr. 1209)

Nghị định gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Nhận sự của các cơ quan lưu trữ và thư viện ở Đông Dương gồm các viên chức tuyển dụng trực tiếp và các viên chức biệt phái từ các sở khác của Đông Dương. Lương và hạng ngạch công chức được quy định như sau:

Hạng, ngạch công chức	*Lương (phơ-răng)*	*Số lượng*
Quản thủ ngoại hạng	*16.000*	*3*
Quản thủ viên hạng 1	*14.000*	*3*
Quản thủ viên hạng 2	*12.000*	*3*
Quản thủ viên hạng 3	*11.000*	*3*
Lưu trữ viên - thủ thư hạng 1	*10.000*	*6*
Lưu trữ viên - thủ thư hạng 2	*9.000*	*6*
Lưu trữ viên - thủ thư hạng 3	*8.000*	*6*
Lưu trữ viên - thủ thư tập sự	*7.000*	*6*

Lưu trữ viên - thư viện tập sự được tuyển chọn trong số các ứng cử viên là cựu sinh viên của Trường Cổ tự Pháp có bằng lưu trữ cổ tự học hoặc trong số các cử nhân văn chương hoặc tiến sĩ ngành luật.

Ứng cử viên có bằng lưu trữ cổ tự học có thể được bổ dụng trực tiếp vào ngạch lưu trữ viên - thủ thư hạng 2.

244. Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des Services de l'Assistance médicale de l' Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các cơ quan y tế ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1106, JOIF 1921, tr. 1210)

Nghị định gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Nhân sự của các cơ quan y tế ở Đông Dương gồm bác sĩ dân sự thuộc nhân sự của Nha Y tế Đông Dương, tiến sĩ y khoa, bác sĩ dân sự không phải là công chức. Lương và thứ hạng công chức của các sở y tế được quy định như sau:

Hạng, ngạch công chức	*Lương (phơ-răng)*	*Số lượng*
Bác sĩ chính	*18.000*	*5*
Bác sĩ hạng 1	*16.000*	*26*
Bác sĩ hạng 2	*14.000*	*26*
Bác sĩ hạng 3	*12.000*	*44*
Bác sĩ hạng 4	*11.000*	*44*
Bác sĩ hạng 5	*10.000*	*44*
Bác sĩ tập sự	*9.000*	*44*

245. Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps du Service du Cadastre et de la Topographie de l' Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương.

(Nguồn: J 1106, JOIF 1921, tr. 1211)

Nghị định gồm 2 phần, 23 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Tổ chức Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương

Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương chịu trách nhiệm về thực hiện các nhiệm vụ về đo vẽ địa hình ở thuộc địa, lập, bảo quản các bản đồ địa chính bao gồm cả các bản đồ địa chính các đô thị.

Nhân sự người Pháp của Nha Địa chính và Đạc đồ được quy định tại Nghị định này. Nhân sự người bản xứ của Sở được quy định tại các nghị định đặc biệt khác.

Quyền hạn và hoạt động của các sở địa chính và đạc đồ địa phương do người đứng đầu chính quyền địa phương quy định và phải thông qua Toàn quyền Đông Dương.

Việc bổ dụng và thuyên chuyển nhân sự giữa các sở địa phương do Toàn quyền quyết định theo đề nghị của người đứng đầu chính quyền địa phương. Người đứng đầu chính quyền địa phương có quyền phân bổ nhân sự theo yêu cầu công việc.

Nhân viên đo vẽ địa hình chính và kiểm tra viên phải chịu trách nhiệm trước cơ quan về tính chính xác của các bản đồ.

Phần II. Tổ chức nhân sự của Sở

Nhân sự của Sở bao gồm các chức danh: kiểm tra viên trưởng, kiểm tra viên, nhân viên đo vẽ địa hình chính. Lương và thứ hạng công chức của Sở được quy định như sau:

Hạng, ngạch công chức	*Lương (phơ-răng)*	*Số lượng*
Thẩm tra viên trưởng (làm việc trên 3 năm)	*17.000*	*4*
Thẩm tra viên trưởng (làm việc dưới 3 năm)	*15.0000*	*4*
Thẩm tra viên hạng 1	*13.000*	*9*
Thẩm tra viên hạng 2	*12.000*	*9*
Nhân viên đo vẽ chính hạng 1 (làm việc trên 3 năm)	*12.000*	*24*
Nhân viên đo vẽ chính hạng (làm việc dưới 3 năm)	*11.000*	*24*
Nhân viên đo vẽ chính hạng 2	*10.000*	*24*
Nhân viên đo vẽ chính hạng 3	*9.000*	*38*
Nhân viên đo vẽ chính hạng 4	*8.000*	*38*
Nhân viên đo vẽ chính tập sự	*7.000*	*38*

Khung công chức văn phòng gồm các chức danh tham tá chính ngoại hạng, hạng 1 và 2, tham tá hạng 1, 2 và 3 dần bị xoá bỏ. Các tham tá được xếp vào khung nhân viên đo vẽ chính.

Sở Địa chính của mỗi xứ thuộc Liên bang Đông Dương do một thẩm tra viên trưởng hoặc thẩm tra viên làm Chánh sở. Chánh sở được hưởng lương theo ngạch bậc và phụ cấp chức vụ theo quy định.

Điều 10 đến điều 14 quy định về tiêu chuẩn và cách thức tuyển dụng và thăng bổ đối với nhân sự của sở.

246. Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des Services commerciaux en Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các cơ quan thương mại ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1106, JOIF 1921, tr. 1215)

Nghị định gồm 5 chương, 16 điều với các nội dung chính sau:

Nhân sự người Âu của các cơ quan thương mại ở Đông Dương gồm các chức danh chánh thanh tra, thanh tra, phó thanh tra và nhân viên chính. Lương và hạng ngạch công chức được quy định như sau:

Hạng, ngạch công chức	*Lương (phơ-răng)*	*Số lượng*
Chánh thanh tra hạng 1	*18.000*	*1*
Chánh thanh tra hạng 2	*17.000*	*1*
Thanh tra hạng 1	*15.000*	*6*
Thanh tra hạng 2	*14.000*	*6*
Thanh tra hạng 3	*13.000*	*6*
Thanh tra hạng 4	*12.000*	*6*
Phó thanh tra hạng 1	*10.000*	*9*
Phó thanh tra hạng 2	*9.000*	*9*
Phó thanh tra hạng 3	*8.000*	*9*
Phó thanh tra tập sự	*7.000*	*9*
Nhân viên thương mại	*7.000*	*9*
Nhân viên thương mại tập sự	*6.000*	*9*

Nhân viên chính từ khung nhân viên nông nghiệp và thương mại cũ dần bị xoá bỏ.

247. Arrêté du 4 juillet 1921 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une Direction des Services économiques de l'Indochine.

Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1105, JOIF 1921, tr.1360-1361)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương được thành lập, đứng đầu là một giám đốc thuộc quyền quản lí trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương.

Cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương do Toàn quyền Đông Dương quy định.

Giám đốc điều hành và quản lí các công việc chung của Ban đồng thời kiểm soát về kĩ thuật và phối hợp với các sở thuộc quyền quản lí của người đứng đầu chính quyền các kì.

Giám đốc được miễn trừ phí bưu điện và điện báo trao đổi với Toàn quyền Đông Dương, Phó Toàn quyền Đông Dương, người đứng đầu chính quyền các kì, Giám đốc hoặc Chánh các sở thuộc quyền quản lí của Toàn quyền, các chủ tỉnh hoặc người đại diện, các tư lệnh đạo quan binh hoặc người đại diện, các Phòng Thương mại và Canh nông, các cơ sở Canh nông, Mỏ, Kĩ nghệ, Thương mại, Tài chính.

248. Arrêté du 4 juillet 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions de la Direction des Services économiques de l'Indochine.

Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1105, JOIF 1921, tr.1361)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương gồm các phòng ban phụ trách về nông nghiệp; lâm nghiệp; thương mại, công nghiệp, tiếp tế; đo lường; thương mại hàng hải, đăng kiểm hàng hải, hạm đội; đánh bắt, vận tải biển, kiểm tra lao động và di dân; thống kê; tuyên truyền và du lịch; phụ trách Nha Địa chính và Đạc đồ Đông

Dương; Tổng Thanh tra Thú y và Dịch động vật Đông Dương; Đài thiên văn; Cục Hàng không dân sự và chụp ảnh trên không.

Các phòng Mỏ, Địa chất và Thí nghiệm phân tích khoáng sản thuộc Sở Mỏ và Hạm đội Đông Dương được sáp nhập vào Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương.

249. Décret du 6 septembre 1921 du Président de la République française portant réorganisation des Conseils du Contentieux administratif de l'Indochine (promulgué le 7 février 1922).

Sắc lệnh ngày 06 tháng 9 năm 1921 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại các Hội đồng Tài phán hành chính Đông Dương (ban hành ngày 07 tháng 02 năm 1922).

(Nguồn: J 1109, JOIF 1922, tr.254-255)

Sắc lệnh gồm 12 điều với các nội dung chính sau:

Toàn Đông Dương có hai Hội đồng Tài phán được đặt tại Hà Nội và Sài Gòn. Phạm vi xét xử của Hội đồng Tài phán tại Hà Nội bao gồm: Bắc Kì, Trung Kì và lãnh địa Quảng Châu Loan. Phạm vi của Hội đồng Tài phán Sài Gòn gồm: Nam Kì, Cao Miên và Lào.

Việc giải quyết tranh chấp hành chính của Nhà nước và của Phủ Toàn quyền được giao cho Hội đồng Tài phán Sài Gòn hoặc Hà Nội tuỳ theo việc tranh chấp quyền lợi thuộc phạm vi Hội đồng nào.

Thành viên Hội đồng Tài phán được Toàn quyền bổ nhiệm theo nhiệm kì 3 năm, sau khi tham khảo ý kiến của người đứng đầu chính quyền địa phương có liên quan và Giám đốc Tư pháp.

Thành phần của mỗi Hội đồng gồm có: 1 thẩm phán xét xử của Toà Thượng thẩm giữ chức Chủ tịch; 2 quan cai trị ngạch dân sự, cử nhân luật - cố vấn; 1 quan cai trị ngạch dân sự, uỷ viên Chính phủ - cố vấn; 1 viên chức ngạch dân sự, cử nhân luật - thư kí Hội đồng.

Trong thời gian bổ dụng, những viên chức ngạch dân sự trên làm việc tại Hội đồng Tài phán được đặt ngoài ngạch công chức.

Toàn quyền có thể bổ nhiệm một nhân viên bản xứ tốt nghiệp Đại học Hà Nội làm lục sự tại Hội đồng và được chuẩn y trước Hội đồng Chính phủ hoặc Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ.

Mỗi Hội đồng còn có các thành viên dự khuyết được dùng để thay thành viên thực thụ trong trường hợp không tham gia Hội đồng vì lí do đột xuất hoặc vắng mặt trong thời gian ngắn: 1 thẩm phán xét xử của Toà Thượng thẩm được chỉ định thay thế chủ tịch; 2 quan cai trị dự họp theo thứ tự trong bảng thay thế các cố vấn thực thụ; 1 quan cai trị thay uỷ viên Chính phủ, cử nhân luật; 1 viên chức ngạch dân sự, cử nhân luật thay thư kí.

Những viên chức ngạch dân sự được bổ nhiệm làm thành viên dự khuyết có thể tham gia các hoạt động của Hội đồng đồng thời đảm bảo được công việc chung được giao.

Trường hợp thành viên thực thụ nghỉ phép hoặc vắng mặt trong thời gian dài, uỷ viên dự khuyết sẽ giữ chức tạm quyền. Những viên chức ngạch dân sự dự khuyết được thay thành viên thực thụ và được đặt ngoài ngạch công chức tính từ ngày thay thế.

Trường hợp nhiều người vắng mặt cùng một lúc trong thời gian dài, căn cứ báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Tài phán và ý kiến của Giám đốc Tư pháp, Toàn quyền có thể tạm thời bổ nhiệm những vị trí cần thiết để đảm bảo công việc của cơ quan xét xử hành chính.

250. Arrêté du 17 octobre 1921 du Gouverneur général de l'Indochine portant rétablissement de la province Phu Yen (Annam).

Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương về việc tái lập tỉnh Phú Yên (Trung Kì).

(Nguồn: J 1107, JOIF 1921, tr.1945)

Theo Nghị định, điều 1 trong Nghị định ngày 09 tháng 02 năm 1913 đặt tỉnh Phú Yên dưới quyền Công sứ tỉnh Bình Định bị bãi bỏ.

Tỉnh Phú Yên được đặt dưới quyền Công sứ Pháp tại Sông Cầu. Việc cai trị và hoạt động tư pháp bản xứ vẫn không thay đổi.

251. Arrêté du 10 février 1922 du Gouverneur général de l'Indochine portant création au Gouvernement général d'une Direction des Affaires politiques et de la Sûreté générale.

Nghị định ngày 10 tháng 02 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh tại Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1109, JOIF 1922, tr.277)

Theo Nghị định, Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh được thành lập tại Phủ Toàn quyền. Đứng đầu Ban là viên giám đốc do Toàn quyền bổ nhiệm bằng nghị định. Dưới quyền quản lí của Giám đốc, Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh trung ương có 3 phòng.

252. Arrêté du 16 février 1922 du Gouverneur général de l'Indochine rattachant le Service des Archives et des Bibliothèques à l'Instruction publique.

Nghị định ngày 16 tháng 02 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập cơ quan Lưu trữ và Thư viện vào Nha Học chính.

(Nguồn: J 1109, JOIF 1922, tr.320)

Theo Nghị định:

Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương được sáp nhập vào Nha Học chính Đông Dương. Giám đốc Lưu trữ và Thư viện Đông Dương thuộc quyền quản lí trực tiếp của Giám đốc Học chính. Viên chức Nha Lưu trữ và Thư viện phải tuân thủ quy chế chung của các cơ quan địa phương và quy chế riêng của Nha Lưu trữ và Thư viện ngày 20 tháng 6 năm 1921.

253. Arrêté du 16 février 1922 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du centre administratif de Nho Quan (Tonkin).

Nghị định ngày 16 tháng 02 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ trung tâm hành chính Nho Quan (Bắc Kì).

(Nguồn: J 1109, JOIF 1922, tr.320)

254. Décret du 9 juin 1922 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil colonial de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.1672-1677)

Sắc lệnh gồm 8 phần, 47 điều với các nội dung chính sau:

Phần I: Thành phần

Thành phần của Hội đồng Thuộc địa Nam Kì bao gồm: 10 uỷ viên do đoàn cử tri Pháp bầu; 2 thành viên người Pháp đại diện cho Phòng Thương mại Sài Gòn; 2 thành viên người Pháp đại diện cho Phòng Canh nông Nam Kì; 10 uỷ viên do đoàn cử tri bản xứ bầu. Nhiệm kì của uỷ viên do cử tri Pháp và bản xứ bầu và người đại diện các Phòng Thương mại và Canh nông được quy định là 4 năm và có thể được bầu lại.

2 thành viên Phòng Thương mại và 2 thành viên Phòng Canh nông lần lượt do các phòng này bầu chọn trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, sẽ thay thế thành viên thực thụ trong trường hợp vắng mặt hoặc vì lí do nào đó không thể tham gia.

Trường hợp có hơn 2 uỷ viên người Pháp được bầu không thể tham gia các cuộc họp tại khoá họp thường kì hay bất thường của Hội đồng Thuộc địa, hoặc vắng mặt tại thuộc địa, Toàn quyền có thể bổ nhiệm uỷ viên dự khuyết chỉ trong thời gian diễn ra khoá họp theo đề nghị của Thống đốc Nam Kì.

Các uỷ viên thuộc địa không tham gia các cuộc họp tại hai khoá họp thường kì của Hội đồng, hoặc vắng mặt tại thuộc địa trong thời gian từ 1 năm trở lên, nếu không có lí do chính đáng được Hội đồng chấp nhận, sẽ bị tuyên từ chức theo nghị định của Thống đốc.

Trong nhiệm kì, các uỷ viên thuộc địa không hưởng lương nhưng được trợ cấp đi lại. Tổng số tiền trợ cấp được quy định theo nghị định của Toàn quyền. Hội đồng Thuộc địa có thể bị đình chỉ hoạt động, giải tán hoặc gia hạn theo nghị định của Toàn quyền. Trong trường hợp giải tán, Hội đồng Thuộc địa được bầu lại trong thời gian muộn nhất là 3 tháng sau đó.

Phần II. Các đoàn cử tri

Thành viên người Pháp được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu trực tiếp và bỏ phiếu kín. Cử tri là công dân Pháp độ tuổi từ 21, có khả năng tuyển cử và cư trú tại Nam Kì trong thời gian 1 năm tính đến ngày hoàn tất danh sách bầu cử.

Tuy nhiên, đối với dân bản xứ sinh tại Nam Kì được công nhận là công dân Pháp hoặc con cháu họ muốn đăng kí vào danh sách bầu cử của người bản xứ theo quy định không được coi là cử tri của Hội đồng Thuộc địa trong đoàn cử tri Pháp.

Thời gian khai mạc, duyệt lại danh sách bầu cử cũng như thời gian bế mạc và công bố kết quả bầu cử được quy định tại thuộc địa theo nghị định của Thống đốc, được chuẩn y trước Hội đồng Tư mật.

Trừ trường hợp ngoại lệ theo quy định, những cử tri có tên trong danh sách bầu cử của người Pháp hoặc chứng minh được có khả năng đăng kí vào danh sách đó trước ngày bầu cử, có độ tuổi từ 25 và sống tại thuộc địa trong thời gian ít nhất 2 năm tính đến ngày bầu cử, là người đủ tư cách để được bầu làm uỷ viên.

Trừ trường hợp đặc biệt quy định tại điều 12 của Sắc lệnh, tại mỗi khu vực, những uỷ viên đại diện cho cử tri bản xứ do đoàn cử tri gồm người bản xứ thuộc quốc tịch Pháp, tròn 25 tuổi tính đến ngày khoá danh sách bầu cử, thường xuyên đăng kí hợp pháp trong sổ thuế thân tại Nam Kì. Ngoài ra, những trường hợp sau đây có thể là uỷ viên đại diện:

1- Chủ đất có đóng thuế điền thổ với mức thuế gốc bằng hoặc cao hơn 20 đồng bạc;

2- Thương nhân và nhà công nghiệp có đóng thuế môn bài ngoại hạng hoặc thuộc 6 hạng đầu tiên ít nhất trong thời gian 3 năm;

3- Người có bằng cao đẳng hoặc trung học của chính quốc hoặc của Đông Dương, hoặc bằng cao đẳng tiểu học hoặc bằng bổ túc;

4- Thành viên được bầu vào các hội đồng hỗn hợp (Hội đồng Thành phố Sài Gòn, Phòng Canh nông và Thương mại) và thành viên Hội đồng cấp tỉnh;

5- Viên chức làm việc tại Nam Kì trong thời gian ít nhất 5 năm, với tư cách là nhân viên được uỷ thác ngạch công chức cao cấp và trung cấp thuộc các cơ quan nhà nước tại thuộc địa;

6- Viên chức cùng ngạch công chức nêu trên được hưởng lương hưu, tiền thù lao của phủ và huyện;

7- Chánh tổng, Phó Chánh tổng, ban biện, sung biện và các kì hào đương chức của mỗi xã;

8- Những người được tặng thưởng huân chương quân sự hoặc huân chương chiến tranh.

Ngoài ra, những người bản xứ sinh tại Nam Kì được công nhận là công dân Pháp hoặc con cháu họ có thể xin đăng kí danh sách bầu cử tại nơi cư trú trong thời gian ít nhất 1 năm và có đóng thuế trực thu áp dụng đối với công dân Pháp. Những người này phải tuân thủ chế độ bầu cử bản xứ trong điều kiện do Toàn quyền quy định bằng nghị định.

Cách thức lập và duyệt lại danh sách bầu cử được quy định bằng nghị định của Thống đốc Nam Kì và chuẩn y trước Hội đồng Tư mật.

Những người không được đăng kí vào danh sách bầu cử bản xứ gồm:

1- Những cá nhân bị kết án hình sự hoặc đại hình ghi trong lí lịch tư pháp và những người bị các toà án tiểu hình xét xử sẽ bị tước quyền bỏ phiếu và bầu cử;

2- Viên chức các hạng bị cách chức sau khi có phán quyết hoặc quyết định của toà án;

3- Quân nhân tại ngũ.

Những cử tri được đăng kí hợp pháp vào danh sách bầu cử, đủ 30 tuổi tính đến ngày bỏ phiếu, có đủ trình độ tiếng Pháp theo quy định của Thống đốc và chuẩn y trước Hội đồng Tư mật, là người đủ tư cách để được bầu làm uỷ viên bản xứ.

Những người không đủ tư cách để được bầu vào Hội đồng Thuộc địa cũng như trong đoàn cử tri Pháp và đoàn cử tri bản xứ gồm:

1- Viên chức hoặc nhân viên hưởng lương từ chính quốc hoặc thuộc địa;

2- Nhà thầu thường trực thuộc các cơ quan hay Sở Công chính được trả lương từ ngân sách địa phương Nam Kì;

3- Những đối tượng bị cấm.

Trong thời gian bầu cử hoặc chậm nhất là vào ngày thứ 10 trước ngày bỏ phiếu, tất cả các ứng cử viên dù thuộc đoàn cử tri Pháp hay đoàn cử tri bản xứ đều phải nộp hoặc gửi tới Phủ Thống đốc Nam Kì đơn xin ứng cử có chữ kí của ứng cử viên. Tại mỗi khu vực, danh sách ứng cử viên có đơn xin ứng cử được niêm yết tại cửa phòng bầu cử trong vòng 7 ngày trước khi cuộc bỏ phiếu diễn ra.

Phần III. Bầu cử

Những khu vực bầu cử của thành viên Pháp và bản xứ cũng như cách thức phân chia số uỷ viên thuộc địa được bầu giữa các khu vực này được quy định bằng nghị định của Thống đốc và thông qua trước Hội đồng Tư mật. Tại những khu vực có nhiều uỷ viên thuộc địa cùng hạng được bầu, việc bỏ phiếu diễn ra theo hình thức bỏ phiếu liên danh.

Các đoàn cử tri được triệu tập theo nghị định của Thống đốc, được thông qua trước Hội đồng Tư mật. Nghị định này cũng ấn định ngày bỏ phiếu, thường diễn ra vào chủ nhật. Thời hạn quy định kể từ ngày ban hành nghị định triệu tập cử tri cho đến ngày bỏ phiếu là 20 ngày. Thời gian bỏ phiếu bắt đầu vào 7 giờ và kết thúc vào 19 giờ cùng ngày.

Thống đốc sẽ ra nghị định ấn định số lượng và trụ sở của các phòng bầu cử đối với từng khu vực, đồng thời chỉ định Chủ tịch mỗi phòng. Hoạt động bầu cử diễn ra theo quy định tại Sắc lệnh ngày 03 tháng 01 và ngày 11 tháng 4 năm 1914 về tính bí mật và tự do cũng như sự trung thực trong hoạt động bầu cử, trừ những chi tiết được chỉnh sửa trong Sắc lệnh này.

Giúp việc cho Chủ tịch phòng bầu cử là một cử tri lớn tuổi nhất và một cử tri trẻ tuổi nhất. Cử tri trẻ tuổi nhất được chỉ định làm thư kí. Kết quả tạm thời của cuộc bỏ phiếu được niêm yết tại cổng của khu vực bầu cử.

Trường hợp cần phải tổ chức bỏ phiếu vòng 2, bầu cử vòng 2 diễn ra vào ngày chủ nhật thứ 2 sau cuộc bầu cử vòng 1.

Tại trụ sở của Phủ Thống đốc Nam Kì, Thành phần Uỷ ban phụ trách thống kê, kiểm phiếu và công bố kết quả bao gồm:

a) Chánh án Toà xét xử sơ thẩm Sài Gòn, hoặc nếu khuyết, Phó Chánh án, một quan cai trị do Thống đốc chỉ định và Thẩm phán Toà Hoà giải Sài Gòn nếu bầu các thành viên Pháp;

b) Giám đốc phụ trách chung các văn phòng Phủ Thống đốc Nam Kì, 2 thẩm phán Toà xét xử Sơ thẩm thuộc thẩm quyền Toà Thượng thẩm Nam Kì do Chưởng lí chỉ định, 2 quan cai trị ngạch dân sự và 2 viên chức bản xứ do Thống đốc chỉ định, nếu bầu thành viên bản xứ.

Hoà giải tranh chấp

Hội đồng Hoà giải tranh chấp tại Sài Gòn xét xử các vụ kiện liên quan đến việc huỷ bỏ hoạt động bầu cử, trừ khi có kháng án lên Hội đồng Nhà nước. Mọi đơn thư khiếu kiện được trình, thẩm cứu, xét xử miễn phí và không có sự tham gia của luật sư tại Hội đồng Nhà nước, trong thời hạn 1 tháng từ ngày công bố kết quả.

Trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày tiếp nhận biên bản thẩm cứu, Thống đốc Nam Kì có thể xem xét việc huỷ bỏ cuộc bầu cử. Trong trường hợp huỷ bỏ tất cả hoặc một phần kết quả bầu cử, những cử tri có liên quan lại được triệu tập trong thời hạn không quá 3 tháng.

Phần IV. Các khoá họp của Hội đồng Thuộc địa

Hội đồng Thuộc địa mỗi năm họp một kì trong vòng 20 ngày theo lệnh triệu tập của Thống đốc và vào thời gian do Thống đốc quy định. Tuy nhiên, Thống đốc cũng có thể kéo dài kì họp bằng một nghị định được chuẩn y trước Hội đồng Tư mật và có quyền triệu tập Hội đồng Thuộc địa tại khoá họp bất thường.

Tại lễ khai mạc khoá họp thường niên, dưới sự chủ trì của người cao tuổi nhất trong Hội đồng và thành viên trẻ tuổi nhất giữ chức thư kí, Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín để bầu ra chủ tịch, 2 phó chủ tịch và 2 thư kí. Chủ tịch, 1 trong 2 phó chủ tịch và 1 trong 2 thư kí được Hội đồng lựa chọn trong số những người được đoàn cử tri Pháp bầu. Phó Chủ tịch và thư kí còn lại được lựa chọn trong số những người do đoàn cử tri bản xứ bầu. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, ứng cử viên lớn tuổi nhất sẽ đắc cử.

Thống đốc hoặc người đại diện có quyền tham gia các cuộc thảo luận của Hội đồng Thuộc địa. Người đứng đầu chính quyền và các cơ quan khác cũng được phép tham dự Hội đồng để nắm thông tin về những vấn đề liên quan đến quyền hạn.

Các cuộc họp của Hội đồng Thuộc địa diễn ra công khai, trừ trường hợp ngoại lệ. Chủ tịch là người duy nhất có quyền kiểm soát tình

hình an ninh tại Hội đồng, được quyền trục xuất ra khỏi hội nghị hoặc bắt giữ những cá nhân gây rối trật tự. Liên quan đến các vụ phạm tội, Chủ tịch sẽ lập biên bản và lập tức thông báo tới Biện lí.

Hội đồng không thể tiến hành thảo luận nếu trên một nửa thành viên vắng mặt. Nếu không đạt được số đại biểu cần thiết vào ngày ấn định theo quyết định triệu tập, phiên họp sẽ hoãn 3 ngày sau, không tính ngày chủ nhật và các ngày lễ. Trường hợp khẩn cấp, Thống đốc được quyền triệu tập họp đột xuất. Khi đó, các nghị quyết của Hội đồng vẫn được xem là có giá trị cho dù số thành viên có mặt là bao nhiêu.

Thời gian chính thức diễn ra khoá họp được tính từ ngày ấn định cuộc họp lần 2. Trong quá trình họp, các cuộc thảo luận của Hội đồng được hoãn lại vào hôm sau nếu số thành viên có mặt không đạt đa số. Nghị quyết vẫn có giá trị cho dù số người biểu quyết là bao nhiêu. Trong cả hai trường hợp trên, tên người vắng mặt được ghi vào biên bản. Ngôn ngữ sử dụng tại các cuộc thảo luận của Hội đồng là tiếng Pháp.

Hội đồng Thuộc địa có nội quy riêng, quy định thứ tự các cuộc thảo luận. Biên bản các cuộc họp của Hội đồng được lập theo ngày do thư kí soạn thảo, có chữ kí của Chủ tịch. Bản sao chứng thực các nghị quyết của Hội đồng Thuộc địa được Chủ tịch Hội đồng gửi đến Thống đốc trong thời gian sớm nhất có thể, muộn nhất là 2 tuần sau khi khoá họp kết thúc.

Mọi giấy tờ, nghị quyết của Hội đồng Thuộc địa về những nội dung không thuộc quyền hạn của Hội đồng được xem như không có giá trị và không có hiệu lực. Thống đốc Nam Kì công bố vấn đề này bằng nghị định được chuẩn y trước Hội đồng Tư mật và kịp thời báo cáo Toàn quyền Đông Dương. Nghị quyết của Hội đồng về bất cứ nội dung gì, nếu diễn ra ngoài thời gian và ngoài địa điểm họp, đều bị xem như không có giá trị.

Thống đốc công bố về các cuộc họp trái quy định, những biên bản không có hiệu lực, đồng thời áp dụng mọi biện pháp cần thiết để lập tức giải tán Hội đồng Thuộc địa và chuyển quyết định lên Biện lí để thực thi luật và áp dụng các hình phạt theo điều 250 của Bộ luật Hình sự, nếu cần. Trường hợp bị xử phạt, những thành viên bị kết án

sẽ bị sa thải khỏi Hội đồng và không được tham gia Hội đồng trong vòng 5 năm tính từ ngày bị kết án.

Mọi nghị quyết, nguyện vọng liên quan đến chính trị đều bị cấm.

Phần VI. Quyền hạn của Hội đồng Thuộc địa

Thống đốc Nam Kì chịu trách nhiệm thẩm cứu những vụ kiện liên quan đến thuộc địa, cũng như thực thi các quyết định của Hội đồng Thuộc địa và Uỷ ban Thường trực Hội đồng này.

Hội đồng quyết định:

- Việc trưng mua, chuyển nhượng miễn phí hoặc theo thoả thuận, trao đổi, thay đổi mục đích, cách thức quản lí động sản và bất động sản của thuộc địa khi những tài sản này không được sử dụng vào mục đích công. Hội đồng không được chuyển nhượng miễn phí hoặc theo thoả thuận các khu công thổ ở nông thôn có diện tích lớn hơn 300ha. Việc bán đấu giá đất công với diện tích nhỏ hơn 1000ha chỉ tiến hành khi có sự đồng ý của Thống đốc và được thông qua trước Hội đồng Tư mật. Đối với những khu có diện tích lớn hơn 1000ha, việc bán đấu giá chỉ diễn ra khi được Toàn quyền thông qua và có sự chuẩn y của Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ, theo đề nghị của Thống đốc Nam Kì;

- Các hợp đồng cho thuê tài sản hoặc để lĩnh canh hoặc cho thuê với thời hạn bất kì;

- Các vụ kiện được đưa ra toà hoặc giữ nguyên với danh nghĩa thuộc địa, trừ trường hợp khẩn cấp khi Thống đốc có quyền kiện hoặc bào chữa mà không cần có quyết định từ trước của Hội đồng Thuộc địa. Thống đốc được phép tiến hành các hoạt động bảo lưu;

- Các cuộc thoả hiệp liên quan đến quyền lợi của thuộc địa;

- Chấp nhận hoặc từ chối quà biếu tặng tại thuộc địa mà không mất phí, hoặc không có sự phân chia bất động sản, và khi những quà biếu tặng này không gây nên khiếu kiện;

- Xếp hạng, chỉ đạo và xếp hạng lại đường sá;

- Những vật hiến, tặng của các xã, hiệp hội hoặc cá nhân góp phần vào việc làm đường, kênh rạch hoặc các công trình khác thuộc trách nhiệm của thuộc địa;

- Phần đóng góp của thuộc địa trong việc đầu tư cho các công trình do nhà nước thực hiện liên quan đến thuộc địa;

- Các dự án, bản vẽ và dự toán công trình xây dựng bằng nguồn vốn của thuộc địa;

- Bảo hiểm động sản và bất động sản của thuộc địa;

- Chuyển nhượng một số công trình phục vụ lợi ích thuộc địa cho các hiệp hội, công ti hoặc cá nhân.

Những nghị quyết liên quan đến nội dung trên sẽ mang tính quyết định và có hiệu lực thi hành nếu trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày bế mạc khoá họp, Thống đốc không yêu cầu huỷ bỏ do lạm quyền, vi phạm luật hay những quy định có hiệu lực ngang luật. Việc huỷ bỏ được thông báo bằng nghị định của Toàn quyền và thông qua trước Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ.

Hội đồng Thuộc địa thảo luận về các vấn đề như:

- Cơ sở đánh thuế, biểu thuế, quy định về việc thu thuế trực thu và các loại thuế khác cho thuộc địa, ngoài những quy định liên quan đến thuế quan và thuế nhập khẩu;

- Trưng mua, chuyển nhượng và thay đổi mục đích sử dụng đối với những loại tài sản của thuộc địa dùng trong công sở.

- Điều kiện để thuộc địa tiến hành khai thác các công trình phục vụ lợi ích công cộng và mức thuế cần thu.

Những nghị quyết do Hội đồng Thuộc địa đưa ra liên quan đến nội dung trên có hiệu lực kể từ ngày Toàn quyền ban hành nghị định và được chuẩn y trước Hội đồng Chính phủ.

Hội đồng Thuộc địa góp ý kiến cho tất cả các vấn đề do Thống đốc đưa ra. Hội đồng bắt buộc phải được tham vấn về tất cả những vấn đề liên quan đến thuế. Ngoài ra, Hội đồng còn được tham vấn về việc thay đổi địa giới của các quận, tổng và xã; thành lập, xoá bỏ hay chuyển đổi các trường học, bệnh viện và các cơ sở đào tạo y tế được duy trì bằng nguồn ngân sách địa phương; thi công các công trình công cộng tại Nam Kì bằng ngân sách chung Đông Dương và về tính khẩn cấp của những công trình này.

Phần VII. Hội đồng Thuộc địa phê chuẩn ngân sách

Ngân sách địa phương do Thống đốc chuẩn bị, Hội đồng Thuộc địa

thảo luận theo quy định, sau đó Thống đốc ra quyết định được thông qua trước Hội đồng Tư mật và cuối cùng Toàn quyền phê chuẩn trước Hội đồng Chính phủ. Thống đốc là người duy nhất có quyền đề xuất đăng kí và ấn định dự toán các khoản thu.

Các khoản chi được chia thành khoản chi bắt buộc và khoản chi không bắt buộc.

Khoản chi bắt buộc bao gồm:

- Các khoản nợ phải trả;

- Chi phí cho nhân sự chỉ đạo địa phương và chi phí hoạt động của những cơ quan được tổ chức theo sắc lệnh của Tổng thống hoặc nghị định của Toàn quyền;

- Các khoản chi theo sắc lệnh thuộc ngân sách địa phương.

Nếu Hội đồng Thuộc địa bỏ sót không đăng kí khoản kinh phí đủ để thanh toán những khoản chi bắt buộc, Thống đốc sẽ cho đăng kí khoản kinh phí cần thiết để trang trải bằng việc cắt giảm những khoản chi không bắt buộc.

Những khoản chi không bắt buộc do Hội đồng Thuộc địa biểu quyết không được thay đổi, không được sửa chữa, trừ trường hợp quy định tại điều khoản trước và không vượt quá nguồn kinh phí được duyệt trong tài khoá sau khi đã thanh toán những khoản chi bắt buộc. Việc khấu trừ được trích từ quỹ dự phòng và các khoản trợ cấp. Thống đốc là người thực hiện việc thay đổi hoặc sửa chữa này, sau đó đưa ra trước Hội đồng Tư mật để thông qua.

Thống đốc là người duy nhất chịu trách nhiệm phân bổ các khoản tiền cứu trợ, trợ cấp, tiền thưởng thêm... được đăng kí vào ngân sách thuộc địa.

Hội đồng Thuộc địa không được ưu tiên dù là trực tiếp hay gián tiếp và dưới bất kì hình thức nào cho một viên chức hoặc một loại viên chức nào, ngoài đề nghị của chính quyền. Mọi biểu quyết của Hội đồng Thuộc địa đưa ra trái với quy định trước đây được xem như vô hiệu

Trường hợp Hội đồng Thuộc địa không nhóm họp hoặc giải tán trước khi biểu quyết ngân sách, Thống đốc lập ngân sách được đưa ra chuẩn y trước Hội đồng Tư mật, sau đó trình Toàn quyền thông qua trước Hội đồng Chính phủ và tạm thời các khoản thuế tiếp tục được thu theo biểu thuế của tài khoá trước.

Những khoản kinh phí được xem là cần thiết sau khi ấn định ngân sách theo đề xuất của Thống đốc, Hội đồng Thuộc địa biểu quyết và Toàn quyền quyết định. Trong trường hợp khẩn cấp, và nếu Hội đồng Thuộc địa không nhóm họp bất thường, những khoản kinh phí này sẽ do Thống đốc đề xuất sau khi có ý kiến của Hội đồng Tư mật và được Toàn quyền thông qua trước Ủy ban thường trực Hội đồng Chính phủ và trình lên Hội đồng Thuộc địa trong khoá họp gần nhất. Khoản tín dụng được mở ngoài ngân sách các khoản chi cho mỗi tài khoá phải được thông báo đến nhân viên thu tiền của Sở Ngân khố, người có trách nhiệm trình lên Toà Kiểm toán bản sao các nghị định liên quan đến khoản tín dụng này.

Tại khoá họp thường kì sau khi kết thúc tài khoá, Thống đốc trình tài khoản của tài khoá đã hết hạn lên Hội đồng Thuộc địa. Những nhận xét đưa ra sau khi xem xét tài khoản này được gửi trực tiếp đến Thống đốc thông qua Chủ tịch Hội đồng. Bản sao những nhận xét này được chuyển đến Toà Kiểm toán thông qua Toàn quyền và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

255. Arrêté du 5 juillet 1922 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en province la circonscription de Phan Rang.

Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng khu vực Phan Rang thành tỉnh.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.1488)

Nghị định gồm 3 điều với một số nội dung như sau:

Điều 2 của Nghị định ngày 10 tháng 5 năm 1914 về việc sáp nhập khu vực Phan Rang - nơi có người bản xứ và người Chàm sinh sống vào tỉnh Nha Trang bị bãi bỏ.

Khu hành chính Phan Rang được nâng lên thành tỉnh dưới quyền của Công sứ Pháp tại Phan Rang.

256. Arrêté du 2 septembre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant celui du 19 mars 1913 portant réorganisation de la Chambre de Consultative indigène au Tonkin et des Conseils provinciaux de notables indigènes.

Nghị định ngày 02 tháng 9 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 19 tháng 3 năm 1913 về việc tổ chức lại Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì và các hội đồng kì hào bản xứ cấp tỉnh.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.1873-1874)

Nghị định gồm 2 điều, theo đó điều 4 của Nghị định ngày 19 tháng 3 năm 1913 nêu trên được sửa đổi như sau:

"Điều 4. Những cố vấn cấp tỉnh do đoàn cử tri bầu bao gồm:

Chánh tổng và Phó tổng;

Chủ tịch Hội đồng hành chính cấp xã;

Phó Chủ tịch Hội đồng hành chính, hoặc đối với những xã có nhiều ấp và Hội đồng hành chính riêng biệt, mỗi ấp được phép bầu ra các Phó Chủ tịch;

Lí trưởng;

Cựu Chánh tổng và Phó tổng chính ngạch".

257. Arrêté du 17 octobre 1922 du Gouverneur général p.i. de l'Indochine modifiant l'organisation intérieure de la Direction des Affaires politiques et de la Sûreté générale et du Service du Personnel au Gouvernement général.

Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi bộ máy tổ chức bên trong Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh và Phòng Nhân sự Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.2274-2276)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Liên quan đến Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh trung ương và Phòng Nhân sự Phủ Toàn quyền, các Nghị định ngày 04 tháng 5 năm 1921, 20 tháng 01 năm 1922, 04 tháng 4 năm 1922, 10 tháng 02 năm 1922 về việc tổ chức lại các cơ quan của Phủ Toàn quyền và thành lập Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh trung ương được sửa đổi như sau:

Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh gồm 3 phòng:

Phòng 1 phụ trách:

- Những vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại của Đông Dương tại khu vực Viễn Đông và chính sách của Pháp tại Thái Bình Dương;

- Những vấn đề liên quan đến công pháp quốc tế;

- Áp dụng Hiệp ước Versailles;

- Các công ước và hiệp ước quốc tế liên quan đến Đông Dương;

- Khối tư liệu chung liên quan đến Sở này;

Phòng 2 phụ trách:

- Những vấn đề liên quan đến các nước tại khu vực phía Bắc và Đông Thái Bình Dương: Trung Hoa, Nhật Bản, Sibérie, Mỹ;

- Hoạt động tư pháp liên quan đến những nước này;

- Hoạt động báo chí của nước ngoài tại những nước này.

Phòng 3 phụ trách:

- Những vấn đề liên quan đến các nước Nam Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; những cơ sở thuộc khu vực Biển Đen, các bang của Malaysie, Ấn Độ thuộc Anh, các nước phương Đông;

- Hoạt động tư pháp liên quan đến những nước này;

- Hoạt động báo chí của nước ngoài tại những nước này;

- Phân loại tài liệu lưu trữ;

- Kiểm soát thư kí.

***Sở Mật thám và An ninh**: gồm 4 phòng:*

Phòng 1 phụ trách thông tin tình báo:

- Nghiên cứu, tập trung và khai thác mọi thông tin tình báo liên quan đến trật tự an ninh bên trong và bên ngoài thuộc địa (Đông Dương);

- Kiểm soát và phối hợp công việc của các cơ quan tình báo địa phương;

- Kiểm soát hoạt động của cảnh sát tại khu vực biên giới: áp dụng các công ước và quy định; lập đồn cảnh sát; lựa chọn và duy trì quan hệ với cảnh sát viên;

- Các cơ quan tình báo bên ngoài.

Phòng 2 phụ trách kiểm soát người nước ngoài và dân nhập cư

- Quy định về việc đi lại và cho phép cư trú; hộ chiếu; giấy phép lưu trú; trục xuất;

- Quy định về việc đi lại của người bản xứ bên trong và ngoài thuộc địa; căn cước; thị thực xuất cảnh.

Phòng 3 phụ trách an ninh tư pháp và tổ chức cảnh sát

Kiểm soát về mặt kĩ thuật đối với việc truy nã tại các cơ quan cảnh sát địa phương.

- Phụ trách dẫn độ;

- Tổ chức cơ quan cảnh sát đô thị và cảnh sát an ninh: quy chế, tuyển dụng, kiểm tra và thuyên chuyển nhân sự, trang thiết bị.

Phòng 4 phụ trách về căn cước tư pháp và phòng thí nghiệm của cảnh sát

- Kiểm soát về mặt kĩ thuật và phối hợp công việc của các các cơ quan căn cước tư pháp; lập các phòng thí nghiệm của cảnh sát;

- Đào tạo đội ngũ nhân viên cơ quan cảnh sát đô thị và cảnh sát an ninh; giáo dục và rèn luyện thân thể.

Sở Phụ trách nhân sự gồm 3 phòng:

Phòng 1 phụ trách:

- Tổ chức đội ngũ nhân sự người Âu và người bản xứ tại Đông Dương; tham vấn về những vấn đề (không gây tranh chấp) liên quan đến việc hướng dẫn và áp dụng các quy định về nhân sự; trình thông báo liên quan đến nhân sự người Âu và bản xứ thuộc các cơ quan như: Toà án, Nha Kiểm tra tài chính, Nha Tài chính và Nha Trước bạ, Tài sản và Tem, Tổng Thanh tra công chính, Nha Thương chính, Ngân khố, Nha Bưu điện và Điện báo, Sở Mỏ, Sở Đăng kiểm hàng hải, Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, Nha Vô tuyến điện Đông Dương, Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp, Quỹ hưu trí địa phương, Sở Hoa tiêu, Toà Thị chính, Nha Địa lí, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Khoa học, Cơ quan nghiên cứu hải dương học, các phòng nhân sự bản xứ; kiểm soát binh lính bản xứ được bố trí vào những vị trí dân sự;

- Tuyển dụng; nâng bậc; thuyên chuyển; hội đồng thẩm tra; hình thức kỉ luật; hưu trí; tài khoản hỗ trợ; quản lí hồ sơ nhân sự; kiểm soát quân số, ghi tên; kiểm soát binh sĩ người Âu được bố trí vào vị trí dân sự.

Phòng 2 phụ trách:

- Cơ quan dân sự; đội lính khố xanh; kĩ sư hoá học; nhân viên các hạm đội; thi cử và cấp chứng chỉ tiếng Phương Đông;

- Kiểm soát nhân viên làm khoán theo hợp đồng và công nhật;

- Văn phòng 2 có đầy đủ các quyền hạn như văn phòng 1 liên quan đến nhân sự.

Phòng 3 phụ trách:

- Nha Học chính; trại giam cải tạo; địa chính; lâm nghiệp; cảnh sát (đô thị và an ninh); nhập cư; các sở canh nông và thương mại; y tế; thú y.

- Phòng 3 có đầy đủ các quyền hạn như phòng 1 liên quan đến nhân sự.

258. Arrêté du 27 octobre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant réorganisation de la Chambre de Commerce du Tonkin.

Nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Phòng Thương mại Bắc Kì.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.2347-2349)

Nghị định gồm 28 điều với các nội dung chính sau:

Phòng Thương mại được thành lập tại hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng, với địa bàn hoạt động như sau:

- Phạm vi hoạt động của Phòng Thương mại Hà Nội bao gồm: thành phố Hà Nội, các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Bắc Cạn, Hà Đông, Hoà Bình, Lào Cai, Lạng Sơn, Phú Thọ, Phúc Yên, Sơn La, Sơn Tây, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên, Yên Bái, Đạo Quan binh 2 (Cao Bằng), Đạo Quan binh 3 (Hà Giang) và Đạo Quan binh 4 (Lai Châu) và các tỉnh Bắc - Trung Kì: Thanh Hoá, Vinh và Hà Tĩnh;

- Phạm vi hoạt động của Phòng Thương mại Hải Phòng gồm: thành

phố Hải Phòng và khu vực ngoại thành cũng như các tỉnh: Hưng Yên, Hải Dương, Kiến An, Nam Định, Ninh Bình, Phủ Lí, Quảng Yên, Thái Bình và Đạo Quan binh 1 (Móng Cái).

Thành phần của mỗi Phòng Thương mại Hà Nội và Hải Phòng gồm 10 thành viên người Pháp và 4 thành viên người bản xứ được bầu bằng hình thức bỏ phiếu liên danh.

Những người có tên trong danh sách cử tri Pháp đại diện cho Phòng Thương mại gồm:

a) Những người Pháp tham gia hoạt động thương mại hoặc kĩ nghệ, độ tuổi thấp nhất là 21, có tên trong sổ thuế môn bài vào ngày 01 tháng 01 của năm lập danh sách.

b) Giám đốc người Pháp phụ trách các quầy hàng, hãng hoặc chi nhánh của một công ti, hoặc một hãng buôn, hoặc cơ sở kĩ nghệ của Pháp có đóng thuế môn bài;

c) Chuyên gia môi giới và những người môi giới hàng hoá.

Ngoài ra, những đối tượng trên phải chứng minh đã lưu trú 6 tháng tại Đông Dương, vào thời điểm hoàn tất danh sách bầu cử. Một người chỉ được đăng kí một lần và vào một danh sách bầu cử đại diện Phòng Thương mại tại Đông Dương.

Những người có tên trong danh sách cử tri người bản xứ đại diện cho Phòng Thương mại gồm:

a) Thương nhân bản xứ độ tuổi 25, sống tại khu vực trong thời gian 2 năm tính đến ngày hoàn tất danh sách bầu cử và có đóng thuế môn bài hạng 4 trở lên.

b) Giám đốc một số công ti thương mại do người bản xứ thành lập theo luật của nước Pháp.

Từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 01 hàng năm, danh sách bầu cử người Pháp và danh sách bầu cử người bản xứ tại mỗi khu vực do một uỷ ban chuẩn bị. Thành phần của uỷ ban này gồm có:

- Chánh án và một thẩm phán Toà án Thương mại hỗn hợp, hoặc Chánh án và một thẩm phán Toà xét xử sơ thẩm. Chưởng lí là người chỉ định thẩm phán;

- 2 thành viên người Pháp và 1 thành viên người bản xứ của Phòng Thương mại khu vực do Phòng này chỉ định;

- Đốc lí thành phố nơi đặt trụ sở Phòng Thương mại, hoặc nếu khuyết, đại diện của người đứng đầu chính quyền địa phương sẽ thay thế Đốc lí;

- 2 thương nhân người bản xứ có địa vị do người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ định;

Những danh sách này được niêm yết muộn nhất là ngày 20 tháng 01 tại phòng lục sự Toà án, Toà Đốc lí và Phòng Thương mại. Bản sao danh sách được chuyển đến Thống sứ Bắc Kì. Trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày niêm yết, mọi đơn thư khiếu nại được gửi tới Chủ tịch Uỷ ban phụ trách lập danh sách cử tri thông qua Chủ tỉnh. Hết thời hạn 10 ngày, Uỷ ban sẽ giải quyết các đơn thư khiếu nại và ấn định danh sách cuối cùng.

Những người không được đăng kí vào danh sách bầu cử, cũng không được tham gia bầu cử gồm:

- Những người chịu án phạt nhục hình hoặc bị bêu riếu, hoặc các hình phạt tiểu hình vì tội trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, cho vay nặng lãi, xúc phạm thuần phong mỹ tục, buôn lậu...;

- Những người bị kết án do vi phạm luật liên quan đến sòng bạc, xổ số và cửa hàng cầm cố;

- Những người bị kết án do phạm những tội danh theo quy định tại một số điều của Bộ luật Hình sự và các điều 596 và 597 của Luật Thương mại;

- Uỷ viên tư pháp bị cách chức;

- Những người bị phá sản không được phục quyền và tất cả những người bị tước quyền bầu cử lập pháp của chính quốc theo quy định tại điều 15 của Sắc lệnh ngày 02 tháng 02 năm 1852.

Hàng năm, danh sách do Uỷ ban ấn định được gửi tới người đứng đầu chính quyền địa phương, đăng trên Công báo Đông Dương, Tập san hành chính *và niêm yết tại Toà Đốc lí, Phòng Thương mại và phòng lục sự Toà án Thương mại hỗn hợp hoặc Toà xét xử Sơ thẩm, tuỳ từng trường hợp.*

Ở bất kì thời điểm nào, cử tri trong khu vực có quyền yêu cầu gạch tên cử tri thuộc diện không đủ ra khỏi danh sách. Vụ kiện được xét xử miễn phí tại toà án dân sự và được tuyên tại văn phòng Hội đồng.

Ở bất kì thời điểm nào trong năm, mọi cử tri trong khu vực đều có quyền yêu cầu thay thế tên của người được uỷ quyền hoặc người cộng tác trong danh sách bầu cử đã đăng kí. Nếu bản thân cử tri được đăng kí với danh nghĩa là người được uỷ quyền hoặc giám đốc công ti thương mại, việc thay thế người thay cử tri có thể do chính cử tri hoặc do hãng hoặc công ti yêu cầu. Đơn xin thay thế được thẩm cứu theo thể thức giống như đơn xin gạch tên theo quy định. Nếu bản thân cử tri đăng kí dưới danh nghĩa người được uỷ quyền hoặc giám đốc công ti thương mại, việc thay thế có thể do chính cử tri hoặc gia đình hoặc công ti yêu cầu.

Phí in ấn và niêm yết do ngân sách địa phương chi trả.

Những người đủ tư cách để được bầu gồm:

+ Công dân Pháp tròn 25 tuổi có tên trong danh sách cử tri;

+ Thương nhân người bản xứ tròn 30 tuổi, có tên trong danh sách cử tri bị đánh thuế môn bài ở một trong hai hạng đầu.

Hội nghị cử tri diễn ra tại thành phố nơi đặt trụ sở Phòng Thương mại. Trong số cử tri Pháp có mặt tại lễ khai mạc cuộc họp, 2 cử tri trẻ nhất và 2 cử tri nhiều tuổi nhất giữ chức hội thẩm; 4 hội thẩm người bản xứ cũng được chỉ định trong cùng điều kiện như trên. 6 thành viên của phòng bầu cử phải có mặt trong thời gian diễn ra hoạt động bầu cử. Thư kí do Chủ tịch và hội thẩm viên chỉ định.

Trong thời gian diễn ra bầu cử, một trong số bản sao danh sách cử tri có dấu chứng thực được đặt trên bàn gần phòng bầu cử. Trên bàn này còn có 2 hòm phiếu được niêm phong, một hòm đựng phiếu bầu của cử tri Pháp, hòm khác dành cho phiếu bầu của cử tri bản xứ.

Những người sau không được phép bầu cử: người không đăng kí vào một trong hai danh sách và không trình thẻ cử tri. Trường hợp để quên hoặc làm mất thẻ, cử tri đã đăng kí có thể được bỏ phiếu nếu hai cử tri có mặt tại đó xác nhận danh tính và phòng bầu cử công nhận. Điều này cũng ghi vào biên bản.

Cử tri đi bầu trực tiếp mang theo phiếu bầu đã chuẩn bị từ trước. Phiếu bầu phải là giấy trắng và không đánh dấu bên ngoài. Cử tri chuyển cho Chủ tịch phiếu bầu đã được gấp kín. Ngay sau đó, Chủ tịch bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu dành cho cử tri. Phiếu bầu của cử tri được xác nhận trên danh sách, có chữ kí của một trong số thành viên phòng bầu cử ở ngoài lề bên cạnh tên cử tri. Cử tri người Pháp và người bản xứ sống hoặc thường trú ngoài thành phố, nơi đặt trụ sở Phòng Thương mại cũng như những người sống trong thành phố này, vì lí do bệnh tật, có quyền bỏ phiếu qua thư.

Cuộc bỏ phiếu diễn ra vào thời gian và địa điểm do người đứng đầu chính quyền địa phương ấn định bằng nghị định triệu tập cử tri. Thủ tục kiểm phiếu sau khi bế mạc bầu cử được tiến hành như sau:

Trong số những người có mặt, phòng bầu cử chỉ định 4 người tham gia kiểm phiếu phụ tá cho hội thẩm viên. Các hòm phiếu lần lượt được mở, số phiếu bầu được kiểm tra dựa trên danh sách đã được những người kiểm phiếu bầu kí vào bên lề. Nếu số phiếu bầu chênh lệch so với số cử tri bỏ phiếu thì cần lập biên bản. Những phiếu không có chữ hoặc không rõ không được tính vào kết quả kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu, Chủ tịch phòng bầu cử sẽ công bố kết quả cuộc bỏ phiếu. Biên bản được lập thành 3 bản và chuyển đến người đứng đầu chính quyền cấp kì, sau đó các địa phương gửi một bản đến Toàn quyền, một bản cho Chủ tịch Phòng Thương mại.

Trường hợp phải tiến hành bỏ phiếu vòng 2, hội nghị cử tri được triệu tập vào ngày thứ 14 sau vòng bỏ phiếu đầu tiên.

Những người sau không đắc cử vòng 1: không tập hợp được trên nửa số phiếu phát ra và số phiếu bầu bằng 1/4 số cử tri đăng kí. Tại vòng 2, bầu cử diễn ra theo nguyên tắc đa số tương đối. Nếu nhiều ứng cử viên cùng đạt số phiếu, ứng cử viên cao niên nhất sẽ đắc cử.

Mọi cử tri đều có quyền khiếu nại, tố cáo. Trong vòng 5 ngày tính từ sau ngày bầu cử, mọi đơn thư khiếu nại phải được gửi tới Ban Thư kí Hội đồng Tài phán tại Hà Nội. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận biên bản bầu cử, nếu xét thấy các điều kiện và thể thức quy định không được tuân thủ, người đứng đầu chính quyền địa phương có thể đưa vấn đề bầu cử ra Hội đồng Tài phán hành chính.

Hội đồng Tài phán hành chính sẽ ra phán quyết, trừ khi có kháng án lên Hội đồng Nhà nước. Hội đồng công bố quyết định trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày đăng kí các giấy tờ tại Ban Thư kí. Nếu Hội đồng không ra quyết định trong thời hạn quy định trên đây, đơn khiếu nại coi như bị bác bỏ.

Trường hợp một phần hoặc toàn bộ kết quả bầu cử bị hủy bỏ, hội nghị toàn thể cử tri sẽ được tiến hành trong thời hạn không quá 3 tháng.

259. Arrêté du 27 octobre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant suppression du centre administratif de Phat Diem.

Nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ trung tâm hành chính Phát Diệm.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.2354)

260. Arrêté du 31 octobre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine déterminant les attributions du chef des Services agricoles en Cochinchine.

Nghị định ngày 31 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Chánh Sở Canh nông Nam Kì.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.2407)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Nghị định ngày 25 tháng 10 năm 1919 sáp nhập Phòng Thí nghiệm chọn lọc hạt giống Sài Gòn vào Viện Khoa học Đông Dương chính thức bị huỷ bỏ. Những khoản chi cần thiết nhằm duy trì hoạt động và xây dựng Phòng Thí nghiệm di truyền học và chọn lọc giống do ngân sách địa phương Nam Kì chi trả.

Chánh Sở Canh nông Nam Kì có quyền điều hành các cơ quan và đơn vị sau:

- Ban Thanh tra Nông nghiệp và Nghề nuôi tằm;

- Cơ quan nghiên cứu lúa gạo và các phòng phụ thuộc: Phòng thí nghiệm chọn lọc hạt giống và trạm nhân giống;

- Vườn Bách thảo Sài Gòn và các khu nhà phụ thuộc;

- Phòng thí nghiệm phân tích và nghiên cứu nông nghiệp, kĩ nghệ;

- Những cơ sở thử nghiệm trồng trọt bằng máy;

- Các trạm trồng trọt thử nghiệm, vườn hoặc ruộng thử nghiệm;

- Công viên và các khu vườn của Phủ Toàn quyền tại Sài Gòn và Phủ Thống đốc Nam Kì;

- Trạm trồng dâu nuôi tằm và sản xuất kén tằm;

- Trường dạy nghề liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là Trường Thực hành Canh nông Bến Cát và các khu nhà phụ thuộc, trang trại kiểu mẫu, đồn điền và nhà máy chế biến cao su;

- Xưởng học nghề, xưởng kéo sợi và dệt lụa;

- Bảo tàng Kinh tế;

- Chuẩn bị triển lãm, trưng bày và hội thi khuyến nông;

- Thông tin kinh tế và tất cả những gì liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

261. Arrêté du 9 novembre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant rétablissement de la Direction du Cabinet du Gouverneur général.

Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương khôi phục Ban Chỉ đạo Văn phòng Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1111, JOIF 1922, tr.2462)

Theo Nghị định này, Ban Chỉ đạo Văn phòng Phủ Toàn quyền bị xoá bỏ theo Nghị định ngày 20 ngày 02 năm 1920 chính thức được khôi phục lại.

262. Décret du 16 février 1923 du Président de la République française fixant le Service de la Gendarmerie détachée aux colonies.

Sắc lệnh ngày 16 tháng 02 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định hoạt động của Sở Hiến binh biệt phái tại các thuộc địa.

(Nguồn: J 1115, JOIF 1923, tr.1997-2000)

Sắc lệnh gồm 6 phần, 39 điều, trong đó có:

Phần I. Về việc chỉ định quân nhân của Sở Hiến binh tới các thuộc địa

Hoạt động của Sở Hiến binh tại thuộc địa do quân nhân Sở Hiến binh chính quốc đảm nhiệm. Đội ngũ quân nhân này do Bộ trưởng Bộ Chiến tranh giao cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa toàn quyền sử dụng. Người bản xứ có thể được biệt phái tới các lữ đoàn dưới danh nghĩa nhân viên phụ tá.

Theo nhu cầu của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh sẽ tiến hành bổ dụng nhân sự cho mỗi thuộc địa. Việc chỉ định sĩ quan và Tư lệnh phân đội do Bộ Thuộc địa quyết định.

Lữ đoàn trưởng ở các hạng được trả về nước và giao lại cho Bộ trưởng Bộ Chiến tranh sử dụng, được thay bằng quân nhân cùng ngạch hoặc bằng hình thức thuyên chuyển, hoặc bằng việc thăng cấp cho những ứng cử viên có tên trong danh sách nâng bậc của phân đội, theo thứ tự tại thuộc địa.

Việc thuyên chuyển lữ đoàn trưởng và hiến binh trong phạm vi thuộc địa do Tư lệnh phân đội hiến binh tại thuộc địa quyết định. Tư lệnh tối cao lực lượng bộ binh viễn chinh nhóm các nước thuộc địa có quyền thuyên chuyển lực lượng sĩ quan.

Đối với những thuộc địa cùng nhóm, việc thuyên chuyển sĩ quan và quân nhân diễn ra hoặc theo lệnh của cấp trên vì lí do công việc, hoặc theo nguyện vọng của cá nhân đều do Tư lệnh tối cao lực lượng bộ binh viễn chinh nhóm các nước thuộc địa quyết định. Đối với những thuộc địa thuộc các nhóm khác nhau, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh quyết định thuyên chuyển theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Việc thuyên chuyển được đưa ra sau khi có ý kiến của chính quyền dân sự, với điều kiện những cá nhân liên quan còn ít nhất một năm quân dịch tại nước ngoài.

Phần II. Thời gian lưu trú tại thuộc địa của quân nhân Sở Hiến binh

Quân nhân Sở Hiến binh được chỉ định thực hiện nghĩa vụ tại thuộc địa, phải lưu trú tại đây với thời gian quy định như sau:

2 năm đối với châu Phi xích đạo, Tây Phi, bờ biển Somalie và Guyane; 3 năm đối với Đông Dương, Madagascar và các nước phụ thuộc, các cơ sở của Ấn Độ và Tân Hébrides; 5 năm đối với những thuộc địa khác;

Kết thúc thời gian lưu trú theo quy định, nếu không được kéo dài thời gian lưu trú, các quân nhân được trả về nước.

Nếu thời gian lưu trú của quân nhân bắt đầu và kết thúc tại 2 thuộc địa khác nhau, thời gian lưu trú thông thường tại thuộc địa thứ hai được tính theo tỉ lệ thời gian lưu trú đã hoàn thành tại thuộc địa thứ nhất và thời gian lưu trú quy định tại một trong hai thuộc địa.

Việc gia hạn thời gian lưu trú do Tư lệnh Tối cao các lực lượng quân đội hoặc người được uỷ quyền quyết định với thời hạn 1 năm. Tại những thuộc địa không có tư lệnh tối cao, việc gia hạn thời gian lưu trú do Thống đốc quyết định với tỉ lệ gấp đôi thời hạn nghỉ phép thông thường. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa là người đưa ra quyết định đối với những trường hợp đặc biệt. Đối với lực lượng sĩ quan, Tư lệnh phân đội cũng như các quân nhân giữ một vị trí trong chính quyền dân sự, bắt buộc phải xin ý kiến của chính quyền dân sự nếu muốn xin gia hạn.

Quân nhân Sở Hiến binh chỉ có thể được trả về nước trước thời hạn trừ những trường hợp sau:

- *Vì lí do sức khoẻ;*
- *Phân đội giảm biên chế;*
- *Trả về Bộ trưởng Bộ Chiến tranh do bị kỉ luật.*

Phần III. Công việc chung của Sở Hiến binh tại các thuộc địa, việc chỉ huy, kỉ luật và nâng bậc

Những phân đội hiến binh đồn trú tại thuộc địa trực thuộc Bộ trưởng Bộ Thuộc địa thuộc thẩm quyền của Bộ Chiến tranh về mọi vấn đề liên quan đến giáo dục, nâng bậc, kỉ luật và thuộc thẩm quyền của Bộ Thuộc địa về lĩnh vực quản lí, kế toán và chỉ đạo công việc.

Công việc của sĩ quan và Tư lệnh các lữ đoàn coi như sĩ quan cảnh sát tư pháp được tiến hành theo Luật Tố tụng hình sự, thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa tại những thuộc địa trực thuộc Bộ này.

Mọi công văn trao đổi giữa chính quyền trung ương với chính quyền thuộc địa và ngược lại liên quan đến công việc của Sở Hiến binh tại thuộc địa chỉ được gửi tới Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, người có trách nhiệm gửi những công văn đó tới chính quyền có liên quan.

Tư lệnh tối cao lực lượng quân đội viễn chinh nhóm các nước thuộc địa Tây Phi, châu Phi xích đạo, Đông Phi và Antilles có quyền hạn giống như Tổng Tư lệnh lực lượng quân đội và Tổng Tư lệnh Sở Hiến binh quy định tại Sắc lệnh ngày 03 tháng 02 năm 1914, Sắc lệnh và Thông tư ngày 09 tháng 5 năm 1918.

Tư lệnh tối cao có thể uỷ nhiệm toàn bộ hoặc một phần quyền hạn cho một viên tướng hoặc một sĩ quan cấp tá của Sở Hiến binh hoặc của một quân chủng khác. Tư lệnh tối cao quân đội nhóm các thuộc địa nằm trong khu vực Thái Bình Dương có quyền hạn như đối với các phân đội ở Tân Thế Giới, Tân Hébrides và các cơ sở của Châu Đại Dương. Đối với phân đội Sở Hiến binh khu vực Châu Đại Dương và có quyền uỷ nhiệm toàn bộ hoặc một phần quyền hạn cho sĩ quan Tư lệnh phân đội lục quân thuộc địa tại Tahiti, trừ việc kiểm soát công việc đặc biệt của Sở Hiến binh.

Tuỳ theo ngạch bậc, Tư lệnh tối cao có quyền kỉ luật theo quy định tại Sắc lệnh ngày 04 tháng 02 năm 1911 và ngày 03 tháng 02 năm 1914.

Tư lệnh các phân đội hiến binh có quyền và nghĩa vụ giống như đội trưởng đội lính lê dương. Tại những phân đội hiến binh không có sĩ quan Tư lệnh, việc bổ nhiệm do Tư lệnh tối cao, hoặc Tư lệnh quân đội quyết định theo uỷ nhiệm của Bộ trưởng Bộ Chiến tranh trong điều kiện nêu trên. Nếu không có lực lượng quân đội, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh là người quyết định việc bổ nhiệm đó.

Phần IV. Chế độ nghỉ phép của quân nhân Sở Hiến binh làm việc tại thuộc địa hoặc khi trở lại thuộc địa

Quy định chung

Quân nhân Sở Hiến binh hưởng các chế độ: nghỉ phép 6 tháng hưởng nguyên lương châu Âu; nghỉ phép để dưỡng bệnh; nghỉ phép vì lí do cá nhân.

Đơn xin nghỉ phép hoặc gia hạn thời gian nghỉ phép được chuyển tới cơ quan có thẩm quyền, thông qua cấp chỉ đạo trực tiếp. Quân nhân

nghỉ phép tại Pháp gửi đơn xin gia hạn thời gian nghỉ phép đến Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, thông qua Tổng Tư lệnh.

Trước khi về nước, quân nhân Sở Hiến binh quân dịch tại thuộc địa buộc phải trình diện trước Hội đồng Y tế thuộc địa. Hội đồng cấp giấy chứng nhận sức khoẻ nêu rõ mục đích của kì nghỉ phép và có thể chỉ rõ khả năng làm việc tại thuộc địa của cá nhân liên quan. Tổng số thời gian nghỉ phép các loại không vượt quá giới hạn tối đa là 1 năm. Việc quân nhân nghỉ dưỡng tại những bãi tắm nước khoáng nóng, nước khoáng và trong các bệnh viện được xem như nghỉ phép.

Nghỉ phép 6 tháng và hưởng nguyên lương châu Âu

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa có thể cho phép quân nhân Sở Hiến binh ở tất cả các bậc nghỉ phép 6 tháng hưởng nguyên lương châu Âu với điều kiện những quân nhân này phải hoàn tất thời gian lưu trú tại thuộc địa theo quy định. Khi quân nhân gia hạn thời gian lưu trú tại thuộc địa, phép nghỉ 6 tháng hưởng nguyên lương châu Âu cũng được gia hạn theo tỉ lệ thời gian lưu trú bổ sung.

Việc cư trú liên tục tại nhiều thuộc địa cho phép quân nhân được hưởng phép nghỉ 6 tháng hưởng nguyên lương châu Âu. Thời gian nghỉ được tính theo tỉ lệ thời gian lưu trú tại mỗi thuộc địa.

Những quân nhân Sở Hiến binh được trả về nước do giảm biên chế, trước khi hoàn tất thời gian lưu trú thông thường tại thuộc địa, có thể được hưởng phép nghỉ 6 tháng nguyên lương.

Nghỉ phép dưỡng bệnh

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa cấp giấy nghỉ phép cũng như gia hạn thời gian nghỉ phép của quân nhân, sau khi có ý kiến của Hội đồng Y tế tối cao Bộ Thuộc địa căn cứ vào giấy chứng nhận sức khoẻ được cấp tại thuộc địa nơi các quân nhân có liên quan lưu trú, hoặc do bác sĩ quân y tại khu vực mà quân nhân nghỉ phép cấp.

Thống đốc cấp giấy nghỉ phép cho quân nhân lưu trú tại thuộc địa đồng thời phải báo cáo việc này lên Bộ trưởng.

Sau khi xác nhận tình trạng sức khoẻ của quân nhân, thời gian nghỉ phép hoặc việc gia hạn thời gian nghỉ phép chỉ được thực hiện trong thời hạn tối đa là 3 tháng liên tiếp. Thời gian nghỉ phép dưỡng bệnh

của quân nhân Sở Hiến binh hồi hương vì lí do sức khoẻ, không vượt quá 6 tháng trước khi hoàn thành thời gian lưu trú tại thuộc địa theo quy định.

Những quân nhân Sở Hiến binh nghỉ phép 6 tháng nguyên lương châu Âu có thể chuyển một phần còn lại của kì nghỉ phép này thành nghỉ phép để dưỡng bệnh theo quy định...

Nghỉ phép vì lí do cá nhân

Toàn quyền hoặc Thống đốc có thể chấp nhận việc quân nhân Sở Hiến binh nghỉ phép trong thời hạn tối đa 3 tháng, gồm cả thời gian đi lại đối với trường hợp đặc biệt, vì lí do cá nhân. Việc này phải được báo cáo lên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Trong thời gian nghỉ phép, quân nhân hưởng một nửa lương châu Âu và không được chuyển thành thời gian nghỉ phép dưỡng bệnh, cũng không được gia hạn thêm. Thời gian nghỉ phép vì lí do cá nhân không được tính vào thời gian nghỉ phép tại thuộc địa theo quy định. Những quân nhân nghỉ phép vì lí do cá nhân tự chịu chi phí đi lại của bản thân và gia đình. Quân nhân Sở Hiến binh được trao trả cho Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, không được nghỉ phép vì lí do cá nhân tại các nước thuộc địa.

Phần V. Quy định đặc biệt liên quan đến lương và tiền ăn ở của quân nhân Sở Hiến binh

Theo điều 5 của Công ước liên bộ ngày 03 tháng 6 năm 1902, Bộ Thuộc địa chịu trách nhiệm đảm bảo tiền ăn ở cho quân nhân Sở Hiến binh đang quân dịch tại thuộc địa, kể từ ngày quân nhân lên tàu tới Pháp cho đến ngày được trao trả cho Bộ trưởng Bộ Chiến tranh. Khoản chi này do ngân sách các địa phương chi trả theo điều 33 của Luật Tài chính ngày 13 tháng 4 năm 1900.

Những quy định trong Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1911 và 19 tháng 12 năm 1913 về tiền lương của quân nhân Sở Hiến binh vẫn giữ nguyên. Những sĩ quan hưởng chế độ quy định tại Sắc lệnh ngày 29 tháng 12 năm 1903 và những quân nhân tiếp tục được hưởng trợ cấp theo quy định tại Sắc lệnh ngày 03 tháng 01 năm 1903 về tiền lương, những cuộc duyệt binh của Sở Hiến binh cũng như định mức thông thường quy định trong các sắc lệnh vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Trong thời gian lưu trú tại Pháp bằng kinh phí của Bộ Thuộc địa, quân nhân Sở Hiến binh phải tuân thủ các văn bản pháp quy của chính quốc về vấn đề định mức cũng như thanh toán tiền trợ cấp.

263. Arrêté du 22 mars 1923 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant les dispositions des articles de l'arrêté du 9 novembre 1921 relatives à l'organisation des Services généraux de la Direction des Services économiques.

Nghị định ngày 22 tháng 3 năm 1923 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quy định tại các điều trong Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1921 về việc tổ chức các cơ quan trung ương thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế.

(Nguồn: J 1113, JOIF 1923, tr.562)

Theo Nghị định này, các quy định tại điều 2 của Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1921 về việc tổ chức các cơ quan trung ương thuộc Sở Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế được sửa đổi như sau:

1) Hoạt động thương mại: thay vì "Tuyên truyền và quảng cáo", sửa đổi là "Trưng bày và triển lãm".

2) "Thống kê và ấn phẩm kĩ thuật"

Sửa đổi là:

"Thống kê"	*Thống kê và niên giám*
	Thư viện và Lưu trữ tư liệu

3) Ban thư kí phụ trách biên tập Nguyệt san kinh tế *và soạn thảo ấn phẩm, ngoài những ấn phẩm thuộc phạm vi Sở Thống kê, cũng như thẩm cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động quảng cáo và tuyên truyền. Những hoạt động này được giao cho "Phòng Nguyệt san kinh tế và ấn phẩm" trong đó, trưởng phòng đặt dưới quyền chỉ đạo của Giám đốc hoặc Trưởng đơn vị do Ban Thư kí chỉ định.*

264. Décret du 1er juin 1923 du Président de la République française portant réorganisation du Service de la Trésorerie de l'Indochine et fixant le statut des trésoriers de cette colonie.

Sắc lệnh ngày 01 tháng 6 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương và quy định quy chế nhân viên ngân khố tại thuộc địa này.

(Nguồn: J 1121, JOIF 1925, tr.67-68)

Sắc lệnh gồm 3 phần,14 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Nha Ngân khố Đông Dương

Đội ngũ nhân viên Nha Ngân khố Đông Dương gồm có:

1 Giám đốc Ngân khố (trung ương) Đông Dương sống tại Hà Nội, Giám đốc phụ trách Ngân khố Nam Kì, các giám đốc phụ trách ngân khố tại Cao Miên, Trung Kì và Lào và nhân viên sở ngân khố trong đó, việc tổ chức được quy định theo Sắc lệnh ngày 06 tháng 8 năm 1921.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc phụ trách Ngân khố Nam Kì trực tiếp tiến hành hoặc tập trung công việc của các cơ quan tài chính tại chính quốc và là nhân viên thừa hành của Quỹ Tiền gửi và Kí gửi và phụ trách hoạt động của Quỹ Thương binh ngành hải quân.

Giám đốc phụ trách ngân khố tại Cao Miên cũng tiến hành các công việc này giúp cho Giám đốc phụ trách ngân khố tại Nam Kì. Giám đốc phụ trách ngân khố ở Trung Kì và Lào tập trung phục vụ Giám đốc Ngân khố Đông Dương.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương thực hiện hoặc tập trung công việc của các cơ quan tài chính liên quan đến:

1. Ngân sách chung Đông Dương;

2. Ngân sách địa phương Bắc Kì;

3. Các ngân sách bổ sung của hai ngân sách trên.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương quản lí hoạt động kế toán bằng đồng bạc Đông Dương và thuộc quyền xét xử của Toà Kiểm toán đối với những công việc này.

Giám đốc phụ trách ngân khố các kì trực tiếp tiến hành hoặc tập trung công việc của các cơ quan địa phương tại Nam Kì, Cao Miên, Trung Kì và Lào.

Những nhân viên kế toán được chỉ định có quyền quản lí riêng, thuộc quyền xét xử của Toà Kiểm toán và giúp Giám đốc Ngân khố Đông Dương thực hiện các công việc liên quan đến ngân sách chung Đông Dương và ngân sách bổ sung.

Các cụm trưởng (chefs de place) đảm bảo triển khai công việc của các cơ quan tài chính trong phạm vi thuộc địa hoặc xứ bảo hộ, dưới sự quản lí của Giám đốc Ngân khố Đông Dương và giám đốc phụ trách ngân khố các kì.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương, giám đốc phụ trách ngân khố các kì và cụm trưởng phải nộp một khoản tiền bảo lãnh để bảo đảm cho hoạt động quản lí của mình. Số tiền bảo lãnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định bằng nghị định.

Mọi chi phí cho hoạt động của Giám đốc Ngân khố Đông Dương (chi tiêu cho nhân sự, mua sắm thiết bị, phí thương lượng và đổi tiền v.v...) do ngân sách thuộc địa chi trả.

Toàn quyền Đông Dương phân bổ kinh phí giữa ngân sách chung Đông Dương và ngân sách của mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương.

Phần II. Về việc bổ nhiệm, tiền lương và xếp hạng viên chức Nha Ngân khố Đông Dương

Giám đốc Ngân khố Đông Dương, giám đốc phụ trách ngân khố các kì được bổ nhiệm theo quy định tại Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912.

Một nửa vị trí nhân viên ngân khố - người phát tiền được trao cho nhân viên phát tiền hạng 1 ngạch công chức địa phương - những người đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 25 của Sắc lệnh ngày 06 tháng 8 năm 1921.

Nghị định bổ nhiệm sẽ quy định thứ hạng đối với nhân viên ngân khố các kì. Việc thăng cấp lên hạng 1 thực hiện theo nghị định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sau khi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa chấp thuận.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương, giám đốc phụ trách ngân khố các kì phải tuân thủ các quy định trong Sắc lệnh ngày 03 tháng 7 năm 1897, ngày 02 tháng 3 năm 1910 và những sắc lệnh sau đó liên quan đến lộ phí và tiền lương của viên chức thuộc địa. Giám đốc Ngân khố Đông Dương, giám đốc phụ trách ngân khố các kì được hưởng khoản tiền phụ thêm của thuộc địa.

265. Arrêté du 2 juillet 1923 du Gouverneur général p.i de l'Indochine érigeant en province moï de Darlac le centre administratif de Darlac.

Nghị định ngày 02 tháng 7 năm 1923 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc lập trung tâm hành chính Đắc Lắc thành tỉnh Đắc Lắc.

(Nguồn: J 1115, JOIF 1923, tr.1259)

Theo Nghị định, Trung tâm hành chính Đắc Lắc được thành lập theo Nghị định ngày 09 ngày 02 năm 1913, được lập thành tỉnh Đắc Lắc và đặt dưới quyền chỉ đạo của một Công sứ Pháp tại Ban Mê Thuột.

266. Arrêté du 6 septembre 1923 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant le centre administratif de M'Drack sous l'autorité politique et administrative du Résident de France au Darlac (Annam).

Nghị định ngày 06 tháng 9 năm 1923 của Toàn quyền Đông Dương đặt trung tâm hành chính M'Đrắk dưới quyền của Công sứ Pháp tại Đắc Lắc (Trung Kì) về phương diện chính trị và hành chính.

(Nguồn: J 1115, JOIF 1923, tr.1726)

Theo Nghị định này, trung tâm hành chính M'Đrắk thành lập theo Nghị định ngày 19 tháng 01 năm 1904 thuộc tỉnh Khánh Hoà, tạm thời do Công sứ Pháp tại Đắc Lắc quản lí về mặt chính trị và hành chính.

267. Décret du 20 octobre 1923 du Président de la République française complétant l'article 11 du décret du 28 septembre 1920 réorganisant le Conseil supérieur des colonies.

Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ sung điều 11 của Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 1115, JOIF 1923, tr.2747-2748)

Theo Sắc lệnh này, điều 11 của Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 về việc tái cơ cấu Hội đồng Thuộc địa tối cao được bổ sung như sau:

"Tại mỗi đoàn cử tri, việc bỏ phiếu được tiến hành sau khi kết thúc nhiệm kì 4 năm.

Trong trường hợp đại biểu qua đời, từ chức hoặc trường hợp kết quả bầu cử bị huỷ bỏ, cử tri được triệu tập trong thời hạn 3 tháng sau đó".

268. Arrêté du 8 novembre 1923 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service de la Police sanitaire maritime au Tonkin.

Nghị định ngày 08 tháng 11 năm 1923 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức cơ quan Cảnh sát Y tế biển Bắc Kì.

(Nguồn: J 1115, JOIF 1923, tr.2435-2438)

Nghị định gồm 32 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan Cảnh sát Y tế biển Bắc Kì bao gồm:

- Khu vực y tế Hải Phòng từ Hòn Dấu đến Quảng Yên;

- Các trạm y tế tại cảng phụ Hòn Gai và Móng Cái, nơi làm việc của nhân viên Sở Y tế. Trạm y tế cảng Wallut (cảng Cẩm Phả hay cảng Vạn Hoa) có một nhân viên quản trị hàng hải được sáp nhập vào Móng Cái.

Do thường xuyên phải tiếp nhận hàng nhập khẩu từ một số nước bị nhiễm bệnh hoặc bị nghi nhiễm bệnh, Cảng Hải Phòng cần có:

- Một trạm cách li các khu kiểm dịch khác nhau để khử trùng hàng hoá;

- Một bộ phận lưu động có nhiệm vụ khử trùng trên các tàu thuyền, diệt chuột, trừ sâu bọ, ruồi, muỗi.

Trạm y tế Hòn Gai và Móng Cái có một phòng cách li và một phòng khử trùng (phòng sunfua hoá và các máy sunfua hoá).

Lực lượng hoa tiêu chịu trách nhiệm thám sát các tàu đánh bắt xa bờ khi đến Hải Phòng hoặc khi vào sông (Cửa Nam Triệu) theo thể thức quy định trong phần V của Sắc lệnh ngày 07 tháng 6 năm 1922.

Những tàu được chứng nhận an toàn, được ra vào cảng Hải Phòng. Những tàu bị cho là nhiễm khuẩn hoặc nghi nhiễm khuẩn được cho vào cảng Hải Phòng nhưng phải kéo cờ hiệu màu vàng trên cột buồm và yêu cầu khám tàu.

Những tàu bị cách li kiểm dịch cũng phải mang cờ hiệu màu vàng trên cột buồm.

Ngay khi cập cảng Hải Phòng và các cảng phụ, thuyền mành, thuyền buồm nhỏ và các loại xuồng biển khác bắt buộc phải được khám khi phát hiện thấy không đến từ thuộc địa và có dấu hiệu khả nghi. Những tàu bị nhiễm khuẩn hoặc khả nghi được chở hàng hoá vào cảng Hải Phòng theo chế độ cách li kiểm dịch. Điểm neo đậu của các tàu này do thuyền trưởng quyết định, sau khi được nhân viên chính của Sở Y tế đồng ý tại một khu vực đủ điều kiện cách li và không liên hệ được với đất liền.

Những sà lan được phép cập bến để giao hàng bằng tời nhưng tuyệt đối nhân viên trên tàu và nhân viên bên ngoài không tiếp xúc với nhau. Bộ phận y tế lưu động thực hiện giám sát trong quá trình diễn ra các hoạt động này.

Những tàu bị nhiễm khuẩn hoặc nghi nhiễm bệnh có thể dỡ các loại hàng hoá không bị nghi ngờ. Còn những loại hàng hoá khả nghi được đưa vào trạm cách li để khử trùng. Tàu thuyền bị nhiễm khuẩn hoặc có dấu hiệu khả nghi chỉ được vào bến khi xuất trình giấy chứng nhận do nhân viên chính của Sở Y tế cấp trong đó xác nhận đã qua kiểm dịch, khử trùng, trừ sâu bọ, ruồi, muỗi hoặc diệt chuột tại cảng Hải Phòng hoặc cảng Sài Gòn.

Theo Sắc lệnh ngày 07 tháng 6 năm 1922, trường hợp hành khách được cấp giấy thông hành, cơ quan y tế có trách nhiệm thông báo

cho Đốc lí hoặc người có thẩm quyền và bác sĩ địa phương nơi hành khách đến về việc cấp giấy thông hành cũng như thời hạn thi hành. Những người được cấp giấy thông hành của cơ quan y tế không tuân theo các nghĩa vụ có liên quan có thể bị xử phạt theo quy định tại điều 14 của Luật ngày 03 tháng 3 năm 1922.

Cơ cấu tổ chức của cơ quan Cảnh sát Y tế biển

Được sự uỷ nhiệm của Tổng Thanh tra các cơ quan y tế Đông Dương, Trưởng ban Y tế địa phương Bắc Kì giữ chức Giám đốc Sở Y tế theo quy định tại Sắc lệnh ngày 07 tháng 6 năm 1922 để thực thi công việc của cơ quan Cảnh sát Y tế đường biển Bắc Kì.

Nhân viên Sở Y tế gồm có:

+ Nhân viên chính của Sở Y tế, Trưởng khu vực y tế đường biển Hải Phòng;

+ Bác sĩ khám tàu tại cảng Hải Phòng;

+ Nhân viên trạm y tế;

+ Nhân viên quản trị Sở Y tế;

+ Bác sĩ trạm cách li Hải Phòng;

+ Lính gác trạm cách li;

+ Lính gác trạm y tế;

+ Nhân viên làm việc tại vũng tàu cũng như trạm cách li; thợ cơ khí; thuyền trưởng v.v...

Nhân viên chính của Sở Y tế tại khu vực Hải Phòng là người đại diện cho Trưởng ban Y tế địa phương Bắc Kì tại khu vực này có quyền áp dụng hoặc đề xuất các biện pháp hành chính hoặc kĩ thuật liên quan

Xuồng hoặc sà lúp hơi nước thường xuyên được sử dụng để khám tàu tại khu vực cảng Hải Phòng. Để thi hành nhiệm vụ, nhân viên y tế có quyền sử dụng phương tiện vận chuyển hoặc những chiếc xuồng đảm bảo độ nhanh chóng và an toàn.

Chính quyền Bảo hộ Bắc Kì có trách nhiệm bảo trì trụ sở làm việc và cung cấp thiết bị cần thiết để đảm bảo công việc của Cơ quan Y tế đường biển Bắc Kì. Chính quyền Bảo hộ cũng đảm bảo các phương tiện cần thiết để vận chuyển hành khách cần được cách li kiểm dịch, hành lí được khử trùng và hàng hoá nghi nhiễm bệnh.

Nhân viên cảng thương mại Hải Phòng hoặc các cảng phụ có nhiệm vụ giữ gìn và bảo dưỡng sà lúp hơi nước, xuồng, sà lan cũng như các loại máy khử trùng di động trong điều kiện như đối với tàu thuyền được dùng để phục vụ lực lượng cảnh sát tại các vũng tàu.

Tại cảng Hải Phòng, một phòng đặc biệt được dành cho đội ngũ lính gác trạm y tế phụ trách quản lí thiết bị, động sản hoặc những vật dụng khác.

Nhân viên trông coi trại cách li Hải Phòng là người quản lí - kế toán viên chịu trách nhiệm giám sát phòng ốc, thiết bị và tiền bạc đồng thời bảo trì và giám sát hoạt động của lò hấp.

Mọi tài liệu hành chính, kế toán, đơn xin cấp trang thiết bị v.v... đều phải được nhân viên chính Sở Y tế kí xác nhận và gửi tới Chánh Sở Y tế địa phương Bắc Kì.

Lính gác trạm y tế tại cảng Hải Phòng gồm người Âu và người bản xứ. Số lượng biên chế có thể thay đổi tuỳ theo nhu cầu, ưu tiên lựa chọn trong số nhân viên cảnh sát hành chính hoặc thuế quan, hoặc trong số y sĩ người Âu của Hội Y tế hoặc của Sở Y tế. Mỗi trạm y tế đều có một lính gác người Âu hoặc bản xứ. Ngoài ra, một lực lượng lính gác tạm thời gồm cả người Âu và bản xứ được bổ nhiệm để phục vụ cho cơ quan y tế trong trường hợp cần thiết.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, lính gác y tế người Âu và người bản xứ đeo băng tay màu vàng có chữ cái đầu là S.S (Service de la Santé - Sở Y tế) vào cánh tay trái.

Hội đồng Y tế

Thành phần Hội đồng Y tế khu vực Hải Phòng được quy định như sau:

Đốc lí làm Chủ tịch;

Các uỷ viên: Chánh Sở Hàng hải; nhân viên chính Sở Y tế; Phó Chánh Nha Thuế quan; sĩ quan cấp tá do Tư lệnh Quân đội chỉ định; Viên quản lí Sở Đăng kiểm hàng hải; dược sĩ bệnh viện; bác sĩ hộ tịch; uỷ viên Phòng Thương mại và bác sĩ khám tàu làm thư kí.

Hoạt động của Trại Cách li Cửa Cấm

Trại Cách li Cửa Cấm có nhiệm vụ:

1. Đảm bảo cách li đối với các loại hành khách khác nhau;

2. Khử trùng hành lí và hàng hoá khả nghi.

Các khu vực trong trại hoàn toàn cách biệt và có hàng rào bao quanh.

Hành khách đưa vào Trại Cách li được dẫn tới khu khử trùng dưới sự hướng dẫn của một lính gác bản xứ. Những hành khách này phải trải qua các khâu khử trùng theo quy định của bác sĩ, sau đó phải ở tại các phòng với thứ hạng tương ứng. Hết thời hạn cách li kiểm dịch, những hành khách được cấp phép ra ngoài, tiếp tục phải trải qua các khâu khử trùng mới theo lệnh của bác sĩ.

Những Trại Cách li kiểm dịch dành cho người Âu và người bản xứ được chia làm 3 hạng và bố trí cách biệt. Phí lưu trú hàng ngày của người Âu tại phòng cách li được tính tương đương với phí điều trị tại các bệnh viện và trạm quân y lưu động hàng năm do Toàn quyền quy định bằng nghị định.

Trước khi đến Trại Cách li, những người bị cách li kiểm dịch không được liên hệ với công sở, phải điền vào phiếu các thông tin liên quan đến hộ tịch, chỉ rõ họ muốn được nhận vào hạng nào và phải nộp phí lưu trú trong suốt thời gian bị cách li kiểm dịch. Những người không có đủ tiền được coi như người nghèo khó được xếp vào hạng 3.

Các bữa ăn được nhân viên tiếp tế chuẩn bị bên ngoài Trại Cách li kiểm dịch. Nhân viên buộc phải ở lại Trại Cách li sẽ giao khẩu phần ăn và đảm bảo công việc tại đây. Bát đĩa, quần áo, đồ thuỷ tinh của các Trại Cách li do bộ phận hành chính của trại cung cấp. Những vật dụng này xếp thành từng loại riêng biệt và không được để lẫn lộn. Nhân viên y tế buộc phải ở tại các Trại Cách li kiểm dịch, được hưởng chế độ ăn uống ở mức tương đương với vị trí trong thời gian lưu trú tại đây. Nước và nguyên liệu đã qua sử dụng được khử trùng hàng ngày và chỉ được tháo ra ngoài sau khi đã làm sạch. Nhà tiêu cũng được tẩy uế 2 lần một ngày.

269. Décret du 11 décembre 1923 du Président de la République française modifiant le décret du 9 juin 1922 portant réorganisation du Conseil colonial de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 11 tháng 12 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.

(Nguồn: J 1117, JOIF 1924, tr.204)

Theo Nghị định này, điều 20 của Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tái cơ cấu Hội đồng thuộc địa Nam Kì được bổ sung như sau:

"Những uỷ viên Hội đồng Thuộc địa trúng cử và được công bố tại nhiệm cho đến khi có quyết định chính thức liên quan đến các đơn khiếu kiện về cuộc bầu cử."

270. Arrêté du 22 décembre 1923 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les attributions des 2è, 3è bureaux du Service du Personnel du Gouvernement général.

Nghị định ngày 22 tháng 12 năm 1923 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quyền hạn của các phòng 2 và 3 của Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1115, JOIF 1923, tr.2789-2790)

Theo Nghị định này, phòng 2 và 3 của Ban Nhân sự theo Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1922 được sửa đổi như sau:

Phòng 2 phụ trách cơ quan dân sự; đội kính khố xanh; học chính; các kĩ sư hoá học; nhân viên các đội tàu; kì thi sát hạch và chứng chỉ tiếng phương Đông. Phòng 2 có đầy đủ các quyền hạn giống như phòng 1 về vấn đề nhân sự.

Phòng 3 phụ trách trại giam cải tạo; địa chính; lâm nghiệp; cảnh sát (đô thị và an ninh); nhập cư; các sở canh nông; sở thương mại; sở y tế; sở thú y. Phòng 3 có đầy đủ các quyền hạn giống như phòng 1 về nhân sự.

271. Arrêté du 29 février 1924 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant les circonscriptions de Go Cong, Sa Dec et Ha Tien en provinces.

Nghị định ngày 29 tháng 02 năm 1924 của Toàn quyền Đông

Dương quyết định lập các khu Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên thành tỉnh.

(Nguồn: J 1117, JOIF 1924, tr.489)

Theo Nghị định này,Nghị định ngày 09 ngày 02 năm 1913 về việc đặt khu hành chính Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên dưới quyền chỉ đạo của Chánh Chủ tỉnh Mỹ Tho, Vĩnh Long và Châu Đốc về mặt hành chính bị huỷ bỏ.

Các khu hành chính Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên được lập thành tỉnh dưới quyền chỉ đạo của Chánh Chủ tỉnh.

272. Arrêté du 15 mars 1924 du Gouverneur général de l'Indochine groupant les provinces de l'Annam en 5 secteurs vétérinaires.

Nghị định ngày 15 tháng 3 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương quyết định tập hợp các tỉnh Trung Kì thành 5 hạt thú y.

(Nguồn: J 1117, JOIF 1924, tr.571)

Theo Nghị định, các tỉnh Trung Kì được tập hợp thành 5 hạt thú y như sau:

- Hạt 1 Bến Thủy - Vinh: tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh

- Hạt 2 Huế: các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam và hạt Đà Nẵng.

- Hạt 3 An Khê (tỉnh Kon Tum): các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Phú Yên.

- Hạt 4 Nha Trang: các tỉnh Khánh Hoà, Phan Rang, Bình Thuận, Đắc Lắc, Đồng Nai Thượng và thành phố Đà Lạt.

- Hạt 5 Thanh Hoá: tỉnh Thanh Hoá.

273. Arrêté du 15 avril 1924 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la Direction des Affaires Economiques.

Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế.

(Nguồn: J 1117, JOIF 1924, tr.734-735)

Nghị định gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế (Direction des Services économiques) sẽ mang tên Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế. Theo đó, quyền hạn của Ban được quy định như sau:

Phòng 1. Pháp chế về kinh tế phụ trách:

- Luật Thương mại và Kĩ nghệ (trừ lĩnh vực mỏ).

- Quy định các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực thương mại và kĩ nghệ.

- Sở hữu thương mại và kĩ nghệ.

- Quy định về thuế liên quan đến thương mại và kĩ nghệ.

- Kiểm tra biểu thuế, thuế xuất khẩu, biểu giá ngành đường sắt, thuế cảng v.v.. và tác động của thuế đối với nền kinh tế.

- Tín dụng thương mại và kĩ nghệ. Bảo hiểm. Tiền tiết kiệm. Quy chế lao động. Cân đo. Kiểm soát kim loại quý.

Phòng 2. Thống kê - Nghiên cứu. Tư liệu và tổ chức tuyên truyền kinh tế phụ trách:

- Thống kê.

- Phân loại và vận dụng tư liệu kinh tế do các cơ quan và nước ngoài cung cấp. Các công trình nghiên cứu về kinh tế.

- Kiểm tra công việc của các Phòng Thương mại.

- Nguyệt san kinh tế.

- Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến du lịch.

- Nhiếp ảnh, kĩ thuật điện ảnh.

- Tổ chức tuyên truyền kinh tế.

- Quảng cáo, trưng bày, triển lãm

- Quan hệ với Cục Kinh tế Đông Dương và tuỳ viên thương mại.

Phòng 3. Thương mại hàng hải

- Luật nhượng quyền thương mại và đánh bắt ngoài biển.

- Các vụ kiện hành chính, thương mại và tranh chấp liên quan đến hoạt động hàng hải.

- Nghiên cứu và kiểm soát việc thực thi hợp đồng của các cơ quan vận tải đường biển và đường sông.

- Hạm đội Đông Dương.

Sở Điện báo vô tuyến Đông Dương được sáp nhập vào Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế.

Giám đốc Điện báo vô tuyến Đông Dương chịu trách nhiệm kiểm soát, xây dựng trung tâm vô tuyến điện báo Sài Gòn và khai thác dịch vụ vô tuyến điện báo ngoài khu vực. Giám đốc Điện báo vô tuyến Đông Dương thuộc quyền quản lí trực tiếp của Trưởng ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế.

Trưởng ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế có quyền hạn tương tự như người đứng đầu cơ quan theo quy định của Nghị định ngày 26 tháng 01 năm 1912. Đối với nhân sự của Sở, Trưởng ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế có quyền hạn dành cho người đứng đầu cơ quan theo Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 và những văn bản khác liên quan đến quy chế nhân sự Đông Dương.

Đài quan sát Từ trường và Khí tượng trung ương trở thành một cơ quan độc lập trong điều kiện quy định tại Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1921. Tuy nhiên, cơ quan này vẫn giữ mối liên hệ trực tiếp với Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế trong công việc và thống kê.

Sở Địa chính và Ban Chỉ đạo Hạm đội Đông Dương bị bãi bỏ.

274. Arrêté du 15 avril 1924 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de l'Inspection générale de l'Agriculture, de l'Elevage et des Forêts de l'Indochine.

Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Tổng Thanh tra Nông, Lâm và Chăn nuôi Đông Dương.

(Nguồn: J 1117, JOIF 1924, tr.734-735)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Nha Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi được thành lập tại Phủ Toàn quyền, với quyền hạn như sau:

- Kiểm soát các Sở Canh nông về mặt kĩ thuật và nghề nghiệp; nghiên cứu những vấn đề liên quan đến nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi tằm, nuôi cá và hoạt động đánh bắt tại vùng nước ngọt;

- Kiểm soát các Sở Thú y và Chăn nuôi trên phương diện kĩ thuật và nghề nghiệp; nghiên cứu những vấn đề liên quan đến bệnh dịch động vật và cải tạo giống ngựa;

- Kiểm soát các Sở Lâm nghiệp địa phương; nghiên cứu hoạt động khai khẩn rừng, kinh doanh gỗ và quy chế săn bắn.

Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi chịu trách nhiệm tập hợp mọi tư liệu kĩ thuật thẩm quyền; tập trung báo cáo và chuyên khảo của các cơ quan địa phương; soạn thảo thông tư hướng dẫn về mặt kĩ thuật để gửi tới chính quyền địa phương.

Thống đốc, Thống sứ và Khâm sứ được thông tin về các cuộc thanh tra, cũng như nội dung của các cuộc thanh tra đó. Những nhận xét cũng như đề xuất của Tổng Thanh tra nêu trong báo cáo phải có nhận xét của Thống đốc hoặc Thống sứ kèm theo, khi bản báo cáo này được gửi tới Toàn quyền.

Giúp việc cho Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi là:

- Một thanh tra thú y và chăn nuôi được lựa chọn trong số nhân viên thú y, chăn nuôi và dịch động vật. Viên thanh tra này kiểm soát các sở thú y và chăn nuôi về mặt kĩ thuật và nghề nghiệp; nghiên cứu những vấn đề về bệnh dịch động vật, cải tạo giống ngựa;

- Một thanh tra lâm nghiệp phụ trách các Sở Lâm nghiệp địa phương về mặt kĩ thuật; nghiên cứu về đồn điền, kinh doanh gỗ và quy chế chăn nuôi.

275. Arrêté du 15 avril 1924 du Gouverneur général de l'Indochine portant institution dans chaque pays de l'Union indochinoise d'un chef local du Service de l'Enseignement

Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập chức Giám đốc Sở Học chính địa phương tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương.

(Nguồn: J 1117, JOIF 1924, tr.735-736)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Sở Học chính tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương do Giám đốc

Sở Học chính địa phương điều hành, dưới quyền của Thống đốc hoặc Thống sứ. Giúp việc cho Giám đốc Sở Học chính là một viên Tổng Thanh tra bậc giáo dục tiểu học.

Toàn quyền là người chỉ định Giám đốc Sở Học chính địa phương theo đề nghị của Thống đốc hoặc Thống sứ và Giám đốc Nha Học chính Đông Dương. Giám đốc Sở Học chính địa phương được lựa chọn trong số viên chức ngành giáo dục, làm việc trong ngành học chính của chính quốc hoặc thuộc địa 10 năm, trong đó có ít nhất 3 năm làm việc tại Đông Dương và có bằng thạc sĩ, hoặc cử nhân sư phạm, hoặc chứng chỉ sư phạm do các trường Sư phạm cấp và ở ngạch giáo viên chính bậc đệ nhị cấp ngành học chính Đông Dương.

Tổng Thanh tra bậc giáo dục tiểu học giúp việc cho Giám đốc Sở Học chính địa phương do Toàn quyền chỉ định, theo đề nghị của Thống đốc hoặc Thống sứ và Giám đốc Nha Học chính Đông Dương. Tổng Thanh tra được lựa chọn trong số giáo viên bậc đệ nhị cấp, có ít nhất 5 năm làm việc tại Đông Dương. Khi đảm nhiệm chức vụ mới, những viên chức này được hưởng lương và bảo lưu quyền nâng bậc của ngạch ban đầu.

Giám đốc Sở Học chính địa phương và Tổng Thanh tra bậc giáo dục tiểu học hưởng phụ cấp chức vụ đặc biệt theo quy định của Toàn quyền.

Giám đốc Sở Học chính địa phương quản lí toàn bộ nhân sự ngành giáo dục, trừ đội ngũ nhân viên làm việc tại những đơn vị được duy trì bằng ngân sách chung Đông Dương. Giám đốc Sở Học chính địa phương có đầy đủ quyền hạn quy định trong "Bộ Học chính tổng quy".

Tổng Thanh tra bậc giáo dục tiểu học giúp việc cho Giám đốc Sở Học chính địa phương trong việc thực thi các quyền hạn; tiến hành thanh tra các trường tiểu học, cao đẳng tiểu học và trường thành chung trong xứ.

276. Arrêté du 8 avril 1925 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de l'Inspection générale et des circonscriptions des travaux publics en Indochine.

Nghị định ngày 08 tháng 4 năm 1925 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Nha Tổng Thanh tra Công chính và các Khu Công chính ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1121, JOIF 1925, tr.758-762)

Nghị định gồm 30 điều với các nội dung chính sau:

Nha Tổng Thanh tra Công chính, các Khu Công chính và Sở Mỏ được tổ chức thành các khu, tiểu khu và chi khu. Tại các bộ phận thường trú, chi khu đặt theo tên các phòng. Một số chi khu không quan trọng đủ để lập thành hạt có thể gộp thành bộ phận, thuộc quản lí của kĩ sư trưởng bộ phận. Các chi khu nhỏ ít quan trọng hợp thành một hạt, giao cho một phụ tá kĩ thuật hay giám sát viên người Âu hoặc cho một kĩ sư lục lộ hay nhân viên kĩ thuật người Đông Dương phụ trách.

Các chức danh kĩ sư trưởng, kĩ sư chính, Trưởng các Khu Công chính do Toàn quyền Đông Dương chỉ định.

Viên chức ở các chức danh khác của các Khu Công chính do người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ định. Viên chức của Tổng Thanh tra, các khu đặc biệt và Sở Mỏ do Tổng Thanh tra Công chính chỉ định.

Trụ sở của các Khu Công chính được đặt tại thủ phủ của chính quyền các kì tương ứng. Trụ sở của các Khu Công chính đặc biệt do Toàn quyền Đông Dương quy định.

A. Nha Tổng Thanh tra Công chính

Tổng Thanh tra Công chính có quyền hạn quy định tại điều 2 của Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 và Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1923. Tổng Thanh tra quản lí nhân sự các cơ quan Công chính và Mỏ, quyết định các hình thức kỉ luật cấp 1 đối với những vị trí khác nhau của các sở.

Nha Tổng Thanh tra Công chính gồm các bộ phận:

a, Văn phòng Ban Thư kí;

b, Một khu phụ trách hành chính gồm các công việc nhân sự, kế toán và tài phán;

c, Hai khu phụ trách kĩ thuật: một khu phụ trách các công việc về cầu, đường, công trình hàng hải và một khu phụ trách thuỷ nông và phân phối điện

d, Một khu phụ trách đường sắt;

e, Một sở phụ trách các công trình dân sự.

B. Các khu Công chính đặc biệt

- Khu Khai thác Đường sắt Đông Dương;

- Khu Nghiên cứu và Xây dựng Đường sắt Bắc Trung Kì;

- Khu Nghiên cứu và Xây dựng Đường sắt Nam Trung Kì.

1. Khu Khai thác Đường sắt Đông Dương

Khu Khai thác Đường sắt Đông Dương chịu trách nhiệm về việc khai thác các tuyến đường sắt không nhượng của Đông Dương với các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Khai thác các tuyến đường sắt hoặc tàu điện thuộc ngân sách địa phương.

- Bảo quản công sản đường sắt và tiến hành bảo trì hoặc hoàn thiện các tuyến đường được giao khai thác. Khu quản lí kinh phí từ ngân sách dành cho khai thác đường sắt và thanh toán các khoản chi tương ứng; quản lí các quỹ đặc biệt dành cho đường sắt theo quy định của Toàn quyền Đông Dương.

Đứng đầu Khu Khai thác Đường sắt Đông Dương là một kĩ sư trưởng. Viên chức cao cấp này có thể uỷ quyền cho các Trưởng tiểu khu một số quyền hạn về thanh toán các khoản chi.

Khu Khai thác Đường sắt Đông Dương có 3 tiểu khu do kĩ sư chính làm Trưởng Tiểu khu:

- Tiểu khu phía Bắc có trụ sở tại Hà Nội chịu trách nhiệm khai thác các tuyến từ Hà Nội đi Na Chàm và từ Hà Nội đi Tân Ấp.

- Tiểu khu Trung Trung Kì có trụ sở tại Đà Nẵng chịu trách nhiệm khai thác tuyến Đà Nẵng - Đông Hà và đoạn kéo dài đến Tân Ấp.

- Tiểu khu phía Nam có trụ sở tại Sài Gòn chịu trách nhiệm khai thác tuyến Sài Gòn - Nha Trang và các tuyến nhánh.

Mỗi Tiểu khu được chia thành 3 bộ phận: Bộ phận Đường sắt và Tàu, Bộ phận Thiết bị và Đầu máy, Bộ phận Giao thông và Vận hành.

2. Khu Nghiên cứu và Xây dựng Đường sắt Bắc Trung Kì

Khu Nghiên cứu và Xây dựng Đường sắt Bắc Trung Kì chịu trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng tuyến đường sắt Vinh - Đông Hà và tuyến Tân Ấp - Thà Khẹt.

3. Khu Nghiên cứu và Xây dựng Đường sắt Nam Trung Kì

Khu Nghiên cứu và Xây dựng Đường sắt Nam Trung Kì chịu trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng tuyến đường sắt Đà Nẵng - Nha Trang và Krongpha - Đà Lạt.

C. Các khu Công chính

1. Khu Công chính Bắc Kì

Khu Công chính Bắc Kì chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu và thi công các công trình công chính tại Bắc Kì theo nguồn ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương Bắc Kì và nguồn vốn từ công trái trừ công trình đường sắt đã giao cho các khu đặc biệt;

- Kiểm soát việc phân phối điện, kiểm soát ô tô, sửa chữa các công cụ chính xác của Khu Công chính;

- Thực hiện một số nhiệm vụ không thuộc địa phận Bắc Kì như: phụ trách hải đăng và cọc tiêu ven biển Trung Kì đến vịnh Phan Rang; phụ trách hải đăng, cọc tiêu và cảng biển; phụ trách Cảng Quảng Châu Loan; nghiên cứu và thi công công trình tưới tiêu của tỉnh Thanh Hoá (Trung Kì).

Đứng đầu Khu Công chính Bắc Kì là một viên chức cao cấp ngạch kĩ sư trưởng. Phụ tá cho Trưởng Khu là kĩ sư chính phụ trách chỉ đạo các công trình nghiên cứu của các tiểu khu.

Khu Công chính Bắc Kì gồm 5 tiểu khu:

- Hai tiểu khu phụ trách công việc thường xuyên: nghiên cứu, xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc địa và đường địa phương, các công trình dân sự ở các tỉnh; nghiên cứu và thi công các công trình vệ sinh đô thị ở Bắc Kì.

- Một tiểu khu phụ trách thuỷ lợi: nghiên cứu, xây dựng, cải tạo các công trình phòng chống lũ lụt, ngập mặn, tưới tiêu, cải tạo đất, giao thông đường sông.

- Một khu phụ trách công việc ven biển: nghiên cứu và xây dựng, cải tạo các công trình liên quan đến cảng biển, vũng tàu, chiếu sáng và đặt cọc tiêu đường sông và biển, an ninh ở cảng trên địa bàn Bắc Kì và Quảng Châu Loan; hải đăng và cọc tiêu ở phía Bắc Phan Rang.

- Một tiểu khu phụ trách xây dựng dân sự phụ trách nghiên cứu và thi công các công trình xây dựng dân dụng tại Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh.

2. Khu Công chính Trung Kì

Khu Công chính Trung Kì chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu và thi công các công trình công chính tại Trung Kì theo nguồn ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương Trung Kì và nguồn vốn từ công trái trừ các công trình đường sắt đã giao cho các khu đặc biệt, các công trình tưới tiêu và công tác chiếu sáng và đặt cọc tiêu ven biển;

- Thi công các công trình có mức đầu tư trên 10.000 đồng thuộc ngân sách thành phố Đà Lạt;

- Kiểm soát việc phân phối điện và kiểm soát ô tô.

Đứng đầu Khu Công chính Trung Kì là một viên chức cao cấp ngạch kĩ sư trưởng.

Khu Công chính Trung Kì gồm 7 tiểu khu:

- Ba tiểu khu phụ trách các công việc thường xuyên: nghiên cứu, xây dựng, cải tạo và sửa chữa các tuyến đường thuộc địa và địa phương, các công trình xây dựng dân dụng, các công trình vệ sinh đô thị ở Trung Kì.

- Một tiểu khu phụ trách nghiên cứu, xây dựng và cải tạo công trình liên quan đến cảng biển, vũng, vịnh và an ninh cảng...

- Hai tiểu khu phụ trách thuỷ lợi: nghiên cứu và thi công các công trình tưới tiêu, cải tạo đất, sông ngòi và dòng chảy, các cảng sông.

- Một tiểu khu phụ trách xây dựng dân dụng.

3. Khu Công chính Nam Kì

Khu Công chính Nam Kì chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu và thi công các công trình công chính tại Nam Kì theo nguồn ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương Nam Kì, ngân sách tỉnh, ngân sách Cảng Thương mại Sài Gòn và nguồn vốn từ công trái;

- Kiểm soát các công trình thi công bằng tiền ngân sách cấp xã; phân phối điện; kiểm soát ô tô; kiểm soát việc khai thác đường sắt ở Nam Kì;

- Thực hiện một số nhiệm vụ về hải đăng và cọc tiêu ở ngoài Nam Kì: ở phía Bắc Nam Kì, các cảng ở Cao Miên.

Đứng đầu Khu Công chính Nam Kì là một viên chức cao cấp ngạch kĩ sư trưởng.

Khu Công chính Nam Kì gồm 8 tiểu khu:

- Một tiểu khu phụ trách về kĩ thuật chịu trách nhiệm thẩm tra các dự án.

- Một tiểu khu phụ trách Cảng Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Một tiểu khu phụ trách giao thông đường thuỷ.

- Ba tiểu khu phụ trách các công việc thường xuyên.

- Một tiểu khu phụ trách xây dựng dân dụng.

- Một tiểu khu phụ trách việc vệ sinh đô thị.

- Bộ phận "Khai thác cảng Sài Gòn - Chợ Lớn" được sáp nhập vào Khu Công chính Nam Kì.

4. Khu Công chính Cao Miên

Khu Công chính Cao Miên chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu và thi công các công trình công chính tại Cao Miên theo nguồn ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương Cao Miên, và nguồn vốn từ công trái trừ các công trình đường sắt và các công việc liên quan đến hải đăng và cọc tiêu ven bờ;

- Kiểm soát ô tô và phân phối điện ở Cao Miên.

Khu Công chính Cao Miên gồm 3 tiểu khu: hai tiểu khu phụ trách các công việc thường xuyên và một tiểu khu phụ trách giao thông đường thuỷ, thuỷ lợi, vệ sinh đô thị, cải tạo đất, cấp nước, chiếu sáng...

5. Khu Công chính Lào

Khu Công chính Lào chịu trách nhiệm nghiên cứu và thi công các công trình công chính tại Lào theo nguồn ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương Lào, và nguồn vốn từ công trái, trừ các công trình đường sắt. Khu Công chính Lào có duy nhất một tiểu khu.

6. Khu Công chính Quảng Châu Loan: *phụ trách các công trình nghiên cứu và thi công các công trình tại địa bàn.*

277. Arrêté du 24 mai 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un centre administratif de Pleiku, province de Kontum.

Nghị định ngày 24 tháng 5 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Pleiku, tỉnh Kon Tum.

(Nguồn: J 1121, JOIF 1925, tr.1031)

278. Arrêté du 30 juillet 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un 5è bureau à la Direction des Finances.

Nghị định ngày 30 tháng 7 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập phòng 5 tại Nha Tài chính.

(Nguồn: J 1123, JOIF 1925, tr.1541-1542)

Theo Nghị định, điều 5 của Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 quyết định tổ chức lại Nha Tài chính được thay bằng những quy định sau đây:

Nha Tài chính Đông Dương gồm có 1 văn phòng do Phó Giám đốc phụ trách và 5 phòng với quyền hạn như sau:

Văn phòng:

Phụ trách công văn, tài liệu và những vấn đề liên quan đến nhân sự của Nha Tài chính; các công việc khác.

Phòng 1

Ban 1: Xem xét các sự vụ được trình lên Toàn quyền phê chuẩn; hướng dẫn và áp dụng các quy định chung về chế độ tài chính của

các thuộc địa cũng như hợp đồng cung ứng, thi công (chuẩn bị ngân sách chung Đông Dương).

Ban 2: Tổ chức tài chính và thuế quan tại Đông Dương; chế độ tiền tệ; hoàn vốn; quan hệ với Ngân hàng Đông Dương; Ngân khố; hoạt động của Ngân khố; tài khoản "Phí giao dịch và hối đoái".

Phòng 2

Phụ trách hướng dẫn, áp dụng và ban hành các quy định chung về tiền lương, phụ cấp lương, đi lại, thuyên chuyển, hưu trí, lương hưu và quỹ hưu, tài khoản hỗ trợ, cứu trợ, viện trợ và các khoản trợ cấp khác.

Phòng 3

Chịu trách nhiệm kiểm soát khoản chi và bảng kê các khoản chi được đưa vào ngân sách chung Đông Dương; thanh toán các khoản chi có thể khấu vào phần kinh phí do Nha Tài chính quản lí; phát lệnh chi trả những khoản chi thuộc ngân sách chung Đông Dương; kiểm tra bảng kê các nhu cầu do viên chuẩn chi cung cấp; cấp quyền uỷ lĩnh tiền cho chủ kinh phí phụ; những khoản thu thuộc ngân sách chung Đông Dương; khôi phục quỹ tín dụng; báo cáo quyết toán và báo cáo hàng quý gửi đến Bộ Thuộc địa; hoạt động kế toán của quỹ dự phòng và tương tế.

Phòng 4

Phụ trách những vấn đề liên quan đến ngân sách bổ sung, ngân sách địa phương và toàn bộ các khoản vay; tranh chấp liên quan đến các khoản vay; kiểm soát việc chuẩn bị ngân sách bổ sung và ngân sách địa phương; bảng kê các khoản thu, chi trong ngân sách địa phương; thống kê tài chính thuộc ngân sách địa phương; quỹ dự phòng và tương tế thuộc các loại ngân sách trên; ngân sách các tỉnh và thành phố; hiệu cầm đồ; thị trường chứng khoán; quỹ tiết kiệm; quan hệ với Ngân hàng Đông Dương và Ngân khố đối với những vấn đề liên quan đến các khoản vay.

Phòng 5

Phụ trách công trái; công trái địa phương; hoạt động in ấn, lập danh sách trái phiếu v.v...; tu bổ những công trái bị hư hỏng.

Phát lệnh chi trả những khoản chi thuộc ngân sách bổ sung (ngành đường sắt, công trái, Xưởng đóng tàu Sài Gòn, Quảng Châu Loan v.v...); thanh toán những khoản chi có thể khấu vào phần kinh phí do Nha Tài chính trực tiếp quản lí; báo cáo quyết toán ngân sách bổ sung; lập báo cáo gửi tới Hội đồng Toàn quyền liên quan đến ngân sách bổ sung; tài khoản đặc biệt của ngành đường sắt; công tác kế toán vật phẩm của Đông Dương; bảng kê động sản và bất động sản.

279. Arrêté du 7 septembre 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un centre administratif de Vu Ban, province de Hoa Binh.

Nghị định ngày 07 tháng 9 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Vụ Bản, tỉnh Hoà Bình.

(Nguồn: J 1123, JOIF 1925, tr.1918)

Theo Nghị định, một trung tâm hành chính được thành lập tại Vụ Bản, có trụ sở đặt tại châu Lạc Sơn (tỉnh Hoà Bình). Phạm vi của đại lí Vụ Bản gồm toàn bộ châu Lạc Sơn.

280. Arrêté du 23 septembre 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'une circonscription administrative au centre de Cao Lanh.

Nghị định ngày 23 tháng 9 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một khu hành chính tại trung tâm Cao Lãnh.

(Nguồn: J 1123, JOIF 1925, tr.2030)

Theo Nghị định, một khu hành chính được thành lập tại trung tâm Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc. Khu hành chính này bao gồm các tổng An Tinh, Phong Nam, Phong Thanh và được đặt dưới sự điều hành của một viên chức người Âu.

Hàng năm, đại biểu hành chính trung tâm Cao Lãnh hưởng khoản trợ cấp trị giá 500 đồng bạc Đông Dương theo quy định tại Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1916.

281. Décret du 6 octobre 1925 du Président de la République française modifiant le décret du 28 septembre 1920 portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies.

Sắc lệnh ngày 06 tháng 10 năm 1925 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 1125, JOIF 1926, tr.73-74)

Sắc lệnh gồm 11 điều với các nội dung chính sau:

Điều 2 của Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa được sửa đổi như sau:

"Hội đồng Tối cao thuộc địa gồm:

1. Hội đồng Cấp cao thuộc địa;

2. Hội đồng Kinh tế thuộc địa;

3. Hội đồng Pháp chế thuộc địa.

Mỗi hội đồng lại tổ chức họp và biểu quyết riêng rẽ. Tuy nhiên, Hội đồng Tối cao thuộc địa có thể nhóm họp lại tại hội nghị toàn thể và biểu quyết những vấn đề do Bộ trưởng Thuộc địa trình lên, sau khi đã được Hội đồng Kinh tế thuộc địa hoặc Hội đồng Pháp chế thuộc địa xem xét.

Trong hội nghị toàn thể, Hội đồng Tối cao thuộc địa tập hợp toàn bộ thành viên của cả ba Hội đồng. Thành viên Hội đồng Cấp cao thuộc địa cũng được tham gia Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa và có quyền biểu quyết. Ngoài số thành viên chính thức, tổng số thành viên của Hội đồng Tối cao không vượt quá 100 người. Việc phân bổ thành viên giữa các Hội đồng được quy định theo nghị định của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa giữ chức Chủ tịch Hội đồng Tối cao thuộc địa. Tuy nhiên, Hội đồng có thể giao chức Chủ tịch cho Chủ tịch Hội đồng Kinh tế thuộc địa, hoặc Chủ tịch Hội đồng Pháp chế thuộc địa, hoặc cho một trong số thành viên của Hội đồng Cấp cao thuộc địa.

Điều 8 của Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 nêu trên được sửa đổi như sau:

"Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa nhóm họp theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa tại khoá họp diễn ra từ ngày 01 tháng 10 đến 30 tháng 11 hàng năm.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa có thể tham vấn ý kiến của Hội đồng Cấp cao thuộc địa vào bất kì thời điểm nào trong năm. Sau khi tham vấn ý kiến của Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa, Hội đồng Tối cao thuộc địa nhóm họp tại hội nghị toàn thể diễn ra vào tháng 02 hàng năm. Hội nghị này kéo dài không quá 1 tuần".

Ban Tổng Thư kí thường trực Hội đồng Tối cao thuộc địa được thành lập, phụ trách chuẩn bị, theo dõi các nghị quyết và tập trung công việc của Hội đồng. Ban Tổng Thư kí chịu trách nhiệm triệu tập Hội đồng Pháp chế thuộc địa và Hội đồng Kinh tế thuộc địa trong khoá họp kéo dài từ ngày 01 tháng 10 đến 30 tháng 11 hàng năm. Kết thúc khoá họp, Ban Tổng Thư kí trình Bộ trưởng Bộ Thuộc địa bản báo cáo về những việc đã thảo luận và cần thảo luận.

Ban Tổng Thư kí cũng đảm nhiệm việc triệu tập Hội đồng Cấp cao thuộc địa khi có yêu cầu.

Ban Tổng Thư kí Hội đồng Tối cao thuộc địa gồm có: 1 Tổng Thư kí, 1 Phó Tổng Thư kí, 1 nhân viên đánh máy tốc kí do Bộ trưởng và Thống đốc bổ nhiệm và quy định mức lương.

Những viên chức thuộc Ban Tổng Thư kí Hội đồng Tối cao thuộc địa được bổ nhiệm bằng nghị định của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Thư kí đặc biệt của các Hội nghị chịu sự chỉ đạo của Tổng Thư kí. Việc chỉ định cũng như quyền hạn của thư kí được quy định tại điều 9 của Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920.

Những khoản chi cho nhân sự và mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động của Ban Tổng Thư kí Hội đồng Tối cao thuộc địa do ngân sách chung Đông Dương và ngân sách địa phương của thuộc địa đảm nhận. Hàng năm, sau khi thoả thuận với Toàn quyền và Thống đốc, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sẽ ấn định phần phải góp được khấu vào mỗi ngân sách.

282. Arrêté du 28 novembre 1925 du Gouverneur général de l'Indochine complétant l'article 4 de l'arrêté du 11 février 1918 portant réorganisation de la Direction des Finances.

Nghị định ngày 28 tháng 11 năm 1925 của Toàn quyền Đông Dương bổ sung điều 4 của Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 quyết định tổ chức lại Nha Tài chính.

(Nguồn: J 1123, JOIF 1925, tr.2545)

Theo Nghị định này, điều 4 của Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 về việc tái cơ cấu Nha Tài chính được bổ sung bằng quy định sau:

Trường hợp Phó Giám đốc Sở vắng mặt, lệnh chi trả có thể tạm thời được trao cho một trưởng phòng trong Sở theo quyết định của Giám đốc Nha Tài chính.

283. Décret du 2 décembre 1925 du Président de la République française modifiant la situation et les attributions du Secrétariat général du Gouvernement général de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 02 tháng 12 năm 1925 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần và quyền hạn của Phủ Phó Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1123, JOIF 1925, tr.2650-2651)

Theo Sắc lệnh:

- Điều 8 của Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 quy định quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương được sửa đổi như sau:

"Giúp việc cho Toàn quyền là Phó Toàn quyền được lựa chọn trong số Thống đốc và Khâm sứ, Thống sứ hạng 1, và được bổ nhiệm bằng sắc lệnh theo đề xuất của Toàn quyền. Thông qua Sắc lệnh này, Toàn quyền có thể giao một phần hoặc toàn bộ quyền hạn của mình cho Phó Toàn quyền. Về mặt hành chính, được sự uỷ nhiệm thường trực của Toàn quyền, Phó Toàn quyền trực tiếp quản lí toàn bộ các cơ quan của thuộc địa, từ trung ương đến địa phương.

Trừ khi có sự chỉ định đặc biệt bằng một sắc lệnh được đưa ra theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Phó Toàn quyền mới được tạm thời thay thế Toàn quyền trong trường hợp Toàn quyền vắng mặt.

Toàn quyền còn có một Hội đồng Chính phủ giúp việc. Quyền hạn của Hội đồng này được quy định bằng một sắc lệnh đặc biệt".

- Đoạn 2, điều 6 của Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 quy định thành phần và quyền hạn của Hội đồng Chính phủ Đông Dương được sửa đổi như sau:

"Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ được triệu tập theo lệnh của Toàn quyền và do Toàn quyền hoặc Phó Toàn quyền làm Chủ tịch. Uỷ ban nhóm họp tại Hà Nội hoặc Sài Gòn với sự có mặt của toàn bộ thành viên Hội đồng Chính phủ, hoặc những người tạm quyền thay thế".

- Điều 1 của Sắc lệnh ngày 12 tháng 01 năm 1921 được sửa đổi như sau:

"Phó Toàn quyền được hưởng khoản trợ cấp là 12.000 đồng bạc dưới danh nghĩa phí giao tế và phí công tác".

284. Arrêté du 24 février 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 1[er] de l'Ordonnance royale du 19 avril 1920 instituant une Chambre consultative indigène en Annam.

Nghị định ngày 24 tháng 02 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 1 của Đạo dụ ngày 19 tháng 4 năm 1920 về việc thành lập Phòng Tư vấn bản xứ Trung Kì.

(Nguồn: J 1125, JOIF 1926, tr.554-555)

Theo Nghị định, điều 1 của Đạo dụ ngày 01 tháng thứ 3 năm Khải Định thứ 5 (19 tháng 4 năm 1920) có hiệu lực theo Nghị định ngày 12 tháng 5 năm 1920, bị bãi bỏ và được sửa đổi như sau:

Phòng Tư vấn bản xứ Trung Kì được đổi gọi là Viện Dân biểu Trung Kì. Viện Dân biểu Trung Kì có vai trò đại diện người dân góp ý kiến cho Chính quyền Bảo hộ và thảo luận về những vấn đề liên quan đến dân bản xứ; tham gia thảo luận về các vấn đề liên quan đến Trung Kì v.v...

285. Arrêté du 12 avril 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 11 février 1918 portant organisation de la Direction des Finances.

Nghị định ngày 12 tháng 4 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 về việc tổ chức Nha Tài chính.

(Nguồn: J 1125, JOIF 1926, tr.1017)

Nghị định gồm 3 điều:

Điều 5 của Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 1925, tiếp tục được sửa đổi như sau:

"Nha Tài chính Đông Dương gồm 1 văn phòng và 5 phòng khác với quyền hạn như sau:

Văn phòng: Mở và phân phát công văn đến các phòng ban; đăng kí tài liệu đi, đến; những vấn đề liên quan đến nhân sự của Nha Tài chính; các công việc khác...

Điều 11 của Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 được sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 1925, tiếp tục được sửa đổi như sau:

Văn phòng: 1 trưởng phòng.

Phòng 1..... 1 trưởng phòng

1 phó trưởng phòng

và các quy định khác được giữ nguyên.

286. Arrêté du 30 avril 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une Inspection du Travail au Tonkin.

Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Thanh tra Lao động Bắc Kì.

(Nguồn: J 1125, JOIF 1926, tr.1191-1192)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Ban Thanh tra Lao động được thành lập bên cạnh Thống sứ Bắc Kì. Thanh tra lao động do Thống sứ bổ nhiệm, có nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu các điều kiện, quy chế lao động và những vấn đề về chế độ và sử dụng nhân công bản xứ, nước ngoài tại các xí nghiệp thương mại, kĩ nghệ và nông nghiệp của Bắc Kì;

- Kiểm soát việc áp dụng những quy định liên quan đến nhân công và điều kiện lao động tại các cơ sở thương mại, kĩ nghệ và nông nghiệp;

- Lập bảng thống kê nhân công và điều kiện lao động tại Bắc Kì.

- Tiến hành điều tra việc tổ chức nhân công và lao động tại Bắc Kì, theo lệnh của Thống sứ.

Việc kiểm soát về mặt kĩ thuật đối với các xí nghiệp mỏ, mỏ đá và ngành đường sắt vẫn tuân thủ các quy định đặc biệt. Điều này cũng diễn ra tương tự đối với hoạt động giám sát các loại máy hơi nước, việc sản xuất và tàng trữ chất nổ tại các nhà kho.

Mỗi cuộc điều tra hoặc thanh tra của thanh tra lao động đều được phản ánh trong báo cáo gửi Thống sứ. Hàng năm, thanh tra lao động lập báo cáo tổng hợp kèm theo nhận xét đánh giá.

Thanh tra lao động được thông báo về tất cả những sự việc cũng như tài liệu về việc tổ chức, kiểm soát lao động và nhân công.

Thanh tra có quyền ra vào các cơ sở thương mại, kĩ nghệ, nông nghiệp và những cơ sở thuê nhân công lao động, đồng thời thông báo cho những cơ sở này về chuyến thanh tra. Những cơ sở này có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để thanh tra viên hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, khi tiến hành thanh tra tại những cơ sở này, thanh tra viên không có quyền chỉ đạo mà chỉ được phép ghi nhận, báo cáo đồng thời đề xuất lên Thống sứ những biện pháp cần thiết.

Thanh tra lao động được miễn thuế bưu điện và điện báo và được hưởng phụ cấp chức vụ trị giá 800 đồng bạc/năm.

287. Arrêté du 12 juin 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation des Services et bureaux de la Direction de l'Instruction publique de l'Indochine.

Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại các phòng ban của Nha Học chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1125, JOIF 1926, tr.1549-1550)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

- Nha Học chính Đông Dương gồm 1 Văn phòng và các phòng:

- Phòng Giáo dục bậc đại học, Quản lí đại học và Hoà giải tranh chấp (Phòng 1);

- Phòng Giáo dục công và tư thục đệ nhất cấp và đệ nhị cấp (Phòng 2);

- Phòng Kế toán tổng hợp (Phòng 3);

- Phòng Thư kí Hội đồng Tư vấn Nha Học chính, giáo dục thể chất và dạy nghề, giáo trình giảng dạy (Phòng 4);

- Văn phòng thanh tra;

Quyền hạn của các đơn vị được quy định như sau:

Văn phòng:

Kiểm báo; đăng kí công văn đi, đến; phân chia công việc giữa các đơn vị; mật vụ và các công tác khác; số liệu; thăng thưởng; tổ chức và chính thức công nhận các kì thi; hợp thức hoá kì thi tiếng Pháp; trao đổi và cấp văn bằng, chứng chỉ; quản lí nhân sự người Âu, người bản xứ và nhân sự người bản xứ cấp dưới của Nha; thống kê định kì; phụ trách Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương.

Phòng 1 phụ trách giáo dục bậc đại học - Quản lí trường đại học - Hoà giải tranh chấp

- Ban thư kí đại học; quản lí nhân sự địa phương của các trường bậc đại học; hành chính tổng hợp và kiểm soát khu nội trú trong các trường đại học.

- Quản lí chung các trường thuộc Đại học Hà Nội.

- Tuyển sinh đại học; thi tuyển; thi lên lớp và tốt nghiệp; bổ nhiệm học sinh vào các cơ quan. Học bổng và trợ cấp học đường. Gửi sinh viên tới Pháp.

- Kì thi sát hạch tiếng phương Đông; kì thi khảo sát về học lực phổ thông của những thí sinh thi vào ngạch tham tá bản xứ và những kì thi đặc biệt khác.

- Phòng hoà giải hành chính của Nha Học chính và những đơn vị khác được sáp nhập vào Nha Học chính.

Phòng 2. Giáo dục công và tư thục đệ nhất cấp và đệ nhị cấp

Ban 1. Nhân sự

- Đăng kí và lưu hồ sơ nhân sự của người Pháp tại chính quốc và địa phương, nhân sự bản xứ bậc cao đẳng tiểu học Pháp-Việt.

- Tuyển dụng: đơn xin việc, biệt phái và gia hạn thời gian biệt phái, bổ nhiệm và thụ chức.

- Nâng bậc: chuẩn bị danh sách nâng bậc cho đội ngũ công chức địa phương; đề nghị nâng bậc trong ngạch công chức chính quốc;

- Thuyên chuyển: nghỉ phép, tạm nghỉ việc, phục chức, từ chức v.v...

- Cho nghỉ hưu, trao chức danh dự, phụ cấp phục chức, tài khoản hỗ trợ.

- Đội ngũ nhân viên hợp đồng, tạm thời và công nhật.

- Tập trung toàn bộ tài liệu liên quan đến nhân sự biệt phái của địa phương và của chính quốc. Thống kê định kì.

Ban 2. Giáo dục tư thục: Cấp phép mở trường - Phân loại trường học - Học bổng

- Cấp phép giảng dạy và quản lí các trường học; kiểm soát các trường tư thục về mặt hành chính.

- Cấp học bổng và miễn học phí tại thuộc địa. Học bổng và trợ cấp học đường tại chính quốc. Kiểm soát và hỗ trợ học sinh bản xứ tại Pháp.

- Cấp học bổng cho học sinh theo học tại Trường Sư phạm Saint Cloud.

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Nha Học chính Đông Dương về mặt hành chính (trừ bậc giáo dục đại học).

Phòng 3

Ban 1. Kế toán chung phụ trách:

- Công tác kế toán chung của Nha Học chính và những đơn vị do Nha quản lí, kế toán các khoản chi đã thực hiện và thanh toán các khoản chi.

- Lương và phụ cấp lương; chuẩn bị ngân sách của Sở Học chính; kế hoạch thi công các công trình...

- Việc đi lại; giấy đi đường; hoá đơn vận tải.

Ban 2. Kế toán vật liệu phụ trách: *Thiết bị; kế toán vật liệu; quản lí nhật kí và sổ thống kê; hợp đồng cho thuê; đơn đặt hàng và hợp đồng cung ứng thiết bị; tập trung đơn đặt hàng của các kì; nhận phiếu đặt hàng; xử phạt đối với thiết bị không dùng được.*

Phòng 4 phụ trách:

- Ban thư kí Hội đồng tư vấn Nha Học chính; giáo dục thể chất; quan hệ với Uỷ ban trung ương và các Uỷ ban địa phương; hội thể thao; dạy nghề.

- Thư viện; đề xuất tiếp nhận một số tác phẩm vào danh sách giáo khoa. Thiết bị giảng dạy: phim, bộ sưu tập khoa học và địa lí v.v...

- Xuất bản phẩm và ấn phẩm của Nha Học chính.

- Dịch tài liệu và ấn phẩm chữ quốc ngữ; kiểm duyệt báo chí của người Pháp và người bản xứ.

Văn phòng Thanh tra phụ trách: *Nghiên cứu và biên soạn tập san của Nha Học chính, giáo trình, bảng treo tường; những vấn đề về sư phạm và nghề nghiệp liên quan đến các cấp giáo dục, trừ bậc đại học; gửi báo cáo, thông tri và công văn trao đổi của Nha Học chính.*

288. Arrêté du 7 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Servicevétérinaire du Tonkin.

Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương quyết định tổ chức lại Sở Thú y Bắc Kì.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.1728)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Tổ chức của Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật Bắc Kì bao gồm 1 Cơ quan trung ương tại Hà Nội và 14 hạt thú y được phân chia theo tỉnh như sau:

A. Cơ quan trung ương gồm:

Người đứng đầu cơ quan thú y tại địa phương;

Bác sĩ thú y - thanh tra viên phụ trách phòng thí nghiệm;

2 bác sĩ thú y không chính ngạch;

4 nhân viên phụ tá bác sĩ tiêm chủng.

B. Các hạt thú y

Hạt 1. Hải Phòng và tỉnh Kiến An *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Hải Phòng; nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Kiến An; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Núi Đèo.*

Hạt 2. Các tỉnh Quảng Yên và Hải Ninh *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Quảng Yên; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Hòn Gai; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Móng Cái; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Đình Lập.*

Hạt 3. Các tỉnh Hà Nội và Hà Đông *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Hà Nội; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Hà Nội; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Hà Đông; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng.*

Hạt 4. Các tỉnh Hải Dương và Hưng Yên: *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Hải Dương; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Hưng Yên; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Đông Triều.*

Hạt 5. Các tỉnh Nam Định và Thái Bình: *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Nam Định; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Thái Bình; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng.*

Hạt 6. Các tỉnh Ninh Bình, Hà Nam, các châu Lương Sơn, Lạc Sơn tỉnh Hoà Bình: *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Ninh Bình; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Phủ Nho Quan; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Chi Nê; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Phủ Lí.*

Hạt 7. Các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên và Phú Thọ *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Vĩnh Yên; 3 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Việt Trì; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Phú Thọ; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Phúc Yên; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Hưng Hoá; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Phủ Đoan.*

Hạt 8. Các tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Tuyên Quang; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Hà Giang; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Vĩnh Tuy.*

Hạt 9. Các tỉnh Yên Bái, Lào Cai và Lai Châu *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Yên Bái; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Lai Châu; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Lào Cai.*

Hạt 10. Các tỉnh Sơn Tây, Hoà Bình và Sơn La, trừ các châu Lương Sơn và Lạc Sơn *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Sơn Tây; 3 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Hoà Bình; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Vạn Yên; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Sơn La.*

Hạt 11. Các tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Bắc Ninh; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Phủ Lạng Thương; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Lục Nam.*

Hạt 12. Các tỉnh Thái Nguyên và Bắc Cạn *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Thái Nguyên; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Bắc Cạn; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Chợ Chu.*

Hạt 13. Tỉnh Lạng Sơn *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Lạng Sơn; 2 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Thất Khê; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Phố Bình Gia.*

Hạt 14. Trại ngựa giống Nước Hai và tỉnh Cao Bằng *gồm 1 bác sĩ thú y - thanh tra viên tại Nước Hai; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Nước Hai; 3 nhân viên phụ tá cho bác sĩ tiêm chủng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Cao Bằng; 1 bác sĩ thú y không chính ngạch tại Trùng Khánh Phủ.*

Thống sứ Bắc Kì được phép thay đổi các nhóm và địa điểm cư trú của các bác sĩ thú y - thanh tra viên và bác sĩ thú y không chính ngạch, tuỳ theo yêu cầu công việc và ý kiến của Chánh Sở Thú y.

289. Décret du 8 juillet 1926 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil de Gouvernement de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 7 năm 1926 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần Hội đồng Chính phủ Đông Dương.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.2568)

Theo Nghị định này, thành phần của Hội đồng Chính phủ được bổ sung thêm Giám đốc Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương.

290. Arrêté du 20 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 9 août 1922 réorganisant la Chambre de Commerce de Saïgon.

Nghị định ngày 20 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 09 tháng 8 năm 1922 về việc tổ chức lại Phòng Thương mại Sài Gòn.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.1962)

Theo nghị định này, đoạn B điều 3, phần lùi đầu dòng cuối cùng của điều 5 và lùi đầu dòng đầu tiên của điều 8 của Nghị định ngày 09 tháng 8 năm 1922 về việc tái cơ cấu Phòng Thương mại Sài Gòn được sửa đổi như sau:

"Điều 3.....

b) Giám đốc người Pháp phụ trách các quầy hàng, các hãng, chi nhánh của một công ti hoặc một cơ sở kinh doanh hoặc kĩ nghệ mang quốc tịch Pháp có đóng thuế môn bài; các chuyên gia môi giới và chuyên gia bán hàng".

"Điều 5 .....

Hết thời hạn 10 ngày, uỷ ban sẽ ra quyết định liên quan đến đơn thư khiếu nại và ấn định danh sách cuối cùng".

"Điều 8. Mọi cử tri trong khu vực có quyền yêu cầu gạch tên những cử tri thuộc diện không đủ quyền ra khỏi danh sách bầu cử. Những thương nhân đủ điều kiện để trở thành cử tri nhưng không có tên trong danh sách bầu cử đại diện Phòng Thương mại được yêu cầu

ghi danh trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày công bố danh sách trên công báo. Vụ kiện được xét xử miễn phí tại Toà án dân sự và được tuyên tại văn phòng Hội đồng. Đối với đơn khiếu kiện, toà cũng tiến hành theo thể thức trên".

291. Arrêté du 20 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 30 octobre 1925 instituant une Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture à Vinh.

Nghị định ngày 20 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1925 về việc thành lập Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông tại Vinh.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.1963)

Theo Nghị định này, điều 2 của Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1925 về việc thành lập Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh Nông tại Vinh được sửa đổi như sau:

"Điều 2. Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông Vinh gồm 9 thành viên người Pháp và 3 thành viên bản xứ:

4 thành viên Pháp đại diện cho các ngành thương mại và kĩ nghệ; 3 thành viên khác đại diện cho ngành canh nông.

"1 trong 3 thành viên bản xứ đại diện cho ngành thương mại; 2 thành viên khác đại diện cho ngành canh nông trong đó 1 đại diện cho tỉnh Thanh Hoá và 1 đại diện khác cho các tỉnh Vinh và Hà Tĩnh".

292. Arrêté du 30 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant constitution et administration de la commune de Da Lat.

Nghị định ngày 30 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập và quản lí thành phố Đà Lạt.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.2050-2055)

Nghị định gồm 3 chương 50 điều với các nội dung chính sau:

Chương I. Quá trình hình thành và quản lí thành phố

Mục I. Thành phố Đà Lạt

Thành phố Đà Lạt được hình thành từ khu tự trị Langbian thành lập theo Nghị định ngày 31 tháng 10 năm 1920 của Toàn quyền Đông Dương chuẩn y Đạo dụ ngày 11 tháng 10 năm 1920 của vua An - nam và đặt dưới quyền Khâm sứ Trung Kì.

Thành phố Đà Lạt gồm:

1. Khu vực nội thành gồm trung tâm đô thị Đà Lạt (thành lập theo Nghị định 30 tháng 5 năm 1916 của Toàn quyền Đông Dương chuẩn y Đạo dụ ngày 20 tháng 4 năm 1916 của vua An-nam).

2. Toàn bộ làng mạc, đất đai nằm ngoài khu vực nội thành và thuộc cao nguyên Langbian. Phạm vi khu vực nội thành bao gồm toàn bộ những vùng đất được quy định trong các nghị định của Toàn quyền.

Mục II. Công sứ - Đốc lí

Thành phố Đà Lạt do Công sứ - Đốc lí quản lí, với sự hỗ trợ của Uỷ ban thành phố. Công sứ - Đốc lí do Toàn quyền bổ nhiệm, theo đề nghị của Khâm sứ Trung Kì và được lựa chọn trong số quan trị ngạch dân sự tại Đông Dương.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Khâm sứ Trung Kì, Công sứ - Đốc lí được giao quản lí thành phố và giữ chức Chủ tịch Uỷ ban thành phố và có một số quyền hạn sau:

- Quản lí công sản;

- Đại diện cho thành phố tại toà án với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn;

- Quản lí thu nhập, giám sát các cơ sở trong thành phố và hoạt động kế toán của thành phố;

- Chuẩn bị, đề xuất ngân sách và phát lệnh chi trả;

- Chỉ đạo các công trình xây dựng và bảo trì hệ thống đường sá trong khu vực nội thành;

- Kí kết giao kèo, hợp đồng và thi công các công trình của thành phố theo luật định;

- Phụ trách vấn đề an ninh trong thành phố; công bố, thực thi đạo luật và quy định; áp dụng mọi biện pháp an ninh chung và đảm nhiệm chức năng theo luật định.

Thẩm quyền ban hành văn bản của Đốc lí được quy định như sau:

Nghị định do Đốc lí ban hành với mục đích:

- Ra chỉ thị thực hiện các biện pháp mang tính địa phương về những vấn đề được pháp luật cho phép;

- Công bố luật và quy định về an ninh, đồng thời kêu gọi công dân tuân thủ.

Nghị định do Đốc lí ban hành phải báo cáo lên Khâm sứ Trung Kì, người có thể huỷ bỏ hoặc hoãn thi hành các nghị định trên.

Tuy nhiên, mọi quy định chỉ được thi hành sau thời gian 1 tháng tính từ ngày những quy định đó được chuyển lên chính quyền cấp trên. Khâm sứ có thể rút ngắn thời hạn này.

Nghị định của Đốc lí chỉ mang tính bắt buộc sau khi được các bên liên quan công nhận, thông qua bản yết thị viết bằng tiếng Pháp hoặc chữ quốc ngữ nếu đó là quy định chung, còn đối với những trường hợp khác thông qua giấy báo cá nhân.

Công sứ - Đốc lí có quyền bổ nhiệm các chức danh cấp thành phố mà cách thức bổ nhiệm đặc biệt đối với chức danh này chưa được quy định. Công sứ - Đốc lí được quyền treo chức và cách chức những người nắm giữ chức danh đó.

Giúp việc cho Công sứ - Đốc lí là quan cai trị hoặc phó quan cai trị ngạch dân sự mang chức danh thư kí thành phố Đà Lạt. Thư kí thành phố được chỉ định thay thế Công sứ - Đốc lí trong trường hợp vắng mặt.

Mục III. Uỷ ban thành phố

Thành phần của Uỷ ban thành phố gồm:

- 2 thành viên người Pháp có đầy đủ quyền dân sự và chính trị, không phải là viên chức làm việc tại các công sở ở Đông Dương và do Khâm sứ Trung Kì bổ nhiệm, theo đề nghị của Công sứ - Đốc lí;

- 2 thành viên người bản xứ được bổ nhiệm trong cùng điều kiện nêu trên và được lựa chọn trong số thân hào của thành phố, độ tuổi ít nhất là 25 và không chấp hành bất kì án phạt nào.

Việc bổ nhiệm thành viên mới cho Uỷ ban tiến hành 3 năm/lần vào

tháng 12. Thành viên uỷ ban được bổ nhiệm sẽ kết thúc nhiệm kì vào ngày 31 tháng 12 năm 1926. Trong nhiệm kì, thành viên không được hưởng lương.

Thành viên Uỷ ban vắng mặt trong 3 lần triệu tập liên tiếp, nếu không có lí do chính đáng, sẽ bị Khâm sứ tuyên bố từ chức. Trường hợp ngoại lệ được áp dụng đối với thành viên Uỷ ban rời Đà Lạt sau khi có thông báo với Chủ tịch. Tuy nhiên, nếu thành viên vắng mặt tại Đà Lạt trong thời gian hơn 1 năm sẽ bị tuyên từ chức. Trường hợp vắng mặt trong thời gian dưới 1 năm, nếu cần thành viên này sẽ bị thay thế.

Trường hợp 2 thành viên người Pháp cùng lúc vắng mặt tại Đà Lạt với thời hạn không quá 1 năm theo quy định tại điều 17 của Nghị định này, Khâm sứ sẽ chỉ định 1 hoặc 2 thành viên lâm thời với nhiệm kì kết thúc cùng ngày thành viên thực thụ trở lại Đà Lạt.

Nếu do từ chức, từ trần hoặc bất kì lí do nào khác, số thành viên Uỷ ban giảm trên 50%, Khâm sứ sẽ bổ nhiệm thành viên mới với nhiệm kì kết thúc cùng với nhiệm kì của Uỷ ban cho đến thời điểm thay mới hoàn toàn.

Uỷ ban thành phố ra nghị quyết về những nội dung sau:

- Ngân sách thành phố và các khoản thu chi thường xuyên cũng như bất thường;

- Biểu thuế suất và quy định về thuế, về nguồn vốn cũng như các khoản thu của thành phố nói riêng;

- Cách thức quản lí tài sản thành phố;

- Trưng mua công thự, chuyển nhượng hoặc trao đổi công sản của thành phố theo quy định tại Nghị định ngày 24 tháng 5 và 01 tháng 10 năm 1889, 04 tháng 8 năm 1890, ngày 30 tháng 4 năm 1892 và ngày 26 tháng 01 năm 1901 liên quan đến bảo quản và nâng cấp các công trình công cộng;

- Các điều kiện hợp đồng cho thuê tài sản hoặc để lĩnh canh hoặc cho thuê;

- Dự án xây dựng, đại tu, bảo trì, phá huỷ và các công trình cần xây dựng của thành phố;

- Vấn đề an ninh trong thành phố;

- Mở đường, xây dựng quảng trường và dự án lập mốc địa giới các tuyến đường nội thành;

- Nhận tài sản hiến tặng và di tặng cho thành phố và các cơ quan;

- Các vụ kiện tụng và thoả hiệp.

Uỷ ban được triệu tập cho ý kiến về những vấn đề sau:

- Dự án xếp hạng, lập mốc giới các tuyến đường lớn trong thành phố;

- Sửa đổi ranh giới trên địa bàn thành phố;

- An ninh trong thành phố, những vấn đề mà uỷ ban được triệu tập để cho kết luận theo luật định;

- Tất cả những nội dung đề cập trong nghị định và quy định liên quan đến thành phố.

Uỷ ban có thể đề đạt nguyện vọng về mọi vấn đề vì lợi ích của thành phố.

Các nghị quyết và ý kiến của Uỷ ban thành phố được ghi chép trong một cuốn sổ đặc biệt và biên bản cuộc họp được trình Khâm sứ thông qua trước khi cho thi hành.

Uỷ ban thành phố nhóm họp thường kì 4 lần/năm vào tháng 2, 5, 8 và 11 theo lệnh triệu tập của Chủ tịch. Chương trình nghị sự của mỗi buổi họp phải được trình lên Khâm sứ thông qua trước đó. Uỷ ban được phép triệu tập tại phiên họp bất thường, sau khi được Khâm sứ đồng ý. Mọi chủ đề nằm ngoài chương trình nghị sự đều không được đưa ra bàn thảo. Các cuộc họp của Uỷ ban thành phố không diễn ra công khai.

Những khó khăn gặp phải trong giai đoạn chuẩn bị đấu thầu các công trình của thành phố sẽ được giải quyết tại buổi họp giữa Công sứ - Đốc lí và hai thành viên do Uỷ ban chỉ định.

Uỷ ban thành phố có thể bị đình chỉ hoạt động hoặc giải tán theo quyết định nêu rõ lí do của Khâm sứ công bố trên Tập san hành chính *Trung Kì, sau đó trình Toàn quyền biện pháp thực hiện cũng như lí do dẫn tới quyết định trên. Quyết định đình chỉ được đưa ra trong thời gian không quá 1 tháng. Công sứ - Đốc lí là người duy*

nhất quản lí thành phố trong thời gian Uỷ ban thành phố tạm ngừng hoạt động hoặc giải tán cho đến khi Uỷ ban mới được bầu lại.

Báo cáo hàng năm của Công sứ - Đốc lí và quyết toán năm của nhân viên thu thuế thành phố sẽ được trình lên chính quyền cấp trên thông qua, sau khi có ý kiến của Uỷ ban thành phố.

Chủ tịch Uỷ ban thành phố có quyền mời toàn bộ những người mà ý kiến của họ có thể có lợi cho Uỷ ban tham gia phiên họp của Uỷ ban này, với quyền tư vấn.

Chương II. Ngân sách thành phố

Mục I. Các khoản thu và chi

Ngân sách thành phố bao gồm: ngân sách thường xuyên và ngân sách bất thường.

Những khoản thu trong ngân sách thường xuyên gồm có:

1. Phần đóng góp từ nguồn ngân sách Trung Kì tương đương với khoản thuế trực thu thu được trên địa bàn thành phố Đà Lạt;

2. Nguồn thu từ tài sản mà người dân không được hưởng bằng hiện vật và khoản thu từ việc bán, cho thuê công thổ trong thành phố;

3. Khoản thu từ phần trăm thuế trực thu;

4. Khoản thu từ thuế lưu thông xe cộ;

5. Khoản thu từ việc bán chỗ trong các hội chợ, chợ, lò mổ theo biểu bảng thuế suất.

6. Khoản thu từ việc gửi văn bản hành chính;

7. Phần trăm từ tiền phạt theo phán quyết của toà tiểu hình và toà vi cảnh;

8. Khoản thu từ các cuộc chuyển nhượng do các nông trại tiến hành;

9. Khoản thu từ lâm nghiệp;

10. Khoản thu từ các cuộc chuyển nhượng nhân công hình sự;

11. Khoản thu từ các cuộc chuyển nhượng hợp pháp (lĩnh canh và các loại tô thuế);

12. Khoản thu từ các loại thuế được phép thu theo quy định.

Công sứ - Đốc lí chịu trách nhiệm lập sổ thuế trực thu như: thuế thân, thuế điền thổ, phần trăm từ thuế điền thổ, thuế môn bài... Việc truy thu những loại thuế này nhằm phục vụ ngân sách thành phố theo quy định tại đoạn 1, điều 29.

Cơ sở, cách thức đánh thuế, định suất thuế và quy định thu thuế thực hiện theo điều 29 chỉ được sửa đổi theo Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912.

Những khoản thu trong ngân sách bất thường gồm có:

1. Thuế đặc biệt được phép thu.

2. Phí thu từ tài sản chuyển nhượng.

3. Tài sản hiến tặng và di tặng.

4. Bồi hoàn vốn có thể đòi và lợi tức mua lại.

5. Các khoản thu đột xuất;

6. Trợ cấp cho thành phố trích từ ngân sách địa phương hoặc ngân sách chung Đông Dương. Nói chung, đó là khoản thu đến từ các thuộc địa, tỉnh thành và cá nhân, trừ những khoản chi cho thành phố hoặc do thành phố chi trả.

Những khoản chi trong ngân sách thường xuyên gồm khoản chi hàng năm và khoản chi thường xuyên phục vụ thành phố.

Khoản chi trong ngân sách bất thường gồm khoản chi đột xuất hoặc tạm thời trích từ các khoản thu quy định tại điều 31.

Những khoản chi bắt buộc đối với thành phố:

1. Lương, phụ cấp ngoài lương và phí giao tế của Công sứ - Đốc lí, Chủ tịch Uỷ ban thành phố;

2. Lương, phụ cấp ngoài lương cho nhân viên dưới quyền của Công sứ - Đốc lí;

3. Chi phí văn phòng và in ấn phục vụ công việc của thành phố, đặt mua ấn phẩm;

4. Phí in ấn và đóng dấu sổ đăng kí hộ tịch, phí thống kê;

5. Phụ cấp cho nhân viên thu thuế thành phố và nhân viên Sở Thu thuế, phí thu thuế, phí hoạt động của Sở Thuế trực thu tại thành phố Đà Lạt;

6. Xây dựng, đại tu và bảo trì các công trình công cộng;

7. Làm hàng rào và bảo dưỡng nghĩa trang thành phố;

8. Phí bảo quản và giữ gìn thường xuyên sơ đồ địa giới, chia lô được Toàn quyền thông qua, theo đề xuất của Khâm sứ;

9. Lương, phụ cấp ngoài lương cho thư kí thành phố và nhân viên làm việc tại các công sở trong thành phố;

10. Chi phí cho giáo viên tiểu học, mua sắm thiết bị và đồ dùng học tập;

11. Xây dựng và bảo trì đường sá, cầu cống trong thành phố trừ: 1. tuyến đường thuộc địa số 1; 2. đường số 196; 3. đường số 195 phía trên Dankia;

12. Chi phí cho hoạt động cứu trợ, vệ sinh công cộng v.v...

13. Chi phí cho hoạt động của các công sở trong thành phố, phân phối nước, chiếu sáng đô thị, nạo vét bùn;

14. Chi phí cho các nông trại (lương và thiết bị).

Những công trình xây dựng nhà cửa trong thành phố, đường sá mà thành phố phải chi trả, kể cả chi phí cho hoạt động cứu trợ, vệ sinh công cộng.

***Mục II** gồm 7 điều quy định về việc biểu quyết và quyết toán ngân sách của thành phố.*

***Chương III** gồm 9 điều quy định về công tác kế toán của thành phố.*

293. Arrêté du 20 août 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 15 de l'ordonnance royale du 19 avril 1920 relative à la Chambre des Représentants du Peuple de l'Annam.

Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 15 của Dụ ngày 19 tháng 4 năm 1920 liên quan đến Viện Dân biểu Trung Kì.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.2271)

Nghị định gồm 2 điều với nội dung chính sau:

Điều 15 của Dụ ngày 19 tháng 4 năm 1920 được phê chuẩn theo Nghị định ngày 12 tháng 5 năm 1920 bị huỷ bỏ và thay bằng những

quy định sau:

"Viên chức và nhân viên nghỉ việc do bị kỉ luật và những người bị xử phạt theo phán quyết của các Toà án Pháp hoặc An-nam không được ghi tên vào danh sách cử tri và cũng không đủ tư cách để được bầu, trừ những trường hợp được phục chức, các bị án được ân xá và được khôi phục quyền dân cử.

294. Arrêté du 4 septembre 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 26 de l'arrêté du 30 octobre 1925 instituant une Chambre d'Agriculture du Tonkin.

Nghị định ngày 04 tháng 9 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 26 của Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1925 về việc thành lập Phòng Canh nông Bắc Kì.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.2522)

Nghị định gồm 2 điều với nội dung chính sau:

Điều 26 của Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1925 về việc thành lập Phòng Canh nông Bắc Kì được sửa đổi như sau:

Đoàn cử tri bầu thành viên bản xứ Phòng Canh nông Bắc Kì gồm: 1 thành viên trong xã do Hội đồng Hành chính xã lựa chọn trong số địa chủ hoặc chủ đồn điền sống tại địa phương. Trong 2 tuần đầu của tháng 01 hàng năm, việc chỉ định thành viên đoàn cử tri diễn ra dưới sự kiểm soát của các Công sứ.

295. Arrêté du 9 décembre 1926 du Gouverneur général p.i de l'Indochine fixant les attributions des bureaux du Service du Personnel du Gouvernemenet général.

Nghị định ngày 09 tháng 12 năm 1926 của quyền Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của các phòng thuộc Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1127, JOIF 1926, tr.3330)

Nghị định gồm 2 điều quy định quyền hạn của các phòng thuộc Ban Nhân sự như sau:

Phòng 1 phụ trách:

Những vấn đề nguyên tắc và vấn đề chung; kiểm soát các công việc chuyên biệt; cơ quan dân sự; lính khố xanh; các kĩ sư hoá học; học chính; lưu trữ và thư viện.

Phòng 2 phụ trách:

Sở Tư pháp; Ngân khố; thuế quan; công chính; kiểm soát tài chính; Nha Tài chính; bưu điện và điện báo; Nha Vô tuyến điện Đông Dương; viên chức chính quyền trung ương và thuộc địa; các thành phố; Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế; Sở Mỏ; Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp; hoa tiêu; Cục Kinh tế tại Paris; Đài Quan sát trung ương và các trạm khí tượng; quỹ hưu trí địa phương; Nha Địa lí; Viện Khoa học; Sở Hải dương học; Sở Đăng kiểm hàng hải; đội ngũ nhân viên văn phòng Lãnh địa Quảng Châu Loan; nhân viên hợp đồng và công nhật; tiếng phương Đông.

Phòng 3 phụ trách:

Sở Địa chính; các trại giam cải tạo; đội tàu nhỏ; nhập cư; hội Y tế; Sở Thú y; Sở Canh nông và Thương mại; Sở Cảnh sát và Căn cước; nhân sự bản xứ.

296. Arrêté du 12 février 1927 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant l'article 17 de l'arrêté du 27 octobre 1922 portant organisation de la Chambre de Commerce de Saïgon.

Nghị định ngày 12 tháng 02 năm 1927 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 17 của Nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1922 về việc tổ chức Phòng Thương mại Sài Gòn.

(Nguồn: J 1129, JOIF 1927, tr.632-633)

Theo Nghị định này, đoạn 3 và hai đoạn cuối cùng của điều 17 của Nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1922 về việc tổ chức Phòng Thương mại Sài Gòn được sửa đổi như sau:

"Để tránh bị vô hiệu hoá, cử tri phải bỏ phong bì đầu tiên cũng như cuống thẻ cử tri vào phong bì thứ hai trong đó có chữ kí của cử tri và địa chỉ hãng kinh doanh với dòng chữ sau:

(.....) Chủ tịch phòng bầu cử phải đảm bảo những cử tri có tên trên phong bì đã không tham gia bỏ phiếu trực tiếp. Sau đó, Chủ tịch bóc phong bì bên ngoài, kiểm tra phong bì có chứa cuống thẻ cử tri hay không và số đăng kí trên danh sách bầu cử có tương ứng với tên người bỏ phiếu hay không. Nếu đúng, Chủ tịch ghi tên người bỏ phiếu bên lề danh sách và bỏ phong bì đựng phiếu bầu vào hòm phiếu để mở ra lúc kiểm phiếu.

Nếu người gửi thư lại tham gia hoặc không đủ tư cách tham gia bỏ phiếu trực tiếp, phong bì bên ngoài được đính kèm biên bản mà không được mở nếu bị phát hiện ngay trong lần kiểm tra đầu tiên.

Trường hợp bị phát hiện trong lần kiểm tra thứ hai, bì thư được mở và cuống thẻ cử tri của người bỏ phiếu sẽ được đính kèm biên bản".

297. Décret du 5 mars 1927 du Président de la République française déterminant les pouvoirs des Gouverneurs des colonies en ce qui concerne l'administration de la justice.

Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1927 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định quyền hạn về quản lí tư pháp của Toàn quyền tại các thuộc địa.

(Nguồn: J 1129, JOIF 1927, tr.1312-1313)

Sắc lệnh gồm 19 điều với các nội dung chính sau:

Toàn quyền chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy tư pháp và chuyển các báo cáo định kì liên quan đến vấn đề này lên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa thông qua Giám đốc Tư pháp.

Toàn quyền đến Toà án tối cao để tham dự ngày mở phiên toà và ngồi ở vị trí cao trên bục, cạnh Chánh án và giữ chức Chánh án danh dự.

Đối với những vụ việc liên quan đến Phủ Toàn quyền, chưởng lí buộc phải tiến hành những hoạt động cần thiết để đưa ra toà theo yêu cầu của Toàn quyền và theo chỉ thị nhận được.

Toàn quyền có quyền trưng dụng sĩ quan cảnh sát tư pháp. Lực lượng này chịu trách nhiệm phát hiện các vụ phạm tội và lỗi vi

phạm, sau đó giao nộp kẻ chủ mưu cho các toà án để tiến hành xét xử.

Toàn quyền không can dự vào các công việc thuộc thẩm quyền của toà án, cũng không được đưa ra toà bất kì công dân nào của thuộc địa kể cả trường hợp có nghi ngờ về mặt dân sự, thương mại hay hình sự. Toàn quyền cũng không được chống lại bất kì thủ tục tố tụng dân sự, thương mại hay hình sự nào. Toàn quyền có quyền hoãn tiến hành thủ tục truy tố đối với việc thanh toán tiền phạt khi người vi phạm không có khả năng chi trả.

Về mặt hình sự, khi có đơn xin ân xá cho tù nhân, đơn này bắt buộc phải được chuyển tới người đứng đầu Nhà nước. Đối với trường hợp bị kết án tử hình, nếu không có đơn xin ân xá, Toàn quyền sẽ đưa việc này ra trước Hội đồng Tư mật, Hội đồng Hành chính hoặc Bảo hộ. Việc thi hành án tạm thời bị hoãn lại và Toàn quyền kêu gọi sự ân xá của người đứng đầu Nhà nước, nếu được sự nhất trí hai viên Hội đồng.

Điều 30 của Sắc lệnh ngày 15 tháng 9 năm 1896 về hoạt động của các Hội đồng Đề hình tại Trung Kì và Bắc Kì được thay bằng những quy định sau: "Nếu bị cáo phủ nhận, bản án được thi hành theo yêu cầu của Công sứ tỉnh nhưng chỉ sau khi được Toàn quyền chuẩn y. Trường hợp bị án có đơn chống án, bản án cũng như những giấy tờ thẩm cứu được viên lục sự của Hội đồng Đề hình chuyển tới Toàn quyền để trình lên Hội đồng Bảo hộ trong thời hạn tối đa 10 ngày.

298. Arrêté du 25 mai 1927 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Gouvernement général un Service des Affaires extérieures.

Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Ngoại vụ tại Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1129, JOIF 1927, tr.1588)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Ban Ngoại vụ phụ trách các công việc chính trị thuộc "Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh trung ương" tại Phủ Toàn quyền bị xoá bỏ.

Ban Ngoại vụ được thành lập tại Phủ Toàn quyền dưới sự chỉ đạo của một Trưởng ban do Toàn quyền bổ nhiệm. Quyền hạn của Sở phụ trách các công việc chính trị quy định tại Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1922 được chuyển sang cho Ban Ngoại vụ.

299. Arrêté du 25 mai 1927 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Gouvernement général un Service des Affaires indigènes.

Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công việc bản xứ tại Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1129, JOIF 1927, tr.1588)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung chính sau: Ban Chỉ đạo các công việc bản xứ được thành lập trong Phủ Toàn quyền dưới sự chỉ đạo của một Trưởng ban do Toàn quyền bổ nhiệm. Các quyền hạn của phòng 3 Sở Lập pháp và Hành chính quy định tại Nghị định ngày 04 tháng 5 năm 1921 được chuyển sang cho Ban Chỉ đạo các công việc bản xứ.

300. Arrêté du 25 mai 1927 du Gouverneur général de l'Indochine rattachant les deux Services des Affaires extérieures et des Affaires indigènes à la Direction du Cabinet qui prend le titre de "Direction du Cabinet et des Affaires politiques".

Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Ban Ngoại vụ và Ban Chỉ đạo các công việc bản xứ vào Ban Chỉ đạo Văn phòng, mang tên là "Ban Chỉ đạo Văn phòng và các công việc về chính trị".

(Nguồn: J 1129, JOIF 1927, tr.1588-1589)

Theo Nghị định này, Ban Chỉ đạo các công việc bản xứ và Ban Ngoại vụ thành lập theo các Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1927, được sáp nhập vào Ban Chỉ đạo Văn phòng, mang tên "Ban Chỉ đạo Văn phòng và các công việc về chính trị".

301. Arrêté du 10 juin 1927 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une Inspection du Travail en Annam.

Nghị định ngày 10 tháng 6 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Thanh tra Lao động tại Trung Kì.

(Nguồn: J 1129, JOIF 1927, tr.1703)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Ban Thanh tra Lao động được thành lập bên cạnh Khâm sứ Trung Kì, có nhiệm vụ chính như sau:

1. Nghiên cứu điều kiện, quy chế lao động nói chung, những vấn đề về chế độ, sử dụng nhân công bản xứ và nước ngoài tại các xí nghiệp thương mại, kĩ nghệ và nông nghiệp ở Trung Kì;

2. Kiểm soát việc áp dụng những quy định liên quan đến nhân công và điều kiện lao động tại các cơ sở thương mại, kĩ nghệ và nông nghiệp;

3. Tiến hành điều tra việc tổ chức nhân công và lao động theo lệnh của Khâm sứ.

Mỗi cuộc điều tra hoặc thanh tra của thanh tra lao động đều được phản ánh trong báo cáo gửi Khâm sứ. Hàng năm, thanh tra lao động lập báo cáo tổng hợp những việc đã tiến hành. Thanh tra lao động được thông báo về tất cả những sự việc cũng như tài liệu về tổ chức, kiểm soát lao động và nhân công.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, thanh tra có quyền ra vào các cơ sở thương mại, kĩ nghệ, nông nghiệp và những cơ sở thuê nhân công lao động, đồng thời thông báo bằng văn bản hoặc bằng lời nói tới những cơ sở này về chuyến thanh tra cũng như thời điểm thanh tra viên có mặt tại đây. Những cơ sở này có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để thanh tra viên hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, khi tiến hành thanh tra tại những cơ sở này, thanh tra viên không được đưa ra bất kì mệnh lệnh nào và chỉ được phép ghi nhận, báo cáo, đồng thời đề xuất lên Khâm sứ những biện pháp cần thiết.

302. Arrêté du 22 septembre 1927 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression de la Direction des Affaires économiques de l'Indochine.

Nghị định ngày 22 tháng 9 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1131, JOIF 1927, tr.2665)

Theo Nghị định này, Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế tại Đông Dương chính thức bị xoá bỏ từ ngày 01 tháng 10 năm 1927.

303. Décret du 3 décembre 1927 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies.

Sắc lệnh ngày 03 tháng 12 năm 1927 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 1133, JOIF 1928, tr.131-133)

Sắc lệnh gồm 23 điều, trong đó có:

Hội đồng Tối cao thuộc địa được thành lập bên cạnh và dưới sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Hội đồng có chức năng góp ý cho những vấn đề và dự án liên quan đến Công sản thuộc địa Pháp do Bộ trưởng trình lên.

Hội đồng Tối cao thuộc địa gồm có:

1. Hội đồng Cấp cao thuộc địa;

2. Hội đồng Kinh tế thuộc địa;

3. Hội đồng Pháp chế thuộc địa.

Mỗi hội đồng tổ chức họp và biểu quyết riêng rẽ. Tuy nhiên, Hội đồng Tối cao thuộc địa có thể nhóm họp tại hội nghị toàn thể và biểu quyết những vấn đề do Bộ trưởng trình lên, sau khi đã được Hội đồng Kinh tế thuộc địa hoặc Hội đồng Pháp chế thuộc địa xem xét.

Khi được mời phát biểu, Hội đồng Cấp cao thuộc địa sẽ đưa ra những ý kiến mang tính quyết định. Tuy nhiên, những ý kiến này không được trình lên Hội đồng Tối cao tại hội nghị toàn thể.

Tại hội nghị toàn thể, Hội đồng Tối cao thuộc địa tập hợp toàn bộ thành viên của cả ba Hội đồng. Thành viên Hội đồng Cấp cao thuộc địa cũng có thể tham gia Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa có quyền biểu quyết khi dự họp hai Hội đồng trên.

Ngoài số thành viên chính thức, tổng số thành viên của Hội đồng Tối cao không được vượt quá 100 người. Việc phân chia thành viên giữa các Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Thuộc địa quyết định.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa giữ chức Chủ tịch Hội đồng Tối cao thuộc địa tại phiên họp hội nghị toàn thể. Tuy nhiên, Hội đồng có thể trao chức Chủ tịch hoặc cho Chủ tịch Hội đồng Kinh tế thuộc địa, hoặc Chủ tịch Hội đồng Pháp chế thuộc địa, hoặc cho một trong số thành viên của Hội đồng Cấp cao thuộc địa.

Hội đồng Cấp cao thuộc địa được tham gia góp ý kiến cho những vấn đề về quản lí chung, tổ chức chính trị và quân sự, quy chế đối với người bản xứ cũng như sự phát triển của các xứ thuộc địa và xứ bảo hộ. Thành phần của Hội đồng Cấp cao thuộc địa gồm cựu bộ trưởng và các cựu toàn quyền xứ thuộc địa.

Bộ trưởng cũng có thể bổ nhiệm các cựu Giám đốc Sở thuộc chính quyền trung ương thuộc địa làm thành viên Hội đồng Cấp cao thuộc địa. Đại diện các Bộ Ngoại giao, Chiến tranh và Hải quân cũng được mời tham gia các công việc của Hội đồng Cấp cao thuộc địa, khi bàn về những vấn đề liên quan đến các Bộ này. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa chính chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Cấp cao thuộc địa. Tuy nhiên, Bộ trưởng có thể chỉ định một Phó Chủ tịch thay thế trong số thành viên của Hội đồng Cấp cao thuộc địa.

Hội đồng Kinh tế thuộc địa được mời tham gia góp ý cho những vấn đề và dự án liên quan đến hoạt động khai khẩn thuộc địa và các xứ bảo hộ cũng như phát triển thương mại, kĩ nghệ và nông nghiệp của Pháp tại các nước thuộc địa.

Thành phần của Hội đồng Kinh tế thuộc địa gồm:

1. Các thành viên chính thức:

a) Nghị sĩ và đại biểu các thuộc địa;

b) Đại biểu của các thuộc địa được bầu vào Hội đồng Tối cao;

c) Các trưởng nhóm kinh tế cấp khu vực thuộc các Phòng Thương mại;

2. Một số thành viên được chỉ định có kinh nghiệm đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kĩ nghệ, thương nghiệp, nông nghiệp,

hàng hải và vận tải liên quan đến lợi ích riêng của chính quốc và thuộc địa;

Hội đồng Kinh tế thuộc địa được chia làm 5 ban:

A. Ban Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Chăn nuôi;

B. Ban Thương mại, Kĩ nghệ, Thuế quan và Hiệp ước thương mại;

C. Ban Công chính, Giao thông vận tải, Thương mại hàng hải và Ngư nghiệp;

D. Ban phụ trách các sản phẩm mỏ, khoáng sản cháy và lực phát động;

E. Ban Du lịch, Chăn nuôi, Tuyên truyền thuộc địa, Giáo dục và Mỹ thuật.

Sau khi thảo luận, mỗi Ban đưa ra quyết định độc lập. Đối với một vấn đề liên quan đến hai hoặc nhiều Ban, vụ việc được gửi tới Ban có liên quan để nghiên cứu, những Ban khác cũng được mời để đóng góp ý kiến. Sau đó, vấn đề được trình lên Hội đồng Kinh tế thuộc địa để xem xét có sự tham dự của tất cả các ban. Chủ tịch Hội đồng Kinh tế thuộc địa tập hợp đại diện của các Ban trong một cuộc họp, trước khi đưa một vấn đề nào đó ra trước hội nghị toàn thể của Hội đồng Kinh tế thuộc địa.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thuộc địa và Giám đốc cơ quan kinh tế thuộc các nhóm thuộc địa được mời tham gia thảo luận những vấn về đề có liên quan của Hội đồng Kinh tế thuộc địa và các Ban thuộc Hội đồng cũng như Ban thường trực theo quy định. Đại diện của các Bộ Thương mại, Kĩ nghệ, Tài chính, Canh nông, Công chính, Thương mại hàng hải và Học chính trực thuộc Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và do Bộ trưởng chỉ định, được triệu tập tham gia các cuộc thảo luận của Hội đồng Kinh tế thuộc địa cũng như của các ban thuộc Hội đồng này, khi xem xét những vấn đề liên quan đến các bộ.

Hội đồng Pháp chế thuộc địa được tham vấn về các cải cách về chế độ hành chính, tài chính và lập pháp của các xứ thuộc địa và xứ bảo hộ. Thành viên của Hội đồng Pháp chế thuộc địa được chọn trong số nhân vật quan trọng của chính quốc và thuộc địa có kinh nghiệm và hiểu biết trong lĩnh vực tư pháp và hành chính.

Các Bộ trưởng Tư pháp và Tài chính, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chánh án thứ nhất Toà Kiểm toán được chỉ định một quan toà hoặc một viên chức tham gia các công việc của Hội đồng Pháp chế thuộc địa. Một ban thường trực gồm 20 uỷ viên Hội đồng Tối cao thuộc địa được chỉ định theo nghị định của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và do Chủ tịch Hội đồng Kinh tế thuộc địa làm Chủ tịch, được mời đóng góp ý kiến cho những vấn đề do Bộ trưởng trình lên.

Giám đốc, Tổng Thanh tra và những người đứng đầu các cơ quan trong chính quyền trung ương được mời tham gia các cuộc thảo luận của Hội đồng Pháp chế thuộc địa và của Ban Thường trực về những vấn đề liên quan đến theo lệnh triệu tập đặc biệt. Bộ trưởng được phép chỉ định một hay nhiều viên chức trình dự án trước mỗi Hội nghị để xem xét giải quyết.

Toàn quyền các thuộc địa được triệu tập tới Pháp để tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Kinh tế thuộc địa cũng như của các Ban thuộc Hội đồng này, Hội đồng Pháp chế thuộc địa và của Ban Thường trực, với quyền biểu quyết.

Thống đốc các thuộc địa, Phó Thống đốc, Thống sứ, Khâm sứ và uỷ viên cộng hoà được triệu tập tại Paris trong cùng điều kiện như trên, khi những vấn đề liên quan phạm vi quyền hạn được đưa vào chương trình nghị sự.

Chủ tịch các Phòng Thương mại và Canh nông thuộc địa được mời tới Paris để tham dự các cuộc họp của Hội đồng Kinh tế thuộc địa và của các ban trong Hội nghị với quyền tư vấn, khi đề cập tới những vấn đề liên quan đến khu vực làm đại diện.

Chủ tịch Hội đồng Kinh tế thuộc địa, các trưởng ban và Chủ tịch Hội đồng Pháp chế thuộc địa lắng nghe ý kiến của tất cả những người được được đánh giá có năng lực đặc biệt đối với những vấn đề được đưa ra nghiên cứu.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa bổ nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa. Bộ trưởng cũng chỉ định Chủ tịch và Phó Chủ tịch các ban của Hội đồng Kinh tế thuộc địa.

Bộ trưởng bổ nhiệm thành viên của Hội đồng Tối cao thuộc địa

nhưng không tham gia các công việc của Hội đồng theo nhiệm kì 4 năm, hoặc theo quyết định của Bộ trưởng.

Sau khi có ý kiến của Toàn quyền và Thống đốc các thuộc địa cũ có liên quan, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa có thể mời những người bản xứ quan trọng với danh nghĩa là người đại diện hợp pháp cho dân bản địa, tham gia các cuộc thảo luận của Hội đồng Tối cao. Nghị định bổ nhiệm sẽ quy định điều kiện để những người đại diện người dân bản xứ tham gia các khoá họp của Hội đồng Tối cao.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa triệu tập Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa nhóm họp vào quý 4 hàng năm: các cuộc họp của những Hội đồng trên tiếp tục diễn ra trong 5 tháng đầu của năm sau.

Sau khi tham vấn ý kiến của Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa, Hội đồng Tối cao thuộc địa họp tại hội nghị toàn thể, được ấn định vào tuần đầu tiên của tháng 6 và kéo dài không quá 8 ngày.

Các thảo luận của Hội đồng Cấp cao thuộc địa, Hội đồng Kinh tế thuộc địa và Hội đồng Pháp chế thuộc địa được ghi trong biên bản cuộc họp và có chữ kí xác nhận của Chủ tịch.

Ban Thư kí thường trực Hội đồng Tối cao thuộc địa được thành lập, thuộc quyền quản lí trực tiếp của Bộ trưởng. Thành phần của Ban gồm: Tổng Thư kí, Phó Tổng Thư kí, thư kí - biên tu, nhân viên và người ghi tốc kí - đánh máy chữ. Thư kí đặc biệt thuộc các Hội nghị đặt dưới sự chỉ đạo của Tổng Thư kí, được chỉ định bằng nghị định của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Ban Tổng Thư kí thường trực Hội đồng Tối cao thuộc địa phụ trách soạn thảo, theo dõi các nghị quyết, tập trung công việc của Hội đồng, bảo quản biên bản các cuộc họp và tài liệu lưu trữ, chịu trách nhiệm triệu tập Hội đồng Pháp chế thuộc địa và Hội đồng Kinh tế thuộc địa trong khoá họp khai mạc vào quý 4 hàng năm, đồng thời triệu tập Ban Thường trực và có thể là cả Hội đồng Tối cao tại phiên họp toàn thể, theo chỉ thị của Bộ trưởng.

Tổng Thư kí và Phó tổng Thư kí, hoặc một trong hai người được tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng Tối cao, Hội đồng Kinh tế thuộc địa cũng như của các ban của Hội đồng này. Hội đồng Pháp

chế thuộc địa và của Ban Thường trực, với quyền tư vấn đồng thời chịu trách nhiệm về các cuộc trao đổi diễn ra tại các Hội nghị nhân danh Bộ trưởng, trừ khi có chỉ định đặc biệt.

Ngoài ra, Ban Tổng Thư kí được Bộ trưởng giao xem xét một số vấn đề liên quan đến thành phần Hội đồng Tối cao, việc phân bổ các thành viên giữa 3 hội nghị cũng như dự kiến hoặc phê chuẩn các hoạt động bầu cử.

Trong một khoá họp, nếu thành viên Hội đồng Pháp chế thuộc địa hoặc Hội đồng Kinh tế thuộc địa do Bộ trưởng bổ nhiệm bằng nghị định, không tham gia ít nhất là một nửa số cuộc họp của ban hoặc của Hội nghị không có lí do chính đáng, sẽ bị tuyên từ chức.

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa quy định những biện pháp chi tiết, cần thiết cho hoạt động của Hội đồng Tối cao thuộc địa. Đặc biệt đối với những vấn đề khẩn cấp, Bộ trưởng sẽ quy định chi tiết đối với những vấn đề khẩn cấp. Kết thúc khoá họp thường niên, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa trình lên Nghị viện bản báo cáo tổng thể về các công việc của Hội đồng Tối cao thuộc địa do Ban Tổng Thư kí lập.

304. Décret du 22 septembre 1928 du Président de la République française portant réorganisation de la Trésorerie de l'Indochine et fixant le statut des Trésoriers de cette colonie.

Sắc lệnh ngày 22 tháng 9 năm 1928 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương và quy định quy chế liên quan đến các Giám đốc Ngân khố tại thuộc địa.

(Nguồn: J 1135, JOIF 1928, tr.3645-3646)

Sắc lệnh gồm 2 phần, 11 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Nha Ngân khố Đông Dương

Thành phần của Nha Ngân khố Đông Dương gồm: Giám đốc Ngân khố Đông Dương sống tại Hà Nội, các Giám đốc phụ trách Ngân khố Nam Kì, Cao Miên, Trung Kì và Lào; một số nhân viên Sở Ngân khố được tổ chức theo Sắc lệnh ngày 06 tháng 8 năm 1921.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì trực tiếp thực hiện hoặc tập trung công việc của các cơ quan

tài chính của chính quốc và phụ trách Quỹ Tiền gửi và Kí gửi, đồng thời chịu trách nhiệm về quỹ của Hội Thương binh Hải quân.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương thực hiện hoặc tập trung công việc của các cơ quan tài chính liên quan đến:

1. Ngân sách chung Đông Dương;

2. Ngân sách địa phương Bắc Kì;

3. Các ngân sách bổ sung của hai ngân sách này.

Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì trực tiếp thực hiện hoặc tập trung công việc của các cơ quan địa phương tại Nam Kì, Cao Miên, Trung Kì và Lào và giúp Giám đốc Ngân khố Đông Dương thực hiện công việc của các cơ quan tài chính liên quan đến ngân sách chung Đông Dương và các ngân sách bổ sung cho ngân sách này...

Các cụm trưởng đảm bảo triển khai công việc của các cơ quan tài chính tại thuộc địa hoặc xứ bảo hộ, dưới sự quản lí của Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì.

Giám đốc Ngân khố Đông Dương, Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì và các cụm trưởng phải nộp một khoản tiền bảo lãnh để bảo đảm cho hoạt động quản lí theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mọi chi phí của Sở Ngân khố (chi tiêu cho nhân sự, mua sắm thiết bị, chuyển quỹ, phí thương lượng và đổi tiền v.v...) sẽ do ngân sách thuộc địa chi trả. Toàn quyền Đông Dương phân bổ kinh phí giữa ngân sách chung Đông Dương và ngân sách của mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương.

Phần II. Về việc bổ nhiệm, tiền lương và xếp hạng các giám đốc Sở Ngân khố ở Đông Dương

Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì được bổ nhiệm theo quy định tại Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912. Giám đốc Ngân khố Đông Dương và Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì phải tuân theo các quy định trong Sắc lệnh ngày 03 tháng 7 năm 1897, ngày 02 tháng 3 năm 1910 và những sắc lệnh sau đó liên quan tới lộ phí và tiền lương của viên chức thuộc địa. Phụ cấp đi lại, lưu trú và điều trị tại các bệnh viện của những kế toán viên cao cấp này được quy định như sau:

a) Giám đốc Ngân khố Đông Dương, hạng 1A;

b) Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì, hạng 1B.

Giám đốc phụ trách Ngân khố các kì còn được hưởng khoản tiền phụ thêm của thuộc địa, trong đó định suất và điều kiện cấp được quy định bằng một quy định chung liên quan đến tiền lương và phụ cấp lương của nhân viên thuộc địa.

305. Décret du 4 novembre 1928 du Président de la République française portant création d'un Grand Conseil des intérêts économiques et financiers en Indochine (promulgué le 22 décembre 1928).

Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1928 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Đại Hội đồng Lợi ích Kinh tế và Tài chính Đông Dương (ban hành ngày 22 tháng 12 năm 1928).

(Nguồn: J 1135, JOIF 1928, tr.4000-4002)

Sắc lệnh gồm 3 phần, 33 điều với các nội dung chính sau:

I. Thành lập Đại Hội đồng

Đại Hội đồng Lợi ích Kinh tế và Tài chính Đông Dương được thành lập và nhóm họp tại Hà Nội hoặc Sài Gòn. Tuy nhiên, Toàn quyền có thể ấn định địa điểm khác để tổ chức cuộc họp.

Đại Hội đồng Lợi ích Kinh tế và Tài chính Đông Dương gồm 28 thành viên người Pháp và 23 thành viên bản xứ được chỉ định trong điều kiện đặc biệt nêu trong Sắc lệnh này.

Thành viên người Pháp được chỉ định như sau:

- Khu vực Nam Kì gồm 3 thành viên Hội đồng Thuộc địa; 2 thành viên Phòng Thương mại; 2 thành viên Phòng Canh nông.

- Khu vực Bắc Kì gồm 3 thành viên Hội đồng Lợi ích và Tài chính của người Pháp ở Bắc Kì; 1 thành viên Phòng Thương mại Hà Nội; 1 thành viên Phòng Thương mại Hải Phòng; 1 thành viên Phòng Canh nông.

- Khu vực Trung Kì gồm 2 thành viên Hội đồng Lợi ích và Tài chính của người Pháp ở Trung Kì; 1 thành viên Phòng hỗn hợp

Thương mại và Canh nông Trung Trung Kì; 1 thành viên Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông Bắc Trung Kì.

- Khu vực Cao Miên gồm 2 thành viên Hội đồng Lợi ích và Tài chính của người Pháp ở Cao Miên; 1 thành viên Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông.

- Khu vực Lào gồm 1 thành viên Hội đồng Lợi ích và Tài chính của người Pháp ở Lào; 1 thành viên do Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông chỉ định. Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính không được thành lập tại Lào nhưng Toàn quyền sẽ chỉ định thành viên thay thế người đại diện theo quy định tại Đại Hội đồng trong số những người Pháp có danh tiếng trong ngành kĩ nghệ, thương mại và nông nghiệp theo đề nghị của Khâm sứ Lào.

- Khu vực Đông Dương gồm 6 thành viên được Toàn quyền lựa chọn trong số những người Pháp có địa vị tại thuộc địa, ngoài đội ngũ viên chức đương nhiệm.

Thành viên bản xứ gồm:

- Khu vực Nam Kì gồm 3 thành viên Hội đồng Thuộc địa; 1 thành viên Phòng Thương mại; 1 thành viên Phòng Canh nông.

- Khu vực Bắc Kì gồm 3 thành viên Viện Dân biểu bản xứ; 1 thành viên do các thành viên bản xứ Phòng Thương mại Bắc Kì chỉ định; 1 thành viên Phòng Canh nông;

- Khu vực Trung Kì gồm 2 thành viên Viện Dân biểu bản xứ; 1 thành viên do các thành viên bản xứ Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì chỉ định.

- Khu vực Cao Miên gồm 2 thành viên Phòng Tư vấn bản xứ; 1 thành viên Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông.

- Khu vực Lào gồm 1 thành viên Phòng Tư vấn bản xứ; 1 thành viên Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông.

- Khu vực Đông Dương gồm 5 thành viên do Toàn quyền lựa chọn trong số những người bản xứ có địa vị tại thuộc địa, không phải là viên chức.

Đại biểu của các Hội đồng địa phương tham gia Đại Hội đồng Lợi ích Kinh tế và Tài chính Đông Dương bao gồm: đại biểu người Pháp do thành viên người Pháp bầu, đại biểu bản xứ do thành viên bản xứ thuộc các hội đồng này bầu theo hình thức bỏ phiếu kín.

Số thành viên dự khuyết bằng số thành viên thực thụ được bầu hoặc bổ nhiệm cùng lúc với thành viên thực thụ theo cùng cách thức. Khi một uỷ viên thực thụ không thể tham gia khoá họp, thành viên dự khuyết được thay thế theo thứ tự được bầu hoặc bổ nhiệm.

Nhiệm kì của thành viên Đại Hội đồng - đại biểu của các Hội đồng địa phương được quy định là 1 năm. Biên bản bầu cử tại mỗi Hội đồng được đính kèm phiếu bầu và đơn thư khiếu nại của những người có liên quan được gửi tới viên chức giữ chức thư kí - lưu trữ viên của Đại Hội đồng trong thời hạn 15 ngày sau cuộc bầu cử.

Nhiệm kì của thành viên Đại Hội đồng do Toàn quyền bổ nhiệm là 1 năm. Trong nhiệm kì, các thành viên Đại Hội đồng không được trả lương, trừ chi phí đi lại và lưu trú.

II. Các khoá họp của Đại Hội đồng

Mỗi năm Đại Hội đồng Lợi ích Kinh tế và Tài chính Đông Dương họp thường kì một lần theo lệnh triệu tập của Toàn quyền vào thời gian do Toàn quyền ấn định. Lễ khai mạc và bế mạc các khoá họp được quy định theo nghị định của Toàn quyền và thông qua trước Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ.

Toàn quyền cũng có thể triệu tập họp đột xuất Đại Hội đồng. Nghị định triệu tập được đưa ra thông qua trước Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ sẽ ấn định chương trình nghị sự của khoá họp.

Toàn quyền hoặc người đại diện khai mạc mỗi khoá họp. Phiên họp chỉ được diễn ra khi trên một nửa số thành viên Đại Hội đồng có mặt, nếu không phiên họp bị hoãn lại sang ngày thứ 3 theo quyết định của Toàn quyền.

Dưới sự chủ trì của một thành viên lớn tuổi nhất trong số thành viên người Pháp do Toàn quyền bổ nhiệm với sự hỗ trợ của một thành viên trẻ nhất làm thư kí, trước tiên, Đại Hội đồng sẽ thông qua chương trình nghị sự và bầu ra Ban Chỉ đạo. Thành phần của Ban này gồm: 1 Chủ tịch người Pháp, 2 Phó Chủ tịch (1 người Pháp và 1 người bản xứ) và 2 thư kí (1 người Pháp và 1 người bản xứ). Việc bầu thành viên Ban Chỉ đạo diễn ra theo hình thức bỏ phiếu kín với đa số tuyệt đối phiếu bầu ở vòng bầu cử đầu tiên, và với đa số tương

đối ở vòng bầu cử thứ hai. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, người lớn tuổi nhất sẽ đắc cử.

Toàn quyền có quyền tham gia các cuộc họp của Đại Hội đồng nếu thấy cần thiết hoặc có thể uỷ quyền cho người đại diện. Toàn quyền có thể cho phép những người đứng đầu chính quyền hoặc đơn vị tham gia Đại Hội đồng để nắm bắt thông tin liên quan đến quyền hạn. Toàn quyền cũng có thể chỉ định một số "uỷ viên Chính phủ" cho Đại Hội đồng.

Trừ phiên khai mạc và bế mạc, các phiên họp còn lại của Đại Hội đồng đều không diễn ra công khai.

Đại Hội đồng phải xây dựng nội quy riêng và được Toàn quyền phê chuẩn. Đại Hội đồng là một tổ chức duy nhất trong đó, các thành viên cùng tham gia thảo luận. Mọi nghị quyết của Đại Hội đồng chỉ được thực hiện với đa số phiếu tán thành. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, đề xuất đưa ra xem như bị bác bỏ. Đại Hội đồng lập biên bản cuộc họp theo ngày. Viên chức do Toàn quyền chỉ định giữ chức thư kí - lưu trữ viên.

Biên bản mỗi cuộc họp sẽ được Chủ tịch và một trong hai thư kí quyết định và kí xác nhận. Biên bản ghi rõ các báo cáo, tên thành viên tham gia thảo luận và báo cáo về cuộc họp, đồng thời phân tích những ý kiến đưa ra.

Đại Hội đồng trình Toàn quyền bản sao các ý kiến biểu quyết và nguyện vọng liên quan đến nội dung cuộc họp trong thời gian nhanh nhất.

Đại Hội đồng chỉ tiến hành thảo luận nếu trên một nửa thành viên có mặt. Khi số đại biểu cần thiết theo quy định không đủ, cuộc thảo luận được hoãn lại vào ngày hôm sau. Các quyết nghị được thực hiện không kể số lượng người dự họp. Tên người vắng mặt được ghi lại.

Mọi biên bản và thảo luận về những nội dung không thuộc quyền hạn của Đại Hội đồng được xem như không có giá trị và không có hiệu lực. Các cuộc thảo luận diễn ra ngoài thời gian và ngoài địa điểm họp quy định đều bị xem như không có giá trị. Toàn quyền công bố về cuộc họp trái quy định, những biên bản không có hiệu lực; áp dụng mọi biện pháp cần thiết để lập tức giải tán Đại Hội đồng và

chuyển quyết định lên Chưởng lí để thực thi luật và áp dụng hình phạt được quy định.

III. Quyền hạn của Đại Hội đồng

Đại Hội đồng Lợi ích Kinh tế và Tài chính Đông Dương được tham vấn về những vấn đề như:

1. Dự thảo ngân sách chung Đông Dương thường xuyên, bất thường và ngân sách bổ sung cũng như ngân sách liên quan đến vốn vay (trừ các khoản dành cho món nợ phải trả và quỹ đặc biệt);

2. Kế hoạch thực hiện các công trình công cộng từ nguồn ngân sách chung Đông Dương thường xuyên, bất thường và vốn vay;

3. Báo cáo quyết toán;

4. Xếp hạng và giáng hạng đường sá;

5. Trưng mua, chuyển nhượng, trao đổi tài sản tại thuộc địa được dùng trong công sở;

6. Chuyển nhượng một số công trình được thực hiện bằng nguồn vốn thuộc ngân sách chung Đông Dương hoặc vốn vay cho cá nhân, hiệp hội hoặc công ti.

Theo đề xuất của Toàn quyền, Đại Hội đồng quyết nghị những vấn đề như:

1. Cơ sở đánh thuế, quy định về thu thuế gián thu và các loại thuế khác, trừ thuế quan;

2. Các khoản vay và tiền bảo lãnh.

Mọi nghị quyết của Đại Hội đồng được Toàn quyền chuẩn y bằng nghị định và thông qua trước Hội đồng Chính phủ. Trường hợp những đề xuất của chính quyền không được thông qua, Đại Hội đồng được mời biểu quyết lại về vấn đề gây tranh cãi.

8 ngày trước khi khai mạc khoá họp thường kì, Toàn quyền gửi tới từng thành viên Đại Hội đồng bản dự thảo của mỗi loại ngân sách cần tham vấn. Đại Hội đồng có thể đề đạt nguyện vọng và yêu cầu liên quan đến những vấn đề về kinh tế, tài chính khác.

Đại Hội đồng có thể khởi xướng một số đề xuất về khoản chi ngân sách, với điều kiện mọi đề xuất liên quan đến những khoản chi mới

phải kèm theo đề xuất tăng, hoặc lập các khoản thuế mới, hoặc tiền tiết kiệm.

Nếu Đại Hội đồng không nhóm họp hoặc giải tán trước khi biểu quyết, Toàn quyền sẽ trực tiếp quyết định và được thông qua trước Hội đồng Chính phủ theo quy định tại điều 69 và 70 của Sắc lệnh tài chính ngày 30 tháng 12 năm 1912.

Một Uỷ ban Thường trực do Đại Hội đồng bổ nhiệm gồm 2 ban, mỗi ban có 10 thành viên (6 người Pháp và 4 người bản xứ). Uỷ ban Thường trực nhóm họp hoặc tại Sài Gòn, hoặc tại Hà Nội theo lệnh triệu tập của Toàn quyền. Uỷ ban Thường trực được mời đóng góp ý kiến cho các vấn đề trình lên Đại Hội đồng xem xét hoặc tư vấn. Ý kiến của Uỷ ban Thường trực có thể thay cho ý kiến của Đại Hội đồng, trừ việc lập ngân sách chung Đông Dương, ngân sách bổ sung và các khoản vay. Uỷ ban được tham vấn về việc sửa đổi bổ sung liên quan đến phân bổ kinh phí thuộc ngân sách chung Đông Dương và ngân sách bổ sung.

Toàn quyền có thể ra nghị định hoãn khoá họp của Đại Hội đồng và chuẩn y trước Hội đồng Chính phủ trong đó nêu rõ thời gian diễn ra khoá họp kế tiếp vào 6 tháng sau đó.

306. Décret du 4 novembre 1928 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil de Gouvernement de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1928 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Chính phủ Đông Dương.

(Nguồn: J 1135, JOIF 1928, tr.4003)

Sắc lệnh gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

- Điều 1 của Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1921 quy định thành phần và quyền hạn của Hội đồng Chính phủ bị bãi bỏ và thay bằng những quy định sau đây:

"Giúp việc cho Toàn quyền là Hội đồng Chính phủ. Hội đồng Chính phủ có thành phần như sau:

- Tư lệnh tối cao quân đội Đông Dương;

- Phó Toàn quyền;

- Thống đốc Nam Kì; Thống sứ Bắc Kì; Khâm sứ Trung Kì; Khâm sứ Cao Miên; Khâm sứ Lào;

- Giám đốc Học chính;

- Chánh án thứ nhất - Giám đốc Tư pháp;

- Giám đốc Tài chính;

- Tổng Thanh tra Công chính;

- Tổng Thanh tra các cơ quan y tế;

- Giám đốc Thương chính và Độc quyền;

- Giám đốc Ngân khố Đông Dương;

- Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi;

- Giám đốc Bưu điện và Điện báo;

- Giám đốc Cảnh sát và An ninh;

- Tư lệnh Hải quân Đông Dương;

- Đại biểu của Nam Kì, Trung Kì, Bắc Kì và Cao Miên tại Hội đồng Tối cao thuộc địa được tham gia các cuộc họp và công việc của Hội đồng Chính phủ với quyền biểu quyết;

- 5 viên chức cấp cao người bản xứ hoặc cựu viên chức cũng tham gia Hội đồng Chính phủ, theo tỉ lệ: thuộc địa Nam Kì 1 người; các xứ bảo hộ Trung Kì, Bắc Kì, Cao Miên và Lào, mỗi xứ 1 người. Hàng năm, Toàn quyền chỉ định thành viên bản xứ theo đề nghị của Thống đốc Nam Kì và Thống sứ, Khâm sứ.

Chánh Văn phòng Phủ Toàn quyền là thư kí Hội đồng Chính phủ và có quyền biểu quyết.

- Điều 3 của Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1921 được sửa đổi như sau:

"Mỗi năm, Hội đồng Chính phủ họp ít nhất một lần theo lệnh triệu tập của Toàn quyền. Toàn quyền ấn định địa điểm diễn ra cuộc họp. Các cuộc thảo luận của Hội đồng Chính phủ không diễn ra công khai".

- Điều 4 của Sắc lệnh năm 1921 được sửa đổi như sau:

"Toàn quyền là người quyết định ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương và ngân sách bổ sung cũng như các báo cáo

quyết toán; ấn định các khoản thuế và trợ cấp cho các nước trong liên bang; phê chuẩn cách thức, quy định về thu thuế và định suất thuế cho ngân sách chung Đông Dương, địa phương và ngân sách bổ sung trên toàn Đông Dương.

307. Arrêté du 18 décembre 1928 du Gouverneur général p.i de l'Indochine érigeant en communes les centres urbains de Baclieu, Cantho et Rachgia (Cochinchine).

Nghị định ngày 18 tháng 12 năm 1928 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp các trung tâm đô thị Bạc Liêu, Cần Thơ và Rạch Giá (Nam Kì) lên thành thành phố.

(Nguồn: J 1137, JOIF 1929, tr.88-91)

Nghị định gồm 4 phần với 36 điều, trong đó có:

Phần I. Quá trình hình thành và quản lí thành phố

Từ ngày 01 tháng 01 năm 1929, các trung tâm đô thị Bạc Liêu, Cần Thơ và Rạch Giá được nâng cấp lên thành thành phố. Đứng đầu mỗi thành phố là Chánh Chủ tỉnh mang chức danh Đốc lí.

Phó Chủ tỉnh được chỉ định thay Đốc lí trong trường hợp vắng mặt. Giúp việc cho Đốc lí là Uỷ ban thành phố gồm 3 thành viên người Âu và 3 thành viên người bản xứ.

Thành viên Uỷ ban do Thống đốc bổ nhiệm theo đề nghị của Đốc lí, với nhiệm kì 3 năm.

Thành viên người Âu được lựa chọn trong số điền chủ, thương nhân có đóng thuế môn bài hoặc thân hào.

Thành viên người bản xứ được lựa chọn trong số thân hào đương nhiệm theo đề nghị của Hội đồng kì mục.

Thành viên Hội đồng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như: độ tuổi ít nhất là 25; không phải là nhà thầu một công trình hay một dịch vụ công nào liên quan đến thành phố bằng bất kì một hợp đồng hành chính nào; không phải chấp hành bất kì án phạt nào;

Thành viên không được trả lương.

Trường hợp khuyết, trống một số vị trí do từ chức, công tác hay chết, Uỷ ban thành phố phải tiến hành bổ nhiệm thành viên mới. Uỷ ban thành phố có thể bị đình chỉ hoạt động hoặc giải tán theo quyết định của Thống đốc.

Phần II. Quyền hạn của Đốc lí

Đốc lí được giao quản lí thành phố và một số quyền hạn sau:

- Là chủ kinh phí, quản lí nguồn thu và giám sát hoạt động kế toán;

- Là người đại diện cho thành phố tại toà án, với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn;

- Đề xuất ngân sách và phát lệnh chi trả;

- Chỉ đạo các công trình xây dựng và biện pháp liên quan đến hệ thống đường sá trong khu vực nội thành;

- Kí kết giao kèo, hợp đồng và thi công các công trình của thành phố theo luật định;

- Phụ trách vấn đề an ninh của thành phố; công bố, thực thi đạo luật và quy định; áp dụng mọi biện pháp an ninh chung và đảm nhiệm các chức năng theo luật định.

Đốc lí ban hành nghị định để:

1. Ra chỉ thị thực hiện các biện pháp mang tính địa phương về những vấn đề được pháp luật cho phép;

2. Công bố luật và quy định về an ninh, đồng thời kêu gọi công dân tuân thủ.

Những nghị định do Đốc lí đưa ra phải được thông báo tới người đứng đầu chính quyền địa phương, người có thể huỷ bỏ hoặc hoãn thi hành các nghị định trên. Tuy nhiên, các quy định chỉ được thi hành sau thời gian 1 tháng kể từ ngày những quy định đó được chuyển lên chính quyền cấp trên. Người đứng đầu chính quyền địa phương có thể rút ngắn thời hạn này. Nghị định của Đốc lí chỉ mang tính bắt buộc sau khi được các bên liên quan công nhận, thông qua bản yết thị viết bằng tiếng Pháp hoặc chữ quốc ngữ nếu đó là quy định chung, đối với những trường hợp khác thông qua giấy báo cá nhân.

Đốc lí có quyền bổ nhiệm các chức danh cấp thành phố mà cách thức bổ nhiệm đặc biệt đối với chức danh này còn chưa được quy định. Đốc lí được quyền treo chức và cách chức những người giữ chức danh đó.

Phần III. Quyền hạn của Uỷ ban thành phố

Uỷ ban có thể đề đạt nguyện vọng về những vấn đề liên quan đến thành phố và biểu quyết phần trăm thuế trực thu.

Uỷ ban được triệu tập cho ý kiến về các vấn đề sau:

1. Ngân sách và báo cáo quyết toán;

2. Biểu thuế và quy định về việc thu lợi tức cho thành phố;

3. Các hợp đồng sử dụng hoặc cho thuê tài sản;

4. Sửa đổi ranh giới trên địa bàn thành phố;

5. Dự án lập sơ đồ mặt bằng những tuyến đường lớn trong thành phố;

6. Mở đường, xây dựng quảng trường và các công trình công cộng;

7. An ninh trong thành phố và vệ sinh công cộng;

8. Các vụ kiện và hoà giải;

9. Tài sản hiến tặng và di tặng;

10. Cách thức, cơ sở đánh thuế thu nhập tại thành phố.

***Phần IV gồm 26 điều** quy định về việc thu, chi ngân sách thành phố, ngân sách bổ sung và công tác kế toán của thành phố.*

308. Décret du 23 janvier 1929 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies (promulgué le 29 mars 1929).

Sắc lệnh ngày 23 tháng 01 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa (ban hành ngày 29 tháng 3 năm 1929).

(Nguồn: J 1137, JOIF 1929, tr.1297-1301)

Sắc lệnh gồm 38 điều với các nội dung chính sau:

Mỗi thuộc địa, nhóm thuộc địa hay khu vực thuộc địa, hoặc một xứ

bảo hộ như: Guinée thuộc Pháp; Côte d'Ivoire; Dahomey; Soudan thuộc Pháp và Thượng Volta; Châu Phi xích đạo thuộc Pháp; Madagascar (khu vực phía Đông); Madagascar (khu vực phía Tây); Madagascar (quần đảo Comores); Tân Thế Giới; các cơ sở thuộc Pháp tại Châu Đại Dương; Saint Pierre và Miquelon; Cao Miên; Trung Kì; Bắc Kì được bầu một đại biểu tham gia Hội đồng Tối cao thuộc địa.

Nhiệm kì của đại biểu ấn định là 4 năm.

Bầu cử diễn ra vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 10. Việc tổ chức bỏ phiếu vòng hai nếu cần diễn ra vào chủ nhật thứ tư cùng tháng.

Nhiệm kì của đại biểu được tính từ ngày 01 tháng 01 của năm liền sau cuộc bầu cử. Kể từ ngày này, đại biểu trúng cử được hưởng trợ cấp từ chính thuộc địa hoặc xứ bảo hộ nơi làm đại diện. Tuy nhiên, nếu kết quả bầu cử bị hủy bỏ, người trúng cử thôi hưởng trợ cấp nhưng không phải hoàn trả khoản tiền trợ cấp đã nhận.

Trong trường hợp đại biểu chết, từ chức hoặc trường hợp kết quả bầu cử bị hủy bỏ, cử tri được triệu tập theo nghị định của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa trong thời hạn 4 tháng sau đó. Nghị định được công bố trên Công báo nước Cộng hoà Pháp và trong Công báo thuộc địa ít nhất là 50 ngày trước ngày diễn ra cuộc bỏ phiếu vòng 1.

Nhiệm kì của đại biểu được bầu tính từ ngày Toàn quyền, Thống đốc, Phó Thống đốc, Thống sứ hoặc Chánh Tham biện công bố kết quả chính thức của cuộc bỏ phiếu và thông qua trước Uỷ ban Thường trực Phủ Toàn quyền, Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Tư mật, hoặc Hội đồng Bảo hộ hoặc Hội đồng Tư vấn, sau khi xem xét biên bản do Uỷ ban Thống kê phiếu bầu lập.

Cử tri là công dân Pháp độ tuổi từ 21, có đầy đủ các quyền dân sự và chính trị, sống tại thuộc địa ít nhất 6 tháng, nếu không phải có tên trong sổ đóng thuế môn bài hoặc thuế điền thổ. Những người đủ tư cách để được bầu là công dân Pháp, từ 25 tuổi trở lên và có đầy đủ quyền dân sự và chính trị.

Viên chức nhà nước, viên chức và nhân viên thường trực, không chính ngạch, hoặc làm việc theo hợp đồng trong chính quyền hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, hoặc ngân sách chung Đông Dương,

địa phương, đặc biệt, hoặc ngân sách bổ sung của thuộc địa, hoặc xứ bảo hộ cũng như từ nguồn ngân sách thành phố không được tham gia bầu cử tại khu vực đang hoặc đã từng công tác, trong thời gian đương chức và trong thời gian 6 tháng sau khi ra khỏi biên chế của đơn vị do thôi việc, cách chức, nghỉ hưu, tạm nghỉ việc, thuyên chuyển hoặc vì lí do nào đó.

Ứng cử viên phải có đơn xin ứng cử, chứng minh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định trong Sắc lệnh này để cử tri lựa chọn. Đương nhiên, đơn xin ứng cử phải ghi rõ ngày tháng, có chữ kí hợp lệ. Ứng cử viên trực tiếp gửi đơn xin ứng cử đến người đứng đầu thuộc địa, muộn nhất là trong thời gian 30 ngày trước khi diễn ra bầu cử.

Trong vòng 4 ngày, người đứng đầu thuộc địa sẽ cấp giấy báo đã nhận đơn xin ứng cử nếu ứng cử viên đáp ứng các điều kiện theo quy định. Trường hợp ngược lại, cũng trong thời hạn quy định, người đứng đầu thuộc địa sẽ thông báo đến ứng cử viên liên quan về việc không chấp nhận hồ sơ có nêu rõ lí do.

9 ngày trước khi diễn ra bỏ phiếu, tuỳ theo từng trường hợp, Toàn quyền, Thống đốc, Phó Thống đốc, Thống sứ hoặc Chánh Tham biện có trách nhiệm thông báo tới Đốc lí và trưởng khu hành chính danh sách ứng cử viên có đơn xin ứng cử hợp lệ và đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu. Đốc lí và trưởng khu hành chính cho niêm yết danh sách này ở cổng Toà Đốc lí, đình, hoặc tại phòng bầu cử của khu vực và các chi khu.

Nếu vắng mặt tại thủ phủ nơi ứng cử, những ứng cử viên cho chức đại biểu Hội đồng Tối cao thuộc địa phải uỷ quyền cho một người nộp đơn xin ứng cử, nhận mọi thông đạt từ chính quyền và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc ứng cử.

Người không đắc cử vòng 1 là người không đạt:

1. Đa số tuyệt đối số phiếu phát ra;

2. Số phiếu bầu bằng 1/4 số cử tri đăng kí.

Trường hợp không có ứng cử viên đáp ứng điều kiện trên sẽ phải tiến hành bỏ phiếu vòng 2. Cuộc bầu cử vòng 2 diễn ra theo nguyên tắc đa số phiếu tương đối, không phụ thuộc vào số cử tri bỏ phiếu. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, người cao niên nhất sẽ đắc cử.

Mỗi xã hoặc khu hành chính tại thuộc địa hoặc xứ bảo hộ sẽ có danh sách bầu cử riêng và hàng năm được duyệt lại theo quy định sau:

Từ ngày 01 đến 20 tháng 01 hàng năm, tại mỗi Toà Đốc lí hoặc thủ phủ của khu vực, Đốc lí, Trưởng khu hành chính hoặc viên chức cấp phó hoặc người được uỷ quyền phải bổ sung vào danh sách:

1. Tất cả những công dân Pháp cư trú hoặc sống tại thuộc địa trong thời gian ít nhất 6 tháng;

2. Những người có tên trong sổ thuế môn bài hoặc thuế điền thổ vào thời điểm xét lại danh sách.

Khi duyệt lại danh sách, những công dân không đáp ứng điều kiện về tuổi tác cũng như nơi cư trú theo quy định trên nhưng đáp ứng được điều kiện này trước ngày 01 tháng 4, cũng vẫn được đăng kí.

Điều 10 đến điều 12 quy định trách nhiệm của Toà Đốc lí hoặc các khu hành chính về việc thực hiện công tác bầu cử hàng năm.

Điều 13 đến điều 29 quy định chi tiết về công tác bầu cử: danh sách cử tri, hoạt động của các uỷ ban bầu cử, bỏ phiếu, kiểm phiếu, công bố kết quả v.v...

Điều 30 đến điều 33 quy định về việc xử phạt đối với các trường hợp vi phạm pháp luật trong công tác bầu cử như sau:

Trong những trường hợp đặc biệt, bất cứ ai trong phòng bầu cử hoặc tại văn phòng các khu vực, Toà Đốc lí hay chính quyền địa phương trước, trong hoặc sau cuộc bỏ phiếu; nếu không chấp hành các quy định mang tính pháp lí hoặc các nghị định của Toàn quyền, Thống đốc hoặc Thống sứ; hoặc vi phạm, hoặc cố tình tiết lộ bí mật về cuộc bỏ phiếu, cản trở hoạt động bỏ phiếu; hoặc làm thay đổi hay cố ý thay đổi kết quả cuộc bầu cử, sẽ bị phạt từ 100 đến 500 phơ-răng và từ 1 tháng đến 1 năm tù, hoặc chịu một trong hai hình phạt trên. Ngoài ra, người phạm tội có thể bị tước quyền công dân trong thời gian từ 2 đến 5 năm. Nếu viên chức hành chính hoặc tư pháp, nhân viên hoặc nhân viên thừa hành của Chính phủ hoặc chính quyền Nhà nước, hoặc đại diện Viện Công tố, phạm tội phải chịu hình phạt gấp đôi.

Mọi đơn thư khiếu nại liên quan đến hoạt động bầu cử đều được trình lên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sau khi có ý kiến của Uỷ ban tư

vấn Hội đồng Tài phán thuộc địa, trừ khi có kháng án lên Hội đồng Nhà nước trong thời hạn 1 tháng.

Đại biểu được bầu vào Hội đồng Tối cao thuộc địa phải cung cấp một địa chỉ tại chính quốc, nơi có thể nhận được thông báo từ Bộ Thuộc địa hoặc Ban Tổng Thư kí Hội đồng Tối cao thuộc địa liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng được thành lập cạnh Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

Các nghị định của Toàn quyền và của Thống đốc sẽ quy định tổng số tiền trợ cấp cũng như những lợi ích và phương tiện đi lại mà đại biểu Hội đồng Tối cao thuộc địa được hưởng trong thời gian đương nhiệm.

Trước đó, những nghị định này phải được trình Bộ trưởng Bộ Thuộc địa thông qua.

309. Arrêté du 1er février 1929 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 10 juillet 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture de la Cochinchine.

Nghị định ngày 01 tháng 02 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 10 tháng 7 năm 1925 về việc tổ chức lại Phòng Canh nông Nam Kì.

(Nguồn: J 1137, JOIF 1929, tr.455-456)

Nghị định gồm 2 điều với một số điều khoản thay đổi về bầu cử uỷ viên thành viên Phòng Canh nông Nam Kì như sau:

Điều 1. Đoạn cuối của điều 11 và các điều 15, 16, 17 Nghị định ngày 10 tháng 7 năm 1925 về việc tái cơ cấu Phòng Canh nông Nam Kì được sửa đổi như sau:

Điều 11. .....

Thẻ cử tri do người đứng đầu chính quyền địa phương lập theo mẫu dưới đây được chuyển tới các đốc lí và chánh chủ tỉnh là những người có trách nhiệm trao đến tận tay người nhận.

Điều 15. Cử tri trực tiếp đi bầu phải bỏ phiếu bầu vào một phong bì. Phong bì này tuyệt đối không có dấu hiệu bên ngoài và cử tri tự tay

bỏ phong bì vào hòm quy định, sau khi một trong số hội thẩm đã xé cuống thẻ cử tri của người đi bầu.

Phiếu bầu của cử tri được xác nhận trên danh sách, có chữ kí hoặc chữ kí tắt của một trong số hội thẩm bên cạnh tên cử tri.

Điều 16. Chỉ những cử tri người Pháp sống hoặc thường trú ngoài thành phố - nơi đặt trụ sở Ban bầu cử, mới được bầu qua thư.

Cử tri được tham gia bầu với điều kiện trên phải bỏ phiếu vào một phong bì kín thứ nhất, không ghi địa chỉ trên phong bì, cũng không có dấu hiệu bên ngoài. Phiếu bầu phải là màu trắng và không có dấu hiệu bên ngoài.

Để tránh phiếu bị vô hiệu hoá ở vòng 1, cử tri phải để phong bì đầu tiên cũng như cuống bên trái và cuống bên phải của thẻ cử tri đối với vòng 2 vào phong bì thứ hai và ghi rõ tên, chữ kí, nơi ở và dòng chữ: "Gửi Chủ tịch Ban bầu cử Phòng Canh nông Nam Kì, Sài Gòn".

Phong bì được gửi miễn phí tại bưu điện gần nơi cử tri cư trú nhất để đến địa chỉ nơi nhận muộn nhất là một ngày trước khi diễn ra bầu cử. Chủ sự bưu điện là người giữ phong bì, sau đó nộp cho chủ tịch ban bầu cử vào ngày bầu cử và nhận giấy biên nhận.

Trước khi kết thúc bỏ phiếu, những phong bì có chứa phiếu bầu được gửi qua đường bưu điện được mở ngay.

Chủ tịch ban bầu cử phải đảm bảo những cử tri có tên trên phong bì đã không tham gia bỏ phiếu trực tiếp. Sau đó, Chủ tịch bóc phong bì bên ngoài, kiểm tra xem liệu phong bì có chứa cuống thẻ cử tri hay không. Nếu đúng, chủ tịch sẽ ghi tên người bỏ phiếu vào bên lề danh sách và bỏ phong bì có chứa phiếu bầu vào hòm phiếu. Nếu không đúng, phiếu bầu bị huỷ bỏ và phong bì chứa phiếu bầu không được mở sẽ được đính kèm biên bản.

Nếu người gửi thư tham gia bỏ phiếu trực tiếp hoặc không đủ tư cách tham gia bỏ phiếu, phong bì bên ngoài được đính kèm biên bản không được mở nếu việc này bị phát hiện trong lần kiểm tra đầu tiên.

Trường hợp việc này bị phát hiện trong lần kiểm tra thứ hai, phong bì được mở và cuống thẻ cử tri được đính kèm biên bản.

Điều 17. Cuộc bỏ phiếu diễn ra vào thời gian và địa điểm do Thống đốc Nam Kì ấn định trong nghị định triệu tập cử tri".

310. Décret du 8 février 1929 du Président de la République française complétant l'article 2 du décret du 27 mai 1922 portant réorganisation des Chambres de Commerce en Indochine.

Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ sung điều 2 của Sắc lệnh ngày 27 tháng 5 năm 1922 về việc tổ chức lại các Phòng Thương mại Đông Dương.

(Nguồn: J 1137, JOIF 1929, tr.1303)

Sắc lệnh gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Điều 2 của Sắc lệnh ngày 27 tháng 5 năm 1922 về việc tổ chức lại các Phòng Thương mại Đông Dương được bổ sung như sau:

"Ngoài thành viên thực thụ, nghị định thành lập còn dự kiến những thành viên dự khuyết người Pháp và ấn định số thành viên này.

Thành viên dự khuyết sẽ thay thế thành viên thực thụ trong trường hợp vắng mặt hoặc khuyết theo thứ tự được quy định như sau:

1. Theo thời gian bổ nhiệm lâu nhất;

2. Theo số phiếu bầu cao nhất giữa các thành viên được bầu cùng ngày;

3. Ưu tiên người cao tuổi nếu số phiếu ngang nhau;

Toàn quyền ấn định thời gian diễn ra bỏ phiếu bằng nghị định để tiến hành bầu cử thành viên dự khuyết. Một nửa thành viên dự khuyết được thay mới theo hình thức bốc thăm.

311. Décret du 29 avril 1929 du Président de la République française portant création d'un Service météologique colonial.

Sắc lệnh ngày 29 tháng 4 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Sở Khí tượng thuộc địa.

(Nguồn: J 1139, JOIF 1929, tr.4420-4421)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Sở Khí tượng thuộc địa được thành lập thuộc quyền chỉ đạo tối cao của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, gồm toàn bộ các cơ quan địa phương thành lập tại các xứ thuộc Bộ Thuộc địa. Các khoản chi tiêu của Sở Khí tượng thuộc địa trích từ ngân sách chung Đông Dương và ngân sách địa phương.

Nhiệm vụ của Sở Khí tượng được quy định như sau:

- Tiếp tục các cuộc nghiên cứu khoa học, kĩ thuật và thực hành liên quan đến khí tượng học và việc ứng dụng tại thuộc địa;

- Soạn thảo và tập trung toàn bộ tư liệu về khí tượng học;

- Cung cấp cho các cơ quan nhà nước có liên quan và công chúng những thông tin có thể sử dụng đồng thời trong lĩnh vực khoa học, kĩ thuật và thực hành thông qua những phương tiện phù hợp và hiệu quả nhất;

- Duy trì mối liên hệ với các cơ quan khí tượng của Pháp và nước ngoài nhằm giải quyết những vướng mắc nảy sinh trong lĩnh vực khoa học, kĩ thuật và thực hành vì lợi ích chung, theo chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa;

- Phổ biến các nhận xét và công trình nghiên cứu trong điều kiện tốt nhất có thể thông qua những ấn phẩm đặc biệt cùng mô hình đối với tất cả các thuộc địa.

- Nghiên cứu những vấn đề về khoa học, kĩ thuật và thực hành trong lĩnh vực vật lí địa cầu có mối liên hệ với ngành khí tượng học (địa chấn học, từ học và đặc biệt là hải dương học vật lí) trong phạm vi quyền hạn.

Tại mỗi thuộc địa hoặc nhóm thuộc địa, cơ quan Khí tượng do một đội ngũ chuyên gia đảm nhiệm, đặt dưới sự chỉ đạo của Chánh Sở thuộc quyền quản lí trực tiếp của Toàn quyền hoặc Thống đốc.

Thành phần đội ngũ chuyên gia này bao gồm:

1. Các kĩ sư khí tượng học ngạch công chức trung ương, được tổ chức theo sắc lệnh;

2. Các nhà khí tượng học ngạch công chức địa phương, được tổ chức cho mỗi nhóm thuộc địa hoặc thuộc địa bằng nghị định của Toàn quyền hoặc Thống đốc, và được Bộ trưởng Bộ Thuộc địa phê chuẩn;

3. Những nhân viên không chính ngạch người bản xứ trong đó, việc tuyển dụng cũng như sử dụng họ được quy định bằng nghị định của các địa phương.

Ngoài đội ngũ chuyên gia nêu trên, Sở Khí tượng còn mời viên chức, hoặc nhân viên và quân nhân công tác tại thuộc địa giữ chức quan sát viên. Điều kiện sử dụng những quan sát viên được quy định bằng nghị định của Toàn quyền hoặc Thống đốc. Trợ cấp cho công việc này do Toàn quyền Đông Dương quy định.

Chức Chánh Sở Khí tượng thuộc Phủ Toàn quyền được trao cho một viên chức ngạch công chức trung ương do Toàn quyền bổ nhiệm bằng nghị định trong số danh sách 3 ứng cử viên do Viện Hàn lâm khoa học lập sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.

Theo nguyên tắc, Sở Khí tượng của mỗi thuộc địa sẽ có một trạm trung tâm và các trạm khác.

Trạm trung tâm được hình thành từ các ban. Số ban có thể thay đổi tuỳ theo mức độ quan trọng của công việc. Trạm này có chức năng: bảo quản tài liệu lưu trữ, nghiên cứu khí hậu học, dự báo, truyền tin nhanh, nghiên cứu khoa học, ứng dụng thực hành, công bố và tiết lộ thông tin.

Những trạm còn lại được chia làm 4 loại tuỳ vào vai trò và mức độ quan trọng:

***1. Trạm chính:** Được trang bị mọi thiết bị cần thiết để tiến hành các hoạt động trên thực địa hoặc thăm dò. Nếu tại địa phương nơi đặt trụ sở trạm chính không có trạm vô tuyến, trạm chính được trang bị thêm một trạm thu phát vô tuyến điện tần sóng ngắn. Điều này cho phép trạm chính liên hệ với trạm trung ương và các trạm xung quanh cùng loại. Những trạm này thường xuyên phát sóng vô tuyến khí tượng vào giờ quy định với một mã duy nhất cho tất cả các thuộc địa theo chỉ dẫn và cung cấp dự báo cho khu vực bằng những phương pháp hiệu quả nhất.*

***2. Trạm loại 1:** Được trang bị thiết bị cần thiết để tiến hành quan sát thực địa và một trạm thu vô tuyến tần sóng ngắn. Trạm chủ yếu phục vụ công tác nghiên cứu khí hậu học, cung cấp thông tin về thời tiết hiện tại và dự báo thời tiết nhận được từ vô tuyến của trạm trung ương và các trạm chính;*

*3. **Trạm loại 2**: Được trang bị thiết bị có giới hạn. Mục đích của trạm là cung cấp mọi chi tiết cho việc lập bản đồ và thống kê, nhất là thông tin liên quan đến mưa, giông bão, hiện tượng thay đổi thời tiết v.v...;*

*4. **Trạm nghiên cứu:** Đặt tại một địa phương hoặc tại một điểm thích hợp vị trí hoặc độ cao và được trang bị một loại thiết bị đặc biệt, khá hoàn thiện cho phép nghiên cứu một số hiện tượng theo quy định.*

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa ấn định danh sách tài liệu định kì mà các cơ quan địa phương tại thuộc địa phải gửi tới chính quyền trung ương. Chính quyền trung ương chịu trách nhiệm đảm bảo mối liên hệ với Bộ Không quân (cơ quan khí tượng quốc gia). Bộ trưởng quy định rõ những việc phải được báo cáo bằng đường cáp hoặc điện báo vô tuyến về Bộ.

Sau khi có ý kiến của người đứng đầu thuộc địa sở tại, Bộ trưởng quy định sự hợp tác giữa các Sở Khí tượng địa phương trong việc bảo vệ các tuyến đường hàng không vì lợi ích chung.

Trong một số trường hợp đặc biệt và để bảo vệ tính mạng một cách hiệu quả nhất trước những nguy cơ có thể xảy ra tại những thời điểm gần nhau, Bộ trưởng có thể quy định việc bố trí một số trạm chuyên dự báo hoặc thông báo những hiện tượng khí tượng nguy hiểm. Bộ trưởng cũng quy định biện pháp cần thiết để bảo vệ hoạt động hàng hải và ngành công nghiệp đánh bắt trước những nguy cơ và hiểm hoạ...

Toàn quyền và Thống đốc quy định bằng nghị định việc tổ chức và quyền hạn của Sở Khí tượng địa phương, số lượng, vị trí trạm chính và trạm hạng 1. Toàn quyền và Thống đốc quy định việc trao đổi trực tiếp thông tin dự báo thời tiết với các Sở Khí tượng của Pháp và nước ngoài, đồng thời quyết định những chi tiết liên quan đến hoạt động của Nha Địa chất địa phương, mối quan hệ giữa Sở này với các cơ quan của nhóm thuộc địa hoặc của thuộc địa được kêu gọi hợp tác với Sở, hoặc sử dụng tư liệu của Sở, hoặc cung cấp cho Sở các thông tin và phương tiện điều tra (nông nghiệp, công chính, y tế, điện báo vô tuyến, hàng không, hải quân v.v...

312. Arrêté du 30 avril 1929 du Gouverneur général de I'Indochine détachant le territoire du canton de Vung Tau de la province de Baria et I'érigeant en circonscription autonome sous le nom de "province du Cap Saint-Jcques.

Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách tổng Vũng Tàu khỏi tỉnh Bà Rịa và nâng cấp thành khu tự trị mang tên "tỉnh Cap Saint - Jacques" (Tỉnh Vũng Tàu)

(Nguồn: J 1137, JOIF 1929, tr.1700)

.Nghị định gồm 9 điều với một số nội dung sau:

Khu tự trị Vũng Tàu được nâng cấp lên thành tỉnh từ ngày 01 tháng 01 năm 1929.

Tỉnh Vũng Tàu đặt dưới quyền của Chủ tỉnh, người quyết định ngân sách, với sự hỗ trợ của Hội đồng hàng tỉnh.

Thành phần của Hội đồng gồm có:

Chủ tịch: Chủ tỉnh;

Thành viên: sĩ quan do Thống đốc chỉ định; 2 công dân Pháp không phải là viên chức, điền chủ trong tỉnh; 1 cố vấn do kì hào của 3 làng bầu ra; 3 kì hào giữ cấp bậc cao nhất của các làng Thang Nhut, Thang Nhi, Thang Tam; thư kí Phủ Thống đốc và các tỉnh Nam Kì.

313. Arrêté du 31 mai 1929 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune la ville de Thanh Hoa et portant organisation administrative et financière de ladite commune.

Nghị định ngày 31 tháng 5 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng Thanh Hoá lên thành thành phố và về tổ chức hành chính cũng như tài chính của thành phố này.

(Nguồn: J 1137, JOIF 1929, tr.1964-1966)

Nghị định gồm 7 phần với 20 điều, trong đó có:

Phần I. Sự hình thành và quản lí thành phố

Điều 1. Quyết định nâng Thanh Hoá lên thành thành phố.

Điều 2. Đốc lí là người quản lí thành phố với sự trợ giúp của đội ngũ quan lại.

Điều 3. Giúp việc cho Đốc lí là Uỷ ban thành phố gồm 2 thành viên người Pháp và 2 thành viên người bản xứ.

Tổng đốc phải tham gia các phiên họp của Uỷ ban thành phố, với quyền biểu quyết.

Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, lá phiếu của Đốc lí sẽ mang tính quyết định.

Điều 4. Thành viên Uỷ ban gồm người Pháp và người bản xứ do Khâm sứ bổ nhiệm với nhiệm kì 4 năm, theo đề nghị của Đốc lí.

Thành viên Ủy ban được lựa chọn trong số điền chủ, thương nhân có đóng thuế môn bài và kì hào đáp ứng đầy đủ các điều kiện như:

- Độ tuổi ít nhất là 25;

- Không phải là nhà thầu một công trình hay một dịch vụ công nào liên quan đến thành phố bằng bất kì một hợp đồng hành chính nào;

- Được hưởng các quyền dân sự và chính trị;

Trong thời gian đương nhiệm, thành viên của Uỷ ban thành phố không được hưởng lương.

Uỷ ban thành phố có thể tạm ngừng hoạt động hoặc giải tán theo nghị định nêu rõ lí do của Khâm sứ.

Phần II. Quyền hạn của Đốc lí

Điều 6. Đốc lí được giao quản lí thành phố, công bố, thực thi đạo luật và quy định trên toàn thành phố, áp dụng các biện pháp an ninh chung và đảm nhiệm các chức năng theo luật định. Ngoài ra, Đốc lí còn giữ một quyền hạn sau:

- Giữ chức Chủ tịch Uỷ ban thành phố.

- Là người đại diện cho thành phố tại toà, với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn.

- Giám sát việc bảo quản và quản lí công sản.

- Chuẩn bị, đề xuất và thực thi ngân sách thành phố trong đó Đốc lí là chủ kinh phí. Chỉ đạo hoặc giám sát các công sở.

- Chỉ đạo việc quy hoạch và bảo trì hệ thống đường sá của thành phố.

- Kí kết giao kèo, hợp đồng cung ứng và thi công các công trình của thành phố theo luật định.

- Đốc lí được bổ nhiệm các chức danh cấp thành phố mà cách thức bổ nhiệm đối với chức danh này còn chưa được quy định. Đốc lí được quyền treo chức và cách chức những người nắm giữ chức danh này.

Điều 7. Đốc lí chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh của thành phố; tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo trật tự trị an và vệ sinh trong thành phố, với sự nhất trí của đội ngũ quan lại.

Điều 8. Nghị định do Đốc lí đưa ra phải được thông báo tới Khâm sứ, người có thể huỷ bỏ hoặc hoãn thi hành các nghị định trên, sau khi được Viện Cơ mật chuẩn y. Tổng đốc là người chuyển bản sao nghị định để báo cáo lên Viện Cơ mật.

Tuy nhiên, các quy định về an ninh chỉ được thi hành sau thời gian 1 tháng kể từ ngày bản sao quy định đó được chuyển tới chính quyền cấp trên. Khâm sứ có thể rút ngắn thời hạn này.

Điều 9. Nghị định của Đốc lí chỉ mang tính bắt buộc sau khi được các bên liên quan công nhận, thông qua bản yết thị viết bằng tiếng Pháp hoặc chữ quốc ngữ nếu đó là quy định chung, đối với những trường hợp khác thông qua giấy báo cá nhân.

Phần III. Quyền hạn của Uỷ ban thành phố

Điều 10. Uỷ ban có thể đề đạt nguyện vọng về những vấn đề liên quan đến thành phố.

Uỷ ban được triệu tập cho ý kiến về các vấn đề sau:

1. Ngân sách và báo cáo quyết toán;

2. Biểu thuế và quy định về việc thu thuế cho thành phố;

3. Hợp đồng sử dụng hoặc cho thuê tài sản;

4. Sửa đổi ranh giới trên địa bàn thành phố;

5. Lập sơ đồ mặt bằng tuyến đối với những tuyến đường lớn trong thành phố;

6. Mở đường, xây dựng quảng trường và các công trình công cộng trong thành phố;

7. An ninh trong thành phố và vệ sinh công cộng;

8. Các vụ kiện và thoả hiệp;

9. Nhận tài sản hiến tặng và di tặng.

Phần IV. Ngân sách thành phố

Điều 11. Từ ngày 01 tháng 7 năm 1929, thành phố Thanh Hoá được cấp ngân sách riêng. Khoản ngân sách này chỉ được thực thi sau khi được Khâm sứ thông qua và chuẩn y trước Hội đồng Bảo hộ.

Điều 12. Ngân sách thành phố bao gồm:

1. Các khoản thu thường xuyên:

Khoản thu từ thuế điền thổ của thành phố;

Khoản thu từ phần trăm thuế trực thu;

Lợi tức từ nguồn công sản;

Khoản thu từ hoạt động buôn bán động sản và bất động sản của thành phố;

Khoản thu từ việc bán chỗ ở chợ;

Khoản thu từ việc cấp phép cho thuyền bè neo đậu và cập bến, thuế sử dụng công sản trong phạm vi thành phố;

Phí chuyển nhượng tại các nghĩa trang của thành phố và phần hoa lợi từ việc chuyển nhượng này;

Phí cầu đường, thuế cân đo, thuế đường bộ, thuế lưu thông xe cộ và các khoản thu khác;

Khoản thu từ việc gửi văn bản hành chính và chứng thư hộ tịch;

Những khoản tiền phạt vi cảnh;

Khoản thu từ việc lĩnh canh, chuyển nhượng dịch vụ khai thác nước, chiếu sáng công cộng, nạo vét bùn, thu gom rác thải v.v...

Nguồn thu từ các khoản thuế khác theo quy định.

Cơ sở, cách thức đánh thuế, định suất thuế và quy định thu thuế được lập theo quy định tại điều 74-B của Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912.

2. Những khoản chi thường xuyên là những khoản chi bắt buộc đối với thành phố bao gồm:

Phí bảo trì Toà Đốc lí;

Phí quản lí thành phố và tiền lương cho viên chức thành phố

Lương và tiền chiết giá của nhân viên thu thuế thành phố;

Tiền lương cho nhân viên và phí mua sắm thiết bị của lực lượng cảnh sát đô thị;

Bảo trì hệ thống đường sá đô thị;

Đại tu và bảo dưỡng các công trình công cộng;

Bảo dưỡng các khu chợ, nghĩa trang, bến bãi;

Thanh toán các khoản nợ có thể đòi được;

Những khoản chi không bắt buộc khác...

Phần V. Quà biếu tặng

Điều 15. Đốc lí được nhận quà biếu tặng cho thành phố, sau khi có ý kiến của Uỷ ban thành phố và được sự cho phép của Khâm sứ.

Phần VI. Tài sản của thành phố

Điều 16. Tài sản của thành phố được hình thành từ:

1. Tiền trợ cấp cho trung tâm đô thị Thanh Hoá theo nghị định và chỉ dụ thành lập trung tâm này;

2. Động sản và bất động sản trưng thu được bằng ngân sách thành phố;

3. Động sản hoặc bất động sản là đối tượng của các cuộc chuyển nhượng, dù đó là công sản thuộc địa hay công sản địa phương;

4. Tài sản có nguồn gốc từ đồ biếu tặng.

Những khu công thự được đăng kí vào sổ ghi trong đó có nêu toàn bộ chi phí sửa chữa hoặc chỉnh trang đối với từng khu nhà được thực hiện trong tài khoá. Hàng năm, bản sao cuốn sổ ghi được đính kèm báo cáo hành chính.

Điều 17. Đốc lí là người đại diện cho công sản. Với danh nghĩa này, Đốc lí có quyền quy định, tham gia hoạt động quản lí và các vụ kiện liên quan đến công sản địa phương.

Phần VII. Pháp lí

Điều 18. Thành phố không được kiện ra toà nếu không có sự đồng ý của Khâm sứ. Tuy nhiên, sự cho phép này không thực sự cần thiết

nếu đó là vụ kiện liên quan đến hoặc bảo vệ quyền sở hữu, hoặc tiến hành các hoạt động bảo lưu, hoặc gây gián đoạn do hết hạn.

Sau phán quyết, thành phố chỉ có thể khiếu nại lên cấp toà án khác khi Khâm sứ cho phép.

Trong mọi trường hợp, quyết định của Khâm sứ phải được đưa ra trong vòng 2 tháng tính từ ngày có đơn đề nghị của Thành phố.

Điều 19. Ngoài những vụ kiện bảo vệ quyền sở hữu, không một vụ kiện nào chống lại thành phố được tiến hành, trừ khi trước đó nguyên đơn gửi tới Khâm sứ đơn trình bày nêu rõ nội dung, lí do khiếu nại. Khâm sứ phải có giấy biên nhận về việc này. Việc nộp đơn trình bày làm gián đoạn mọi thời hiệu hoặc tước quyền nếu nó được gửi kèm đơn đề nghị ra toà trong vòng 3 tháng.

Khâm sứ phải gửi ngay đơn trình bày tới Đốc lí, người triệu tập Uỷ ban thành phố trong thời hạn ngắn nhất để biểu quyết vấn đề này.

Trong thời hạn 15 ngày, biên bản của Uỷ ban thành phố được Đốc lí chuyển tới Khâm sứ, người quyết định cho phép thành phố kiện ra toà hay không. Quyết định đưa ra trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày có biên lai xác nhận.

314. Arrêté du 5 juin 1929 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du 5è Bureau de la Direction des Finances.

Nghị định ngày 05 tháng 6 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của phòng 5 của Nha Tài chính.

(Nguồn: J 1137, JOIF 1929, tr.2033)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Phòng 5 có 1 trưởng phòng và 2 phó trưởng phòng, phụ trách những vấn đề liên quan đến:

a) Công trái Đông Dương (bao gồm việc phát hành, sửa chữa, đơn thư khiếu nại liên quan đến phiếu công trái v.v...), những loại thuế quản lí theo Luật Tài chính, các khoản trợ cấp bằng hiện vật;

b) Các khoản tiền trợ cấp dân sự và quân sự của Nhà nước, quỹ Hưu trí liên thuộc địa cũng như của lực lượng cảnh sát thành phố (tham

gia, chiết khấu, tăng, phụ cấp đổi tiền, thuê bao);

c) Tiền cứu trợ và trợ cấp, phụ cấp phục chức và tài khoản hỗ trợ;

d) Hoạt động kế toán (thanh toán, điều chỉnh trừ lệnh chi trả) liên quan đến những việc đã nêu, có sự nhất trí của bộ phận phụ trách nguồn vốn lưu thông.

Những vấn đề về kế toán ngân sách bổ sung, tài khoản đặc biệt của ngành đường sắt được gắn với phòng 3. Những vấn đề liên quan đến thiết bị sẽ do Ban Thư kí phụ trách.

315. Décret du 29 juin 1929 du Président de la République française portant modification du décret du 9 juin 1922 réorganisant le Conseil colonial de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 29 tháng 6 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.

(Nguồn: J 1143, JOIF 1930, tr.3466-3467)

Sắc lệnh gồm 3 điều với nội dung chính sau:

"Điều 2. Thành phần của Hội đồng Thuộc địa Nam Kì gồm có:

- 10 thành viên thực thụ và 6 thành viên dự khuyết do đoàn cử tri Pháp bầu;

- 2 thành viên Pháp đại diện cho Phòng Thương mại Sài Gòn;

- 2 thành viên Pháp đại diện cho Phòng Canh nông Nam Kì;

- 10 uỷ viên thực thụ và 5 uỷ viên dự khuyết do đoàn cử tri bản xứ bầu.

Nhiệm kì của uỷ viên do đoàn cử tri Pháp và cử tri bản xứ bầu được ấn định là 4 năm. Nhiệm kì của đại diện các Phòng Thương mại và Canh nông cũng được quy định là 4 năm, trừ một số trường hợp.

Trường hợp uỷ viên thực thụ người Pháp và bản xứ do các đoàn cử tri bầu vắng mặt tại thuộc địa hoặc khuyết, uỷ viên dự khuyết được thay thế theo thứ tự trong bảng. Đối với từng loại uỷ viên thực thụ và dự khuyết được bầu, thứ tự trong bảng được quy định:

1- Theo thời gian bổ nhiệm lâu nhất;

2- Theo số phiếu bầu cao nhất giữa những uỷ viên được bầu cùng ngày.

3- Trường hợp số phiếu bằng nhau, người cao tuổi được ưu tiên.

Trong thời gian đương nhiệm, uỷ viên Hội đồng Thuộc địa không tham dự các cuộc họp của hai khoá họp thường kì, nếu không có lí do chính đáng được Hội đồng chấp nhận, sẽ bị tuyên từ chức theo quyết định của Thống đốc và được thông qua trước Hội đồng Tư mật.

Sau cuộc bầu cử, vì lí do nào đó mà uỷ viên bị sa thải hoặc không thể kiêm nhiệm công việc theo quy định tại Sắc lệnh này, hoặc không đủ điều kiện để được bầu theo quy định, sẽ bị buộc từ nhiệm theo quyết định của Thống đốc và được thông qua trước Hội đồng Tư mật.

Những khu vực bầu cử thành viên Pháp và thành viên bản xứ cũng như cách thức phân chia số uỷ viên thuộc địa thực thụ hoặc dự khuyết do từng khu vực bầu ra, được quy định bằng nghị định của Thống đốc và thông qua trước Hội đồng Tư mật. Tại những khu vực có nhiều uỷ viên thực thụ hoặc dự khuyết cùng hạng được bầu, cuộc bỏ phiếu diễn ra theo hình thức liên danh.

Thống đốc hoặc người được uỷ nhiệm khai mạc mỗi khoá họp. Tại lễ khai mạc khoá họp thường kì hàng năm, dưới sự chủ trì của người lớn tuổi nhất và người trẻ tuổi nhất giữ chức thư kí, Hội đồng Thuộc địa tiến hành bổ nhiệm 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và 2 thư kí trong số thành viên thực thụ, theo hình thức bỏ phiếu kín với đa số phiếu bầu.

Chủ tịch, một trong 2 Phó Chủ tịch và một trong các thư kí được Hội đồng lựa chọn trong số những người do công dân Pháp bầu ra. Phó Chủ tịch và thư kí còn lại được lựa chọn trong số những người do đoàn cử tri bản xứ bầu. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, ứng cử viên lớn tuổi nhất sẽ đắc cử".

Toàn quyền sẽ quy định bằng nghị định thời gian diễn ra cuộc bầu cử uỷ viên dự khuyết. Nhiệm kì của những uỷ viên này sẽ hết hạn vào cùng thời điểm với nhiệm kì của uỷ viên thực thụ.

316. Arrêté du 26 août 1929 du Gouvernement général de l'Indochine portant organisation de l'Inspection générale des Mines et de l'Industrie.

Nghị định ngày 26 tháng 8 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ.

(Nguồn: J 1139, JOIF 1929, tr.3379-3381)

Nghị định gồm 23 điều với các nội dung chính sau:

Tổng Thanh tra

Dưới quyền quản lí của Toàn quyền, Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ chỉ đạo các cơ quan phụ trách các công việc liên quan đến hầm mỏ hoặc kĩ nghệ, thống kê và nghiên cứu gồm:

- *Các Khu Hầm mỏ và Kĩ nghệ;*
- *Sở Hành chính và Tài phán;*
- *Sở Thống kê;*
- *Nha Địa chất;*
- *Các phòng thí nghiệm.*

Đối với những vụ việc thuộc quyền quyết định của Toàn quyền hoặc được trình lên toà án, Tổng Thanh tra hầm mỏ hoặc người đại diện phải đưa ra ý kiến hoặc nhận xét theo quy định. Trường hợp Tổng Thanh tra vắng mặt, Trưởng Khu Hầm mỏ Hà Nội được chỉ định thay thế để góp ý kiến hoặc đưa ra nhận xét.

Phụ tá cho Tổng Thanh tra là một Ban Thư kí phụ trách công văn trao đổi, kế toán, thẩm cứu những vấn đề liên quan đến nhân sự, thư viện, in ấn phẩm của các cơ quan thuộc Tổng Thanh tra và quản lí Tập san Kinh tế Đông Dương.

Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ được lựa chọn trong số Tổng Thanh tra hoặc kĩ sư - Đội trưởng đội Hầm mỏ của chính quốc.

I. Các Khu Hầm mỏ và Kĩ nghệ

Đông Dương được chia thành 2 Khu Hầm mỏ và Kĩ nghệ ở Hà Nội và Sài Gòn. Nhiệm vụ của 2 Khu này được quy định như sau:

1. Chuẩn bị và áp dụng các quy định liên quan đến:

- Quyền sở hữu, thăm dò, khai thác mỏ và các nguồn nước khoáng...;

- Quản lí hoạt động khai thác mỏ đá;

- Quản lí các ngành công nghiệp nguy hiểm, độc hại đặc biệt là quản lí hoạt động sản xuất và tàng trữ chất nổ tại nhà kho và sử dụng các loại máy hơi nước ngoài những máy móc được lắp đặt trên tàu;

- Vệ sinh và an toàn lao động tại các hầm mỏ, mỏ đá và xưởng kĩ nghệ.

2. Tập hợp thống kê liên quan đến kĩ nghệ. Chuẩn bị động viên về mặt công nghiệp trong khuôn khổ tổ chức cuộc tổng động viên kinh tế.

3. Công nhận những mỏ quặng đã được khai thác hoặc thăm dò tại Đông Dương. Phối hợp với Nha Địa chất trong nghiên cứu địa chất ứng dụng. Nghiên cứu những vấn đề kĩ thuật liên quan đến kĩ nghệ.

4. Nghiên cứu các vấn đề kinh tế liên quan đến những ngành kĩ nghệ có mục tiêu khai thác, điều chế, biến đổi về mặt vật lí hay hoá học, hoặc chế biến khoáng chất.

Đặc biệt, phối hợp nghiên cứu quy hoạch thuỷ lực liên quan đến các ngành kĩ nghệ nói trên và xem xét những tác động về mặt kinh tế của các loại thuế như: thuế quan, thuế xuất, nhập khẩu, thuế tái sản xuất, phí vận chuyển v.v... áp dụng đối với các sản phẩm của những ngành kĩ nghệ này.

Trưởng khu Hầm mỏ và Kĩ nghệ là một kĩ sư trưởng, hoặc một kĩ sư hạng 1 Đội Mỏ, hoặc kĩ sư chính hạng 1, hoặc một kĩ sư Đội Mỏ, hoặc kĩ sư chính. Giúp việc cho Trưởng Khu Hầm mỏ và Kĩ nghệ là một Trưởng phòng được lựa chọn trong số kĩ sư mỏ.

Trong phạm vi khu vực quản lí, Trưởng Khu Hầm mỏ và Kĩ nghệ đảm nhiệm chức vụ trao cho Chánh Sở Mỏ bằng Nghị định ngày 18 tháng 02 năm 1922 về việc giám sát các loại máy hơi nước, cũng như những nghị định quy định việc sản xuất, buôn bán, vận chuyển và bảo quản chất nổ. Ngoài ra, Trưởng khu Hầm mỏ Hà Nội còn thẩm cứu những vấn đề liên quan đến khai thác mỏ trên toàn Đông Dương, trừ những

quy định khác. Tổng Thanh tra có thể giao cho Trưởng Khu Hầm mỏ những nhiệm vụ đặc biệt ngoài quyền hạn thông thường...

II. Sở Hành chính và Tài phán

Về mặt pháp lí, Sở Hành chính và Tài phán chịu trách nhiệm ban hành và áp dụng luật, quy chế hầm mỏ và kĩ nghệ, đặc biệt là thẩm cứu đơn xin nhượng mỏ cũng như giải quyết các vụ tranh chấp của Ban Tổng Thanh tra. Đứng đầu Sở Hành chính và Tài phán là một viên chức hàm tiến sĩ hoặc cử nhân luật, từng giữ chức Trưởng Phòng Tài phán Sở Mỏ hoặc có kiến thức uyên thâm trong lĩnh vực mỏ tại Đông Dương.

III. Sở Thống kê

Sở Thống kê do một nhà thống kê học, hoặc viên trợ lí thống kê ngoại hạng biệt phái từ Sở Thống kê của Pháp phụ trách về các công việc sau:

1. Lập thống kê tổng quát (kể cả điều tra dân số) và kiểm kê chung tại Đông Dương;

2. Cố vấn kĩ thuật cho các cơ quan trung ương và địa phương để chuẩn bị cho hoạt động thống kê và kiểm kê đặc biệt;

3. Nghiên cứu và tập trung tư liệu, chuẩn bị những ấn phẩm liên quan đến thống kê hoặc kiểm kê...;

4. Biên tập Niên giám thống kê, Niên giám kinh tế, *thông tin thống kê, kinh tế để đăng trên* Tập san kinh tế *v.v...*

Sở Thống kê gồm có 2 phòng và một ban. Trong số hai Trưởng phòng, một người sống tại Hà Nội, một người sống tại Sài Gòn. Phạm vi và quyền hạn của các phòng, ban này được quy định trong một nghị định đặc biệt.Trưởng phòng tại Sài Gòn đặt dưới quyền của Trưởng khu Khoáng vật Sài Gòn. Trưởng khu chịu trách nhiệm kiểm soát việc thực thi các lệnh và chỉ dẫn kĩ thuật của Chánh Sở Thống kê và tập hợp thống kê và tư liệu về kĩ nghệ.

Các phòng trong Sở Thống kê được giao cho trợ lí thống kê biệt phái đến từ Sở Thống kê của chính quốc.

IV. Nha Địa chất

Nha Địa chất chuyên trách việc lập bản đồ địa chất, nghiên cứu địa chất và địa vật liên quan đến Đông Dương (địa tầng học, kiến tạo học, cổ địa lí học, thạch học trầm tích, khoa núi lửa, vận động tạo núi v.v...; cổ sinh vật học, nhân loại học tiền sử, kể cả việc nghiên cứu công cụ bằng đá). Giám đốc Nha Địa chất là một kĩ sư trưởng, hoặc kĩ sư hạng 1 Đội Mỏ của chính quốc, hoặc một tiến sĩ khoa học tự nhiên cấp Nhà nước (luận án về địa chất). Giám đốc Nha Địa chất phải là người có tên trong danh sách ứng cử viên có khả năng đảm đương chức vụ này do Giám đốc Sở Bản đồ địa chất của nước Pháp trình.

Giám đốc Nha Địa chất chịu trách nhiệm chỉ đạo về mặt khoa học; kiểm soát báo cáo khoa học, bản ghi chép, bản đồ v.v... được dùng để công bố và in ấn bằng nguồn kinh phí cấp cho Sở. Theo yêu cầu và thông qua Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ, Giám đốc Nha Địa chất được phép tiếp nhận những ý kiến khoa học của Chánh Sở Bản đồ địa chất Cộng hoà Pháp.

V. Các phòng thí nghiệm

Các phòng thí nghiệm của Ban Tổng Thanh tra được sáp nhập vào khu Hầm mỏ và Kĩ nghệ Hà Nội do một Trưởng phòng chỉ đạo, chịu sự quản lí trực tiếp của Trưởng khu này.

Phòng thí nghiệm hoá mỏ phụ trách xác định khoáng vật và phân tích khoáng chất, thử nghiệm khoáng sản (kể cả việc kiểm soát nguyên liệu quý); nghiên cứu vật lí học và hoá học ứng dụng liên quan đến các ngành kĩ nghệ có tham gia khai thác, sản xuất hoặc sử dụng khoáng chất hoặc khoáng sản. Đứng đầu Phòng thí nghiệm hoá mỏ là một kĩ sư hoá học trưởng hoặc kĩ sư hoá học chính được cấp bằng tiến sĩ khoa học cấp Nhà nước (ngành hoá).

Phòng thử nghiệm sức bền vật liệu phụ trách thử nghiệm các loại khoáng vật, nghiên cứu về cấu trúc của những khoáng vật này, đặc biệt là tiến hành thử nghiệm như đã đề cập trong Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1925. Phòng thí nghiệm cũng chịu trách nhiệm kiểm soát các mẫu đo lường. Đứng đầu Phòng thử nghiệm sức bền vật liệu là tiến sĩ khoa học vật lí, hoặc kĩ sư chính Sở Mỏ, hoặc kĩ sư chính Sở Công chính được biệt phái, hoặc kĩ sư Sở Mỏ, hoặc kĩ sư Sở Công chính được biệt phái.

317. Arrêté du 3 octobre 1929 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un 6è bureau à la Direction des Finances.

Nghị định ngày 03 tháng 10 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập phòng 6 của Nha Tài chính.

(Nguồn: J 1139, JOIF 1929, tr.3788)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung chính là lập Phòng 6 thuộc Nha Tài chính với nhiệm vụ quản lí hoạt động đăng kí kinh doanh, nghiên cứu và tư liệu tài chính.

318. Arrêté du 12 décembre 1929 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune le centre urbain de Hué et portant organisation administrative et financière de la nouvelle commune.

Nghị định ngày 12 tháng 12 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp trung tâm đô thị Huế lên thành thành phố và về tổ chức hành chính cũng như tài chính của thành phố này.

(Nguồn: J 1139, JOIF 1929, tr.4699 - 4704)

Nghị định gồm 7 phần với 42 điều, trong đó có:

Phần I. Sự hình thành và quản lí thành phố

Điều 1. Trung tâm đô thị Huế thành lập theo các Đạo dụ ngày 20 tháng 10 năm 1898, 12 tháng 7 năm 1899, 31 tháng 12 năm 1901, 22 tháng 6 năm 1903, 9 tháng 5 năm 1908 và 4 tháng 11 năm 1921 của vua An-nam được nâng lên thành thành phố.

Ủy ban thành phố:

Công sứ - Đốc lí là người quản lí thành phố. Phụ tá cho Công sứ Đốc lí là Uỷ ban thành phố gồm 4 thành viên người Pháp và 4 thành viên người bản xứ.

Quan Phủ doãn buộc phải có mặt tại các phiên họp của Uỷ ban thành phố, với quyền biểu quyết.

Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, lá phiếu của Công sứ - Đốc lí mang tính quyết định.

Thành viên Uỷ ban gồm người Pháp và Việt do Khâm sứ bổ nhiệm, theo đề nghị của Công sứ - Đốc lí, với nhiệm kì 4 năm với các tiêu chuẩn sau:

- Điền chủ, thương nhân có đóng thuế môn bài và kì hào.

- Tối thiểu 25 tuổi;

- Có đủ quyền dân sự và chính trị;

- Không phải là viên chức.

Trong thời gian đương nhiệm, thành viên Uỷ ban không được hưởng lương.

Mọi thành viên Uỷ ban vắng mặt trong 3 lần triệu tập liên tiếp, không có lí do chính đáng sau khi được yêu cầu giải thích, sẽ bị Khâm sứ tuyên từ chức. Trường hợp ngoại lệ được áp dụng đối với thành viên uỷ ban rời Huế, sau khi có thông báo với Chủ tịch.

Tuy nhiên, mọi thành viên Uỷ ban vắng mặt tại Huế trong thời gian hơn 1 năm, sau thời hạn trên sẽ bị tuyên từ chức. Tuyên bố từ chức cũng như chấp nhận từ chức sẽ được Khâm sứ Trung Kì nêu trong nghị định, sau khi có ý kiến của Viện Cơ mật.

Điều 6. Nếu do từ chức, từ trần hoặc bất kì lí do nào khác mà số thành viên uỷ ban giảm hơn một nửa, Khâm sứ sẽ tiến hành bổ nhiệm thành viên mới với nhiệm kì kết thúc cùng với nhiệm kì của Uỷ ban cho đến thời điểm thay mới hoàn toàn.

Phần II. Quyền hạn của Công sứ - Đốc lí

Điều 7. Đốc lí được giao quản lí thành phố và giữ chức Chủ tịch Uỷ ban, đảm bảo thực thi mọi nghị quyết của Uỷ ban.

- Đại diện cho thành phố tại toà án, với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn.

- Quản lí nguồn thu và giám sát các cơ quan trong thành phố.

- Chuẩn bị, đề xuất ngân sách thành phố và phát lệnh chi trả.

- Chỉ đạo các công trình xây dựng và biện pháp liên quan đến hệ thống đường sá trong khu vực nội thành;

- Kí kết giao kèo, hợp đồng và thi công các công trình của thành phố theo luật định;

- Kí kết các văn tự mua bán, trao đổi, nhận quà biếu tặng, trưng mua, giao dịch được pháp luật cho phép.

- Đảm bảo thực thi các ý kiến của Uỷ ban.

Điều 8. Dưới sự kiểm soát của chính quyền cấp trên, Công sứ - Đốc lí chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh trong thành phố; công bố, thực thi đạo luật và quy định; áp dụng mọi biện pháp an ninh chung và đảm nhiệm các chức năng theo luật định, đặc biệt là chức Hộ lại.

Điều 9. Nghị định do Công sứ - Đốc lí đưa ra phải được thông báo tới Khâm sứ, người có thể huỷ bỏ hoặc hoãn thi hành các nghị định trên, sau khi được Viện Cơ mật chuẩn y. Tuy nhiên, những quy định về an ninh chỉ được thi hành sau thời gian 1 tháng kể từ ngày quy định đó được chuyển tới chính quyền cấp trên. Người đứng đầu chính quyền địa phương có thể rút ngắn thời hạn này.

Điều 10. Nghị định của Công sứ - Đốc lí chỉ mang tính bắt buộc sau khi được các bên liên quan công nhận, thông qua yết thị viết bằng tiếng Pháp, chữ quốc ngữ và chữ Hán-Nôm nếu đó là quy định chung, đối với những trường hợp khác thông qua giấy báo cá nhân.

Điều 11. Công sứ - Đốc lí được bổ nhiệm các chức danh cấp thành phố mà cách thức bổ nhiệm đặc biệt đối với chức danh này còn chưa được quy định. Công sứ - Đốc lí được quyền treo chức và cách chức những người nắm giữ chức danh đó.

Phần III. Quyền hạn của Uỷ ban thành phố

Điều 12. Uỷ ban thành phố ra nghị quyết về những nội dung sau:

- Ngân sách thành phố, các khoản chi, thu thường xuyên và bất thường;

- Biểu bảng thuế suất và quy định về thuế, về tài nguyên cũng như các khoản thu của thành phố nói riêng;

- Cách thức quản lí công sản;

- Trưng mua công thự, chuyển nhượng hoặc trao đổi công sản của thành phố, bảo quản và nâng cấp;

- Điều kiện hợp đồng cho thuê tài sản hoặc để lĩnh canh hoặc cho thuê;

- Dự án xây dựng, đại tu, bảo trì, phá huỷ và các công trình cần xây dựng của thành phố;

- Những vấn đề về an ninh trong thành phố và vệ sinh công cộng;

- Mở đường, xây dựng quảng trường và dự án lập mốc địa giới các tuyến đường nội thành;

- Nhận tài sản hiến tặng và di tặng cho thành phố và các cơ quan;

- Các vụ kiện và thoả hiệp.

Điều 13. Uỷ ban được triệu tập cho ý kiến về các vấn đề sau:

- Dự án xếp hạng, lập sơ đồ mặt bằng các tuyến đường lớn trong thành phố;

- Sửa đổi ranh giới trên địa bàn thành phố;

- Tất cả những nội dung được đề cập trong nghị định và quy định liên quan đến thành phố.

Điều 14. Uỷ ban có thể đề đạt nguyện vọng về mọi vấn đề vì lợi ích của thành phố.

Điều 15. Biên bản, nghị quyết và ý kiến của Uỷ ban thành phố được ghi chép lại trong một cuốn sổ đặc biệt và trình Khâm sứ thông qua trước khi thi hành.

Điều 16. Uỷ ban thành phố nhóm họp thường kì 4 lần/năm vào tháng 2, 5, 8 và 11 theo lệnh triệu tập của Công sứ - Đốc lí. Chương trình nghị sự của mỗi buổi họp phải được trình lên Khâm sứ thông qua trước đó.

Uỷ ban được phép triệu tập tại phiên họp bất thường, sau khi Khâm sứ đồng ý. Mọi vấn đề nằm ngoài chương trình nghị sự đều không được đưa ra bàn thảo.

Điều 17. Uỷ ban thành phố có thể bị đình chỉ hoạt động hoặc giải tán theo quyết định nêu rõ lí do của Khâm sứ công bố trên Tập san hành chính Trung Kì, sau đó trình Toàn quyền biện pháp thực hiện cũng như lí do dẫn tới quyết định trên. Quyết định đình chỉ được đưa ra trong thời gian không quá 1 tháng.

Công sứ - Đốc lí là người duy nhất quản lí thành phố trong thời gian Uỷ ban thành phố tạm ngừng hoạt động hoặc giải tán cho đến khi Uỷ ban mới được bầu lại.

Điều 18. Chủ tịch Uỷ ban thành phố được phép mời toàn bộ những

người mà ý kiến của họ có thể có lợi cho Uỷ ban tham gia phiên họp của Uỷ ban này, với quyền tư vấn.

***Phần IV** gồm 18 điều quy định chi tiết về việc thu chi ngân sách và hoạt động kế toán của thành phố.*

***Phần V** gồm điều 37 quy định về quà biếu tặng.*

***Phần VI** gồm 2 điều quy định về công sản của thành phố.*

***Phần VII** gồm 3 điều quy định về vấn đề pháp lí.*

319. Arrêté du 14 février 1930 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service des Affaires économique du Gouvernement général.

Nghị định ngày 14 tháng 02 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế của Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1141, JOIF 1930, tr.675)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Những quy định trong Nghị định ngày 08 tháng 3 năm 1928 quy định quyền hạn của Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế của Phủ Toàn quyền bị bãi bỏ và thay thế bằng những quy định dưới đây.

Quyền hạn của Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế được quy định như sau:

- Phụ trách quy chế thương mại và các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực thương mại; Sở Thương mại; tín dụng thương mại; quan hệ với các Phòng Thương mại Đông Dương và Phòng Thương mại quốc tế.

- Kiểm soát các Công ti Bảo hiểm nhân thọ và Bảo hiểm tiết kiệm; tiến hành kiểm tra trước khi những công ti này đăng kí vốn điều lệ.

- Tư liệu kinh tế; nghiên cứu các vấn đề kinh tế; quan hệ với Cục Kinh tế Đông Dương tại Paris.

- Kiểm tra thuế quan, thuế xuất khẩu, biểu phí ngành đường sắt, thuế cảng v.v... về tác động của các loại thuế đối với ngành kĩ nghệ

có mục tiêu khai thác, điều chế, biến đổi về vật lí hay hoá học, hoặc chế biến khoáng chất.

- Tham gia chuẩn bị kế koạch tổng động viên về kinh tế tại thuộc địa.

Thứ hạng và số lượng chức danh viên chức của Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế hưởng trợ cấp bằng hiện vật và tiền thực hiện theo quy định tại Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1916.

320. Arrêté du 20 mars 1930 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attribitions du Directeur des Finances de l'Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 3 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1141, JOIF 1930, tr.1098-1100)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Được sự uỷ nhiệm thường trực, đặc biệt và dưới sự kiểm soát của Toàn quyền, Giám đốc Nha Tài chính phụ trách chuẩn bị, thực thi ngân sách chung Đông Dương, ngân sách bổ sung của ngân sách chung Đông Dương và ngân sách liên quan đến vốn vay. Giám đốc đồng thời là Chánh chủ trì phụ trách ngân sách này. Giám đốc Nha Tài chính có thể giao kinh phí thuộc những ngân sách trên cho các phó chánh chủ trì theo quy định tại điều 103 của Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912.

Giám đốc Nha Tài chính tập trung và kiểm soát các hoạt động liên quan đến vốn luân lưu, quỹ dự phòng của ngành đường sắt và quỹ đặc biệt dành cho các công trình và thiết bị ngành đường sắt. Giám đốc Nha Tài chính có thể giao phần kinh phí của ngân sách này cho các chủ kinh phí phụ theo điều 8 Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912.

Giám đốc Nha Tài chính có nhiệm vụ thường xuyên giám sát, kiểm soát hoạt động đầu tư và thanh toán các khoản chi có thể khấu vào ngân sách chung Đông Dương và ngân sách bổ sung của ngân sách chung Đông Dương. Mọi dự thảo nghị định hoặc quyết định về việc tổ chức hoạt động của các cơ quan hoặc nhân sự, thăng

thưởng hay bổ nhiệm cán bộ đều được trình lên Giám đốc Nha Tài chính thông qua.

Được sự uỷ quyền của Toàn quyền và không có sự can thiệp của Uỷ ban Thường trực Hội đồng Chính phủ, Giám đốc Nha Tài chính có quyền phê chuẩn:

1. Các hợp đồng cho thuê tài sản để sử dụng hoặc cho thuê có thời hạn, với tổng trị giá hàng năm thấp hơn hoặc bằng 3.000 đồng bạc hoặc 30.000 phơ-răng.

2. Trưng mua, chuyển nhượng, trao đổi bất động sản hoặc động sản thuộc Công sản Đông Dương với tổng trị giá thấp hơn hoặc bằng 15.000 đồng bạc hoặc 150.000 phơ-răng.

3. Dự án, bản vẽ, dự toán các công trình xây dựng và cung ứng, tập điều kiện thầu, các cuộc đấu thầu, hợp đồng, thanh toán tiền bồi thường liên quan đến tài sản cá nhân, bồi thường do tai nạn, thiệt hại, mất cắp. Những khoản trên có thể khấu vào ngân sách chung Đông Dương, ngân sách bổ sung hoặc vốn vay với tổng trị giá thấp hơn hoặc bằng 30.000 đồng bạc hoặc 300.000 phơ-răng.

Giám đốc Nha Tài chính quản lí và tập hợp mọi thông tin liên quan đến kiểm soát ngân sách địa phương và ngân sách tỉnh, cũng như ngân sách của các cơ quan nhà nước tại thuộc địa; giám sát các cơ quan tài chính tại thành phố.

Nha Tài chính Đông Dương tại Hà Nội gồm: 1 Ban Thư kí, bộ phận trung tâm của các cơ quan tài chính trong đó, thành phần và hoạt động của những cơ quan này được quy định bằng nghị định đặc biệt và 5 phòng với chức năng, quyền hạn như sau:

- Phòng 1: phụ trách các công việc sau:

- Chuẩn bị ngân sách chung Đông Dương và ngân sách bổ sung;

- Kế toán các khoản chi đã thực hiện;

- Kiểm tra bảng kê nhu cầu do các chủ kinh phí phụ cung cấp;

- Chuẩn y các dự án, giao kèo và hợp đồng có ảnh hưởng về mặt tài chính;

- Thanh toán những khoản chi có thể khấu vào nguồn kinh phí chung thuộc ngân sách; kiểm soát khoản chi do những đơn vị khác thực hiện;

- Kinh phí bổ sung.

Phòng 2: phụ trách chi trả, điều chỉnh việc thanh toán, phát hành tại chính quốc và Đông Dương.

Phòng 3 phụ trách các hoạt động của Sở Ngân khố như:

+ Kiểm soát các cơ quan ngân khố;

+ Hoạt động hối đoái và huy động vốn;

+ Chế độ tiền tệ và quan hệ với ngân hàng phát hành;

+ Tín dụng và tổ chức ngân hàng;

+ Các công trình nghiên cứu và tư liệu tài chính;

+ Giám sát các khoản cho vay với sự đồng ý hoặc bảo đảm của Ngân hàng trung ương.

Phòng 4 phụ trách những vấn đề liên quan đến ngân sách địa phương, tỉnh, thành phố và các cơ quan nhà nước (chuẩn bị và thực thi ngân sách, kinh phí bổ sung, báo cáo quyết toán).

Phòng 5 phụ trách những vấn đề liên quan đến nợ công Đông Dương bao gồm:

a) Công trái Đông Dương; những loại thuế quản lí theo Luật Tài chính, trợ cấp bằng hiện vật;

b) Các khoản tiền trợ cấp dân sự và quân sự của Nhà nước, Quỹ Hưu trí liên thuộc địa cũng như của lực lượng cảnh sát thành phố (tham gia, chiết khấu, phụ cấp đổi tiền);

c) Tiền cứu trợ và trợ cấp, phụ cấp phục chức và tài khoản hỗ trợ;

d) Quản lí hoạt động đăng kí kinh doanh.

Phòng 1 và phòng 2 tập trung dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của Phó Giám đốc Nha Tài chính mang chức danh "Phó Giám đốc phụ trách ngân sách". Giám đốc Nha Tài chính có thể trao một phần quyền hạn của mình cho Phó Giám đốc.

Việc kí các quyết định, lệnh chi và chứng từ kế toán được giao cho Phó Giám đốc phụ trách ngân sách cũng như các kiểm soát viên ngân sách làm việc tại phòng 1, theo quyết định của Giám đốc Nha Tài chính.

Đội ngũ nhân viên được bổ dụng vào làm việc tại Nha Tài chính do Giám đốc Nha Tài chính phân bổ giữa các vị trí và phòng ban tuỳ theo nhu cầu. Đội ngũ này được lựa chọn trong số viên chức các cơ quan của chính quốc do Toàn quyền sử dụng, hoặc trong số viên chức ngạch công chức thuộc địa, trung ương hoặc địa phương.

321. Arrêté du 30 avril 1930 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune la ville de Qui Nhon.

Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp Qui Nhơn lên thành thành phố.

(Nguồn: J 1141, JOIF 1930, tr.1613-1616)

Nghị định gồm 7 phần với 37 điều, trong đó có:

Phần I. Sự hình thành và quản lí thành phố

Từ ngày 01 tháng 7 năm 1930, Qui Nhơn được nâng cấp lên thành thành phố. Công sứ - Đốc lí là người quản lí thành phố cùng với đội ngũ quan lại. Phó Tham biện được chỉ định thay Công sứ - Đốc lí trong trường hợp vắng mặt.

Giúp việc cho Công sứ - Đốc lí là Uỷ ban thành phố gồm 2 thành viên người Pháp và 2 thành viên người bản xứ.

Tổng đốc tham gia các phiên họp của Uỷ ban thành phố, với quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu bầu bằng nhau, lá phiếu của Công sứ - Đốc lí sẽ mang tính quyết định.

Thành viên Uỷ ban gồm cả người Pháp và người bản xứ do Khâm sứ bổ nhiệm, theo đề nghị của Công sứ - Đốc lí, với nhiệm kì 4 năm.

Thành viên Ủy ban được lựa chọn trong số điền chủ, thương nhân có đóng thuế môn bài và kì hào, đồng thời đáp ứng các điều kiện như:

- Độ tuổi ít nhất là 25;

- Không phải là nhà thầu một công trình hay một dịch vụ công nào liên quan đến thành phố bằng bất kì một hợp đồng hành chính nào;

- Có đầy đủ quyền dân sự và chính trị;

- Không hưởng lương trong thời gian đương nhiệm.

Phần II. Quyền hạn của Công sứ - Đốc lí

Công sứ - Đốc lí được giao quản lí thành phố; công bố, thực thi đạo luật và quy định; áp dụng mọi biện pháp an ninh chung và đảm nhiệm các chức năng theo luật định, đặc biệt là chức Hộ lại.

- Đảm bảo thực thi mọi nghị quyết của Uỷ ban.

- Là người đại diện cho thành phố tại toà, với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn.

- Giám sát việc bảo quản và quản lí công sản.

- Chuẩn bị, đề xuất và thực thi ngân sách thành phố. Chỉ đạo hoặc giám sát các công sở trong thành phố.

- Chỉ đạo việc quy hoạch và bảo trì hệ thống đường sá của thành phố.

- Kí kết giao kèo, hợp đồng cung ứng và thi công các công trình của thành phố theo luật định.

Công sứ - Đốc lí có quyền bổ nhiệm các chức danh cấp thành phố mà cách thức bổ nhiệm đối với chức danh này chưa được quy định. Công sứ - Đốc lí được quyền treo chức và cách chức những người nắm giữ chức danh này.

Công sứ - Đốc lí chịu trách nhiệm về an ninh trong thành phố; phối hợp với đội ngũ quan lại nhằm đề ra biện pháp đảm bảo trật tự trị an trong thành phố.

Nghị định do Công sứ - Đốc lí đưa ra phải được thông báo tới Khâm sứ, người có thể huỷ bỏ hoãn thi hành các nghị định trên, sau khi Viện Cơ mật chuẩn y. Bản sao nghị định phải được Tổng đốc chuyển lên Viện Cơ mật.

Tuy nhiên, mọi quy định chỉ được thi hành sau thời gian 1 tháng tính từ ngày bản sao quy định đó được chuyển lên chính quyền cấp trên. Khâm sứ có thể rút ngắn thời hạn này.

Nghị định của Công sứ - Đốc lí chỉ mang tính bắt buộc sau khi được các bên liên quan công nhận, thông qua yết thị viết bằng tiếng Pháp và chữ quốc ngữ nếu đó là quy định chung, đối với những trường hợp khác thông qua giấy báo cá nhân.

Phần III. Hoạt động và quyền hạn của Uỷ ban thành phố

Uỷ ban thành phố nhóm họp thường kì 4 lần/năm vào thời gian do Khâm sứ quy định, theo lệnh triệu tập của Công sứ - Đốc lí. Uỷ ban được phép triệu tập tại phiên họp bất thường trong trường hợp sau:

1. Khi người đứng đầu địa phương chính thức triệu tập;

2. Khi Khâm sứ cho phép triệu tập, theo đề nghị của Công sứ - Đốc lí;

3. Khi phần lớn thành viên đương nhiệm yêu cầu. Đối với trường hợp này, Công sứ - Đốc lí sẽ phải xin ý kiến của người đứng đầu địa phương trong vòng 48 giờ.

Uỷ ban thành phố chỉ tiến hành biểu quyết khi số thành viên có mặt chiếm ít nhất 50%. Sau hai lần triệu tập liên tiếp cách nhau 3 ngày, Uỷ ban thành phố không tập hợp đủ số thành viên cần thiết, quyết định sẽ được đưa ra sau lần triệu tập thứ 3 mà không phụ thuộc vào số thành viên có mặt.

Uỷ ban thành phố có thể bị đình chỉ hoạt động hoặc giải tán theo quyết định của Khâm sứ. Công sứ - Đốc lí là người duy nhất quản lí thành phố trong thời gian Uỷ ban thành phố tạm ngừng hoạt động hoặc giải tán cho đến khi chỉ định ủy ban mới.

Uỷ ban có thể đề đạt nguyện vọng về mọi vấn đề vì lợi ích của thành phố.

Những nội dung được Uỷ ban bàn thảo bao gồm:

1. Ngân sách thành phố và báo cáo quyết toán;

2. Biểu thuế và quy định về thu thuế cho thành phố;

3. Các hợp đồng sử dụng hoặc cho thuê tài sản;

4. Sửa đổi ranh giới trên địa bàn thành phố;

5. Dự án lập sơ đồ mặt bằng các tuyến đường lớn trong thành phố;

6. Mở đường, xây dựng quảng trường và công trình công cộng;

7. An ninh trong thành phố và vệ sinh công cộng;

8. Các vụ kiện và thoả hiệp;

9. Tài sản hiến tặng và di tặng;

Phần IV *gồm 14 điều quy định chi tiết về việc thu chi ngân sách và hoạt động kế toán của thành phố.*

Phần V *gồm điều 32 quy định về quà biếu tặng.*

Phần VI *gồm điều 33 và 34 quy định về tài sản riêng của thành phố.*

Phần VII *gồm điều 35, 36 và 37 quy định về vấn đề pháp lí.*

322. Arrêté du 22 mai 1930 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif de Hongay, province de Quang Yên.

Nghị định ngày 22 tháng 5 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Hòn Gai, tỉnh Quảng Yên.

(Nguồn: J 1141, JOIF 1930, tr.2000)

Theo Nghị định, một trung tâm hành chính được thành lập tại Hòn Gai (tỉnh Quảng Yên). Trung tâm này bao gồm toàn bộ huyện Hoành Bồ.

323. Décret du 14 août 1930 du Président de la République française relatif à la réorganisation du Conseil supérieur des Colonies.

Sắc lệnh ngày 14 tháng 8 năm 1930 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.

(Nguồn: J 1143, JOIF 1930, tr.3655-3656)

Sắc lệnh gồm 5 điều với các nội dung sau:

Điều 5 của Sắc lệnh ngày 03 tháng 12 năm 1927 được bổ sung như sau:

"Nghị sĩ, đại biểu của các thuộc địa và trưởng nhóm kinh tế cấp khu vực thuộc các Phòng Thương mại được bầu làm đại biểu của một trong những xứ được chỉ định tại điều 1 của Sắc lệnh ngày 23 tháng 01 năm 1929, chỉ dự họp tại Hội đồng Kinh tế thuộc địa với tư cách thành viên chính thức".

Điều 7 của Sắc lệnh ngày 03 tháng 12 năm 1927 bị bãi bỏ và được thay thế như sau:

"Hội đồng Pháp chế thuộc địa được tham vấn về các cuộc cải cách liên quan đến chế độ hành chính, tài chính và lập pháp của các nước thuộc địa và xứ bảo hộ.

Nghị sĩ và đại biểu của các thuộc địa cũng như đại biểu được bầu vào Hội đồng Tối cao thuộc địa là thành viên chính thức của Hội đồng Pháp chế thuộc địa, có quyền tham dự các phiên họp của Ban Thường trực Hội đồng. Nghị sĩ và đại biểu các thuộc địa được bầu làm đại biểu của một trong những xứ được chỉ định tại điều 1 Sắc lệnh ngày 23 tháng 01 năm 1929 chỉ dự họp tại Hội đồng Pháp chế thuộc địa với tư cách là thành viên chính thức.

Các thành viên khác của Hội đồng Pháp chế thuộc địa được lựa chọn trong số những nhân vật quan trọng của chính quốc và thuộc địa có kinh nghiệm và hiểu biết về lĩnh vực tư pháp và hành chính.

Các Bộ trưởng Tư pháp và Tài chính, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chánh án thứ nhất Toà Kiểm toán có quyền chỉ định một quan toà hoặc một viên chức tham gia các công việc của Hội đồng Pháp chế thuộc địa".

Điều 8 của Sắc lệnh ngày 03 tháng 12 năm 1927 được bổ sung như sau:

"Nghị sĩ và đại biểu thuộc địa cũng như đại biểu được bầu vào Hội đồng Tối cao thuộc địa được quyền tham gia các cuộc họp của Ban Thường trực Hội đồng này. Nghị sĩ và đại biểu các thuộc địa được bầu làm đại biểu cho mỗi khu vực được chỉ định tại điều 1 của Sắc lệnh ngày 23 tháng 01 năm 1929 chỉ tham gia các công việc của ban với tư cách đại biểu".

324. Décret du 19 août 1930 du Président de la République française relatif à l'organisation des Conseils de province en Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 19 tháng 8 năm 1930 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức các Hội đồng hàng tỉnh tại Nam Kì.

(Nguồn: J 1143, JOIF 1930, tr.3519-3520)

Sắc lệnh gồm 2 điều với nội dung chính sau:

Ngoài các thành viên bản xứ theo quy định tại điều 3 Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1889 về việc tổ chức các Hội đồng hàng tỉnh tại Nam Kì, Hội đồng hàng tỉnh còn có 2 thành viên Pháp do Thống đốc Nam Kì chỉ định dựa trên danh sách 5 ứng cử viên do Phòng Thương mại và Phòng Canh nông phối hợp lập. Những uỷ viên này được bổ nhiệm trong thời gian 4 năm và 2 năm một lần, một nửa thành viên có thể được bầu lại.

Một uỷ viên dự khuyết được lựa chọn từ danh sách 3 uỷ viên được bổ nhiệm với nhiệm kì 4 năm, sẽ thay thế uỷ viên thực thụ người Pháp trong trường hợp vắng mặt.

325. Arrêté du 20 janvier 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant le Service municipal d'Hygiène de la ville de Cholon.

Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Vệ sinh thành phố Chợ Lớn.

(Nguồn: J 1145, JOIF 1931, tr.337-338)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Dưới sự quản lí của Chủ tịch Uỷ ban Thành phố, Sở Vệ sinh được thành lập tại thành phố Chợ Lớn. Sở Vệ sinh phụ trách áp dụng các quy định liên quan đến bảo vệ sức khoẻ, vệ sinh công cộng và giám sát các cơ sở y tế tư nhân.

Quyền hạn của Sở Vệ sinh thành phố được quy định như sau:

I. Biện pháp vệ sinh y tế liên quan đến cá nhân

a) Kiểm soát việc thực thi quy định về vệ sinh y tế đối với những khu vực có người sinh sống.

b) Tiếp nhận các khai báo về trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm hoặc dễ lây, kiểm soát việc phòng bệnh và cách li;

c) Thực hiện tiêm phòng theo quy định;

d) Tiến hành khử trùng;

e) Giám sát vấn đề vệ sinh tại các nhà nghỉ và nhà cho thuê có đồ đạc;

f) Thống kê những trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh lây.

II. Biện pháp vệ sinh y tế liên quan đến các khu nhà.

a) Kiểm soát việc thực thi quy định vệ sinh y tế đối với những khu vực có nhà ở;

b) Phê chuẩn giấy phép xây dựng, sửa chữa hoặc thay đổi sau khi xét thấy các quy định về vệ sinh được tuân thủ;

c) Vệ sinh các khu nhà có thể gây hại cho sức khoẻ;

d) Giám sát nguồn nước ăn từ giếng, bể nước mưa v.v...; kiểm soát việc phân phối nước sạch;

e) Giám sát việc tháo nước thải và chất thải, dịch vụ đổ thùng, lấy phân, vệ sinh dòng chảy, rãnh lề đường bên trong thành phố;

f) Lí lịch y tế của các khu nhà.

III. Biện pháp vệ sinh y tế liên quan đến thành phố và hệ thống đường công cộng.

a) Tiến hành vệ sinh toàn thành phố, tát cạn hoặc lấp ao, phòng chống muỗi hoặc côn trùng truyền bệnh, diệt chuột;

b) Kiểm soát hệ thống cống;

c) Giám sát chuồng ngựa, chuồng chăn nuôi gia súc v.v...;

d) Giám sát hoạt động mai táng và cải táng tại nghĩa trang công cộng và tư nhân;

e) Giám sát chợ và lò mổ;

f) Giám sát việc nạo hút bùn và rác thải sinh hoạt;

g) Kiểm soát việc thực hiện các quy định về hệ thống đường sá của thành phố liên quan tới vấn đề vệ sinh;

h) Bản đồ y tế của thành phố.

IV. Y tế hộ tịch

a) Kiểm soát việc xác nhận số người chết;

b) Ghi nhận những trường hợp tử vong tại một trong nhiều khu vực của thành phố;

c) Áp dụng biện pháp vệ sinh y tế trong việc liệm xác; di dời hoặc khai quật tử thi hoặc hài cốt;

d) Lập thống kê dân số.

V. Vệ sinh cho trẻ em

a) Kiểm soát việc bảo vệ trẻ em giai đoạn 1 tuổi;

b) Vệ sinh trường học: thanh tra y tế các trường công lập và tư thục;

c) Kiểm soát các nhà hộ sinh tư nhân.

VI. Vệ sinh thực phẩm

a) Giám sát lò mổ;

b) Thanh tra thực phẩm: giám sát các gian hàng và chợ;

c) Kiểm tra các khu vườn trồng rau: giám sát việc tưới rau và phân bón;

d) Kiểm soát cơ sở sản xuất nước khoáng hoặc nước có ga nhân tạo, cơ sở sản xuất đá, nước giải khát, thực phẩm, cửa hàng bánh mỳ, cửa hàng sữa v.v...

e) Kiểm soát việc trấn áp hoạt động buôn lậu lương thực.

VII. Giám sát các cơ sở không lành mạnh, nguy hiểm hoặc bất tiện.

a) Nghiên cứu việc loại bỏ bụi trấu;

b) Giám sát khu xử lí rác thải của thành phố;

c) Giám sát việc nhập kho những thương phẩm có mùi gây hại;

VIII. Giám sát nghề mại dâm của người Âu và Á về việc phòng bệnh hoa liễu v.v...

IX. Giám sát tình hình vệ sinh y tế tại các cơ sở y tế tư nhân và thành phố.

Về nhân sự, Sở Vệ sinh thành phố đặt dưới sự điều hành của một bác sĩ y khoa người Pháp có học hàm khoa học đủ để đảm nhiệm chức vụ này. Bác sĩ giám sát thực thi luật, quy định, nghị định, quyết định về vệ sinh y tế trong khuôn khổ quyền hạn của Sở theo quy định.

Đội ngũ nhân viên kĩ thuật gồm: một số bác sĩ y khoa, bác sĩ người Đông Dương, y tá, người phụ trách tiêm chủng, nữ hộ sinh v.v... do Chánh Sở Vệ sinh thành phố sử dụng theo yêu cầu.

Các khoản chi liên quan đến Sở Vệ sinh thành phố sẽ do thành phố chi trả.

326. Arrêté du 20 janvier 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant réorganisation de la municipalité de Tourane.

Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Thành phố Đà Nẵng.

(Nguồn: J 1145, JOIF 1931, tr.346-348)

Nghị định gồm 7 phần, 20 điều với các nội dung chính sau:

Các Nghị định ngày 31 tháng 7 năm 1908 và 29 tháng 3 năm 1914 về việc tổ chức lại Thành phố Đà Nẵng bị bãi bỏ và thay bằng các quy định có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 1931:

Phần I. Sự hình thành và quản lí thành phố

Thành phố Đà Nẵng chịu sự quản lí của một viên Công sứ - Đốc lí do Toàn quyền bổ nhiệm, sau khi có ý kiến của Khâm sứ.

Phụ tá cho Đốc lí là Uỷ ban Thành phố gồm 5 thành viên người Pháp và 2 thành viên người bản xứ.

Thành viên người Pháp và người bản xứ thuộc Uỷ ban Thành phố do Khâm sứ bổ nhiệm theo đề nghị của Đốc lí, có nhiệm kì 3 năm, được lựa chọn trong số điền chủ tại khu nhượng địa Pháp, những thương nhân có đóng thuế môn bài và kì hào đáp ứng các điều kiện như: ít nhất là 25 tuổi; không phải là nhà thầu một công trình hay một dịch vụ công nào đó liên quan đến thành phố bằng bất kì một hợp đồng hành chính nào; có quyền dân sự và chính trị.

Thành viên của Uỷ ban Thành phố không được trả lương.

Trường hợp khuyết, trống thành viên Hội đồng do từ chức, công tác hay chết, Uỷ ban Thành phố phải bổ nhiệm thành viên.

Mọi thành viên Uỷ ban vắng mặt trong 3 lần triệu tập liên tiếp, không có lí do chính đáng sẽ bị Khâm sứ tuyên từ chức. Trường hợp ngoại lệ được áp dụng đối với thành viên uỷ ban rời Đà Nẵng sau khi có thông báo với Chủ tịch. Thành viên vắng mặt tại Đà Nẵng trong thời gian trên 1 năm sẽ bị tuyên từ chức.

Uỷ ban Thành phố có thể tạm ngừng hoạt động hoặc giải tán theo nghị định có nêu rõ lí do của Khâm sứ. Nghị định này được đăng trên tập san Hành chính Trung Kì. *Toàn quyền phải được thông báo*

về biện pháp thực hiện. Việc tạm ngừng hoạt động không được quá 1 tháng. Trường hợp giải tán Uỷ ban, việc lập Uỷ ban mới cần phải tiến hành trong thời hạn 1 tháng.

Đốc lí là người duy nhất quản lí thành phố trong thời gian Uỷ ban Thành phố tạm ngừng hoạt động hoặc giải tán cho đến khi Uỷ ban mới được thành lập.

Phần II. Quyền hạn của Đốc lí

Đốc lí được giao đảm trách các công việc sau:

- Quản lí thành phố, công bố, thực thi các đạo luật và quy định trên toàn bộ thành phố, áp dụng các biện pháp an ninh chung và đảm nhiệm các chức năng theo luật định. Ngoài ra, Đốc lí còn giữ một số chức năng, quyền hạn sau:

- Giữ chức Chủ tịch Uỷ ban Thành phố và làm đại diện cho thành phố tại toà, với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn.

- Giám sát việc bảo quản và quản lí công sản.

- Chuẩn bị, đề xuất và thực thi ngân sách thành phố; chỉ đạo hoặc giám sát các công sở.

- Chỉ đạo việc quy hoạch và bảo trì hệ thống đường sá của thành phố.

- Kí kết giao kèo, hợp đồng cung ứng và thi công các công trình của thành phố theo luật định.

- Bổ nhiệm các chức danh cấp thành phố mà cách thức bổ nhiệm đặc biệt đối với chức danh này chưa được quy định. Đốc lí được quyền treo chức và cách chức những người ở các chức danh này.

- Chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh của thành phố; tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo trật tự trị an và vệ sinh trong thành phố.

Những nghị định do Đốc lí đưa ra phải được thông báo tới Khâm sứ, người có thể huỷ bỏ hoặc hoãn thi hành các nghị định trên. Tuy nhiên, các quy định về an ninh chỉ được thi hành sau thời gian 1 tháng kể từ ngày bản sao các quy định đó được chuyển tới chính quyền cấp trên. Khâm sứ có thể rút ngắn thời hạn này.

Các nghị định của Đốc lí chỉ mang tính bắt buộc sau khi được các bên liên quan công nhận, thông qua bản yết thị viết bằng tiếng Pháp

hoặc chữ quốc ngữ nếu đó là các quy định chung, còn đối với các trường hợp khác thông qua giấy báo cá nhân.

Phần III. Quyền hạn của Uỷ ban Thành phố

Uỷ ban Thành phố được tham vấn về mọi vấn đề liên quan đến thành phố. Uỷ ban có thể đề đạt nguyện vọng về những vấn đề liên quan. Đốc lí buộc phải triệu tập Uỷ ban theo yêu cầu của đa số thành viên đương nhiệm.

Mọi biên bản họp của Uỷ ban đều được ghi trong một cuốn sổ đặc biệt, bản chính được chuyển lên Khâm sứ thông qua trước khi cho thi hành, nếu không bị xem như không có giá trị. Tuy nhiên, Đốc lí là người duy nhất tiến hành hoạt động quản lí bao gồm cả hoạt động mua sắm và bảo lưu các quyền của thành phố.

Phần IV. Ngân sách thành phố

Ngân sách thành phố bao gồm:

I. Các khoản thu thường xuyên

Các khoản thu thường xuyên bao gồm các khoản thu từ thuế môn bài, thuế thân, từ thuế điền thổ của thành phố, thuế điền thổ của các làng thuộc khu nhượng địa Pháp; phần trăm thông thường liên quan tới thuế trực thu; lợi tức từ nguồn công sản; khoản thu từ việc bán động sản và bất động sản của thành phố; thuế an ninh; giấy phép cho thuyền bè neo đậu và cập bến, thuế thuyền đò, cầu tàu và thuế sử dụng công sản trong phạm vi thành phố; phí chuyển nhượng tại các nghĩa trang của thành phố và phần hoa lợi từ việc chuyển nhượng này; phí cầu đường; thuế cân đo; thuế đường bộ; thuế lưu thông xe kéo; hoa lợi từ việc trông giữ đồ vật và các khoản thu khác; khoản thu từ việc gửi các văn bản hành chính và chứng thư hộ tịch; các khoản tiền phạt vi cảnh; khoản thu từ việc lĩnh canh chợ;, phà đò; lò mổ; nạo vét bùn v.v... và các cuộc chuyển nhượng dịch vụ khai thác nước, chiếu sáng công cộng... và các khoản thuế khác theo quy định. Cơ sở, cách thức đánh thuế, định suất thuế và quy định thu thuế được lập theo quy định tại điều 74-B Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1912.

II. Các khoản chi thường xuyên

Các khoản chi thường xuyên bao gồm:

- Phí giao tế của Đốc lí và bảo trì Toà Đốc lí; phí quản lí thành phố và tiền lương cho nhân công thành phố;

- Tiền trợ cấp cho viên chức thành phố; tiền lương cho nhân viên và phí mua sắm thiết bị của lực lượng cảnh sát đô thị;

- Bảo trì hệ thống đường sá đô thị, chiếu sáng công cộng và phân phối nước;

- Đại tu và bảo dưỡng các công trình công cộng;

- Bảo dưỡng các khu chợ, gian hàng, lò mổ;

- Bảo dưỡng nghĩa trang;

- Quy hoạch bến bãi;

- Thanh toán các khoản nợ có thể đòi được;

- Chi phí cho hoạt động cứu trợ, vệ sinh công cộng v.v...

- Những khoản chi không bắt buộc khác.

III. Các khoản thu đột xuất

- Những loại thuế đặc biệt được phép thu;

- Các khoản hoa lợi đặc biệt được hoặc không được sử dụng một cách đặc biệt;

- Hoa lợi từ khoản vay.

Phần V. Quà biếu tặng

Đốc lý được nhận quà biếu tặng cho thành phố, sau khi có ý kiến của Ủy ban thành phố và được sự cho phép của Khâm sứ.

Phần VI. Tài sản riêng của thành phố

Tài sản riêng của thành phố được hình thành từ:

- Tiền trợ cấp cho thành phố Đà Nẵng theo các nghị định và chỉ dụ thành lập thành phố này, đặc biệt là Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1892;

- Động sản và bất động sản trưng thu bằng nguồn ngân sách thành phố;

- Động sản hoặc bất động sản là đối tượng của các cuộc chuyển nhượng, dù đó là công sản thuộc địa hay công sản địa phương;

- Tài sản có nguồn gốc từ đồ biếu tặng.

Những khu nhà thuộc tài sản công được đăng kí vào sổ ghi trong đó có nêu toàn bộ chi phí sửa chữa hoặc chỉnh trang đối với từng khu nhà được thực hiện trong tài khoá. Hàng năm, bản sao cuốn sổ ghi được đính kèm báo cáo quyết toán.

Đốc lí có quyền quy định, tham gia hoạt động quản lí và các vụ kiện liên quan đến công sản.

Phần VII. Pháp lí

Thành phố không được kiện ra toà nếu không có sự đồng ý của Khâm sứ. Tuy nhiên, sự cho phép này không thực sự cần thiết nếu đó là vụ kiện liên quan đến hoặc bảo vệ quyền sở hữu, hoặc tiến hành các hoạt động bảo lưu, hoặc gây gián đoạn do hết hạn. Sau phán quyết, thành phố chỉ có thể khiếu nại lên cấp toà án khác nếu Khâm sứ cho phép. Trong mọi trường hợp, quyết định của Khâm sứ phải được đưa ra trong vòng 2 tháng kể từ ngày có đơn đề nghị xin phép.

Ngoài những vụ kiện bảo vệ quyền sở hữu, không một vụ kiện nào chống lại thành phố được tiến hành, trừ khi trước đó nguyên đơn gửi tới Khâm sứ đơn trình bày nêu rõ nội dung, lí do khiếu nại. Khâm sứ phải có giấy biên nhận về việc này và gửi ngay đơn trình bày tới Đốc lí để Uỷ ban Thành phố nắm bắt vấn đề trong thời hạn ngắn nhất.

Trong thời hạn 15 ngày, Đốc lí sẽ chuyển biên bản của Uỷ ban Thành phố tới Khâm sứ, người quyết định liệu thành phố có được phép kiện ra toà hay không. Quyết định được đưa ra trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày có biên lai xác nhận.

327. Décret du 27 avril 1931 du Président de la République française érigeant les communes de Sai Gon et de Cho Lon en une unité administrative autonome sous la dénomination de "Région de Sai Gon-Cholon" (promulgué le 18 juin 1931).

Sắc lệnh ngày 27 tháng 4 năm 1931 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định nâng cấp hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn lên thành một đơn vị hành chính tự trị mang tên "Khu Sài Gòn - Chợ Lớn" (ban hành ngày 18 tháng 6 năm 1931).

(Nguồn: J 1145, JOIF 1931, tr.2091-2094)

Sắc lệnh gồm 22 điều với các nội dung chính sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 1932, hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn và vùng ngoại thành của hai thành phố này được nâng cấp lên thành đơn vị hành chính tự trị mang tên "Khu Sài Gòn - Chợ Lớn".

Về phương diện hành chính, khu vực này vẫn thuộc Nam Kì và đặt dưới quyền của Thống đốc. Đứng đầu khu Sài Gòn - Chợ Lớn là một viên chức ngạch hành chính do Toàn quyền bổ nhiệm, công tác tại Đông Dương tối thiểu 10 năm.

Tại khu Sài Gòn - Chợ Lớn, hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn trực thuộc Thống đốc Nam Kì về việc giám hộ hành chính, những xã của người bản xứ trực tiếp thuộc quyền quản lí của Trưởng khu.

Giúp việc cho Trưởng khu là một Hội đồng Quản trị với thành phần như sau:

- Trưởng khu, Chủ tịch;

- Uỷ viên Hội đồng gồm người Pháp, người bản xứ và người Hoa được lựa chọn trong số thương nhân, viên chức hoặc không phải là viên chức sống tại Sài Gòn, Chợ Lớn hoặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, hoặc là thành viên Phòng Thương mại Sài Gòn, Hội đồng hoặc Uỷ ban thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn v.v...;

Nhiệm kì Uỷ viên Hội đồng là 3 năm và có thể được bầu lại. Trường hợp ủy viên thực thụ vắng mặt, uỷ viên dự khuyết được chỉ định thay thế.

Uỷ viên vắng mặt tại thuộc địa trong thời gian từ 1 năm trở lên hoặc không tham gia trong cả 3 lần triệu tập liên tiếp, nếu không có lí do chính đáng được Thống đốc Nam Kì chấp thuận, sẽ bị tuyên từ chức.

Hội đồng thành phố nhóm họp thường kì 4 lần/năm theo lệnh triệu tập của Chủ tịch. Các cuộc họp của Hội đồng không mang tính công khai.

Nghị quyết của Hội đồng được đăng kí theo ngày tháng trong một cuốn sổ, có chữ kí tắt của Thống đốc Nam Kì.

Hội đồng quản trị biểu quyết mọi vấn đề liên quan đến khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Hội đồng thành phố thảo luận về những nội dung sau đây:

- Xếp hạng, giáng loại, khôi phục hoặc kéo dài, mở rộng, phá bỏ đường sá, quảng trường, xây dựng và phá bỏ công viên, khu trưng bày, khu mua sắm, lập, sửa đổi sơ đồ mặt bằng tuyến, san bằng đường sá...;

- Ngân sách khu Sài Gòn - Chợ Lớn;

- Thuế, tiền lĩnh canh, chế độ độc quyền, những khoản quyên góp tự nguyện, tô thuế, các khoản vay hoặc cho vay để thi công công trình. Mọi nghị quyết liên quan đến nội dung đã nêu chỉ có hiệu lực sau khi Toàn quyền phê chuẩn, không kể đến những quy định đối với hội đồng địa phương và quy định tại điều 78 của Luật Tài chính ngày 13 tháng 4 năm 1898.

- Chương trình, bản vẽ, dự toán, hợp đồng liên quan đến các công trình mới do khu Sài Gòn - Chợ Lớn chi trả.

- Trưng dụng nhà cửa, xây mới, tái thiết...;

- Nói chung là về những vấn đề liên quan đến hoạt động của khu Sài Gòn - Chợ Lớn và không thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành phố, Uỷ ban thành phố hay Hội đồng kì hào.

Hội đồng Quản trị cho ý kiến về:

- Dự án lập sơ đồ mặt bằng tuyến và san bằng những tuyến đường lớn trong khu Sài Gòn - Chợ Lớn;

- Cách thức đánh thuế và quy định về việc thu thuế nhập thị;

- Những nội dung mà pháp luật hoặc chính quyền cấp trên yêu cầu.

Trưởng khu Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ đạo các công việc liên quan đến trật tự trị an, vệ sinh công cộng, đường sá, chuyển nhượng, phân phối điện, nước và chiếu sáng.

Để đảm bảo an ninh trong khu vực, Trưởng khu thực thi mọi quyền hạn trước đó được dành cho Đốc lí Sài Gòn và Chủ tịch Uỷ ban thành phố Chợ Lớn.

Dưới sự kiểm soát của Hội đồng Quản trị và sự giám sát của Thống đốc Nam Kì, Trưởng khu chịu trách nhiệm bảo quản và quản lí tài sản của khu; tiến hành hoạt động bảo lưu; quản lí vốn; giám sát các đơn vị trực thuộc và hoạt động kế toán; chuẩn bị ngân sách và phát lệnh chi trả; kí kết giao kèo, hợp đồng và đấu thầu các công trình công cộng theo luật định.

Giúp việc cho Trưởng khu là một Chánh Sở Hành chính được lựa chọn trong số viên chức ngạch dân sự tại Đông Dương, bậc phó quan cai trị hoặc Đốc sự phòng dân sự do Thống đốc Nam Kì chỉ định.

Từ điều 13 đến 22 quy định về ngân sách khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

328. Arrêté du 29 avril 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant une délégation administrative dans la province de Nghê An.

Nghị định ngày 29 tháng 4 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một đại lí hành chính tại tỉnh Nghệ An.

(Nguồn: J 1145, JOIF 1931, tr.1527)

Theo Nghị định, một đại lí hành chính được thành lập tại tỉnh Nghệ An (Trung Kì). Đại lí này gồm: phủ Anh Sơn và huyện Thanh Chương, đứng đầu là một viên chức hoặc sĩ quan sống tại Đô Lương đại diện cho Công sứ.

Đại diện cho Công sứ Pháp tại Nghệ An sống tại Đô Lương hưởng trợ cấp hàng năm trị giá 500 đồng bạc theo quy định tại Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1916, dưới danh nghĩa phí giao tế và phí công tác.

329. Arrêté du 29 avril 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant hai délégations administratives dans la province de Ha Tinh.

Nghị định ngày 29 tháng 4 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập hai đại lí hành chính tại tỉnh Hà Tĩnh.

(Nguồn: J 1145, JOIF 1931, tr.1527)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung chính sau:

Hai đại lí hành chính được thành lập tại tỉnh Hà Tĩnh (Trung Kì). Đại lí hành chính thứ nhất gồm phủ Đức Thọ. Đại lí thứ hai gồm huyện Can Lộc. Đứng đầu đại lí hành chính là viên chức hoặc sĩ quan sống tại Linh Cảm và Can Lộc.

Những người đại diện cho Công sứ Pháp tại Hà Tĩnh sống tại Linh Cảm và Can Lộc hưởng trợ cấp hàng năm trị giá 500 đồng theo quy định tại Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1916.

330. Arrêté du 29 avril 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant deux délégations administratives dans la province de Quang Ngai.

Nghị định ngày 29 tháng 4 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập hai đại lí hành chính tại tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguồn: J 1145, JOIF 1931, tr.1528)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Hai đại lí hành chính được thành lập tại tỉnh Quảng Ngãi (Trung Kì). Đại lí hành chính thứ nhất bao gồm huyện Sơn Tịnh. Đại lí thứ hai gồm huyện Mộ Đức. Đứng đầu đại lí hành chính là viên chức hoặc sĩ quan sống tại Sơn Tịnh và Mộ Đức hưởng trợ cấp hàng năm trị giá 500 đồng theo quy định tại Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1916.

331. Arrêté du 29 mai 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant réorganisation des bureaux de la Direction de l'Intruction publique.

Nghị định ngày 29 tháng 5 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại các phòng ban thuộc Nha Học chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1145, JOIF 1931, tr.1899-1901)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Nha Học chính Đông Dương gồm có 1 Ban Thư kí và 4 phòng đặt dưới sự kiểm soát của Thanh tra trưởng giúp việc cho Giám đốc Nha Học chính. Quyền hạn của Ban Thư kí và các phòng quy định như sau:

Ban Thư kí

Bộ phận 1: *Phụ trách đăng kí, phân loại và trình thư đến; phân bổ công việc cho các bộ phận; kiểm soát, trình và đăng kí thư đi; phụ*

trách công tác mật vụ; gửi báo cáo và công văn trao đổi của Ban Thanh tra; tổ chức và chính thức công nhận các kì thi; trao đổi và cấp văn bằng, chứng chỉ...

Bộ phận 2: *phụ trách tiếp nhận và kiểm thư đến; số liệu; thăng thưởng; thống kê định kì; phụ trách thư viện; đặt mua ấn phẩm của địa phương, chính quốc và nước ngoài; mua các tác phẩm mới; cập nhật hộp phiếu, đăng kí mượn sách; Ban thư kí Hội đồng Tư vấn Nha Học chính; hồ sơ nhân sự người Pháp của Nha Học chính; tài liệu lưu trữ của Ban thư kí; tài liệu lưu trữ chung của Nha...*

Phòng 1. Giáo dục bậc đại học

Phòng 1 phụ trách:

- Đăng kí và quản lí hồ sơ nhân sự bậc đại học; quản lí và kiểm soát khu nội trú trong trường đại học.

- Quản lí chung các trường học thuộc Đại học Hà Nội; ban thư kí đại học.

- Tuyển sinh đại học, thi tuyển; học bổng và trợ cấp học đường; các kì thi lên lớp, thi tốt nghiệp.

- Gửi hồ sơ học sang Pháp; quan hệ với Hội Khai trí Tiến Đức của người Đông Dương tại Pháp.

- Kì thi sát hạch tiếng phương Đông; uỷ ban tư vấn; uỷ ban trung ương; các kì thi.

- Kì thi khảo về học lực phổ thông của những thí sinh thi vào ngạch tham tá bản xứ và các kì thi đặc biệt khác.

- Nghiên cứu các vấn đề về hành chính, giáo dục và nghề nghiệp liên quan đến giáo dục bậc đại học.

Phòng 2

Bộ phận 1. Nhân sự và pháp chế

- Đăng kí và quản lí hồ sơ nhân sự bản xứ của Nha Học chính Đông Dương.

- Đăng kí và quản lí hồ sơ nhân sự của chính quốc và nhân sự người Pháp hoặc hàng quân nhân tại địa phương bậc giáo dục phổ thông và dạy nghề, trung học, cao đẳng tiểu học, cao đẳng.

- Đăng kí và quản lí hồ sơ nhân sự người bản xứ ngạch công chức bậc cao đẳng tiểu học Pháp-Việt.

- Phụ trách đơn xin việc; tuyển dụng; biệt phái và gia hạn thời gian biệt phái; đề nghị bổ nhiệm và cho thực thụ.

- Tiến hành chuẩn bị lập bảng nâng bậc cho công chức địa phương: chuẩn bị đề xuất nâng bậc cho cấp công chức của chính quốc; thay đổi thứ hạng.

- Thuyên chuyển: nghỉ phép, tạm nghỉ việc, phục chức, từ chức v.v...

- Chuẩn bị hồ sơ nghỉ hưu, phong chức danh dự; phụ cấp nhà ở; tài khoản hỗ trợ.

- Nhân viên hợp đồng, tạm thời và thường nhật.

- Tập trung tài liệu liên quan đến đội ngũ nhân sự biệt phái của địa phương và của chính quốc. Bảng kê định kì (bổ nhiệm và danh sách tên).

Bộ phận 2. Trường học, giáo dục tư thục, học bổng

- Quản lí hồ sơ các trường học bậc đệ nhị cấp; thời gian biểu, báo cáo hàng tháng, tập trung tư liệu. Về mặt hành chính, nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngành học chính Đông Dương, trừ hệ giáo dục cao đẳng và dạy nghề.

- Giáo dục tư thục, phân loại các trường; cấp phép mở trường cao đẳng tiểu học, trung học và cao đẳng; cấp phép giảng dạy và quản lí; kiểm soát các trường tư thục về mặt hành chính.

- Học bổng và trợ cấp học đường tại chính quốc và tại Thuộc địa (trừ trường Đại học Hà Nội).

- Cấp học bổng cho học sinh theo học tại Trường Đại học Sư phạm Saint Cloud.

Phòng 3

Bộ phận 1. Kế toán chung

- Hoạt động kế toán chung của Nha Học chính và các đơn vị do Nha quản lí; kế toán những khoản chi đã thực hiện và thanh toán các khoản chi.

- Lương và phụ cấp lương; chuẩn bị ngân sách của Sở Học chính; xuất trình báo cáo quyết toán; kế hoạch triển khai.

- Về việc đi lại: giấy đi đường, hoá đơn vận tải v.v...

Bộ phận 2. Kế toán vật liệu

Phụ trách thiết bị, kế toán vật liệu; quản lí sổ sách thống kê; tập trung và thực hiện các hợp đồng cho thuê, đơn đặt hàng và hợp đồng cung ứng thiết bị, phát hành ấn phẩm và cung ứng cho Nha Học chính và các đơn vị do Nha quản lí; tiếp nhận và chuẩn y phiếu mua hàng; tiến hành xử phạt đối với loại thiết bị không dùng được.

Bộ phận thủ quỹ

- Các khoản chi: thanh toán tiền lương cho đội ngũ nhân viên người Âu và bản xứ của Nha Học chính và trường đại học.

- Thanh toán tiền phụ cấp cho giảng viên đại học; trợ cấp cho sinh viên đại học; phụ cấp thi cử; tạm ứng tiền cho các biên tập viên Tổng nguyệt san Nha Học chính; những khoản chi nhỏ lẻ.

- Các khoản thu: học phí của sinh viên đại học; khoản thu của trường đại học và Trạm thú y.

Phòng 4.

***Bộ phận 1** phụ trách:*

- Dạy nghề; quản lí hồ sơ các trường; tư liệu và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc dạy nghề.

- Giáo dục thể chất, báo cáo với uỷ ban trung ương và uỷ ban địa phương; các hội thể thao.

- Những công trình được thực hiện ngoài thời gian ở trường; thư viện các trường học; đề xuất tiếp nhận một số tác phẩm vào danh sách chính thức; thiết bị giảng dạy: phim, bộ sưu tập khoa học và địa lí; bảo tàng sư phạm.

***Bộ phận 2** phụ trách:*

- Nghiên cứu, chuẩn bị và quản lí ấn phẩm của Nha Học chính: tổng tập san; giáo trình học tập, bảng treo tường và bản đồ học tập.

- Dịch tài liệu và ấn phẩm sang chữ quốc ngữ.

Thứ hạng và số lượng chức danh tại Nha Học chính được quy định theo chỉ dẫn trong bảng dưới đây:

Đơn vị	*Vị trí*	*Số lượng*	*Nhận xét*
Ban thư kí	*Thư kí riêng cho Giám đốc Nha Học chính.* *Trưởng ban*	*1* *1*	*Ban 1 đặt dưới sự quản lí trực tiếp của Thanh tra trưởng phụ tá cho Giám đốc Nha Học chính.*
Phòng 1	*Trưởng phòng*	*1*	
Phòng 2	*Trưởng phòng* *Trưởng ban*	*1* *1*	*Trưởng phòng 2 đồng thời là Trưởng ban 1*
Phòng 3	*Trưởng phòng* *Trưởng ban* *Nhân viên phát tiền*	*1* *1* *1*	*Trưởng phòng 3 đồng thời là Trưởng ban 1*
Phòng 4	*Trưởng phòng* *Trưởng ban* *Nhân viên quản lí giáo trình học tập và bảng treo tường*	*1* *1* *1*	*Trưởng phòng 4 đồng thời là Trưởng ban 1*

332. Décret du 27 juin 1931 du Président de la République française modifiant le décret du 5 mars 1889 organisant les Conseils de province en Cochichine.

Sắc lệnh ngày 27 tháng 6 năm 1931 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1889 về việc tổ chức các Hội đồng hàng tỉnh tại Nam Kì.

(Nguồn: J 1147, JOIF 1931, tr.2712-2713)

Sắc lệnh gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Điều 5 của Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1889 về việc tổ chức Hội đồng hàng tỉnh tại Nam Kì được sửa đổi như sau:

"Thành phần của đoàn cử tri tiến hành bầu cử tại tỉnh lị gồm những người bản xứ mang quốc tịch Pháp, tròn 25 tuổi tính đến ngày hoàn tất danh sách bầu cử và được đăng kí hợp pháp vào sổ thuế thân của tổng.

Trừ những người trước đây từng là kì hào trong thời gian 5 năm và được miễn các điều kiện khác, còn lại những cử tri là kì hào trong thời gian 2 năm, phải thuộc một trong những người đủ mức thuế bầu cử hoặc người có chứng chỉ luật học dưới đây:

1. Chủ đất có đóng thuế điền thổ với số tiền tối thiểu là 10 đồng bạc;

2. Thương nhân hoặc nhà công nghiệp có đóng thuế môn bài ngoại hạng hoặc thuộc 6 hạng đầu tiên trong thời gian ít nhất là 2 năm;

3. Người có bằng trung học hoặc bằng sơ đẳng tiểu học.

4. Những người được tặng thưởng huân chương quân sự hoặc huân chương chiến tranh.

Viên chức và nhân viên ngạch công chức hành chính cao cấp và trung cấp, cũng như các cựu quân nhân lục quân và hải quân bậc trung sĩ có ít nhất 10 năm công tác tại các cơ quan quân sự hoặc dân sự, những người có bằng cao đẳng được miễn giữ chức kì hào.

Viên chức đang công tác không được đăng kí vào danh sách bầu cử của Hội đồng tỉnh tại khu vực làm việc".

333. Décret du 4 juillet 1931 du Président de la République française modifiant le décret du 9 juin 1922 portant réorganisation du Conseil colonial de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 04 tháng 7 năm 1931 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.

(Nguồn: J 1147, JOIF 1931, tr.2747-2748)

Sắc lệnh gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Các điều 11 và 38 của Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì được sửa đổi như sau:

"Điều 11. Tại mỗi khu vực, những uỷ viên đại diện cho đoàn cử tri bản xứ do chính đoàn cử tri này bầu ra. Thành phần của đoàn cử tri bản xứ gồm người bản xứ mang quốc tịch Pháp, tròn 25 tuổi tính đến ngày hoàn tất danh sách bầu cử, được đăng kí hợp pháp vào sổ thuế

thân tại Nam Kì và là một trong những người đủ mức thuế bầu cử hoặc người có chứng chỉ luật học dưới đây:

1. Chủ đất có đóng thuế điền thổ với mức thuế bằng hoặc cao hơn 10 đồng bạc;

2. Thương nhân và nhà công nghiệp có đóng thuế môn bài ngoại hạng hoặc thuộc 6 hạng đầu tiên trong thời gian ít nhất 2 năm;

3. Người có bằng cao đẳng, trung học của chính quốc hoặc Đông Dương, bằng sơ đẳng tiểu học hoặc bổ túc;

4. Những người có bằng tiểu học hoặc học nghề thuộc một trong những hạng dưới đây:

a) Điền chủ có tên trong sổ thuế điền thổ với mức thuế dưới 10 đồng bạc;

b) Thương nhân có đóng thuế môn bài ở hạng dưới hạng thứ 6;

c) Viên chức được uỷ thác ngạch công chức hạ cấp có trên 5 năm công tác;

d) Nhân viên thương mại hoặc công nghiệp có trên 10 năm công tác trong nghề;

5. Thành viên được bầu vào các hội đồng hỗn hợp (Hội đồng Thành phố Sài Gòn, Phòng Canh nông và Thương mại) và thành viên Hội đồng cấp tỉnh;

6. Viên chức làm việc tại Nam Kì trong thời gian ít nhất là 5 năm, với tư cách nhân viên được uỷ thác ngạch công chức cao cấp và trung cấp thuộc các cơ quan nhà nước tại thuộc địa;

7. Viên chức thuộc ngạch công chức nêu trên được hưởng lương hưu, tiền thù lao của phủ và huyện;

8. Chánh tổng, phó Chánh tổng, ban biện, sung biện và các kì hào đương chức tại mỗi xã như đã thống kê trong các nghị định quy định hoạt động của làng xã người bản xứ tại Nam Kì, giữ chức kì hào ít nhất là một lần hoặc nhiều lần trong thời gian 3 năm;

9. Những người được tặng thưởng huân chương quân sự hoặc huân chương chiến tranh.

Ngoài ra, những người bản xứ sinh tại Nam Kì được công nhận là công dân Pháp hoặc con cháu họ có thể xin đăng kí vào danh sách

bầu cử tại nơi cư trú trong thời gian ít nhất 1 năm và có đóng thuế trực thu áp dụng đối với các công dân Pháp.

Cách thức lập và duyệt lại danh sách bầu cử được quy định theo nghị định của Thống đốc Nam Kì và được chuẩn y trước Hội đồng Tư mật.

Các khoản chi được chia thành khoản chi bắt buộc và khoản chi không bắt buộc.

Những khoản chi bắt buộc bao gồm:

1. Các khoản nợ;

2. Phí giao tế của Thống đốc, tiền thuê, tiền mua sắm đồ đạc và bảo dưỡng dinh thự của Thống đốc, chi phí cho Ban thư kí;

3. Chi phí để duy trì hoạt động của các cơ quan được tổ chức theo sắc lệnh hoặc nghị định của Toàn quyền;

4. Các loại quỹ dự phòng theo quy định của Toàn quyền và do Thống đốc phân bổ;

5. Các khoản trợ cấp, thuế hoặc phần đóng góp cho Nhà nước hoặc cho Phủ Toàn quyền theo luật định;

6. Chi phí bảo dưỡng và đại tu các công trình công cộng do ngân sách địa phương Nam Kì chịu trách nhiệm chi trả".

334. Arrêté du 7 juillet 1931 du Gouverneur général de l'Indochine créant hai délégations administratives dans la province de Nghe An (Annam).

Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập hai đại lí hành chính tại tỉnh Nghệ An (Trung Kì).

(Nguồn: J 1147, JOIF 1931, tr.2332)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Hai đại lí hành chính được thành lập tại tỉnh Nghệ An (Trung Kì). Đại lí hành chính thứ nhất gồm các huyện Yên Thành, Quỳnh Lưu và phủ Diễn Châu. Đại lí thứ hai gồm phủ Anh Sơn và huyện Thanh Chương. Đứng đầu đại lí là viên chức hoặc sĩ quan sống tại Phủ Diễn và Thanh Quả.

335. Arrêté du 7 juillet 1931 du Gouverneur général de l'Indochine créant hai délégations administratives dans la province de Ha Tinh (Annam).

Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập hai đại lí hành chính tại tỉnh Hà Tĩnh (Trung Kì).

(Nguồn: J 1147, JOIF 1931, tr.2332)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Hai đại lí hành chính được thành lập tại tỉnh Hà Tĩnh (Trung Kì). Đại lí hành chính thứ nhất gồm huyện Hương Sơn, Phủ Đức Thọ, khu vực phía Bắc huyện Can Lộc tức tổng Lai Thạch, huyện Nghi Xuân. Đại lí thứ hai có huyện Hương Khê. Đứng đầu đại lí hành chính là viên chức hoặc sĩ quan sống tại Linh Cảm và Chu Lễ, được hưởng trợ cấp hàng năm trị giá 500 đồng theo quy định tại Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1916.

336. Arrêté du 14 décembre 1931 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 10 juillet 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture de la Cochinchine.

Nghị định ngày 14 tháng 12 năm 1931 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 10 tháng 7 năm 1925 về tổ chức lại Phòng Canh nông Nam Kì.

(Nguồn: J 1149, JOIF 1932, tr.8)

Theo Nghị định này, thành phần của Phòng Canh nông Nam Kì gồm: 10 thành viên thực thụ và 4 thành viên dự khuyết do tập thể cử tri người Pháp bầu ra; 8 thành viên thực thụ do tập thể cử tri bản xứ bầu ra.

Đối với các thành viên người Pháp cũng như thành viên bản xứ, việc bỏ phiếu bầu diễn ra theo hình thức đại diện tỉ lệ. Không có danh sách đặc biệt đối với thành viên dự khuyết.

337. Décret du 6 janvier 1932 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil coloniale de la Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 06 tháng 01 năm 1932 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thay đổi thành phần Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.

(Nguồn: J 1149, JOIF 1932, tr.822-823)

Sắc lệnh gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Thành phần của Hội đồng Thuộc địa Nam Kì được quy định lại bao gồm:

- 10 uỷ viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết do tập thể cử tri Pháp bầu ra;

- 1 thành viên người Pháp và 1 thành viên bản xứ đại diện cho Phòng Thương mại Sài Gòn và do Phòng bầu ra;

- 1 thành viên người Pháp và 1 thành viên bản xứ đại diện cho Phòng Canh nông Nam Kì, do Phòng bầu ra;

- 10 uỷ viên chính thức và 5 uỷ viên dự khuyết do tập thể cử tri bản xứ bầu ra;

Nhiệm kì của các uỷ viên do tập thể cử tri người Pháp và người bản xứ bầu kéo dài 4 năm và có thể bầu lại vô thời hạn. Nhiệm kì của đại diện các Phòng Thương mại và Phòng Canh nông được quy định là 4 năm, trừ trường hợp do không tái bầu cử hoặc vì bất kì lí do nào khác. Uỷ viên dự khuyết do tập thể cử tri Pháp và cử tri bản xứ bầu được triệu tập thay uỷ viên chính thức cũng do tập thể cử tri trên bầu ra, theo quy định tại điều 4 của Sắc lệnh ban hành ngày 29 tháng 6 năm 1929".

Nhiệm kì của đại diện các Phòng Thương mại và Phòng Canh nông đương nhiệm sẽ kết thúc ngay khi Sắc lệnh này được ban hành tại Đông Dương. Tại các hội nghị toàn thể sẽ tiến hành bầu trực tiếp các đại diện người Pháp và bản xứ của hai phòng trên tại Hội đồng Thuộc địa.

338. Arrêté du 30 mars 1932 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une délégation administrative dans la province de Darlac.

Nghị định ngày 30 tháng 3 năm 1932 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một đại lí hành chính tại tỉnh Đắc Lắc.

(Nguồn: J 1149, JOIF 1932, tr.1170)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Đại lí hành chính Đắc Đam tại tỉnh Đắc Lắc được thành lập tại Trung Kì, đứng đầu khu là một viên chức hoặc sĩ quan với tư cách đại diện Công sứ Pháp tại Buôn Ma Thuột, nhiệm sở đặt tại Buôn Jen drom.

339. Arrêté du 24 mai 1932 du Gouverneur général de l'Indochine créant une nouvelle province Moï sur le territoire de la province Kontum.

Nghị định ngày 24 tháng 5 năm 1932 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một tỉnh mới của người Mọi (người Thượng) trên địa phận tỉnh Kon Tum.

(Nguồn: J 1149, JOIF 1932, tr.1754-1755)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Quyết định thành lập trên địa phận tỉnh Kon Tum một tỉnh mới của người Mọi, đặt dưới quyền một Công sứ Pháp.

340. Arrêté du 20 mai 1933 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les articles 5, 7 et 8 de l'arrêté du 10 juillet 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture de la Cochinchine.

Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1933 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi các điều 5, 7 và 8 của Nghị định ngày 10 tháng 7 năm 1925 về tổ chức lại Phòng Canh nông Nam Kì.

(Nguồn: J 1156, JOIF 1933, tr.1641)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Các quy định trong đoạn đầu tiên của điều 5, điều 7 và điều 8 của

Nghị định ngày 10 tháng 7 năm 1925 về tổ chức lại Phòng Canh nông Nam Kì bị bãi bỏ và thay bằng các quy định sau:

"Điều 5.....Các danh sách này được niêm yết tại Phòng Canh nông, Phòng Thư kí Toà Sơ thẩm và Toà Đốc lí Sài Gòn. Một bản sao được gửi tới Thống đốc Nam Kì, người sẽ có trách nhiệm chuyển tiếp tới mỗi Chủ tỉnh trích lục danh sách cử tri cư ngụ trong khu hành chính thuộc quyền quản lí. Các trích lục này sẽ được niêm yết tại thủ phủ các tỉnh và đại lí.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, đơn thư khiếu nại được gửi tới Chủ tịch tiểu ban phụ trách danh sách cử tri thông qua Chủ tỉnh kèm theo kết luận nêu rõ lí do. Hết thời hạn 30 ngày trên, tiểu ban xem xét khiếu nại và hoàn tất danh sách cử tri".

"Điều 7. Mỗi năm, danh sách mới do tiểu ban quyết định được gửi tới Thống đốc Nam Kì để công bố danh sách trên Tập san hành chính Nam Kì. Danh sách mới được niêm yết ở Phòng Canh nông, phòng thư kí, Toà Sơ thẩm, Toà Đốc lí Sài Gòn và thủ phủ các tỉnh và đại lí".

"Điều 8. Cử tri trong khu vực bầu cử có quyền đề nghị gạch tên cử tri không đáp ứng một trong số những điều kiện ra khỏi danh sách cử tri. Bất kì đối tượng đáp ứng đủ điều kiện trở thành cử tri nhưng không có tên trong danh sách có thể đề nghị bổ sung tên vào danh sách cử tri trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày công bố danh sách trên Tập san hành chính. *Sự việc sẽ được chuyển sang Toà án dân sự không mất phí và quyết định tại Phòng Hội đồng...*

Theo đề nghị của Thống đốc Nam Kì, những cử tri qua đời hoặc bị cho là không đủ khả năng liên quan đến phán quyết của toà hoặc không đáp ứng các điều kiện sẽ bị gạch tên ra khỏi danh sách cử tri tại mọi thời điểm".

341. Arrêté du 20 mai 1933 du Gouverneur général de l'Indochine abrogeant l'article 7 et modifiant les articles 6, 9 et 10 de l'arrêté du 30 octobre 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture du Tonkin.

Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1933 của Toàn quyền Đông Dương quyết định bãi bỏ điều 7 và sửa đổi các điều 6, 9 và 10 của

Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1925 về tổ chức lại Phòng Canh nông Bắc Kì.

(Nguồn: J 1156, JOIF 1933, tr.1641)

Nghị định gồm 3 điều sửa đổi một nội dung sau:

Điều 6. "Danh sách cử tri được niêm yết tại Phòng Canh nông, Phòng Thư kí Toà Sơ thẩm và Toà Đốc lí Hà Nội. Một bản sao được gửi tới Thống sứ Bắc Kì để chuyển tiếp tới các Chủ tỉnh trích lục danh sách cử tri cư ngụ trong khu hành chính thuộc quyền quản lí. Các bản trích lục này sẽ được niêm yết tại thủ phủ các tỉnh. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, các khiếu nại được gửi tới Chủ tịch tiểu ban phụ trách danh sách cử tri thông qua Chủ tỉnh kèm theo kết luận nêu rõ lí do. Hết thời hạn 30 ngày trên, tiểu ban xem xét các khiếu nại và hoàn tất danh sách cử tri".

"Điều 9. Mỗi năm, một danh sách mới do tiểu ban quyết định được gửi tới Thống sứ Bắc Kì để công bố danh sách trên Công báo Đông Dương. Danh sách mới này được niêm yết ở Phòng Canh nông, Phòng Thư kí, Toà Sơ thẩm, Toà Đốc lí Hà Nội và thủ phủ các tỉnh".

"Điều 10. Tại mọi thời điểm, cử tri trong khu vực bầu cử có quyền đề nghị gạch tên các cử tri không đáp ứng một trong số điều kiện ra khỏi danh sách cử tri. Bất kì ai đáp ứng đủ điều kiện trở thành cử tri nhưng không có tên trong danh sách có thể đề nghị bổ sung tên vào danh sách cử tri trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày công bố danh sách trên Công báo Đông Dương. *Sự việc sẽ được chuyển sang Toà án dân sự không mất phí và quyết định tại Phòng Hội đồng...*

Theo đề nghị của Thống sứ Bắc Kì, những cử tri qua đời hoặc bị cho là không đủ khả năng do chịu một phán quyết của toà hoặc không đáp ứng các điều kiện sẽ bị gạch tên ra khỏi danh sách cử tri tại mọi thời điểm".

342. Arrêté du 20 mai 1933 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les articles 8 et 9 de l'arrêté du 11 mai 1923 réorganisant de la Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture de Tourane.

Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1933 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi các điều 8 và 9 của Nghị định ngày 11 tháng 5 năm 1923 về tổ chức lại Phòng hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Đà Nẵng.

(Nguồn: J 1156, JOIF 1933, tr.1641)

Nghị định gồm 2 điều sửa đổi một số nội dung:

Điều 8. Danh sách cử tri do Tiểu ban lập được niêm yết ở Phòng Thư kí Toàn Sơ thẩm, Phòng hỗn hợp, Toà Công sứ - Đốc lí Đà Nẵng và các tỉnh lị trong khu vực. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, các khiếu nại gửi tới Chủ tịch ủy ban được giao lập các danh sách cử tri thông qua Chủ tỉnh kèm theo kết luận nêu rõ lí do. Hết thời hạn 30 ngày trên, Ủy ban xem xét các khiếu nại và hoàn tất danh sách cử tri. Hàng năm, các danh sách mới do Ủy ban lập được gửi tới Khâm sứ, người có trách nhiệm công bố các danh sách trên Tập san hành chính. *Các danh sách được niêm yết tại phòng thư kí Toà Sơ thẩm, Phòng Hỗn hợp, Toà Công sứ - Đốc lí Đà Nẵng và tỉnh lị trong khu vực.*

Điều 9. Cử tri trong khu vực bầu cử có quyền đề nghị gạch tên cử tri không đáp ứng được một trong số các điều kiện ra khỏi danh sách cử tri. Bất kì đối tượng nào đáp ứng đủ điều kiện trở thành cử tri mà tên không có trong danh sách có thể đề nghị ghi tên vào danh sách cử tri trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày công bố danh sách trên Tập san hành chính. *Sự việc sẽ được chuyển sang Toà án Dân sự không mất phí và quyết định tại Phòng Hội đồng...*

Điều 9 - bổ sung. Các trường hợp sau không được ghi tên vào danh sách cử tri và không tham gia bầu cử:

- Những cá nhân bị kết án nhục hình hoặc bị bêu riếu, bị kết án hình sự do phạm tội theo quy định của luật pháp hoặc phạm tội trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng niềm tin, cho vay nặng lãi, xâm phạm phong tục, buôn lậu hoặc có hành vi gian lận;

- Các cá nhân bị kết án theo các điều khoản của luật pháp quy định về sòng bạc, xổ số hoặc cầm cố;

- Các cá nhân bị kết án theo quy định tại các điều 413, 414, 419, 420, 421, 423, 430, đoạn 2 của Luật Hình sự, các điều 596 và 597 của Luật Thương mại;

- Viên chức của các Bộ bị cách chức theo phán quyết hay quyết định của toà án;

- Những người bị phá sản chưa phục hồi và tất cả các đối tượng quy định tại điều 15 của Sắc lệnh ngày 02 tháng 02 năm 1852 bị tước quyền bỏ phiếu tại các cuộc bầu cử lập pháp của chính quốc".

343. Arrêté du 7 mai 1934 du Gouverneur général de l'Indochine supprimant la délégation administrative de Son - Tinh, province de Quang-ngai.

Nghị định ngày 07 tháng 5 năm 1934 của Toàn quyền Đông Dương quyết định bãi bỏ đại lí hành chính Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguồn: J 1162, JOIF 1934, tr.1377)

Nghị định gồm 2 điều với nội dung chính sau:

Đại lí hành chính Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, được thành lập theo Nghị định số 2616 ban hành ngày 29 tháng 4 năm 1931 bị bãi bỏ.

344. Arrêté du 30 juin 1934 du Gouverneur général de l'Indochine créant une délégation administrative à Muong Te.

Nghị định ngày 30 tháng 6 năm 1934 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một đại lí hành chính ở Mường Tè.

(Nguồn: J 1164, JOIF 1934, tr.1946)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Quyết định thành lập một đại lí hành chính ở Mường Tè (Đạo Quan binh số 4). Sĩ quan chỉ huy đồn Mường Tè đảm nhiệm chức năng của đại lí. Với chức danh này, sĩ quan chỉ huy hưởng trợ cấp chức vụ hàng năm theo quy định trong Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1913.

Các đồn lính khố xanh Mường 2, Mường Bum, Mao Xao-Phing sẽ do quân đội đóng giữ và chuyển giao cho chính quyền quân sự theo thời gian do tướng Tư lệnh tối cao ấn định sau đó.

Đồn Mao-xao-phing sẽ chuyển về Sìn Hồ.

Bãi bỏ Nghị định ngày 06 tháng 01 năm 1920 quyết định thành lập một đồn quân sự ở Điện Biên Phủ. Đồn Điện Biên Phủ sẽ do một đội lính khố xanh đóng giữ. Tư lệnh đồn lính khố xanh Điện Biên Phủ đảm nhiệm chức năng đại lí. Với chức danh này, Tư lệnh đồn hưởng phụ cấp theo quy định.

345. Décret du 23 août 1934 du Président de la République française modifiant l'article 55 du décret du 27 mai 1922 portant réorganisation des Chambres de Commerce en Indochine.

Sắc lệnh ngày 23 tháng 8 năm 1934 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi điều 55 của Sắc lệnh ngày 27 tháng 5 năm 1922 quy định tổ chức lại các Phòng Thương mại ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1164, JOIF 1934, tr.2891-2892)

Theo Nghị định này, điều 5 Sắc lệnh ngày 27 tháng 5 năm 1922 quy định tổ chức lại các Phòng Thương mại ở Đông Dương nay sửa đổi như sau:

"Các thành viên người Pháp của mỗi Phòng Thương mại do các thương gia (nam và nữ) người Pháp đóng thuế môn bài trong khu bầu ra.

Số ghế được phân bổ theo ngành nghề công nghiệp hay nhóm ngành công nghiệp, kinh doanh và nhóm ngành nghề kinh doanh hoặc giữa các tập đoàn thuộc các ngành công nghiệp và các ngành kinh doanh có tính đến số tiền đóng thuế thân, dân số trong độ tuổi lao động, tầm quan trọng về kinh tế của các ngành công nghiệp hoặc kinh doanh này trong khu.

"Việc xếp hạng các ngành công nghiệp hoặc kinh doanh và phân bổ các ghế giữa các ngành được quy định trong nghị định của Toàn quyền Đông Dương theo đề nghị của Thống đốc Nam Kì hoặc Thống sứ Bắc Kì sau khi có kết luận của tiểu ban với các thành phần quy định như sau:

- Chánh án Toà án Thương mại có thẩm quyền làm Chủ tịch;

- Một đại diện của Thống đốc Nam Kì hoặc Thống sứ Bắc Kì;

- Một thành viên đại diện của Hội đồng Thuộc địa Nam Kì hoặc Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính Bắc Kì;

- Một thẩm phán đại diện của Toà án Thương mại có thẩm quyền;

- Chủ tịch và hai thành viên đại diện của Phòng Thương mại có liên quan."

346. Arrêté du 28 décembre 1934 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service des Travaux Publics en Indochine.

Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại cơ quan công chính ở Đông Dương.

(Nguồn: J 1166, JOIF 1935, tr.97-101)

Nghị định gồm 27 điều với các nội dung chính sau:

Nha Tổng Thanh tra Công chính, các khu công chính và Sở Mỏ được tổ chức thành các khu, tiểu khu và chi khu. Tại các bộ phận thường trú, chi khu đặt theo tên các phòng.

Một số chi khu không quan trọng đủ để lập thành hạt có thể gộp thành bộ phận, thuộc quản lí của kĩ sư trưởng bộ phận. Các chi khu nhỏ ít quan trọng hợp thành một hạt, giao cho một phụ tá kĩ thuật hay giám sát viên người Âu hoặc một kĩ sư lục lộ hay nhân viên kĩ thuật người Đông Dương phụ trách.

Các chức danh kĩ sư trưởng, kĩ sư chính phụ tá cho Chánh Thanh tra, kĩ sư chính hạt trưởng Cao Miên và hạt trưởng Lào, trưởng các cơ quan của Sở Mỏ và Nha Địa chất do Toàn quyền Đông Dương chỉ định.

Những chức danh khác do người đứng đầu các chính quyền địa phương phụ trách trực tiếp các khu chỉ định. Tổng Thanh tra chỉ định các chức danh nhân viên của Nha Tổng Thanh tra Công chính, các khu đặc biệt và Sở Mỏ.

A. Nha Tổng Thanh tra Công chính

Tổng Thanh tra Công chính có quyền hạn quy định tại điều 2

của Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 và Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1932. Tổng Thanh tra quản lí nhân sự các sở công chính và mỏ, quyết định các hình thức kỉ luật cấp 1 đối với những vị trí khác nhau tại các sở.

Tổng Thanh tra có quyền trực tiếp đối với:

1. Bộ phận nghiên cứu, xây dựng và khai thác đường sắt không nhượng quyền thuộc ngân sách chung Đông Dương, ngân sách bổ sung trong ngân sách chung Đông Dương hoặc ngân sách đi vay do ngân sách chung Đông Dương bảo lãnh.

2. Bộ phận giám sát xây dựng và bảo dưỡng khai thác kĩ thuật và thương mại, giám sát tài chính đường sắt và tàu điện nhượng quyền.

3. Bộ phận giám sát phân phối năng lượng điện và thủy lực.

4. Bộ phận mỏ.

Tổng Thanh tra có quyền giám sát đặc biệt trong quản lí kinh phí ghi tại mục Công chính *của ngân sách chung Đông Dương, ngân sách bổ sung hoặc ngân sách đi vay. Tổng Thanh tra chịu trách nhiệm thanh toán các khoản chi cho các công trình công. Thừa ủy nhiệm của Toàn quyền, Tổng Thanh tra giám sát các công trình thi công từ kinh phí thuộc ngân sách đặc biệt của các cảng hoặc của các Phòng Thương mại thuộc địa, cũng như hoạt động của bộ phận khai thác cảng thương mại, trong đó có hoạt động dẫn lái tàu.*

Phụ tá cho Tổng Thanh tra là một kĩ sư chính - Phó tổng Thanh tra, bao quát toàn bộ công việc và được ủy thác một số quyền hạn, đảm nhiệm giải quyết công việc trong trường hợp Tổng Thanh tra vắng mặt hoặc không thể đến và quản lí trực tiếp Nha Tổng Thanh tra, chỉ đạo thẩm cứu các công việc liên quan đến Nha. Tổng Thanh tra chịu trách nhiệm thanh tra một số hoạt động của các khu và đảm nhiệm chức năng kĩ sư trưởng bộ phận giám sát đường sắt nhượng quyền.

Nha Tổng Thanh tra Công chính gồm:

a, Văn phòng Ban Thư kí;

b, Một hạt phụ trách hành chính, nhân sự, kế toán và tài phán;

c, Một hạt phụ trách kĩ thuật do kĩ sư trưởng điều hành;

d, Văn phòng phụ trách các công trình dân sự.

B. Các khu Công chính

1. Hai khu đặc biệt và một hạt trực thuộc Ban Tổng Thanh tra:

- Khu Khai thác đường sắt Đông Dương;

- Khu Xây dựng đường sắt;

- Hạt phụ trách mỏ.

a, Khu Khai thác Đường sắt Đông Dương được giao:

- Quản lí khai thác các tuyến đường sắt Đông Dương không nhượng quyền và các tuyến được khai thác như quy định tại ngân sách bổ sung, mục "Đường sắt trong ngân sách chung Đông Dương".

- Quản lí khai thác các tuyến đường sắt hoặc tàu điện thuộc ngân sách địa phương theo quy định tại các nghị định của Toàn quyền.

- Bảo quản công sản đường sắt và tiến hành bảo trì hoặc hoàn thiện các tuyến đường được giao khai thác. Khu quản lí kinh phí từ ngân sách dành khai thác đường sắt và thanh toán các khoản chi tương ứng.

- Hiệu chỉnh các dự án tuyến Sài Gòn - Tây Ninh và công trình quy hoạch các tuyến đường sắt của Sài Gòn và Chợ Lớn.

- Khu Khai thác đường sắt Đông Dương, có trụ sở ở Hà Nội, do một viên chức ngạch kĩ sư trưởng làm Trưởng khu và một kĩ sư chính làm Phó Trưởng khu bao quát toàn bộ công việc. Khu Khai thác chia thành hai mạng lưới:

- Mạng lưới phía Bắc gồm các tuyến từ Hà Nội đi Na Chàm, từ Hà Nội đi Đà Nẵng và các tuyến nhánh. Mạng lưới phía Bắc gồm 3 hạt , mỗi hạt do một kĩ sư chính làm hạt trưởng. Các hạt trên đóng trụ sở ở Hà Nội gồm Hạt Giao thông và Hoạt động, Hạt Thiết bị và Đầu máy, Hạt Đường sắt và Tàu.

- Mạng lưới phía Nam gồm các tuyến Sài Gòn tới Mỹ Tho, từ Sài Gòn đi Nha Trang và các tuyến nhánh. Mạng lưới phía Nam lập thành một hạt do một kĩ sư chính làm hạt trưởng, chia thành 3 bộ phận: Bộ phận Giao thông và Hoạt động, Bộ phận Thiết bị và Đầu máy, Bộ phận Đường sắt và Tàu.

b, Khu Xây dựng đường sắt được giao:

- Nghiên cứu và xây dựng các tuyến Đà Nẵng - Nha Trang, Krông-pha - Đà Lạt.

- Hoàn thiện các công trình tuyến Đà Nẵng - Nha Trang, nghiên cứu và tiến hành quy hoạch và kiểm soát cảng Quy Nhơn.

- Thanh toán chi phí cho nghiên cứu và thi công các công trình trên.

Khu Xây dựng đường sắt có trụ sở ở Nha Trang, do một viên chức ngạch kĩ sư trưởng điều hành và gồm 5 hạt, đứng đầu là các kĩ sư chính. Hai hạt phụ trách tuyến Sông Pha - Đà Lạt và Nha Trang - Quy Nhơn. Ba hạt phụ trách tuyến Đà Nẵng - Quy Nhơn và Tân Ấp - Thà-khẹt.

c, Sở Mỏ phụ trách:

- Nắm tình hình các vỉa mỏ;

- Soạn thảo và áp dụng các quy định liên quan đến: hầm mỏ và nguồn nước khoáng, kiểm soát khai thác tại các công trường; kiểm soát các ngành công nghiệp nguy hiểm, không hợp vệ sinh, đặc biệt là sản xuất và nhập kho chất nổ, vận chuyển và nhập kho các chất hiđrô các-bua; vệ sinh và an toàn lao động trong hầm mỏ và công trường.

- Nghiên cứu các vấn đề kĩ thuật, kinh tế hoặc vấn đề khác có liên quan.

- Phân tích chất khoáng; tiến hành thí nghiệm kĩ thuật các vật liệu và thiết bị đặc biệt được sử dụng trong công chính; nghiên cứu và ứng dụng khoa học vật lí và hoá học vào các ngành công nghiệp chiết xuất hoặc sử dụng sản phẩm từ mỏ, giám sát mẫu đo lường và khối lượng.

- Lập bản đồ địa chất Đông Dương và các nghiên cứu địa chất, cổ sinh vật học và nhân loại học tiền sử.

Sở Mỏ lập một hạt, có trụ sở đặt tại Hà Nội gồm:

- Bộ phận khoáng vật học với các quyền hạn được quy định trên đây, do một viên chức ngạch kĩ sư chính điều hành với chức danh "Giám đốc Sở Mỏ".

- Một phòng thí nghiệm hoá mỏ và một phòng thí nghiệm thử nghiệm vật liệu cũng thuộc quyền điều hành của Giám đốc Sở Mỏ;

- Bộ phận địa chất học do một nhà địa chất học làm trưởng bộ phận, ngạch kĩ sư.

***2. Bốn khu công chính và hai hạt** đặt dưới quyền quản lí trực tiếp của người đứng đầu chính quyền địa phương: Khu Bắc Kì; Khu Trung Kì; Khu Nam Kì; Khu Thủy nông và Giao thông đường sông Nam Đông Dương; Hạt Cao Miên; Hạt Lào.*

a, Khu Công chính Bắc Kì: có trụ sở ở Hà Nội, do một kĩ sư trưởng điều hành chịu trách nhiệm thi công các công trình lớn từ nguồn ngân sách chung Đông Dương. Kĩ sư chính trưởng bộ phận được giao phụ tá kĩ sư trưởng bao quát toàn bộ công việc, điều hành các nghiên cứu đặc biệt hoặc các nghiên cứu chung của các tiểu khu, đảm bảo giám sát các tuyến tàu điện và phân phối năng lượng điện.

Khu Công chính Bắc Kì gồm 5 hạt, đứng đầu là các kĩ sư chính hoặc viên chức hàng quân nhân trưởng bộ phận:

- Một hạt phụ trách nghiên cứu, xây dựng, cải tạo và bảo dưỡng các tuyến đường thuộc địa và địa phương, các công trình xây dựng dân dụng tại các tỉnh, các công trình nghiên cứu và công việc liên quan đến việc làm hợp vệ sinh các trung tâm đô thị;

- Một hạt về thủy lực phụ trách các nghiên cứu, công trình xây mới và bảo dưỡng các công trình liên quan đến phòng chống lũ lụt hoặc nước mặn, tưới tiêu và cải tạo đất, giao thông đường sông;

- Một hạt về hàng hải phụ trách:

- Các công trình nghiên cứu, công trình xây mới và bảo dưỡng cảng biển, vũng, chiếu sáng và cọc tiêu tại các bờ biển và bờ sông, kiểm soát các vũng và cảng biển ở Bắc Kì và Quảng Châu Loan;

- Việc chiếu sáng và cọc tiêu tại các bờ biển tới tận Cap Padaran (Cà Ná) ở Nam Kì;

- Các nghiên cứu, các công trình xây mới và bảo dưỡng liên quan đến cảng sông Hải Phòng và các tuyến đường sông nối vào cảng này;

- Giám sát tàu bè chạy bằng hơi nước trên các sông Bắc Kì.

- Một hạt xây dựng dân dụng phụ trách nghiên cứu và xây dựng các công trình dân sự ở Hà Nội, Hải Phòng và các nghiên cứu xây dựng dân dụng tại các tỉnh.

- Một hạt tạm thời phụ trách nghiên cứu và thi công các công trình thủy lực lớn có kinh phí trích từ quỹ công trái.

- Hạt hàng hải đóng có trụ sở ở Hải Phòng, các hạt khác đặt trụ sở tại Hà Nội.

b, Khu Công chính Trung Kì: phụ trách khai thác mạng lưới tưới tiêu, thiết lập và duy trì độ thủy chuẩn chung, giám sát tàu chạy bằng hơi nước ở khu vực Trung Kì. Khu Công chính Trung Kì đảm trách tiến hành các nghiên cứu và công trình có giá trị trên 10.000 đồng thuộc ngân sách thành phố Đà Lạt.

Khu Công chính Trung Kì có trụ sở ở Huế do một kĩ sư trưởng điều hành. Khu Trung Kì gồm 4 hạt, mỗi hạt do kĩ sư chính hoặc viên chức hàng quân nhân làm hạt trưởng và một chi khu xây dựng dân dụng do một kiến trúc sư điều hành.

- Hai hạt thường trực phụ trách nghiên cứu, xây dựng, nâng cấp và bảo dưỡng các tuyến đường thuộc địa và địa phương, những công trình xây dựng dân dụng tại các tỉnh, công trình nghiên cứu và công tác vệ sinh tại các trung tâm đô thị, các nghiên cứu, các công trình xây mới và bảo dưỡng các cảng biển, vũng, kiểm soát các vũng và cảng biển: một hạt đóng trụ sở ở Vinh, hạt còn lại ở Nha Trang.

- Hai hạt về thủy nông chịu trách nhiệm nghiên cứu và thi công các công trình phòng chống lũ lụt hoặc nước mặn, tưới tiêu và cải tạo đất, giao thông đường sông, các cảng sông.

- Một chi khu xây dựng dân dụng phụ trách nghiên cứu và thi công các công trình dân sự ở Huế, nghiên cứu các xây dựng dân dụng ở các tỉnh.

c, Khu Công chính Nam Kì: có trụ sở ở Sài Gòn, do một viên chức ngạch kĩ sư trưởng điều hành. Phụ tá cho kĩ sư trưởng là một kĩ sư chính trong bao quát toàn bộ công việc, được ủy quyền một số quyền hạn trong thanh toán các khoản chi có thể tính vào ngân sách ngoài ngân sách của cảng thương mại Sài Gòn - Chợ Lớn được phép của người đứng đầu chính quyền địa phương. Khu Công chính Nam Kì được giao giám sát các công trình nghiên cứu và công trình từ các quỹ ngân sách chung Đông Dương và xây dựng tuyến đường sắt đến Lộc Ninh. Khu gồm 5 hạt, do các kĩ sư chính hoặc viên chức hàng quân nhân làm hạt trưởng. Tất cả các hạt đều có trụ sở ở Sài Gòn.

- Một hạt kĩ thuật do phụ tá kĩ sư chính điều hành, được giao kiểm tra các dự án do các hạt khác trực thuộc khu lập nên, nghiên cứu dự án điển hình hoặc đặc biệt, các nghiên cứu và công tác vệ sinh tại các trung tâm đô thị, giám sát xây dựng tuyến đường sắt đến Lộc Ninh, giám sát khai thác các tuyến tàu điện và phân phối năng lượng điện.

- Hai hạt thường trực được giao nghiên cứu, xây dựng, cải thiện và bảo dưỡng các tuyến đường thuộc địa và địa phương, các công trình xây dựng dân dụng tại các tỉnh.

- Một hạt xây dựng dân dụng được giao nghiên cứu và thi công các công trình dân sự ở Sài Gòn - Chợ Lớn và ngoại thành, nghiên cứu các công trình xây dựng dân dụng tại các tỉnh.

- Hạt cảng Sài Gòn - Chợ Lớn được giao phụ trách tất cả các công trình thi công trong cảng Sài Gòn - Chợ Lớn có kinh phí trích từ ngân sách của cảng và ngân sách chung Đông Dương, bảo quản công sản của cảng, khai thác thiết bị và các công trình cảng không nhượng quyền, giám sát khai thác thiết bị và công trình nhượng quyền, kiểm soát cảng và hoạt động của các tàu cũng như công tác hoa tiêu.

d, Khu Thủy nông và Giao thông đường thuỷ Nam Đông Dương: có trụ sở tại Sài Gòn, do một viên chức ngạch kĩ sư trưởng điều hành, phụ trách:

- Các công trình nghiên cứu và công trình thủy nông, giao thông đường sông được thi công ở Nam Kì và Cao Miên với kinh phí trích từ các quỹ thuộc ngân sách chung Đông Dương, ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh, thành phố loại 1 và 2 và có thể từ quỹ công trái và quỹ hỗ trợ, lập và bảo tồn độ thủy chuẩn chung và tất cả các vấn đề liên quan đến thủy nông và giao thông đường sông, đặc biệt là chế độ dòng chảy và nước lũ, kiểm soát giao thông đường sông và chính sách công hữu.

- Hoạt động hàng hải từ mũi Cap Padaran (Cà Ná) đến tận biên giới nước Xiêm, trừ cảng Sài Gòn - Chợ Lớn, hệ thống chiếu sáng và cọc tiêu tại các bờ biển trong ranh giới trên cũng như hoạt động của các cảng ven bờ Cao Miên.

- Các công trình nghiên cứu, công trình quy hoạch và giám sát

tuyến đường sắt tại các đảo Khône và Dondet, công trình quy hoạch dòng chảy của hệ thống kênh rạch ở hạ lưu các thác nước tại các xứ Nam Kì và Cao Miên.

Khu Thủy nông và Giao thông đường thuỷ Nam Đông Dương có một hạt tại Phnôm-pênh do một kĩ sư chính làm hạt trưởng được giao giám sát xây dựng và khai thác tuyến đường sắt Phnôm-pênh - Mongkolborey.

f, Các hạt Cao Miên và Lào: có trụ sở ở Phnôm-pênh và Viên Chăn, do các viên chức ngạch kĩ sư chính hoặc viên chức hàng quân nhân điều hành.

347. Décret du 29 mars 1935 du Président de la République française concernant l'organisation des Conseils de Défense aux colonies.

Sắc lệnh ngày 29 tháng 3 năm 1935 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định cơ cấu tổ chức của các Hội đồng Phòng thủ ở thuộc địa.

(Nguồn: J 1166, JOIF 1935, tr.1926-1927)

Sắc lệnh gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Một Hội đồng Phòng thủ hoặc Ủy ban Tư vấn Phòng thủ được thành lập tại mỗi nhóm thuộc địa và khu tự trị, trừ thuộc địa của Pháp tại Ấn Độ, Saint Pierre và Miquelon chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu các vấn đề tổ chức phòng thủ mặt đất, hải quân và không quân do các thuộc địa chuyển về trình Bộ Thuộc địa xem xét hoặc theo đề nghị xem xét của Toàn quyền;

- Trong trường hợp khẩn cấp, Hội đồng Phòng thủ hoặc Ủy ban Tư vấn Phòng thủ góp ý về các biện pháp và không chờ phê chuẩn của Bộ trưởng.

Thành phần Hội đồng Phòng thủ Đông Dương, Tây Phi thuộc Pháp, châu Phi xích đạo và Madagascar được quy định như sau:

- Chủ tịch: Toàn quyền;

- Phó Chủ tịch: Tổng Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh;

- Thành viên: Phó Toàn quyền, sĩ quan cấp cao Tư lệnh các lực lượng quân đội;

- Sĩ quan Tư lệnh lực lượng bộ binh, có nhiều thâm niên nhất trong số sĩ quan có quân hàm cao nhất, sau Tổng Tư lệnh tối cao;

- Sĩ quan cấp cao Tư lệnh pháo binh;

- Sĩ quan cấp cao Tư lệnh hải quân;

- Sĩ quan không quân, Tư lệnh các lực lượng không quân thuộc nhóm các thuộc địa;

- Tham mưu trưởng của Tổng Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh;

Chức năng thư kí do Tham mưu trưởng của Tổng Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh, hoặc sẽ do một trong số thành viên Hội đồng đảm nhiệm.

Các khu tự trị được bổ sung thêm Ủy ban Tư vấn Phòng thủ, với thành phần như sau:

- Chủ tịch: Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh, hoặc sĩ quan Tư lệnh phân đội các lực lượng viễn chinh;

- Các thành viên: Phó Toàn quyền; sĩ quan thứ hai không cùng đơn vị với Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh; Tư lệnh lực lượng hải quân hoặc Tư lệnh tàu tuần tra; Tư lệnh lực lượng không quân thuộc địa nếu có;

- Chức năng thư kí do sĩ quan thành viên Hội đồng có thâm niên và quân hàm thấp nhất đảm nhiệm.

Tổng Tư lệnh các lực lượng viễn chinh của nhóm thuộc địa thanh tra tại khu tự trị thuộc tập đoàn quân sự được giao chức Phó Chủ tịch Ủy ban Tư vấn Phòng thủ của thuộc địa tự trị này.

Chủ tịch Hội đồng Phòng thủ hoặc Ủy ban Tư vấn Phòng thủ có thể triệu tập bất kì đối tượng nào nếu xét thấy cần thiết, có quyền tư vấn trong những vấn đề dân sự hay quân sự cụ thể hoặc công việc.

Hội đồng Phòng thủ hoặc Ủy ban Tư vấn Phòng thủ nhóm họp theo triệu tập của Chủ tịch. Một bản sao biên bản của mỗi phiên họp có chữ kí của Chủ tịch và thư kí được gửi trực tiếp cho Bộ trưởng Bộ

Thuộc địa. Một bản sao biên bản họp của Ủy ban Tư vấn Phòng thủ của thuộc địa tự trị được chuyển tới Tư lệnh các lực lượng nhóm quân sự mà thuộc địa này trực thuộc.

348. Arrêté du 8 avril 1935 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les attributions des 1er et 5è bureaux de la Direction des Affaires économiques et administratives du Gouvernement général.

Nghị định ngày 08 tháng 4 năm 1935 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quyền hạn của phòng 1 và phòng 5 của Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế và hành chính thuộc Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1166, JOIF 1935, tr.1583)

Nghị định gồm 3 điều sửa đổi các nội dung chính sau:

Phòng 1: Thanh tra chung về lao động

- Quy chế lao động (lao động tự do, lao động theo hợp đồng, lao động công ích...), tổ chức tương tế và tương tế xã hội, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực này, tập trung tài liệu liên quan.

- Bảo vệ tinh thần và vật chất cho nhân công, theo dõi thất nghiệp và đi lại, giám sát hoạt động nhân công (di cư, di dân, tuyển dụng, chuyên chở, điều kiện làm việc), bảo vệ nhân công Đông Dương khi di cư khỏi Đông Dương, tranh chấp lao động, thông tin với Bộ về vấn đề liên quan đến lao động, tổ chức tương tế và tương tế xã hội, chuẩn bị huy động công nhân.

Tổng Thanh tra lao động - Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế và hành chính đảm nhiệm thanh tra hoạt động sử dụng nhân công và khai thác ở mọi lĩnh vực, giám sát việc áp dụng quy chế lao động, theo quy định của quy chế lao động có hiệu lực tại Đông Dương.

Quyền hạn của phòng số 5, Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế và hành chính được bổ sung như sau:

Phòng 5: Thống kê tổng hợp và giám sát bảo hiểm

Thống kê tổng hợp gồm các công việc: lập thống kê tổng hợp (bao gồm cả thống kê dân số) và kiểm kê chung toàn Đông Dương, tư vấn kĩ thuật cho các cơ quan trung ương hoặc địa phương trong chuẩn

bị thống kê và kiểm kê đặc biệt, tiến hành nghiên cứu, tập hợp tài liệu, chuẩn bị các công bố liên quan đến thống kê và kiểm kê, biên tập các niên bạ thống kê, niên bạ kinh tế, thông tin thống kê và kinh tế để công bố trên các tập san kinh tế.

Giám sát bảo hiểm gồm các công việc: quy chế bảo hiểm các loại, các hãng bảo hiểm tiết kiệm, nghiên cứu những vấn đề thuộc các lĩnh vực bảo hiểm, tập trung tài liệu có liên quan; đăng kí trước, kiểm tra giám sát các hãng bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tích lũy vốn và tiết kiệm; cấp phép, giám sát và kiểm tra các cơ quan bảo hiểm tai nạn lao động, giám sát mọi hoạt động bảo hiểm và tái bảo hiểm; thông tin với Bộ về mọi vấn đề về bảo hiểm, tích lũy vốn và tiết kiệm.

349. Arrêté du 22 mai 1935 du Gouverneur de la Cochinchine portant création dans la province de Bac Liêu de deux postes administratifs rattachés à la délégation de Camau.

Nghị định ngày 22 tháng 5 năm 1935 của Thống đốc Nam Kì về thành lập hai đạo hành chính trực thuộc đại lí Cà Mau tại tỉnh Bạc Liêu.

(Nguồn: J 1166, JOIF 1935, tr.2310)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Thành lập hai đạo hành chính trực thuộc đại lí Cà Mau tại tỉnh Bạc Liêu:

- Đạo Nam Can Đông, gồm địa phận làng Tân Hưng Tây, khu bảo tồn rừng số 353 của Tân Hưng, số 534 của Bay Bung và một phần khu bảo tồn rừng số 388 của Hưng Mỹ.

- Đạo Năm Căn Tây, gồm địa phận làng Viên An, khu bảo tồn rừng số 354 của Viên An và một phần khu bảo tồn rừng số 355 của Tân An.

Quyền hạn và trợ cấp đối với hai đạo trưởng hành chính theo quy định đối với các trưởng đạo hành chính bản xứ tại Nam Kì, liệt kê trong các Thông tư số 53/132 và 39/189 ngày 02 tháng 7 năm 1908 và 22 tháng 11 năm 1909, Nghị định ngày 09 tháng 10 năm 1930 của Toàn quyền và các văn bản khác.

350. Décret du 23 mai 1936 du Président de la République française relatif à l'organisation de la Direction de la Police et de la Sûreté générale de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 23 tháng 5 năm 1936 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức của Sở Cảnh sát và An ninh Đông Dương.

(Nguồn: J 1172, JOIF 1936, tr.1846)

Sắc lệnh gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Đứng đầu Sở Cảnh sát và An ninh Đông Dương là một giám đốc do Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và sau khi có thư trình của Toàn quyền Đông Dương.

Giám đốc Sở Cảnh sát và An ninh Đông Dương được giao lãnh đạo cơ quan tình báo và an ninh trung ương trong Phủ Toàn quyền. Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tất cả các cơ quan cảnh sát trong toàn Liên bang Đông Dương: đặc biệt chú trọng đến việc duy trì mối liên hệ hiệu quả giữa các cơ quan an ninh và cảnh sát, cơ quan tình báo quân sự, Sở Hiến binh và Nha Thuế quan. Giám đốc được ủy nhiệm thường trực bên cạnh người đứng đầu các cơ quan của Phủ Toàn quyền cũng như người đứng đầu các chính quyền địa phương. Giám đốc Sở là thành viên Hội đồng Chính phủ.

351. Décret du 1er septembre 1936 du Président de la République française modifiant l'article 22 du décret du 9 juin 1922 portant réorganisation du Conseil colonial de Cochinchine.

Sắc lệnh ngày 01 tháng 9 năm 1936 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi điều 22 của Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.

(Nguồn: J 1173, JOIF 1936, tr.2854)

Theo Nghị định này, điều 22 được sửa đổi như sau:

"Điều 22. Thống đốc Nam Kì, nếu vắng, đại diện của Thống đốc khai mạc mỗi phiên họp. Hội đồng Thuộc địa bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thư kí tại phiên khai mạc thường kì trong năm dưới sự chủ toạ của uỷ viên cao tuổi nhất".

352. Décret du 24 août 1937 du Président de la République française instituant au Gouvernement général de l'Indochine une "Direction des Services économiques de l'Indochine".

Sắc lệnh ngày 24 tháng 8 năm 1937 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương thuộc Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1183, JOIF 1937, tr.2814-2815)

Sắc lệnh gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương thuộc Phủ Toàn quyền được thành lập với nhiệm vụ:

- Tập trung nghiên cứu mọi vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế toàn Đông Dương;

- Phối hợp hoạt động của các sở, nha dưới quyền theo quy định trong nghị định của Toàn quyền.

353. Arrêté du 20 octobre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Services économiques de l'Indochine.

Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1183, JOIF 1937, tr.3206 - 3208)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương giúp Toàn quyền trong việc chuẩn bị chương trình khai thác mang lại lợi nhuận tại Đông Dương và hỗ trợ Toàn quyền trong việc thực thi chương trình trên. Ban Chỉ đạo tập trung nghiên cứu mọi vấn đề kinh tế liên quan đến Đông Dương.

Ban Chỉ đạo được ủy nhiệm bên cạnh những người đứng đầu chính quyền địa phương và Giám đốc các Sở trung ương góp phần cần thiết vào soạn thảo và đưa chương trình trên vào thực tiễn.

Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương quản lí về mặt hành chính các sở và công sở sau:

- Tổng Thanh tra Nông Lâm và Chăn nuôi;

- Viện Nghiên cứu nông học;

- Cục Mễ cốc Đông Dương;

- Cục Tín dụng nông nghiệp tương tế Đông Dương;

- Cục Thương mại Hàng hải và Đăng kiểm hàng hải;

- Nha Địa lí;

- Cục Hàng không;

- Nha Khí tượng thủy văn;

- Nha Điện báo vô tuyến;

- Viện Hải dương học Đông Dương.

Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương điều phối hoạt động của các công sở trên, đại diện cho các cơ quan này bên cạnh Toàn quyền. Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương lập dự thảo tổng thể các phần trong ngân sách chung Đông Dương liên quan đến các sở, công sở dưới quyền. Ban Chỉ đạo trình dự thảo ngân sách của Cục Mễ cốc Đông Dương và Cục Tín dụng nông nghiệp tương tế Đông Dương.

Ban Chỉ đạo trung ương thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương gồm Ban Tổng Thống kê và 5 phòng với quyền hạn được quy định như sau:

Phòng 1 phụ trách:

- Công văn đến và đi; lưu trữ;

- Tổng hợp tư liệu chung về kinh tế Pháp, Đông Dương và nước ngoài; thư viện của Ban Chỉ đạo;

- Chuẩn bị tập san kinh tế, kiểm tra các bài viết và ấn phẩm thông tin kinh tế phục vụ tập san trên;

- Thông tin kinh tế cung cấp cho giới báo chí;

- Quan hệ với Cục Kinh tế Đông Dương ở Paris, các hội đoàn kinh tế chính quốc và địa phương, các Phòng Thương mại quốc tế và

Phòng Thương mại nước ngoài, các cố vấn ngoại thương, Ban Thư kí Đại Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính;

- Ban thư kí của Hội đồng Giám sát vật giá trung ương.

Phòng 2 phụ trách:

- Nghiên cứu và hiệu chỉnh chương trình chung về khai khẩn đất trống và tăng cường sản xuất nông nghiệp; quan hệ với các cơ quan kĩ thuật khi cần đến sự trợ giúp của các cơ quan này trong tiến hành những dự án thuộc chương trình trên; giám sát thi công; các vấn đề dân số; nghiên cứu vấn đề khai thác thuộc địa dưới mọi hình thức (của người Âu cũng như người bản xứ);

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp; bảo quản và đóng gói sản phẩm; tuyên truyền và tìm kiếm thị trường tiêu thụ; khuyến khích một số hình thức canh tác; tiền thưởng cho sản xuất và xuất khẩu; hạn chế và hạn định nông sản; nghiên cứu các vấn đề liên quan đến cao su;

- Thanh tra các ngân hàng thuộc Tổng cục Tín dụng tương tế và các hiệp hội hợp tác xã;

- Tổ chức các Phòng Canh nông; thư tín và quan hệ với các công ti;

- Lâm nghiệp, đánh bắt và săn bắn;

- Ban Thư kí của Đại Hội đồng Khai thác thuộc địa.

Phòng 3 phụ trách về Thương mại, Công nghiệp và Tín dụng

- Nghiên cứu và hiệu chỉnh chương trình chung về phát triển các ngành công nghiệp;

- Quan hệ với các Phòng Thương mại Đông Dương; cơ cấu tổ chức của các Phòng Thương mại này;

- Sổ đăng kí thương mại trung ương;

- Nghiên cứu các vấn đề thuế liên quan đến thương mại và công nghiệp;

- Các vấn đề tiền tệ và ngân hàng; tổ chức tín dụng: tín dụng thuộc địa, tín dụng ruộng đất dài hạn, tín dụng cầm cố, tín dụng động sản.

Phòng 4 phụ trách Công sản và Hầm mỏ

- Kiểm tra các vấn đề lợi ích kinh tế do các sở kĩ thuật không

trực thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương trình Toàn quyền;

- Quy chế Công sản, nhượng địa trưng mua phục vụ mục đích công ích;

- Chế độ hầm mỏ, các mỏ, các công trường khai thác, nhiên liệu hoá lỏng, chất nổ;

- Các đơn vị đo lường;

- Các cơ sở nguy hiểm, không hợp vệ sinh, không tiện lợi.

Phòng 5 phụ trách Vận tải, Du lịch và Tuyên truyền

- Vận tải công cộng và vận tải đường sắt; thuế đường sắt; vận tải hàng hải;

- Thương mại hàng hải: nghiên cứu các vấn đề liên quan đến thương mại hàng hải và chuẩn bị sổ thuế và điều khoản khai thác của các cơ quan hàng hải được trợ cấp;

- Huy động kinh tế; biên tập nhật báo huy động kinh tế của Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương và của Sở Ngoại thương; lập bảng kê chi tiết khả năng và nhu cầu;

- Quan hệ với các Ủy ban du lịch địa phương, các nghiệp đoàn du lịch, các văn phòng và hãng du lịch, các hiệp đoàn du lịch khác;

- Kiểm kê và bảo tồn các danh lam thắng cảnh, vườn quốc gia và các khu bảo tồn săn bắn;

- Nâng cấp và quy hoạch các tuyến đường phục vụ lợi ích du lịch, phương tiện vận tải; công nghiệp khách sạn, lộ trình du lịch;

- Họp và phổ biến thông tin và tài liệu tuyên truyền về Đông Dương;

- Nhiếp ảnh, điện ảnh, quảng bá, hội chợ và triển lãm.

Ban Tổng Thống kê phụ trách thống kê và giám sát bảo hiểm tư nhân:

- Thống kê tổng hợp: lập các tổng thống kê và tổng kiểm kê toàn Đông Dương. Tư vấn kĩ thuật cho các sở trung ương và địa phương trong chuẩn bị các thống kê và kiểm kê đặc biệt. Tiến hành nghiên cứu, tập hợp tư liệu, chuẩn bị các công bố về thống kê và kiểm kê. Biên soạn niên giám thống kê;

- Giám sát bảo hiểm: quy chế bảo hiểm các loại, các công ti bảo hiểm tiết kiệm và tiết kiệm; nghiên cứu xử lí các vấn đề thuộc lĩnh vực trên; tập trung tư liệu liên quan; đăng kí trước, giám sát và kiểm tra các hãng bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tiết kiệm và tiết kiệm; giám sát và kiểm tra các hãng bảo hiểm tai nạn lao động; kiểm tra hoạt động bảo hiểm và tái bảo hiểm;

Nhân sự và thiết bị các phòng ban của Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế và hành chính chuyển giao sang Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương, trừ nhân sự và thiết bị của Tổng Thanh tra lao động và Ban Chỉ đạo các công việc chính trị.

354. Arrêté du 20 octobre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Affaires politiques.

Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Ban Chỉ đạo các công việc chính trị.

(Nguồn: J 1183, JOIF 1937, tr.3208)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Ban Chỉ đạo các công việc chính trị gồm:

- Sở phụ trách công việc chính trị và bản xứ;

- Ban Ngoại vụ;

- Sở Pháp chế và Hành chính tổng hợp.

Chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo các công việc chính trị được phân bổ như sau:

I. Sở phụ trách công việc chính trị và bản xứ đảm trách các công việc về:

- Các xứ bảo hộ;quan hệ với các nhà nước bảo hộ;

- Nghiên cứu mọi vấn đề liên quan đến chính quyền bản xứ; quan lại; viên chức bản xứ; pháp chế và tập quán bản xứ; Tư pháp và các toà án; tôn giáo và nghi lễ;

- Các hội đồng tư vấn bản xứ;

- Các hội đồng hàng tỉnh;

- Tập trung các báo cáo về tình hình chính trị và hành chính của các xứ thuộc Liên bang Đông Dương;

- Các công ti và hội đoàn bản xứ;

- Áp dụng quy chế báo chí; Thông báo xét xử và luật định;

- Ân xá, nhập quốc tịch;

- Trình các nghị định về nơi ở bắt buộc và cấm lưu trú;

- Lập và quản lí nhà tù;

- Quan hệ với những người Đông Dương tại Pháp.

II. Ban Ngoại vụ phụ trách:

- Hoạt động đối ngoại của Đông Dương trong khuôn khổ chính sách của Pháp ở Viễn Đông và Thái Bình Dương. Quan hệ của Đông Dương với nước ngoài, với nhân viên ngoại giao và Lãnh sự Pháp tại các nước Viễn Đông

- Quan hệ của Phủ Toàn quyền với các Lãnh sự nước ngoài tại Đông Dương.

- Các vấn đề nguyên tắc liên quan đến Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế.

- Địa vị xã hội của người nước ngoài tại Đông Dương.

- Áp dụng các hiệp ước; liên minh quốc tế; quan hệ của Phủ Toàn quyền với Cao ủy thường trực Pháp - Xiêm khu vực sông Mê Kông; các vụ việc của Bộ Tư pháp.

- Các công trình bệnh viện và trường học được Đông Dương bảo trợ hoặc trợ cấp tại Viễn Đông.

- Công cán ở nước ngoài và hội nghị quốc tế.

- Báo chí nước ngoài.

- Tập trung ấn phẩm bằng tiếng nước ngoài.

- Cảnh sát biên giới. Áp dụng các công ước và quy định. Lập các đồn. Lựa chọn ủy viên cho Cảnh sát biên giới. Quan hệ với các ủy viên.

III. Sở Pháp chế và Hành chính tổng hợp phụ trách các công việc:

- Pháp chế chung và so sánh; xem xét các ấn phẩm chính thống; chuẩn bị và cập nhật tài liệu nguyên tắc liên quan đến những vấn đề

chung; ban hành đạo luật, quy định, sắc lệnh; hiệu chỉnh lần cuối các nghị định và văn bản pháp quy địa phương ngoài các văn bản liên quan đến Tổng Thanh tra Lao động và Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế; quyền cử tri; hộ tịch người Âu.

- Các ấn phẩm định kì và thư viện.

- Ban Thư kí của Hội đồng Chính phủ.

- Công việc hành chính: phối hợp với các sở trung ương có thẩm quyền thuộc Phủ Toàn quyền tập trung và xem xét những vấn đề hành chính tổng hợp; thực thi quyền bảo hộ hành chính của Toàn quyền; Hội đồng Thuộc địa và Hội đồng Tư mật Nam Kì; Hội đồng của Chính quyền Bảo hộ; các hội đồng thành phố; các trung tâm đô thị; di dời hài cốt; hiến tặng và di tặng; trước tác văn chương và nghệ thuật; báo cáo định kì về công việc hành chính tổng hợp lên Bộ.

355. Arrêté du 20 octobre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine instituant à la Direction des Services économiques un Service de l'Inspection générale de l'Agriculture, de l'Elevage et des Forêts.

Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1183, JOIF 1937, tr.3209-3210)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Ban Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi được thành lập thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.

Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi là cố vấn kĩ thuật cho Phủ Toàn quyền về hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tổng Thanh tra có quyền tối cao đối với các cơ sở và trạm nghiên cứu Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi. Tổng Thanh tra tiến hành nghiên cứu và hoàn tất công việc do Toàn quyền giao hoặc do những người đứng đầu chính quyền địa phương đề nghị.

Ngoài ra, Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi giám sát kĩ thuật và chuyên ngành các Sở Nông, Lâm nghiệp và Thú y địa phương và các cơ quan trực thuộc khác. Tổng Thanh tra tập trung tư liệu chuyên khảo do các sở, cơ quan trên gửi tới.

Theo chỉ đạo của Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương, Tổng Thanh tra tiến hành thanh tra các các cơ sở, trạm nghiên cứu nông lâm nghiệp và chăn nuôi khi có đề nghị của những người đứng đầu chính quyền địa phương hoặc khi có thỏa thuận giữa những người đứng đầu các cơ quan đó. Báo cáo thanh tra được chuyển đến những người đứng đầu chính quyền địa phương có liên quan. Người đứng đầu chính quyền địa phương tiến hành bổ sung đánh giá và chuyển các báo cáo trên đến Toàn quyền Đông Dương. Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi đánh giá nhân sự phụ trách kĩ thuật người Pháp và bản xứ thuộc các ngạch công chức của Sở Nông nghiệp đang làm việc tại Đông Dương.

Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi là Giám đốc Viện Nghiên cứu Nông học và Lâm nghiệp, điều hành các phòng thí nghiệm và trạm thử nghiệm trực thuộc. Tổng Thanh tra được giao chỉ đạo kiểm soát y tế thực vật. Giúp việc cho Tổng Thanh tra là hai phó giám đốc Viện Nghiên cứu, một phụ trách bộ phận phía Bắc và một phụ trách bộ phận phía Nam.

Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi giám sát các trang trại khai thác thuộc địa và chăn nuôi cũng như khu bảo tồn rừng và cơ sở nuôi cá thuộc ngân sách. Nhân sự của các cơ sở này trực thuộc quyền quyết định của Tổng Thanh tra.

Phụ tá cho Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi trong nghiên cứu các vấn đề thuộc thẩm quyền đặc biệt và công cán thanh tra các sở địa phương là một thanh tra Sở Thú y và Chăn nuôi và một thanh tra lâm nghiệp do Toàn quyền chỉ định. Ngoài ra, một phòng kĩ thuật được thành lập giúp việc cho Tổng Thanh tra trong việc tập trung tư liệu về nông nghiệp, chăn nuôi và lâm nghiệp trên toàn Đông Dương.

356. Arrêté du 23 novembre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de l'Inspection générale du Travail et de Prévoyance sociale.

Nghị định ngày 23 tháng 11 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội.

(Nguồn: J 1183, JOIF 1937, tr.3497-3499)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội được thành lập bên cạnh Toàn quyền Đông Dương. Đứng đầu Nha là viên chức cấp cao với chức danh Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội.

Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội giúp việc cho Toàn quyền trong nghiên cứu và thực hiện chế độ lao động, cải thiện điều kiện lao động và sinh sống của nhân công cũng như cơ cấu tổ chức và phát triển các thiết chế tiết kiệm và tương tế xã hội nhằm đấu tranh chống nạn thất nghiệp và các tệ nạn xã hội.

Tổng Thanh tra đề xuất và giám sát thực hiện các biện pháp nhằm duy trì cân bằng dân số tốt nhất tại thuộc địa. Tổng Thanh tra theo dõi việc áp dụng các quy định lao động thông qua thanh, kiểm tra các công ti thuộc mọi lĩnh vực: Tổng Thanh tra cung cấp thông tin cho Toàn quyền về hoạt động của các Thanh tra Lao động địa phương về xung đột xã hội, đặc biệt về kết quả đạt được trong lĩnh vực hoà giải và phân xử các vụ tranh chấp giữa người sử dụng lao động và người lao động. Đồng thời, Tổng Thanh tra đề xuất với Toàn quyền những biện pháp thích hợp nhằm tránh nảy sinh và nhanh chóng giải quyết những xung đột xã hội nêu trên.

Quyền hạn của các phòng thuộc quyền quản lí điều hành của Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội được quy định như sau:

Phòng 1 phụ trách:

- Pháp chế lao động; chuẩn bị và hiệu chỉnh văn bản liên quan đến lao động tự do ở Đông Dương (hợp đồng, quy định và điều khoản liên quan đến lao động, nghỉ phép được hưởng lương, nghỉ tuần, thời gian lao động, hoà giải và phân xử các xung đột lao động...).

- Đại diện ngành nghề; tai nạn lao động; bảo vệ người lao động; tư liệu về pháp chế lao động và các tác phẩm xã hội chính quốc và thuộc địa; tư liệu pháp chế nước ngoài đề cập đến các chủ đề trên.

- Pháp điển hoá các văn bản liên quan đến lao động và tương tế xã hội...

Phòng 2 phụ trách:

- Nghiên cứu nhu cầu nhân công, khả năng đáp ứng các nhu cầu đó và nguồn nhân công sẵn có tại mỗi xứ thuộc Liên bang. Khai thác thuộc địa. Di dân.

- Giám sát tuyển dụng và sử dụng lao động hợp đồng; giám sát hoạt động tuyển dụng, giới thiệu việc làm và vận chuyển người lao động, các điều khoản trong hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động, giám sát thời hiệu quy chế lao động hợp đồng tại Đông Dương; việc áp dụng quy chế đặc biệt liên quan đến lao động là người nước ngoài; tiền tiết kiệm của công nhân; tiền dành dụm của công nhân; đấu tranh chống thất nghiệp; tiếp tế dân cư; các cơ sở giới thiệu việc làm.

- Tập trung báo cáo của các thanh tra lao động địa phương cũng như báo cáo và thông tin các loại về tình hình lao động hợp đồng; lập báo cáo định kì; thống kê nhân công và lương; huy động nhân công...

Thanh tra, phó thanh tra tại các xứ Đông Dương do chính quyền địa phương quản lí và chịu sự giám sát của Tổng Thanh tra Lao động về chuyên môn.

Tổng Thanh tra Lao động ghi lại những ý kiến đánh giá về các thanh tra, phó thanh tra cũng như các chức danh khác để trình lên người đứng đầu các chính quyền địa phương.

Các Thanh tra Lao động chịu trách nhiệm:

- Nghiên cứu điều kiện lao động, tuyển dụng và sử dụng nhân công, tiết kiệm và cứu tế xã hội, đấu tranh chống thất nghiệp và tệ nạn xã hội;

- Áp dụng các quy định điều kiện lao động trong khai thác thương mại, công nghiệp và nông nghiệp...

357. Arrêté du 28 décembre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine instituant auprès du Gouverneur général un Conseil supérieur de la colonisation.

Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao bên cạnh Toàn quyền.

(Nguồn: J 1186, JOIF 1938, tr.184-185)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao được thành lập bên cạnh Toàn quyền chịu trách nhiệm góp ý kiến về các vấn đề có liên quan đến:

- *Khai khẩn đất hoang hoá;*
- *Vấn đề dân số;*
- *Cải thiện năng suất nông nghiệp;*
- *Chế độ ruộng đất bản xứ;*
- *Tín dụng tương hỗ nông nghiệp.*

Những kết luận được chính phủ đưa ra tại các hội nghị toàn thể cũng như thỉnh nguyện đề nghị chính phủ thông qua theo khởi xướng của thành viên Hội đồng chỉ có giá trị khi được 2/3 thành viên có mặt và Chủ tịch chấp thuận. Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế tập hợp và lập bảng kê những dự thảo trình Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao xem xét.

Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao do Toàn quyền làm Chủ tịch, trường hợp Toàn quyền vắng mặt, sẽ do Phó Toàn quyền làm Chủ tịch.

Thành viên Hội đồng gồm: người đứng đầu các chính quyền địa phương; Giám đốc Nha Tài chính; Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế; Tổng Thanh tra Công chính; Tổng Thanh tra Vệ sinh và Y tế công cộng; Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi; Phó giám đốc Nha Trước bạ Tài sản; Chủ tịch các phòng canh nông của địa phương nơi diễn ra hội nghị; 5 thành viên người Pháp và 5 thành viên bản xứ trong Đại Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính toàn Đông Dương; 3 thành viên người Pháp và 3 thành viên bản xứ do Toàn quyền bổ nhiệm ba năm một lần và được chọn dựa trên năng lực khai thác thuộc địa; 1 viên chức của Ban Chỉ đạo

các cơ quan nghiên cứu kinh tế do Toàn quyền chỉ định làm thư kí dự các phiên họp nhưng không tham gia thảo luận. Hội đồng có thể triệu tập giám đốc sở hoặc cá nhân tới dự họp nếu xét thấy cần thiết.

Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao nhóm họp mỗi năm một lần theo triệu tập của Chủ tịch tuyên bố tại phiên họp của Hội đồng Chính phủ. Trong năm, Toàn quyền có thể triệu tập các phiên họp khác của Hội đồng tại Hà Nội, các thành viên viên chức không có mặt ở Hà Nội có thể cử đại diện.

Ủy ban khai thác Thuộc địa thường trực được thành lập bên cạnh Toàn quyền theo điều 5 Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1928 gồm các thành viên của Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao ở Hà Nội, do Phó Toàn quyền làm Chủ tịch Ủy ban. Thành phần của Uỷ ban bao gồm:

Chủ tịch: Thanh tra Ban Chỉ đạo các công việc hành chính.

Các thành viên: kĩ sư trưởng khu công chính hoặc đại diện; Giám đốc Sở Y tế địa phương hoặc đại diện; 1 viên chức Nha Trước bạ và Tài sản, theo chỉ định của Giám đốc; Giám đốc Sở Nông nghiệp; Giám đốc Sở Lâm nghiệp; Giám đốc Sở Thú y; Chủ tịch hoặc đại diện của chủ tịch và 1 thành viên người Pháp, 1 thành viên bản xứ của Phòng Canh nông hoặc Phòng hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp; 1 chủ đồn điền người Pháp là thành viên "Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính"; 1 chủ đồn điền bản xứ, thành viên Viện Dân biểu hoặc Hội đồng Tư vấn bản xứ.

Kĩ sư trưởng Khu thủy nông và Giao thông đường thuỷ Nam Đông Dương được triệu tập tham gia các Ủy ban Khai thác thuộc địa Nam Kì và Ủy ban Khai thác thuộc địa Cao Miên. Bộ trưởng Nông nghiệp của chính phủ Cao Miên hoặc người đại diện tham gia Ủy ban khai thác thuộc địa Cao Miên; Thượng thư Bộ Hộ của chính quyền bản xứ hoặc người đại diện tham gia Ủy ban Khai thác thuộc địa Trung Kì.

Cơ cấu tổ chức của các "Ủy ban Khai thác thuộc địa" như quy định tại điều 4 và 5 trên đây, thực thi quyền hạn quy định tại Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1928 và điều 1 của Nghị định này. Các Ủy ban phải đưa ra ý kiến về:

- Dự thảo quy định về nhượng đất;

- Nghị định quy định về chương trình khai thác thuộc địa;

- Dự thảo về mẫu sổ thuế;

- Bảng tính sẵn về giá sàn các lô đất bán đấu giá;

- Phân loại các quyền được ưu đãi đấu giá cao hơn;

- Đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán;

- Hồ sơ nhượng đất;

- Điều kiện đặc biệt áp dụng đối với những người được nhượng đất;

- Biện pháp vệ sinh, phòng bệnh và tổ chức y tế đặc biệt;

- Các lợi thế đặc biệt đóng góp vào kết quả khai thác chung.

358. Arrêté du 20 avril 1938 du Gouverneur de l'Indochine portant réorganisation de la Direction du Personnel au Gouvernement général.

Nghị định ngày 20 tháng 4 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1188, JOIF 1938 , tr.1534-1535)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền được giao:

- Tập trung và nghiên cứu các vấn đề về nhân sự người Pháp và người bản xứ trong chính quyền Pháp đang làm việc tại Đông Dương;

- Chuẩn bị dự thảo quy chế về nhân sự;

- Trợ giúp Toàn quyền trong quản lí và giám sát nhân sự trên.

Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền chia thành 4 phòng đặt dưới quyền chỉ đạo của trưởng ban. Quyền hạn của các phòng được quy định như sau:

***Phòng 1 phụ trách** các vấn đề nguyên tắc liên quan đến nhân sự Đông Dương (nhân sự người Âu và người Đông Dương của chính quyền Pháp); nghiên cứu và chuẩn bị các quy chế liên quan đến công tác nhân sự, trong đó có quy chế hưu trí (quỹ liên thuộc địa hoặc quỹ địa phương); nghiên cứu và chuẩn bị quy chế sát hạch*

tiếng phương Đông; bảo quản và cập nhật hồ sơ nhân sự; tham vấn về các vấn đề trật tự chung (không thuộc tài phán) liên quan đến hướng dẫn và áp dụng quy định nhân sự, trong đó có các đạo luật quân sự; giám sát các chức danh dành riêng cho người Âu; niên giám hành chính...

***Phòng 2 phụ trách:** Quản lí và giám sát nhân sự các sở, cơ quan sau:*

A, Nhân sự người Âu và nhân sự hợp đồng của các cơ quan: Công chính; Hầm mỏ; Nha Địa chất; Nha Thuế quan và Độc quyền; Nha Bưu điện, Điện tín và Điện thoại; Nha Vô tuyến điện Đông Dương; Ngân khố; Sở Tư pháp; Sở Cảnh sát; Sở Nhập cư; Đội tàu; Nha Tài chính; Sở Trước bạ, Tài sản và Tem; Sở Thuế trực thu; Sở Ruộng đất; Giám sát tài chính; Trường Viễn Đông Bác cổ; Sở Khí tượng; Nha Địa lí; quỹ hưu trí địa phương; Viện Hải dương học; Sở Đăng kiểm hàng hải; thanh tra lao động; thông ngôn người Âu của các sở hành chính và tư pháp; Khu vực Sài Gòn; Chợ Lớn; các hội đồng thành phố.

B, Nhân sự người Đông Dương:

- Kĩ sư, nhân viên lục lộ, nhân viên kĩ thuật, kiến trúc sư và tham tá xây dựng của Sở Công chính;

- Nhân viên thu thuế của Sở Bưu điện, Điện tín và Điện thoại;

- Kĩ sư và các phụ tá trưởng trạm của Nha Vô tuyến điện;

- Kĩ sư của Sở Khí tượng;

- Thẩm phán hoà giải của Sở Tư pháp.

***Phòng 3 phụ trách**: Quản lí và giám sát nhân sự của các sở sau:*

A, Nhân sự người Âu và nhân viên hợp đồng của các cơ quan: các sở dân sự: ngạch công chức quan cai trị và các phòng ban; nhân sự của chính quyền trung ương biệt phái và quan cai trị các thuộc địa; đội lính khố xanh; tham tá Tổng trấn Quảng Châu Loan; Nha Lưu trữ và Thư viện; Sở Địa chính; cơ quan phụ trách nhà tù; Sở Y tế; Viện Pasteur; Sở Thú y; các Sở Nông nghiệp và Thương mại; Viện Nghiên cứu nông học; quỹ Nông phố Tín dụng bình dân; Nha Lâm nghiệp; các kĩ sư hoá học; Cục Mễ cốc; Sở Hiến binh.

B, Nhân sự người Đông Dương:

- Bác sĩ thú y người Đông Dương của Sở Thú y;

- Nhân viên kĩ thuật của Sở Lâm nghiệp;

- Nhân viên kĩ thuật của các sở nông nghiệp;

- Bác sĩ người Đông Dương thuộc ngạch công chức phụ; bác sĩ người Đông Dương; dược sĩ người Đông Dương của các đơn vị y tế;

- Nhân viên kĩ thuật của Sở Địa chính và Đo vẽ địa hình.

***Phòng 4:** Quản lí và giám sát nhân sự của các sở sau:*

A, Nhân sự người Âu và nhân sự hợp đồng của các sở: Học chính (viên chức biệt phái và địa phương); Kinh tế Đông Dương; Thống kê...

B, Nhân sự người Đông Dương: tham tá, phụ tá và nhân sự dự khuyết của các sở, cơ quan sau: Phủ Toàn quyền; Công chính; Hầm mỏ; Thuế quan và Độc quyền; Bưu điện, Điện tín và Điện thoại; Nha Vô tuyến điện; Ngân khố; Tư pháp; Cảnh sát; Tài chính; Trước bạ; Giám sát tài chính; Trường Viễn Đông Bác cổ; Nha Khí tượng; Quỹ hưu trí địa phương; Nha Địa lí; Viện Hải dương học; Đăng kiểm hàng hải; Thanh tra Lao động; Học chính; Sở Y tế; Sở Nông nghiệp; Nha Lâm nghiệp; Sở Thú y...

359. Arrêté du 9 août 1938 du Gouverneur de l'Indochine instituant un Commissarriat de Police de Sûreté pour le Centre Annam.

Nghị định ngày 09 tháng 8 tháng 1938 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Cảnh sát an ninh miền Trung - Trung Kì.

(Nguồn: J 1190, JOIF 1938 , tr.3039)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Sở Cảnh sát an ninh Trung - Trung Kì được thành lập chịu trách nhiệm quản lí các cơ quan cảnh sát của các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên với trụ sở đặt tại Quảng Ngãi. Các ủy viên cảnh sát phụ tá có nhiệm sở đóng ở Hội An, Quy Nhơn và nếu cần, tại các địa phương khác thuộc phạm vi quản lí, theo nghị định của Khâm sứ Trung Kì.

Các điều khoản và quy định liên quan đến cơ quan cảnh sát Quảng Ngãi, Quy Nhơn và Hội An bị bãi bỏ.

360. Arrêté n° 53714/Cab-P du 16 novembre 1938 du Résident supérieur du Tonkin fixant l'organisation et les attributions du Cabinet et des bureaux de la Résidence supérieure du Tonkin.

Nghị định số 53714/Cab-P ngày 16 tháng 11 năm 1938 của Thống sứ Bắc Kì quy định tổ chức và quyền hạn của Văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.

(Nguồn: RST - 71088, tờ số 37-41)

Nghị định gồm 4 điều quy định về tổ chức và quyền hạn của Văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì. Theo đó, Phủ Thống sứ Bắc Kì có một văn phòng và 4 phòng như sau:

***Văn phòng:** phụ trách các công việc chính trị, bản xứ, các hội đồng, đại hội đồng, an ninh, lính khố xanh, các công việc về quân sự, báo chí, thể thao và phụ trách về nhân sự.*

***Phòng 1**: gồm 3 bộ phận*

- Bộ phận thứ nhất phụ trách công việc hành chính trung ương và pháp chế.

- Bộ phận thứ hai phụ trách chế độ sở hữu đất đai, nông, lâm nghiệp và chăn nuôi.

- Bộ phận thứ 3 phụ trách các công việc về tranh chấp, tổ chức, công ti, quản lí người nước ngoài, tín ngưỡng, tuyển dụng người Âu, không vận, đơn vị đo lường, chế độ nhà tù...

***Phòng 2**: gồm hai bộ phận phụ trách công việc hành chính cấp tỉnh và công việc bản xứ.*

***Phòng 3**: gồm 5 bộ phận phụ trách công việc chi, thu và quản lí ngân sách, phụ trách công tác vật phẩm và lương.*

***Phòng 4**: gồm 2 bộ phận phụ trách các công việc về kinh tế và du lịch.*

361. Arrêté du 16 décembre 1938 du Gouverneur général de l'Indochine portant érection en commune mixte du cheflieu de la province de My Tho.

Nghị định ngày 16 tháng 12 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp tỉnh lị tỉnh Mỹ Tho lên thành phố hỗn hợp.

(Nguồn: J 1192, JOIF 1938, tr.4222)

Nghị định gồm 8 điều với một số nội dung sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 1939, tỉnh Mỹ Tho được nâng cấp lên thành phố hỗn hợp. Thành phố này được quản lí theo Nghị định ngày 18 tháng 12 năm 1928, 06 tháng 11 năm 1929, 30 tháng 4 năm 1930, 06 tháng 12 năm 1930, 20 tháng 01 năm 1931, 04 tháng 3 và 29 tháng 4 năm 1933 quy định hoạt động của các thành phố hỗn hợp Bạc Liêu, Cần Thơ và Rạch Giá.

Dưới sự kiểm soát của Thống đốc Nam Kì, Uỷ ban thành phố chịu trách nhiệm quản lí, bảo quản và bảo trì công sản và tài sản riêng của thành phố.

362. Arrêté du 21 décembre 1938 du Gouverneur général de l'Indochine modiffiant l'article 6 de l'arrêté du 20 octobre 1937 instituant à la Direction des Services économiques un Service de l'Inspection générale de l'Agriculture, de l'Elevage et des Forêts.

Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 6 của Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 quyết định thành lập Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi tại Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1192, JOIF 1938, tr.4225)

Theo Nghị định này, điều 6 của Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 được bổ sung như sau:

"Điều 6. Giúp việc cho Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi là một thanh tra phụ trách các Sở Thú y và Chăn nuôi và một thanh tra lâm nghiệp do Toàn quyền chỉ định để nghiên cứu các vấn đề thuộc thẩm quyền đặc biệt và thực hiện thanh tra tại các sở địa phương theo quy định. Ngoài ra, còn có hai ban:

1. Ban Kĩ thuật được giao nhiệm vụ tập trung tư liệu về nông nghiệp, chăn nuôi và lâm nghiệp;

2. Ban Công nông nghiệp, được giao các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu chi tiết các dự án quy hoạch hệ thống tưới tiêu cũng như dự án cải tạo đất nông nghiệp;

- Thi công các công trình của các hợp tác xã nông nghiệp cũng như trang bị cơ khí phục vụ công trình;

- Thử nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện máy móc nông nghiệp;

- Sử dụng nguồn nước, những công trình xây dựng nông nghiệp và cơ khí nông nghiệp".

363. Arrêté du 21 décembre 1938 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service des Contributions directes.

Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Sở Thuế trực thu.

(Nguồn: J 1192, JOIF 1938, tr.4224 - 4225)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Chánh Sở Thuế trực thu chịu sự chỉ đạo của Giám đốc Tài chính, do Toàn quyền bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Tài chính. Chánh Sở Thuế trực thu được chọn trong số thanh tra thuế trực thu thuộc ngạch công chức chính quốc hoặc ngạch công chức địa phương đang làm việc tại thuộc địa. Nếu không có thanh tra thuộc diện này tại thuộc địa, một trong số viên chức thuế trực thu có thể đảm nhiệm tạm thời chức năng Chánh Sở Thuế trực thu theo quy định chỉ định tương tự.

Chức năng và nhiệm vụ của Sở Thuế trực thu trung ương được quy định như sau:

***Về pháp chế:** Nghiên cứu những vấn đề chung và chuẩn bị hướng dẫn và thông tri giải thích cách thức xử lí thuế thu nhập; xem xét dự thảo quy chế liên quan đến thuế trực thu, cơ sở thu thuế và thu thuế; thành lập, bãi bỏ hoặc chuyển đổi các loại thuế trực thu hoặc những loại thuế tương tự; áp dụng các quy định thuế khoá chính quốc tại*

thuộc địa; thư tín liên quan đến những vấn đề mà Giám đốc Nha Tài chính được Toàn quyền hay những người đứng đầu chính quyền địa phương hoặc người đóng thuế tham vấn; nghiên cứu thỉnh nguyện do các hội đồng địa phương trình lên.

***Về tài phán**: Xem xét các sự vụ về thuế thu nhập được đưa ra tại Hội đồng Nhà nước; nghiên cứu những quyết định do Hội đồng Tài phán đưa ra.*

***Về tổ chức chung của Sở:** Nghiên cứu báo cáo kiểm tra của Sở Thanh tra thuộc địa và của thanh tra các sở địa phương; chuẩn bị thông tri và hướng dẫn liên quan đến thuế trực thu; nghiên cứu các vấn đề về cơ cấu tổ chức phòng ban địa phương mà Giám đốc Nha Tài chính được tham vấn; kinh lí và kiểm tra theo lệnh của Toàn quyền.*

***Về kế toán - thống kê**: Chuẩn bị dự thảo ngân sách của Sở trung ương; thống kê sổ thuế và khoản thu từ thuế trực thu; công tác thống kê; quan hệ với Sở Địa chính; công việc tư liệu và phối hợp; các văn bản thuế áp dụng tại các thuộc địa khác hoặc của nước ngoài; hoàn thành, phân bổ và bồi hoàn kinh phí chi cho tài liệu in ấn mà ngân sách chung Đông Dương nhường lại cho các chính quyền địa phương; ấn hành và mua các ấn phẩm liên quan tới Sở Thuế trực thu.*

***Về quản lí hành chính về nhân sự:**Ngạch công chức chính quốc: các quyết định biệt phái; ngạch công chức địa phương: tuyển dụng, thi tuyển ngạch kiểm soát viên tập sự, thi nghề, phó thanh tra; phân bổ nhân sự tại các xứ thuộc địa; quản lí hành chính tổng hợp.*

364. Arrêté du 27 décembre 1938 Résident Supérieur en Annam portant organisation du Service du Cadastre de l'Annam.

Nghị định ngày 27 tháng 12 năm 1938 của Khâm sứ Trung Kì quy định cơ cấu tổ chức Sở Địa chính Trung Kì.

(Nguồn: J 1196, JOIF 1939, tr.521)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Sở Địa chính Trung Kì do một kĩ sư - Giám đốc Sở đứng đầu, được giao tổ chức và giám sát kĩ thuật các công trình đo vẽ địa hình và đo đạc cũng như các công trình khác cần thiết phục vụ đo vẽ địa

chính theo lệnh của Khâm sứ. Sở Địa chính Trung Kì chịu trách nhiệm tổ chức và giám sát bảo quản sơ đồ và sổ địa chính của các địa phương thuộc Trung Kì.

Các kĩ sư; đo đạc địa hình phụ trách bảo quản sơ đồ và sổ địa chính được đặt dưới quyền quản lí của Công sứ về mặt hành chính và theo sự điều hành của Giám đốc Sở về mặt kĩ thuật.

Sở Địa chính Trung Kì chia thành ba cụm như sau:

- Cụm 1 gồm các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

- Cụm 2 gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và Quảng Nam.

- Cụm 3 gồm các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Pleiku, Phú Yên, Khánh Hoà, Đắc Lắc, Ninh Thuận, Đồng Nai Thượng và Bình Thuận.

Đứng đầu mỗi cụm là một kĩ sư đo đạc địa hình người Âu, quản lí nhân sự người Đông Dương cấp dưới tùy theo tầm quan trọng của mỗi cụm.

Trường hợp cần thiết, có thể thành lập các đội cơ động do một kĩ sư đo đạc địa hình đứng đầu, được giao kiểm tra giám sát đặc biệt tại khu vực nhất định. Các đội trưởng cơ động nhận chỉ đạo trực tiếp từ Giám đốc Sở.

365. Décret du 27 décembre 1938 du Président de la République française portant création en Indochine d'une Inspection générale des Mines et de l'Industrie.

Sắc lệnh ngày 27 tháng 12 năm 1938 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ Đông Dương.

(Nguồn: J 1196, JOIF 1939, tr.391)

Sắc lệnh gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương được thành lập với chức năng:

- Nâng cao và duy trì nguồn lực cho chiến tranh của thuộc địa đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế và công tác phòng thủ.

- Chuẩn bị và tổ chức huy động các xí nghiệp.

Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ do Toàn quyền Đông Dương chỉ định. Tổng Thanh tra là thành viên của Hội đồng Chính phủ, ngang hàng với Tổng Thanh tra Công chính. Cơ cấu tổ chức của Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ cũng như quan hệ của Tổng Thanh tra với những người đứng đầu chính quyền địa phương và Giám đốc các sở trung ương sẽ do Toàn quyền quy định bằng nghị định.

366. Arrêté du 9 janvier 1939 du Gouverneur général portant organisation de la Direction de l'Instruction publique.

Nghị định ngày 09 tháng 01 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức của Nha Học chính.

(Nguồn: J 1196, JOIF 1939, tr.265-266)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Nha Học chính gồm ba phòng và một văn phòng trường Đại học Hà Nội.

Nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng thuộc Nha Học chính được quy định như sau:

Phòng 1 phụ trách:

- Liên hệ với bộ phận thanh tra, văn phòng trường Đại học Hà Nội và các phòng của Nha Học chính; phân bổ công việc giữa các bộ phận; tập trung thông tin do các bộ phận này cung cấp...;

- Tiếp nhận, đăng kí, sắp xếp và trình công văn đến; tập trung, trình và đăng kí công văn đi;

- Công việc mật và công việc chuyên biệt; mật mã; các phiên tòa; khen thưởng; thống kê định kì; báo cáo thường niên; tổ chức và công nhận các kì sát hạch; hợp thức hoá cấp bộ các kì sát hạch của Pháp; đổi và cấp mới văn bằng;

- Các kì sát hạch văn hoá chung cho các thí sinh vào chức danh tham tá bản xứ và kì sát hạch đặc biệt;

- Thư viện trường học; đề nghị tiếp nhận các tác phẩm theo danh sách chính thức; thiết bị giảng dạy: phim ảnh, sưu tập khoa học và địa lí; bảo tàng giáo dục;

- Hồ sơ nhân sự người Pháp ở Nha Học chính;

- Lưu trữ chung của Nha (lưu trữ đặc biệt của mỗi sở và mỗi phòng); Thư viện Nha Học chính; đặt mua ấn phẩm địa phương, chính quốc và nước ngoài; mua các tác phẩm mới; đăng kí mượn sách; theo dõi báo chí Pháp và bản xứ.

Phòng 2 phụ trách về nhân sự, tài phán, học bổng và dạy học tư thục.

Ban 1 phụ trách nhân sự và tài phán gồm các công việc:

- Đăng kí nhân sự trong các sổ: Sổ ghi tên và hồ sơ nhân sự bản xứ thuộc các ngạch công chức cấp cao, trợ lí và nhân viên dự trữ của Nha Học chính; Sổ ghi tên và hồ sơ nhân sự giảng dạy bậc cao đẳng, hồ sơ nhân sự của người Pháp ngạch chính quốc và địa phương giảng dạy phổ thông hoặc dạy nghề, trung học, cao đẳng tiểu học và sơ cấp; Sổ ghi tên và hồ sơ nhân sự bản xứ thuộc ngạch công chức giảng dạy cao đẳng tiểu học Pháp - Việt.

- Chuẩn bị lập bảng nâng bậc của ngạch công chức địa phương; chuẩn bị đề nghị nâng bậc trong ngạch công chức chính quốc; thay đổi hạng; chuẩn bị đề nghị nâng bậc của nhân sự bản xứ thuộc ngạch công chức cấp cao, trợ tá và dự khuyết của Sở Học chính. Thuyên chuyển các loại: nghỉ phép, giấy phép, tạm nghỉ việc, phục chức, từ chức... Chuẩn bị hồ sơ nghỉ hưu, khen thưởng, trợ cấp đến nơi ở mới, quyết toán trợ cấp... Nhân viên hợp đồng, thời vụ và công nhật. Tập trung tài liệu liên quan đến nhân sự địa phương và chính quốc biệt phái. Các bản kê định kì (thuyên chuyển và bản kê bổ nhiệm). Tài phán: các vấn đề về tranh chấp.

Ban 2 phụ trách về học bổng và giáo dục tư thục gồm các công việc liên quan đến:

- Các trường học: hồ sơ của các trường phổ thông đệ nhị cấp, thời khoá biểu; báo cáo hàng tháng; tập trung tư liệu; dạy nghề; hồ sơ của các trường; tư liệu và nghiên cứu các vấn đề về dạy nghề.

- Giáo dục thể chất; quan hệ với các Ủy ban trung ương và Ủy ban địa phương; các hiệp hội thể thao; khen thưởng danh dự trong

giáo dục thể chất. Học bổng và trợ cấp giáo dục cho người Pháp và người bản xứ tại Pháp và Đông Dương.

- Giáo dục tư thục: xếp hạng các trường; cho phép mở trường dạy trung cấp và cao đẳng; cho phép giảng dạy và điều hành; giám sát hành chính các trường tư thục...

Ban Thư kí Hội đồng tư vấn Học chính phụ trách về pháp chế: nghiên cứu những vấn đề hành chính hoặc tài phán liên quan đến Nha Học chính toàn Đông Dương (trừ giáo dục đại học).

Phòng 3 phụ trách kế toán và bộ phận quỹ

Ban 1 phụ trách kế toán tổng hợp gồm các việc liên quan đến:

- Kế toán chung của Nha Học chính và các bộ phận do Nha quản lí, kế toán các khoản chi bắt buộc (nhân sự).

- Lương và phụ cấp lương; chuẩn bị ngân sách của Nha Học chính; kế hoạch hoạt động.

- Đi lại: giấy đi đường, giấy xuất trình; phiếu vận chuyển.

- Bảo quản sổ đăng kí hàng ngày và sổ kiểm kê; tập trung và thực hiện hợp đồng cho thuê, phiếu đặt hàng và giao kèo thiết bị, in ấn, xuất bản và các vật dụng khác của Nha Học chính cũng như các bộ phận do Nha quản lí. Tiếp nhận và xác nhận phiếu đặt hàng. Kiểm tra và xác nhận hoá đơn của các nhà in theo hợp đồng xuất bản.

Ban 2 phụ trách:

- Thanh toán các khoản chi của Nha Học chính và trường Đại học; công tác kế toán các khoản chi bắt buộc; giám sát kế toán các trường trung học Pháp; lập quyết toán; xuất biên lai tạm thời và giấy báo thu.

- Kiểm kê hàng năm. Xử lí thiết bị không sử dụng. Tiếp nhận, tập trung đơn đặt hàng và gửi sách giáo khoa, bảng treo tường và bản đồ học sinh.

Bộ phận quỹ phụ trách:

- Chi: trả lương cho nhân sự người Âu và người bản xứ của Sở Học chính và trường Đại học. Trả phụ cấp đứng lớp của trường Đại học; trợ cấp cho học sinh của trường Đại học. Phụ cấp sát hạch; chi tiết các khoản chi...

- Thu: học phí của học sinh Đại học Hà Nội; các khoản thu khác của trường.

Văn phòng Trường Đại học Hà Nội do Giám đốc Nha Học chính quản lí. Văn phòng chịu trách nhiệm về các công việc: Chuyển giao hồ sơ trường học. Học bổng cao đẳng. Miễn học phí. Trợ cấp. Giải thưởng và khen thưởng cho học sinh. Tổ chức vật chất phục vụ thi tú tài. Thư viện. Giám sát sinh viên người Đông Dương lưu trú ở chính quốc. Quan hệ với các hội sinh viên. Nơi nhận công tác. Tổ chức lớp học và hội nghị. Sinh viên nước ngoài. Quan hệ với các trường đại học chính quốc và nước ngoài. Quan hệ với các bộ phận kĩ thuật. Các công bố nghiên cứu. Thông tin về các nghiên cứu tại chính quốc. Nghiên cứu các vấn đề hành chính, sư phạm và dạy nghề, tài phán liên quan đến giảng dạy cao đẳng. Ngôn ngữ phương Đông. Ủy ban tư vấn. Tiểu ban trung ương. Các kì sát hạch.

367. Arrêté du 23 février 1939 du Gouverneur général modifiant l'article 16 et 22 du 28 décembre 1934 portant réorganisation du Service des Travaux Publics de l'Indochine.

Nghị định ngày 23 tháng 02 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 16 và 22 của Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 về tổ chức lại cơ quan Công chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1196, JOIF 1939, tr.615)

Theo Nghị định này, các điều 16 và 22 của Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 được sửa đổi như sau:

Điều 22. "Khu Thủy nông và Giao thông đường thuỷ Nam Đông Dương đóng trụ sở ở Sài Gòn, do một viên chức ngạch kĩ sư trưởng điều hành, một kĩ sư chính trưởng bộ phận được giao giúp việc cho kĩ sư trưởng trong bao quát toàn bộ công việc.

Trưởng khu Thủy nông có thể ủy thác một phần quyền hạn cho kĩ sư chính trong việc thanh toán các khoản chi.

Khu Thủy nông và Giao thông đường thuỷ Nam Đông Dương gồm hai hạt, do các kĩ sư chính hoặc viên chức hàng quân nhân trưởng bộ phận đứng đầu:

Hạt Giao thông đường sông và đường biển phụ trách các nghiên cứu, công trình xây mới và công việc bảo dưỡng kênh rạch, lưu lượng dòng chảy tự nhiên, cảng biển và vũng cảng trừ cảng Sài Gòn; Chợ Lớn, hệ thống chiếu sáng và cọc tiêu dọc các bờ biển, các kênh và lưu lượng dòng chảy, cảnh sát giao thông đường biển và đường sông...

Hạt Thủy nông phụ trách nghiên cứu công trình xây mới và công việc bảo dưỡng công trình, kênh bảo vệ chống lũ hoặc ngăn mặn, tưới tiêu, làm sạch đất.

368. Décret du 17 avril 1939 du Président de la République française modifiant le décret du 9 mai 1936 relatif à l'organisation général des Services des Travaux Publics et des Mines des colonies et au statut de ces Services.

Sắc lệnh ngày 17 tháng 4 năm 1939 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 9 tháng 5 năm 1936 về tổ chức chung của các cơ quan công chính và hầm mỏ ở thuộc địa và điều lệ của các cơ quan này.

(Nguồn: J 1198, JOIF 1939, tr.1746-1749)

Sắc lệnh gồm 2 điều chủ yếu sửa đổi các điều khoản về nhân sự như tuyển dụng, quy định về hạng ngạch, lương v.v...

369. Arrêté du 13 mai 1939 du Gouverneur général modifiant l'article 3 de l'arrêté du 23 novembre 1937 portant organisation de l'Inspection générale du Travail et de la Prévoyance sociale.

Nghị định ngày 13 tháng 5 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 3 của Nghị định ngày 23 tháng 11 năm 1937 quy định cơ cấu tổ chức của Nha Tổng Thanh tra lao động và Tương tế xã hội.

(Nguồn: J 1198, JOIF 1939, tr.1376-1377)

Theo Nghị định này, quyền hạn của các phòng thuộc quyền điều hành của Nha Tổng Thanh tra lao động và Tương tế xã hội được quy định lại như sau:

Phòng 1 phụ trách:

- Pháp chế lao động; pháp điển hoá các văn bản ...

- Chuẩn bị, xem xét và hiệu chỉnh các văn bản liên quan đến lao động tự do ở Đông Dương (hợp đồng, quy định và điều khoản liên quan đến lao động, nghỉ phép được hưởng lương, nghỉ tuần, quy định thời gian cho một ngày lao động, hoà giải và phân xử xung đột lao động...).

- Đại diện ngành nghề. Bảo vệ người lao động. Vệ sinh và an toàn của công nhân. Tai nạn lao động.

- Áp dụng quy chế đặc biệt liên quan đến người lao động nước ngoài.

- Thống kê nhân công và các loại lương.

- Tư liệu pháp luật về lao động của Pháp và nước ngoài.

- Đấu tranh chống thất nghiệp. Các cơ sở giới thiệu việc làm.

- Huy động nhân công.

Phòng 2 phụ trách:

- Nghiên cứu nhu cầu và cung ứng nhân công, nhân công sẵn có tại mỗi xứ thuộc Liên bang Đông Dương.

- Điều kiện và giám sát tuyển dụng, sử dụng lao động hợp đồng. Giám sát hoạt động tuyển dụng, giới thiệu việc làm và chuyên chở người lao động, các điều khoản hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động, giám sát thực hiện quy chế lao động hợp đồng ở Đông Dương.

- Tiền tiết kiệm của công nhân.

- Tập trung báo cáo của các Thanh tra lao động địa phương cũng như báo cáo và thông tin các loại liên quan đến nhân công hợp đồng.

- Khai thác thuộc địa.

- Cứu tế xã hội.

- Tương hỗ, tiếp tế dân cư...

370. Arrêté du 16 août 1939 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 20 octobre 1937 portant organisation de la Direction des Services économiques.

Nghị định ngày 16 tháng 8 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 quy định về tổ chức của Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1200, JOIF 1939, tr.2401)

Theo Nghị định này, điều 2 Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 được sửa đổi như sau:

"Điều 2. Ban Chỉ đạo trung ương của Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương gồm Ban Tổng Thống kê và 6 phòng với quyền hạn như sau:

Phòng 1: Văn phòng phụ trách:

- Công văn đến và đi; lưu trữ; nhân sự và thiết bị của Ban;

- Lập tư liệu chung về kinh tế Pháp, Đông Dương và nước ngoài; Thư viện của Ban Chỉ đạo;

- Chuẩn bị tập san Kinh tế, *kiểm tra các bài viết và ấn phẩm thông tin kinh tế phục vụ tập san;*

- Tập trung báo cáo tình hình và thông tin kinh tế cung cấp cho giới báo chí;

- Quan hệ với Cục Kinh tế Đông Dương ở Paris, các hội đoàn kinh tế chính quốc và địa phương, các Phòng Thương mại quốc tế và Phòng Thương mại nước ngoài, cố vấn ngoại thương;

- Các hồ sơ thông cáo của các sở trung ương khác;

- Ban Thư kí Ủy ban Giám sát vật giá trung ương;

- Ban Thư kí Đại Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính.

Phòng 2 phụ trách công sản và hầm mỏ

- Nghiên cứu và hiệu chỉnh chương trình chung về khai khẩn đất trống và tăng cường sản xuất nông nghiệp. Quan hệ với các cơ quan kĩ thuật khi cần sự giúp đỡ của các cơ quan này trong tiến hành những dự án của chương trình trên; giám sát thi công; các vấn đề

dân số; nghiên cứu khai thác thuộc địa dưới mọi hình thức (của người Âu cũng như bản xứ);

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp; bảo quản và đóng gói sản phẩm; tuyên truyền và tìm kiếm thị trường tiêu thụ; khuyến khích một số hình thức canh tác; tiền thưởng cho sản xuất và xuất khẩu; hạn chế và hạn định mức nông sản; nghiên cứu các vấn đề liên quan đến cao su;

- Quy chế Công sản, nhượng đất, trưng mua vì lợi ích công cộng;

- Chế độ hầm mỏ, công trường khai thác đá, nhiên liệu hoá lỏng, chất nổ;

- Các đơn vị đo lường và khối lượng;

- Các cơ sở nguy hiểm, không hợp vệ sinh và không tiện lợi.

Phòng 3 phụ trách thương mại, công nghiệp và tín dụng

- Nghiên cứu và hiệu chỉnh chương trình chung về phát triển các ngành công nghiệp;

- Quan hệ với các Phòng Thương mại Đông Dương; cơ cấu tổ chức của các Phòng Thương mại này;

- Sổ đăng kí thương mại trung ương;

- Nghiên cứu thuế thương mại và công nghiệp;

- Các vấn đề tiền tệ và ngân hàng; tổ chức tín dụng: tín dụng thuộc địa, tín dụng ruộng đất dài hạn, tín dụng cầm cố, tín dụng động sản.

Phòng 4 phụ trách vận tải, du lịch và tuyên truyền

- Vận tải công cộng và vận tải đường sắt; thuế đường sắt; vận tài hảng hải;

- Thương mại hàng hải: nghiên cứu các vấn đề liên quan đến thương mại hàng hải và chuẩn bị sổ thuế và điều khoản khai thác của các cơ quan hàng hải được trợ cấp;

- Quan hệ với các ủy ban du lịch địa phương, các nghiệp đoàn du lịch, các văn phòng và hãng du lịch, các hiệp đoàn du lịch khác và cơ quan thương mại Đông Dương tại An-giê-ri;

- Kiểm kê và bảo tồn các danh lam thắng cảnh, vườn quốc gia và khu bảo tồn;

- Cải thiện và quy hoạch các tuyến đường phục vụ lợi ích du lịch, các phương tiện vận tải; công nghiệp khách sạn, lộ trình du lịch;

- Tổ chức các cuộc họp và phổ biến thông tin, tài liệu giúp hiểu rõ hơn về Đông Dương;

- Nhiếp ảnh, điện ảnh, quảng bá, hội chợ và triển lãm.

Phòng 5 phụ trách và giám sát hoạt động vô tuyến truyền thanh ở Sài Gòn.

Phòng 6 phụ trách:

Huy động kinh tế; biên tập nhật kí huy động của Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương; lập bảng kê cung ứng...

371. Arrêté du 17 août 1939 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de l'Inspection générale des Mines et de l'Industrie.

Nghị định ngày 17 tháng 8 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương về cơ cấu tổ chức Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ Đông Dương.

(Nguồn: J 1200, JOIF 1939, tr.2402-2403)

Nghị định gồm 10 điều với các nội dung chính sau:

Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ Đông Dương thực hiện chức năng được quy định trong Sắc lệnh ngày 27 tháng 12 năm 1938 và chịu trách nhiệm: nghiên cứu, đề xuất, áp dụng hoặc cho áp dụng các biện pháp, quy chế, hành chính, kĩ thuật, kinh tế và tài chính liên quan đến hoạt động và phát triển của các ngành công nghiệp khai thác và chế biến; thực hiện các biện pháp huy động các xí nghiệp khi cần thiết.

Nha có thẩm quyền trong các lĩnh vực sau:

- Hầm mỏ và các nguồn nước khoáng;

- Luyện kim thô và tinh chế kim loại;

- Phối hợp nghiên cứu điều kiện huy động các xưởng hoả xa tham gia vào công nghiệp quốc phòng;

- Công nghiệp xi-măng, vôi, thủy tinh, gốm sứ và vật liệu chịu lửa;

- Công nghiệp dệt may, cao su, giấy;

- Công nghiệp hoá chất, sản xuất chất nổ;

- Sản xuất, bảo quản nhiên liệu rắn, hoá lỏng, khí và bôi trơn;

- Vận chuyển và bảo quản các sản phẩm nguy hiểm như chất nổ và hiđrô các-bua;

- Sử dụng máy móc vận hành bằng hơi nước (trừ các loại máy móc lắp đặt trên các tàu và mạng lưới đường sắt không nhượng lại).

Cơ cấu, tổ chức của Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ gồm:

- 1 phòng hành chính phụ trách công văn chung, giám sát nhân sự, kế toán và tài phán;

- 1 phòng kĩ thuật;

- 1 phòng địa chất;

- 1 phòng hầm mỏ;

- 1 phòng phụ trách công nghiệp và sản xuất vũ khí;

- Các chi khu hầm mỏ và công nghiệp có thẩm quyền trong địa phận giới hạn được thành lập theo nghị định của Toàn quyền, dựa trên đề nghị của Tổng Thanh tra và sự đồng thuận của Giám đốc Nha Tài chính.

Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ trực tiếp thực hiện hoặc chỉ thị cho các bộ phận trực thuộc thực thi các nhiệm vụ của Tổng Nha.

Phòng Địa chất

Phòng Địa chất chịu trách nhiệm:

- Tiến hành lập bản đồ địa chất và phụ trách các nghiên cứu liên quan đến địa chất Đông Dương (địa tầng học, kiến tạo học, cổ địa lí học, thạch học trầm tích, khoa núi lửa, vận động tạo núi..., cổ sinh vật học, nhân loại học tiền sử);

- Thăm dò tầng đất cái của thuộc địa, cung cấp cho Phòng Hầm mỏ các kiến thức cụ thể về các vỉa quặng mà Phòng Hầm mỏ đang tiến hành nghiên cứu, khai thác. Phòng Địa chất được tham vấn trong trường hợp phát sinh những vấn đề thuần túy địa chất hoặc ứng dụng.

Trưởng phòng Địa chất có nhiệm vụ và trách nhiệm về mặt khoa học

và giám sát việc lập kỉ yếu, ghi chép, bản đồ sử dụng để xuất bản theo kinh phí được cấp và được phép in ấn. Trưởng phòng được quyền tiếp nhận tư vấn kĩ thuật từ Giám đốc Sở Bản đồ địa chất của nước Pháp.

Phòng Hầm mỏ

Phòng Hầm mỏ chịu trách nhiệm:

- Soạn thảo và áp dụng các quy định liên quan đến: tìm kiếm, khai thác hầm mỏ và nguồn nước khoáng; kiểm soát khai thác công trường đá; sản xuất, nhập kho và vận chuyển chất nổ, khí hy-đrô các-bua và các thế phẩm; sử dụng máy móc vận hành bằng hơi nước, trừ các máy móc lắp đặt trên tàu biển và hỏa xa thuộc các mạng lưới đường sắt không nhượng lại;

- Nghiên cứu, áp dụng trực tiếp hoặc giám sát thực thi các biện pháp và quy định liên quan đến: khai khẩn tầng ngầm ở thuộc địa; sản xuất xi măng và vôi, gốm sứ, thủy tinh và các vật liệu chịu lửa; sản xuất nhiên liệu, khí đốt và chất bôi trơn có xuất xứ địa phương; các ngành công nghiệp hoá chất và các ngành liên quan (đường, rượu); sản xuất thuốc súng và chất nổ.

Phòng Hầm mỏ được trang bị một phòng thí nghiệm hoá học phục vụ nghiên cứu và công nghiệp khai thác, sử dụng các nhiên liệu, công nghiệp hoá chất, chất đốt và chất bôi trơn.

Trưởng phòng Hầm mỏ đảm trách chức năng thanh tra lao động tại các hầm mỏ và công trường, với sự trợ giúp của các kĩ sư và kĩ sư phó cấp dưới được chỉ định như là phó thanh tra lao động.

Phòng Công nghiệp và Sản xuất vũ khí

Phòng Công nghiệp và Sản xuất vũ khí được giao nghiên cứu và có thể áp dụng mọi biện pháp và quy định liên quan đến:

- Công nghiệp luyện kim thô và tinh luyện;

- Các xưởng cơ khí (trừ các xưởng hỏa xa);

- Công nghiệp dệt may, cao su, giấy;

Về lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất vũ khí, quyền hạn của Phòng được quy định như sau:

- Tiến hành nghiên cứu, tìm kiếm và thí nghiệm kĩ thuật và khoa

học liên quan đến kĩ thuật vũ khí;

- Đặt hàng, giám sát nghiên cứu và sản xuất vũ khí, đạn dược, thiết bị chiến tranh phục vụ phòng thủ Đông Dương thuộc khu vực công nghiệp tư nhân;

- Tiếp nhận các sản phẩm được sản xuất cho các đơn vị trực thuộc. Quản lí, bảo dưỡng, dự trữ, sửa chữa thiết bị vũ khí mới hoặc đã qua sử dụng theo quy định.

Các xưởng quân giới (xưởng vũ khí hải quân, xưởng sửa chữa hàng không, Sở Pháo binh) giữ nguyên quyền hạn, Phòng phụ trách Công nghiệp và Sản xuất vũ khí có nhiệm vụ đảm bảo mối liên hệ giữa các xưởng với nền kinh tế, đặc biệt liên quan đến huy động các xí nghiệp.

Để thực thi quyền hạn trên, Phòng được trang bị các nhà xưởng cần thiết và một phòng thí nghiệm đa giác. Ngoài ra, Phòng còn được trang bị: một phòng thử nghiệm cơ khí, vật lí và đo lường; một nhà xưởng để hoàn tất thẩm tra công nghiệp; một phòng thí nghiệm bảo hộ (phòng thủ thụ động).

Phòng phụ trách Công nghiệp và Sản xuất vũ khí chuẩn bị việc huy động các ngành công nghiệp trực thuộc.

372. Arrêté du 8 septembre 1939 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un Service du Ravitallement général.

Nghị định ngày 08 tháng 9 năm 1939 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Tiếp tế.

(Nguồn: J 1200, JOIF 1939, tr.2619)

Nghị định gồm 12 điều với các nội dung chính sau:

Nha Tiếp tế được thành lập, do Toàn quyền Đông Dương trực tiếp chỉ đạo với các nhiệm vụ sau:

A. Thời bình:

- Thống kê nguồn cung, cầu, nhu cầu thiết yếu về lương thực và thực phẩm thời chiến;

- Huy động các xí nghiệp thực phẩm và điều chỉnh nguồn cung cầu.

B. Thời chiến:

- Thống kê và tập hợp nguồn cung lương thực thực phẩm và phân bổ theo nhu cầu nội bộ của xứ (lực lượng quân đội, đối tượng ưu tiên đầu tiên, các công sở, thường dân, các cơ quan huy động kinh tế); cung cấp thực phẩm cần thiết cho chính quốc mua tại thuộc địa;

- Huy động các xí nghiệp thực phẩm;

Nha Tiếp tế được chia thành ba khu trên toàn lãnh thổ Liên bang Đông Dương:

- Khu Tiếp tế phía Bắc: gồm toàn bộ Bắc Kì, Bắc Lào trong đó có tỉnh Cammon; Quảng Châu Loan, Bắc Trung Kì trong đó có tỉnh Hà Tĩnh;

- Khu Tiếp tế miền Trung gồm Trung Kì đến ranh giới bắc tỉnh Hà Tĩnh, Đắc Lắc, Nam Khánh Hoà; Lào đến ranh giới các tỉnh Bắc Cammon và Nam Paksé.

- Khu Tiếp tế phía Nam gồm toàn bộ Nam Kì và Cao Miên, Nam Trung Kì trong đó có các tỉnh Đắc Lắc và Khánh Hoà, Nam Lào (tỉnh Paksé).

Cơ cấu, tổ chức của Nha Tiếp tế gồm:

A. Thời bình:

Phụ tá cho Toàn quyền Đông Dương có các bộ phận:

- Uỷ ban Tiếp tế trung ương gồm các thành viên là giám đốc quân nhu, Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế và Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi;

- Ban Tư vấn Tiếp tế gồm Giám đốc Quân nhu, Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế và Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi hoạt động dưới sự chủ trì của Phó Toàn quyền.

Bộ phận Tiếp tế trung ương, hoạt động bên cạnh Giám đốc Quân nhu, dưới sự điều hành của một nhân viên hậu cần và là bộ phận cơ động của Nha.

Tại các Khu Tiếp tế, một Uỷ ban Tiếp tế cấp vùng được thành lập với thành phần như sau:

- Uỷ ban khu Tiếp tế phía Bắc gồm các thành viên:

+ Thống sứ Bắc Kì hoặc người được uỷ quyền,

+ Đại điện Khâm sứ Trung Kì,

+ Đại diện Khâm sứ Lào,

+ Nhân viên hậu cần của Cục Quản lương Hà Nội.

+ Đại diện Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi,

+ Đại diện của Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế.

- Ủy ban khu Tiếp tế miền Trung gồm các thành viên:

+ Khâm sứ Trung Kì hoặc người được uỷ quyền,

+ Người được uỷ quyền của Khâm sứ Lào,

+ Trưởng bộ phận Quân nhu Trung Kì,

+ Người được uỷ quyền của Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi,

+ Đại diện của Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế.

- Ủy ban khu Tiếp tế phía Nam gồm các thành viên:

+ Thống đốc Nam Kì hoặc người được uỷ quyền,

+ Người được uỷ quyền của Khâm sứ Cao Miên,

+ Người được uỷ quyền của Khâm sứ Trung Kì,

+ Đại lí của Khâm sứ Lào,

+ Trưởng bộ phận quân nhu Nam Kì - Cao Miên, trưởng Bộ phận quản lương ở Sài Gòn,

+ Đại diện của quân nhu hải quân,

+ Người được uỷ quyền của Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi

+ Đại diện của Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế

B. Thời chiến:

- Phụ tá cho Toàn quyền Đông Dương có các bộ phận:

+ Một Ban Chỉ đạo tiếp tế gồm Giám đốc Quân nhu, Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế và Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi. Ban chỉ đạo do Giám đốc Quân nhu điều hành với chức danh Giám đốc Nha Tiếp tế;

+ Một Ban Tư vấn tiếp tế có thành phần giống như tiểu ban tư vấn tiếp tế thời bình;

+ Bộ phận Tiếp tế trung ương thời bình.

- Tại mỗi khu tiếp tế có thể có một Uỷ ban Tiếp tế vùng với thành phần giống như Uỷ ban Tiếp tế vùng thời bình; hoặc có thể thành lập thêm Ban Tiếp tế hàng tỉnh và Ban Tiếp tế thành phố do Chủ tỉnh làm Chủ tịch, với thành phần là nhân viên hoặc đối tượng có thẩm quyền (các tiểu ban cấp nhỏ hơn có thể được thành lập tuỳ yêu cầu của tỉnh hay tầm quan trọng của các công việc cần tiến hành).

Nhân sự dân sự hay quân sự thời bình cũng như thời chiến thuộc các bộ phận khác nhau của Nha Tiếp tế được quy định trong nghị định do Toàn quyền ban hành, Toàn quyền cũng ấn định ngân sách dành cho diện nhân sự trên.

Nhiệm vụ của các uỷ ban được quy định như sau:

A. Thời bình

Uỷ ban Tiếp tế trung ương được tổ chức như một cơ quan thuộc bộ phận tiếp tế trung ương tập trung đáp ứng yêu cầu của Nha Tiếp tế.

B. Thời chiến

Thời chiến, Ban Chỉ đạo Tiếp tế trung ương được tổ chức như một cơ quan thuộc bộ phận tiếp tế trung ương của Nha Tiếp tế, tiến hành công việc sau:

- Tập trung nhu cầu lương thực, thực phẩm chung của các lực lượng quân đội, các công sở, các cơ quan huy động kinh tế và nếu có thể, của thường dân về lương thực, thực phẩm các loại.

- Yêu cầu Sở Trao đổi mậu dịch cung cấp thông tin thường xuyên về lương thực, thực phẩm do chính quốc yêu cầu.

- Tiến hành lập và cập nhật bảng kê chi tiết nguồn cung cấp lương thực và tiến hành thống kê dự trữ và chỉ đạo các sở, cơ quan khác nhau cung cấp thông tin thiết yếu.

- Thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu của thuộc địa như:

+ Chỉ đạo các Uỷ ban Tiếp tế các khu mua hoặc trưng mua lương thực thực phẩm. Phối hợp với Ban Chỉ đạo Vận tải tiến hành các biện pháp chuyên chở đến các trung tâm giao hàng cũng như các trung tâm nhận hàng;

+ Đề nghị Sở Trao đổi mậu dịch cho nhập lương thực thực phẩm không có tại chỗ và không thể thay thế.

- Hướng dẫn hoạt động sản xuất lương thực theo nhu cầu, tiến hành hoặc đưa ra các biện pháp thích hợp kích thích và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, cung cấp lương thực, thông qua Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi.

- Yêu cầu các cơ quan huy động kinh tế cung cấp thông tin nhu cầu về nguyên liệu và sản phẩm cũng như các ngành công nghiệp được huy động.

Ban Chỉ đạo thông báo các nhu cầu của thuộc địa về lương thực, thực phẩm có thể tìm thấy tại chỗ và cần thiết cho việc tiếp tế các xứ thuộc Liên bang cho Sở Trao đổi mậu dịch.

Ban Chỉ đạo trình quy chế ngắn hạn để Toàn quyền kí thông qua: hạn chế hoặc tạm ngừng nếu xét thấy cần thiết đối với lưu thông, sử dụng, tàng trữ, buôn bán một số loại lương thực hoặc thực phẩm, đánh thuế hoặc phân phối hạn định tiêu thụ. Toàn quyền có thể uỷ thác cho Giám đốc Nha Tiếp tế một phần hoặc toàn bộ quyền quyết định về các vấn đề trên. Nếu có thể, Ban Chỉ đạo đề xuất với Sở Trao đổi mậu dịch những biện pháp hạn chế xuất khẩu một số loại lương thực, thực phẩm.

Thời bình cũng như thời chiến, Ban Tư vấn tiếp tế được Toàn quyền triệu tập họp theo sáng kiến do Ban khởi xướng hoặc theo đề nghị của Uỷ ban trung ương hoặc của Ban Chỉ đạo tiếp tế để đưa kết luận và trình bày đề xuất về một số vấn đề trước khi Toàn quyền quyết định.

Các Uỷ ban tiếp tế khu đặt dưới quyền điều hành và giám sát trực tiếp của Ban chỉ đạo hoặc Uỷ ban Tiếp tế trung ương với các nhiệm vụ:

A. Thời bình:

+ Tiến hành lập, cập nhật và thông báo tới Uỷ ban Tiếp tế trung ương các nguồn cung tại chỗ hoặc dự trù trên địa phận khu.

+ Huy động các ngành công nghiệp thực phẩm trong khu, báo cáo với Uỷ ban Tiếp tế trung ương về nhu cầu huy động nhân sự và sản phẩm các loại.

+ Chuẩn bị chi tiết và tuân theo các kế hoạch thu mua, trưng mua đã được Uỷ ban trung ương thông báo, các biện pháp thực hiện nguồn cung trong vùng, tập trung lương thực, thực phẩm về kho tập trung.

B. Thời chiến:

+ Lập thống kê dự trữ, cập nhật thường xuyên những thay đổi thực tế hoặc dự kiến và báo cáo với Ban Chỉ đạo tiếp tế;

+ Tổ chức thực hiện những biện pháp dự kiến từ thời bình nhằm huy động các ngành công nghiệp thực phẩm và tập trung lương thực, thực phẩm, phù hợp với thay đổi trong các kế hoạch mua và trưng mua theo thông báo của Ban Chỉ đạo tiếp tế;

+ Giám sát việc áp dụng các biện pháp hạn chế liên quan đến tự do sử dụng các nguồn cung và tiêu thụ nội địa của các cấp có thẩm quyền theo hướng dẫn của Toàn quyền;

+ Tiến hành mua và trưng mua lương thực, thực phẩm;

+ Thông báo việc thu mua lương thực, thực phẩm theo yêu cầu của chính quốc;

+ Với danh nghĩa của Ban Tiếp tế hàng tỉnh và thành phố, các Uỷ ban Tiếp tế khu chịu trách nhiệm thu mua hoặc trưng mua số lượng lương thực, thực phẩm theo định mức cung ứng áp đặt; tiếp nhận, giải quyết và tập trung hàng cung ứng tại các trung tâm theo quy định. Nhiệm vụ cụ thể của từng ban, tiểu ban được nêu rõ trong hồ sơ tiếp tế do các Uỷ ban Tiếp tế khu chuẩn bị từ thời bình và được thông báo cần huy động; chủ tịch các uỷ ban, tiểu ban tiếp tế hàng tỉnh và thành phố tiến hành công việc được giao theo hướng dẫn ghi trong hồ sơ tiếp tế do các Uỷ ban Tiếp tế khu thông báo.

Uỷ ban Tiếp tế trung ương (trong thời bình), Ban Chỉ đạo (trong thời chiến) và Nha Tiếp tế chịu trách nhiệm:

+ Huy động các xí nghiệp thực phẩm và nguồn cung thực tế để ưu tiên bổ sung, tiếp tế cho các lực lượng quân đội theo hướng dẫn và chỉ đạo của Tướng Tư lệnh cấp cao và tiếp tế cho các cơ quan công sở khác nhau.

+ Quy chế cần thiết cho tiếp tế;

+ Huy động nông nghiệp.

373. Arrêté du 5 juillet 1940 du Gouverneur général de l'Indochine constituant à titre provisoire la province de Lang Son en territoire militaire.

Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1940 của Toàn quyền Đông Dương về việc tạm thời lập tỉnh Lạng Sơn thành Đạo Quan binh.

(Nguồn: J 1211, JOIF 1940, tr.2027)

Nghị định gồm 3 điều với nội dung như sau:

Tỉnh có trụ sở đặt tại Lạng Sơn tạm thời trở thành Đạo Quan binh. Đại lí Đình Lập và đồn Nà Thuộc Đạo Quan binh 1 được sáp nhập vào Đạo Quan binh Lạng Sơn.

374. Arrêté du 18 juillet 1940 du Gouverneur général de l'Indochine constituant à titre provisoire la province de Lao Kay en territoire militaire.

Nghị định ngày 18 tháng 7 năm 1940 của Toàn quyền Đông Dương về việc tạm thời lập tỉnh Lào Cai thành Đạo Quan binh.

(Nguồn: J 1211, JOIF 1940, tr.2133)

375. Arrêté du 9 décembre 1940 du Gouverneur général portant création à l'Inspection générale des Travaux Publics de l'Indochine du Service central d'urbanisme et d'architecture.

Nghị định ngày 09 tháng 12 năm 1940 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương thuộc Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương.

(Nguồn: J 1211, JOIF 1940, tr.3220-3221)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Quyết định thành lập Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương thuộc Tổng Thanh tra Công chính toàn Đông Dương. Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương phụ tá cho Tiểu ban cấp cao về quy hoạch, tôn tạo và mở rộng các thành phố, thành lập theo Nghị định ngày 20 tháng 11 năm 1930. Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương đảm nhiệm chức năng ban thư kí cho Tiểu ban.

Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương chịu trách nhiệm về:

- Quy hoạch đô thị tại Đông Dương và đặc biệt là xác định các

quy định chung đối với các đồ án quy hoạch, tôn tạo và mở rộng các thành phố;

- Nghiên cứu và hoàn tất các đồ án quy hoạch và mở rộng các thành phố đã được quyết định tùy tình hình;

- Giám sát các công trình nghiên cứu và công trình quy hoạch đô thị và kiến trúc do các thành phố tiến hành;

- Chuẩn hoá vật liệu xây dựng.

Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương cho kết luận về những vấn đề liên quan đến quy hoạch đô thị hoặc kiến trúc trình lên Toàn quyền hoặc Tổng Thanh tra Công chính, đặc biệt liên quan đến các nghiên cứu và công trình xây dựng, hoạt động của bộ phận xây dựng dân dụng thuộc các xứ.

Thành phố không có nhân lực để giao nghiên cứu và hoàn thiện đồ án quy hoạch và mở rộng, phù hợp với các quy định tại điều 6 của Nghị định ngày 20 tháng 11 năm 1930 cũng như theo quy định bắt buộc của Sắc lệnh ngày 12 tháng 7 năm 1928, Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương có thể được Toàn quyền giao nhiệm vụ nghiên cứu và hoàn thiện sơ đồ trên. Trường hợp này, Toàn quyền quyết định chi ngân sách cho hoạt động của Sở Quy hoạch đô thị và Kiến trúc trung ương thuộc trách nhiệm giải quyết của thành phố đó.

376. Arrêté du 8 janvier 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province Langbian.

Nghị định ngày 08 tháng 01 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập tỉnh Langbian (Lâm Viên).

(Nguồn: J 1214, JOIF 1941, tr.97-98)

Nghị định gồm 4 điều với nội dung chính sau:

Quyết định thành lập một tỉnh mới tại Trung Kì có tên gọi là "Tỉnh Langbian", với thủ phủ đặt tại Đà Lạt.

Công sứ - Đốc lí Đà Lạt đồng thời là Công sứ tỉnh Langbian. Công sứ tỉnh Langbian thực hiện chức trách về tư pháp của chủ tỉnh theo quy định tại điều 72 của Sắc lệnh ngày 16 tháng 02 năm 1921.

377. Arrêté du 23 janvier 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de l'Inscription maritime en Indochine.

Nghị định ngày 23 tháng 01 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Sở Đăng kiểm hàng hải Đông Dương.

(Nguồn: J 1214, JOIF 1941, tr.277- 278)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Quyết định thành lập Sở Đăng kiểm hàng hải tại mỗi cảng Sài Gòn và Hải Phòng. Các sở trên có quyền hạn như Khu Đăng kiểm hàng hải của Pháp, trừ Ban Đi biển thuộc quản lí trực tiếp của Giám đốc Sở Thương mại hàng hải. Các Sở Đăng kiểm hàng hải Đông Dương sáp nhập vào Sở Thương mại hàng hải, cơ quan có chức năng như Sở Thương mại hàng hải Pháp.

Phạm vi hoạt động và giám sát của hai Sở Đăng kiểm hàng hải trên được quy định như sau:

a, Bờ biển Cao Miên, Nam Kì và tuyến đường sông Sài Gòn và Đồng Nai trực thuộc quản lí của Sở Đăng kiểm hàng hải Sài Gòn;

b, Bờ biển Trung Kì, Bắc Kì, trấn Quảng Châu Loan và tuyến đường sông Cửa Cấm và Cửa Nam Triều trực thuộc quản lí của Sở Đăng kiểm hàng hải Hải Phòng;

Tại các cảng phụ, nhân viên thu thuế của Nha Thuế quan và Độc quyền thay thế đảm trách chức năng của Sở Đăng kiểm hàng hải.

Dưới quyền của Chánh Sở Đăng kiểm hàng hải, tại mỗi cảng Sài Gòn và cảng Hải Phòng, thanh tra giao thông và hàng hải chịu trách nhiệm giám sát chung về an toàn giao thông và vệ sinh trên tàu, trong trường hợp đặt biệt sẽ có 1 thanh tra kĩ thuật phụ tá việc giám sát động cơ và động cơ hơi nước

Chánh Sở Đăng kiểm hàng hải và thanh tra giao thông do Toàn quyền chỉ định theo đề nghị của Giám đốc Sở Thương mại hàng hải.

378. Arrêté du 10 mars 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant création au Gouvernement de la Cochinchine d'un bureau Militaire et de la Défense nationale.

Nghị định ngày 10 tháng 3 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Phòng Quân sự và Quốc phòng thuộc Phủ Thống đốc Nam Kì.

(Nguồn: J 1214, JOIF 1941, tr.764)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Phòng Quân sự và Quốc phòng thuộc Phủ Thống đốc Nam Kì được thành lập chịu trách nhiệm tập trung và điều phối các vấn đề về quân sự và quốc phòng trong phạm vi quyền hạn của chính quyền địa phương. Văn phòng cũng đảm nhiệm những vấn đề liên quan đến huy động quân sự (tuyển quân người Âu, người bản xứ, trưng mua...).

Phòng Quân sự và Quốc phòng sẽ sáp nhập vào Văn phòng Thống đốc, do một sĩ quan cấp cao, nếu thiếu sẽ do một viên quan cai trị ngạch dân sự điều hành. Phụ tá cho trưởng phòng là các nhân viên người Pháp và bản xứ với số lượng, quyền hạn và phân bổ do Thống đốc Nam Kì quy định bằng nghị định.

379. Arrêté du 10 juin 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant création au Gouvernement général d'un Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse.

Nghị định ngày 10 tháng 6 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí tại Phủ Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1216, JOIF 1941, tr.1789-1790)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí được thành lập tại Phủ Toàn quyền Đông Dương trực thuộc Ban Chỉ đạo các công việc chính trị. Sở được giao cho một viên chức hoặc sĩ quan cấp cao ngoài ngạch công chức đặc biệt điều hành. Viên chức này do Toàn quyền Đông Dương chỉ định bằng nghị định.

Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí gồm 3 phòng sau:

Phòng 1 phụ trách thông tin;

Phòng 2 phụ trách tuyên truyền;

Phòng 3 phụ trách báo chí.

380. Arrêté du 14 juin 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant l'organisation et les attributions du Cabinet militaire du Gouverneur général de l'Indochine.

Nghị định ngày 14 tháng 6 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Phòng Quân sự Phủ Toàn quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1216, JOIF 1941, tr.1812)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Các quy định trong Nghị định ban hành ngày 26 tháng 01 tháng 1919 về quyền hạn của Phòng Quân sự tại Phủ Toàn quyền bị bãi bỏ. Cách thức tổ chức và quyền hạn của Phòng Quân sự thuộc Phủ Toàn quyền được quy định lại như sau:

Phòng 1: Quân sự

Bộ phận 1 phụ trách quân sự: trình kí các văn bản về quân sự lên Toàn quyền; giải quyết các công việc có liên quan đến các tướng lĩnh trong quân đội và giám đốc các sở: Quân nhu, Y tế, Địa lí; quản lí nhân sự quân sự ngoài các ngạch công chức...

Bộ phận 2 phụ trách: Hội cựu chiến binh; Giáo dục thể chất và chuẩn bị quân sự; công việc thanh niên và các hiệp hội thể thao.

Phòng 2: Lính khố xanh

Phòng 2 phụ trách các công việc liên quan đến lính khố xanh, lính thủ bộ và các kế hoạch về an ninh.

Phòng 3: Ban Thư kí phòng thủ thường trực

Bộ phận 1 phụ trách: tập trung và điều phối công việc liên quan đến phòng thủ; nghiên cứu và chuẩn bị các vấn đề trình lên Ủy ban nghiên cứu phòng thủ Đông Dương; chuẩn bị các thông báo quyết định tổng động viên trong Liên bang gửi tới những chính quyền liên quan...

Bộ phận 2 phụ trách các vấn đề liên quan đến tình báo quân sự và hàng binh nước ngoài và kiểm soát biên giới.

Bộ phận 3 phụ trách: quân dự bị người Âu và người bản xứ; bổ dụng đặc biệt; huy động dân sự.

381. Arrêté du 15 juin 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction des Services économiques de l'Indochine.

Nghị định ngày 15 tháng 6 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1216, JOIF 1941, tr.1812-1814)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương có trách nhiệm giúp Toàn quyền trong nghiên cứu, chuẩn bị và thực thi các biện pháp liên quan đến hoạt động kinh tế toàn Đông Dương. Giám đốc Ban Chỉ đạo kiêm nhiệm Giám đốc Sở Trao đổi mậu dịch chịu trách nhiệm giám sát vật giá, quan hệ với các cơ quan thương mại nội địa và nước ngoài, tổ chức sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tín dụng và du lịch ở Đông Dương.

Giám đốc tập trung nghiên cứu các vấn đề về kinh tế, thương mại và công nghiệp đồng thời được ủy nhiệm bên cạnh những người đứng đầu chính quyền địa phương và các giám đốc sở trung ương khi cần thiết để thực thi quyền hạn được giao. Theo chỉ đạo của Toàn quyền, Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương điều phối hoạt động riêng biệt giữa các sở. Giám đốc chịu trách nhiệm quản lí hành chính đối với các sở và công sở sau:

- *Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi;*
- *Viện Nghiên cứu Nông học và Lâm nghiệp;*
- *Cục Mễ cốc Đông Dương;*
- *Cục Tín dụng Nông nghiệp Tương tế Đông Dương;*
- *Nha Địa lí;*
- *Cục Hàng không dân dụng;*
- *Sở Khí tượng thủy văn;*
- *Nha Điện báo vô tuyến;*
- *Viện Hải dương học Đông Dương;*
- *Sở Thống kê tổng hợp.*

Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương điều phối hoạt động của các sở, công sở trên, đại diện cho các cơ quan này bên cạnh Toàn quyền. Giám đốc sở lập dự thảo tổng thể các phần trong ngân sách chung Đông Dương liên quan đến các sở, công sở dưới quyền. Giám đốc Ban Chỉ đạo trình và xác nhận dự thảo ngân sách của Cục Mỗ cốc Đông Dương và trình dự thảo ngân sách của Cục Tín dụng Nông nghiệp Tương tế Đông Dương. Giám đốc Ban Chỉ đạo là Chủ tịch Hội đồng quản trị Cục Tín dụng Nông nghiệp Tương tế Đông Dương.

Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương chia thành các bộ phận gồm văn phòng và ba bộ phận, và một đại lí tại Sài Gòn với quyền hạn được quy định như sau:

1. Văn phòng

Phòng 1 phụ trách:

Tổ chức chung; công việc nội bộ; công văn đến và đi; nhân sự, thiết bị và văn phòng phẩm; lưu trữ; chuẩn bị ngân sách; kế toán và ngân sách các cơ quan trực thuộc; thương mại hàng hải; quan hệ với Sở Thương mại hàng hải ở Sài Gòn; Ban Thư kí Đại Hội đồng lợi ích kinh tế và tài chính; bảo quản tài liệu mật...

Tổng hợp tư liệu chung về kinh tế Pháp, Đông Dương và nước ngoài; thư viện của Ban Chỉ đạo.

2. Sở Trao đổi mậu dịch

Phòng 2 phụ trách xuất nhập khẩu gồm 2 bộ phận:

- Bộ phận 1 thực hiện giám sát nhập khẩu: xem xét và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nhập khẩu; quan hệ với Sở Hối đoái, Hiệp hội các nhà nhập khẩu, các tập đoàn kinh tế chính quốc, các Phòng Thương mại địa phương và nước ngoài, nhân viên thương mại, cơ quan kinh tế thuộc địa và Cơ quan Đông Dương tại Bắc Phi; thống kê về cung, cầu hàng hoá.

- Bộ phận 2 thực hiện giám sát xuất khẩu: cấp giấy phép xuất khẩu; quan hệ với các tập đoàn xuất khẩu; quan hệ với người đứng đầu các sở được huy động; huy động kinh tế; bổ dụng đặc biệt; bảo hiểm hàng hoá; tiếp tế cho chính quốc và các thuộc địa; hàng hoá trung chuyển.

Phòng 3 phụ trách thương mại và công nghiệp.

- Bộ phận 1 phụ trách về thương mại với các công việc: thuế quan và thuế, những vấn đề tín dụng; hợp pháp hoá thương mại; sổ đăng kí thương mại trung ương; vấn đề tiền tệ và ngân hàng; tiền thuê; trấn áp gian lận; liên hệ với Nha Thuế quan và Độc quyền; các đơn vị đo lường...

- Bộ phận 2 phụ trách về công nghiệp với các công việc: kết hợp với Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ trong nghiên cứu kinh tế và hiệu chỉnh chương trình công nghiệp hoá; phát triển ngành công nghiệp nhỏ và thủ công; quan hệ với các tập đoàn công nghiệp chính quốc và địa phương; các vấn đề hải quan và thuế khoá liên quan đến công nghiệp; nhiên liệu hoá lỏng; khí đốt; kiểm kê công nghiệp thuộc địa và tập trung các nhu cầu về khoáng sản hoá chất và luyện kim.

Phòng 4 phụ trách giám sát vật giá.

3. Sở Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi.

Phòng 5:

- Bộ phận 1 phụ trách nông nghiệp và chăn nuôi: nghiên cứu và hiệu chỉnh chương trình khai khẩn đất đai và tăng cường sản xuất nông nghiệp; phát triển chăn nuôi; tổ chức sản xuất nông nghiệp; bảo quản sản phẩm; tiền thưởng cho sản xuất và xuất khẩu; các vấn đề khai thác thuộc địa; quan hệ với Tổng Thanh tra Nông, Lâm nghiệp và Chăn nuôi, Viện Nghiên cứu Nông học và Lâm nghiệp, các sở địa phương, các Phòng Canh nông, Sở Tín dụng nông nghiệp và thủ công tương tế; tổ chức tín dụng; quy chế công sản và nhượng địa.

- Bộ phận 2 phụ trách lâm nghiệp: nghiên cứu các vấn đề liên quan bảo tồn rừng; chống cháy rừng, phá rừng; nghiên cứu lâm nghiệp; lâm nghiệp và nghề nuôi cá.

4. Sở Tập trung

Phòng 6: tập trung xử lí các công việc chuyển đến từ các sở ngành trung ương hoặc Tổng Thanh tra và các sở trực thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế (trừ Tổng Thanh tra Nông Lâm nghiệp và Chăn nuôi, Viện Nghiên cứu Nông học và Lâm nghiệp, Nha Thuế quan và Độc quyền, Sở Thương mại hàng hải)...

Phòng 7 phụ trách thông tin, du lịch và tuyên truyền với các công việc cụ thể: tập hợp tư liệu chung về kinh tế Pháp, Đông Dương và nước ngoài; thư viện; đặt mua báo; công bố tập san kinh tế; quan hệ với các phòng du lịch, nghiệp đoàn du lịch, các hãng du lịch; bảo tồn danh lam, thắng cảnh tự nhiên; công viên và các khu bảo tồn; săn bắn; quy hoạch các tuyến đường phục vụ lợi ích du lịch; công nghiệp khách sạn; điều lệ và giám sát khách sạn và nhà trọ; lộ trình du lịch; hội chợ và triển lãm; tuyên truyền; nhiếp ảnh; quảng cáo, quan hệ với báo chí, thông tin và công bố kinh tế.

Phòng 8 phụ trách: thực thi các thỏa thuận kinh tế; quan hệ với các phái bộ nước ngoài, thương lượng với nước ngoài.

Đại lí ở Sài Gòn

Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương có đại diện tại Sài Gòn với biên chế là một viên chức, có chức danh Đại lí của Giám đốc Ban Chỉ đạo. Đại lí ở Sài Gòn đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo thương mại và xuất khẩu thóc, gạo và chế phẩm, theo quy định tại Nghị định ban hành ngày 02 tháng 02 năm 1940.

382. Arrêté du 6 décembre 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation des délégations administratives indigènes en Cochinchine.

Nghị định ngày 06 tháng 12 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức các đại lí hành chính bản xứ ở Nam Kì.

(Nguồn: J 1220, JOIF 1941, tr.3543-3545)

Nghị định gồm 3 phần, 22 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Quy định chung

Quyết định chuyển các khu hành chính Nam Kì thuộc quyền chỉ đạo của các viên chức bản xứ trong ngạch công chức hành chính cấp cao thuộc các phòng của Phủ Thống đốc và tỉnh thành các "đại lí hành chính".

Các đại lí hành chính được giao cho các viên chức ít nhất thuộc ngạch quan phủ hạng 3 và có ít nhất 3 năm làm việc tại các phòng ban của Phủ Thống đốc, Văn phòng của các tỉnh hoặc một đại lí hành

chính. Viên chức điều hành đại lí hành chính có chức danh Đại lí. Các đại lí do Chủ tỉnh bổ nhiệm và được Thống đốc Nam Kì phê chuẩn.

Đại diện cho các Chủ tỉnh tại các khu hành chính, các đại lí phải tuân lệnh và chịu sự giám sát của Chủ tỉnh trong việc thực thi quyền hạn, ngoại trừ quyền hạn liên quan đến tư pháp.

Phần II. Quyền hạn của các Đại lí hành chính

Quyền hạn hành chính

Các Đại lí hành chính được giao:

- Thực thi các đạo luật, sắc lệnh, nghị định, quyết định và hướng dẫn, theo dõi vấn đề duy trì trật tự và bình yên công cộng tại khu trực thuộc.

- Tiến hành biện pháp kiểm soát và an ninh cần thiết, thông báo cho các Chủ tỉnh về những hành vi tắc trách cũng mức độ nghiêm trọng của sự việc.

- Giam giữ từ 1-5 ngày tại nhà tù trung ương những đối tượng vi phạm các quy định hoặc tập quán. Những biện pháp trừng phạt này có thể được làng chuộc lại theo mức quy định.

- Theo dõi những vấn đề do chính quyền cấp tổng và xã thực thi theo chức năng nhiệm vụ.

- Quyết định hình thức kỉ luật đơn giản đối với các kì mục, không niêm yết bố cáo; thông báo với Chủ tỉnh về những thiếu sót nghiêm trọng có thể bị kỉ luật nặng giam giữ, treo chức, sa thải hoặc cách chức kèm theo niêm yết bố cáo về thời gian cụ thể.

- Theo dõi những vấn đề liên quan đến việc thay đổi thành phần các Hội đồng Kì mục và trình Chủ tỉnh những đánh giá bổ nhiệm mới cũng như những khó khăn có thể phát sinh.

- Đảm bảo duy trì hoạt động của các trường học, cơ sở y tế và đồn cảnh sát trong khu vực thuộc quyền quản lí nhưng không có quyền giám sát trong lĩnh vực thuần túy về kĩ thuật.

- Với sự hỗ trợ của chính quyền các cấp tổng và xã, các đại lí giám sát việc duy tu các công trình công cộng, đường sá, các công trình hầm cầu trong phạm vi quản lí và thông báo với Chủ tỉnh về những công trình cần xây mới và bảo dưỡng, chuyển các ý kiến, đề nghị do chính quyền cấp tổng và xã trình Chủ tỉnh.

- Kiểm tra việc quản lí hành chính, tài chính và thuế khoá tại các Hội đồng Kì mục theo quý. Kết quả kiểm tra được lập biên bản thành hai bản, một bản gửi cho quan cai trị và một bản lưu tại hồ sơ lưu trữ của làng.

- Phụ trách các cuộc điều tra và kinh lí do Chủ tỉnh giao. Khi thụ lí một vụ việc quan trọng nhưng không đủ năng lực ra quyết định, đại lí có thể chuyển vụ việc lên Chủ tỉnh kèm theo kết luận. Đại lí giải quyết các sự vụ thông thường giữa người dân, không cần tới sự can thiệp của Chủ tỉnh.

- Cho phép tổ chức các lễ hội tôn giáo hoặc nghi lễ thờ cúng gia đình.

Quyền hạn tư pháp

Các đại lí bản xứ là sĩ quan cảnh sát tư pháp, trợ lí Biện lí chịu trách nhiệm điều tra tội ác và hành vi phạm tội do người bản xứ gây ra cho người Pháp hoặc viên chức hàng quân nhân, tiến hành hoạt động tư pháp nhằm thu thập bằng chứng và giao người phạm tội cho chính quyền xử lí. Đại lí hoạt động theo các hướng dẫn của Bộ Luật thẩm cứu Hình sự được áp dụng tại thuộc địa. Đại lí phải thông báo trực tiếp tới cơ quan tư pháp.

Các điều khoản từ 15 đến 20 quy định quyền hạn về tài chính và thuế của đại lí ở Nam Kì.

383. Décret du 19 décembre 1941 du Maréchal de France en vertu duquel la région de Saigon-Cholon et les villes de Saigon et de Cholon constituent une unité administrative unique sous la dénomination de région de Saigon - Cholon (promulgué le 28 décembre 1941).

Sắc lệnh ngày 19 tháng 12 năm 1941 của Thống chế Pháp về việc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và hai thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn sẽ trở thành một đơn vị hành chính duy nhất mang tên khu Sài Gòn - Chợ Lớn (ban hành ngày 28 tháng 12 năm 1941).

(Nguồn: J 1220, JOIF 1941, tr.3822)

Sắc lệnh gồm 13 điều với các nội dung chính sau:

Khu Sài Gòn - Chợ Lớn được tổ chức theo Sắc lệnh ngày 27 tháng 4 năm 1931 và hai thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn sẽ trở thành một đơn vị hành chính duy nhất mang tên khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Quyền hạn của Đốc lí Sài Gòn và Chủ tịch Uỷ ban thành phố Chợ Lớn được trao cho Trưởng khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Quyền hạn dành cho Hội đồng thành phố Sài Gòn và Uỷ ban thành phố Chợ Lớn được trao cho Hội đồng Quản trị khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Giúp việc cho Trưởng khu là một Hội đồng Quản trị với thành phần như sau:

Trưởng khu, Chủ tịch;

Uỷ viên Hội đồng gồm người Pháp, người bản xứ và người Hoa được lựa chọn trong số thân hào, thương nhân tại Sài Gòn, Chợ Lớn, hoặc sinh sống ngoài khu vực này, hoặc là thành viên Hội đồng Quản trị Cảng thương mại Sài Gòn, hoặc do các hội Hoa kiều tại Sài Gòn - Chợ Lớn đề cử. Uỷ viên Hội đồng do Toàn quyền chỉ định theo đề xuất của Thống đốc Nam Kì với nhiệm kì một năm. Trường hợp ủy viên thực thụ vắng mặt tại thuộc địa, uỷ viên dự khuyết được chỉ định thay thế.

Uỷ viên vắng mặt trong thời gian từ 1 năm trở lên hoặc vắng 3 lần triệu tập liên tiếp, nếu không có lí do chính đáng bị tuyên từ chức.

384. Décret du 6 janvier 1942 du Maréchal de France remplaçant par de dispositions nouvelles l'article 1er du décret du 20 octobre 1911 fixant la composition et attributions du Conseil de Gouvernement.

Sắc lệnh ngày 06 tháng 01 năm 1942 của Thống chế Pháp thay điều 1 của Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 bằng các quy định mới về thành phần và quyền hạn của Hội đồng Chính phủ.

(Nguồn: J 1124, JOIF 1942, tr.392)

Sắc lệnh gồm 2 điều, theo đó thành phần của Hội đồng Chính phủ được quy định lại như sau

"Hội đồng chính phủ phụ tá cho Toàn quyền Đông Dương. Dưới sự chủ toạ của Toàn quyền, Thành phần Hội đồng gồm:

- Tướng Tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương;

- Phó Toàn quyền;

- Người đứng đầu các chính quyền địa phương (các kì);

- Giám đốc Sở Tư pháp;

- Giám đốc Nha Tài chính;

- Tổng Thanh tra Công chính;

- Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền;

- Giám đốc Ngân khố Đông Dương

- Tư lệnh Hải quân;

- Tư lệnh Không quân;

Chánh Văn phòng phủ Toàn quyền làm thư kí và có quyền tham gia thảo luận".

385. Arrêté du 8 janvier 1942 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Gouvernement général.

Nghị định ngày 08 tháng 01 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí thuộc Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1224, JOIF 1942, tr.133-134)

Nghị định gồm 2 điều quy định quyền hạn của Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí thuộc Phủ Toàn quyền được quy định như sau:

***A. Thông tin:** phụ trách tìm kiếm, tập trung và truyền bá thông tin với các nhiệm vụ cụ thể sau:*

a, Tìm kiếm thông tin: Điều hành và giám sát liên quan đến tìm kiếm thông tin, các Trung tâm thu Vô tuyến điện (Truyền vô tuyến điện và Điện báo vô tuyến); quan hệ với bộ phận Giám sát bưu điện trong nghiên cứu và gửi thông tin; khai thác báo chí Pháp và nước ngoài; quan hệ với thông tín viên của Công báo *Pháp ở Đông Dương.*

b, Tập trung thông tin tình báo: Sắp xếp các thông tin tình báo nội chính và đối ngoại, các tin tức chung (quân sự, hải quân, kinh tế...) do Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí hoặc các cơ quan khác thu thập.

c, Phổ biến: Công bố các kết quả thu được trong truyền vô tuyến điện và điện báo vô tuyến phục vụ các cơ quan chính thống khác; lập tập san tổng hợp định kì và đặc biệt về tình báo chính trị, tùy từng trường hợp phổ biến tới các cơ quan có liên quan, đến Quân đoàn chiến binh, tới báo chí và công chúng.

B. Tuyên truyền

a, Tuyên truyền đối ngoại

- Tuyên truyền về Đông Dương ở Viễn Đông và Thái Bình Dương;

- Tuyên truyền ủng hộ Đông Dương ở chính quốc, quan hệ với các cơ quan tuyên truyền của Pháp...

b, Tuyên truyền đối nội:

- Điều hành, phối hợp và giám sát tuyên truyền tại các xứ thuộc Liên bang: quan hệ với các đại lí địa phương ở Sở Tuyên truyền, với Quân đoàn và Sở Thể thao thanh niên;

- Tiến hành các hình thức tuyên truyền khác nhau;

- Truyền thanh;

- Chiếu phim, phim tuyên truyền, hướng dẫn các ủy ban kiểm duyệt phim điện ảnh;

- Các loại băng đĩa, kịch, áp phích, biển hiệu, băng-rôn, ảnh;

- Quảng cáo, truyền đơn;

- Sách và ấn phẩm định kì;

- Các hoạt động xuất bản bản xứ: các nhà xuất bản...

C. Báo chí

- Quan hệ với báo chí Pháp và Đông Dương thông qua chính quyền địa phương;

- Thông cáo báo chí, sơ đồ, tài liệu;

- Giám sát báo chí, các vi phạm, các số ra đặc biệt, chứng nhận môn bài nhập giấy;

- Nghiên cứu báo chí Pháp và nước ngoài;

- Tập san hàng ngày về báo chí Pháp, Đông Dương và nước ngoài, phát tập san trên đến các sở dân sự và quân sự có liên quan.

- Kiểm duyệt báo chí, ủy ban kiểm duyệt, chỉ thị, hướng dẫn đặc biệt để đảm bảo kiểm duyệt báo chí, xuất bản phẩm, sách vở và các truyền đơn in ở Đông Dương.

- Tập trung và khai thác các tập san báo chí định kì và kiểm duyệt của các xứ thuộc Liên bang.

- Tập san hàng ngày về kiểm duyệt báo chí, phát tập san trên đến các cơ quan dân sự và quân sự có liên quan.

- Điểm báo Bắc Kì hàng ngày cho Đài phát thanh Sài Gòn.

- Quan hệ với báo chí Pháp ở nước ngoài.

- Thông tin với báo chí chính quốc.

- Quan hệ với các hãng thông tấn nước ngoài, Công báo Đông Dương *và kiểm duyệt điện tín báo chí.*

- Quan hệ với các Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí địa phương và các Ủy ban giám sát thông tin và tuyên truyền địa phương của các xứ thuộc Liên bang về những vấn đề liên quan đến báo chí và kiểm duyệt báo chí.

386. Arrêté du 13 avril 1942 du Gouverneur général de l'Indochine portant regroupement du Service de l'Enregistrement et du Service de le Propriété foncière de l'Indochine.

Nghị định ngày 13 tháng 4 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương về hợp nhất Nha Trước bạ và Sở Ruộng đất Đông Dương.

(Nguồn: J 1225, JOIF 1942, tr.1136-1140)

Nghị định gồm 5 phần, 31 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Tổ chức của Sở

Nha Trước bạ, Tài sản và Tem và Ruộng đất Đông Dương phụ trách các công việc giống như các công việc giao cho cơ quan trước bạ của nước Pháp. Ngoài ra, Sở cũng đảm trách công việc về sở hữu ruộng đất và trợ quản đối với tài sản vô chủ cũng như các quyền hạn khác.

Nha Trước bạ, Tài sản, Tem, Cầm cố và Ruộng đất chịu sự quản lí và chỉ đạo của Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương.

Giúp việc cho Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản, Tem, Cầm cố và Ruộng đất là chánh các Sở Ruộng đất địa phương. Các sở này chịu sự lãnh đạo trực tiếp của người đứng đầu chính quyền địa phương và được giao giám sát việc áp dụng các sắc lệnh, văn bản về chế độ sở hữu ruộng đất tại khu vực quản lí, dưới sự kiểm tra của Giám đốc. Chức danh Chánh Sở Ruộng đất Bắc Kì do Giám đốc Nha Trước bạ đảm nhiệm và có thể ủy thác toàn bộ hay một số quyền hạn cho viên quản thủ Phòng Chuyển nhượng và Sở hữu bất động sản Hà Nội.

Chánh Sở Ruộng đất địa phương chịu trách nhiệm giám sát kĩ thuật đối với mọi hoạt động hoàn thành sổ chứng nhận ruộng đất và cấp chứng nhận sở hữu. Giám đốc các Sở địa phương báo cáo tình hình với Giám đốc Nha Tài chính và người đứng đầu các chính quyền địa phương. Các Chánh Sở địa phương giám sát hoạt động của sở.

Ban lãnh đạo Nha Trước bạ gồm Trưởng ban Giám sát và Tài phán, một Trưởng phòng Công sản, một Trưởng phòng Nhân sự và một Trưởng phòng Kế toán và Ngoại vụ.

Chức danh Trưởng ban Giám sát và Tài phán được giao cho một nhân viên cấp cao do Giám đốc Nha Tài chính chỉ định. Chức danh Trưởng phòng Nhân sự và Trưởng phòng Công sản thuộc Nha Trước bạ được giao cho thanh tra hoặc nhân viên thu thuế. Chức Trưởng phòng Kế toán và Ngoại vụ được giao cho nhân viên thu thuế, nếu thiếu viên chức thuộc ngạch này, sẽ giao cho các kiểm soát viên kế toán đặc biệt.

Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất có thể đặt một chức danh đại lí không thuộc Sở Ruộng đất ở Sài Gòn, đại diện cho Sở trong các vụ việc liên quan đến các bộ phận thuộc Sở. Theo quyết định của Giám đốc Nha Tài chính, đại lí trên được chọn trong số nhân viên cấp cao đang làm việc tại thành phố.

Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất theo dõi việc thu thuế, cho phép khôi phục một số loại thuế và tiền phạt phải thu, thông qua đại lí thường trực của Giám đốc Nha Tài chính; chấp thuận miễn các hình phạt dưới 4.000 đồng bạc, trừ những hình phạt liên quan đến các vụ việc cần được Giám đốc Nha Tài chính xem xét. Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất giám sát trực

tiếp các viên chức và nhân viên của Sở, đánh giá hàng năm và lập đề nghị nâng bậc.

Giám đốc giải quyết mọi vấn đề có tính nguyên tắc hoặc liên quan đến:

- Đăng kí hộ tịch, hành chính, bản xứ, tiếp kí các giấy tờ cá nhân, pháp lí và ngoài tòa.

- Thanh toán án phí và các loại phí khác.

- Cầm cố và sở hữu ruộng đất.

- Thu phí bảo trợ tư pháp.

- Bán lẻ tem và giấy tờ có dán tem.

- Thuế chuyển nhượng do người phải đóng thuế bị chết.

- Thuế phải nộp của các hãng của Pháp và nước ngoài, các loại thuế khác.

- Quản lí công sản thuộc địa trong phạm vi được giao.

- Thu phí tiền thuê hầm mỏ cũng như vấn đề có tính nguyên tắc liên quan đến các khoản tiền thuê này.

- Trợ quản tài sản vô chủ và quản lí việc kế nhiệm, không có người kế nhiệm của các viên chức.

- Tạm giữ tài sản bị tịch thu theo các đạo luật an ninh chung.

- Thu thuế buôn bán thực phẩm của các quỹ đặc biệt liên quan đến tai nạn lao động.

- Nghiên cứu những vấn đề có tính nguyên tắc liên quan đến hợp pháp hoá các thiệt hại chiến tranh...

Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất phụ trách mọi vấn đề thuộc thẩm quyền được giao cho Sở, theo các văn bản đặc biệt hoặc theo phân công của Giám đốc Nha Tài chính.

Ngoài ra, Giám đốc Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất tập trung mọi hoạt động tài chính của các phòng cũng như hoạt động kế toán về các khoản thu và báo cáo Giám đốc Nha Tài chính về kết quả hoạt động.

Các phòng thu thuế của Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Trợ quản, Cầm cố và Ruộng đất được thành lập theo nghị định của Toàn

quyền, dựa trên đề nghị của Giám đốc Nha Tài chính sau khi có ý kiến của người đứng đầu chính quyền địa phương.

Tại các tỉnh không có phòng thu thuế trong suốt tài khoá, các thỏa thuận về thuế và độc quyền giữa người bản xứ với người châu Á hàng quân nhân, quy định tại điều 131 và 151 của Nghị định ngày 06 tháng 11 năm 1929 về văn bản và chuyển nhượng sẽ đăng kí tại các cụm thu thuế của ngân khố theo quyết định của Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương.

***Phần II và III** gồm 8 điều quy định về tổ chức nhân sự và kỉ luật, khen thưởng đối với nhân sự của Sở.*

Nhân sự người Âu gồm:

- Công chức cao cấp: Một giám đốc và các thanh tra

- Ngạch công chức chính: Nhân viên thu thuế hoặc quản thủ viên.

Thứ bậc và lương của thanh tra và nhân viên thu thuế hoặc quản thủ viên được quy định tại điều 17 của Nghị định ngày 31 tháng 5 năm 1929 sửa đổi bằng Nghị định ngày 25 tháng 11 năm 1930. Bãi bỏ chức danh kiểm soát viên đặc biệt thuộc ngạch công chức địa phương.

Ngạch công chức nhân sự người Âu của Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất gồm:

- Viên chức Nha Trước bạ, Tài sản và Tem của chính quốc do Quốc vụ khanh phụ trách tài chính quyết định, theo đề nghị của chính quyền địa phương bản xứ;

- Viên chức ngạch công chức địa phương, cách thức tuyển dụng được quy định như sau: Nhân viên của Nha Trước bạ, Tài sản và Tem của chính quốc đã hoàn thành 3 năm quân dịch ở Đông Dương và không còn làm việc ở chính quốc. Các nhân viên này được nhận vào làm việc ở ngạch công chức địa phương với ngạch lương hưởng theo quy định của Sắc lệnh ngày 19 tháng 02 năm 1937.

Viên chức Sở Ruộng đất ở ngạch công chức cũ được xếp vào ngạch công chức mới với ngạch tương đương.

Để được trở thành nhân viên chính thức, các nhân viên thu thuế tập sự phải đỗ kì thi nghề theo chương trình và điều kiện được quy định trong quyết định của Giám đốc Nha Tài chính.

Nhân sự người Đông Dương gồm:

Tham tá chính, tham tá và tham tá tập sự, thư kí chính, thư kí và thư kí tập sự.

Nhân sự người Đông Dương của Sở gồm:

- Tham tá, thư kí Nha Trước bạ, Tài sản và Tem;

- Thư kí của Sở Ruộng đất ở Nam Kì nay sáp nhập thành ngạch công chức duy nhất của Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Sở hữu ruộng đất.

- Tham tá và thư kí ngạch công chức của các toà Công sứ biệt phái tới Sở Ruộng đất Bắc Kì phải làm đơn đề nghị và việc thuyên chuyển được quyết định sau khi có ý kiến của người đứng đầu chính quyền địa phương có liên quan.

Nhân sự tham tá và thư kí Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất tuân theo quy định của Nghị định ngày 21 tháng 9 năm 1935 về quy chế chung đối với viên chức của chính quyền Pháp, các Nghị định ngày 18 tháng 4 năm 1919 và 16 tháng 5 năm 1930 về quy chế đặc biệt về nhân sự Nha Trước bạ, Nghị định ngày 10 tháng 11 năm 1938 về mức lương mới và các văn bản tiếp theo.

Chức danh nhân viên chạy giấy của Nha Trước bạ, Tài sản và Tem và bị bãi bỏ và sáp nhập vào ngạch công chức Nha Tài chính.

Nâng bậc và kỉ luật

Việc nâng bậc và kỉ luật đối với nhân viên Nha Trước bạ, Tài sản, Tem và Ruộng đất tuân theo quy định của Nghị định ngày 20 tháng 3 năm 1921 và các văn bản tiếp theo. Giáng ngạch, bậc hoặc cách chức nhân viên thuộc ngạch công chức chính quốc do chính quyền Pháp quyết định, dựa theo quy chế đặc biệt đối với hạng viên chức trên...

Phần IV quy định về quyền hạn của các phòng thu thuế

Giám đốc Nha Tài chính ra quyết định bổ nhiệm chức danh thực thụ của các phòng ban trực thuộc Nha Trước bạ, Tài sản và Ruộng đất, trong đó quy định thời gian quản lí không quá 5 năm, gồm cả thời gian nghỉ phép hành chính hoặc nghỉ phép do ốm đau. Nếu xét thấy hợp lí, Giám đốc Nha Tài chính có thể gia hạn thời gian quản lí của nhân viên thu thuế.

387. Arrêté du 30 juin 1942 du Gouverneur général de l'Indochine instituant au Gouvernement général de l'Indochine une Direction de la Législation, de l'Administration général, du Contentieux et du Travail.

Nghị định ngày 30 tháng 6 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Pháp chế, Hành chính tổng hợp, Tài phán và Lao động thuộc Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1226, JOIF 1942, tr.1884-1885)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Pháp chế, Hành chính tổng hợp, Tài phán và Lao động thuộc Phủ Toàn quyền gồm:

- *Sở Pháp chế và Hành chính tổng hợp;*
- *Sở Tố tụng;*
- *Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội.*

Quyền hạn của Ban Chỉ đạo Pháp chế, Hành chính tổng hợp, Tài phán và Lao động như sau:

I. Sở Pháp chế và Hành chính tổng hợp

Phòng 1- Phòng Pháp chế phụ trách các công việc về pháp chế chung và so sánh, xem xét các ấn phẩm chính thức, lập và cập nhật các tài liệu nguyên tắc liên quan đến hành chính tổng hợp, lập và cập nhật tài liệu pháp chế, ban hành các đạo luật, quy định, sắc lệnh, hiệu chỉnh các nghị định và văn bản quy chế địa phương, ấn phẩm định kì và thư viện.

Phòng 2- Phòng Hành chính tổng hợp phụ trách các công việc về tập trung và phối hợp với các Sở có thẩm quyền thuộc Phủ Toàn quyền xem xét mọi vấn đề liên quan đến Hành chính tổng hợp, thực thi quyền bảo hộ hành chính của Phủ Toàn quyền, Hội đồng Thuộc địa, Hội đồng Tư mật và Chính quyền Bảo hộ, các Hội đồng Thành phố, trung tâm đô thị, quá trình đô thị hoá, các công sở, các cơ quan công ích, hiệp hội và hội đoàn, cử tri, hộ tịch người Âu, chuyển giao tử thi, hiến tặng và di tặng, sở hữu văn học và nghệ thuật, Ban Thư kí Hội đồng Chính phủ.

Phòng 3- Phòng Pháp điển phụ trách công việc về pháp điển hoá

các văn bản lập pháp và quy chế liên quan đến chính quyền Đông Dương, cập nhật Tổng tập Pháp chế và Quy chế Đông Dương.

II. Sở Tố tụng

- Đại diện và bảo vệ lợi ích của Phủ Toàn quyền trước các cơ quan xét xử hành chính, xem xét kỉ yếu do đại diện của các chính quyền và cơ quan chuẩn bị, quan hệ với Hội đồng Tài phán hành chính Đông Dương, tập trung các thủ tục tố tụng chưa giải quyết tại các cơ quan xét xử chính quốc.

- Nghiên cứu hồ sơ hành chính về phương diện tài phán...

III. Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội

Phòng 1 phụ trách các vấn đề pháp chế lao động:

- Chuẩn bị, xem xét và áp dụng các văn bản liên quan đến lao động ở Đông Dương (hợp đồng, quy định và điều khoản thỏa thuận liên quan đến lao động, nghỉ phép được trả lương, nghỉ tuần, thời gian của ngày lao động, hoà giải và làm trọng tài phân xử các xung đột lao động...)

- Bảo vệ người lao động.

- Đại diện ngành nghề.

- Tai nạn lao động.

- Vệ sinh và an toàn của công nhân.

- Tư liệu pháp chế và các tác phẩm của chính quốc, của thuộc địa và nước ngoài liên quan đến lao động.

- Pháp điển hoá và diễn giải các văn bản liên quan đến lao động.

Phòng 2 phụ trách:

- Nghiên cứu nhu cầu nhân công, cách thức đáp ứng và khả năng huy động công nhân của mỗi xứ thuộc Liên bang.

- Giám sát tuyển dụng và sử dụng nhân công.

- Quy chế lao động hợp đồng.

- Giám sát hoạt động tuyển dụng, giới thiệu việc làm và chuyên chở người lao động, các điều khoản hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động, giám sát chung việc thực thi thời hiệu trong quy chế lao động hợp đồng tại Đông Dương.

- Áp dụng quy chế đặc biệt liên quan đến lao động nước ngoài.

- Tiền tiết kiệm của công nhân, tương tế xã hội, tương hỗ, đấu tranh chống thất nghiệp.

- Các cơ sở giới thiệu việc làm.

- Tập trung báo cáo của Thanh tra lao động địa phương cũng như báo cáo và thông tin các loại về tình hình nhân công.

- Lập báo cáo định kì.

- Thống kê nhân công và lương.

- Huy động nhân công.

388. Arrêté du 30 juin 1942 du Gouverneur général de l'Indochine rétablissant la Direction du Personnel au Gouvernement général.

Nghị định ngày 30 tháng 6 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương về tái thành lập Ban Phụ trách nhân sự Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1226, JOIF 1942, tr.1885)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Ban Phụ trách nhân sự Phủ Toàn quyền tiếp tục thực hiện các quyền hạn quy định tại Nghị định ban hành ngày 20 tháng 4 năm 1938 cụ thể như sau:

- Tập trung và nghiên cứu mọi vấn đề liên quan đến nhân sự người Pháp và người Đông Dương làm việc ở Đông Dương;

- Chuẩn bị các dự thảo quy chế liên quan đến nhân sự;

- Giúp Toàn quyền trong quản lí và giám sát nhân sự.

Ban Phụ trách nhân sự gồm 4 phòng với các quyền hạn như sau:

Phòng 1:

- Các vấn đề có tính nguyên tắc liên quan đến nhân sự Đông Dương (nhân sự người Âu và người Đông Dương làm việc trong chính quyền Pháp).

- Nghiên cứu và chuẩn bị mọi quy chế liên quan đến nhân sự, trong đó có các quy định về hưu trí (Quỹ liên thuộc địa hay Quỹ địa phương), sát hạch ngôn ngữ phương Đông.

- Quản lí và cập nhật các hồ sơ nguyên tắc nhân sự.

- Tham vấn về mọi vấn đề trật tự chung (không tài phán) liên quan đến giải thích và áp dụng các quy định nhân sự, trong đó có các đạo luật quân sự.

- Giám sát các công việc dành cho người Âu.

- Niên giám hành chính.

- Trật tự nội bộ.

- Các công việc chuyên biệt.

Phòng 2 quản lí và giám sát nhân sự của các sở, cơ quan:

A, Nhân sự người Âu của các công sở sau: Công chính; Mỏ; Địa chất; Thuế quan và Độc quyền; Bưu điện, Điện tín và Điện thoại; Vô tuyến điện; Ngân khố; Tư pháp; Cảnh sát; Nhập cư; Đội tàu; Nha Tài chính; Trước bạ, Tài sản và Tem; Thuế trực thu; Sở Ruộng đất; Giám sát tài chính; Trường Viễn Đông Bác cổ; Sở Khí tượng; Quỹ hưu trí địa phương; Nha Địa lí; Viện Hải dương học; Thương mại hàng hải; Đăng kí hàng hải; Thanh tra lao động; Các thông ngôn người Âu làm việc tại các cơ quan hành chính và tư pháp; Vùng Sài Gòn; Chợ Lớn; các Hội đồng Thành phố; Học chính (viên chức biệt phái và địa phương); ngạch công chức quản lí và phó quản lí; Cục Kinh tế thuộc địa ở Paris; Thống kê.

B, Nhân sự người Đông Dương của các cơ quan như:

- Sở Công chính gồm các kĩ sư, kĩ sư lục lộ, nhân viên kĩ thuật, kiến trúc sư và tham tá công trình.

- Nha Bưu điện, Điện tín và Điện thoại gồm các nhân viên thu thuế.

- Nha Vô tuyến điện gồm các kĩ sư và trưởng trạm.

- Nha Khí tượng gồm các kĩ sư.

- Cơ quan tư pháp gồm thẩm phán hoà giải.

Phòng 3 quản lí và giám sát nhân sự của các sở, cơ quan sau:

A, Nhân sự người Âu: ngạch dân sự, ngạch công chức quan cai trị và ngạch công chức văn phòng; nhân sự chính quyền trung ương và các quan cai trị thuộc địa; Phủ Toàn quyền và các chính quyền địa phương; Lính Đông Dương; Nha Lưu trữ và Thư viện; Sở Địa

chính; các nhà tù; Sở Y tế; Viện Pasteur; Sở Thú y; Sở Canh nông và Thương nghiệp; Viện Nghiên cứu nông học; Tín dụng nông nghiệp nhân dân; Lâm nghiệp; Các chuyên gia hoá học; Cục Mễ cốc; Sở Hiến binh.

B, Nhân sự người Đông Dương của các cơ quan:

- Thú y gồm các bác sĩ thú y người Đông Dương.

- Lâm nghiệp gồm các kiểm soát viên thủy - lâm người Đông Dương.

- Canh nông gồm các kĩ sư và nhân viên kĩ thuật.

- Y tế gồm các bác sĩ người Đông Dương, dược sĩ người Đông Dương, bà đỡ người Đông Dương.

- Địa chính và Địa hình gồm các nhân viên kĩ thuật.

Phòng 4 quản lí và giám sát nhân sự của các sở, cơ quan sau:

Nhân sự người Đông Dương:

- Ngạch công chức địa phương người Đông Dương làm việc trong các cơ quan hành chính Đông Dương.

- Tham tá, nhân sự trợ tá và nhân sự dự khuyết của các cơ quan sau: Phủ Toàn quyền; Công chính; Mỏ; Thuế quan và Độc quyền; Bưu điện, Điện tín và Điện thoại; Nha Vô tuyến điện; Ngân khố; Cảnh sát; Tài chính; Trước bạ; Giám sát tài chính; Trường Viễn Đông Bác cổ; Nha Khí tượng; Quỹ hưu trí địa phương; Nha Địa lí; Viện Hải dương học; Thương mại hàng hải; Đăng kiểm hàng hải; Thanh tra lao động; Học chính; Y tế; Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Thú y...

389. Décret du 10 septembre 1942 du Maréchal de France portant réorganisation du Service des Eaux et Forêts aux Colonies (promulgué le 21 juin 1943).

Sắc lệnh ngày 10 tháng 9 năm 1942 của Thống chế Pháp quy định tổ chức lại Sở Thủy Lâm ở thuộc địa (ban hành ngày 21 tháng 6 năm 1943).

(Nguồn: J 1241, JOIF 1944, tr.1295-1298)

Sắc lệnh gồm 5 phần, 34 điều với các nội dung chính sau:

Phần I. Quy định chung

Sở Thủy Lâm có quyền hạn chính là quản lí chung về lâm nghiệp với các nhiệm vụ chính:

- Lập ranh giới, bảo tồn và quản lí công sản lâm nghiệp của nhà nước, của các thuộc địa và đơn vị công cộng và bản xứ;

- Xác định khu vực tái trồng rừng hoặc phục hồi thực vật và các công việc cần làm;

- Bảo vệ và cải tạo đất;

- Bảo vệ và giám sát khai thác lâm sản từ các quần thể thực vật thuộc công sản công dụng hoặc tư dụng của Nhà nước, thuộc địa và của các đơn vị công cộng và bản xứ;

- Xếp hạng và giám sát các công viên quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên nguyên sinh và các khu bảo tồn hệ động, thực vật;

- Tổ chức và giám sát việc săn bắn, đánh bắt tại các sông, hồ;

- Phát triển nghề nuôi cá;

Điều tiết hoặc cải thiện chế độ dòng chảy ....

Sở Thủy Lâm kết hợp với các sở ngành khác, đặc biệt là Sở Công chính tiến hành nghiên cứu và thực hiện các biện pháp bảo vệ hoặc cải thiện nếu xét thấy cần thiết. Sở Thủy Lâm có quyền quy định về quyền sở hữu công sản lâm nghiệp công dụng hoặc tư dụng vĩnh viễn hoặc tạm thời, đặc biệt là khu vực có hoạt động khai thác thuộc địa và nhượng địa.

Mức lương của viên chức Sở Thuỷ Lâm được quy định như sau:

Ngạch và hạng	*Lương trả cho thời gian có mặt (phơ-răng)*	*Xếp hạng liên quan đến việc đi lại*
Tổng thanh tra hạng 1	*75.000*	*Hạng 1 A*
Tổng thanh tra hạng 2	*70.000*	*Hạng 1 A*
Quản thủ viên làm việc trên 3 năm	*67.000*	*Hạng 1 B*
Quản thủ viên làm việc dưới 3 năm	*65.000*	*Hạng 1 B*
Thanh tra chính hạng 1 làm việc trên 6 năm	*65.000*	*Hạng 1 B*
Thanh tra chính hạng 1 làm việc trên 3 năm	*62.000*	*Hạng 1 B*

Ngạch và hạng	*Lương trả cho thời gian có mặt (phơ-răng)*	*Xếp hạng liên quan đến việc đi lại*
Thanh tra chính hạng 1 dưới 3 năm	*57.000*	*Hạng 1 B*
Thanh tra chính hạng 2	*51.000*	*Hạng 1 B*
Thanh tra hạng 1 làm việc trên 4 năm	*46.000*	*Hạng 1 B*
Thanh tra hạng 1 dưới 4 năm	*42.000*	*Hạng 1 B*
Thanh tra hạng 2 làm việc dưới 4 năm	*37.500*	*Hạng 1 B*
Thanh tra hạng 3 trước 4 năm	*33.000*	*Hạng 1 B*
Phó thanh tra hạng 1 là việc trên 4 năm	*30.000*	*Hạng 2*
Phó thanh tra hạng 1 làm việc dưới 4 năm	*26.000*	*Hạng 2*
Phó thanh tra hạng 2	*21.000*	*Hạng 2*
Phó thanh tra hạng 3	*18.000*	*Hạng 2*
Phó thanh tra tập sự	*15.000*	*Hạng 2*

Cố vấn trên có quyền hạn trong mọi vấn đề liên quan đến rừng, khai thác lâm nghiệp, công nghiệp gỗ, lâm sản, đánh cá trên sông và săn bắn ở các thuộc địa. Cố vấn điều hành các cơ quan và phòng thí nghiệm của chính quốc về nghiên cứu kĩ thuật lâm nghiệp cũng như việc giảng dạy và các khoá thực tập để đào tạo nhân sự lâm nghiệp thuộc địa.

Cố vấn có quyền hạn đặc biệt trong các công việc:

- Chỉ đạo chung các đồ án, nghiên cứu và giám sát kĩ thuật các cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp tại các thuộc địa;

- Giám sát kĩ thuật các Sở Lâm nghiệp địa phương của các thuộc địa;

- Thông báo tuyển dụng và phân bổ nhân sự, cơ cấu của các ngạch nhân viên.

Tại các Phủ Toàn quyền Đông Dương, Tây Phi thuộc Pháp, các Tổng Thanh tra của Sở Thủy Lâm, hoặc nếu thiếu, các quản thủ viên đảm nhiệm chức năng của Tổng Thanh tra tập trung nghiên cứu giải quyết các vấn đề liên quan đến rừng, đánh bắt và săn bắn. Tổng

Thanh tra là cố vấn kĩ thuật cho Toàn quyền, thiết lập quy định chung trong đánh giá về lâm nghiệp: phòng chống cháy rừng, quy hoạch rừng... Các Tổng Thanh tra giám sát thanh tra các cơ quan cấp địa phương.

Phần II, III, IV gồm 20 điều quy định về việc nâng bậc và kỉ luật đối với viên chức Sở Thuỷ Lâm.

Viên chức Sở Thủy Lâm thuộc ngạch công chức chính quốc và An-giê-ri có bằng kĩ sư Thủy Lâm có thể:

- Được biệt phái làm việc ở ngạch công chức chính của Sở Thủy Lâm thuộc địa theo các quy định trong sắc lệnh theo đề nghị của Quốc vụ khanh phụ trách Thuộc địa và Quốc vụ khanh phụ trách Nông nghiệp.

- Được phép luân chuyển với viên chức ngạch công chức chính của các Sở Thủy Lâm thuộc địa theo quy định.

Ngoài hai trường hợp ngoại lệ trên, viên chức ngạch công chức chính của Sở Thủy Lâm ở các thuộc địa chỉ được tuyển dụng trong số sinh viên tốt nghiệp trường Cao đẳng Thủy Lâm, được nhận vào làm việc ở ngạch thuộc địa, sau khi đã qua các kì thi và bài tập thực hành, đủ điều kiện trong kì thi tốt nghiệp và nhận bằng kĩ sư Thủy Lâm.

Nếu không làm việc cho bất kì chính quyền nhà nước hoặc thuộc địa nào, để được nhận vào ngạch công chức chính của Sở Thủy Lâm thuộc địa, các ứng cử viên phải đáp ứng những điều kiện sau:

- Đáp ứng mọi điều kiện đặt ra đối với các chức vụ công;

- Có quyền dân sự, trong đó phải tuân thủ đạo luật về vị thế của người Do Thái;

- Đáp ứng quy định của các đạo luật về các hội kín;

- Đáp ứng điều kiện bắt buộc của luật tuyển quân hoặc các luật quy định về nghĩa vụ quốc gia;

- Nộp giấy chứng nhận hạnh kiểm, tác phong và đáp ứng đầy đủ các điều kiện về năng lực thể chất phục vụ trong quân đội ở thuộc địa;

- Tuổi từ 30 đến 55 và đủ điều kiện làm việc cần thiết để hưởng trợ cấp thâm niên từ Quỹ hưu trí liên thuộc địa.

Việc nâng ngạch, kỉ luật viên chức được quy định chi tiết trong các điều khoản của phần III và IV của Sắc lệnh.

390. Arrêté du 31 décembre 1942 du Gouverneur général de l'Indochine portant détachement de la province de Hadong des territoires nouvellement concédés à la France pour les ériger en circonscription indépendante placée sous l'autorité de l'Administrateur - Maire de Hanoï.

Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách khỏi tỉnh Hà Đông một số vùng mới được nhượng cho Pháp để nâng lên thành một khu độc lập đặt dưới quyền của Đốc lí Hà Nội.

(Nguồn: J 1237, JOIF 1942, tr.49)

Nghị định gồm 7 điều với một số nội dung như sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 1943, những vùng nhượng địa Pháp theo Dụ số 59 ngày 11 tháng 7 năm 1942 sẽ tách khỏi tỉnh Hà Đông và đặt dưới quyền của Đốc lí Hà Nội. Khu mới này mang tên Đại lí đặc biệt Hà Nội.

Để quản lí Đại lí, Đốc lí Hà Nội có một đội ngũ nhân viên giúp việc gồm:

- Một quan cai trị hoặc phó quan cai trị ngạch dân sự được Đốc lí uỷ nhiệm các quyền hạn riêng, trừ quyền hạn liên quan đến quản lí chung và chính quyền, chịu sự kiểm soát và quản lí của Đốc lí.

- Một số quan lại ngoài ngạch công chức.

Chế độ thuế quan tại khu vực ngoại thành vẫn giữ nguyên như trước. Thể chế và tổ chức hành chính tại làng xã thuộc khu vực mới được nhượng không thay đổi. Khu vực ngoại thành có ngân sách riêng theo quy định. Đốc lí là chủ kinh phí.

391. Arrêté du 23 mars 1943 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un Service économique local de la Cochinchine.

Nghị định ngày 23 tháng 3 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Sở Kinh tế địa phương Nam Kì.

(Nguồn: J 1234, JOIF 1943, tr. 1255)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Sở Kinh tế địa phương thuộc Phủ Thống đốc Nam Kì được thành lập dưới sự chỉ đạo của Thống đốc Nam Kì. Sở do một quan cai trị ngạch dân sự điều hành phụ trách hoạt động của các sở địa phương hoặc trung ương sau:

- *Các Sở Canh nông;*
- *Sở Thú;*
- *Sở Thủy Lâm;*
- *Ủy ban địa phương về giá và Sở Tiếp tế;*
- *Thanh tra địa phương của Quỹ Tín dụng nhân dân;*
- *Ủy ban Thủ công địa phương;*
- *Sở Nông Lâm Ngư Súc và phát triển nông thôn;*
- *Khu Thủy nông và Tưới tiêu Nam Đông Dương.*

392. Arrêté du 23 mars 1943 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un Service économique local de l'Annam

Nghị định ngày 23 tháng 3 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Sở Kinh tế địa phương Trung Kì.

(Nguồn: J 1234, JOIF 1943, tr. 1255)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau:

Sở Kinh tế địa phương TrungKì được thành lập dưới sự chỉ đạo của Khâm sứ Trung Kì. Sở do một quan cai trị ngạch dân sự điều hành phụ trách hoạt động của các sở địa phương hoặc trung ương sau:

- *Các Sở Canh nông;*
- *Sở Thú;*
- *Sở Thủy Lâm;*
- *Thanh tra địa phương của Quỹ Tín dụng nhân dân;*
- *Ủy ban Thủ công địa phương;*
- *Uỷ ban Vật giá địa phương và Sở Tiếp tế.*
- *Sở Nông Lâm Ngư Súc và phát triển nông thôn;*

393. Décret du 31 mai 1943 du Chef du Gouvernement portant création d'un Conseil fédéral mixte en Indochine.

Sắc lệnh ngày 31 tháng 5 năm 1943 của người đứng đầu chính phủ quyết định thành lập Hội đồng hỗn hợp Liên bang Đông Dương.

(Nguồn: J 1236, JOIF 1943, tr. 3227-3228)

Sắc lệnh gồm 3 phần, 19 điều với các nội dung chính sau:

Phần I quy định vai trò và quyền hạn của Hội đồng hỗn hợp Liên bang

Hội đồng hỗn hợp Liên bang Đông Dương được thành lập bên cạnh Cao ủy Pháp tại Thái Bình Dương và Toàn quyền Đông Dương.

Hội đồng có trách nhiệm kết luận về các vấn đề lợi ích của Liên bang do Toàn quyền Đông Dương trình lên xem xét. Vai trò của Hội đồng là giúp người đứng đầu Liên bang Đông Dương nắm rõ nguyện vọng và nhu cầu của người dân Đông Dương. Với tư cách cá nhân, uỷ viên có thể nộp các yêu cầu lên Ban Thư kí Hội đồng, chậm nhất là 1 tháng trước khi bắt đầu các phiên họp để các yêu cầu trên được đưa vào nội dung trình lên Hội đồng.

Phần II. Thành phần Hội đồng

Thành phần Hội đồng gồm 30 ủy viên người Pháp và người Đông Dương. Uỷ viên Hội đồng hỗn hợp Liên bang được lựa chọn trong số đại diện của các Sở trung ương của Liên bang.

Các uỷ viên do Toàn quyền chọn theo danh sách, dựa trên ý kiến và quyết định của những người đứng đầu chính quyền địa phương. Danh sách trên do những người đứng đầu chính quyền địa phương lập theo nhóm theo quy định của Toàn quyền Đông Dương. Các cố vấn được phân bổ như sau cho các xứ thuộc Liên bang:

Nam Kì: 8 uỷ viên người Pháp, 8 uỷ viên người bản xứ;

Trung Kì: 4 uỷ viên người Pháp, 7 uỷ viên người bản xứ;

Cao Miên: 3 uỷ viên người Pháp, 4 uỷ viên người Cao Miên;

Bắc Kì: 7 uỷ viên người Pháp, 9 uỷ viên người bản xứ;

Lào: 1 uỷ viên người Pháp, 2 uỷ viên người Lào.

Uỷ viên Hội đồng phải đủ 30 người và không trong thời gian thụ án hoặc không phạm tội. Uỷ viên Hội đồng không được kiêm nhiệm bất kì chức danh công, nhiệm kì, ngành nghề nào. Nhiệm kì uỷ viên Hội đồng kéo dài 2 năm.

Phần III. Hoạt động của Hội đồng

Phần III gồm 10 điều quy định về hoạt động của Hội đồng hỗn hợp Liên bang: tổ chức họp, bàn về ngân sách...

394. Arrêté du 26 juillet 1943 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction des Services économiques de l'Indochine.

Nghị định ngày 26 tháng 7 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1235, JOIF 1943, tr. 2167-2169)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương giúp việc cho Toàn quyền trong việc nghiên cứu, chuẩn bị và tiến hành tất cả các biện pháp liên quan đến hoạt động kinh tế toàn Đông Dương. Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương kiêm nhiệm chức Giám đốc Sở Trao đổi mậu dịch được giao giám sát giá cả, quan hệ với các cơ quan thương mại trong và ngoài nước, cách thức tổ chức sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tín dụng và du lịch toàn Đông Dương. Giám đốc Ban tập trung nghiên cứu các vấn đề về kinh tế, thương mại và công nghiệp và được ủy nhiệm bên cạnh những người đứng đầu chính quyền địa phương và giám đốc các sở cấp trung ương khi cần hợp tác để thực thi quyền hạn.

Giám đốc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương giám sát hành chính các công sở sau:

- Tổng Thanh tra Nông nghiệp và Chăn nuôi,

- Thanh tra các Sở Thủy Lâm địa phương và Săn bắn ở Đông Dương,

- Viện Nghiên cứu Nông học và Lâm nghiệp,

- Cục Mễ cốc Đông Dương,

- Tổng cục Tín dụng Bình dân

- Cục Hàng không dân dụng

- Viện Hải dương học

- Tổng Thanh tra ngư nghiệp

- Sở Thống kê tổng hợp.

Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương gồm:

Phòng 1 (Văn phòng) phụ trách các công việc sau:

Tổ chức chung; Ban Thư kí đặc biệt của giám đốc; nhân sự; thiết bị; vật dụng; tài liệu lưu trữ; chuẩn bị ngân sách; kế toán và ngân sách của cơ quan trực thuộc; bảo quản tài liệu tối mật; tài phán của Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế; các vấn đề riêng của trưởng ban; thương mại hàng hải.

Phòng 2: Phòng phụ trách các công việc kinh tế Pháp và Nhật Bản như: Nghiên cứu, thực thi các thỏa thuận kinh tế; quan hệ với các phái bộ nước ngoài; đàm phán với nước ngoài; nghiên cứu các văn bản pháp quy về kinh tế.

Phòng 3: Phòng Nông Lâm và Chăn nuôi phụ trách:

A. Nông nghiệp

Các vấn đề chung về nông nghiệp Đông Dương; tổ chức, cải thiện về khối lượng, chất lượng và đa dạng sản xuất nông nghiệp; tiền thưởng và các hình thức khuyến khích sản xuất và khai thác; khai thác thuộc địa; tín dụng và hợp tác xã nông nghiệp; các ấn phẩm và thống kê nông nghiệp; quan hệ với Tổng Thanh tra Nông nghiệp và Chăn nuôi, Cục Mễ cốc Đông Dương và Tổng cục Tín dụng bình dân.

B. Chăn nuôi, Thủy Lâm và Săn bắn

Các vấn đề chung liên quan đến chăn nuôi, thú y, thủy lâm, săn bắn; cải thiện tình hình chăn nuôi; bảo vệ đất và rừng; chống cháy rừng; phá rừng; quản lí lâm nghiệp; nghiên cứu về rừng; nhiên liệu từ rừng; nghề nuôi cá; đánh bắt trên sông và biển; săn bắn; quan hệ

với Thanh tra các Sở Thủy Lâm và Săn bắn địa phương, Viện Hải dương học Đông Dương và Tổng Thanh tra ngư nghiệp.

Tiểu ban chỉ đạo nghiên cứu kinh tế ở Hà Nội

Phòng tổng hợp phụ trách: đăng kí công văn đến và đi; phân bổ thư tín; trình kí công văn; sắp xếp và bảo quản các giấy tờ mật; đánh máy và tốc kí.

Phòng 4 phụ trách: vận tải; quy chế và nghiên cứu vận tải đường biển, đường sắt và đường sông; sơ đồ vận tải; vận tải kết hợp; cước vận tải và thuế vận tải; quan hệ với ủy ban điều phối vận tải.

Phòng 5 phụ trách: hầm mỏ, công nghiệp và thủ công; nghiên cứu và hiệu chỉnh sơ đồ trang thiết bị và chương trình công nghiệp hoá; phát triển tiểu thủ công nghiệp; nhiên liệu hoá lỏng và khí đốt; quan hệ với Tổng Thanh tra hầm mỏ và kĩ nghệ, hội đồng sản xuất công nghiệp, các ủy ban thủ công địa phương, thanh tra kĩ thuật ứng dụng; các nghiệp đoàn; quan hệ với các tập đoàn và các sở cảnh sát của chính phủ.

Phòng 6 phụ trách: thông tin; tuyên truyền; du lịch; tập hợp tư liệu kinh tế chung, của Pháp, Đông Dương và nước ngoài; thư viện; tập san kinh tế; quan hệ với các phòng du lịch; nghiệp đoàn du lịch; văn phòng và các hãng du lịch; quy hoạch các tuyến đường phục vụ du lịch; công nghiệp khách sạn; điều lệ và giám sát các khách sạn nhà cao tầng; lộ trình du lịch; hội chợ và triển lãm; tuyên truyền; nhiếp ảnh; quảng cáo; quan hệ với báo chí; thông tin và công bố các chỉ tiêu kinh tế; khai thác thông tin kinh tế.

Phòng 7 làm đại diện của Sở Trao đổi mậu dịch ở Hà Nội; phụ trách: xuất nhập khẩu; trung chuyển; trao đổi; nội thương và ngoại thương ở phía Bắc; thư tín và quan hệ với Sở Trao đổi mậu dịch ở Sài Gòn...

Tiểu ban chỉ đạo kinh tế ở Sài Gòn

Phòng Tổng hợp phụ trách công tác văn thư, lưu trữ: đăng kí công văn đến và đi; phân bổ công văn; trình kí công văn; sắp xếp và bảo quản các giấy tờ mật; đánh máy chữ và tốc kí.

Sở Trao đổi mậu dịch

Sở Trao đổi mậu dịch (Phòng 8) phụ trách xuất nhập khẩu và nội thương:

a, Nhập khẩu: nghiên cứu và tổng hợp tư liệu về các sản phẩm nhập khẩu; các nguồn cung ứng; giám sát nhập khẩu; quan hệ với bộ phận nhập khẩu của tập đoàn ngành nghề thương mại; ban thư kí của các tiểu ban nhập khẩu; các đơn đặt hàng ở nước ngoài; cung ứng từ chính quốc và nước ngoài; thống kê nhập khẩu; hối đoái; quan hệ với Sở Hối đoái và Nha Tài chính.

b, Xuất khẩu: nghiên cứu và tổng hợp tư liệu về các sản phẩm xuất khẩu; dự báo và chương trình xuất khẩu; tổ chức và giám sát kiểm tra xuất khẩu; quan hệ với bộ phận xuất khẩu của tập đoàn ngành nghề thương mại; thống kê xuất khẩu; các vấn đề về trung chuyển; chế độ thuế quan Đông Dương; thuế hải quan, hạn mức thuế quan; cán cân thương mại; nhượng quyền thuế quan và miễn trừ.

c, Nội thương: tổ chức và giám sát nội thương; quan hệ với bộ phận nội thương của tập đoàn ngành nghề thương mại; trấn áp gian lận; tín dụng; bảo hiểm; các vấn đề bất động sản; chế độ sở hữu về phương diện kinh tế; giao kèo bất động sản; xây dựng; các công ti điền thổ.

Phòng 9 phụ trách tiếp tế và phân phối hạn định: điều hành và giám sát tiếp tế nội địa toàn Đông Dương; thống kê khả năng và nhu cầu thực của các xứ thuộc Liên bang; phân bổ sản phẩm tiêu dùng giữa các xứ; phân phối hạn định; thẻ phân phối hạn định; hướng dẫn các Ủy ban vật giá và Tiếp tế địa phương về tiếp tế chung, phân phối hạn định, thành lập các kho an ninh dự trữ và các biện pháp cần tiến hành đảm bảo thỏa mãn nhu cầu của người dân.

Phòng 10 phụ trách kiểm soát giá cả: hợp pháp hoá và quy chế về giá; tiền thuê; nghiên cứu các vấn đề về ấn định giá, tăng giá trái phép, tội phạm kinh tế và trấn áp; Ủy ban Vật giá trung ương; quan hệ với Toà án đặc biệt về tội phạm kinh tế.

395. Arrêté du 18 novembre 1943 du Gouverneur général de l'Indochine instituant le Conseil des Recherches et Etudes historiques, juridiques et sociales.

Nghị định ngày 18 tháng 11 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Hội đồng Sưu tầm và Nghiên cứu lịch sử, pháp lí và xã hội.

(Nguồn: J 1236, JOIF 1943, tr. 3127- 3128)

Nghị định gồm 17 điều với các nội dung chính sau:

Quyết định thành lập Hội đồng Sưu tầm và Nghiên cứu lịch sử, pháp lí và xã hội về Đông Dương và các nước Viễn Đông, thuộc bảo trợ của Viện Pháp quốc (Viện Hàn lâm Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Đạo đức và Chính trị) và Viện Hàn lâm Khoa học Thuộc địa.

Hội đồng Sưu tầm và Nghiên cứu lịch sử, pháp lí và xã hội thành lập nhằm mục đích thu thập, nghiên cứu và công bố kết quả của các nghiên cứu khoa học nhân văn và đại diện của Liên bang Đông Dương tại các sự kiện của Pháp hoặc quốc tế có liên quan.

Hội đồng chia thành 2 bộ phận tương ứng với hai nhóm chuyên môn được quy định dưới đây:

Nhóm thứ nhất phụ trách: khoa học lịch sử và ngôn ngữ văn học; tiền sử học, lịch sử, khoa học phụ trợ cho khoa học lịch sử, địa lí vật lí, địa lí nhân văn; dân tộc học và ngôn ngữ.

Nhóm thứ hai phụ trách: khoa học xã hội, pháp lí và tài chính; triết học và đạo đức; khoa học tôn giáo; luật công; luật tư; kinh tế chính trị; thống kê.

Số thành viên Hội đồng tối đa là 30 người do Toàn quyền Đông Dương quyết định. Hội đồng hoạt động với ban lãnh đạo gồm 7 thành viên do Giám đốc Nha Học chính làm Chủ tịch.

396. Arrêté du 17 mars 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service de Chiffre au Gouvernement général.

Nghị định ngày 17 tháng 3 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Ban Mật mã của Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1241, JOIF 1944, tr. 733-734)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Nghị định ngày 30 tháng 5 năm 1943 quyết định thành lập Ban Mật mã của Phủ Toàn quyền nay sửa đổi như sau:

Ban Mật mã trong Phủ Toàn quyền Đông Dương do trưởng ban điều hành trực tiếp các công việc về tổ chức, hoạt động, giám sát, quản lí nhân sự và nghiên cứu mọi công việc chuyên biệt. Ban Mật mã gồm 2 phòng, với quyền hạn như sau:

***Phòng 1**: Phụ trách các vấn đề có tính nguyên tắc, quan hệ với các bộ phận khác, cập nhật và hoàn thành các mật mã và khoá mật mã, kế toán và phân bổ các mật mã và tài liệu mã hoá giữa các bộ phận của Phủ Toàn quyền và người đứng đầu các chính quyền địa phương, kiểm kê, giám sát sử dụng các tài liệu mật mã, tài liệu lưu trữ bí mật, quy trình mã hoá.*

***Phòng 2**: Phụ trách các công việc cụ thể như: các chỉ thị, thư kí, giám sát công văn đến và đi, tài liệu lưu trữ của ban: đăng kí, xếp loại điện tín, quy trình giải mật, miễn phí điện tín, thiết bị.*

397. Arrêté du 20 mars 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une Direction des Transports aériens.

Nghị định ngày 20 tháng 3 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Không vận.

(Nguồn: J 1241, JOIF 1944, tr. 763-764)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Không vận do Toàn quyền Đông Dương trực tiếp quản lí trong thời gian có chiến sự. Ban Chỉ đạo Không vận chịu trách nhiệm điều phối các bộ phận sau trong vận tải hàng không:

- Các lực lượng không quân Đông Dương trong khuôn khổ quy định của Sắc lệnh ngày 12 tháng 10 năm 1934;

- Cục Hàng không dân dụng, được tổ chức theo Nghị định ngày 02 tháng 12 năm 1937;

- Sở Hạ tầng cơ sở, theo quy định trong điện tín nhà nước số 8245-S ngày 29 tháng 9 năm 1941.

Tướng Tư lệnh Không lực tại Đông Dương giữ chức Giám đốc Ban Chỉ đạo Không vận. Giám đốc Ban Chỉ đạo làm Chủ tịch Ủy ban Giao thông hàng không thành lập theo điều 6 của Nghị định ngày 02 tháng 12 năm 1937 quy định cơ cấu Cục Hàng không dân dụng. Thành viên ủy ban gồm:

- *Phó giám đốc Ban Chỉ đạo Không vận;*
- *Giám đốc Nha Vô tuyến điện;*
- *Đại diện Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế;*
- *Đại diện Tổng Thanh tra Công chính;*
- *Đại diện Giám đốc Bưu điện, Điện tín và Điện thoại.*

398. Arrêté du 19 avril 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant rattachement au Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse, du Service de la Presse et de la Propagande au Cabinet du Gouverneur général et du Service de la Censure au Gouvernement général.

Nghị định ngày 19 tháng 4 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Sở Báo chí và Tuyên truyền thuộc Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương và Sở Kiểm duyệt Phủ Toàn quyền vào Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 6)

Nghị định gồm 2 điều với nội dung chính sau:

Sở Báo chí và Tuyên truyền được thành lập theo Nghị định ngày 14 tháng 8 năm 1923 và Sở Kiểm duyệt thành lập theo Nghị định ngày 15 tháng 10 năm 1942 được sáp nhập vào Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí.

399. Arrêté du 26 avril 1944 du Gouverneur général de l'Indochine instituant au Gouvernement général de l'Indochine une Direction des Affaires administratives.

Nghị định ngày 26 tháng 4 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các công việc hành chính Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1241, JOIF 1944, tr. 1058-1060)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Nghị định ngày 11 tháng 11 năm 1942 quy định về tổ chức lại Ban Chỉ đạo Pháp chế, Hành chính tổng hợp, Tài phán và Lao động được sửa đổi như sau:

Ban Chỉ đạo các công việc hành chính thuộc Phủ Toàn quyền được thành lập gồm các đơn vị sau:

- Sở Pháp chế và Hành chính tổng hợp;

- Sở Tài phán và Giám sát hành chính;

- Phòng phụ trách sự vụ pháp lí;

- Tổng Thanh tra lao động và Tương tế xã hội;

Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc hành chính đồng thời được giao đảm nhiệm chức Tổng Thanh tra lao động và Tương tế xã hội, do Toàn quyền chỉ định bằng nghị định. Ban Chỉ đạo các công việc hành chính có một Ban Thư kí, đứng đầu là trưởng ban với quyền hạn như sau:

Văn phòng gồm 3 bộ phận

- Bộ phận 1 phụ trách: tiếp nhận, xem xét, đăng kí, phân bổ công văn đến; tập trung các giấy tờ trình Giám đốc Ban Chỉ đạo và Toàn quyền kí...

- Bộ phận 2 phụ trách các công việc chuyên biệt, nhân sự, thiết bị và văn phòng phẩm của Ban Chỉ đạo; chuẩn bị các đề xuất ngân sách; quản lí các tín dụng trực thuộc; khen thưởng; quản lí và bảo tồn thư viện trung ương thuộc Ban; tổ chức hoạt động của các đồn điền; hoạt động của bộ phận thường trực và bộ phận gác; lưu trữ trung ương của Ban.

- Bộ phận 3 phụ trách mật vụ.

Quyền hạn của các sở của Ban Chỉ đạo các công việc về hành chính được quy định như sau:

I. Sở Pháp chế và Hành chính tổng hợp

Sở Pháp chế và Hành chính tổng hợp đứng đầu là Chánh Sở, gồm 3 phòng, với chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Phòng Hành chính tổng hợp: tập trung và kiểm tra, phối hợp với các Sở trung ương khác có thẩm quyền liên quan đến Hành chính tổng hợp; thực thi các quyền giám hộ hành chính của Toàn quyền; Hội đồng Thuộc địa, các hội đồng tư mật và Chính quyền Bảo hộ; các hội đồng thành phố, trung tâm đô thị, quá trình đô thị hoá; các công sở và cơ sở công ích; các hiệp hội và đoàn thể khác nhau; cử tri; di dời hài cốt, hiến tặng và di tặng, sở hữu văn học và nghệ thuật; Ban Thư kí Hội đồng Chính phủ.

- Phòng Pháp chế: pháp chế chung và so sánh; xem xét công báo; ban hành các đạo luật, quy định, sắc lệnh, hiệu chỉnh cuối cùng tất cả các nghị định và các văn bản quy định của địa phương...

- Phòng Pháp điển: lập và cập nhật thư mục pháp chế; Pháp điển hoá các văn bản lập pháp và quy chế liên quan đến chính quyền Đông Dương.

II. Sở Tài phán và Giám sát hành chính

Sở Tài phán và Giám sát hành chính đứng đầu là Chánh Sở, gồm 2 phòng với chức năng và nhiệm vụ như sau:

Phòng 1: Tài phán

- Đại diện và bảo vệ quyền lợi của Phủ Toàn quyền và các chính quyền địa phương trước các cơ quan xét xử hành chính và dân sự, quan hệ với Hội đồng Tài phán hành chính Đông Dương và đặc biệt là với ủy viên Phủ Toàn quyền bên cạnh các cơ quan xét xử đó, tập trung các thủ tục trước các cơ quan xét xử chính quốc;

- Xem xét các dự thảo quy định hoặc quyết định do chính quyền các cấp và sở ban hành, trong trường hợp các dự thảo trên có thể làm phương hại đến các cá nhân hoặc quyền lợi của họ;

- Nghiên cứu về tài phán và tất cả các hồ sơ hành chính;

- Xem xét các công trình nghiên cứu, các nghị định và tạp chí về pháp chế.

Phòng 2: Giám sát hành chính

- Tham vấn các vấn đề về luật có liên quan đến các cơ quan của thuộc địa;

- Nghiên cứu quy chế, pháp chế và các dự thảo;

- Kiểm tra và giám sát hành chính, trình phê chuẩn các văn bản.

III. Phòng phụ trách các sự vụ pháp lí

Phòng phụ trách các công việc pháp lí do một trưởng phòng điều hành, với chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Quan hệ với các nhà chức trách tư pháp;

- Kiểm tra quy chế Đông Dương về mặt pháp lí;

- Tổ chức và hoạt động của các cơ quan xét xử khác nhau;

- Nghiên cứu và giám sát các dự thảo liên quan đến tổ chức của Bộ Tư pháp ở Đông Dương;

- Các dự thảo cải cách và quan hệ với các nhà chức trách tư pháp;

- Các bộ luật của Pháp và Đông Dương;

- Giám sát đoàn hội luật sư và các trợ lí thuộc Bộ Tư pháp;

- Hộ tịch người Âu...

IV. Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội

Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội gồm 2 phòng với chức năng, nhiệm vụ như sau:

Phòng 1 phụ trách:

- Pháp chế lao động, chuẩn bị, xem xét và áp dụng các văn bản liên quan đến lao động ở Đông Dương;

- Bảo vệ người lao động, nhân công tự do, lương tối thiểu, điều kiện tuyển dụng, vệ sinh và an toàn lao động;

- Đại diện nghề nghiệp, quan hệ với các nhóm ngành nghề;

- Tai nạn lao động;

- Luật Gia đình, hiến chương lao động;

- Tư liệu về pháp chế và các tác phẩm xã hội của chính quốc, thuộc địa và nước ngoài liên quan đến lao động;

- Pháp điển hoá và giải thích các văn bản liên quan đến lao động.

Phòng 2 phụ trách:

- Nghiên cứu nhu cầu nhân công, cách thức đáp ứng các nhu cầu đó và nhân công sẵn có tại mỗi xứ thuộc Liên bang;

- Khai thác thuộc địa, di dân được cứu trợ;

- Giám sát tuyển dụng và sử dụng nhân công, quy định làm việc theo hợp đồng;

- Giám sát hoạt động tuyển dụng, thuyên chuyển và vận chuyển người lao động, các điều khoản trong hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động, giám sát thời hiệu trong quy chế lao động hợp đồng tại Đông Dương;

- Áp dụng quy chế đặc biệt liên quan đến lao động là người nước ngoài;

- Tập trung báo cáo của các thanh tra lao động địa phương, cũng như các báo cáo và thông tin các loại về tình hình nhân công;

- Lập báo cáo định kì;

- Thống kê nhân công và tiền lương;

- Huy động nhân công;

- Tương tế xã hội: tiền tiết kiệm của công nhân, đấu tranh chống thất nghiệp; các cơ sở giới thiệu việc làm, các ban xã hội, tổ chức chương trình chung trên toàn Liên bang;

- Trợ giúp người nghèo khó;

- Các cơ sở tương tế xã hội tư nhân, giám sát hoạt động của các cơ sở này, các hiệp hội cứu tế;

- Bảo vệ người Âu gốc Á, quan hệ với Quỹ Brévié;

- Hỗ trợ người lao động Đông Dương tại Pháp; chuyển tiền và thư tín cho gia đình của họ tại Đông Dương;

- Thư tín của lính thuộc địa và tù binh chiến tranh.

400. Arrêté du 8 juin 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du Service de l'Aéronautique civile.

Nghị định ngày 08 tháng 6 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về việc xoá bỏ Sở Hàng không dân sự.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 62)

401. Décret n° 2016 du 15 juillet 1944 du Chef du Gouvernement portant institution d'un Haut Conseil en Indochine (promulgué le 11 août 1944).

Sắc lệnh số 2016 ngày 15 tháng 7 năm 1944 của Thủ tướng nước Pháp về việc thành lập một Hội đồng Cấp cao Đông Dương (ban hành ngày 11 tháng 8 năm 1944).

(Nguồn: J 1244, JOIF 1944, tr. 1816)

Sắc lệnh gồm 7 điều, trong đó có:

Hội đồng Cấp cao Đông Dương được thành lập dưới sự chủ trì của Toàn quyền với thành phần gồm có:

- Tổng Tư lệnh tối cao các lực lượng viễn chinh Pháp tại Đông Dương;

- Phó Toàn quyền Đông Dương;

- Giám đốc Nha Tài chính;

- Trưởng Ban Chỉ đạo hoạt động ngoại giao;

- Chánh Sở phụ trách các công việc chính trị;

- Chánh Văn phòng Phủ Toàn quyền; thư kí có quyền biểu quyết.

Giám đốc Kiểm tra tài chính có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng. Theo quyết định của Chủ tịch, những người đứng đầu chính quyền địa phương có liên quan, Đô đốc, Tư lệnh Hải quân Đông Dương, Tư lệnh Hàng không, trưởng các cơ quan trung ương thuộc Phủ Toàn quyền cũng được mời tham dự các cuộc họp tại Hội đồng với quyền biểu quyết, khi đề cập tới những vấn đề thuộc thẩm quyền.

Trường hợp Toàn quyền vắng mặt hoặc không thể tham gia dự họp, Phó Toàn quyền sẽ chủ trì Hội đồng Cấp cao. Khi một thành viên của Hội đồng vắng mặt hoặc không thể tham gia, Toàn quyền có thể mời thành viên dự khuyết dự họp với quyền tư vấn. Tổng Tư lệnh tối cao hoặc người đại diện dự họp Hội đồng có quyền biểu quyết.

Theo lệnh triệu tập của Chủ tịch Hội đồng, Hội đồng Cấp cao họp bàn dưới danh nghĩa tham vấn cho những vấn đề liên quan tới chính sách của Đông Dương mà Toàn quyền thấy cần phải trình lên Hội đồng xem xét. Ngoài ra, Toàn quyền còn trao một số quyền hạn đặc biệt khác cho Hội đồng.

Biên bản mỗi cuộc họp do thư kí lập được trình lên Chủ tịch kí xác nhận. Những thành viên có mặt cũng kí vào biên bản theo quyết

định của Chủ tịch. Các cuộc thảo luận của Hội đồng không diễn ra công khai.

402. Arrêté du 15 novembre 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la délégation administrative de Tuy Hoa (Phu Yen Annam).

Nghị định ngày 15 tháng 11 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Đại lí hành chính Tuy Hoà (Phú Yên, Trung Kì).

(Nguồn: J 1244, JOIF 1944, tr. 2593)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Một đại lí hành chính mang tên "Đại lí Tuy Hoà" được thành lập tại Trung Kì. Đại lí này trực thuộc tỉnh Phú Yên trong đó, tỉnh lị được ấn định tại Tuy Hoà. Ranh giới đại lí Tuy Hoà bao gồm phủ Tuy Hoà và huyện Sơn Hoà.

403. Arrêté du 29 décembre 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif aux Gow Tow (Quang Yen) (Tonkin).

Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Cô Tô (Gow Tow - Quảng Yên - Bắc Kì).

(Nguồn: J 1247, JOFI 1945, tr. 4)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Một trung tâm hành chính được thành lập tại Cô Tô, tỉnh Quảng Yên. Trung tâm này bao gồm quần đảo Cô Tô, đảo Bạch Long Vỹ, đảo Singes (Đảo Khỉ), đảo Sangliers (đảo Lợn Lòi), đảo Bruyères (đảo Cỏ dại), đảo Bambou (Đảo Tre), đảo Madeleine, đảo Jaune (đảo Vàng) và đảo Bà Mun. Người được uỷ quyền tại khu vực Cô Tô phụ trách giám sát bờ biển và đường biển từ Apowan (đảo Cát Bà) đến Mũi Ngọc (Đạo Quan binh 1).

404. Décret du 21 février 1945 du Gouvernement provisoire de la République française instituant un Comité de l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 21 tháng 02 năm 1945 của Chính phủ lâm thời nước Cộng hoà Pháp về việc thành lập một Uỷ ban Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 46)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ lâm thời nước Cộng hoà Pháp, một Uỷ ban Đông Dương được thành lập. Uỷ ban Đông Dương phụ trách tổ chức việc nước Pháp tham gia giải phóng các xứ Đông Dương và chuẩn bị khôi phục chủ quyền của Pháp tại Đông Dương.

Thành viên của Uỷ ban này bao gồm: Bộ trưởng Bộ Thuộc địa chủ trì Uỷ ban trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ lâm thời vắng mặt, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, Bộ trưởng Bộ Hải quân, Bộ trưởng Bộ Không quân, Tham mưu trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Giám đốc phụ trách các công trình nghiên cứu và thăm dò.

Đối với những vấn đề liên quan đến các bộ, các bộ trưởng được mời dự họp tại Uỷ ban. Uỷ ban có thể triệu tập những nhân vật quan trọng để xin ý kiến.

Ban Thư kí Uỷ ban Đông Dương do một thư kí phụ trách được bổ nhiệm bằng sắc lệnh, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Ban Thư kí được sáp nhập vào Ban Chỉ đạo chính phủ và được thành lập theo nghị định của Thủ tướng Chính phủ lâm thời.

405. Arrêté du 10 avril 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression de la Direction du Service diplomatique et création du Service des Affaires politiques extérieures.

Nghị định ngày 10 tháng 4 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Nha Giao tế và thành lập Ban Ngoại vụ.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 5)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Nha Giao tế thành lập theo Nghị định ngày 29 tháng 11 năm 1941 chính thức bị bãi bỏ.

Ban Ngoại vụ được thành lập do Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc chính trị chỉ đạo. Chức năng của Sở được quy định như sau:

- Phụ trách hoạt động đối ngoại của Đông Dương trong khuôn khổ chính sách của Đông Dương.

- Quan hệ của Đông Dương với nước ngoài.

- Quan hệ của Phủ Toàn quyền với các đại diện ngoại giao, nhân viên lãnh sự nước ngoài tại Đông Dương.

- Những vấn đề nguyên tắc liên quan tới công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế.

- Quy chế về người nước ngoài sống tại Đông Dương.

- Áp dụng các cam kết được thiết lập giữa Đông Dương và những nước khác.

- Các công việc của Bộ Tư Pháp.

- Những công trình liên quan đến bệnh viện hoặc trường học do Đông Dương bảo trì hoặc trợ cấp tại các nước Đông Á.

- Các đoàn công tác tại nước ngoài và hội thảo quốc tế.

- Báo chí nước ngoài.

- Tập trung tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

406. Arrêté du 31 mai 1945 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 3 mars 1942 portant réorganisation du Service météorologique.

Nghị định ngày 31 tháng 5 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 03 tháng 3 năm 1942 về việc tái tổ chức Nha Khí tượng.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 34-35)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Cơ quan trung ương thuộc Nha Khí tượng gồm 2 phòng (mỗi phòng chia làm 2 ban) và một bộ phận "Dự báo chung" với chức năng, nhiệm vụ như sau:

Phòng 1. Phòng Hành chính

***Ban 1** phụ trách các công việc hành chính; quan hệ với Phủ Toàn quyền, các cơ quan trung ương và địa phương, Phủ Thống đốc, Thống sứ hay Khâm sứ; công tác mật vụ; tiếp nhận và kiểm công văn đến; phân chia công việc cho các phòng; báo cáo hàng năm và hàng tháng của Sở; trình kí; nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng thưởng, kỉ luật, thuyên chuyển, nghỉ phép, nghỉ hưu; bảo quản tài liệu lưu trữ và thư viện của Nha Khí tượng.*

***Ban 2** phụ trách việc trả lương, phụ cấp lương và phụ cấp cho nhân viên bằng ngân phiếu; giấy đi đường của nhân sự; chuẩn bị ngân sách; thanh toán các khoản chi; quan hệ với các cơ quan tài chính; quỹ tạm ứng; cung ứng thiết bị văn phòng; thiết bị và động sản; kiểm kê; bảo trì; đơn đặt hàng, tiếp nhận, chuyển nhượng và xử phạt liên quan đến thiết bị và động sản; danh sách các khu công thự; kế hoạch thực hiện; nhà kho.*

Phòng 2. Phòng Kĩ thuật

***Ban 1** phụ trách: tiếp nhận và kiểm soát tài liệu từ các mạng lưới và trạm; xem xét và bảo toàn các quan sát khí tượng học, khí hậu học, phép đo mưa và địa chấn; bản vẽ sơ đồ liên quan đến phép đo mưa và vùng áp thấp, bão trên vùng biển Trung Hoa; cung cấp thông tin kĩ thuật cho các cơ quan nhà nước hoặc tư nhân;*

***Ban 2** phụ trách xuất bản tập san hàng tháng và tập san địa chấn học; tiến hành in tập san và bản đồ khí tượng hàng ngày.*

***Bộ phận "Dự báo chung"** phụ trách: thông báo và truyền dẫn; soạn thảo và truyền dự báo chung, thông báo về những trận bão ảnh hưởng đến Đông Dương và vùng biển Đông; tập trung và truyền thông tin về khí tượng; liên kết với các cơ quan thông tấn;*

Trưởng bộ phận Dự báo chung, các trưởng phòng, trưởng ban không được hưởng bất kì khoản phụ cấp chức vụ nào được bổ nhiệm bằng nghị định của Toàn quyền, theo đề nghị của Giám đốc Nha Khí tượng.

Người đứng đầu mạng lưới khí tượng khu vực phía Bắc đồng thời giữ chức Trưởng bộ phận "Dự báo chung". Các trưởng phòng được lựa chọn trong số viên chức Đông Dương ngạch công chức địa phương, cao cấp hoặc trung cấp trực thuộc Sở Khí tượng.

Giám đốc Nha Khí tượng là người chỉ định các trưởng ban trong số viên chức cùng hạng người Đông Dương, theo đề nghị của trưởng phòng. Trưởng phòng có thể kiêm nhiệm chức trưởng ban.

Đài Quan sát khí tượng trung ương Phù Liễn phụ trách:

- Quyết định, bảo toàn và phổ biến giờ chính thức tại Đông Dương;

- Quan sát các hiện tượng thiên văn;

- Lập lịch âm cho các địa phương.

Đài Quan sát gồm có:

- Ban Địa - Vật lí phụ trách nghiên cứu vật lí toàn cầu: từ học, điện khí quyển, địa chấn học, trọng lực;

- Ban Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu được bố trí tại Đài Quan sát khí tượng phụ trách nghiên cứu: động lực học khí quyển; ứng dụng khí tượng học vào thực tiễn; khí hậu học.

407. Arrêté du 9 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant rattachement du Service local de la Cencure de la Presse du Tonkin au Service local de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Tonkin.

Nghị định ngày 09 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Sở Kiểm duyệt báo chí Bắc Kì vào Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí Bắc Kì.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 63)

408. Arrêté du 12 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 10 juin 1941 portant création d'un Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Gouvernement général.

Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 10 tháng 6 năm 1941 về việc thành lập Sở Thông tin, Tuyên tuyền và Báo chí tại Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 73)

Theo Nghị định, cơ cấu Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí được sửa đổi lại gồm 5 phòng:

1. Phòng Thư kí;

2. Phòng Thông tin;

3. Phòng Tuyên truyền;

4. Phòng Báo chí;

5. Phòng Kiểm duyệt.

409. Arrêté du 12 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Gouvernement général.

Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí tại Phủ Toàn quyền.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 73-75)

Nghị định gồm 3 điều với các nội dung chính sau:

Nghị định ngày 15 tháng 10 năm 1942 về việc thành lập Sở Kiểm duyệt tại Phủ Toàn quyền bị bãi bỏ.

Chức năng, nhiệm vụ của Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí tại Phủ Toàn quyền được sửa đổi và quy định như sau:

A. Ban Thư kí

- Tiếp nhận, đăng kí, trình và phân loại công văn đến; tập trung, trình, đăng kí và phân loại công văn đi;

- Phân chia công việc giữa các phòng; phân loại tài liệu lưu trữ;

- Lập bảng kê định kì;

- Tuyển dụng và cho nghỉ việc đối với nhân viên thường nhật và hợp đồng; phụ trách đơn xin việc; chuẩn bị các đề xuất bổ nhiệm, xét chính thức hoặc thải hồi đội ngũ nhân viên ngạch công chức; đề nghị nâng ngạch; kế hoạch thuyên chuyển; nghỉ phép, tạm nghỉ việc, phục chức, từ chức;

- Tiền thưởng và cứu trợ; đề nghị thăng thưởng;

- Chuẩn bị và thực hiện ngân sách; kế toán các khoản chi đã thực hiện; thanh toán các khoản chi của Sở và kiểm soát công tác kế toán của các cơ quan thuộc Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí. Thống kê;

- Mua và bảo dưỡng thiết bị.

B. Ban Thông tin

Nghiên cứu thông tin

Chỉ đạo và kiểm soát hoạt động nghiên cứu thông tin, các trung tâm phát thanh và điện báo vô tuyến. Liên kết với Ban kiểm soát bưu điện để nghiên cứu và gửi thông tin. Khai thác báo chí.

Tập trung thông tin

Phân loại thông tin liên quan đến chính sách đối nội, đối ngoại, các tin tức chung (quân sự, hải quân, kinh tế v. v...) do Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí trực tiếp thu thập hoặc tiếp nhận từ các đơn vị khác.

Truyền thông

Công bố kết quả truyền vô tuyến và điện báo vô tuyến phục vụ các công sở. Lập các bản tin định kì và đặc biệt liên quan đến chính trị và chuyển tới các đơn vị có liên quan, báo chí và công chúng.

Phòng Thông tin

Gồm 3 bộ phận: Bộ phận thông tin, bộ phận phòng đọc và bộ phận phụ trách trưng bày.

C. Tuyên truyền

Tuyên truyền ngoài khu vực

Tuyên truyền về Đông Dương tại khu vực Viễn Đông và Thái Bình Dương. Liên kết với các cơ quan tuyên truyền của Đông Dương...

Tuyên truyền trong khu vực

Chỉ đạo, phối hợp và kiểm soát hoạt động tuyên truyền với các nước Đông Dương. Hoạt động dựa trên nhiều hình thức tuyên truyền: Phát thanh. Điện ảnh - Phim tuyên truyền. Băng đĩa. Kịch. Áp phích, panô, băng khẩu hiệu, ảnh. Tờ rơi và truyền đơn. Sách mỏng và báo ra định kì v.v...

D. Báo chí

Quan hệ với báo chí thông qua chính quyền địa phương. Thông cáo báo chí, sơ đồ, tư liệu. Kiểm soát báo chí, xử lí vi phạm, các số đặc biệt. Chuẩn y giấy phép nhập khẩu giấy tờ. Điểm báo. Bản tin báo chí hàng ngày và truyền bản tin này tới những đơn vị liên quan. Tập trung và khai thác các bản tin báo chí định kì và kiểm duyệt báo chí tại các nước Đông Dương. Quan hệ với các cơ quan báo chí nước ngoài. Bản tin kiểm duyệt báo chí hàng ngày và việc phát hành bản tin này cho những cơ quan có liên quan. Điểm báo Bắc Kì hàng ngày cho Đài phát thanh Sài Gòn. Liên kết với các cơ quan địa phương thuộc Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí trong lĩnh vực báo chí.

E. Kiểm duyệt

Các Uỷ ban kiểm duyệt. Soạn thảo và kiểm soát việc thi hành chỉ thị, quân lệnh và thông tư đặc biệt liên quan đến kiểm duyệt báo chí, báo ra định kì, các tác phẩm và truyền đơn in ấn tại Đông Dương, phim điện ảnh, chương trình biểu diễn, các buổi phát thanh được gửi tới người đứng đầu các cơ quan thuộc Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí. Kiểm duyệt các bản tin và điện báo của địa phương và nước ngoài.

Tại Sài Gòn, việc kiểm duyệt chương trình phát thanh của Đài Sài Gòn do kiểm soát viên thực hiện dưới quyền chỉ đạo của Trưởng chi nhánh Sở Thông tin, Tuyền truyền và Báo chí khu vực Nam Kì do Giám đốc Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí uỷ quyền. Trưởng chi nhánh trực tiếp truyền lệnh kiểm duyệt tới kiểm soát viên chương trình phát thanh Đài Sài Gòn.

Tương tự, việc kiểm duyệt các buổi phát thanh của tất cả các trạm ở Đông Dương do Trưởng chi nhánh của Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí tại các địa phương phụ trách.

Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí cũng như chi nhánh của Sở tại các địa phương có quyền kí xác nhận vào "phiếu kiểm duyệt" đối với các bài báo.

410. Arrêté du 29 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction des Douanes et Régies.

Nghị định ngày 29 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Nha Thương chính và Độc quyền Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 101-102)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Ngoài những quyền hạn liên quan đến độc quyền về thuốc phiện và muối, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 1945, quyền hạn của Nha Thương chính tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương được giao cho các cơ quan địa phương. Những cơ quan này tiếp tục thu thuế quan và thuế gián thu tại địa bàn quản lí.

Các cơ quan này đặt dưới quyền quản lí của người đứng đầu chính quyền địa phương. Tại mỗi xứ, sau khi đáp ứng các yêu cầu độc quyền về thuốc phiện và muối, các cơ quan này sử dụng đội ngũ nhân viên của Nha Thương chính cho đến khi những quy định đặc biệt liên quan đến vấn đề này được đưa ra.

Tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 1945 các cơ quan này sẽ đảm nhiệm việc thu thuế quan và thuế gián thu cho ngân sách chung Đông Dương.

Liên quan đến tài khoá 1945, việc thu các loại thuế trên được thực hiện trước hoặc sau ngày 01 tháng 7 năm 1945 sẽ được chia đôi giữa ngân sách chung Đông Dương và ngân sách địa phương mỗi xứ. Toàn quyền ban hành nghị định phân bổ ngân sách địa phương nhưng vẫn tính đến khoản mà những ngân sách địa phương phải chi nhưng trước đó được khấu trừ ngân sách chung Đông Dương.

Kể từ tài khoá 1946, việc phân bổ giữa các ngân sách địa phương dựa trên tổng số tiền thu được.

Tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương, việc bán thuốc phiện và muối, nộp hoa lợi từ nguồn hàng này vào ngân sách chung Đông Dương, giám sát và trấn áp hoạt động buôn lậu thuốc phiện và muối được giao cho các cơ quan địa phương phụ trách thu thuế quan và thuế gián thu.

Ngân sách chung Đông Dương sẽ cấp cho các ngân sách địa phương khoản tiền hoa hồng là 10% trên tổng số tiền bán thuốc phiện cho

những người bán lẻ và 5% trên tổng số tiền bán muối thu được tại mỗi xứ.

411. Arrêté du 29 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 7 de l'arrêté du 28 décembre 1934 portant organisation du Service des Travaux publics.

Nghị định ngày 29 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 7 của Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 về việc tổ chức cơ quan công chính.

(Nguồn: J1248, JOI 1945, tr. 102)

Theo Nghị định này, điều 7 của Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 về việc tổ chức Nha Công chính được sửa đổi như sau:

Nha Công chính gồm có 7 khu đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp của những người đứng đầu chính quyền địa phương:

- *Khu Công chính Bắc Kì;*
- *Khu Công chính Trung Kì;*
- *Khu Công chính Nam Kì;*
- *Khu Thuỷ nông và Hàng hải Nam Đông Dương;*
- *Khu Công chính Cao Miên;*
- *Khu Công chính Lào;*
- *Khu vực cảng Hải Phòng.*

Riêng Khu khai thác tuyến đường sắt Đông Dương được sáp nhập vào Ban Tổng Thanh tra.

412. Arrêté du 28 juillet 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du Conseil fédéral mixte de l'Indochine.

Nghị định ngày 28 tháng 7 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Hội đồng hỗn hợp Liên bang Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 132)

413. Arrêté du 2 août 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du Conseil de Gouvernement de l'Indochine.

Nghị định ngày 02 tháng 8 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Hội đồng Chính phủ Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr. 134)

414. Décret du 17 août 1945 du Gouvernement provisoire de la République française portant création et fixant les attributions du Haut-Commissaire de France pour l'Indochine.

Sắc lệnh ngày 17 tháng 8 năm 1945 của Chính phủ lâm thời nước Cộng hoà Pháp về việc lập và quy định quyền hạn của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 3)

Sắc lệnh gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Cao uỷ Pháp tại Đông Dương là người đại diện cho Chính phủ lâm thời Cộng hoà Pháp tại Đông Dương. Cao uỷ Pháp thực thi quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương và của Tư lệnh - người đứng đầu lực lượng lục quân, hải quân và không quân. Lực lượng này có căn cứ tại Đông Dương hoặc được phái tới Đông Dương ngay khi nhận được lệnh tác chiến.

415. Arrêté général du 21 septembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine fixant les attributions du Conseiller financier.

Nghị định chung ngày 21 tháng 9 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương quy định quyền hạn của Cố vấn Tài chính.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 50)

Nghị định có một điều duy nhất quy định: Cố vấn Tài chính được bố trí cạnh Cao uỷ Pháp tại Đông Dương, thực thi các quyền hạn trước đây trao cho Giám đốc Nha Tài chính và Giám đốc Nha Thương chính trên toàn lãnh thổ Liên bang Đông Dương.

416. Arrêté général du 1er novembre 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant création et organisation d'un Conseil du Gouvernement Fédéral.

Nghị định chung ngày 01 tháng 11 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập và tổ chức Hội đồng Chính phủ Liên bang.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 9)

Nghị định gồm 5 điều với các nội dung chính sau: Trong khi chờ Chính phủ Liên bang được thành lập theo Tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm 1945, Cao uỷ Pháp tại Đông Dương sẽ nhận được sự trợ giúp của Hội đồng Chính phủ liên bang khi thực thi nhiệm vụ được giao. Thành phần và tổ chức hoạt động của Hội đồng này được quy định như sau:

Hội đồng Chính phủ Liên bang gồm có: Cao uỷ Pháp tại Đông Dương giữ chức Chủ tịch; các thành viên là Cố vấn Tư pháp, Cố vấn Toà án, Cố vấn Ngoại giao, Cố vấn Chính trị, Cố vấn Quân sự, Cố vấn Kinh tế, Cố vấn Tài chính, Cố vấn Giáo dục, Cố vấn Công chính, Cố vấn Y tế.

Một trong những cố vấn trên giữ chức Phó Chủ tịch.

Hội đồng nhóm họp theo lệnh triệu tập của Chủ tịch. Hội đồng có một Ban Thư kí thường trực.

417. Arrêté du 7 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création d'une Commission de Rapatriement.

Nghị định ngày 07 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Hồi hương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 69)

Nghị định gồm 6 điều với các nội dung chính sau:

Uỷ ban Hồi hương được thành lập với mục đích cho người Pháp hồi hương về Pháp.

Thành phần Uỷ ban do Cố vấn Y tế làm Chủ tịch và các thành viên: đại diện Tư lệnh Tối cao quân đội ở Viễn Đông, đại diện Tư lệnh Hải

quân, đại diện Tư lệnh Không quân, đại diện chính quyền dân sự, 1 dân biểu do Uỷ viên Cộng hoà Pháp tại Nam Kì chỉ định và 1 thư kí do cố vấn y tế chỉ định.

418. Arrêté du 8 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant organisation provisoire des Services financiers.

Nghị định ngày 08 tháng 11 năm1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tổ chức tạm thời các cơ quan tài chính.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 50-51)

Nghị định gồm 8 điều với các nội dung chính sau:

Dưới quyền quản lí của Cố vấn Tài chính, các cơ quan tài chính gồm có:

1- Sở trung ương (Service central)

2- Sở Ngân khố Liên bang.

3- Sở Thuế và Thu nhập công có thêm Sở Thương chính được sáp nhập vào.

4- Nha Kiểm tra tài chính.

5- Các cơ quan như: các Sở Ngân khố Cao Miên, Lào, Trung Kì và Bắc Kì sáp nhập vào Nha Ngân khố Đông Dương; Sở Hối đoái, Cơ quan cứu trợ lực lượng đồng minh; các công ti cao su.

Sở trung ương phụ trách nghiên cứu chung, thư tín và ban thư kí của Cố vấn Tài chính. Đứng đầu Sở trung ương là viên Chánh Sở.

Sở Ngân khố liên bang chịu trách nhiệm dự kiến các khoản chi được Cao uỷ cho phép thực hiện, phát lệnh chi trả một vài trong số các khoản chi đó, lưu động vốn và những vấn đề liên quan đến ngân khố; tín dụng, hối đoái v.v... Đứng đầu Sở Ngân khố liên bang là Giám đốc Sở.

Sở Thuế và Thu nhập do Giám đốc Sở điều hành, tập trung các cơ quan được hình thành từ Sở Trước bạ, Sở Thuế trực thu, Sở Sở hữu điền thổ và Sở Địa chính.

Nha Thương chính do Giám đốc Nha điều hành, tạm thời được sáp nhập vào Sở Thuế và Thu nhập.

Cơ cấu và quyền hạn của Nha Kiểm tra Tài chính với người đứng đầu là Giám đốc Sở có sự trợ giúp của một Phó Giám đốckhông thay đổi.

Trụ sở Nha Ngân khố Đông Dương ở Hà Nội trở thành trụ sở của Sở Ngân khố Bắc Kì. Sở Hối đoái do người được uỷ quyền của Quỹ trung ương nước Pháp hải ngoại tại Đông Dương điều hành.

419. Ordonnance fédérale du 20 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant organisation provisoire de la Justice en Indochine du Nord.

Lệnh ngày 20 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tạm thời tổ chức quyền xét xử tại khu vực Bắc Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 36-37)

Quyết định gồm 26 điều với các nội dung chính sau:

Tại các thành phố Hà Nội và Hải Phòng, quyền xét xử tạm thời thuộc về hai Toà Hoà giải rộng quyền có trụ sở tại Hà Nội và Hải Phòng theo quy định tại điều 68 của Sắc lệnh ngày 16 tháng 02 năm 1921 được sửa đổi bằng Sắc lệnh ngày 22 tháng 8 năm 1928.

Quan toà và lục sự bố trí cạnh các toà án này do Cao uỷ Pháp tại Đông Dương chỉ định bằng nghị định, sau khi có ý kiến của Chưởng lí Toà Thượng thẩm Hà Nội.

Thẩm quyền

Những toà án trên có thẩm quyền xét xử các vụ kiện dân sự liên quan đến công dân Pháp.

Thủ tục tố tụng

Mọi vụ kiện được trình lên bằng đơn rõ tên, nghề nghiệp và nơi ở của nguyên đơn và bị đơn, bản tường trình tóm tắt sự việc, nội dung và lí do làm đơn v.v... Đơn phải do chính nguyên đơn hoặc người được uỷ quyền kí.

Nguyên đơn hoặc người đại diện nộp đơn lên phòng lục sự toà án. Phòng lục sự sẽ có giấy biên nhận.

Thẩm phán ấn định ngày giờ triệu tập các bên và phòng lục sự thông báo quyết định này cho các bên trong thời hạn ít nhất là 3 ngày trước ngày ra toà.

Vào ngày giờ được ấn định, thẩm phán lấy ý kiến và hoà giải mâu thuẫn giữa các bên. Nếu một bên vắng mặt, quan toà sẽ ấn định một ngày khác để các bên có thể ra trước toà. Trường hợp không hoà giải được hoặc vì lí do vắng mặt, thẩm phán là người quyết định ghi nhận sự việc không được hoà giải hoặc việc vắng mặt, và cho phép nguyên đơn tiếp tục khiếu kiện lên toà án.

Phòng lục sự thông báo quyết định này tới bị đơn. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có thư tống đạt, bị đơn được tìm hiểu những giấy tờ do nguyên đơn nộp tại phòng lục sự và trình bày, giấy tờ hoặc những kết luận cần thiết cho việc bào chữa. Hết thời hạn này, thẩm phán kiểm tra hồ sơ và có thể đưa ra những biện pháp có lợi cho việc tiến hành vụ kiện. Ngay khi khâu chuẩn bị hoàn tất, thẩm phán ấn định ngày mở phiên toà. Phòng lục sự có trách nhiệm thông báo việc này đến các bên...

420. Arrêté du 26 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant substitution de l'appellation de Haut Commissariat de France pour l'Indochine à celle de Gouvernement général.

Nghị định ngày 26 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương quyết định thay tên Phủ Toàn quyền bằng Phủ Cao uỷ Pháp tại Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 38)

Nghị định gồm 2 điều quy định dùng «Phủ Cao uỷ Pháp tại Đông Dương» thay thế «Phủ Toàn quyền Đông Dương» trong các nghị định, quyết định, bằng cấp, công văn và văn bản chính thống.

421. Arrêté général du 27 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant réorganisation du Service de la Marine marchande en Indochine.

Nghị định chung ngày 27 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tổ chức lại Sở Thương mại Hàng hải tại Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 41-42)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Sở Thương mại Hàng hải Đông Dương có trụ sở đặt tại Sài Gòn, được sáp nhập vào Ban Chỉ đạo các cơ quan Thương mại và Tiếp tế chịu sự chỉ đạo của Cố vấn Kinh tế Chính Phủ Liên bang. Giám đốc Sở Thương mại Hàng hải do Cao ủy Pháp tại Đông Dương bổ nhiệm bằng nghị định, theo đề nghị của Cố vấn Kinh tế.

Sở Thương mại Hàng hải gồm hai nhóm phòng:

***Nhóm 1:** Các phòng phụ trách hoạt động khai thác tàu thuyền thuộc Phủ Cao uỷ, hoặc đặt dưới sự kiểm soát của Phủ Cao uỷ. Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan như sau:*

A) Ban Khai thác

- Nghiên cứu và thực hiện các chương trình vận tải đường biển.

- Kiểm soát hoạt động khai thác tàu thuyền và quản lí các công ti tư nhân về mặt kĩ thuật.

- Nghiên cứu, phê chuẩn và kiểm soát phí đường biển và phí lưu thông trên biển.

- Dịch vụ thuê tàu và vận chuyển phục vụ chính quyền dân sự và quân sự.

- Chuẩn bị các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và khả năng quản lí tàu thuyền về mặt kĩ thuật.

- Quan hệ với các công ti hàng hải của Pháp và nước ngoài.

B) Ban Kế toán

- Tập trung công tác kế toán liên quan đến tàu thuyền được khai thác trực tiếp và kiểm soát hoạt động quản lí kĩ thuật.

- Lập bảng tổng kết hoạt động khai thác, tài khoản tạm ứng, khấu hao và dự phòng.

- Quản lí tài khoản đặc biệt mang tên "tài khoản khai thác tàu thuyền của Liên bang Đông Dương" của Sở Ngân khố Liên bang

Đông Dương, nhằm đánh giá hoạt động quản lí và khai thác tàu thuyền, tài sản của Phủ Cao uỷ Pháp tại Đông Dương.

- Căn cứ đề nghị của Cố vấn Kinh tế và Cố vấn Tài chính Chính phủ Liên bang, sẽ có một nghị định thiết lập thể thức hoạt động của tài khoản này.

- Quản lí tài khoản "Thuê hạm đội Đông Dương" - tài khoản "Nghiệp vụ" được mở theo Nghị định ngày 08 tháng 9 năm 1942.

- Lập thống kê liên quan đến vận chuyển đường biển.

C) Ban Kĩ thuật

- Kiểm soát việc bảo trì tàu thuyền.

- Liên kết với các công ti phụ trách phân loại tàu thuyền.

***Nhóm 2:** Các phòng đăng kiểm hàng hải do Sở Đăng kiểm hàng hải chỉ đạo. Quyền hạn của Sở Đăng kiểm hàng hải được quy định như sau:*

- Quản lí và xây dựng văn bản pháp quy.

- Nghiên cứu, chuẩn bị các nghị định và thông tư liên quan đến thương mại hàng hải, nhất là về hoạt động lưu thông trên biển tại Đông Dương và giữa Đông Dương với các nước láng giềng.

- Thanh tra hoạt động hàng hải, quy chế lao động trên biển và vệ sinh tàu bè.

- Nghiên cứu và chuẩn bị các công ước và hợp đồng giữa Phủ Cao uỷ Pháp ở Đông Dương với các công ti hàng hải.

- Hoà giải tranh chấp về lưu thông trên biển tại Đông Dương.

- Giải quyết những vấn đề liên quan đến tàu thuyền của Pháp đăng kí tại Đông Dương và được Phủ Toàn quyền thuê trước đây...

- Giảng dạy kĩ thuật đi biển và cấp bằng thuộc địa của Cơ quan Thương mại hàng hải tại Đông Dương.

- Kiểm soát nghề hoa tiêu tại Đông Dương.

- Kiểm soát hoạt động đánh bắt trên biển tại Đông Dương.

- Nghiên cứu, chuẩn bị và thực thi ngân sách của Cơ quan Thương mại hàng hải tại Đông Dương.

Tư lệnh Hải quân Đông Dương giải quyết một số vấn đề liên quan đến những người hành nghề đi biển, đánh bắt v. v... và uỷ quyền cho

người đứng đầu các cơ quan đăng kiểm hàng hải trong tuyển dụng, động viên và quản lí nghĩa vụ quân sự của những người tham gia lực lượng hải quân.

Nhằm cung cấp cho Trưởng Cơ quan Thương mại hàng hải các chỉ dẫn, thông tin hoặc gợi ý liên quan đến hoạt động lưu thông trên biển tại Đông Dương, một Uỷ ban Tư vấn được thành lập để cung cấp thông tin về hoạt động trên biển cho Giám đốc Sở Thương mại hàng hải.

Thành phần uỷ ban gồm Giám đốc Sở hoặc người đại diện làm Chủ tịch và các thành viên: thư kí - báo cáo viên Uỷ ban Giá trung ương đại diện cho Sở Giao thông của chính quốc tại Đông Dương; đại diện cho các chủ tàu buôn tại Đông Dương; đại diện cho các nhà xuất, nhập khẩu của Đông Dương. Uỷ ban nhóm họp theo lệnh triệu tập của Chủ tịch.

422. Arrêté du 7 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création d'un Service fédéral de l'Education physique et des Sports.

Nghị định ngày 07 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Sở Thể dục Thể thao Liên bang.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr. 69)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Sở Thể dục Thể thao Liên bang được thành lập bên cạnh Cố vấn Học chính với các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu các vấn đề về thể dục, thể thao và giải trí trong Liên bang; phối hợp hoạt động với các hội, đoàn, liên đoàn thể thao và thanh niên; kiểm soát các trường thể dục công;

- Chuẩn bị và thành lập tại mỗi xứ thuộc Liên bang một Sở Thể dục và Thể thao và giữ mối liên hệ giữa các sở này;

- Lập chương trình tổng thể về thiết bị thể thao: sân vận động, bể bơi, trường đua xe đạp, bãi tập v.v...;

- Lập dự toán kinh phí cho các hoạt động thể dục, thể thao, giải trí và hoạt động dành cho thanh niên...

423. rrêté du 8 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création du Comité central des Prix.

Nghị định ngày 08 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Vật giá trung ương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr.65)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

- Uỷ ban Vật giá trung ương tạm thời được thành lập bên cạnh Cố vấn Kinh tế của chính quyền Liên bang gồm Cố vấn Kinh tế là Chủ tịch và các thành viên: Cố vấn Tài chính, Cố vấn Chính trị, Cố vấn Công chính, 1 đại diện của nhóm kinh tế tư nhân, 3 đại diện người tiêu dùng (1 người Âu và 2 người Đông Dương) và Chánh Sở Vật giá và Cung ứng thuộc Ban Chỉ đạo các công việc về Thương mại và Cung ứng làm thư kí.

Uỷ ban Vật giá trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoạch định chính sách về giá ở Đông Dương;

- Xác định các sản phẩm cần thiết cho toàn Liên bang Đông Dương và ấn định giá cho các sản phẩm này;

- Lập quy tắc định giá sản phẩm;

- Quy định nguyên tắc áp dụng;

- Đề xuất việc tổ chức và quy định quyền hạn cho các sở kiểm soát về giá.

Giúp việc cho Uỷ ban Vật giá trung ương có một Ban Nghiên cứu về giá với các nhiệm vụ cụ thể:

- Đề xuất danh mục sản phẩm cần quy định giá theo thẩm quyền;

- Nghiên cứu việc định giá;

- Đề xuất hệ số tăng sản phẩm nhập khẩu và hệ số giá...

- Giải quyết các vụ tranh chấp liên quan đến quy định về giá...

424. Arrêté du 8 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création du Comité des Approvisionnements de l'Indochine.

Nghị định ngày 08 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Tiếp tế Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr.64)

Nghị định gồm 7 điều với các nội dung chính sau:

Uỷ ban Tiếp tế Đông Dương được thành lập bên cạnh Cố vấn Kinh tế chịu trách nhiệm lập kế hoạch nhập khẩu hàng năm của Liên bang.

Uỷ ban do Cố vấn Kinh tế làm Chủ tịch và các thành viên gồm: Cố vấn Tài chính, Cố vấn Quân sự, Cố vấn Công chính, Cố vấn Y tế và 1 thư kí thường trực.

Uỷ ban Tiếp tế thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tập hợp các nhu cầu về sản phẩm nhập khẩu;

- Nghiên cứu nhu cầu trong khuôn khổ kinh phí do Ban Hoạch định kinh tế đã lập đảm bảo thực hiện dự toán kinh phí một cách tốt nhất;

- Tập hợp và lập kế hoạch tổng thể về nhu cầu về số lượng và chất lượng cho từng năm...

425. Arrêté du 10 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création et organisation du Comité de Coordination et des Télécommunications de la Fédération Indochinoise (C. C. T. F. I).

Nghị định ngày 10 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập và tổ chức Uỷ ban Điều phối và Viễn thông Liên bang Đông Dương.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr.61)

Nghị định gồm 9 điều với các nội dung chính sau:

Uỷ ban Điều phối và Viễn thông lâm thời của Liên bang Đông Dương thành lập theo Quyết định ngày 14 tháng 9 năm 1945 của Tư lệnh tối cao quân đội Pháp ở Viễn Đông bị giải thể kể từ ngày 30 tháng 11 năm 1945.

Uỷ ban Điều phối và Viễn thông của Liên bang Đông Dương chính

thức được thành lập, chịu trách nhiệm góp ý cho các sở chuyên trách về vấn đề viễn thông giữa các sở dân sự hoặc sở quân sự và phương tiện phối hợp sử dụng mạng lưới viễn thông trong Liên bang Đông Dương.

Thành phần Uỷ ban bao gồm: 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch do Cao uỷ Pháp bổ nhiệm, các thành viên thường trực và không thường trực do Cao uỷ Pháp tại Đông Dương ấn định.

Thành phần Ban Thư kí thường trực của Uỷ ban do Chủ tịch quy định.

Uỷ ban nhóm họp tối thiểu 3 tháng/ 1 lần và có thể nhiều hơn theo lệnh triệu tập của Chủ tịch nếu thấy cần thiết.

Chủ tịch đại diện Uỷ ban tham dự các cuộc họp liên bang, quốc tế, liên thuộc địa về lĩnh vực viễn thông.

426. Arrêté du 17 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine complétant l'art. 2 de l'arrêté du 1er novembre 1945 portant création et organisation d'un Conseil du Gouvernement Fédéral.

Nghị định ngày 17 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương bổ sung điều 2 của Nghị định ngày 01 tháng 11 năm 1945 về việc thành lập và tổ chức Hội đồng Chính phủ liên bang.

(Nguồn: J 1248, JOI 1945, tr.75)

Nghị định gồm 2 điều với các nội dung chính sau:

Điều 2 của Nghị định ngày 01 tháng 11 năm 1945 về việc thành lập và tổ chức Hội đồng Chính phủ Liên bang bị bãi bỏ và được thay bằng những quy định dưới đây:

"Điều 2. Hội đồng Chính phủ liên bang gồm có: Cao uỷ Pháp tại Đông Dương giữ chức Chủ tịch; các thành viên: Cố vấn Pháp lí, Cố vấn Tư pháp, Cố vấn Ngoại giao, Cố vấn Chính trị, Cố vấn Quân sự, Cố vấn Kinh tế, Cố vấn Tài chính, Cố vấn Giáo dục, Cố vấn Công chính, Cố vấn Y tế, Cố vấn Thông tin.

Một trong những Cố vấn trên giữ chức Phó Chủ tịch. Chánh Văn phòng Phủ Cao uỷ Pháp tại Đông Dương có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng và tham gia thảo luận. Trong trường hợp

vắng mặt hoặc không thể tham gia, những cố vấn trên được thay bằng viên chức hoặc sĩ quan dự khuyết".

427. Arrêté du 18 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant organisation du Secrétariat Permanent du Conseil du Gouvernement Fédéral.

Nghị định ngày 18 tháng 12 năm 1945 của Phủ Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tổ chức Ban Thư kí thường trực Hội đồng Chính phủ liên bang.

(Nguồn: J 1248, JOFI 1945, tr.75-76)

Nghị định gồm 4 điều với các nội dung chính sau:

Dưới sự kiểm soát của Cố vấn Tư pháp, Ban Thư kí thường trực Hội đồng Chính phủ liên bang do Sở Pháp chế đảm nhiệm theo quy định tại điều 4 Nghị định ngày 01 tháng 11 năm 1945. Theo quyết định của Chánh Văn phòng, chức Trưởng ban Thư kí do một viên chức của Sở này đảm trách.

Ban Thư kí thường trực Hội đồng Chính phủ liên bang phối hợp với Chánh Văn phòng Phủ Cao uỷ Pháp chịu trách nhiệm chuẩn bị các công việc của Hội đồng và bổ sung nội dung các cuộc hội thảo.

LƯU TRỮ VN

PHỤ LỤC

LƯU TRỮ VN

ALFRED SCHREINER

ABRÉGÉ

DE

L'HISTOIRE D'ANNAM

DEUXIÈME ÉDITION

Revue et augmentée

de la période comprise entre 1858 et 1889

(TOUS DROITS RÉSERVÉS)



SAIGON

Chez l'Auteur : 37, rue de Bangkok

1906

627

LISTE CHRONOLOGIQUE DES GOUVERNEURS DE COCHINCHINE

COMMANDANTS DU CORPS EXPÉDITIONNAIRE

Vice-amiral RIGAULT DE GENOUILLY, commandant en chef l'escadre des mers de Chine. Occupe Tourane le 1er septembre 1858 et prend Saigon le 18 février 1859. Le 1er novembre 1859, l'amiral remet le commandement en chef au contre-amiral Page et rentre en France.

Capitaine de frégate JAURÉGUIBERRY, commande le corps de troupe laissé à Saigon, du mois de mars 1859 au mois d'avril 1860.

Contre-amiral PAGE, prend le commandement de l'escadre et la conduite de l'expédition de Cochinchine à la date du 1er novembre 1859. Le 23 mars 1860, il évacue Tourane, s'en revient à Saigon où il ne laisse que 800 hommes et conduit le reste des forces dans le Nord à l'amiral Charner qui a pris le commandement en chef.

Capitaine de vaisseau D'ARIÈS, commande à Saigon, du mois d'avril 1860 jusqu'à l'arrivée de l'amiral Charner, le 7 février 1861.

Vice-amiral CHARNER, commandant en chef de l'escadre des mers de Chine et du corps expéditionnaire de Cochinchine, arrive à Saigon le 7 février 1861 ; il remet le commandement en chef à l'amiral Bonard, le 28 novembre 1861.

AMIRAUX GOUVERNEURS

Contre-amiral BONARD, est nommé, par décret impérial du 8 août 1861, gouverneur et commandant en chef des forces françaises en Cochinchine. Arrive à Saigon le 27 novembre 1861 et prend ses fonctions le 28. Rentre en France le 1er mai 1863.

Contre-amiral DE LA GRANDIÈRE, gouverneur p. i., entre en fonctions le 23 avril 1863. Titularisé le 28 novembre 1863. Rentre en mission en France le 30 mars 1865.

Contre-amiral ROZE, commandant la station des mers de Chine, fait l'intérim de gouverneur du 29 mars au 26 novembre 1865.

Vice-amiral DE LA GRANDIÈRE, revient à Saigon le 27 novembre 1865, remet le service le 4 avril 1868 et rentre en France.

Contre-amiral OHIER, prend les fonctions de gouverneur p. i. le 4 avril 1868, rentre en France le 10 décembre 1869.

Général de brigade FARON, gouverneur p. i., du 10 décembre 1869 au 8 janvier 1870.

Contre-amiral DE CORNULIER-LUCINIÈRE, gouverneur titulaire, entre en fonctions le 8 janvier 1870, remet le service le 1er avril 1871 et rentre en France le lendemain.

Contre-amiral DUPRÉ, nommé gouverneur par décret du 15 janvier 1871, entre en fonctions le 1er avril 1871, part en congé en France le 7 mars 1872.

Général de brigade D'ARBAUD, gouverneur p. i., du 7 mars au 16 décembre 1872.

Contre-amiral Dupré, gouverneur, continue ses fonctions du 16 décembre 1872 au 16 mars 1874.

Contre-amiral Krantz, commandant naval de la division des mers de Chine et du Japon, gouverneur p. i., du 16 mars au 1er décembre 1874.

Contre-amiral Duperré, nommé gouverneur par décret du 30 septembre 1874, entre en fonctions le 1er décembre 1874 ; part pour France en mission le 31 janvier 1876.

Colonel Bossant, gouverneur p. i., du 31 janvier au 7 juillet 1876.

Contre-amiral Duperré, reprend les fonctions de gouverneur du 7 juillet 1876 au 16 octobre 1877.

Contre-amiral Lafont, nommé, par décret du 5 juillet 1877, gouverneur, commandant en chef en Cochinchine et commandant en chef de la division navale de l'Indo-Chine. Entre en fonctions le 16 octobre 1877, cesse le 7 juillet 1879.

GOUVERNEURS CIVILS

M. Le Myre de Vilers, nommé gouverneur par décret du 13 mai 1879, prend ses fonctions le 7 juillet 1879, part pour France en congé le 4 mars 1881.

Général de brigade de Trentinian, gouverneur p. i., du 4 mars au 1er novembre 1881.

M. Le Myre de Vilers, reprend ses fonctions de gouverneur le 1er novembre 1881 pour les quitter le 12 janvier 1883.

M. Charles Thomson, gouverneur, entre en fonctions le 12 janvier 1883, part en France le 27 juillet 1885.

Général de brigade Bégin, gouverneur p. i., du 27 juillet 1885 au 19 juin 1886.

M. Filippini, nommé gouverneur le 1er mars 1886, entre en fonctions le 19 juin suivant. Décédé à Saigon le 22 octobre 1887.

M. Noel Pardon, directeur de l'intérieur, fait l'intérim de gouverneur du 22 octobre au 3 novembre 1887.

LIEUTENANTS-GOUVERNEURS

M. Piquet, prend les fonctions intérimaires de gouverneur le 3 novembre 1887, est titularisé le 16 du même mois comme « lieutenant-gouverneur de la Cochinchine ». Rentre en France le 15 janvier 1888.

M. Navelle, secrétaire général, prend les fonctions de lieutenant-gouverneur, sous la direction personnelle du gouverneur général, du 15 janvier au 12 avril 1888 où un décret supprime la fonction de lieutenant-gouverneur.

DIRECTEURS DU SERVICE LOCAL

M. Navelle, remplit les fonctions de directeur du service local par intérim du 3 au 25 août 1888.

M. Céloron de Blainville, nommé par décret du 29 avril 1888, prend le service le 25 août 1888. La fonction de directeur du service local est suprimée et celle de lieutenant-gouverneur est rétablie par décret du 16 mai 1889.

LIEUTENANTS-GOUVERNEURS

M. Fourès, fait l'intérim de lieutenant-gouverneur du 21 mai au 9 août 1889.

M. Danel, nommé lieutenant-gouverneur par décret du 16 mai 1889, entre en fonctions le 9 août suivant ; rentre en France le 11 septembre 1892.

M. Fourès, lieutenant-gouverneur p. i., du 11 septembre 1892, est titularisé par décret du 22 octobre 1892 ; rentre en France le 25 mars 1894.

M. Navelle, remplit les fonctions par intérim du 25 mars au 15 septembre 1894.

M. Fourès, lieutenant-gouverneur, continue ses fonctions du 15 septembre 1894 au 5 août 1895.

M. Ducos, lieutenant-gouverneur du 5 août 1895 ; part en France le 22 mars 1896.

M. Sandret, lieutenant-gouverneur p. i., du 22 mars au 20 novembre 1896.

M. Ducos, lieutenant-gouverneur, continue ses fonctions du 20 novembre 1896 au 14 mai 1897.

M. Nicolaï, lieutenant-gouverneur p. i., du 14 mai 1897 au 22 janvier 1898.

M. Picanon, lieutenant-gouverneur, du 22 janvier 1898 ; part en France le 12 avril 1899.

M. Bocquet, lieutenant-gouverneur p. i., du 13 avril 1899 au 31 octobre 1900.

M. Picanon, lieutenant-gouverneur, continue ses fonctions du 31 octobre 1900 au 2 août 1901.

M. Luce, lieutenant-gouverneur p. i., du 2 août au 5 septembre 1901.

M. de Lamothe, lieutenant-gouverneur (décret du 16 juillet 1901), en fonctions du 5 septembre 1901 au 21 octobre 1902.

M. Rodier, lieutenant-gouverneur, du 22 octobre 1902 ; rentre en congé le 9 mars 1906.

M. de Lalande-Calan, lieutenant-gouverneur p. i., du 10 mars 1906.

LISTE CHRONOLOGIQUE DES RÉSIDENTS SUPÉRIEURS AU CAMBODGE

Représentants du protectorat

Capitaine de frégate Doudart de Lagrée, d'avril 1863 à juillet 1866.
Lieutenant de vaisseau Pottier, de juillet 1866 à février 1868.

Lieutenant de vaisseau MOURA, du 20 février 1868 au 10 mars 1870.

Lieutenant de vaisseau POTTIER, du 10 mars au 11 novembre 1870.

Lieutenant de vaisseau BROSSARD DE CORBIGNY, du 11 novembre 1870 au 1er janvier 1871.

Lieutenant de vaisseau MOURA, du 1er janvier 1871 au 1er mai 1876.

Lieutenant de vaisseau PHILASTRE, du 1er mai 1876 au 9 novembre 1876.

Lieutenant de vaisseau MOURA, du 9 novembre 1876 au 6 janvier 1879.

Capitaine AYMONIER, de l'infanterie de marine, du 6 janvier 1879 au 10 mai 1881.

M. FOURÈS, du 10 mai 1881 au 18 octobre 1885.

RÉSIDENTS GÉNÉRAUX

Lieutenant-Colonel BADENS de l'infanterie de marine, résident général provisoire, du 18 octobre 1885 au 17 mai 1886.

M. PIQUET, résident général titulaire, du 17 mai 1886 au 28 octobre 1887.

M. PALASNE DE CHAMPEAUX, résident général, entré en fonctions le 4 novembre 1887, quitte en mars 1889.

M. ORSINI, résident général p. i., du 10 mars 1889 au 4 juillet 1889.

RÉSIDENTS SUPÉRIEURS

M. HUYN DE VERNEVILLE, résident supérieur titulaire, du 16 mai 1889.

M. MARQUANT, prend l'intérim, le 24 janvier 1894, par suite du départ en congé de M. de Verneville.

M. HUYN DE VERNEVILLE, de retour de congé reprend ses fonctions le 4 août 1894.

M. DUCOS, nommé par décret du 10 mai 1897, entre en fonctions le 14 mai 1897, part en congé le 16 janvier 1901.

M. LUCE, nommé résident supérieur par intérim suivant arrêté du gouverneur général en date du 13 janvier 1901. Exerce ses fonctions à compter du 16 janvier 1901.

M. BOULLOCHE, nommé par décret du 3 mai 1901, prend le service le 3 juin 1901.

M. PALLIER, nommé résident supérieur par intérim suivant arrêté du gouverneur général en date du 17 juillet 1902; remplit ses fonctions jusqu'au 26 octobre 1902.

M. DE LAMOTHE, nommé résident supérieur au Cambodge par décret du 21 octobre 1902. Remplit ses fonctions jusqu'au 26 septembre 1904.

M. MOREL, nommé résident supérieur par arrêté du 25 septembre 1904. Du 26 septembre 1904 au 26 septembre 1905.

Entre le 26 septembre et le 16 octobre 1905, l'expédition des affaires courantes a été assurée par M. *Collard*, résident maire à Phnom-Penh.

M. DE LALANDE CALAN, résident supérieur par intérim, du 16 octobre au 15 décembre 1905.

M. LUCE, résident supérieur au Cambodge du 16 décembre 1905.

LISTE CHRONOLOGIQUE DES RÉSIDENTS SUPÉRIEURS EN ANNAM

Ici, je prie le lecteur de vouloir bien m'excuser ; si je ne donne point cette liste, c'est que je n'ai pas pu l'obtenir. Trois fois j'ai écrit à Huế :

Le 2 mai 1906, lettre simple à M. Moulié, Résident supérieur en Annam ;

Le 8 mai 1906, lettre recommandée au même ;

Le 14 juin 1906, lettre simple à M. Lévêque, Résident supérieur en Annam.

Trois fois je n'ai reçu aucune réponse.

Saigon, le 21 août 1906.
(date du tirage de la présente feuille)

LISTE CHRONOLOGIQUE DES RÉSIDENTS SUPÉRIEURS AU TONKIN

RÉSIDENTS GÉNÉRAUX

M. Lemaire, ministre plénipotentiaire, résident général du 1er octobre au 21 décembre 1884.

Général de division Roussel de Courcy, commandant en chef le corps expéditionnaire du Tonkin, résident général du 1er juin 1885 au 20 janvier 1886.

Général de division Warnet, commandant en chef le corps expéditionnaire du Tonkin, résident général p. i., du 27 janvier au 7 avril 1886.

M. Bert (Paul), résident général, du 8 avril 1886 ; décédé à Hà-Nội le 11 novembre 1886.

M. Vial (Paulin), résident général p. i., du 12 novembre 1886 au 28 janvier 1887.

M. Bihourd, ministre plénipotentiaire, résident général du 29 janvier au 11 septembre 1887.

M. Berger, secrétaire général, résident général p. i., du 11 septembre au 27 octobre 1887.

M. Bihourd, ministre plénipotentiaire, résident général du 27 octobre au 17 novembre 1887.

M. Berger, secrétaire général, résident général p. i., du 17 novembre 1887 au 25 juin 1888.

M. Parreau, résident général p. i., du 25 juin au 8 septembre 1888.

M. Rheinart, résident général, du 8 septembre 1888 à mai 1889.

M. Parreau, résident général p. i., mai 1889.

RÉSIDENTS SUPÉRIEURS AU TONKIN

M. Vial, résident supérieur, du 8 avril au 11 novembre 1886.

M. Bonnal, résident supérieur p. i., du 12 novembre 1886 à janvier 1887.

M. Klobukowski, secrétaire général, 1887-1888.

M. Parreau, résident supérieur, du 29 avril 1888 au 10 mai 1889.

M. Brière, résident supérieur, du 10 mai 1889 au 6 avril 1890.

M. Bonnal, résident supérieur p. i., du 7 avril 1890 au 3 février 1891.

M. Brière, résident supérieur, du 3 février au 27 octobre 1891.

M. Chavassieux, résident supérieur, du 27 octobre 1891 au 20 juillet 1893.

M. Rodier, résident supérieur p. i., du 20 juillet 1893 ; titulaire du 15 octobre 1894.

M. Luce, résident supérieur p. i., du 30 mars au 13 mai 1895.

M. Chavassieux, secrétaire général, du 9 mai au 7 juin 1895.

M. Picanon, secrétaire général p. i., du 18 juin au 12 août 1895.

M. Fourès, secrétaire général, du 18 juillet 1895 au 9 mars 1899.

M. Morel, résident supérieur p. i., du 9 mars 1899 au 18 juillet 1900.

M. Fourès, résident supérieur, du 19 juillet 1900 au 20 octobre 1902.

M. Broni, résident supérieur p. i., du 21 octobre 1902 au 2 mai 1903.

M. Luce, résident supérieur p. i., du 3 mai au 4 décembre 1903.

M. Fourès, résident supérieur, du 5 décembre 1903 au 30 août 1905.

M. Groleau, résident supérieur p. i., du 1er septembre 1905.

LISTE CHRONOLOGIQUE DES GOUVERNEURS GÉNÉRAUX DE L'INDO-CHINE

M. Constans, nommé par décret du 3 novembre 1887 pour exercer provisoirement les fonctions de gouverneur général, prend ses fonctions le 16 novembre 1887. Rentre en France le 22 avril 1888.

M. Richaud, chargé par intérim des fonctions de gouverneur général, prend son service le 8 avril 1888, est titularisé le 8 septembre suivant. Part pour France le 27 mai 1889.

M. Piquet, nommé gouverneur général par décret du 10 mai 1889, entre en fonctions le 31 du même mois. Parti en France en congé le 12 avril 1891.

M. Bideau, remplit les fonctions de gouverneur général par intérim, du 13 avril au 26 juin 1891.

M. de Lanessan, nommé par décret du 21 avril 1891, entre en fonctions le 26 juin suivant. Rentre en France le 11 mars 1894.

M. Chavassieux, fait l'intérim de gouverneur général, du 13 mars au 27 octobre 1894.

M. de Lanessan, gouverneur général, continue ses fonctions du 27 octobre au 30 décembre 1894.

M. Rodier, fait l'intérim de gouverneur général, du 30 décembre 1894 au 15 mars 1895.

M. Rousseau, nommé gouverneur général par décret du 29 décembre 1894, entre en fonctions le 15 mars 1895. Part pour France le 20 octobre 1895.

M. Fourès, fait l'intérim de gouverneur général, du 21 octobre 1895 au 14 mars 1896.

M. Rousseau, gouverneur général, reprend ses fonctions le 14 mars 1896. Décédé à Hà-Nội le 10 décembre 1896.

M. Fourès, gouverneur général p. i., du 10 décembre 1896 au 13 février 1897.

M. Doumer, gouverneur général, du 13 février 1897 au 28 septembre 1898.

M. Fourès, gouverneur général p. i., du 29 septembre 1898 au 24 janvier 1899.

M. Doumer, reprend ses fonctions de gouverneur général, du 25 janvier 1899 au 15 février 1901.

M. Broni, gouverneur p. i., du 16 février 1901 au 20 août 1901.

M. Doumer, reprend ses fonctions de gouverneur général, du 21 août 1901 au 13 mars 1902.

M. Broni, gouverneur général p. i., du 14 mars au 14 octobre 1902.

M. Beau, gouverneur général, du 15 octobre 1902 au 30 juin 1905.

M. Broni, gouverneur général p. i., du 1er juillet au 6 décembre 1905.

M. Beau, reprend ses fonctions de gouverneur général le 7 décembre 1905, rentre en France le 28 juillet 1906.

M. Broni, gouverneur général p. i., du 28 juillet 1906.



ANNUAIRE ADMINISTRATIF

DE

L'INDOCHINE

1937

4° Lc 32
89

HANOI
IMPRIMERIE D'EXTRÊME-ORIENT
MCMXXXVII

GOUVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE

LISTE CHRONOLOGIQUE DES GOUVERNEURS GENERAUX

MM. CONSTANS, Gouverneur général à titre provisoire du 16 novembre 1887 au 21 avril 1888.

RICHAUD, O. ❋, O. ⁂, Résident général en Annam et au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 22 avril 1888.

RICHAUD, O. ❋, O. ⁂, nommé Gouverneur général titulaire par décret du 8 septembre 1888.

PIQUET, nommé par décret du 10 mai 1889, entré en fonctions le 31 mai 1889.

BIDEAU, O. ❋, O. ⁂, Gouverneur général *p. i.* du 13 avril 1891 au 25 juin 1891.

DE LANESSAN, nommé par décret du 21 avril 1891, entré en fonctions le 26 juin 1891.

CHAVASSIEUX, O. ❋, Résident supérieur au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 10 mars au 26 octobre 1894.

RODIER, ❋, Résident supérieur au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 30 décembre 1894 au 15 mars 1895.

ROUSSEAU (Armand), C. ❋, du 29 décembre 1894, entré en fonctions le 15 mars 1895.

FOURÈS, ❋, ⁂, Secrétaire général de l'Indochine, Gouverneur général *p. i.* du 21 octobre 1895 au 14 mars 1896 ;

FOURÈS, O. ❋, ⁂, Résident supérieur au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 10 décembre 1896 au 12 février 1897.

DOUMER, Gouverneur général du 13 février 1897.

FOURÈS, O. ❋, ⁂, Résident supérieur au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 29 septembre 1898 au 24 janvier 1899.

BRONI, O. ❋, Directeur des Affaires civiles de l'Indochine, Gouverneur général *p. i.* du 16 février 1901 au 20 août 1901.

BRONI, O. ❋, Directeur des Affaires civiles de l'Indochine, Gouverneur général *p. i.* du 14 mars 1902 au 14 octobre 1902.

BEAU, O. ❋, Gouverneur général du 15 octobre 1902.

BRONI, O. ❋, Secrétaire général de l'Indochine, Gouverneur général *p. i.* du 1er juillet 1905 au 6 décembre 1905.

BRONI, O. ❋, Secrétaire général de l'Indochine, Gouverneur général *p. i.* du 28 juillet 1906 au 2 janvier 1907.

BONHOURE, O. ❋, Lieutenant-gouverneur de la Cochinchine, Gouverneur général *p. i.* du 28 février au 23 septembre 1908.

A. KLOBUKOWSKI, O. ❋, nommé Gouverneur général par décret du 26 juin 1908 et entré en fonctions le 24 septembre 1908.

PICQUIE (Albert), C. ❋, Inspecteur général de 1re classe des colonies, Conseiller d'Etat, délégué dans les fonctions de Gouverneur général du 13 janvier au 11 juin 1910.

LUCE, O. ❋, O. ⁂, Résident supérieur au Cambodge, Gouverneur général *p. i.* du 17 février au 14 novembre 1911.

SARRAUT (Albert), Député, nommé Gouverneur général par décret du 1er juin 1911 et entré en fonctions le 15 novembre 1911.

VAN VOLLENHOVEN, ❋, O. ⁂, Secrétaire général du Gouvernement général de l'Indochine, chargé de l'expédition des affaires courantes du Gouvernement général du 4 janvier au 4 août 1914.

MM. VAN VOLLENHOVEN, ❋, O. ⁂, délégué dans les fonctions de Gouverneur général de l'Indochine par décret du 5 août 1914.

ROUME, G. O. ❋, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 26 janvier 1915 et entré en fonctions le 5 mars 1915.

CHARLES (Jean-Eugène), ❋, ⁂, Résident supérieur en Annam, Gouverneur général *p. i.* du 23 mai 1916 au 21 janvier 1917.

SARRAUT (Albert), ❋, Député, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 7 novembre 1916 et entré en fonctions le 22 janvier 1917.

MONGUILLOT (Maurice-Antoine-François), O. ❋, ⁂, Secrétaire général du Gouvernement général de l'Indochine, Gouverneur général *p. i.* du 22 mai 1919 au 19 février 1920.

LONG (Maurice), Député, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 10 décembre 1919, entré en fonctions le 20 février 1920 et rentré en mission en France le 18 novembre 1920.

LE GALLEN (Maurice), ❋, O. ⁂, Gouverneur de la Cochinchine, Gouverneur général *p. i.* du 18 novembre 1920 au 31 mars 1921.

LONG (Maurice), Député, Gouverneur général de l'Indochine du 1er avril 1921. Rentré en mission en France le 15 avril 1922 et décédé à Colombo le 15 janvier 1923 lors de son voyage de retour dans la Colonie.

BAUDOIN (François), O. ❋, O. ⁂, Résident supérieur au Cambodge, Gouverneur général *p. i.* du 15 avril 1922 au 9 août 1923.

MERLIN (Martial), G. O. ❋, O. ⁂, Gouverneur général de l'Afrique occidentale française, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 20 février 1923 et entré en fonctions le 10 août 1923.

MONGUILLOT (Maurice-Antoine-François), C. ❋, O. ⁂, Résident supérieur au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 23 avril 1925 au 17 novembre 1925.

VARENNE (Alexandre), Député, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 28 juillet 1925 et entré en fonctions le 18 novembre 1925. Rentré en mission en France le 4 octobre 1926.

PASQUIER (Pierre), C. ❋, ⁂, Résident supérieur en Annam, Gouverneur général *p. i.* du 4 octobre 1926 au 16 mai 1927.

VARENNE (Alexandre), Député, Gouverneur général de l'Indochine du 17 mai 1927. Rentré en mission en France le 1er novembre 1927.

MONGUILLOT (Maurice-Antoine-François), C. ❋, O. ⁂, Secrétaire général du Gouvernement général de l'Indochine, Gouverneur général *p. i.* du 1er novembre 1927.

ROBIN (René), O. ❋, ⁂, Résident supérieur au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 7 août 1928 au 26 décembre 1928.

PASQUIER (Pierre), C. ❋, ⁂, Résident supérieur de 1re classe, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 23 août 1928 et entré en fonctions le 26 décembre 1928. Rentré en mission en France le 1er décembre 1930.

ROBIN (René), C. ❋, ⁂, Résident supérieur au Tonkin, Gouverneur général *p. i.* du 1er décembre 1930 au 30 juin 1931.

PASQUIER (Pierre), G. O. ❋, ⁂, Gouverneur général de l'Indochine du 30 juin 1931. Rentré en mission en France le 4 janvier 1934 et décédé le 15 janvier 1934 à bord de l'avion « émeraude » tombé en flammes à Corbigny, près de Nevers.

GRAFFEUIL (Maurice-Fernand), O. ❋, Résident supérieur en Indochine, Secrétaire général du Gouvernement général de l'Indochine, chargé de l'expédition des affaires par décret du 14 janvier 1934 et chargé des fonctions de Gouverneur général *p. i.* de l'Indochine par décret du 2 mars 1934.

ROBIN (René), G. O. ❋, ⁂, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 27 février 1934 et entré en fonctions le 23 juillet 1934.

SILVESTRE (Achille-Louis-Auguste), O. ❋, Résident supérieur au Cambodge, Gouverneur général *p. i.* de l'Indochine par décret du 9 septembre 1936.

BREVIE (Jules), C. ❋, nommé Gouverneur général de l'Indochine par décret du 8 août 1936 pour compter du 13 septembre 1936 et entré en fonctions le 14 janvier 1937.

LISTE CHRONOLOGIQUE DES RESIDENTS GENERAUX, SECRETAIRES GENERAUX ET DIRECTEURS DES AFFAIRES CIVILES

1° Résidents généraux

MM. LEMAIRE, Ministre plénipotentiaire, Résident général, du 1er octobre 1884 au 21 décembre 1884.

Général ROUSSEL DE COURCY, commandant en chef le corps expéditionnaire du Tonkin, Résident général, du 31 mai 1885 au 26 janvier 1886.

Général WARNET, commandant en chef le corps expéditionnaire du Tonkin, Résident général *p. i.*, du 27 janvier 1886 au 7 avril 1886.

BERT (Paul), Résident général, du 8 avril 1886 au 11 novembre 1886.

VIAL (Paulin), Résident général *p. i.* du 12 novembre 1886 au 28 janvier 1887.

BIHOURD, Ministre plénipotentiaire, Résident général, du 29 janvier 1887 au 11 septembre 1887.

BERGER, Secrétaire général, Résident général *p. i.*, du 11 septembre 1887 au 27 octobre 1887.

BIHOURD, Ministre plénipotentiaire, Résident général du 27 octobre 1887 au 17 novembre 1887.

BERGER, Secrétaire général, Résident général *p. i.*, du 17 novembre 1887 au 25 juin 1888.

RICHAUD, 17 novembre 1887.

PARREAU, Résident général *p. i.*, du 25 juin 1888 au 8 septembre 1888.

RHEINART, Résident général, du 23 juin 1888 à mai 1889.

PARREAU, Résident général *p. i.*, mai 1889.

2° Secrétaires généraux du Gouvernement général et Directeurs des Affaires civiles

MM. KLOBUKOWSKI, Secrétaire général en 1887-1888.

Le poste de Secrétaire général, supprimé en 1888, a été rétabli par décret du 25 février 1895.

CHAVASSIEUX, Secrétaire général, nommé par décret du 25 février 1895, entré en fonctions le 9 mai 1895, décédé le 7 juin de la même année.

PICANON, Secrétaire général *p. i.* du 18 juin au 12 août 1895.

FOURES, Secrétaire général, nommé par décret du 13 juillet 1895.

Le poste de Secrétaire général a été supprimé par décret du 8 juin 1897.

Un poste de Directeur des Affaires civiles du Tonkin a été créé par arrêté du Gouverneur général de l'Indochine du 11 mai 1895.

LUCE, Directeur des Affaires civiles du Tonkin (arrêté du 13 mai 1895).

Un décret du 20 janvier 1899 a créé une Direction des Affaires civiles au Gouvernement général de l'Indochine.

BRONI, Directeur des Affaires civiles, nommé par décret du 21 janvier 1899

La Direction des Affaires civiles a été supprimée et remplacée par le Secrétariat général (décret du 18 octobre 1902).

BOULLOCHE, Secrétaire général, nommé par décret du 21 octobre 1902.

BRONI, Secrétaire général, nommé par décret du 9 octobre 1903.

Le poste de Secrétaire général a été supprimé par décret du 8 décembre 1906 et rétabli par celui du 20 octobre 1911.

MALAN, Secrétaire général, nommé par décret du 20 octobre 1911, décédé le 13 juin 1912.

VAN VOLLENHOVEN, Secrétaire général, nommé par décret du 19 juin 1912.

DESTENAY, nommé Secrétaire général *p. i.* par arrêté du 30 mars 1915 et décédé le 8 juin 1915.

BOURCIER SAINT CHAFFRAY, nommé Secrétaire général *p. i.* par arrêté du 9 juin 1915.

MONGUILLOT, nommé Secrétaire général par décret du 5 octobre 1917.

ROBIN (René), nommé Secrétaire général *p. i.* par arrêté du 8 novembre 1920 et Secrétaire général titulaire par décret du 1er mars 1921.

MONGUILLOT (Maurice-Antoine-François), nommé Secrétaire général par décret du 2 décembre 1925.

LAVIT (Fernand), nommé Secrétaire général *p. i.* par arrêté du 1er octobre 1926.

MONGUILLOT (Maurice-Antoine-François), Secrétaire général du 19 juin 1927.

GRAFFEUIL (Maurice-Fernand), Secrétaire général *p. i.* du 27 décembre 1928 et Secrétaire général titulaire du 1er mars 1929.

PAGES (Pierre), nommé Secrétaire général *p. i.* par décret du 2 janvier 1932. — Résident supérieur *p. i.* au Tonkin du 15 septembre 1932.

GRAFFEUIL (Maurice-Fernand), Secrétaire général du 1er janvier 1933.

CHÂTEL (Yves-Charles), nommé Secrétaire général par décret du 13 mars 1934.

NOUAILHETAS (Pierre-Marie-Elie-Louis), nommé Secrétaire général par décret du 14 décembre 1936.

TỪ ĐIỂN CHÚ GIẢI

Académie des Sciences	Viện Hàn lâm khoa học
Adjudant	Thượng sĩ
Administrateur - adjoint de la province	Phó Tham biện (Phó Chủ tỉnh)
Administrateur	Quan cai trị
Administrateur Chef de province	Chánh Tham biện (Chánh Chủ tỉnh)
Agence économique de l'Indochine	Cục Kinh tế Đông Dương
Agence générale des colonies	Tổng Cục thuộc địa
Agent - voyeur	Nhân viên lục lộ
Agent contractuel	Nhân viên hợp đồng
Agent de culture	Nhân viên canh tác
Agent principal	Nhân viên chính
Agent temporaire	Nhân viên tạm thời
Aide - commissaire	Uỷ viên phụ tá
Aide - jardinier	Thợ làm vườn phụ
Aide - météorologiste	Nhân viên khí tượng phụ
Aide - secrétaire	Thư kí phụ
Aide - vétérinaire vaccinateur	Nhân viên thú y tiêm chủng phụ
Aide de camp	Sĩ quan tuỳ tùng
Ambassadeur	Đại sứ

Archiviste	Lưu trữ viên
Archiviste - bibliothécaire	Lưu trữ viên - thủ thư
Arrondissement administratif	Tiểu khu hành chính
Arrondissement Minéralogique et industriel	Khu Khoáng vật và Kĩ nghệ
Aspirant	Chuẩn uý
Assesseur	Bồi thẩm
Assesseur suppléant	Bồi thẩm dự khuyết
Assimilé	Viên chức hàng quân nhân
Atelier d'apprentissage	Xưởng học nghề
Atelier de filature et de tissage de soie	Xưởng kéo sợi và dệt lụa
Attaché du parquet	Tuỳ viên công tố
Auxiliaire	Nhân viên không chính ngạch
Avocat défenseur	Luật sư bào chữa
Avocat général	Tổng Hộ biện
Avoué	Người được uỷ nhiệm
Bachelier ès-lettres	Tú tài văn chương
Bachelierès-sciences	Tú tài khoa học
Bibliothèque scientifique	Thư viện khoa học
Brigadier - chef (Douanes)	Đội trưởng (lính đoan)
Brigadier (Douanes)	Cai lính đoan

Bureau administratif	Phòng hành chính
Bureau de recettes	Phòng thu thuế
Bureau des renseignements agricoles	Phòng thông tin nông nghiệp
Bureau technique	Phòng kĩ thuật
Cabinet du Gouverneur général	Văn phòng Toàn quyền
Cabinet du Ministre	Văn phòng Bộ trưởng
Cadre actif	Khung công chức lưu động
Cadre auxiliaire	Khung công chính không chính ngạch
Cadre permanent	Khung công chức thường trực
Cadre sédentaire	Khung công chức thường trú
Caisse centrale de la France d'Outre mer	Quỹ trung ương nước Pháp hải ngoại
Caisse d'épargne	Quỹ tiết kiệm
Caisse de Crédit Agricole Mutuel	Quỹ Nông phố ngân hàng
Caisse de prêts et de secours aux agriculteurs	Quỹ cho vay và cứu trợ nhà nông
Caisse de Prévoyance	Quỹ tương tế
Caisse de Réserve	Quỹ dự phòng
Caisse de Retraite	Quỹ hưu trí
Caisse des dépôts et consignations	Quỹ tiền gửi và kí gửi
Caisse des Invalides de la marine	Quỹ Thương binh hải quân

Caissier comptable	Thủ quỹ kế toán viên
Camp	Doanh trại
Cantonnier	Thợ sửa đường
Caporal	Hạ sĩ
Centre du service à titre d'essai	Trung tâm dịch vụ thử nghiệm
Cercle annexe	Tiểu khu phụ
Cercle militaire	Tiểu quân khu
Chambre Consultative indigène du Tonkin	Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì
Chambre Consultative mixte de Commerce et d'Agriculture en Annam	Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì
Chambre d'Agriculture du Tonkin	Phòng Canh nông Bắc Kì
Chambre de Commerce	Phòng Thương mại
Chambre de Commerce internationale	Phòng Thương mại quốc tế
Chambre des Représentants du peuple de l'Annam	Viện Dân biểu Trung Kì
Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture de l'Annam	Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì
Champs d'expériences	Ruộng thí nghiệm
Chancelier	Chưởng ấn
Chargé d'affaires	Đại biện lâm thời

Chef comptable	Kế toán trưởng
Chef d'escadron	Đại đội trưởng
Chef d'Etat major général	Tổng Tham mưu trưởng
Chef de brigade	Lữ đoàn trưởng
Chef de bureau (de 1ère, 2è classe)	Trưởng phòng (hạng 1, 2)
Chef de canton	Chánh tổng
Chef de circonscription	Trưởng khu
Chef de culture	Trưởng bộ phận canh tác (Nông nghiệp)
Chef de dépôt	Trưởng kho
Chef de gare	Trưởng ga (Sếp ga)
Chef de l'Armée	Lãnh binh
Chef de l'Arrondissement Minéralogique	Trưởng khu khoáng vật
Chef de l'Etat	Quốc trưởng
Chef de la Colonie	Người đứng đầu thuộc địa
Chef de la Justice	Chánh án
Chef de la Sûreté générale et des Renseignements	Giám đốc Cơ quan tình báo và an ninh trung ương
Chef de Police locale	Cảnh sát trưởng địa phương
Chef de section	Trưởng ban
Chef de service administratif	Quan bố
Chef de station	Trưởng trạm

Chef de Sûreté adjoint	Phó Chánh Sở Mật thám
Chef de train	Trưởng tàu
Chef des pilotes	Trưởng hoa tiêu
Chef du Cabinet du Résident supérieur au Tonkin	Chánh Văn phòng Phủ Thống sứ Bắc Kì
Chef du Secrétariat	Trưởng ban Thư kí
Chef du Service administatif	Chánh Sở Hành chính
Chef du Service de la Navigation	Chánh Sở Hàng hải
Chef du Service des Mines	Chánh Sở Hầm mỏ
Chef du Service géologique	Chánh Sở Địa chất
Chef du Service judiciaire	Giám đốc Tư pháp
Chef local du Service de l'Enseignement	Chánh Sở Học chính địa phương
Chefs de place (de Trésor) – préposé	Các cụm trưởng (Ngân khố)
Chimiste	Kĩ sư hoá học
Chimiste principal	Kĩ sư hoá học chính
Circonscription administrative	Khu hành chính
Circonscription des Travaux publics	Khu Công chính
Collège électoral	Đoàn cử tri
Comité agricole et industriel	Ủy ban Canh nông và Kĩ nghệ
Comité central des Prix	Ủy ban Vật giá trung ương

Comité consulatif de l'Instruction publique des colonies	Ủy ban Tư vấn Học chính thuộc địa
Comité consultatif des affaires indigènes	Ủy ban Tư vấn các công việc bản xứ
Comité consultatif des Mines	Ủy ban Tư vấn về mỏ
Comité de Coordination et des Télécommunications de la Fédération Indochinoise (C.C.T.F.I)	Ủy ban Điều phối và Viễn thông Liên bang Đông Dương
Comité de l'Indochine	Uỷ ban Đông Dương
Comité des Approvisionnements de l'Indochine	Uỷ ban Tiếp tế Đông Dương
Commandant	Tư lệnh
Commandant d'Armes	Chỉ huy Quân đội
Commandant de la Marine	Tư lệnh Hải quân
Commandant en chef	Tổng Tư lệnh
Commandant en chef de la division de l'Extrême-Orient et des forces navales en Indochine	Tổng Tư lệnh sư đoàn Viễn Đông và lực lượng hải quân tại Đông Dương
Commandant en chef des troupes de l'Indochine	Tổng Tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương
Commandant militaire	Tư lệnh quân đội
Commandant supérieur de la marine	Chỉ huy tối cao lực lượng hải quân

Commandant supérieur des troupes de la Cochinchine	Tư lệnh tối cao quân đội Nam Kì
Commandant supérieur des troupes du groupe de l'Indochine	Tư lệnh tối cao quân đội Đông Dương
Commerçant	Thương nhân
Commis	Tham tá
Commis – Greffier	Tham tá lục sự
Commis auxiliaire	Tham tá phụ
Commis de comptabilité	Tham tá kế toán
Commis principal	Tham tá chính
Commis rédacteur	Tham tá biên tập
Commissaire	Uỷ viên
Commissaire adjoint	Phó uỷ viên
Commissaire central de police	Uỷ viên cảnh sát trung ương
Commissaire de la République en Conchinchine	Ủy viên Cộng hoà Pháp tại Nam Kì
Commissaire de la République pour le Sud-Annam	Ủy viên Cộng hoà Pháp ở Nam - Trung Kì
Commissaire de la République pour le Tonkin et l'Annam	Ủy viên Cộng hoà Pháp tại Bắc Kì và Trung Kì
Commissaire de police frontière	Uỷ viên cảnh sát biên giới
Commissaire de police spécial	Uỷ viên cảnh sát đặc biệt
Commissaire général de la marine	Tổng Uỷ viên Hải quân

Commissaire général de la République française	Tổng Uỷ viên nước Cộng hoà Pháp
Commissaire municipal	Uỷ viên thành phố
Commissaire-priseur	Uỷ viên đấu giá
Commissariat	Sở Cảnh sát
Commission consultative de notables indigènes	Uỷ ban tư vấn kì hào bản xứ
Commission Consultative des Dommages et des Réparations	Uỷ ban tư vấn Bồi thường và Sửa chữa
Commission criminelle	Hội đồng Đề hình
Commission municipale	Uỷ ban thành phố
Commission permanente	Uỷ ban thường trực
Comptable	Kế toán viên
Conducteur de 1ère, 2è, 3è, 4è classe	Đốc công hạng 1, 2, 3, 4
Conducteur de travaux	Đốc công
Conseil administratif	Hội đồng hành chính
Conseil colonial de la Cochinchine	Hội đồng thuộc địa Nam Kì
Conseil consulatif de l'Instruction publique	Hội đồng Tư vấn học chính
Conseil consulatif des Mines	Hội đồng Tư vấn về mỏ
Conseil d'Arrondissement	Hội đồng Tiểu khu
Conseil d'enquête	Hội đồng thẩm tra

Conseil d'Etat	Hội đồng Nhà nước
Conseil de Contentieux administratif	Hội đồng Tài phán hành chính
Conseil de Défense de l'Indochine	Hội đồng Phòng thủ Đông Dương
Conseil de Gouvernement de l'Indochine	Hội đồng Chính phủ Đông Dương
Conseil de l'Enseignement du Tonkin	Hội đồng Giáo dục Bắc Kì
Conseil de Législation coloniale	Hội đồng Pháp chế thuộc địa
Conseil de perfectionnement de l'Enseignement indigène en Indochine.	Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ Đông Dương
Conseil des notables en Cochinchine	Hội đồng kì mục Nam Kì
Conseil du Contentieux	Hội đồng hoà giải
Conseil du Gouvernement Fédéral	Hội đồng Chính phủ liên bang
Conseil du Protectorat de l'Annam	Hội đồng Bảo hộ Trung Kì
Conseil du Protectorat du Tonkin	Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì
Conseil économique colonial	Hội đồng Kinh tế thuộc địa
Conseil fédéral mixte de l'Indochine	Hội đồng Liên bang hỗn hợp xứ Đông Dương
Conseil judiciaire	Hội đồng tư pháp
Conseil privé	Hội đồng Tư mật
Conseil provincial	Hội đồng hàng tỉnh

Conseil sanitaire	Hội đồng Y tế
Conseil secret	Viện Cơ mật
Conseil supérieur de l'Agriculture du Tonkin	Hội đồng tối cao canh nông Bắc Kì
Conseil supérieur de l'Indochine	Hội đồng Tối cao Đông Dương
Conseil supérieur de la Colonisation	Hội đồng Tối cao về khai thác thuộc địa
Conseil supérieur de la magistrature	Hội đồng thẩm phán cấp cao
Conseil supérieur des Colonies	Hội đồng Tối cao thuộc địa
Conseiller à la Cour d'Appel	Cố vấn Toà Thượng thẩm
Conseiller assesseur	Cố vấn bồi thẩm
Conseiller auditeur	Cố vấn cán sự
Conseiller de province	Cố vấn hàng tỉnh
Conseiller diplomatique	Cố vấn Ngoại giao
Conseiller financier	Cố vấn Tài chính
Conseiller juridique	Cố vấn Tư pháp
Conseiller municipal	Ủy viên Hội đồng thành phố
Conseiller politique	Cố vấn Chính trị
Conseiller pour l'Information	Cố vấn Thông tin
Conseiller pour l'Instruction publique	Cố vấn Học chính
Conseiller pour la Justice	Cố vấn Tư pháp
Conseiller pour la Santé publique	Cố vấn Y tế

Conseiller pour les Affaires économiques	Cố vấn Kinh tế
Conseiller pour les Affaires militaires	Cố vấn Quân sự
Conseiller pour les Travaux publics	Cố vấn Công chính
Conseiller privé	Ủy viên Hội đồng Tư mật
Conseiller technique	Cố vấn kỹ thuật
Conservateur	Quản thủ viên
Consul	Lãnh sự
Consul général	Tổng Lãnh sự
Consulat français	Toà lãnh sự Pháp
Contre Amiral	Phó Đô đốc
Contre maître	Cai
Contrôle financier de l'Indochine	Nha Kiểm tra tài chính Đông Dương
Contrôleur des Douanes	Kiểm soát viên Thuế quan
Contrôleur des Eaux et Forêts	Kiểm soát viên thủy - lâm
Contrôleur des Mines	Kiểm soát viên mỏ
Contrôleur spécial	Kiểm soát viên đặc biệt
Corps municipal	Bộ máy quản lí thành phố (gồm Hội đồng thành phố, Đốc lí và các Phó Đốc lí)
Cour de Cassation	Toà Phá án

Cours criminelle	Toà Đại hình
Cours d'Appel	Toà Thượng thẩm
Cours des Comptes	Toà Kiểm toán (Thẩm kế viện)
Crédit commercial	Quỹ tín dụng thương mại
Curatelle	Chức trợ quản
Curateur	Trợ quản
Défendeur	Bị đơn
Défenseur	Người bào chữa
Département de la Marine	Bộ Hải quân
Dépositaire des pouvoirs de la République dans l'Indochine	Người được uỷ nhiệm thi hành quyền lực nước Cộng hoà Pháp tại Đông Dương
Dépôt central de la Garde civile centrale	Quân khu lính thủ bộ trung ương
Député	Nghị sĩ
Dessinateur	Thợ vẽ
Détachement de la Cochinchine	Phân đội Nam Kì
Directeur de l'Administration pénitentiaire	Giám đốc phụ trách hệ thống nhà tù
Directeur de l'Intérieur	Giám đốc Nha Nội chính
Directeur de la Comptabilité générale	Trưởng ban Kế toán
Directeur de la Police et de la Sûreté	Giám đốc Sở Cảnh sát và An ninh

Directeur de laboratoire de 1ère, 2è, 3è	Trưởng phòng thí nghiệm hạng 1, 2, 3
Directeur des affaires civiles de l'Indochine	Giám đốc phụ trách các công việc dân sự Đông Dương
Directeur des Archives et Bibliothèques au Gouvernement général de l'Indochine	Giám đốc Lưu trữ và Thư viện Phủ Toàn quyền Đông Dương
Directeur des bureaux du Gouvernement et de la Résidence supérieure	Giám đốc phụ trách văn phòng Phủ Thống đốc và Phủ Thống sứ
Directeur des Douanes et Régies	Giám đốc Thương chính và Độc quyền
Directeur des Services de la Station d'Altitude du Langbian et du Tourisme dans le Sud-Annam	Giám đốc phụ trách các dịch vụ tại khu nghỉ mát Lâm Viên và Du lịch Nam Trung Kì
Directeur des Transmissions de l'Indochine	Giám đốc Thông tin liên lạc Đông Dương
Directeur du Cabinet et du Personnel	Giám đốc Văn phòng và Nhân sự
Directeur du Service local (en Cochichine)	Giám đốc Sở Địa phương Nam Kì (*Người phụ trách Nam Kì*)
Directeur général de l'Instruction publique en Indochine	Giám đốc Học chính Đông Dương
Directeur local de la Santé du Tonkin	Trưởng ban Y tế Bắc Kì
Direction de l'Administration judiciaire	Ban Tư pháp

Direction de l'Afrique occidentale et équatoriale et de la Côte des Somali	Ban Chỉ đạo Tây Phi xích đạo và bờ biển Somali
Direction de l'Agriculture en Annam	Sở Canh nông Trung Kì
Direction de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine	Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương
Direction de l'Agriculture, des Forêts et du Commerce de l'Indochine	Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương
Direction de l'Indochine et de Madagascar	Ban Chỉ đạo Đông Dương và Madagascar
Direction de l'Instruction publique de l'Indochine	Nha Học chính Đông Dương
Direction de l'Intérieur en Cochinchine	Nha Nội chính Nam Kì
Direction de la flotte indochinoise	Ban Chỉ đạo Hạm đội Đông Dương
Direction des Affaires Economiques de l'Indochine	Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế
Direction des Affaires Politiques de l'Indochine	Ban Chỉ đạo các công việc chính trị
Direction des Affaires politiques et de la Sûreté générale de l'Indochine	Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh
Direction des Affaires politiques et indigènes	Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và bản xứ

Direction des Finances de l'Indochine	Nha Tài chính Đông Dương
Direction des Finances et de Comptabilité de l'Indochine	Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương
Direction des gouvernements autonomes	Ban Chỉ đạo các chính phủ tự trị
Direction des impôts et revenus publics	Sở Thuế và Thu nhập công
Direction des Services économiques de l'Indochine	Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương
Direction des services militaires	Ban Chỉ đạo các cơ quan quân sự
Direction du contrôle	Ban Chỉ đạo kiểm soát
Direction du personnel	Ban Chỉ đạo nhân sự
Direction du Trésor fédéral	Sở Ngân khố liên bang
Direction générale de l'Instruction publique en Indochine	Tổng Nha Học chính Đông Dương
Direction générale de la Santé de l'Indochine	Ban Chỉ đạo Y tế Đông Dương
Direction générale des Postes et Télégraphes de l'Indochine	Tổng Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương
Direction générale des Travaux publics de l'Indochine	Tổng Nha Công chính Đông Dương
Docteur en médecine	Bác sĩ y khoa
Docteur es-sciences naturelles	Tiến sĩ khoa học tự nhiên

Donateur	Người tặng (người cung tiến)
Ecole coloniale	Trường Thuộc địa
Ecole d'Agriculture	Trường Canh nông
Ecole de Physique et de Chimie industrielle de la ville de Paris	Trường Vật lý và Hoá công nghiệp thành phố Paris
Ecole des Arts et Manufactures	Trường Kĩ sư Bá nghệ (Trường Tổng hợp Paris)
Ecole des Chartes	Trường Cổ tự
Ecole des Interprètes	Trường Thông ngôn
Ecole des Mines de Paris	Trường Mỏ Paris
Ecole française d'Extrême-Orient	Trường Viễn Đông Bác cổ
Ecole nationale d'Agriculture coloniale	Trường Canh nông quốc gia thuộc địa
Ecole nationale des Arts et Métiers	Trường Kĩ nghệ quốc gia
Ecole pratique d'agriculture	Trường thực hành canh nông
Ecole professionnelle agricole	Trường dạy nghề canh nông
Ecole supérieure de Commerce	Trường Cao đẳng Thương mại
Ecole supérieure des Sciences morales et politiques	Trường Cao đẳng Khoa học đạo đức và chính trị
Elève administrateur/ Administrateur stagiaire	Quan cai trị tập sự
Elève pilote	Hoa tiêu tập sự
Elève secrétaire	Thư kí tập sự

Employé secondaire	Nhân viên phụ
Entrepreneur	Nhà thầu
Evêque	Giám mục
Facteur	Bưu tá
Flotte indochinoise	Hạm đội Đông Dương
Garde civile	Lính thủ bộ
Garde de nuit	Lính gác phiên đêm
Garde des Sceaux	Chưởng ấn
Garde général (Forêts)	Lính kiểm lâm chính hạng
Garde indigène	Lính khố xanh
Garde principal de 1ère, 2è, 3è classe (de la Garde indigène)	Chánh cai đội hạng 1, 2, 3 (Lính khố xanh)
Garde-champêtre	Lính canh đồng
Garde-magasin	Thủ kho
Gardien de phare	Lính gác hải đăng
Gendarme	Viên hiến binh
Gendarmerie	Sở Hiến binh
Géologue principal	Nhà địa chất chính hạng
Géomètre	Nhân viên đo vẽ
Gouvernement général de l'Indochine	Phủ Toàn quyền Đông Dương
Gouverneur de la Cochinchine	Thống đốc Nam Kì

Gouverneur général de l'Afrique Equatoriale française	Toàn quyền Phi châu Xích đạo thuộc Pháp
Gouverneur général de l'Afrique Occidentale française	Toàn quyền Tây Phi thuộc Pháp
Gouverneur général de l'Indochine	Toàn quyền Đông Dương
Gradé	Quân nhân có cấp bậc
Grand Conseil des intérêts économiques et financiers en Indochine	Đại Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính Đông Dương
Greffe	Phòng lục sự
Greffier	Lục sự
Groupement des Contrôles Radioélectriques	Tập đoàn Kiểm tra Vô tuyến điện
Haut Conseil en Indochine	Hội đồng cấp cao Đông Dương
Haut-Commissaire de France pour l'Indochine	Cao uỷ Pháp tại Đông Dương
Haut-Commissariat de France pour l'Indochine	Phủ Cao uỷ Pháp ở Đông Dương
Industriel	Nhà công nghiệp
Infirmier	Y tá
Ingénieur adjoint	Phó kĩ sư
Ingénieur des Travaux publics	Kĩ sư công chính
Ingénieur en chef	Kĩ sư trưởng
Inscription maritime	Sở Đăng kiểm hàng hải

Inspecteur adjoint	Phó thanh tra
Inspecteur conseil	Thanh tra cố vấn
Inspecteur de 1ère, 2è, 3è classe (de la Garde indigène)	Giám binh hạng 1, 2, 3 (Lính khố xanh)
Inspecteur des affaires indigènes (en Cochichine)	Thanh tra công việc nội chính bản xứ ở Nam Kì (thường gọi là tham biện)
Inspecteur en chef	Chánh Thanh tra
Inspecteur en chef mobile	Chánh Thanh tra lưu động
Inspecteur général de l'Agriculture, de l'Elevage et des Forêts	Tổng thanh tra Nông nghiệp, Chăn nuôi và Lâm nghiệp
Inspecteur général des Services sanitaires et médicaux de l'Indochine	Tổng Thanh tra các cơ quan y tế Đông Dương
Inspecteur permanent	Thanh tra thường trực
Inspection (Cochinchine)	Sở Thanh tra (Sở Tham biện)
Inspection (des Douanes et Régies)	Ban Thanh tra Thuế quan và Độc quyền
Inspection de l'agriculture au Tonkin.	Ban Thanh tra Canh nông Bắc Kì
Inspection des pharmacies en Indochine	Ban thanh tra Dược tại Đông Dương
Inspection des services administratifs et financiers	Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính
Inspection du Travail au Tonkin	Ban Thanh tra Lao động Bắc Kì

LƯU TRỮ VN

Inspection générale de l'Instruction publique aux colonies	Tổng Thanh tra Học chính thuộc địa
Inspection générale de la Justice aux colonies	Tổng Thanh tra Tư pháp thuộc địa
Inspection générale de la Marine marchande et du Transit maritime colonial	Tổng Thanh tra cơ quan thương mại hàng hải và vận tải đường biển thuộc địa
Inspection générale des Mines et de l'Industrie de l'Indochine	Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ toàn Đông Dương
Inspection générale des Services économiques	Tổng Thanh tra các cơ quan kinh tế
Inspection générale des services sanitaires et médicaux de l'Indochine	Tổng Thanh tra các cơ quan vệ sinh và y tế Đông Dương
Inspection générale des Travaux publics de l' Indochine	Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương
Inspection générale des Travaux publics des colonies	Tổng Thanh tra công chính thuộc địa
Inspection générale du Service de santé aux colonies	Tổng Thanh tra y tế tại thuộc địa
Inspection générale permanente des Services Vétérinaire, Zootechnique et des Epizooties de l'Indochine	Ban Tổng Thanh tra thường trực các Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật Đông Dương
Inspection mobile	Ban Thanh tra lưu động
Institut nationale agronomique	Viện Nông học quốc gia
Institut Pasteur de Nha Trang	Viện Pasteur Nha Trang

Institut scientifique de l'Indochine	Viện Khoa học Đông Dương
Intendant	Nhân viên hậu cần
Interprète	Thông ngôn, thông dịch viên
Jardinier	Thợ làm vườn
Jardinier chef	Thợ làm vườn chính
Journalier	Người làm công nhật
Juge - Président du tribunal	Thẩm phán - Chánh án
Juge d'instruction	Quan bồi thẩm
Juge de simple police	Thẩm phán vi cảnh
Juge suppléant	Thẩm phán dự khuyết
Justice de Paix à compétence étendue	Toà Hoà giải rộng quyền
Justice militaire	Toà án binh
Laboratoire d'analyse et de recherches agricoles et industrielles	Phòng thí nghiệm phân tích và nghiên cứu nông nghiệp, kĩ nghệ
Laboratoire de Chimie minérale et d'Essai de Résistance matériaux	Phòng thí nghiệm Hoá mỏ và Thử nghiệm sức bền vật liệu
Laboratoire de génétique et de sélection des semences	Phòng Thí nghiệm di truyền học và lựa chọn giống
Lazaret	Trạm cách li
Licencié en droit	Cử nhân luật
Lieutenant	Trung uý
Lieutenant de juge	Phó thẩm phán

Lieutenant-gouverneur	Phó Đô đốc
Magistrat	Quan toà
Magistrat assis ou du siège	Thẩm phán xét xử
Magistrat debout	Thẩm phán công tố hay kiểm sát viên
Magistrat du Ministère public (du Parquet)	Thẩm phán công tố hay kiểm sát viên
Magistrature assise ou du siège	Đoàn thẩm phán xét xử
Maire	Đốc lí
Maire adjoint	Phó Đốc lí
Maitre de phare	Trưởng gác hải đăng
Marin	Lính thuỷ
Mécanicien	Thợ cơ khí
Mécanicien en premier	Thợ máy bậc 1
Mécanicien en second	Thợ máy bậc 2
Médecin arraisonneur	Bác sĩ khám tàu
Médecin de l'Etat-civil	Bác sĩ hộ tịch
Médecin en chef	Bác sĩ trưởng
Météorologiste	Nhân viên khí tượng
Milicien	Lính cơ
Ministère de l'Air	Bộ Không quân
Ministère de la Marine et des Colonies.	Bộ Hải quân và Thuộc địa

Ministère public	Viện Công tố
Ministre de la Guerre	Bộ trưởng Chiến tranh
Ministre de la Justice et des Cultes	Bộ trưởng Tư pháp và Tôn giáo
Ministre des Colonies	Bộ trưởng Thuộc địa
Ministre des Finances	Bộ trưởng Tài chính
Ministre des Travaux publics	Bộ trưởng Công chính
Ministre du Commerce, de l'Industrie et des Colonies	Bộ trưởng Thương mại, Kĩ nghệ và Thuộc địa
Musée d'histoire naturelle	Bảo tàng Lịch sử tự nhiên
Musée énomique	Bảo tàng Kinh tế
Notaire	Công chứng viên
Notariat	Chức công chứng viên
Observatoire central	Đài quan sát trung ương
Observatoire central magnétique et météorologique	Đài quan sát Từ trường và Khí tượng trung ương
Office des Changes	Sở Hối đoái
Office du Crétdit populaire	Cục Tín dụng bình dân
Office du Riz de l'Indochine	Cục Mễ cốc Đông Dương (Cục Lúa gạo Đông Dương)
Office indochinois du Crédit Agricole Mutuel	Cục Tín dụng Nông nghiệp tương tế Đông Dương
Office indochinois du Crétdit à l'Agriculture et à l'Artisanat Mutuel de d'Indochine	Cục Tín dụng Nông nghiệp và Thủ công nghiệp tương tế Đông Dương

Office indochinois du Tourisme et de la Propagande	Cục Du lịch và Tuyên truyền Đông Dương
Office national météorologique	Cơ quan khí tượng quốc gia
Officier de l'Etat civil	Viên chức hộ tịch
Officier ministériel	Viên chức tư pháp
Officier subalterne	Sĩ quan cấp uý
Officier supérieur	Sĩ quan cấp tá
Ordonnateur	Chánh chủ trì (Chủ kinh phí)
Ordonnateur secondaire	Phó Chánh chủ trì
Parquet général de Cochinchine	Viện Công tố Nam Kì
Partie civile	Bên dân sự nguyên cáo (luật)
Patron	Thuyền trưởng
Payeur	Nhân viên phát tiền
Payeur adjoint (Payeur particulier)	Phó Chủ sự Ngân khố
Payeur particulier	Chủ sự Ngân khố Người đứng đầu Ngân khố các khu hành chính ở Nam Kì trước năm 1887
Personnel navigant	Đội bay
Personnel non navigant	Đội mặt đất
Pharmacien	Dược sĩ
Pilote	Hoa tiêu
Pilote-aviateur	Phi công

Piqueur	Cai thợ
Planton	Lính chạy giấy
Poste de gendarmerie	Đồn hiến binh
Préfet apostolique	Giáo sĩ tông đồ
Préparateur	Điều chế viên
Préposé	Nhân viên thừa hành quản lí ngân khố theo cụm (préposé) còn gọi là cụm trưởng (chefs de place)
Préposé du Trésor (du Trésorier payeur, chef de place)	Cụm trưởng ngân khố
Président de la Commission de Surveillance des banques coloniales	Chủ tịch Uỷ ban giám sát các ngân hàng thuộc địa
Président de la Cour	Chánh án
Président de la Section de Législation	Trưởng ban Lập pháp
Président de la Section des Finances	Trưởng ban Tài chính
Prévoté (Service de la Santé)	Sĩ quan quân cảnh (Sở Y tế)
Procureur de la République	Biện lí
Procureur général, chef du service judiciaire de l'Indochine	Tổng Biện lí, Giám đốc Tư pháp Đông Dương
Propriétaire foncier	Trạch chủ

LƯU TRỮ VN

Protectorat	Chính quyền Bảo hộ
Quarantenaire	Trại cách li kiểm dịch
Receveur	Chủ sự (thu thuế)
Receveur sédentaire	Chủ sự thu thuế phụ
Rédacteur-comptable	Chủ sự kế toán
Réserve indigène	Quân dự bị bản xứ
Résidence	Tòa Công sứ
Résidence supérieure au Tonkin	Phủ Thống sứ Bắc Kì
Résident	Công sứ
Résident - Maire	Công sứ - Đốc lí
Résident général de l'Annam et du Tonkin	Tổng Trú sứ Trung Kì và Bắc Kì
Résident supérieur du Cambodge	Khâm sứ Cao Miên
Résident supérieur du Tonkin	Thống sứ Bắc Kì
Résident supérieur en Annam	Khâm sứ Trung Kì
Sécrétaire auxiliaire	Thư kí phụ
Secrétaire d'Etat	Quốc vụ khanh
Sécrétaire général de l'Indochine	Phó Toàn quyền Đông Dương
Secrétaire principal	Thư kí chính
Secrétariat Permanent du Conseil du Gouvernement Fédéral	Ban thư kí thường trực Hội đồng Chính phủ liên bang
Sénateur	Thượng nghị sĩ
Sergent	Trung sĩ

Service administratif de Navigation	Phòng quản lí hàng hải
Service central	Sở trung ương
Service d'aide des forces alliées	Cơ quan cứu trợ các lực lượng đồng minh
Service d'assistance morale et intellectuelle	Hội Khai trí Tiến Đức
Service d'Hygiène de la ville de Cholon	Sở Vệ sinh thành phố Chợ Lớn
Service de Chimie	Ban Hoá chất
Service de Contrôle général du travail et de Colonisation	Sở Tổng kiểm soát Lao động và Khai thác thuộc địa
Service de l'Aéronautique civile	Cục Hàng không dân dụng
Service de l'Artillerie	Sở Pháo binh
Service de l'Enregistrement, des Domaines et du Timbre de l'Indochine	Nha Trước bạ, Tài sản và Tem Đông Dương
Service de l'Enregistrement, des Hypothèques, des Domaines et du Timbre de l'Indochine	Nha Trước bạ, Cầm cố, Tài sản và Tem Đông Dương
Service de l'Enseignement en Annam	Sở Học chính Trung Kì
Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse	Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí
Service de la Censure	Sở Kiểm duyệt
Service de la comptabilité	Sở Kế toán

Service de la Marine marchande	Sở Thương mại Hàng hải
Service de la photographique aérienne	Ban phụ trách chụp ảnh trên không
Service de la Presse et de la Propagande	Sở Báo chí và Tuyên truyền
Service de la Propriété foncière	Sở Sở hữu điền thổ
Service de la Santé	Sở Y tế
Service de la Santé de l'Indochine	Nha Y tế Đông Dương
Service de la Statistique générale	Sở Thống kê tổng hợp
Service de la Sûreté générale et des Renseignements	Sở Mật thám và An ninh
Service de la Trésorerie au Tonkin	Sở Ngân khố Bắc Kì
Service de la Trésorerie de l'Indochine	Nha Ngân khố Đông Dương
Service de la Trésorerie en Annam	Sở Ngân khố Trung Kì
Service de la Trésorerie en Cochinchine	Sở Ngân khố Nam Kì
Service de Législation et d'Administration	Sở Lập pháp và Hành chính
Service de Pilotage	Sở Hoa tiêu
Service de Riziculture	Cơ quan khảo cứu lúa gạo
Service de Statistique générale	Sở Thống kê
Service des Affaires économiques	Cơ quan nghiên cứu các vấn đề kinh tế
Service des Affaires extérieures	Sở Ngoại vụ

Service des Affaires politiques	Sở phụ trách các công việc chính trị
Service des Contributions directes	Sở Thuế trực thu
Service des Douanes et Régies de l'Indochine	Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương
Service des Eaux et Forêts	Sở Thuỷ Lâm
Service des Echanges commerciaux	Sở Trao đổi mậu dịch
Service des Postes, Télégraphes et Téléphones de l'Indochine	Nha Bưu chính, Điện tín và Điện thoại Đông Dương
Service des Travaux publics en Cochinchine	Sở Công chính Nam Kì
Service du cadastre et la la Topographie de l'Indochine.	Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương.
Service du personnel au Gouvernement général	Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền
Service forestier de l'Indochine	Nha Lâm nghiệp Đông Dương
Service général du Ravitaillement et des Transports maritimes	Nha Tiếp tế và Vận tải biển
Service géographique de l'Indochine	Nha Địa lí Đông Dương
Service géologique	Nha Địa chất
Service Météologique de l'Indochine	Nha Khí tượng Đông Dương
Service météorologique colonial	Sở Khí tượng thuộc địa

Service océanographique des Pêches	Cơ quan nghiên cứu hải dương học
Service pénitentiaire	Sở Giám sát hệ thống nhà tù
Service Radioélectrique de l'Indochine	Nha Vô tuyến điện Đông Dương
Service vétérinaire du Tonkin	Sở Thú y Bắc Kì
Service Vétérinaire et des Epizooties	Nha Thú y và Dịch động vật
Sous - inspecteur	Phó Thanh tra
Sous-agent	Nhân viên quản trị
Sous-brigadier	Đội phó
Sous-Directeur des Douanes	Phó (Chánh) Sở Thuế quan
Sous-ingénieur	Phó kỹ sư
Sous-lieutenant	Thiếu uý
Sous-secrétaire d'Etat	Thứ trưởng
Station de culture expérimentale	Trạm trồng trọt thử nghiệm
Station de grainage	Trạm sản xuất kén tằm
Station de multiplication	Trạm nhân giống
Station sanitaire	Trạm y tế
Station séricicole	Trạm trồng dâu nuôi tằm
Substitut du Procureur général	Thẩm phán thay biện lí
Supérieur ecclésiastique	Thày tu bề trên
Surveillant de travaux	Giám sát công chính (Cai lục lộ)

Témoin	Nhân chứng
Territoire militaire	Đạo Quan binh
Tirailleur	Lính pháo binh
Trésorerie de Cochinchine	Sở Ngân khố Nam Kì
Trésorier général de l'Indochine	Giám đốc Ngân khố Đông Dương
Trésorier payeur	Giám đốc Ngân khố các kì thuộc Đông Dương
Tribunal correctionnel	Toà Tiểu hình
Tribunal de première instance et de Commerce	Toà Sơ thẩm và Thương mại
Usine pour la préparation du caouchouc	Nhà máy chế biến cao su
Vérificateur	Thẩm tra viên
Vérificateur en chef	Thẩm tra viên trưởng
Vétérinaire civil stagiaire	Nhân viên thú y dân sự tập sự
Vétérinaire civil tilulaire	Nhân viên dân sự chính ngạch
Vétérinaire militaire hors cadre	Nhân viên thú y quân sự ngoại ngạch
Vice - Consul	Phó Lãnh sự
Vice - Président de la Cour d'Appel	Phó Chánh án Toà Thượng thẩm
Voyer - architecte	Kiến trúc sư lục lộ (cầu đường)

LƯU TRỮ VN

DANH SÁCH TỔNG TƯ LỆNH, TƯ LỆNH, THỐNG ĐỐC VÀ PHÓ THỐNG ĐỐC NAM KÌ
(1858 - 1895)

Đô đốc và Thống đốc	Ghi chú
RIGAULT DE GENOUILLY	Tổng Tư lệnh quân đội viễn chinh, Phó Đô đốc từ ngày 01 tháng 9 năm 1858 đến ngày 01 tháng 11 năm 1859
BERNARD JAURÉGUIBERRY	Tạm quyền thay Genouilly từ tháng 3 năm 1859 đến tháng 4 năm 1860
THÉOGÈNE FRANÇOIS PAGE	Tổng Tư lệnh quân viễn chinh, Chuẩn Đô đốc từ ngày 01 tháng 11 năm 1859 đến ngày 23 tháng 3 năm 1860
HUACINTHE LOUIS JULES D'ARIES	Đại tá, Tư lệnh tại Sài Gòn, tạm quyền thay Page từ ngày 01 tháng 4 năm 1860 đến ngày 07 tháng 2 năm 1861
LÉONARD VICTOR JOSEPH CHARNER	Phó Đô đốc, Tổng Tư lệnh Hạm đội biển Đông và quân đội viễn chinh ở Nam Kì từ ngày 07 tháng 2 năm 1861. Phó Đô đốc Charner giao quyền lại cho Chuẩn Đô đốc Bonnard ngày 28 tháng 11 năm 1861
ALPHONSE BONNARD	Chuẩn Đô đốc - Được bổ nhiệm làm Thống đốc theo Sắc lệnh ngày 8 tháng 8 năm 1861; - Nhậm chức ngày 28 tháng 11 năm 1861; - Về Pháp ngày 01 tháng 5 năm 1863.

PAUL PIERRE MARIE DE LA GRANDIÈRE	- Được bổ nhiệm làm Quyền Thống đốc ngày 23 tháng 4 năm 1863; - Được bổ nhiệm làm Thống đốc từ ngày 28 tháng 11 năm 1863; - Về Pháp ngày 30 tháng 3 năm 1865 ; - Trở lại Sài Gòn tiếp tục làm Thống đốc từ ngày 27 tháng 11 năm 1865; - Về Pháp ngày 04 tháng 4 năm 1868.
PIERRE GUSTAVE ROZE	Tạm quyền thay de La Grandière từ ngày 29 tháng 3 đến tháng 11 năm 1865
GUSTAVE OHIER	Chuẩn Đô đốc Ohier giữ chức Quyền Thống đốc từ ngày 04 tháng 4 năm 1868 đến ngày 10 tháng 12 năm 1868
JOSEPH FARON	Quyền Thống đốc từ ngày 10 tháng 12 năm 1869 đến ngày 8 tháng 01 năm 1870
CORNULIER LUCINIÈRE	Chuẩn Đô đốc: - Nhậm chức Thống đốc từ ngày 8 tháng 01 năm 1870; - Thôi giữ chức Thống đốc ngày 01 tháng 4 năm 1871; - Về Pháp ngày 02 tháng 4 năm 1871.
JULES DUPRÉ	Chuẩn Đô đốc Duprée - Được bổ nhiệm làm Thống đốc từ 15 tháng 01 năm 1871; - Nhậm chức ngày 01 tháng 4 năm 1871;

	- Về Pháp nghỉ phép ngày 07 tháng 3 năm 1872; - Tiếp tục giữ chức từ ngày 16 tháng 12 năm 1872 đến ngày 16 tháng 3 năm 1874.
D' ARBAUD	Chuẩn Đô đốc giữ chức Quyền Thống đốc từ ngày 07 tháng 3 đến ngày 16 tháng 12 năm 1872
ÉMILE KRANTZ	Chuẩn Đô đốc giữ chức Quyền Thống đốc từ ngày 16 tháng 3 năm 1874 đến ngày 01 tháng 12 năm 1874
BARON VITOCR AUGUSTE DUPÉRRÉ	Chuẩn Đô đốc: - Được bổ nhiệm làm Thống đốc theo Sắc lệnh ngày 30 tháng 9 năm 1874; - Nhậm chức ngày 01 tháng 12 năm 1874; - Về Pháp công tác ngày 31 tháng 01 năm 1876; - Tiếp tục giữ chức ngày 07 tháng 7 năm 1876 đến ngày 16 tháng 10 năm 1877.
BOSSANT	Đại tá BOSSANT làm Quyền Thống đốc từ ngày 31 tháng 01 năm 1876 đến ngày 07 tháng 7 năm 1876
JULES LAFONT	Chuẩn Đô đốc: - Được bổ nhiệm làm Thống đốc theo Sắc lệnh ngày 5 tháng 7 năm 1877; - Nhậm chức ngày 16 tháng 10 năm 1877; - Thôi giữ chức ngày 07 tháng 7 năm 1879;

Thống đốc dân sự	
CHARLES LE MYRE DE VILERS	- Được bổ nhiệm làm Thống đốc theo Sắc lệnh ngày 13 tháng 5 năm 1879; - Nhậm chức ngày 07 tháng 7 năm 1879; - Về Pháp nghỉ phép ngày 04 tháng 3 năm 1881; - Tiếp tục sang giữ chức từ ngày 01 tháng 11 năm 1882 đến 12 tháng 01 năm 1883.
ARTHUR ERNEST DE TRENTINIAN	Quyền Thống đốc từ ngày 04 tháng 3 đến ngày 01 tháng 11 năm 1881
CHARLES THOMSON	- Nhậm chức Thống đốc ngày 12 tháng 01 năm 1883; - Về Pháp ngày 27 tháng 7 năm 1885.
CHARLES BÉGIN	Quyền Thống đốc từ ngày 27 tháng 7 năm 1885 đến ngày 19 tháng 6 năm 1886
MICHEL ANGE FILIPPINI	- Được bổ nhiệm làm Thống đốc ngày 01 tháng 3 năm 1886; - Nhậm chức ngày 19 tháng 6 năm 1886; - Chết tại Sài Gòn ngày 22 tháng 10 năm 1887.
NOEL PARDON	Giám đốc Nha Nội chính giữ chức Quyền Thống đốc từ ngày 22 tháng 10 đến ngày 3 tháng 11 năm 1887.
GEORGES PIQUET	- Quyền Thống đốc từ ngày 3 đến ngày 15 tháng 11 năm 1887; - Phó Thống đốc từ ngày 16 tháng 11 năm 1887;

	- Về Pháp ngày 15 tháng 01 năm 1888. ***(Bắt đầu sử dụng chức danh Phó Thống đốc Nam Kì - Lieutenant Gouverneur de la Cochinchine năm 1888)***
AUGUSTE EUGÈNE NAVELLE	- Giữ chức Phó Thống đốc ngày 15 tháng 01 năm 1888 đến ngày 12 tháng 4 năm 1888; - Giữ chức Quyền Giám đốc Sở địa phương từ ngày 3 đến ngày 25 tháng 8 năm 1888. ***(Directeur du Service local - Người đứng đầu Nam Kì)***
CÉLORON DE BLAINVILLE	- Được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở Địa phương theo Sắc lệnh ngày 29 tháng 4 năm 1888; - Nhậm chức ngày 25 tháng 8 năm 1888. ***(Chức Giám đốc Sở Địa phương bị xóa bỏ và chức Phó Thống đốc được lập lại theo Sắc lệnh ngày 16 tháng 5 năm 1889)***
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Quyền Phó Thống đốc từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 9 tháng 8 năm 1889
HENRI ELOI DANEL	- Được bổ nhiệm làm Quyền Phó Thống đốc theo Sắc lệnh ngày 16 tháng 5 năm 1889; - Nhậm chức ngày 9 tháng 8 năm 1889; - Về Pháp ngày 11 tháng 9 năm 1892.
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	- Quyền Phó Thống đốc từ ngày 11 tháng 9 năm 1892;

	- Được bổ nhiệm làm Phó Thống đốc theo Sắc lệnh ngày 22 tháng 10 năm 1892; - Về Pháp ngày 25 tháng 3 năm 1894.
AUGUSTE NAVELLE	Giữ chức Quyền Phó Thống đốc từ ngày 25 tháng 3 đến ngày 15 tháng 9 năm 1894.
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Tiếp tục giữ chức Phó Thống đốc từ ngày 15 tháng 9 năm 1894 đến 5 tháng 8 năm 1895.
ALEXANDRE DUCOS	- Phó Thống đốc từ ngày 5 tháng 8 năm 1895 đến ngày 22 tháng 3 năm 1896; - Phó Thống đốc từ ngày 20 tháng 11 năm 1896 đến ngày 14 tháng 5 năm 1897.
GUSTAVE SANDRET	Quyền Phó Thống đốc từ ngày 22 tháng 3 đến ngày 20 tháng 11 năm 1896
ANGE NICOLAÏ	Quyền Thống đốc từ ngày 14 tháng 5 năm 1897 đến ngày 22 tháng 01 năm 1898.
EDOUARD PICANON	- Giám chức Phó Thống đốc từ ngày 22 tháng 01 năm 1898; - Về Pháp ngày 12 tháng 4 năm 1899; - Tiếp tục giữ chức Phó Thống đốc từ ngày 31 tháng 10 năm 1900 đến ngày 2 tháng 8 năm 1901.
FERDINAND BOCQUET	Quyền Phó Thống đốc từ ngày 13 tháng 4 năm 1899 đến ngày 31 tháng 10 năm 1900.

PAUL LOUIS LUCE	Quyền Phó Thống đốc từ ngày 2 tháng 8 đến ngày 5 tháng 9 năm 1901.
HENRI DE LAMOTHE	- Được bổ nhiệm làm Phó Thống đốc theo Sắc lệnh ngày 16 tháng 7 năm 1901; - Giữ chức từ ngày 5 tháng 9 năm 1901 đến ngày 21 tháng 10 năm 1902.
PIERRE FRANÇOIS RODIER	- Phó Thống đốc từ ngày 22 tháng 10 năm 1902; - Về Pháp nghỉ phép ngày 9 tháng 3 năm 1906; - Tiếp tục giữ chức Phó Thống đốc từ tháng 01 đến tháng 6 năm 1907.
OLIVIER DE LALANDE DE CALAN	Quyền Phó Thống đốc từ ngày 10 tháng 3 năm 1906.
LOUIS ALPHONSE BONHOURE	Phó Thống đốc từ tháng 7 năm 1907 đến đến tháng 01 năm 1909.
ERNEST OUTREY	Quyền Phó Thống đốc từ tháng 2 năm 1909 đến tháng 6 năm 1909.
MAURICE GOURBEIL	- Phó Thống đốc từ tháng 7 năm 1909 đến tháng 10 năm 1911. - Thống đốc từ tháng 11 năm 1911 đến tháng 3 năm 1912 ***Chức danh Thống đốc (Gouverneur de la Cochinchine) được tái lập năm 1911***
LÉON LOUIS DESTENAY	Quyền Thống đốc từ tháng 3 đến tháng 11 năm 1912

MAURICE GOURBEIL	- Thống đốc từ tháng 12 năm 1912 đến tháng 3 năm 1914; - Thống đốc từ tháng 7 năm 1914 đến tháng 4 năm 1916.
MAURICE LE GALLEN	Quyền Thống đốc từ tháng 4 năm 1914 đến tháng 7 năm 1914
LOUIS MARIE FÉLIX ÉDOUARD RIVET	Quyền Thống đốc từ tháng 4 năm 1916 đến tháng 12 năm 1917
MAURICE LE GALLEN	- Thống đốc từ tháng 01 năm 1918 đến tháng 6 năm 1918; - Tiếp tục làm Thống đốc từ tháng 3 năm 1920 đến tháng 10 năm 1920.
GEORGES GASTON MASPÉRO	Quyền Thống đốc từ tháng 6 năm 1918 đến tháng 2 năm 1920.
PAUL MICHEL ACHILLE QUESNEL	Quyền Thống đốc từ tháng 10 năm 1920 đến tháng 12 năm 1921.
MAURICE COGNACQ	- Thống đốc từ tháng 2 năm 1922 đến tháng 5 năm 1924; - Tiếp tục làm Thống đốc từ tháng 12 năm 1925 đến tháng 4 năm 1926.
AUGUSTE EUGÈNE THOLANCE	Quyền Thống đốc từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1924.
ARISTIDE EUGÈNE LE FOL	Quyền Thống đốc từ tháng 5 năm 1926 đến tháng 11 năm 1926.
BLANCHARD DE LA BROSSE	Thống đốc từ tháng 12 năm 1926 đến tháng 01 năm 1929.
EUGÈNE HENRI ROGER EUTROPE	Quyền Thống đốc từ tháng 2 đến tháng 3 năm 1929.

JEAN FÉLIX KRAUTHEIMER	- Thống đốc từ tháng 3 năm 1929 đến tháng 11 năm 1931; - Thống đốc từ tháng 11 năm 1932 đến tháng 4 năm 1934.
EUGÈNE HENRI ROGER EUTROPE	Quyền Thống đốc từ tháng 11 năm 1931 đến tháng 10 năm 1932.
MICHEL PAGÈS	- Thống đốc từ tháng 6 năm 1934 đến tháng 2 năm 1936 - Tiếp tục làm Thống đốc từ tháng 10 năm 1936 đến tháng 11 năm 1938.
GEORGES RIVOAL	- Quyền Thống đốc từ tháng 3 đến tháng 9 năm 1936. - Quyền Thống đốc từ tháng 11 năm 1938 đến tháng 7 năm 1939.
RENÉ VEBER	Thống đốc từ tháng 8 năm 1939 đến tháng 11 năm 1940.
GEORGES RIVOAL	Quyền Thống đốc từ tháng 12 năm 1940 đến tháng 12 năm 1942.
ERNEST HOEFFEL	Thống đốc từ tháng 01 năm 1943 đến tháng 2 năm 1945.
FUJIO MINODA	Thống đốc từ tháng 3 năm 1945 (sau cuộc Đảo chính Nhật).
JEAN CÉDILE	Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Nam Kỳ (*Commissaire de la République pour la Cochinchine*).

DANH SÁCH THỐNG SỨ BẮC KÌ TỪ 1886 ĐẾN 1945

Thống sứ Bắc Kì	Ghi chú
PAULIN FRANÇOIS ALEXANDRE VIAL	Thống sứ từ ngày 8 tháng 4 năm 1886 đến ngày 11 tháng 11 năm 1886
JEAN THOMAS RAOUL BONNAL	Quyền Thống sứ từ ngày 12 tháng 11 năm 1886 đến tháng 01 năm 1887
ANTONY KLOBUKOWSKI	Giữ chức Tổng Thư kí năm 1887-1888 (*Secrétaire général*) - Người đứng đầu Bắc Kì
EUSÈBE IRÉNÉE PARREAU	Thống sứ từ ngày 29 tháng 4 năm 1888 đến ngày 10 tháng 5 năm 1889
ERNEST ALBERT BRIÈRE	Quyền Thống sứ từ ngày 10 tháng 5 năm 1889 đến ngày 6 tháng 4 năm 1890
JEAN THOMAS RAOUL BONNAL	Quyền Thống sứ từ ngày 07 tháng 4 năm 1890 đến ngày 3 tháng 2 năm 1891
ERNEST ALBERT BRIÈRE	Thống sứ từ ngày 3 tháng 2 năm 1891 đến ngày 27 tháng 10 năm 1891
LESON JEAN LAURENT CHAVASSIEUX	Thống sứ từ ngày 27 tháng 10 năm 1891 đến ngày 20 tháng 7 năm 1893
PIERRE FRANÇOIS RODIER	- Quyền Thống sứ từ ngày 20 tháng 7 năm 1893 - Thống sứ từ ngày 15 tháng 10 năm 1894
PAUL LOUIS LUCE	Quyền Thống sứ từ ngày 30 tháng 3 đến ngày 13 tháng 5 năm 1895
JEAN CHAVASSIEUX	Tổng Thư kí từ ngày 9 tháng 5 đến ngày 07 tháng 6 năm 1895

EDOUARD PICANON	Quyền Tổng Thư kí từ ngày 18 tháng 6 đến 12 tháng 8 năm 1895
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Tổng Thư kí từ ngày 18 tháng 7 đến ngày 9 tháng 3 năm 1899
LOUIS JULES MOREL	Quyền Thống sứ từ ngày 9 tháng 3 năm 1899 đến ngày 18 tháng 7 năm 1900
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Thống sứ từ ngày 19 tháng 7 năm 1900 đến ngày 20 tháng 10 năm 1902
AUGUSTE BRONI	Quyền Thống sứ từ ngày 21 tháng 10 năm 1902 đến ngày 2 tháng 5 năm 1903
PAUL LOUIS LUCE	Quyền Thống sứ từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 04 tháng 12 năm 1903
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Quyền Thống sứ từ ngày 5 tháng 12 năm 1903 đến ngày 30 tháng 8 năm 1905
HENRI GROLEAU	Quyền Thống sứ từ ngày 01 tháng 9 năm 1905
LOUIS ALPHONSE BONHOURE	Thống sứ từ tháng 5 năm 1907
LOUIS JULES MOREL	Thống sứ từ tháng 6 năm 1907
JOSEPH DE MIRIBEL	Quyền Thống sứ từ tháng 4 năm 1909
JULES SIMONI	Quyền Thống sứ từ tháng 8 năm 1909 Thống sứ từ tháng 7 năm 1912
EUGÈNE CHARLES	Quyền Thống sứ từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1912
LOUIS DESTENAY	Thống sứ từ tháng 01 năm 1913 đến tháng 3 năm 1914

LOUIS MARIE FÉLIX ÉDOUARD RIVET	Quyền Thống sứ từ tháng 3 đến tháng 10 năm 1914
LOUIS DESTENAY	Thống sứ từ tháng 11 năm 1914 đến tháng 4 năm 1915
MAURICE LE GALLEN	Quyền Thống sứ từ tháng 6 năm 1915 đến tháng 12 năm 1917
JEAN EDOUARD BOURCIER SAINT CHAFFRAY	Thống sứ từ tháng 01 năm 1918
LOUIS MARIE FÉLIX ÉDOUARD RIVET	Quyền Thống sứ từ tháng 8 năm 1919
MAURICE MONGUILLOT	Thống sứ từ tháng 2 năm 1921 đến tháng 7 năm 1924
GASTON POULIN	Quyền Thống sứ từ tháng 7 đến tháng 11 năm 1924
JEAN FÉLIX KRAUTHEIMER	Quyền Thống sứ từ tháng 11 năm 1924 đến tháng 11 năm 1925
EUGÈNE JEAN LOUIS RENÉ ROBIN	Thống sứ từ tháng 12 năm 1925 đến tháng 4 năm 1927
MAURICE GRAFFEUIL	Quyền Thống sứ từ tháng 4 năm 1927 đến tháng 4 năm 1928
EUGÈNE JEAN LOUIS RENÉ ROBIN	Thống sứ từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1928
DOUGUET	Quyền Thống sứ từ tháng 9 năm 1928
EUGÈNE JEAN LOUIS RENÉ ROBIN	Thống sứ từ tháng 01 năm 1929 đến tháng 12 năm 1930
AUGUSTE THOLANCE	Quyền Thống sứ từ tháng 12 năm 1930 đến tháng 9 năm 1932

MICHEL PAGÈS	Quyền Thống sứ từ tháng 9 năm 1932 đến tháng 7 năm 1933
BRIDE	Quyền Thống sứ từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1933
AUGUSTE EUGÈNE THOLANCE	Thống sứ từ tháng 9 năm 1933 đến tháng 4 năm 1937
PIERRE DELSALLE	Quyền Thống sứ từ tháng 4 đến tháng 5 năm 1937
CHARLES CHÂTEL	Thống sứ từ tháng 6 năm 1937 đến tháng 3 năm 1939
MAURICE DE TASTES	Quyền Thống sứ từ tháng 3 năm 1939
GEORGES RIVOAL	Quyền Thống sứ từ tháng 12 năm 1939
LOUIS GRANDJEAN	Thống sứ từ tháng 2 đến tháng 6 năm 1941
PIERRE ABEL DELSALLE	Thống sứ từ tháng 7 năm 1941 đến tháng 11 năm 1942
JEAN MAURICE HAELEWYN	Thống sứ từ tháng 11 năm 1942 đến tháng 8 năm 1944
CHAUVET	Thống sứ từ tháng 9 năm 1944 đến tháng 2 năm 1945

DANH SÁCH TỔNG TRÚ SỨ TRUNG - BẮC KÌ
(1884-1889)

Tổng Trú sứ	Ghi chú
VICTOR GABRIEL LE MAIRE	Tổng Trú sứ từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 21 tháng 12 năm 1884
ROUSSEL DE COURCY	Tổng Trú sứ từ ngày từ ngày 01 tháng 6 năm 1885 đến ngày 20 tháng 01 năm 1886
CHARLES AUGUSTE LOUIS WARNET	Tổng Trú sứ từ ngày 27 tháng 01 đến ngày 07 tháng 4 năm 1886
PAUL BERT	Tổng Trú sứ từ ngày 8 tháng 4 đến ngày 11 tháng 11 năm 1886 (*Chết tại Hà Nội ngày 11 tháng 11 năm 1886*)
PAULIN FRANÇOIS ALEXANDRE VIAL	Quyền Tổng Trú sứ từ ngày 12 tháng 11 năm 1886 đến ngày 28 tháng 01 năm 1887
PIERRE LOUIS GEORGES BIHOURD	Tổng Trú sứ từ ngày 29 tháng 01 đến ngày 11 tháng 9 năm 1887
RAOUL BERGER	Quyền Tổng Trú sứ từ ngày 11 tháng 9 đến ngày 27 tháng 10 năm 1887
PIERRE LOUIS GEORGES BIHOURD	Tổng Trú sứ từ ngày 27 tháng 10 đến ngày 17 tháng 11 năm 1887
RAOUL BERGER	Quyền Tổng Trú sứ từ ngày 17 tháng 11 năm 1887 đến ngày 25 tháng 6 năm 1888
EUSÈBE IRÉNÉE PARREAU	Quyền Tổng Trú sứ từ ngày 25 tháng 6 đến ngày 8 tháng 9 năm 1888

PIERRE PAUL RHEINART	Tổng Trú sứ từ ngày 8 tháng 9 năm 1888 đến tháng 5 năm 1889
EUSÈBE IRÉNÉE PARREAU	Quyền Tổng Trú sứ từ tháng 5 năm 1889

LƯU TRỮ VN

DANH SÁCH TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG
(1887-1945)

Toàn quyền Đông Dương	Ghi chú
JEAN ANTOINE ERNEST CONSTANS	- Được bổ nhiệm tạm giữ chức Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 3 tháng 11 năm 1887; - Nhậm chức ngày 16 tháng 11 năm 1887. Giữ chức Toàn quyền đến ngày 21 tháng 4 năm 1888; - Về Pháp ngày 22 tháng 4 năm 1888.
GUILLAUME RICHAUD	- Quyền Toàn quyền từ ngày 22 tháng 4 năm 1888; - Được bổ nhiệm làm Toàn quyền từ ngày 8 tháng 9 năm 1888; - Về Pháp ngày 27 tháng 5 năm 1889.
JULES GEORGES PIQUET	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 10 tháng 5 năm 1889; - Nhậm chức ngày 31 tháng 5 năm 1889; - Về Pháp nghỉ phép ngày 12 tháng 4 năm 1891.
BIDEAU	Quyền Toàn quyền từ ngày 13 tháng 4 đến ngày 25 tháng 6 năm 1891

JEAN DE LANESSAN	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 21 tháng 4 năm 1891; - Nhậm chức ngày 26 tháng 6 năm 1891; - Về Pháp ngày 11 tháng 3 năm 1894. - Tiếp tục giữ chức Toàn quyền từ ngày 27 tháng 10 đến ngày 30 tháng 12 năm 1894
JEAN CHAVASSIEUX	Quyền Toàn quyền từ ngày 10 tháng 3 đến ngày 26 tháng 10 năm 1894
PIERRE FRANÇOIS RODIER	Quyền Toàn quyền từ ngày 30 tháng 12 năm 1894 đến ngày 15 tháng 3 năm 1895
PAUL ARMAND ROUSSEAU	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 29 tháng 12 năm 1894; - Nhậm chức ngày 15 tháng 3 năm 1895; - Về Pháp ngày 20 tháng 10 năm 1895.
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Quyền Toàn quyền từ ngày 21 tháng 10 năm 1895 đến ngày 14 tháng 3 năm 1896
PAUL ARMAND ROUSSEAU	- Tiếp tục giữ chức Toàn quyền từ ngày 14 tháng 3 năm 1896; - Chết tại Hà Nội ngày 10 tháng 12 năm 1896.
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Quyền Toàn quyền từ ngày 10 tháng 12 năm 1896 đến ngày 12 tháng 2 năm 1897

PAUL DOUMER	- Toàn quyền từ ngày 13 tháng 2 năm 1897 đến ngày 28 tháng 9 năm 1898 - Tiếp tục làm Toàn quyền từ ngày 25 tháng 01 năm 1899 đến ngày 15 tháng 2 năm 1901 - Tiếp tục giữ chức Toàn quyền từ ngày 21 tháng 8 năm 1901 đến ngày 13 tháng 3 năm 1902
AUGUSTIN JULIEN FOURÈS	Quyền Toàn quyền từ ngày 29 tháng 9 năm 1898 đến ngày 24 tháng 01 năm 1899
AUGUSTE BRONI	Quyền Toàn quyền từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 20 tháng 8 năm 1901
AUGUSTE BRONI	Quyền Toàn quyền từ ngày 14 tháng 3 đến ngày 14 tháng 10 năm 1902
PAUL BEAU	- Toàn quyền từ ngày 15 tháng 10 năm 1902 đến ngày 30 tháng 6 năm 1905 - Tiếp tục giữ chức Toàn quyền từ ngày 07 tháng 12 năm 1905 đến ngày 28 tháng 7 năm 1906 (Về Pháp)
AUGUSTE BRONI	Quyền Toàn quyền từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 6 tháng 12 năm 1905
AUGUSTE BRONI	Quyền Toàn quyền từ ngày 28 tháng 7 năm 1906 đến ngày 02 tháng 01 năm 1907
LOUIS ALPHONSE BONHOURE	Quyền Toàn quyền từ ngày 28 tháng 2 năm 1908 đến ngày 23 tháng 9 năm 1908

ANTONY KLOBUKOWSKI	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 26 tháng 6 năm 1908; - Nhậm chức ngày 24 tháng 9 năm 1908; - Toàn quyền từ ngày 24 tháng 9 năm 1908 đến tháng 01 năm 1910.
ALBERT PICQUIÉ	Toàn quyền từ ngày 13 tháng 01 năm 1910 đến ngày 11 tháng 6 năm 1911
PAUL LOUIS LUCE	Quyền Toàn quyền từ ngày 17 tháng 2 đến ngày 14 tháng 11 năm 1911.
ALBERT SARRAUT	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 01 tháng 6 năm 1911; - Nhậm chức ngày 15 tháng 11 năm 1911.
VAN VOLLENHOVEN	- Phó Toàn quyền chịu trách nhiệm các công việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương từ ngày 4 tháng 1 đến ngày 4 tháng 8 năm 1914; - Giữ chức Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 5 tháng 8 năm 1914 đến ngày 4 tháng 3 năm 1915.
ERNEST ROUME	- Được bổ mhiệm làm theo Sắc lệnh ngày 26 tháng 1 năm 1915; - Nhậm chức ngày 5 tháng 3 năm 1915; - Toàn quyền từ ngày 5 tháng 3 năm 1915 đến tháng 5 năm 1916.

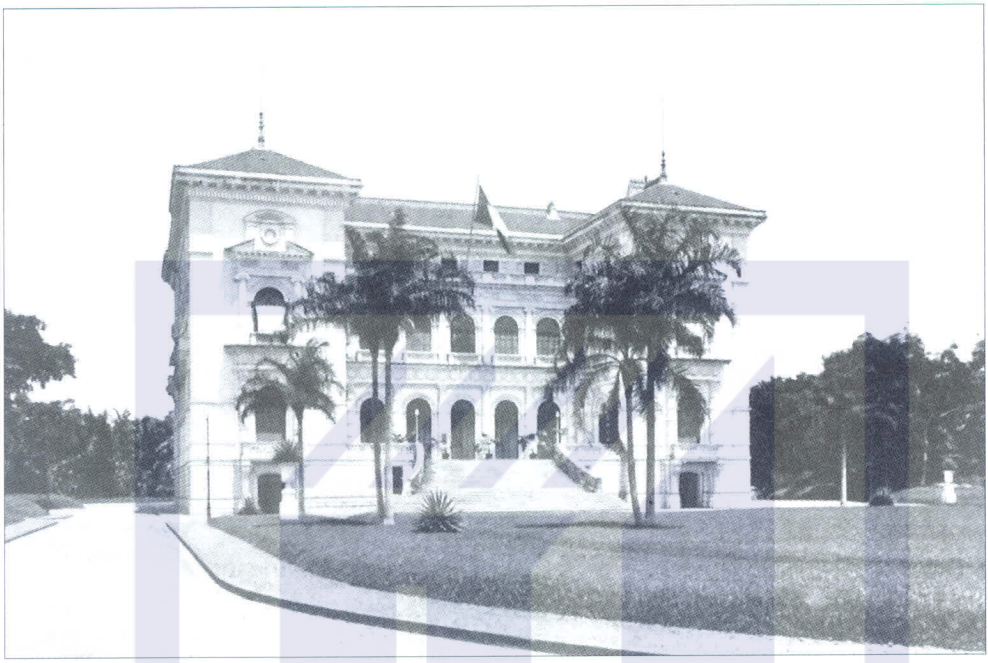
JEAN CHARLES	Quyền Toàn quyền từ ngày 23 tháng 5 năm 1916 đến ngày 21 tháng 01 năm 1917
ALBERT SARRAUT	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 7 tháng 01 năm 1917; - Nhậm chức ngày 22 tháng 01 năm 1917; - Giữ chức đến ngày 21 tháng 5 năm 1919.
MAURICE MONGUILLOT	Quyền Toàn quyền từ ngày 22 tháng 5 năm 1919 đến ngày 19 tháng 02 năm 1920
MAURICE LONG	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 10 tháng 12 năm 1919; - Nhậm chức ngày 20 tháng 2 năm 1920; - Về Pháp công tác ngày 18 tháng 11 năm 1920.
MAURICE GALLEN	Quyền Toàn quyền từ ngày 18 tháng 11 năm 1920 đến ngày 31 tháng 3 năm 1921
MAURICE LONG	- Tiếp tục làm Toàn quyền từ ngày 01 tháng 4 năm 1921; - Về Pháp công tác ngày 15 tháng 4 năm 1922; - Chết tại Colombo ngày 15 tháng 1 năm 1923.

AUDOIN	Quyền Toàn quyền từ ngày 15 tháng 4 năm 1922 đến ngày 9 tháng 8 năm 1923
MARTIAL MERLIN	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 20 tháng 2 năm 1923; - Nhậm chức ngày 10 tháng 8 năm 1923; - Giữ chức đến ngày 22 tháng 4 năm 1925.
MAURICE MONGUILLOT	Quyền Toàn quyền từ ngày 23 tháng 4 năm 1925 đến ngày 17 tháng 11 năm 1925
ALEXANDRE VARENNE	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 28 tháng 7 năm 1925; - Nhậm chức ngày 18 tháng 11 năm 1925; - Về Pháp công tác ngày 4 tháng 10 năm 1926.
PIERRE PASQUIER	Quyền Toàn quyền từ ngày 4 tháng 10 năm 1926 đến ngày 16 tháng 5 năm 1927
ALEXANDRE VARENNE	- Tiếp tục giữ chức Toàn quyền từ ngày 17 tháng 5 năm 1927; - Về Pháp công tác ngày 01 tháng 11 năm 1927.
MAURICE MONGUILLOT	Quyền Toàn quyền từ ngày 01 tháng 11 năm 1927 đến ngày 06 tháng 8 năm 1928

EUGÈNE JEAN LOUIS RENÉ ROBIN	Quyền Toàn quyền từ ngày 07 tháng 8 năm 1928 đến ngày 26 tháng 12 năm 1928
PIERRE PASQUIER	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 23 tháng 8 năm 1928; - Nhậm chức ngày 26 tháng 12 năm 1928; - Về Pháp công tác ngày 01 tháng 12 năm 1930. - Tiếp tục giữ chức Toàn quyền từ ngày 30 tháng 6 năm 1931; - Về Pháp công tác ngày 04 tháng 01 năm 1934; - Chết ngày 15 tháng 01 năm 1934.
EUGÈNE JEAN LOUIS RENÉ ROBIN	Quyền Toàn quyền từ ngày 01 tháng 12 năm 1930 đến ngày 30 tháng 6 năm 1931
MAURICE GRAFFEUIL	- Chịu trách nhiệm về các công việc của Phủ Toàn quyền Đông Dương theo Sắc lệnh ngày 14 tháng 01 năm 1934; - Được bổ nhiệm làm Quyền Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 2 tháng 3 năm 1934.
EUGÈNE JEAN LOUIS RENÉ ROBIN	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 27 tháng 2 năm 1934; - Nhậm chức ngày 23 tháng 7 năm 1934;

AUGUSTE SILVESTRE	Được bổ nhiệm làm Quyền Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 9 tháng 9 năm 1936
JULES BREVIÉ	- Được bổ nhiệm làm Toàn quyền theo Sắc lệnh ngày 8 tháng 8 năm 1936; - Nhậm chức ngày 14 tháng 01 năm 1937;
GEORGES CATROUX	Toàn quyền từ tháng 5 năm 1940 đến tháng 6 năm 1940
JEAN DECOUX	Toàn quyền từ tháng 6 năm 1940 đến tháng 2 năm 1945
YUICHI TSUCHIHASHI	1945 (sau Đảo chính Nhật ngày 9 tháng 3 năm 1945)
TSUKAMOTO	1945 (thay cho TSUCHIHASHI)
D'ARGENLIEU	Cao uỷ Pháp tại Đông Dương từ tháng 8 năm 1945.

(Theo các cuốn Niên giám hành chính năm 1911, 1914, 1937, Sơ lược Lịch sử An Nam *của Alfred Schreiner,* Từ điển Tiểu sử tổng hợp Đông Dương thuộc Pháp *của Antoine Cabaton, thành viên Viện Hàn lâm khoa học thuộc địa, xuất bản tại Paris năm 1935).*



Phủ Toàn quyền Đông Dương tại Hà Nội.



Dinh Toàn quyền Đông Dương tại Sài Gòn.



Phủ Thống sứ Bắc kỳ.



Phủ Thống đốc Nam Kỳ.



Ngân khố Sài Gòn.

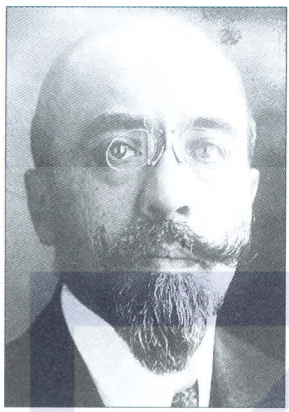


Tòa án Sài Gòn.



Phòng Thương mại Sài Gòn.

LƯU TRỮ VN



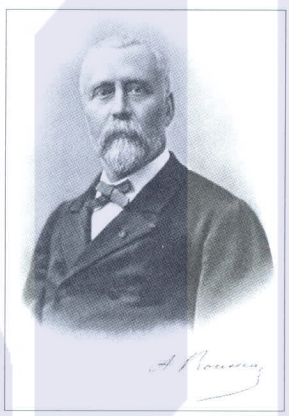
Toàn quyền Albert Sarraut



Toàn quyền Alexandre Varenne



Thống sứ Bắc kỳ
Alexandre-Eugène Bouet



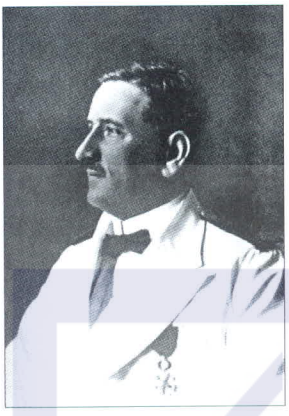
Toàn quyền Armand Rousseau



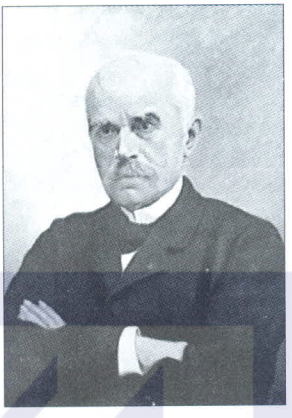
Toàn quyền Jean Decoux



Toàn quyền Jules Brevié



Thống đốc Nam kỳ Krautheimer



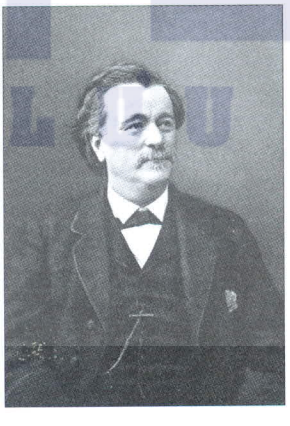
Thống đốc Nam kỳ Le Myre de Vilers



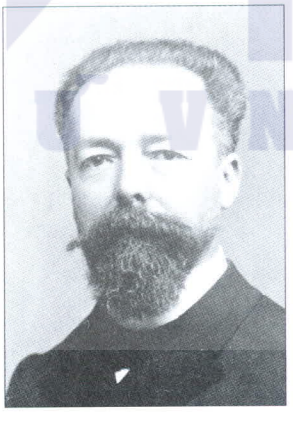
Toàn quyền Maurice Long



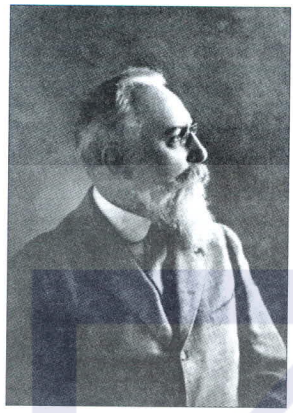
Toàn quyền Paul Beau



Toàn quyền Paul Bert



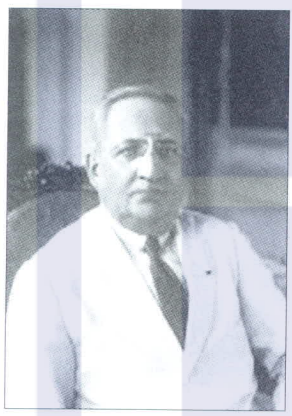
Toàn quyền Paul Doumer



Toàn quyền Pierre Pasquier



Tổng Trú sứ Trung Bắc Kỳ
Pierre Paul Rheinart



Toàn quyền Rene Robin



Tổng Trú sứ Trung Bắc Kỳ
Roussel De Coucy

LƯU TRỮ VN

INDEX

Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương
524, 525, 527, 528, 530, 531, 540, 550, 566, 567, 569, 591, 592

Ban Chỉ đạo các công việc chính trị
528, 564, 605, 639

Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh
359, 370, 371, 431, 639

Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và bản xứ
285, 640

Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế
434, 521, 528, 639

Ban Chỉ đạo Hạm đội Đông Dương
16, 397, 639

Ban Ngoại vụ
431, 432, 528, 529, 604, 605

Ban Nhân sự
60, 285, 394, 428, 536, 654

Ban Tổng Thanh tra thường trực các Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật Đông Dương
326, 645

Bộ Hải quân
43, 44, 48, 49, 50, 59, 62, 93, 123, 604, 637

Bộ Hải quân và Thuộc địa
11, 14, 42, 48, 50, 54, 58, 59, 60, 61, 62, 64, 73, 74, 87, 122, 648

Cơ quan Công chính Đông Dương
307, 547

Cục Hàng không dân dụng
566, 592, 596, 597, 652

Cục Kinh tế Đông Dương
396, 525, 550, 625

Cục Mỹ cốc Đông Dương
525, 566, 567, 592, 648

Đại Hội đồng Lợi ích kinh tế và tài chính Đông Dương
441, 442, 443, 445, 643

Đài Quan sát
185, 397, 429, 607, 648

Đội Hiến binh
328, 380, 381, 382

Hạm đội Đông Dương
324, 325, 343, 357, 397, 619, 642

Hội đồng Bảo hộ
17, 18, 19, 109, 117, 141, 142, 166, 176, 275, 276, 283, 284, 286, 340, 431, 451, 463, 634

Hội đồng Cấp cao Đông Dương
602, 643

Hội đồng Chính phủ Đông Dương
280, 411, 419, 446, 613, 634

Hội đồng Chính phủ liên bang
614, 623, 624, 634, 652

Viện Cơ mật
59, 120, 177, 206, 462, 473, 474, 481, 635

Hội đồng Đề hình
431, 633

Hội đồng Hàng tỉnh
12, 17, 18, 19, 20, 293, 297, 298, 460, 484, 485, 500, 529, 634

Hội đồng Hành chính
194, 316, 370, 428, 431, 633

Hội đồng Hòa giải
286, 364, 634

Hội đồng hỗn hợp Liên bang Đông Dương
590

Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao
534, 535

Hội đồng Kì mục Nam Kì
202, 634

Hội đồng Kinh tế thuộc địa
15, 335, 336, 337, 408, 409, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 483, 634

Hội đồng Pháp chế thuộc địa
15, 335, 336, 337, 408, 409, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 484, 634

Hội đồng Phòng thủ Đông Dương
16, 206, 207, 519, 634

Hội đồng Tài phán hành chính
244, 245, 248, 357, 377, 378, 581, 599, 634

Hội đồng Thuộc địa Nam Kì
12, 161, 165, 272, 280, 286, 360, 394, 466, 501, 505, 512, 523, 633

Hội đồng Tiểu khu
12, 63, 94, 95, 96, 97, 99, 633

Hội đồng Tối cao Đông Dương
16, 73, 74, 75, 81, 82, 121, 160, 161, 165, 169, 187, 229, 254, 267, 268, 635

Hội đồng Tối cao thuộc địa
61, 122, 197, 220, 335, 336, 337, 338, 389, 408, 409, 434, 435, 437, 438, 439, 447, 450, 451, 452, 454, 483, 484, 635

Hội đồng Tư mật
12, 19, 37, 38, 40, 50, 52, 53, 55, 59, 75, 95, 96, 97, 103, 106, 121, 194, 197, 242, 273, 276, 283, 284, 286, 340, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 368, 369, 431, 451, 467, 503, 530, 580, 599, 634, 636

Hội đồng Tư vấn học chính
16, 546, 633

Hội đồng Tư vấn về mỏ
633

Khu Công chính
51, 231, 240, 287, 307, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 512, 514, 516, 517, 535, 612, 630

Khu hành chính
11, 12, 27, 28, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 51, 72, 87, 184, 218, 269, 273, 284, 322, 328, 339, 369, 395, 407, 452, 453, 507, 508, 569, 570, 626, 630, 649

Lính khố xanh
117, 142, 143, 188, 215, 235, 259, 262, 278, 292, 300, 330, 344, 373, 394, 429, 510, 511, 537, 539, 565, 642, 644

Lính thủ bộ
112, 308, 309, 311, 312, 565, 637, 642

Mật thám và An ninh
271, 272, 371, 653

Ngân khố Bắc Kì
132, 133, 173, 616, 653

Ngân khố Đông Dương
16, 198, 199, 200, 201, 227, 280, 325, 386, 387, 388, 439, 440, 441, 447, 573, 615, 616, 653, 656

Ngân khố Nam Kì
42, 43, 46, 73, 198, 386, 439, 653, 656

Ngân khố Trung Kì
173, 653

Nha Bưu điện, Điện tín và Điện thoại
537, 583, 654

Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương
82, 180, 181, 317, 318, 372, 419, 640

Đạo Quan binh
8, 17, 18, 68, 125, 126, 127, 140, 141, 158, 159, 160, 180, 188, 192, 201, 218, 219, 220, 238, 239, 240, 273, 277, 280, 290, 291, 297, 298, 299, 301, 305, 306, 327, 356, 373, 374, 510, 561, 603, 656

Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương
163, 171, 172, 176, 180, 182, 639

Nha Địa chất Đông Dương
190, 172

Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương
304, 305, 353, 356, 654

Nha Địa lí Đông Dương
16, 174, 655

Nha Học chính Đông Dương
16, 227, 228, 267, 268, 330, 331, 334, 335, 343, 359, 399, 413, 414, 415, 496, 497, 639, 640

Nha Khí tượng Đông Dương
655

Nha Kiểm tra tài chính Đông Dương
16, 157, 161, 177, 636

Nha Lâm nghiệp Đông Dương
176, 654

Nha Nội chính Nam Kì
8, 26, 56, 639

Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương
178, 207, 209, 210, 639

Nha Tài chính Đông Dương
16, 405, 412, 477, 478, 575, 578, 640

Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương
228, 229, 230, 260, 261, 640

Nha Thú y và Dịch động vật Đông Dương
180, 655

Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương
16, 161, 162, 163, 165,167, 169, 654

Nha Tiếp tế và Vận tải biển Đông Dương
16, 312, 343, 654

Nha Trước bạ, Cầm cố, Tài sản và Tem Đông Dương
174, 175, 652

Nha Trước bạ, Tài sản và Tem Đông Dương
16, 188, 228, 288, 372, 575, 578, 579, 652

Nha Vô tuyến điện Đông Dương
372, 429, 537, 655

Nha Y tế Đông Dương
189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 352, 653

Phòng Canh nông Bắc Kì
17, 140, 141, 166, 175, 275, 428, 508, 628

Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì
442, 628

Phòng Thương mại
17, 19, 34, 35, 36, 52, 62, 77, 85, 87, 88, 89, 119, 122, 137, 161, 165, 166, 181, 182, 184, 208, 273, 275, 276, 281, 286, 289, 356, 360, 373, 374, 375, 376, 377, 392, 396, 419, 429, 435, 437, 441, 442, 456, 466, 476, 483, 485, 493, 505, 511, 512, 513, 525, 526, 550, 551, 567, 628

Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì
297, 299, 300, 370, 628

Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì
161, 165, 177, 202, 281, 628

Phủ Toàn quyền Đông Dương
4, 157, 163, 169, 170, 172, 176, 177, 186, 189, 266, 314, 315, 544, 564, 565, 586, 596, 597, 617, 638, 643, 677, 680

Sở Báo chí và Tuyên truyền
597, 653

Sở Canh nông Trung Kì
164, 639

Sở Cảnh sát
61, 65, 170, 193, 196, 129, 523, 537, 538, 593, 633, 637

Sở Công chính Nam Kì
50, 276, 654

Sở Đăng kiểm hàng hải
372, 392, 429, 537, 563, 619, 644

Sở Giám sát hệ thống nhà tù
655

Sở Học chính
134, 170, 221, 223, 228, 267, 268, 316, 398, 399, 415, 498, 545, 546, 630, 652

Sở Khí tượng thuộc địa
456, 457, 655

Sở Kiểm duyệt
597, 607, 608, 653

Sở Lập pháp và Hành chính
432, 653

Sở Ngân khố liên bang
615, 618, 640

Sở Ngân khố Nam Kì
42, 43, 653, 656

Sở Pháo binh
76, 332, 555, 652

Sở Ruộng đất
537, 575, 576, 578, 579, 583

Sở Tham biện
30, 33, 644

Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí
564, 573, 575, 597, 607, 608, 609, 610, 653

Sở Thú y Bắc Kì
416, 655

Sở Thuế trực thu
426, 537, 541, 542, 615, 654

Sở Thương mại Hàng hải
563, 567, 568, 618, 620, 653

Sở Thuỷ Lâm
584, 585, 586, 587, 589, 591, 593

Sở Trao đổi mậu dịch
558, 559, 566, 567, 591, 593, 594, 654

Sở Vệ sinh thành phố
485, 487, 652

Sở Y tế
33, 76, 90, 91, 92, 93, 109, 170, 184, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 304, 352, 389, 390, 391, 392, 394, 485, 487, 535, 537, 538, 570, 584, 650, 653

Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính
48, 50, 76, 645

Thanh tra Canh nông Bắc Kì
273, 644

Thanh tra Lao động Bắc Kì
412, 645

Tiểu quân khu
18, 26, 126, 127, 128, 136, 140, 141, 159, 160, 201, 218, 240, 628

Toà Đại hình
79, 80, 81, 99, 102, 103, 104, 105, 158, 302, 637

Toà Kiểm toán
132, 336, 369, 386, 437, 484, 637

Toà Thượng thẩm
38, 80, 99, 101, 102, 103, 107, 108, 139, 140, 158, 165, 357, 358, 364, 616, 635, 637, 657

Tổng cục Thuộc địa
23, 28, 336 , 436, 625

Tổng kiểm soát Lao động và Khai thác thuộc địa
317, 652

Tổng Nha Học chính Đông Dương
227, 228, 267, 640

Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương
16, 287, 561, 645

Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ
468, 471, 543, 544, 552, 553, 568, 593, 645

Trường Viễn Đông Bác cổ
316, 372, 429, 537, 538, 583, 584, 641

Ủy ban Canh nông và Kĩ nghệ
28, 630

Uỷ ban Đông Dương
604, 631

Uỷ ban Thành phố
30, 256, 472

Uỷ ban Tiếp tế Đông Dương
622, 631

Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ
17, 164, 233, 234, 633

Ủy ban Tư vấn về mỏ
16, 631

Viện Công tố
76, 100, 101, 103, 105, 106, 108, 139, 303, 344, 453, 648, 649

Viện Dân biểu Trung Kì
411, 427, 628

Viện Hàn lâm khoa học
458, 595, 625, 681

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....5
Lời nói đầu.....7
Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam (1862-1845).....11

DANH MỤC VĂN BẢN

STT	Văn bản	Trang
1	Disposition du 31 mai 1862 du Contre - Amiral Bonard portant attributions du directeur des Affaires civiles. Quy định ngày 31 tháng 5 năm 1862 của Chuẩn Đô đốc Bonard quy định về quyền hạn của Giám đốc Nha Nội chính.	21
2	Disposition du 31 mai 1862 du Contre-Amiral Bonnard, Commandant en chef concernant le Gouvernement des indigènes par l'autorité française. Quy định ngày 31 tháng 5 năm 1862 của Chuẩn Đô đốc Bonard, Tổng Tư lệnh về việc chính quyền Pháp tổ chức cai trị người bản xứ.	22
3	Décision du 16 juin 1862 du Contre-Amiral Bonard portant institution d'un Comité consultatif des Affaires indigènes. Quyết định ngày 16 tháng 6 năm 1862 của Chuẩn Đô đốc Bonard về việc thành lập Hội đồng Tư vấn các công việc nội chính bản xứ.	23
4	Décision du 12 août 1862 du Commandant en chef réglant l'organisation provisoire de l'administration des Annamites et des Asiatiques dans la province de Gia Dinh. Quyết định nggày 12 tháng 8 năm 1862 của Tổng Tư lệnh quy định về việc tạm thời tổ chức hành chính của người bản xứ và người châu Á tại tỉnh Gia Định.	24

5	Arrêté du 13 janvier 1863 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'organisation du Service des Postes dans la Cochinchine française. Nghị định ngày 13 tháng 01 năm 1863 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức Sở Bưu điện ở Nam Kì thuộc Pháp.	25
6	Décision du 12 janvier 1864 du Gouverneur de la Cochinchine fixant la composition provisoire du Conseil consulatif de la Cochinchine. Quyết định ngày 12 tháng 01 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì quy định tạm thời về thành phần Hội đồng Tư vấn Nam Kì.	25
7	Instructions générales du 29 juin 1864 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'administration et le commandement des populations indigènes. Chỉ thị ngày 29 tháng 6 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì về việc quản lí và điều hành dân bản xứ.	25
8	Décret du 25 juillet 1864 de l'Empereur des Français portant l'organisation de la justice dans les possessions françaises en Cochinchine. Sắc lệnh ngày 25 tháng 7 năm 1864 của Hoàng đế nước Pháp về tổ chức tư pháp tại Nam Kì thuộc Pháp.	26
9	Décision du 9 novembre 1864 du Gouverneur de la Cochinchine portant création d'une Direction de l'Intérieur en Cochinchine. Quyết định ngày 09 tháng 11 năm 1864 của Thống đốc Nam Kì về việc thành lập Nha Nội chính Nam Kì.	26
10	Décision du 3 juin 1865 du Gouverneur de la Cochinchine portant division de la province de My Tho en quatre circonscriptions administratives.	27

	Quyết định ngày 03 tháng 6 năm 1865 của Thống đốc Nam Kì về việc chia tỉnh Mỹ Tho thành bốn khu hành chính.	
11	Décision du 6 juin 1865 du Gouverneur de la Cochinchine portant organisation municipale de la ville de Cho Lon. Quyết định ngày 06 tháng 6 năm 1865 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức thành phố Chợ Lớn.	28
12	Décision du 16 juin 1865 du Gouverneur de la Cochinchine portant création d'un Comité Agricole et Industriel. Quyết định ngày 16 tháng 6 năm 1865 của Thống đốc Nam Kì về việc thành lập Ủy ban Canh nông và Kĩ nghệ.	28
13	Décision du 14 mars 1866 du Gouverneur de la Cochinchine formant les deux arrondissements Binh An et Ngai An en deux circonscriptions administrées par deux inspecteurs différents. Quyết định ngày 14 tháng 3 năm 1866 của Thống đốc Nam Kì lập hai tiểu khu Bình An và Ngải An thành hai khu do hai tham biện quản lí.	29
14	Arrêté du 4 avril 1867 du Gouverneur de la Cochinchine portant organisation d'une commission municipale à Saïgon. Nghị định ngày 04 tháng 4 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức Uỷ ban Thành phố Sài Gòn.	29
15	Décision du 15 juin 1867 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'administration des trois provinces de Vinh Long, Chau Doc et Ha Tien. Quyết định ngày 15 tháng 6 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì về việc quản lí 3 tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.	32

16	Décision du 1er août 1867 du Gouverneur de la Cochinchine supprimant l'Inspection de Ca Mau et créant celle de Hatien. Quyết định ngày 01 tháng 8 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì về việc xoá bỏ Sở Tham biện Cà Mau và thành lập Sở Tham biện Hà Tiên.	32
17	Décision du 4 décembre 1867 du Gouverneur de la Cochinchine concernant les Inspections de Travinh, Sadec et Bentre. Quyết định ngày 04 tháng 12 năm 1867 của Thống đốc Nam Kì về các Sở Tham biện Trà Vinh, Sa Đéc và Bến Tre.	32
18	Arrêté du 22 avril 1868 du Gouverneur p.i de la Cochinchine portant création et composition du Conseil de Santé à Saigon. Nghị định ngày 22 tháng 4 năm 1868 của quyền Thống đốc Nam Kì về việc thành lập và quy định thành phần Hội đồng Y tế Sài Gòn.	33
19	Arrêté du 30 septembre 1868 du Gouverneur p.i de la Cochinchine portant création de la Chambre de Commerce à Saigon. Nghị định ngày 30 tháng 9 năm 1868 của quyền Thống đốc Nam Kì về việc thành lập Phòng Thương mại Sài Gòn.	34
20	Décision du 1er novembre 1868 du Directeur de l'Intérieur portant règlement intérieur des bureaux de la Direction de l'Intérieur. Quyết định ngày 01 tháng 11 năm 1868 của Giám đốc Nha Nội chính về nội quy các phòng ban thuộc Nha Nội chính.	35

21	Décret du 21 août 1869 de Napoléon, Empereur des Français portant création d'un Conseil privé en Cochinchine et fixation de ses attributions. Sắc lệnh ngày 21 tháng 8 năm 1869 của Hoàng đế Pháp Napoléon về việc thành lập Hội đồng Tư mật tại Nam Kì và quy định quyền hạn của Hội đồng này.	37
22	Arrêté du 11 décembre 1871 du Gouverneur de la Cochinchine concernant l'organisation du Comité Agricole et Industriel. Nghị định ngày 11 tháng 12 năm 1871 của Thống đốc Nam Kì về việc tổ chức Uỷ ban Canh nông và Kĩ nghệ.	38
23	Arrêté du 19 janvier 1872 du Gouverneur de la Cochinchine portant séparation du Service du Trésor et celui des Postes. Nghị định ngày 28 tháng 01 năm 1872 của Thống đốc Nam Kì về việc tách Sở Ngân khố và Sở Bưu điện.	38
24	Arrêté du 14 mai 1872 du Gouverneur de la Cochichine constituant une délégation municipale à Cholon. Nghị định ngày 14 tháng 5 năm 1872 của Thống đốc Nam Kì lập một Đại lí Thành phố ở Chợ Lớn.	39
25	Arrêté du 17 septembre 1872 du Gouverneur de la Cochinchine sur l'organisation municipale de Saigon. Nghị định ngày 17 tháng 9 năm 1872 của Thống đốc Nam Kì về tổ chức thành phố Sài Gòn.	40
26	Arrêté du 19 novembre 1873 du Gouverneur de la Cochinchine portant organisation de la justice indigène en Cochinchine. Nghị định ngày 19 tháng 11 năm 1873 của Thống đốc Nam Kì quy định tổ chức tư pháp bản xứ ở Nam Kì.	41

27	Décret du 15 mai 1874 du Président de la République française portant organisation de la Trésorerie de Cochinchine. Sắc lệnh ngày 15 tháng 5 năm 1874 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về cơ cấu tổ chức của Sở Ngân khố Nam Kì.	42
28	Arrêté du 5 janvier 1876 du Gouverneur de la Cochinchine divisant le territoire de la colonie en 4 circonscriptions administratives. Nghị định ngày 05 tháng 01 năm 1876 của Thống đốc Nam Kì chia địa bàn Nam Kì thành 4 khu hành chính.	46
29	Décret du 2 juin 1876 du Président de la République française portant réorganisation du Service des Affaires indigènes en Cochinchine. Sắc lệnh ngày 02 tháng 6 năm 1876 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Sở Phụ trách các công việc nội chính bản xứ tại Nam Kì.	47
30	Décret du 23 juillet 1879 du Président de la République française instituant une Inspection des Services administratifs et financiers de la marine et des colonies. Sắc lệnh ngày 23 tháng 7 năm 1879 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Ban Thanh tra các cơ quan hành chính và tài chính Bộ Hải quân và Thuộc địa.	48
31	Arrêté du 18 août 1879 du Gouverneur de la Cochinchine portant réorganisation du Service des Travaux publics en Cochinchine. Nghị định ngày 18 tháng 8 năm 1879 của Thống đốc Nam Kì quyết định tổ chức lại Sở Công chính Nam Kì.	50

32	Décret du 8 février 1880 du Président de la République française instituant un Conseil colonial en Cochinchine. Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1880 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Hội đồng Thuộc địa tại Nam Kì.	51
33	Décret du 4 mai 1881 du Président de la République française réorganisant la Direction de l'Intérieur de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 04 tháng 5 năm 1881 về việc tổ chức lại Nha Nội chính Nam Kì.	56
34	Décret du 3 février 1882 du Président de la République française portant réorganisation de l'administration centrale du ministère de la Marine et des Colonies. Sắc lệnh ngày 03 tháng 02 năm 1882 của Tổng thống cộng hoà Pháp quy định việc tổ chức lại chính quyền trung ương của Bộ Hải quân và Thuộc địa.	59
35	Décret du 19 octobre 1883 du Président de la République française instituant et réorganisant le Conseil supérieur des colonies. Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1883 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập và tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.	61
36	Arrêté du 20 mai 1884 du Gouverneur de la Cochinchine française déterminant les attributions du secrétariat général et des bureaux de la Direction de l'Intérieur. Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1884 của Thống đốc Nam Kì quy định quyền hạn của Văn phòng và các phòng ban của Nha Nội chính.	62

37	Décision du 1er septembre 1884 du Gouverneur de la Cochinchine française réglant à nouveau la répartition des attributions du secrétariat général et des bureaux de la Direction de l'Intérieur. Quyết định ngày 01 tháng 9 năm 1884 của Thống đốc Nam Kì quy định lại quyền hạn Ban Tổng Thư kí và các phòng khác của Nha Nội chính.	63
38	Décret du 11 janvier 1885 du Président de la République française portant réorganization de l'Administration centrale des Colonies du Ministère de la Marine et des Colonies. Sắc lệnh ngày 11 tháng 01 năm 1885 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định việc tổ chức lại cơ quan hành chính thuộc địa trung ương thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa.	64
39	Décret du 27 janvier 1886 du Président de la République francaise portant organisation du Protectorat de l'Annam et du Tonkin. Sắc lệnh ngày 27tháng 01 năm 1886 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định cơ cấu tổ chức của chính quyền bảo hộ Trung - Bắc Kì.	66
40	Arrêté du 12 février 1887 du Résident général de la Républlque française en Annam et au Tonkin réorganisant le Service des Travaux publics en Annam et au Tonkin. Nghị định ngày 12 tháng 02 năm 1887 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì về việc tổ chức lại Sở Công chính Trung - Bắc Kì.	68

41	Arrêté du 20 juin 1887 du Résident général de la République française en Annam et au Tonkin réorganisant les Services de la Résidence générale. Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1887 của Tổng Trú sứ Trung-Bắc Kì về tổ chức lại các phòng, ban thuộc Toà Tổng Trú sứ.	70
42	Arrêté du 11 septembre 1887 du Résident général de l'Annam et du Tonkin divisant en deux circonscriptions administratives de la province de Hai Duong. Nghị định ngày 11 tháng 9 năm 1887 của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì về việc tách tỉnh Hải Dương thành hai khu hành chính.	72
43	Décret du 17 octobre 1887 du Président de la République française relatif à l'organisation de l'Indochine française. Sắc lệnh ngày 17 tháng 10 năm 1887 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định cách thức tổ chức Đông Dương thuộc Pháp.	72
44	Arrêté du 22 janvier 1888 du Gouverneur général de l'Indochine promulguant le décret du 7 décembre 1888 portant la réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine. Nghị định ngày 22 tháng 01 năm 1888 của Toàn quyền Đông Dương ban hành Sắc lệnh ngày 07 tháng 12 năm 1888 quy định việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.	74
45	Décret du 16 juillet 1888 du Président de la République française réorganisant le Conseil privé de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 16 tháng 7 năm 1888 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tư mật Nam Kì.	75

46	Arrêté du 19 juillet 1888 Gouverneur général de l'Indochine instituant des municipalités de Hanoï et Haiphong. Nghị định ngày 19 tháng 7 năm 1888 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Thành phố Hà Nội và Hải Phòng.	76
47	Décret du 8 septembre 1888 du Président de la République Française portant organisation de la justice du Tonkin. Sắc lệnh ngày 08 tháng 9 năm 1888 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức tư pháp ở Bắc Kì.	79
48	Décret du 7 décembre 1888 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 07 tháng 12 năm 1888 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.	81
49	Arrêté du 10 janvier 1889 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression de la Direction générale des Postes et Télégraphes de l'Indochine. Nghị định ngày 10 tháng 01 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc xoá bỏ Tổng Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương.	82
50	Arrêté du 11 janvier 1889 organisant du Gouverneur général de l'Indochine les bureaux de la Résidence générale de l'Annam et du Tonkin. Nghị định ngày 11 tháng 01 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức các phòng thuộc Phủ Tổng Trú sứ Trung Bắc Kì.	82
51	Arrêté du 10 février 1889 du Gouverneur général de l'Indochine établissant les pouvoirs et attributions du	84

	Résident général en Annam et au Tonkin et ceux du Résident supérieur au Tonkin. Nghị định ngày 10 tháng 02 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định thẩm quyền của Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì và của Thống sứ Bắc Kì.	
52	Arrêté du 16 février 1889 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant les attributions des Chambres de Commerce de Hanoï et de Haiphong. Nghị định ngày 16 tháng 02 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của các Phòng Thương mại Hà Nội và Hải Phòng.	87
53	Arrêté du 20 février 1889 du Gouverneur général de l'Indochine portant l'organisation du Service de Santé en Annam et au Tonkin. Nghị định ngày 20 tháng 02 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức của Sở Y tế ở Trung - Bắc Kì.	90
54	Décret du 5 mars 1889 du Président de la République française portant organisation des Conseils d'arrondissement en Cochinchine. Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1889 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức các Hội đồng Tiểu khu tại Nam Kì.	94
55	Arrêté du 13 avril 1889 Gouverneur général de l'Indochine réglant les attributions du secrétariat général et des bureaux de la Direction du Service local. Nghị định ngày 13 tháng 4 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Ban Tổng Thư kí và các phòng ban của Sở địa phương.	98

56	Décret du 17 juin 1889 du Président de la République française réorganisant la justice en Cochinchine. Sắc lệnh ngày 17 tháng 6 năm 1889 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định cải tổ tổ chức tư pháp tại Nam Kì.	99
57	Arrêté du 4 juillet 1889 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant la composition et les attributions du Conseil du Protectorat du Tonkin. Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định thành phần và quyền hạn của Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì.	109
58	Arrêté du 6 juillet 1889 du Gouverneur général de l'Indochine instituant dans les villes de Hanoï et de Haiphong, un bureau de l'Enregistrement des Domaines et des Hypothèques. Nghị định ngày 06 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Phòng Đăng kí Tài sản và Cầm cố ở Hà Nội và Hải Phòng.	109
59	Arrêté du 6 juillet 1889 du Gouverneur Général de l'Indochine fixant les atttibutions des bureaux de la Résidence supérieure au Tonkin. Nghị định ngày 06 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định thẩm quyền các phòng, ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.	112
60	Arrêté du 6 juillet 1889 du Gouverneur Général de l'Indochine organisant le Service des Travaux publics en Annam et au Tonkin. Nghị định ngày 06 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Sở Công chính Trung - Bắc Kì.	113

61	Arrêté du 7 juillet 1889 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions des Résidents supérieurs en Annam et au Tonkin. Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì.	115
62	Décret du 26 août 1889 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil supérieur de l'Indochine et du Conseil privé de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 26 tháng 8 năm 1889 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thay đổi thành phần Hội đồng Tối cao Đông Dương và Hội đồng Tư mật Nam Kì.	121
63	Arrêté du 8 décembre 1889 du Gouverneur général de l'Indochine replaçant le territoire de la province de Cao Bang sous le régime normal. Nghị định ngày 08 tháng 12 năm 1889 của Toàn quyền Đông Dương về việc chuyển tỉnh Cao Bằng về chế độ dân sự.	121
64	Décret du 20 mai 1890 du Président de la République française réorganisant le Conseil supérieur des colonies. Sắc lệnh ngày 20 tháng 5 năm 1890 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.	122
65	Décret du 21 avril 1891 du Président de la République française fixant les attributions du Gouverneur général de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 21 tháng 4 năm 1891 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định chức năng, quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương.	124

66	Arrêté du 6 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine constituant à l'état de territoires militaires la région montagneuse qui entoure le Delta du Tonkin. Nghị định ngày 06 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập các Đạo Quan binh ở khu vực châu thổ Bắc Kì.	126
67	Arrêté du 20 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine constituant les territoires militaires et portant délimitation de chacun d'eux. Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương lập các đạo quan binh và xác định ranh giới của từng đạo quan binh.	126
68	Arrêté du 20 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine divisant le 2e territoire militaire en trois cercles. Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương chia Đạo Quan binh 2 thành 3 tiểu quân khu.	126
69	Arrêté du 24 août 1891 du Gouverneur général de l'Indochine divisant le 1er territoire militaire en trois cercles. Nghị định ngày 24 tháng 8 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương chia Đạo Quan binh 1 thành 3 tiểu quân khu.	127
70	Arrêté du 9 septembre 1891 du Gouverneur général de l'Indochine divisant le 3è territoire militaire en trois cercles. Nghị định ngày 09 tháng 9 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương chia Đạo Quan binh 3 thành 3 tiểu quân khu.	127

71	Arrêté du 31 décembre 1891 du Gouverneur général de l'Indochine relatif à l'organisation des communes de Hanoï et de Haiphong. Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1891 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến tổ chức các thành phố Hà Nội và Hải Phòng.	128
72	Décret du 8 février 1892 du Président de la République française réorganisation le Service de la Trésorerie du Protectorat de l'Annam et du Tonkin. Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1892 của Tổng thống Cộng hòa Pháp về tổ chức lại hoạt động của Sở Ngân khố của chính quyền bảo hộ Trung Kì và Bắc Kì.	132
73	Arrêté du 1er avril 1892 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions des Résidents supérieurs en Annam et au Tonkin. Nghị định ngày 01 tháng 4 năm 1892 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Khâm sứ Trung Kì và Thống sứ Bắc Kì.	133
74	Arrêté n°778 du 10 octobre 1892 du Gouverneur général de l'Indochine sur la constitution de la province de Thai Nguyen. Nghị định số 778 ngày 10 tháng 10 năm 1892 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập tỉnh Thái Nguyên.	138
75	Arrêté du 12 avril 1893 du Gouverneur général de l'Indochine supprimant les fonctions de chef de cabinet du Lieutenant - Gouverneur de la Cochinchine et créant un bureau qui prend le titre bureau du Gouvernement de la Cochinchine. Nghị định ngày 12 tháng 4 năm 1893 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ chức Chánh Văn phòng Thống	138

	đốc Nam Kì và thành lập một phòng mang tên Văn phòng Chính phủ Nam Kì.	
76	Arrêté du 15 septembre 1893 du Gouverneur général de l'Indochine portant la division du cabinet du Gouverneur général en 2 sections. Nghị định ngày 15 tháng 9 năm 1893 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách Văn phòng Toàn quyền thành 2 bộ phận.	139
77	Décret du 13 janvier 1894 du Président de la République Française portant institution de la Cour d'appel à Hanoï. Sắc lệnh ngày 13 tháng 01 năm 1894 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Toà Thượng thẩm tại Hà Nội.	139
78	Arrêté du 6 février 1894 du Gouverneur général de l'Indochine créant le cercle de Cai Kinh et nommant M. le chef de bataillon Tournier, au commandement dudit cercle. Nghị định ngày 06 tháng 02 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập tiểu quân khu Cai Kinh và bổ nhiệm Tiểu đoàn trưởng Tournier giữ chức chỉ huy.	140
79	Arrêté du 10 février 1894 du Gouverneur général de l'Indochine créant une Chambre d'Agriculture au Tonkin. Nghị định ngày 10 tháng 02 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Phòng Canh nông Bắc Kì.	140

80	Arrêté du 20 septembre 1894 du Gouverneur général de l'Indochine transférant à Mon Cay le siège du commandement du 1er territoire militaire. Nghị định ngày 20 tháng 9 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương quyết định chuyển trụ sở Ban Chỉ huy Đạo Quan binh 1 về Móng Cái.	141
81	Arrêté du 28 novembre 1894 du Gouverneur général de l'Indochine promulguant le décret du 21 septembre 1894 instituant un Conseil du Protectorat de l'Annam et du Tonkin près du Gouverneur général de l'Indochine. Nghị định ngày 28 tháng 11 năm 1894 của Toàn quyền Đông Dương ban bố Sắc lệnh ngày 21 tháng 9 năm 1894 về việc thành lập Hội đồng Bảo hộ Trung - Bắc Kì phụ tá cho Toàn quyền Đông Dương.	141
82	Décret du 9 janvier 1895 du Président de la République française sur l'organisation de la Garde indigène de l'Annam et du Tonkin. Sắc lệnh ngày 09 tháng 01 năm 1895 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về cơ cấu tổ chức của lực lượng lính Khố xanh Trung Kì và Bắc Kì.	142
83	Arrêté du 23 avril 1895 du Gouverneur général de l'Indochine promulguant le décret du 25 février 1895, supprimant la Résidence supérieure du Tonkin et créant le Secrétariat général. Nghị định ngày 23 tháng 4 năm 1895 của Toàn quyền Đông Dương ban bố Sắc lệnh ngày 25 tháng 02 năm 1895 quyết định bãi bỏ Tòa Thống sứ Bắc Kì và thành lập Phủ Phó Toàn quyền.	144

84	Arrêté du 11 octobre 1895 du Gouverneur général de l'Indochine réorganisation le Service des Travaux Publics de l'Annam et du Tonkin. Nghị định ngày 11 tháng 10 năm 1895 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại Sở Công chính Trung Kì và Bắc Kì.	144
85	Décret du 14 mars 1896 du Président de la République Française portant création d'une Direction du Contrôle financier en Indochine. Sắc lệnh ngày 14 tháng 3 năm 1896 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Nha Kiểm tra Tài chính Đông Dương.	157
86	Décret du 15 septembre 1896 du Président de la République Française sur l'organisation de la justice française au Tonkin. Sắc lệnh ngày 15 tháng 9 năm 1896 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức Toà án Pháp tại Bắc Kì.	158
87	Arrêté du 30 avril 1897 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Tonkin une Direction de l'Agriculture. Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một Sở Canh nông tại Bắc Kì.	158
88	Arrêté du 4 mai 1897 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une Chambre consultative mixte de Commerce et d'Agriculture en Annam. Nghị định ngày 04 tháng 5 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông ở Trung Kì.	159

89	Arrêté du 29 mai 1897 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant les circonscriptions dont se compose le 2[e] territoire militaire et créant un nouveau cercle de Bao Lac. Nghị định ngày 29 tháng 5 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương xác định ranh giới những khu vực thuộc Đạo Quan binh 2 và lập tiểu quân khu Bảo Lạc.	159
90	Décret du 8 juin 1897 du Président de la République française portant suppression du Secrétariat général du Gouvernement général de l'Indochine et rétablissement de l'emploi du Résident supérieur au Tonkin. Sắc lệnh ngày 08 tháng 6 năm 1897 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc xoá bỏ chức Phó Toàn quyền Đông Dương và lập lại chức vụ Thống sứ Bắc Kì.	160
91	Décret du 3 juillet 1897 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 03 tháng 7 năm 1897 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.	160
92	Décret du 6 octobre 1897 du Président de la République française portant organisation du Service des Douanes et Régies de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 06 tháng 10 năm 1897 của Tổng thống Cộng hoà Pháp tổ chức Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.	161
93	Arrêté du 15 décembre 1897 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Directeur des Douanes et Régies de l'Indochine.	162

	Nghị định ngày 15 tháng 12 năm 1897 của Toàn quyền Đông Dương quy định thẩm quyền của Giám đốc Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.	
94	Arrêté du 31 janvier 1898 du Gouverneur général de l'Indochine portant séparation de la province et de la ville de Haiphong. Nghị định ngày 31 tháng 01 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách riêng tỉnh Hải Phòng và thành phố Hải Phòng.	163
95	Arrêté du 4 mars 1898 du Gouverneur général de l'Indochine instituant au Gouvernement général une Direction de l'Agriculture et du Commerce. Nghị định ngày 04 tháng 3 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tại Phủ Toàn quyền Đông Dương Nha Sở Canh nông và Thương mại.	163
96	Arrêté du 31 mars 1898 du Gouverneur général de l'Indochine instituant dans chaque province du Tonkin une commission consultative de notables indigènes. Nghị định ngày 31 tháng 3 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tại mỗi tỉnh Bắc Kì một Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ.	164
97	Arrêté du 10 mai 1898 du Gouverneur général de l'Indochine portant création une Direction de l'Agriculture en Annam. Nghị định ngày 10 tháng 5 năm 1898 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Sở Canh nông Trung Kì.	164
98	Décret du 8 août 1898 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur de l'Indochine.	165

	Sắc lệnh ngày 08 tháng 8 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao Đông Dương.	
99	Décret du 8 août 1898 du Président de la République française portant organisation du Service de la Justice en Indochine. Sắc lệnh ngày 08 tháng 8 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp tổ chức cơ quan tư pháp ở Đông Dương.	165
100	Décret du 8 août 1898 du Président de la République française réorganisant le Conseil du Protectorat du Tonkin. Sắc lệnh ngày 08 tháng 8 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì.	166
101	Décret du 30 décembre 1898 du Président de la République française portant organisation du Service des Douanes et Régies de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 30 tháng 12 năm 1898 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức Nha Thuế quan và Độc quyền Đông Dương.	166
102	Décret du 20 janvier 1899 du Président de la République française portant création d'une Direction des Affaires civiles au Gouvernement général de l'Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1899 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thành lập Ban Chỉ đạo công việc dân sự tại Phủ Toàn quyền Đông Dương.	169
103	Arrêté du 13 février 1899 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions des Services généraux et les services locaux.	169

	Nghị định ngày 13 tháng 02 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của các sở trung ương và sở địa phương.	
104	Arrêté du 1er mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant création en Cochinchine une Direction de l'Agriculture. Nghị định ngày 01 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Sở Canh nông Nam Kì.	171
105	Arrêté du 1er mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation et attributions de la Direction de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine. Nghị định ngày 01 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định về việc tổ chức và quyền hạn của Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương.	171
106	Arrêté du 2 mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation et attributions du cabinet du Gouverneur général de l'Indochine. Nghị định ngày 02 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Toàn quyền Đông Dương.	172
107	Arrêté du 10 mars 1899 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Directeur des Affaires civiles de l'Indochine. Nghị định ngày 10 tháng 3 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Giám đốc Ban Chỉ đạo các công việc dân sự Đông Dương.	172
108	Décret du 25 mars 1899 du Président de la République française portant création à Tourane d'une justice de paix à compétence étendue.	173

	Sắc lệnh ngày 25 tháng 3 năm 1899 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Toà Hoà giải rộng quyền ở Đà Nẵng.	
109	Décret du 1er juillet 1899 du Président de la République française instituant un Service de Trésorerie en Annam. Sắc lệnh ngày 01 tháng 7 năm 1899 của Tổng thống Cộng hoà Pháp thành lập Sở Ngân khố Trung Kì.	173
110	Arrêté du 5 juillet 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant création du Service Géographique de l'Indochine. Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Địa lí Đông Dương.	174
111	Arrêté du 13 septembre 1899 du Gouverneur général de l'Indochine portant création un emploi de Chef du Service de l'Enregistrement, des Hypothèques, des Domaines et du Timbres de l'Indochine. Nghị định ngày 13 tháng 9 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương lập chức Giám đốc Nha Trước bạ, Cầm cố, Tài sản và Tem Đông Dương.	174
112	Arrêté du 29 décembre 1899 du Gouverneur général de l'Indochine créant la province de Vinh Yen. Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tỉnh Vĩnh Yên.	175
113	Arrêté du 24 février 1900 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture du Tonkin. Nghị định ngày 24 tháng 02 năm 1900 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Phòng Canh nông Bắc Kì.	175

114	Arrêté du 8 juin 1900 du Gouverneur général de l'Indochine portant création un Service forestier dépendant du Gouvernement général et rattaché à la Direction de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine. Nghị định ngày 08 tháng 6 năm 1900 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một Ban Lâm nghiệp thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương và sáp nhập vào Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương.	176
115	Arrêté du 16 juin 1900 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Conseil du Protectorat près du Résident supérieur en Annam. Nghị định ngày 16 tháng 6 năm 1900 Toàn quyền Đông Dương thành lập Hội đồng Bảo hộ bên cạnh Khâm sứ Trung Kì.	176
116	Arrêté du 26 septembre 1900 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Tonkin un Service spécial de géomètres rattaché, sous le titre "section du cadastre", à la Direction local de l'Agriculture. Nghị định ngày 26 tháng 9 năm 1900 của Toàn quyền Đông Dương lập "Phòng Địa chính" sáp nhập vào Sở Canh nông địa phương.	177
117	Décret du 7 février 1901 du Président de la République française portant organisation de la Direction de l'Agriculture, des Forêts et du Commerce instituée au Gouvernement général de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 07 tháng 02 năm 1901 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức Nha Nông, Lâm và Thương mại thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương.	177

118	Décret du 7 février 1901 du Président de la République française portant organisation en Indochine d'un Service Forestier dépendant de la Direction de l'Agriculture, des Forêts et du Commerce de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 07 tháng 02 năm 1901 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức Sở Lâm nghiệp trực thuộc Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương.	178
119	Arrêté du 20 août 1901 du Gouverneur général de l'Indochine créant un centre administratif à Lac Quan, province de Nam Dinh. Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Lạc Quần, tỉnh Nam Định.	179
120	Arrêté n° 30 du 6 octobre 1901 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province de Phu Lo. Nghị định số 30 ngày 06 tháng 10 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập tỉnh Phủ Lỗ.	179
121	Arrêté du 13 novembre 1901 Gouverneur général de l'Indochine portant organisation d'un Service Vétérinaire et des Epizooties en Indochine. Nghị định ngày 13 tháng 11 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức Nha Thú y và Dịch động vật ở Đông Dương.	180
122	Arrêté du 14 novembre 1901 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service des Postes et des Télégraphes de l'Indochine. Nghị định ngày 14 tháng 11 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức Nha Bưu điện và Điện báo Đông Dương.	180

123	Arrêté du 14 novembre 1901 du Gouverneur général de l'Indochine réglementant l'organisation, les attributions et le fonctionnement des Chambres de Commerce de l'Indochine. Nghị định ngày 14 tháng 11 năm 1901 của Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức, quyền hạn và hoạt động của các Phòng Thương mại ở Đông Dương.	181
124	Arrêté du 28 février 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation des Services locaux d'agriculture de l'Indochine. Nghị định ngày 28 tháng 02 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức các sở canh nông cấp kì ở Đông Dương.	182
125	Arrêté du 25 avril 1902 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant la composition du Conseil supérieur d'Hygiène et de Salubrité du Tonkin. Nghị định ngày 25 tháng 4 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương thay đổi trong thành phần Hội đồng Cấp cao Vệ sinh dịch tễ Bắc Kì.	183
126	Arrêté du 1er juin 1902 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Comité d'Hygiène en Cochinchine, au Tonkin, en Annam et au Cambodge. Nghị định ngày 01 tháng 6 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Vệ sinh ở Nam Kì, Bắc Kì, Trung Kì và Cao Miên.	183
127	Arrêté du 16 septembre 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant fondation en Indochine d'un Observatoir central magnétique et météorologique. Nghị định ngày 16 tháng 9 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Đài Khí tượng từ tính trung ương ở Đông Dương.	185

128	Arrêté du 7 novembre 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation et fixant les attributions du cabinet du Gouverneur général de l'Indochine. Nghị định ngày 07 tháng 11 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương.	186
129	Arrêté du 7 novembre 1902 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Secrétariat général de l'Indochine. Nghị định ngày 07 tháng 11 năm 1902 của Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức của Văn phòng Phó Toàn quyền Đông Dương	188
130	Arrêté du 1er mars 1903 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant la localité de Dien Bien Phu (province de Van Bu-Tonkin) en centre administratif. Nghị định ngày 01 tháng 3 năm 1903 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng Phủ Điện Biên (tỉnh Vạn Bú - Bắc Kì) thành trung tâm hành chính.	188
131	Arrêté du 20 janvier 1904 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une Direction générale de la Santé au Gouvernement générale de l'Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo y tế thuộc Phủ Toàn quyền.	189
132	Arrêté du 3 février 1904 du Gouverneur général de l'Indochine rattachant le Service Géologique de l'Indochine à l'administration des Travaux publics. Nghị định ngày 03 tháng 02 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Nha Địa chất Đông Dương vào cơ quan công chính.	190

133	Arrêté du 11 février 1904 du Gouverneur général relatif au fonctionnement du Service de Santé de l'Indochine. Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến hoạt động của cơ quan y tế Đông Dương.	190
134	Arrêté du 10 mai 1904 du Gouverneur général de l'Indochine créant une administration provinciale indigène dans la province de Bac Kan. Nghị định ngày 10 tháng 5 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập chính quyền bản xứ cấp tỉnh tại tỉnh Bắc Cạn.	197
135	Décret du 20 mai 1904 du Président de la République française modifiant l'organisation du Conseil supérieur des colonies. Sắc lệnh ngày 20 tháng 5 năm 1904 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi cơ cấu tổ chức Hội đồng Tối cao thuộc địa.	197
136	Décret du 14 juillet 1904 du Président de la République française portant la réorganisation du Service de la Trésorerie en Indochine. Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1904 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương.	198
137	Arrêté du 20 juillet 1904 du Gouverneur général de l'Indochine fixant la composition des 1er, 2è et 3è territoires militaires. Nghị định ngày 20 tháng 7 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương quy định thành phần của các Đạo Quan binh 1, 2 và 3.	201

138	Arrêté du 23 août 1904 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant la composition de la Chambre consultative mixte Commerciale et d'Agriculture de l'Annam. Nghị định ngày 23 tháng 8 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi thành phần Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kì.	201
139	Arrêté du 27 août 1904 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation du Conseil des notables en Cochinchine. Nghị định ngày 27 tháng 8 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Hội đồng Kì mục Nam Kì.	202
140	Arrêté du 29 décembre 1904 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une sous-commission du Conseil de défense de l'Indochine. Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1904 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một tiểu ban của Hội đồng Phòng thủ Đông Dương.	206
141	Arrêté n° 411 du 10 février 1905 du Gouverneur général de l'Indochine créant le centre administratif de Gialam, province de Bacninh. Nghị định số 411 ngày 10 tháng 02 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.	207
142	Arrêté du 25 mars 1905 du Gouverneur général de l'Indochine réorganisant la Direction de l'Agriculture, des Forêts et du Commerce de l'Indochine. Nghị định ngày 25 tháng 3 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Nha Nông, Lâm và Thương mại Đông Dương.	207

143	Arrêté du 15 avril 1905 du Gouverneur général de l'Indochine organisant le personnel indigène du Service Forestier de l'Indochine. Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương quy định cách thức tổ chức nhân sự bản xứ của Ban Lâm nghiệp Đông Dương.	214
144	Arrêté du 17 octobre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine prononçant la dissolution du Conseil municipale de Hanoï, instituant la Commission municipale à Hanoï. Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương tuyên bố giải tán Hội đồng Thành phố Hà Nội, thành lập Uỷ ban Thành phố ở Hà Nội.	216
145	Arrêté du 9 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine determinant les attributions de la circonscription de l'exploitation des chemins de fer. Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Khu Khai thác Đường sắt.	216
146	Arrêté du 21 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les divisions administratives du 2è territoire militaire. Nghị định ngày 21 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi việc phân chia các đơn vị hành chính của Đạo Quan binh 2.	218
147	Arrêté du 21 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les divisions administratives des 2è, 3è et 4è territoires militaires. Nghị định này 21 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương điều chỉnh các đơn vị hành chính các Đạo Quan binh 2, 3 và 4.	219

148	Arrêté du 28 novembre 1905 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les divisions administratives des 2è, 3è et 4è territoires militaries. Nghị định ngày 28 tháng 11 năm 1905 của Toàn quyền Đông Dương quy định phân chia hành chính của các đạo quan binh 2,3 và 4.	219
149	Décret du 3 février 1906 du Président de la République française modifiant le décret du 19 octobre 1883 instituant un Conseil supérieur des Colonies. Sắc lệnh ngày ngày 03 tháng 02 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1883 về việc thành lập Hội đồng Tối cao Thuộc địa.	220
150	Arrêté du 8 mars 1906 du Gouverneur général de l'Indochine portant création du Service du Cadastre au Tonkin. Nghị định ngày 08 tháng 3 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Địa chính Bắc Kì.	220
151	Arrêté du 6 août 1906 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'organisation intérieure et les attributions du Cabinet du Gouvernement général et du Secrétariat général de l'Indochine. Nghị định ngày 06 tháng 8 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi tổ chức nội bộ và quyền hạn của Văn phòng Toàn quyền và Phó Toàn quyền Đông Dương.	221
152	Arrêté du 3 septembre 1906 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 7 de l'arrêté du 27 avril 1904 portant organisation du personnel de l'Instruction publique du Tonkin.	221

	Nghị định ngày 03 tháng 9 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 7 của Nghị định ngày 27 tháng 4 năm 1904 liên quan đến tổ chức nhân sự của Sở Học chính Bắc Kì.	
153	Décret du 19 octobre 1906 du Président de la République française réorganisant le Comité consulatif de l'Instruction publique des colonies. Sắc lệnh ngày 19 tháng 10 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức lại Uỷ ban Tư vấn Học chính thuộc địa.	222
154	Arrêté du 30 octobre 1906 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service de l'Enseignement en An-nam. Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức của Sở Học chính Trung Kì.	223
155	Décret ministériel du 11 novembre 1906 modifiant le décret du 14 juillet 1904 relatif à la réorganisation du Service de la Trésorerie en Indochine. Sắc lệnh liên bộ Tài chính và Thuộc địa ngày 11 tháng 11 năm 1906 sửa đổi bổ sung Sắc lệnh ngày 14 tháng 7 năm 1904 về tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương.	227
156	Décret du 14 novembre 1906 du Président de la République française instituant une Direction générale de l'Instruction publique en Indochine. Sắc lệnh ngày 14 tháng 11 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định thành lập Tổng Nha Học chính Đông Dương	227
157	Décret du 8 décembre 1906 du Président de la République française créant une Direction général de l'Indochine des Finances et de Comptabilité.	228

	Sắc lệnh ngày 08 tháng 12 năm 1906 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định thành lập Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương.	
158	Arrêté n° 3511 du 10 décembre 1906 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province de Haininh. Nghị định số 3511 ngày 10 tháng 12 năm 1906 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập tỉnh Hải Ninh.	229
159	Arrêté du 9 janvier 1907 du Gouverneur général de l'Indochine créant, à titre d'essai, en Cochinchine, deux régions d'inspections des Services civils. Nghị định ngày 09 tháng 01 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập thử nghiệm 2 khu vực thanh tra các cơ quan dân sự tại Nam Kì.	229
160	Arrêté du 24 janvier 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Finances et de Comptabilité de l'Indochine . Nghị định ngày 24 tháng 01 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương.	230
161	Arrêté du 8 février 1907 du Gouverneur général de l'Indochine créant une troisième région d'inspection des Services civils en Cochinchine. Nghị định ngày 08 tháng 02 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập khu vực thanh tra các cơ quan dân sự thứ 3 tại Nam Kì.	230
162	Arrêté du 12 février 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service des Travaux publics en Indochine.	231

	Nghị định ngày 12 tháng 02 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức cơ quan Công chính Đông Dương.	
163	Arrêté du 14 mars 1907 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 31 décembre 1899 organique des minicipalités de Hanoï et de Haiphong. Nghị định ngày 14 tháng 3 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1899 về tổ chức Hội đồng Thành phố của Hà Nội và Hải Phòng.	231
164	Arrêté du 25 avril 1907 du Gouverneur général de l'Indochine rapportant l'arrêté du 4 juillet 1905, portant création de la province moï de Plei-kou-Derr (Annam). Nghị định ngày 25 tháng 4 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương bãi bỏ Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1905 về việc thành lập tỉnh Plâycu Đe (Trung Kì).	232
165	Arrêté du 1er mai 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une commission consultative de notables indigènes. Nghị định ngày 01 tháng 5 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Tư vấn kì hào bản xứ.	233
166	Arrêté n° 1357bis du 4 mai 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant institution au Tonkin d'une commission consultative indigène. Nghị định số 1357bis ngày 04 tháng 5 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Phòng Tư vấn bản xứ tại Bắc Kì.	234

167	Arrêté du 12 juin 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Cheo Reo, province de Phu Yen. Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập trung tâm hành chính tại Cheo Reo, tỉnh Phú Yên.	237
168	Arrêté du 12 juin 1907 du Gouverneur général de l'Indochine créant un centre administratif à Kontoum, province de Qui Nhon (Annam). Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập trung tâm hành chính tại Kon Tum, tỉnh Qui Nhơn (Trung Kì).	237
169	Arrêté du 12 juillet 1907 du Gouverneur général de l'Indochine transformant le 4è territoire en province civile de Laokay. Nghị định ngày 12 tháng 7 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương quyết định chuyển Đạo Quan binh 4 thành tỉnh dân sự Lào Cai.	238
170	Arrêté du 10 octobre 1907 du Gouverneur général de l'Indochine portant création, à titre d'essai, en Cochinchine, de deux régions d'inspections des Services civils. Nghị định ngày 10 tháng 10 năm 1907 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập thử nghiệm 2 khu vực thanh tra các cơ quan dân sự tại Nam Kì.	238
171	Arrêté du 16 avril 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation administrative de 2è et 3è territoires militaires. Nghị định ngày 16 tháng 4 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại hành chính các Đạo Quan binh 2 và 3.	239

172	Arrêté du 2 juin 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Circonscription territoriale du Tonkin. Nghị định ngày 02 tháng 6 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Khu Công chính Bắc Kì.	240
173	Décret du 11 juillet 1908 du Président de la République française portant réorganisation des municipalités de Saigon, Hanoï et Haiphong. Sắc lệnh ngày 11 tháng 7 năm 1908 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về tổ chức lại Hội đồng Thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng.	241
174	Arrêté du 31 juillet 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la municipalité de Tourane. Nghị định ngày 31 tháng 7 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại thành phố Đà Nẵng.	255
175	Arrêté du 2 octobre 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Commission consultative indigène au Tonkin. Nghị định ngày 02 tháng 10 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương quy định về tổ chức lại Uỷ ban Tư vấn bản xứ Bắc Kì.	258
176	Arrêté du 5 octobre 1908 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction général des Finances et de la Comtabilité et suppression de l'emploi du chef du Service de l'Enregistrement de l'Indochine. Nghị định ngày 05 tháng 10 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Nha Tài chính và Kế toán Đông Dương, bãi bỏ chức danh Giám đốc Nha Trước bạ Đông Dương.	260

177	Arrêté du 26 octobre 1908 du Gouverneur général de l'Indochine fixant organisation et attributions du cabinet du Gouverneur général de l'Indochine. Nghị định ngày 26 tháng 10 năm 1908 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Toàn quyền Đông Dương.	261
178	Arrêté du 23 janvier 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service d'Inspection au Tonkin. Nghị định ngày 23 tháng 01 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Sở Thanh tra Bắc Kì.	263
179	Arrêté du 23 janvier 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Muong Khuong, province de Laokay. Nghị định ngày 23 tháng 01 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Mường Khương, tỉnh Lào Cai.	263
180	Arrêté du 25 janvier 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service et du personnel de la circonscription des mines. Nghị định ngày 25 tháng 01 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại hoạt động và nhân sự của Khu Mỏ.	263
181	Décret du 18 mars 1909 du Président de la République française portant suppression de la Direction de l'Agriculture et du Commerce au Gouvernement général de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 18 tháng 3 năm 1909 của Tổng thống Cộng hoà Pháp xoá bỏ Nha Canh nông và Thương mại thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương.	266

182	Décret du 18 mars 1909 du Président de la République française portant suppression de la Direction générale de l'Instruction publique en Indochine. Sắc lệnh ngày 18 tháng 3 năm 1909 của Tổng thống Cộng hoà Pháp xoá bỏ Tổng Nha Học chính Đông Dương.	267
183	Arrêté n°1532 du 28 juin 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province de Laichau. Nghị định số 1532 ngày 28 tháng 6 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập tỉnh Lai Châu.	269
184	Arrêté du 5 août 1909 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du personnel et réglementant le fonctionnement des services agricoles et commerciaux locaux de l'Indochine. Nghị định ngày 08 tháng 8 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức nhân sự và quy định hoạt động của các Sở Nông nghiệp và Thương mại cấp kì ở Đông Dương.	269
185	Décret du 9 décembre 1909 du Président de la République française supprimant la Direction générale des Travaux publics de l'Indochine instituée par le décret du 18 janvier 1905. Sắc lệnh ngày 09 tháng 12 năm 1909 của Tổng thống Cộng hoà Pháp xoá bỏ Tổng Nha Công chính Đông Dương được thành lập theo Sắc lệnh ngày 18 tháng 01 năm 1905.	271

186	Arrêté du 17 février 1910 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant un Service de la Sûreté générale et des renseignements au cabinet du Gouverneur général. Nghị định ngày 17 tháng 02 năm 1910 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một cơ quan Mật thám và An ninh trung ương tại Văn phòng Phủ Toàn quyền.	271
187	Arrêté du 19 mars 1910 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Luc An Châu, province Yên Bay (Tonkin). Nghị định ngày 19 tháng 3 năm 1910 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Lục An Châu, tỉnh Yên Bái (Bắc Kì).	272
188	Décret du 2 avril 1910 du Président de la République française portant modification à la composition du Conseil colonial de la Cochinchine Sắc lệnh ngày 02 tháng 4 năm 1910 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần của Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.	272
189	Arrêté du 19 avril 1910 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création un nouveau châu dans la province de Son La (Tonkin). Nghị định ngày 19 tháng 4 năm 1910 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một châu mới tại tỉnh Sơn La (Bắc Kì).	273
190	Arrêté du 24 juin 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service de l'inspection de l'Agriculture au Tonkin.	273

	Nghị định ngày 24 tháng 6 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức hoạt động của Ban Thanh tra Canh nông Bắc Kì.	
191	Arrêté du 13 juillet 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant création des centres administratifs de An Châu (province de Quang Yên) et de Chiêm Hoa (province de Tuyên Quang). Nghị định ngày 13 tháng 7 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập các trung tâm hành chính An Châu (tỉnh Quảng Yên) và Chiêm Hoá (tỉnh Tuyên Quang).	275
192	Décret du 27 août 1910 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil du Protectorat du Tonkin (promulgué le 24 octobre 1910). Sắc lệnh ngày 27 tháng 8 năm 1910 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần Hội đồng Bảo hộ Bắc Kì (Sắc lệnh được ban bố ngày 24 tháng 10 năm 1910).	275
193	Décret du 8 septembre 1910 du Président de la République française portant modification de la composition du Conseil privé de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 08 tháng 9 năm 1910 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần Hội đồng Tư mật Nam Kì.	276
194	Arrêté du 8 novembre 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du centre administrif de Phuong Do, province de Thai Nguyen. Nghị định ngày 08 tháng 11 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ trung tâm hành chính Phương Độ, tỉnh Thái Nguyên.	277

195	Arrêté du 23 décembre 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant supression des délégations de Soc Giang et de Dong Khe dans le 2è territoire militaire. Nghị định ngày 23 tháng 12 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ đại lí Sóc Giàng và Đông Khê tại Đạo Quan binh 2.	277
196	Arrêté du 24 décembre 1910 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du 1er bureau de la Résidence supérieure du Tonkin. Nghị định ngày 24 tháng 12 năm 1910 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ phòng 1 Phủ Thống sứ Bắc Kì.	277
197	Arrêté n° 2057 du 27 décembre 1910 du Résident supérieur du Tonkin fixant l'oraganisation et les attribution du Cabinet et des bureaux de la Résidence supérieure du Tonkin. Nghị định số 2057 ngày 27 tháng 12 năm 1910 của Thống sứ Bắc Kì quy định về tổ chức và quyền hạn của Văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.	277
198	Décret du 20 octobre 1911 du Président de la République française portant fixation des pouvoirs du Gouverneur général de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương.	278
199	Décret du 20 octobre 1911 du Président de la République française portant fixation de la composition et des attributions du Conseil de Gouvernement de l'Indochine.	280

	Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định thành phần và quyền hạn của Hội đồng Chính phủ Đông Dương.	
200	Décret 20 octobre 1911 du Président de la République française portant fixation des pouvoirs du Gouverneur de la Cochinchine et des Résidents supérieurs. Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định quyền hạn của Thống đốc Nam Kì và các Thống sứ, Khâm sứ.	282
201	Arrêté du 21 décembre 1911 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions du Cabinet du Gouverneur général. Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1911 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức và quyền hạn của Văn phòng Toàn quyền.	284
202	Arrêté du 21 décembre 1911 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions des Services du Gouvernement général. Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1911 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức và quyền hạn của các phòng, cơ quan thuộc Phủ Toàn quyền.	284
203	Arrêté du 31 décembre 1911 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service des Travaux publics en Indochine. Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1911 của Toàn quyền Đông Dương quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Công chính Đông Dương.	286
204	Arrêté du 26 janvier 1912 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Finances.	287

	Nghị định ngày 26 tháng 01 năm 1912 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Nha Tài chính.	
205	Arrêté du 18 mai 1912 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif à Yen Minh dans le 3^{e} Territoire militaire. Nghị định ngày 18 tháng 5 năm 1912 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Yên Minh, Đạo Quan binh 3.	290
206	Arrêté du 14 novembre 1912 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant la province de Hai Ninh en 1er Territoire militaire. Nghị định ngày 14 tháng 11 năm 1912 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng cấp tỉnh Hải Ninh thành Đạo Quan binh 1.	291
207	Arrêté n^{o} 227 du 31 janvier 1913 du Résident supérieur du Tonkin fixant l'organisation et les attributions du Cabinet et des bureaux de la Résidence supérieure du Tonkin. Nghị định số 227 ngày 31 tháng 01 năm 1913 của Thống sứ Bắc Kì quy định về việc tổ chức và quyền hạn của văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.	291
208	Arrêté du 9 février 1913 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant respectivement les provinces de Go Cong, Sa Dec et Ha Tien sous l'autorité administrative des Chefs des provinces de My Tho, Vinh Long et Chau Doc. Nghị định ngày 09 tháng 02 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định đặt các tỉnh Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên dưới quyền của Chủ tỉnh Mỹ Tho, Vĩnh Long và Châu Đốc.	292

209	Arrêté du 9 février 1913 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant la province de Phu Yen sous l'autorité administrative du Résident de Binh Dinh, supprimant la province de Phan Rang et rétablissant l'ancienne circonscription moï de Plei-kou-der en province autonome sous le nom de province moï de Kontum. Nghị định ngày 09 tháng 02 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định đặt tỉnh Phú Yên dưới quyền của Công sứ Bình Định, xoá bỏ tỉnh Phan Rang và tái lập khu vực Plâycu Đe cũ thành tỉnh tự trị mang tên tỉnh Kon Tum.	293
210	Arrêté du 25 février 1913 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Chambre consultative mixte de Commercre et d'Agriculture de l'Annam. Nghị định ngày 25 tháng 02 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Trung Kì.	294
211	Arrêté du 7 mars 1913 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant respectivement les provinces de Ha Nam et de Phuc Yen sous l'autorité administrative des Résidents des provinces de Nam Dinh et de Vinh Yen. Nghị định ngày 07 tháng 3 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định đặt các tỉnh Hà Nam và Phúc Yên dưới quyền của Công sứ tỉnh Nam Định và Vĩnh Yên.	296
212	Arrêté du 19 mars 1913 du Gouverneur général de l'Indochine réorganisation les Conseils provinciaux de notables indigènes et la Chambre consultative indigène au Tonkin.	297

	Nghị định ngày 19 tháng 3 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại các Hội đồng Kì mục bản xứ hàng tỉnh và Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì.	
213	Arrêté du 21 avril 1913 du Gouverneur général de l'Indochine portant création des centres administratifs à Na Cham, Dong Dang et Loc Binh dans la province de Lang Son et à Dinh Lap, Tien Yen et Ha Coi dans le 1er Territoire militaire. Nghị định ngày 21 tháng 4 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương thành lập một số trung tâm hành chính tại Na Chàm, Đồng Đăng, Lộc Bình của tỉnh Lạng Sơn và tại Đình Lập, Tiên Yên, Hà Cối thuộc Đạo Quan binh 1.	300
214	Arrêté du 26 mai 1913 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Comité consultatif des Mines. Nghị định ngày 26 tháng 5 năm 1913 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một Ủy ban Tư vấn hầm mỏ.	301
215	Décret du 28 mai 1913 du Président de la République française portant réorganisation du Service judiciaire de l'Indochine (promulgué le 20 août 1913). Sắc lệnh ngày 28 tháng 5 năm 1913 của Tổng thống Cộng hòa Pháp quy định tổ chức lại cơ quan tư pháp Đông Dương (ban hành ngày 20 tháng 8 năm 1913).	302
216	Décret du 27 juin 1914 du Président de la République française portant réorganisation du Service de l'Assistance médicale en Indochine. Sắc lệnh ngày 27 tháng 6 năm 1914 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại cơ quan y tế ở Đông Dương.	303

217	Arrêté 25 juillet 1914 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service du cadastre et la Topographie de l'Indochine. Nghị định ngày 25 tháng 7 năm 1914 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương.	304
218	Arrêté du 21 janvier 1915 du Gouverneur général de l'Indochine portant création du 4^{è} Territoire militaire. Nghị định ngày 21 tháng 01 năm 1915 về việc thành lập Đạo Quan binh 4.	305
219	Arrêté du 12 juin 1915 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation administrative du Territoire militaire de Lai Chau. Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1915 của Toàn quyền Đông Dương quyết định tổ chức lại Đạo Quan binh Lai Châu.	305
220	Arrêté du 6 janvier 1916 du Gouverneur général de l'Indochine créant la province de Langbian. Nghị định ngày 06 tháng 01 năm 1916 của Toàn quyền Đông Dương thành lập tỉnh Langbian.	306
221	Décret du 16 mai 1916 du Président de la République française portant organisation du Service des Travaux publics de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 16 tháng 5 năm 1916 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức cơ quan công chính Đông Dương.	307
222	Arrêté du 15 mai 1917 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation en Cochinchine d'un corp de police dénommé Garde civile.	308

	Nghị định ngày 15 tháng 5 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức đội lính Thủ bộ tại Nam Kì.	
223	Arrêté du 5 juillet 1917 du Gouverneur général de l'Indochine instituant un Service général du Ravitaillement et des Transports maritimes. Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Tiếp tế và Vận tải biển.	312
224	Arrêté du 13 juillet 1917 du Gouverneur général de l'Indochine déterminant l'organisation du Service de l'Aviation en Indochine. Nghị định ngày 13 tháng 7 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương quy định việc tổ chức Cục Hàng không Đông Dương.	312
225	Arrêté du 29 novembre 1917 du Gouverneur général de l'Indochine créant un emploi de "Directeur des archives et des bibliothèques au Gouvernement général de l'Indochine. Nghị định ngày 29 tháng 11 năm 1917 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập chức "Giám đốc Lưu trữ và Thư viện Phủ Toàn quyền Đông Dương".	314
226	Arrêté du 1^{cr} janvier 1918 du Gouverneur général de l'Indochine portant création auprès du Gouverneur général d'un Service de contrôle général du travail et de la colonisation. Nghị định ngày 01 tháng 01 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Tổng kiểm soát Lao động và Khai thác thuộc địa bên cạnh Toàn quyền.	317

227	Arrêté du 23 mai 1918 du Gouverneur général de l'Indochine organisant un Service Radiotélégraphique autonome. Nghị định ngày 23 tháng 5 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức một Nha Điện báo vô tuyến độc lập.	317
228	Arrêté du 6 septembre 1918 du Gouverneur général de l'Indochine fixant la mode de nomination des chefs et sous-chefs de canton en Cochinchine. Nghị định ngày 06 tháng 9 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương quy định cách thức bổ dụng các Chánh tổng và Phó tổng ở Nam Kì.	318
229	Arrêté du 31 décembre 1918 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de l'Institut scientifique de l'Indochine. Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1918 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Viện Khoa học Đông Dương.	322
230	Arrêté du 29 janvier 1919 du Gouverneur général de l'Indochine relatif à l'administration de la Flotte indochinoise. Nghị định ngày 29 tháng 01 năm 1919 của Toàn quyền Đông Dương liên quan đến việc Hội đồng quản trị Hạm đội Đông Dương.	324
231	Arrêté du 20 mai 1919 du Gouverneur général de l'Indochine instituant près du Gouverneur général de l'Indochine une Inspection générale permanente des Services Vétérinaire, Zootechnique et des Epizooties de l'Indochine.	326

	Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1919 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Tổng Thanh tra thường trực các Sở Thú y, Chăn nuôi và Dịch động vật ở Đông Dương bên cạnh Toàn quyền.	
232	Décret du 29 juin 1919 du Président de la République française réorganisant l'Administration centrale du ministère des Colonies. Sắc lệnh ngày 29 tháng 6 năm 1919 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại cơ quan trung ương Bộ Thuộc địa.	327
233	Décret du 31 octobre 1919 du Président de la République française portant réorganisation de la Gendarmerie de l'Indochine (promulgué le 4 février 1920). Sắc lệnh ngày 31 tháng 10 năm 1919 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Đội Hiến binh Đông Dương (ban hành ngày 04 tháng 02 năm 1920).	328
234	Décret du 2 mai 1920 du Président de la République française portant création d'un poste de directeur de la Direction de l'Instruction publique en Indochine. Sắc lệnh ngày 02 tháng 5 năm 1920 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc lập chức vụ Giám đốc Nha Học chính Đông Dương.	330
235	Arrêté du 1eraoût 1920 du Ministre des Colonies déterminant les attributions des Direction, Service et Inspections générales du ministère des Colonies. Nghị định ngày 01 tháng 8 năm 1920 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa quy định quyền hạn của các đơn vị thuộc Bộ Thuộc địa.	331

236	Arrêté du 16 septembre 1920 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions de la Direction de l'Instruction publique en Indochine. Nghị định ngày 16 tháng 9 năm 1920 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức và nhiệm vụ của Nha Học chính Đông Dương.	334
237	Décret du 28 septembre 1920 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies. Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.	335
238	Arrêté du 31 octobre 1920 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune de Da Lat la circonscription autonome du plateau de Lang-bian. Nghị định ngày 31 tháng 10 năm 1920 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng cấp khu vực tự trị Langbian (cao nguyên Lâm Viên) lên thành Thành phố Đà Lạt.	340
239	Arrêté du 20 novembre 1920 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 16 septembre 1920 fixant les attributions de la Direction de l'Instruction publique en Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 11 năm 1920 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 16 tháng 9 năm 1920 quy định quyền hạn của Nha Học chính Đông Dương.	342
240	Arrêté du 25 mai 1921 du Gouverneur général de l'Indochine supprimant le Service général du Ravitaillement et Transports maritimes.	343

	Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Nha Tiếp tế và Vận tải biển.	
241	Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les règles communes applicables aux fonctionnaires des services locaux de l'Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương về các quy định chung áp dụng đối với viên chức các Sở địa phương của Đông Dương.	343
242	Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des services agricoles en Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các Sở Nông nghiệp ở Đông Dương.	350
243	Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des services des Archives et Bibliothèques de l' Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các cơ quan lưu trữ và thư viện ở Đông Dương.	351
244	Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des services de l'Assistance médicale de l' Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các cơ quan y tế ở Đông Dương.	352
245	Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps du Service du Cadastre et de la Topographie de l' Indochine.	353

	Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức Nha Địa chính và Đạc đồ Đông Dương.	
246	Arrêté du 20 juin 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les statuts des corps des services commerciaux en Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định quy chế công chức các cơ quan thương mại ở Đông Dương.	355
247	Arrêté du 4 juillet 1921 du Gouverneur général de l'Indochine instituant une Direction des Services économiques de l'Indochine. Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương thành lập Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương.	355
248	Arrêté du 4 juillet 1921 du Gouverneur général de l'Indochine fixant l'organisation et les attributions de la Direction des Services économiques de l'Indochine. Nghị định ngày 04 tháng 7 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Ban Chỉ đạo các cơ quan kinh tế Đông Dương.	356
249	Décret du 6 septembre 1921 du Président de la République française portant réorganisation des Conseils du Contentieux administratif de l'Indochine (promulgué le 7 février 1922). Sắc lệnh ngày 06 tháng 9 năm 1921 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại các Hội đồng Tài phán hành chính tại Đông Dương (ban hành ngày 07 tháng 02 năm 1922).	357

250	Arrêté du 17 octobre 1921 du Gouverneur général de l'Indochine portant rétablissement de la province Phu Yen (Annam). Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1921 của Toàn quyền Đông Dương về việc tái lập tỉnh Phú Yên (Trung Kì).	358
251	Arrêté du 10 février 1922 du Gouverneur général de l'Indochine portant création au Gouvernement général d'une Direction des Affaires politiques et de la Sûreté générale. Nghị định ngày 10 tháng 02 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và an ninh tại Phủ Toàn quyền.	358
252	Arrêté du 16 février 1922 du Gouverneur général de l'Indochine rattachant le service des Archives et des Bibliothèques à l'Instruction publique. Nghị định ngày 16 tháng 02 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập cơ quan Lưu trữ và Thư viện vào Nha Học chính.	359
253	Arrêté du 16 février 1922 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du centre administratif de Nho Quan (Tonkin). Nghị định ngày 16 tháng 02 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ trung tâm hành chính Nho Quan (Bắc Kì).	359
254	Décret du 9 juin 1922 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil colonial de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.	360

255	Arrêté du 5 juillet 1922 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en province la circonscription de Phan Rang. Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1922 của Toàn quyền Đông Dương quyết định nâng khu vực Phan Rang thành tỉnh.	369
256	Arrêté du 2 septembre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant celui du 19 mars 1913 portant réorganisation de la Chambre de Consultative indigène au Tonkin et des Conseils provinciaux de notables indigènes. Nghị định ngày 02 tháng 9 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 19 tháng 3 năm 1913 về việc tổ chức lại Phòng Tư vấn bản xứ Bắc Kì và các hội đồng kì hào bản xứ cấp tỉnh.	369
257	Arrêté du 17 octobre 1922 du Gouverneur général p.i. de l'Indochine modifiant l'organisation intérieure de la Direction des Affaires politiques et de la Sûreté générale et du Service du Personnel au Gouvernement général. Nghị định ngày 17 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi bộ máy tổ chức bên trong Ban Chỉ đạo các công việc chính trị và An ninh trung ương và Phòng Nhân sự Phủ Toàn quyền.	370
258	Arrêté du 27 octobre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant réorganisation de la Chambre de Commerce du Tonkin. Nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Phòng Thương mại Bắc Kì.	373

259	Arrêté du 27 octobre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant suppression du centre administratif de Phat Diem. Nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ trung tâm hành chính Phát Diệm.	378
260	Arrêté du 31 octobre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine déterminant les attributions du chef des Services agricoles en Cochinchine. Nghị định ngày 31 tháng 10 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Chánh Sở Canh nông Nam Kì.	378
261	Arrêté du 9 novembre 1922 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant rétablissement de la Direction du Cabinet du Gouverneur général. Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1922 của quyền Toàn quyền Đông Dương khôi phục Ban Chỉ đạo Văn phòng Phủ Toàn quyền.	379
262	Décret du 16 février 1923 du Président de la République française fixant le Service de la Gendarmerie détachée aux colonies. Sắc lệnh ngày 16 tháng 02 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định hoạt động của Sở Hiến binh biệt phái tại các thuộc địa.	379
263	Arrêté du 22 mars 1923 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant les dispositions des articles de l'arrêté du 9 novembre 1921 relatives à l'organisation des services généraux de la Directions des Services économiques.	385

	Nghị định ngày 22 tháng 3 năm 1923 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quy định tại các điều trong Nghị định ngày 09 tháng 11 năm 1921 về việc tổ chức các cơ quan trung ương thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế.	
264	Décret du 1er juin 1923 du Président de la République française portant réorganisation du Service de la Trésorerie de l'Indochine et fixant le statut des trésoriers de cette colonie. Sắc lệnh ngày 01 tháng 6 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương và quy định quy chế nhân viên ngân khố tại thuộc địa này	386
265	Arrêté du 2 juillet 1923 du Gouverneur général p.i de l'Indochine érigeant en province moï de Darlac le centre administratif de Darlac Nghị định ngày 02 tháng 7 năm 1923 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc lập trung tâm hành chính Đắc Lắc thành tỉnh Đắc Lắc.	388
266	Arrêté du 6 septembre 1923 du Gouverneur général de l'Indochine plaçant le centre administratif de M'Drack sous l'autorité politique et administrative du Résident de France au Darlac (Annam). Nghị định ngày 06 tháng 9 năm 1923 của Toàn quyền Đông Dương đặt trung tâm hành chính M'Đrắk dưới quyền của Công sứ Pháp tại Đắc Lắc (Trung Kì) về phương diện chính trị và hành chính.	388
267	Décret du 20 octobre 1923 du Président de la République française complétant l'article 11 du décret du 28 septembre 1920 réorganisant le Conseil supérieur des colonies.	389

	Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ sung điều 11 của Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.	
268	Arrêté du 8 novembre 1923 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service de la Police sanitaire maritime au Tonkin. Nghị định ngày 08 tháng 11 năm 1923 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức cơ quan Cảnh sát Y tế biển Bắc Kì.	389
269	Décret du 11 décembre 1923 du Président de la République française modifiant le décret du 9 juin 1922 portant réorganisation du Conseil colonial de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 11 tháng 12 năm 1923 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.	393
270	Arrêté du 22 décembre 1923 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les attributions des 2è, 3è bureaux du Service du Personnel du Gouvernement général. Nghị định ngày 22 tháng 12 năm 1923 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quyền hạn của các phòng 2 và 3 của Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền.	394
271	Arrêté du 29 février 1924 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant les circonscriptions de Go Cong, Sa Dec et Ha Tien en provinces. Nghị định ngày 29 tháng 02 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương quyết định lập các khu Gò Công, Sa Đéc và Hà Tiên thành tỉnh.	394

272	Arrêté du 15 mars 1924 du Gouverneur général de l'Indochine groupant les provinces de l'Annam en 5 secteurs vétérinaires. Nghị định ngày 15 tháng 3 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương quyết định tập hợp các tỉnh Trung Kì thành 5 hạt thú y.	395
273	Arrêté du 15 avril 1924 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la Direction des Affaires Economiques. Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế.	395
274	Arrêté du 15 avril 1924 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de l'Inspection générale de l'Agriculture, de l'Elevage et des Forêts de l'Indochine. Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Tổng Thanh tra Nông, Lâm và Chăn nuôi Đông Dương.	397
275	Arrêté du 15 avril 1924 du Gouverneur général de l'Indochine portant institution dans chaque pays de l'Union indochinoise d'un chef local du Service de l'Enseignement Nghị định ngày 15 tháng 4 năm 1924 của Toàn quyền Đông Dương về việc lập chức Giám đốc Sở Học chính địa phương tại mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương.	398
276	Arrêté du 8 avril 1925 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de l'Inspection générale et des circonscriptions des travaux publics en Indochine.	399

	Nghị định ngày 08 tháng 4 năm 1925 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Nha Tổng Thanh tra Công chính và các Khu Công chính ở Đông Dương.	
277	Arrêté du 24 mai 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un centre administratif de Pleiku, province de Kontum. Nghị định ngày 24 tháng 5 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Pleiku, tỉnh Kon Tum.	405
278	Arrêté du 30 juillet 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un 5è bureau à la Direction des Finances. Nghị định ngày 30 tháng 7 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập văn phòng 5 tại Nha Tài chính.	405
279	Arrêté du 7 septembre 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un centre administratif de Vu Ban, province de Hoa Binh. Nghị định ngày 07 tháng 9 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Vụ Bản, tỉnh Hoà Bình.	407
280	Arrêté du 23 septembre 1925 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'une circonscription administrative au centre de Cao Lanh. Nghị định ngày 23 tháng 9 năm 1925 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một khu hành chính tại trung tâm Cao Lãnh.	407

281	Décret du 6 octobre 1925 du Président de la République française modifiant le décret du 28 septembre 1920 portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies. Sắc lệnh ngày 06 tháng 10 năm 1925 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 28 tháng 9 năm 1920 về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.	408
282	Arrêté du 28 novembre 1925 du Gouverneur général de l'Indochine complétant l'article 4 de l'arrêté du 11 février 1918 portant réorganisation de la Direction des Finances. Nghị định ngày 28 tháng 11 năm 1925 của Toàn quyền Đông Dương bổ sung điều 4 của Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 quyết định tổ chức lại Nha Tài chính.	409
283	Décret du 2 décembre 1925 du Président de la République française modifiant la situation et les attributions du Secrétariat général du Gouvernement général de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 02 tháng 12 năm 1925 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần và quyền hạn của Phủ Phó Toàn quyền Đông Dương.	410
284	Arrêté du 24 février 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 1er de l'Ordonnance royale du 19 avril 1920 instituant une Chambre consultative indigène en Annam. Nghị định ngày 24 tháng 02 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 1 của Đạo dụ ngày 19 tháng 4 năm 1920 về việc thành lập Phòng Tư vấn bản xứ Trung Kì.	411

285	Arrêté du 12 avril 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 11 février 1918 portant organisation de la Direction des Finances. Nghị định ngày 12 tháng 4 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 11 tháng 02 năm 1918 về việc tổ chức Nha Tài chính.	411
286	Arrêté du 30 avril 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une Inspection du Travail au Tonkin. Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Thanh tra Lao động Bắc Kì.	412
287	Arrêté du 12 juin 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation des services et bureaux de la Direction de l'Instruction publique de l'Indochine. Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương quyết định tổ chức lại các phòng, đơn vị của Nha Học chính Đông Dương.	413
288	Arrêté du 7 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service Vétérinaire du Tonkin. Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương quyết định tổ chức lại Sở Thú y Bắc Kì.	416
289	Décret du 8 juillet 1926 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil de Gouvernement de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 08 tháng 7 năm 1926 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi thành phần Hội đồng Chính phủ Đông Dương.	419

290	Arrêté du 20 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 9 août 1922 réorganisant la Chambre de Commerce de Saïgon. Nghị định ngày 20 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 09 tháng 8 năm 1922 về việc tổ chức lại Phòng Thương mại Sài Gòn.	419
291	Arrêté du 20 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 30 octobre 1925 instituant une Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture à Vinh. Nghị định ngày 20 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1925 về việc thành lập Phòng hỗn hợp Thương mại và Canh nông tại Vinh.	420
292	Arrêté du 30 juillet 1926 du Gouverneur général de l'Indochine portant constitution et administration de la commune de Da Lat. Nghị định ngày 30 tháng 7 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập và quản lí thành phố Đà Lạt.	420
293	Arrêté du 20 août 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 15 de l'ordonnance royale du 19 avril 1920 relative à la Chambre des Représentants du Peuple de l'Annam. Nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 15 của Dụ ngày 19 tháng 4 năm 1920 liên quan đến Viện Dân biểu Trung Kì.	427
294	Arrêté du 4 septembre 1926 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 26 de l'arrêté du 30 octobre 1925 instituant une Chambre d'Agriculture du Tonkin.	428

	Nghị định ngày 04 tháng 9 năm 1926 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 26 của Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1925 về việc thành lập Phòng Canh nông Bắc Kì.	
295	Arrêté du 9 décembre 1926 du Gouverneur général p.i de l'Indochine fixant les attributions des bureaux du Service du Personnel du Gouvernemenet général. Nghị định ngày 09 tháng 12 năm 1926 của quyền Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của các phòng thuộc Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền.	428
296	Arrêté du 12 février 1927 du Gouverneur général p.i de l'Indochine modifiant l'article 17 de l'arrêté du 27 octobre 1922 portant organisation de la Chambre de Commerce de Saïgon. Nghị định ngày 12 tháng 02 năm 1927 của quyền Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 17 của Nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1922 về việc tổ chức Phòng Thương mại Sài Gòn.	429
297	Décret du 5 mars 1927 du Président de la République française déterminant les pouvoirs des Gouverneurs des colonies en ce qui concerne l'administration de la justice. Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1927 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quy định quyền hạn về quản lí tư pháp của Toàn quyền tại các thuộc địa.	430
298	Arrêté du 25 mai 1927 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Gouvernement général un Service des Affaires extérieures. Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Ngoại vụ tại Phủ Toàn quyền.	431

299	Arrêté du 25 mai 1927 du Gouverneur général de l'Indochine créant au Gouvernement général un Service des Affaires indigènes. Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công việc bản xứ tại Phủ Toàn quyền.	432
300	Arrêté du 25 mai 1927 du Gouverneur général de l'Indochine rattachant les deux Services des Affaires extérieures et des Affaires indigènes à la Direction du Cabinet qui prend le titre de "Direction du Cabinet et des Affaires politiques". Nghị định ngày 25 tháng 5 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Sở Ngoại vụ và Ban Chỉ đạo các công việc bản xứ vào Ban Chỉ đạo Văn phòng, mang tên là "Ban Chỉ đạo Văn phòng và các công việc về chính trị".	432
301	Arrêté du 10 juin 1927 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une Inspection du Travail en Annam. Nghị định ngày 10 tháng 6 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Ban Thanh tra Lao động tại Trung Kì.	433
302	Arrêté du 22 septembre 1927 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression de la Direction des Affaires économiques de l'Indochine. Nghị định ngày 22 tháng 9 năm 1927 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế Đông Dương.	433

303	Décret du 3 décembre 1927 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies. Sắc lệnh ngày 03 tháng 12 năm 1927 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.	434
304	Décret du 22 septembre 1928 du Président de la République française portant réorganisation de la Trésorerie de l'Indochine et fixant le statut des Trésoriers de cette colonie. Sắc lệnh ngày 22 tháng 9 năm 1928 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Nha Ngân khố Đông Dương và quy định quy chế liên quan đến các Giám đốc Sở Ngân khố tại thuộc địa.	439
305	Décret du 4 novembre 1928 du Président de la République française portant création d'un Grand Conseil des intérêts économiques et financiers en Indochine (promulgué le 22 décembre 1928). Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1928 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Đại Hội đồng Lợi ích Kinh tế và Tài chính Đông Dương (ban hành ngày 22 tháng 12 năm 1928).	441
306	Décret du 4 novembre 1928 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil de Gouvernement de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 04 tháng 11 năm 1928 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Chính phủ Đông Dương.	446

307	Arrêté du 18 décembre 1928 du Gouverneur général p.i de l'Indochine érigeant en communes les centres urbains de Baclieu, Cantho et Rachgia (Cochinchine). Nghị định ngày 18 tháng 12 năm 1928 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp các trung tâm đô thị Bạc Liêu, Cần Thơ và Rạch Giá (Nam Kì) lên thành thành phố.	448
308	Décret du 23 janvier 1929 du Président de la République française portant réorganisation du Conseil supérieur des Colonies (promulgué le 29 mars 1929). Sắc lệnh ngày 23 tháng 01 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa (ban hành ngày 29 tháng 3 năm 1929).	450
309	Arrêté du 1er février 1929 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 10 juillet 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture de la Cochinchine. Nghị định ngày 01 tháng 02 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 10 tháng 7 năm 1925 về việc tổ chức lại Phòng Canh nông Nam Kì.	454
310	Décret du 8 février 1929 du Président de la République française complétant l'article 2 du décret du 27 mai 1922 portant réorganisation des Chambres de Commerce en Indochine. Sắc lệnh ngày 08 tháng 02 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp bổ sung điều 2 của Sắc lệnh ngày 27 tháng 5 năm 1922 về việc tổ chức lại các Phòng Thương mại Đông Dương.	456

311	Décret du 29 avril 1929 du Président de la République française portant création d'un Service Météologique colonial. Sắc lệnh ngày 29 tháng 4 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc thành lập Sở Khí tượng thuộc địa.	456
312	Arrêté du 30 avril 1929 du Gouverneur général de l'Indochine détachant le territoire du canton de Vung Tau de la province de Baria et l'érigeant en circonscription autonome sous le nom de "province du Cap Saint-Jacques". Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách tổng Vũng Tàu khỏi tỉnh Bà Rịa và nâng cấp thành khu tự trị mang tên "tỉnh Cap Saint-Jacques" (tỉnh Vũng Tàu).	460
313	Arrêté du 31 mai 1929 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune la ville de Thanh Hoa et portant organisation administrative et financière de ladite commune. Nghị định ngày 31 tháng 5 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng Thanh Hoá lên thành thành phố và về tổ chức hành chính cũng như tài chính của thành phố này.	460
314	Arrêté du 5 juin 1929 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du 5è Bureau de la Direction des Finances. Nghị định ngày 05 tháng 6 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của phòng 5 của Nha Tài chính.	465

315	Décret du 29 juin 1929 du Président de la République française portant modification du décret du 9 juin 1922 réorganisant le Conseil colonial de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 29 tháng 6 năm 1929 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.	466
316	Arrêté du 26 août 1929 du Gouvernement général de l'Indochine portant organisation de l'Inspection générale des Mines et de l'Industrie. Nghị định ngày 26 tháng 8 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ.	468
317	Arrêté du 3 octobre 1929 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un 6è bureau à la Direction des Finances. Nghị định ngày 03 tháng 10 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập phòng 6 của Nha Tài chính.	472
318	Arrêté du 12 décembre 1929 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune le centre urbain de Hué et portant organisation administrative et financière de la nouvelle commune. Nghị định ngày 12 tháng 12 năm 1929 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp trung tâm đô thị Huế lên thành thành phố và về tổ chức hành chính cũng như tài chính của thành phố này.	472
319	Arrêté du 14 février 1930 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service des Affaires économique du Gouvernement général.	476

	Nghị định ngày 14 tháng 02 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Ban Chỉ đạo các công việc về kinh tế của Phủ Toàn quyền.	
320	Arrêté du 20 mars 1930 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attribitions du Directeur des Finances de l'Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 3 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Giám đốc Nha Tài chính Đông Dương.	477
321	Arrêté du 30 avril 1930 du Gouverneur général de l'Indochine érigeant en commune la ville de Qui Nhon (Annam). Nghị định ngày 30 tháng 4 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp Qui Nhơn lên thành thành phố.	480
322	Arrêté du 22 mai 1930 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif de Hongay, province de Quang Yên. Nghị định ngày 22 tháng 5 năm 1930 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập trung tâm hành chính Hòn Gai, tỉnh Quảng Yên.	483
323	Décret du 14 août 1930 du Président de la République française relatif à la réorganisation du Conseil supérieur des Colonies. Sắc lệnh ngày 14 tháng 8 năm 1930 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức lại Hội đồng Tối cao thuộc địa.	483
324	Décret du 19 août 1930 du Président de la République française relatif à l'organisation des Conseils de province en Cochinchine.	484

	Sắc lệnh ngày 19 tháng 8 năm 1930 của Tổng thống Cộng hoà Pháp về việc tổ chức các Hội đồng hàng tỉnh tại Nam Kì.	
325	Arrêté du 20 janvier 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant le Service municipal d'Hygiène de la ville de Cholon. Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Vệ sinh thành phố Chợ Lớn.	485
326	Arrêté du 20 janvier 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant réorganisation de la municipalité de Tourane. Nghị định ngày 20 tháng 01 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Thành phố Đà Nẵng.	488
327	Décret du 27 avril 1931 du Président de la République française érigeant les communes de Sai Gon et de Cho Lon en une unité administrative autonome sous la dénomination de "Région de Sai Gon-Cholon" (promulgué le 18 juin 1931). Sắc lệnh ngày 27 tháng 4 năm 1931 của Tổng thống Cộng hoà Pháp quyết định nâng cấp hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn lên thành một đơn vị hành chính tự trị mang tên "Khu Sài Gòn - Chợ Lớn" (ban hành ngày 18 tháng 6 năm 1931).	492
328	Arrêté du 29 avril 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant une délégation administrative dans la province de Nghê An. Nghị định ngày 29 tháng 4 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một đại lí hành chính tại tỉnh Nghệ An.	495

329	Arrêté du 29 avril 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant 2 délégations administratives dans la province de Ha Tinh. Nghị định ngày 29 tháng 4 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập 2 đại lí hành chính tại tỉnh Hà Tĩnh.	495
330	Arrêté du 29 avril 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine créant deux délégations administratives dans la province de Quang Ngai. Nghị định ngày 29 tháng 4 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập hai đại lí hành chính tại tỉnh Quảng Ngãi.	496
331	Arrêté du 29 mai 1931 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant réorganisation des bureaux de la Direction de l'Intruction publique. Nghị định ngày 29 tháng 5 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại các phòng ban thuộc Nha Học chính Đông Dương.	496
332	Décret du 27 juin 1931 du Président de la République française modifiant le décret du 5 mars 1889 organisant les Conseils de province en Cochichine. Sắc lệnh ngày 27 tháng 6 năm 1931 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 05 tháng 3 năm 1889 về việc tổ chức các Hội đồng hàng tỉnh tại Nam Kì.	500
333	Décret du 4 juillet 1931 du Président de la République française modifiant le décret du 9 juin 1922 portant réorganisation du Conseil colonial de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 04 tháng 7 năm 1931 của Tổng thống Cộng hoà Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về việc tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.	501

334	Arrêté du 7 juillet 1931 du Gouverneur général de l'Indochine créant 2 délégations administratives dans la province de Nghe An (Annam). Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập 2 đại lí hành chính tại tỉnh Nghệ An (Trung Kì).	503
335	Arrêté du 7 juillet 1931 du Gouverneur général de l'Indochine créant 2 délégations administratives dans la province de Ha Tinh (Annam). Nghị định ngày 07 tháng 7 năm 1931 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập 2 đại lí hành chính tại tỉnh Hà Tĩnh (Trung Kì).	504
336	Arrêté du 14 décembre 1931 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 10 juillet 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture de la Cochinchine. Nghị định ngày 14 tháng 12 năm 1931 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 của Nghị định ngày 10 tháng 7 năm 1925 về tổ chức lại Phòng Canh nông Nam Kì.	504
337	Décret du 6 janvier 1932 du Président de la République française modifiant la composition du Conseil coloniale de la Cochinchine. Sắc lệnh ngày 06tháng 01 năm 1932 của Tổng thống Cộng hòa Pháp thay đổi thành phần Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.	505
338	Arrêté du 30 mars 1932 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une délégation administrative dans la province de Darlac.	505

	Nghị định ngày 30 tháng 3 năm 1932 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một đại lí hành chính tại tỉnh Đắc Lắc.	
339	Arrêté du 24 mai 1932 du Gouverneur général de l'Indochine créant une nouvelle province Moï sur le territoire de la province Kontum. Nghị định ngày 24 tháng 5 năm 1932 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một tỉnh mới của người Mọi (người Thượng) trên địa phận tỉnh Kon Tum.	506
340	Arrêté du 20 mai 1933 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les articles 5, 7 et 8 de l'arrêté du 10 juillet 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture de la Cochinchine. Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1933 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi các điều 5, 7 và 8 của Nghị định ban hành ngày 10 tháng 7 năm 1925 về tổ chức lại Phòng Canh nông Nam Kì.	506
341	Arrêté du 20 mai 1933 du Gouverneur général de l'Indochine abrogeant l'article 7 et modifiant les articles 6, 9 et 10 de l'arrêté du 30 octobre 1925 portant réorganisation de la Chambre d'Agriculture du Tonkin. Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1933 của Toàn quyền Đông Dương quyết định bãi bỏ điều 7 và sửa đổi các điều 6, 9 và 10 của Nghị định ban hành ngày 30 tháng 10 năm 1925 về tổ chức lại Phòng Canh nông Bắc Kì.	507
342	Arrêté du 20 mai 1933 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les articles 8 et 9 de l'arrêté du 11 mai 1923 réorganisant de la Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture de Tourane.	508

	Nghị định ngày 20 tháng 5 năm 1933 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi các điều 8 và 9 của Nghị định ban hành ngày 11 tháng 5 năm 1923 về tổ chức lại Phòng hỗn hợp Thương mại và Nông nghiệp Đà Nẵng.	
343	Arrêté du 7 mai 1934 du Gouverneur général de l'Indochine supprimant la délégation administrative de Son - Tinh, province de Quang-ngai. Nghị định ngày 07 tháng 5 năm 1934 của Toàn quyền Đông Dương quyết định bãi bỏ đại lí hành chính Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.	510
344	Arrêté du 30 juin 1934 du Gouverneur général de l'Indochine créant une délégation administrative à Muong Te. Nghị định ngày 30 tháng 6 năm 1934 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập một đại lí hành chính ở Mường Tè.	510
345	Décret du 23 août 1934 du Président de la République française modifiant l'article 55 du décret du 27 mai 1922 portant réorganisation des Chambres de Commerce en Indochine. Sắc lệnh ngày 23 tháng 8 năm 1934 của Tổng thống Cộng hòa Pháp sửa đổi điều 55 của Sắc lệnh ngày 27 tháng 5 năm 1922 quy định tổ chức lại các Phòng Thương mại ở Đông Dương.	511
346	Arrêté du 28 décembre 1934 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service des Travaux Publics en Indochine. Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại cơ quan Công chính ở Đông Dương.	512

347	Décret du 29 mars 1935 du Président de la République française concernant l'organisation des Conseils de Défense aux colonies. Sắc lệnh ngày 29 tháng 3 năm 1935 của Tổng thống Cộng hòa Pháp quy định cơ cấu tổ chức của các Hội đồng Phòng thủ ở thuộc địa.	519
348	Arrêté du 8 avril 1935 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant les attributions des 1er et 5è bureaux de la Direction des Affaires économiques et administratives du Gouvernement général. Nghị định ngày 08 tháng 4 năm 1935 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi quyền hạn của phòng 1 và phòng 5 của Ban Chỉ đạo các công việc kinh tế và hành chính thuộc Phủ Toàn quyền.	521
349	Arrêté du 22 mai 1935 du Gouverneur de la Cochinchine portant création dans la province de Bac Liêu de deux postes administratifs rattachés à la délégation de Camau. Nghị định ngày 22 tháng 5 năm 1935 của Thống đốc Nam Kì về thành lập hai đạo hành chính trực thuộc đại lí Cà Mau tại tỉnh Bạc Liêu.	522
350	Décret du 23 mai 1936 du Président de la République française relatif à l'organisation de la Direction de la Police et de la Sûreté générale de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 23 tháng 5 năm 1936 của Tổng thống Cộng hòa Pháp về tổ chức của Sở Cảnh sát và An ninh Đông Dương.	523
351	Décret du 1er septembre 1936 du Président de la République française modifiant l'article 22 du décret du 9 juin 1922 portant réorganisation du Conseil colonial de Cochinchine.	523

	Sắc lệnh ngày 01 tháng 9 năm 1936 của Tổng thống Cộng hòa Pháp sửa đổi điều 22 của Sắc lệnh ngày 09 tháng 6 năm 1922 về tổ chức lại Hội đồng Thuộc địa Nam Kì.	
352	Décret du 24 août 1937 du Président de la République française instituant au Gouvernement général de l'Indochine une "Direction des Services économiques de l'Indochine". Sắc lệnh ngày 24 tháng 8 năm 1937 của Tổng thống Cộng hòa Pháp quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế toàn Đông Dương thuộc Phủ Toàn quyền.	524
353	Arrêté du 20 octobre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Services économiques de l'Indochine. Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế Đông Dương.	524
354	Arrêté du 20 octobre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de la Direction des Affaires politiques. Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Ban Chỉ đạo các công việc chính trị.	528
355	Arrêté du 20 octobre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine instituant à la Direction des Services économiques un Service de l'Inspection générale de l'Agriculture, de l'Elevage et des Forêts. Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Tổng	530

	Thanh tra Nông - Lâm nghiệp và Chăn nuôi thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế toàn Đông Dương.	
356	Arrêté du 23 novembre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de l'Inspection générale du Travail et de Prévoyance sociale. Nghị định ngày 23 tháng 11 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Tổng Thanh tra Lao động và Tương tế xã hội.	532
357	Arrêté du 28 décembre 1937 du Gouverneur général de l'Indochine instituant auprès du Gouverneur général un Conseil supérieur de la colonisation. Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1937 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Hội đồng Khai thác thuộc địa tối cao bên cạnh Toàn quyền.	534
358	Arrêté du 20 avril 1938 du Gouverneur de l'Indochine portant réorganisation de la Direction du Personnel au Gouvernement général. Nghị định ngày 20 tháng 4 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương quy định tổ chức lại Ban Nhân sự Phủ Toàn quyền.	536
359	Arrêté du 9 août 1938 du Gouverneur de l'Indochine instituant un Commissarriat de Police de Sûreté pour le Centre Annam. Nghị định ngày 09 tháng 8 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Cảnh sát an ninh miền Trung - Trung Kì.	538
360	Arrêté n° 53714/Cab-P du 16 novembre 1938 du Résident supérieur du Tonkin fixant l'organisation et les attributions du Cabinet et des bureaux de la Résidence supérieure du Tonkin.	539

	Nghị định số 53714/Cab-P ngày 16 tháng 11 năm 1938 của Thống sứ Bắc Kì quy định tổ chức và quyền hạn của văn phòng và các phòng ban của Phủ Thống sứ Bắc Kì.	
361	Arrêté du 16 décembre 1938 du Gouverneur général de l'Indochine portant érection en commune mixte du chef-lieu de la province de My Tho. Nghị định ngày 16 tháng 12 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương về việc nâng cấp tỉnh lị của tỉnh Mỹ Tho lên thành thành phố hỗn hợp.	540
362	Arrêté du 21 décembre 1938 du Gouverneur général de l'Indochine modiffiant l'article 6 de l'arrêté du 20 octobre 1937 instituant à la Direction des Services économiques un Service de l'Inspection générale de l'Agriculture, de l'Elevage et des Forêts. Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 6 của Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 quyết định thành lập Tổng Thanh tra Nông - Lâm nghiệp và Chăn nuôi thuộc Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế toàn Đông Dương.	540
363	Arrêté du 21 décembre1938 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation du Service des Contributions directes. Nghị định ngày 21 tháng 12 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức Sở Thuế trực thu.	541
364	Arrêté du 27 décembre 1938 Résident Supérieur en Annam portant organisation du Service du Cadastre de l'Annam.	542

	Nghị định ngày 27 tháng 12 năm 1938 của Khâm sứ Trung Kì quy định cơ cấu tổ chức Sở Địa chính Trung Kì.	
365	Décret du 27 décembre 1938 du Président de la République française portant création en Indochine d'une Inspection générale des Mines et de l'Industrie. Sắc lệnh ngày 27 tháng 12 năm 1938 của Tổng thống Cộng hòa Pháp quyết định thành lập Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ toàn Đông Dương.	543
366	Arrêté du 9 janvier 1939 du Gouverneur général portant organisation de la Direction de l'Instruction publique. Nghị định ngày 09 tháng 01 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức của Nha Học chính.	544
367	Arrêté du 23 février 1939 du Gouverneur général modifiant l'article 16 et 22 du 28 décembre 1934 portant réorganisation du Service des Travaux Publics de l'Indochine. Nghị định ngày 23 tháng 02 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 16 và 22 của Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 về tổ chức lại cơ quan Công chính ở Đông Dương.	547
368	Décret du 17 avril 1939 du Président de la République française modifiant le décret du 9 mai 1936 relatif à l'organisation général des Services des Travaux Publics et des Mines des colonies et au statut de ces Services. Sắc lệnh ngày 17 tháng 4 năm 1939 của Tổng thống Cộng hòa Pháp sửa đổi Sắc lệnh ngày 9 tháng 5 năm 1936 về tổ chức chung của các cơ quan Công chính và Hầm mỏ ở thuộc địa và điều lệ của các cơ quan này.	548

369	Arrêté du 13 mai 1939 du Gouverneur général modifiant l'article 3 de l'arrêté du 23 novembre 1937 portant organisation de l'Inspection générale du Travail et de la Prévoyance sociale. Nghị định ngày 13 tháng 5 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 3 Nghị định ngày 23 tháng 11 năm 1937 quy định cơ cấu tổ chức của Nha Tổng Thanh tra lao động và Tương tế xã hội.	548
370	Arrêté du 16 août 1939 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 2 de l'arrêté du 20 octobre 1937 portant organisation de la Direction des Services économiques. Nghị định ngày 16 tháng 8 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 2 Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1937 quy định về tổ chức của Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế toàn Đông Dương.	550
371	Arrêté du 17 août 1939 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation de l'Inspection générale des Mines et de l'Industrie. Nghị định ngày 17 tháng 8 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương về cơ cấu tổ chức Nha Tổng Thanh tra Hầm mỏ và Kĩ nghệ toàn Đông Dương.	552
372	Arrêté du 8 septembre 1939 du Gouverneur général p.i de l'Indochine portant création d'un Service du Ravitallement général. Nghị định ngày 08 tháng 9 năm 1939 của quyền Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Nha Tiếp tế.	555
373	Arrêté du 5 juillet 1940 du Gouverneur général de l'Indochine constituant à titre provisoire la province de Lang Son en territoire militaire.	560

	Nghị định ngày 05 tháng 7 năm 1940 của Toàn quyền Đông Dương về việc tạm thời lập tỉnh Lạng Sơn thành Đạo Quan binh.	
374	Arrêté du 18 juillet 1940 du Gouverneur général de l'Indochine constituant à titre provisoire la province de Lao Kay en territoire militaire. Nghị định ngày 18 tháng 7 năm 1940 của Toàn quyền Đông Dương về việc tạm thời lập tỉnh Lào Cai thành Đạo Quan binh.	561
375	Arrêté du 9 décembre 1940 du Gouverneur général portant création à l'Inspection générale des Travaux Publics de l'Indochine du Service central d'urbanisme et d'architecture. Nghị định ngày 09 tháng 12 năm 1940 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Sở Quy hoạch đô thị và Kiến thúc trung ương thuộc Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương.	561
376	Arrêté du 8 janvier 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la province Langbian. Nghị định ngày 08 tháng 01 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập tỉnh Langbian (Lâm Viên).	562
377	Arrêté du 23 janvier 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de l'Inscription maritime en Indochine. Nghị định ngày 23 tháng 01 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Sở Đăng kiểm hàng hải Đông Dương.	563

378	Arrêté du 10 mars 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant création au Gouvernement de la Cochinchine d'un bureau Militaire et de la Défense nationale. Nghị định ngày 10 tháng 3 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Phòng Quân sự và Quốc phòng thuộc Phủ Thống đốc Nam Kì.	563
379	Arrêté du 10 juin 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant création au Gouvernement général d'un Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse. Nghị định ngày 10 tháng 6 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí tại Phủ Toàn quyền Đông Dương.	564
380	Arrêté du 14 juin 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant l'organisation et les attributions du Cabinet militaire du Gouverneur général de l'Indochine. Nghị định ngày 14 tháng 6 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức và quyền hạn của Phòng Quân sự Phủ Toàn quyền Đông Dương.	565
381	Arrêté du 15 juin 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction des Services économiques de l'Indochine. Nghị định ngày 15 tháng 6 năm1941 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế toàn Đông Dương.	566
382	Arrêté du 6 décembre 1941 du Gouverneur général de l'Indochine portant organisation des délégations administratives indigènes en Cochinchine.	569

	Nghị định ngày 06 tháng 12 năm 1941 của Toàn quyền Đông Dương quy định cơ cấu tổ chức các đại lí hành chính bản xứ ở Nam Kì.	
383	Décret du 19 décembre 1941 du Maréchal de France en vertu duquel la région de Saigon-Cholon et les villes de Saigon et de Cholon constituent une unité administrative unique sous la dénomination de région de Saigon-Cholon (promulgué le 28 décembre 1941). Sắc lệnh ngày 19 tháng 12 năm 1941 của Thống chế Pháp về việc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và hai thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn sẽ trở thành một đơn vị hành chính duy nhất mang tên khu Sài Gòn - Chợ Lớn (ban hành ngày 28 tháng 12 năm 1941).	571
384	Décret du 6 janvier 1942 du Maréchal de France remplaçant par de dispositions nouvelles l'article 1^{cr} du décret du 20 octobre 1911 fixant la composition et attributions du Conseil de Gouvernement. Sắc lệnh ngày 06 tháng 01 năm 1942 của Thống chế Pháp thay điều 1 của Sắc lệnh ngày 20 tháng 10 năm 1911 bằng các quy định mới về thành phần và quyền hạn của Hội đồng Chính phủ.	572
385	Arrêté du 8 janvier 1942 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Gouvernement général. Nghị định ngày 08 tháng 01 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí thuộc Phủ Toàn quyền.	573

386	Arrêté du 13 avril 1942 du Gouverneur général de l'Indochine portant regroupement du Service de l'Enregistrement et du Service de le Propriété foncière de l'Indochine. Nghị định ngày 13 tháng 4 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương về hợp nhất Nha Trước bạ và Sở Ruộng đất Đông Dương.	575
387	Arrêté du 30 juin 1942 du Gouverneur général de l'Indochine instituant au Gouvernement général de l'Indochine une Direction de la Législation, de l'Administration général, du Contentieux et du Travail. Nghị định ngày 30 tháng 6 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Pháp chế, Hành chính tổng hợp, Tài phán và Lao động thuộc Phủ Toàn quyền.	580
388	Arrêté du 30 juin 1942 du Gouverneur général de l'Indochine rétablissant la Direction du Personnel au Gouvernement général. Nghị định ngày 30 tháng 6 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương về tái thành lập Ban Phụ trách nhân sự Phủ Toàn quyền.	582
389	Décret du 10 septembre 1942 du Maréchal de France portant réorganisation du Service des Eaux et Forêts aux Colonies (promulgué le 21 juin 1943). Sắc lệnh ngày 10 tháng 9 năm 1942 của Thống chế Pháp quy định tổ chức lại Sở Thủy Lâm ở thuộc địa (ban hành ngày 21 tháng 6 năm 1943).	584
390	Arrêté du 31 décembre 1942 du Gouverneur général de l'Indochine portant détachement de la province de Hadong des territoires nouvellement concédés à la	588

	France pour les ériger en circonscription indépendante placée sous l'autorité de l'Administrateur-Maire de Hanoï. Nghị định ngày 31 tháng 12 năm 1942 của Toàn quyền Đông Dương về việc tách khỏi tỉnh Hà Đông một số vùng mới được nhượng cho Pháp để nâng lên thành một khu độc lập đặt dưới quyền của Đốc lí Hà Nội.	
391	Arrêté du 23 mars 1943 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un Service économique local de la Cochinchine. Nghị định ngày 23 tháng 3 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Sở Kinh tế địa phương Nam Kì.	588
392	Arrêté du 23 mars 1943 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un Service économique local de l'Annam Nghị định ngày 23 tháng 3 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Sở Kinh tế địa phương Trung Kì.	589
393	Décret du 31 mai 1943 du Chef du Gouvernement portant création d'un Conseil fédéral mixte en Indochine. Sắc lệnh ngày 31 tháng 5 năm 1943 của người đứng đầu chính phủ quyết định thành lập Hội đồng Liên bang hỗn hợp Đông Dương.	590
394	Arrêté du 26 juillet 1943 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction des Services économiques de l'Indochine. Nghị định ngày 26 tháng 7 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Ban Chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu kinh tế toàn Đông Dương.	591

395	Arrêté du 18 novembre 1943 du Gouverneur général de l'Indochine instituant le Conseil des Recherches et Etudes historiques, juridiques et sociales. Nghị định ngày 18 tháng 11 năm 1943 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Hội đồng Sưu tầm và Nghiên cứu lịch sử, pháp lí và xã hội.	594
396	Arrêté du 17 mars 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation du Service de Chiffre au Gouvernement général. Nghị định ngày 17 tháng 3 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về tổ chức lại Ban Mật mã của Phủ Toàn quyền.	595
397	Arrêté du 20 mars 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'une Direction des Transports aériens. Nghị định ngày 20 tháng 3 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Không vận.	596
398	Arrêté du 19 avril 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant rattachement au Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse, du Service de la Presse et de la Propagande au Cabinet du Gouverneur général et du Service de la Censure au Gouvernement général. Nghị định ngày 19 tháng 4 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Sở Báo chí và Tuyên truyền thuộc Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương và Sở Kiểm duyệt Phủ Toàn quyền vào Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí.	597

399	Arrêté du 26 avril 1944 du Gouverneur général de l'Indochine instituant au Gouvernement général de l'Indochine une Direction des Affaires administratives. Nghị định ngày 26 tháng 4 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các công việc hành chính Phủ Toàn quyền.	597
400	Arrêté du 8 juin 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du Service de l'Aéronautique civile. Nghị định ngày 08 tháng 6 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Sở Hàng không dân sự.	601
401	Décret n° 2016 du 15 juillet 1944 du Chef du Gouvernement portant institution d'un Haut Conseil en Indochine (promulgué le 11 août 1944). Sắc lệnh số 2016 ngày 15 tháng 7 năm 1944 của Thủ tướng nước pháp về việc thành lập một Hội đồng Cấp cao Đông Dương (ban hành ngày 11 tháng 8 năm 1944).	601
402	Arrêté du 15 novembre 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant création de la Délégation administrative de Tuy Hoa (Phu Yen Annam). Nghị định ngày 15 tháng 11 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập Đại lí hành chính Tuy Hoà (Phú Yên, Trung Kì)	603
403	Arrêté du 29 décembre 1944 du Gouverneur général de l'Indochine portant création d'un centre administratif aux Gow Tow (Quang Yen) (Tonkin). Nghị định ngày 29 tháng 12 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập một trung tâm hành chính tại Cô Tô (Gow Tow - Quảng Yên - (Bắc Kì).	603

404	Décret du 21 février 1945 du Gouvernement provisoire de la République française instituant un Comité de l'Indochine. Sắc lệnh ngày 21 tháng 02 năm 1945 của Chính phủ lâm thời nước Cộng hoà Pháp về việc thành lập một Uỷ ban Đông Dương.	604
405	Arrêté du 10 avril 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression de la Direction du Service diplomatique et création du Service des Affaires politiques extérieures. Nghị định ngày 10 tháng 4 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Nha Giao tế và thành lập Sở Ngoại vụ.	604
406	Arrêté du 31 mai 1945 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 3 mars 1942 portant réorganisation du ServiceMétéorologique. Nghị định ngày 31 tháng 5 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 03 tháng 3 năm 1942 về việc tái tổ chức Nha Khí tượng.	605
407	Arrêté du 9 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant rattachement du Service local de la Cencure de la Presse du Tonkin au Service local de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Tonkin. Nghị định ngày 09 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sáp nhập Sở Kiểm duyệt báo chí Bắc Kì vào Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí Bắc Kì.	607
408	Arrêté du 12 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'arrêté du 10 juin 1941 portant création d'un Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Gouvernement général.	607

	Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi Nghị định ngày 10 tháng 6 năm 1941 về việc thành lập Sở Thông tin, Tuyên tuyền và Báo chí tại Phủ Toàn quyền.	
409	Arrêté du 12 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine fixant les attributions du Service de l'Information, de la Propagande et de la Presse au Gouvernement général. Nghị định ngày 12 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương quy định quyền hạn của Sở Thông tin, Tuyên truyền và Báo chí tại Phủ Toàn quyền.	608
410	Arrêté du 29 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant réorganisation de la Direction des Douanes et Régies. Nghị định ngày 29 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương về việc tổ chức lại Nha Thương chính và Độc quyền Đông Dương.	610
411	Arrêté du 29 juin 1945 du Gouverneur général de l'Indochine modifiant l'article 7 de l'arrêté du 28 décembre 1934 portant organisation du Service des Travaux publics. Nghị định ngày 29 tháng 6 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương sửa đổi điều 7 Nghị định ngày 28 tháng 12 năm 1934 về việc tổ chức cơ quan Công chính.	612
412	Arrêté du 28 juillet 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du Conseil fédéral mixte de l'Indochine. Nghị định ngày 28 tháng 7 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Hội đồng hỗn hợp Liên bang Đông Dương.	612

413	Arrêté du 2 août 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant suppression du Conseil de Gouvernement de l'Indochine. Nghị định ngày 02 tháng 8 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương xoá bỏ Hội đồng Chính phủ Đông Dương.	613
414	Décret du 17 août 1945 du Gouvernement provisoire de la République française portant création et fixant les attributions du Haut-Commissaire de France pour l'Indochine. Sắc lệnh ngày 17 tháng 8 năm 1945 của Chính phủ lâm thời nước Cộng hoà Pháp về việc lập và quy định quyền hạn của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương.	613
415	Arrêté général du 21 septembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine fixant les attributions du Conseiller financier. Nghị định chung ngày 21 tháng 9 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương quy định quyền hạn của Cố vấn Tài chính.	613
416	Arrêté général du 1er novembre 1945 du Gouverneur général de l'Indochine portant création et organisation d'un Conseil du Gouvernement Fédéral. Nghị định chung ngày 01 tháng 11 năm 1945 của Toàn quyền Đông Dương về việc thành lập và tổ chức Hội đồng Chính phủ liên bang.	614
417	Arrêté du 7 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création d'une Commission de Rapatriement. Nghị định ngày 07 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Hồi hương.	614

418	Arrêté du 8 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant organisation provisoire des Services financiers. Nghị định ngày 08 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tổ chức tạm thời các cơ quan tài chính.	615
419	Ordonnance fédérale du 20 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant organisation provisoire de la Justice en Indochine du Nord. Lệnh ngày 20 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tạm thời tổ chức quyền xét xử tại khu vực Bắc Đông Dương.	616
420	Arrêté du 26 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant substitution de l'appellation de Haut Commissariat de France pour l'Indochine à celle de Gouvernement général. Nghị định ngày 26 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương quyết định thay tên Phủ Toàn quyền bằng Phủ Cao uỷ Pháp tại Đông Dương.	617
421	Arrêté général du 27 novembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant réorganisation du Service de la Marine marchande en Indochine. Nghị định chung ngày 27 tháng 11 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tổ chức lại Nha Thượng mại Hàng hải tại Đông Dương.	617
422	Arrêté du 7 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création d'un Servicefédéral de l'Education physique et des Sports.	620

	Nghị định ngày 07 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Sở Thể dục Thể thao Liên bang.	
423	Arrêté du 8 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création du Comité central des Prix. Nghị định ngày 08 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Vật giá trung ương.	621
424	Arrêté du 8 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création du Comité des Approvisionnements de l'Indochine. Nghị định ngày 08 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập Uỷ ban Tiếp tế Đông Dương.	621
425	Arrêté du 10 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant création et organisation du Comité de Coordination et des Télécommunications de la Fédération Indochinoise (C.C.T.F.I). Nghị định ngày 10 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc thành lập và tổ chức Uỷ ban Điều phối và Viễn thông Liên bang Đông Dương.	622
426	Arrêté du 17 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine complétant l'art. 2 de l'arrêté du 1er novembre 1945 portant création et organisation d'un Conseil du Gouvernement Fédéral. Nghị định ngày 17 tháng 12 năm 1945 của Cao uỷ Pháp tại Đông Dương bổ sung điều 2 của Nghị định ngày 01 tháng 11 năm 1945 về việc thành lập và tổ chức Hội đồng Chính phủ liên bang.	623

427	Arrêté du 18 décembre 1945 du Haut Commissaire de France pour l'Indochine portant organisation du Secrétariat Permanent du Conseil du Gouvernement Fédéral. Nghị định ngày 18 tháng 12 năm 1945 của Phủ Cao uỷ Pháp tại Đông Dương về việc tổ chức Ban Thư kí thường trực Hội đồng Chính phủ liên bang.	624

PHỤ LỤC

* Một số tư liệu.....627
* Từ điển chú giải.....639
* Danh sách Tổng Tư lệnh, Tư lệnh, Thống đốc và Phó Thống đốc Nam Kì (1858-1895).....671
* Danh sách Thống sứ Bắc Kì từ 1886 đến 1945.....680
* Danh sách Tổng Trú sứ Trung - Bắc Kì (1884-1889).....684
* Danh sách Toàn quyền Đông Dương (1887-1948).....686
* Ảnh minh họa.....694

Index.....701

LƯU TRỮ VN

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I

TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN TRONG CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA Ở VIỆT NAM QUA TÀI LIỆU VÀ TƯ LIỆU LƯU TRỮ (1862 - 1945)



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI